

DANH SÁCH BỊ HẠI KÈM THEO THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ
SỐ 26527/TB-CSKT-P6 NGÀY 22/9/2026

Đơn vị tính: VND

STT (1)	MÃ KHÁCH (2)	HỌ VÀ TÊN (3)	ĐỊA CHỈ MỚI (4)	Giá trị đầu tư (bao gồm cả nộp mới và tái ký) (5)	ĐÃ NHẬN (6)	CÒN LẠI		
						Tổng cộng (7)	GÓC (8)	LÃI (9)
1	NNT19423	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	378,380,000	256,441,000	121,939,000	1,000	121,938,000
2	NNT10958	Nguyễn Thị Kim Anh	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	126,297,000	0	126,297,000	27,000	126,270,000
3	NNT11242	Phạm Thị Ánh	Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ	54,645,000	0	54,645,000	217,000	54,428,000
4	NNT21421	Trần Thị Thu Nga	Phường Ba Đình, Hà Nội	416,666,000	416,431,000	235,000	235,000	0
5	NNT22458	Lại Thị Thanh Loan	Xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	421,053,000	309,475,000	111,578,000	268,000	111,310,000
6	NNT15520	Nguyễn Thị Nga	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	413,477,000	150,000,000	263,477,000	283,950	263,193,050
7	NNT00741	Lê Duy Thắng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	118,381,369	66,298,369	52,083,000	437,000	51,646,000
8	NNT11531	Lê Thị Khánh	Xã Hậu Lộc, Thanh Hóa	200,734,000	0	200,734,000	747,000	199,987,000
9	NNT00316	Phan Khánh Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	358,901,768	114,280,768	244,621,000	983,000	243,638,000
10	NNT24304	Nguyễn Văn Nhuận	Phường Tương Mai, Hà Nội	1,000,000	0	1,000,000	1,000,000	0
11	NNT12414	Trần Thị Vinh	Phường Định Công, Hà Nội	90,613,000	0	90,613,000	1,033,000	89,580,000

12	NNT12189	Đinh Hồng Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	140,000,000	80,000,000	60,000,000	1,167,000	58,833,000
13	NNT22790	Trần Thị Vân Anh	Phường Dương Nội, Hà Nội	125,048,360	45,048,360	80,000,000	1,277,891	78,722,109
14	NNT16649	Hoàng Thị Nụ	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	473,044,000	324,308,000	148,736,000	1,288,260	147,447,740
15	NNT01621	Nguyễn Thị Sang	xã Bình Giang, Hải Phòng	156,003,000	51,177,000	104,826,000	1,320,000	103,506,000
16	NNT12282	Phạm Thị Thu Hường	Phường Đại Kim, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	1,412,000	101,681,000
17	NNT15910	Trịnh Thị Thạo	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	271,986,860	166,172,860	105,814,000	1,462,140	104,351,860
18	NNT11991	Trần Thị Thu Hiền	xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình	63,938,000	0	63,938,000	1,492,702	62,445,298
19	NNT17519	Nghiêm Huy Thông	P.Phú Lương, Hà Nội	440,000,000	306,557,000	133,443,000	1,519,000	131,924,000
20	NNT17414	Thành Xuân Hùng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	1,606,000	104,214,000
21	NNT02113	Nguyễn Thị Anh	phường Ngọc Hà, Hà Nội	218,865,292	54,930,292	163,935,000	1,672,883	162,262,117
22	NNT00587	Lương Thị Vinh	phường Ngọc Hà, Hà Nội	408,969,000	20,000,000	388,969,000	1,905,000	387,064,000
23	NNT12689	Hồ Hồng Minh Giang	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	210,016,000	0	210,016,000	1,923,000	208,093,000
24	NNT18168	Đỗ Thị Hồng	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	1,990,250	107,299,750
25	NNT24094	Lê Quang Hiếu	Phường Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,000,000	0	2,000,000	2,000,000	0
26	NNT12275	Nguyễn Thị Hồng Nhung	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	92,000,000	30,000,000	62,000,000	2,101,000	59,899,000

27	NNT00053	Tạ Thị Bẩy	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	690,460,000	464,000,000	226,460,000	2,124,000	224,336,000
28	NNT13179	Trần Thị Thoa	phường Thanh Liệt, Hà Nội	137,578,000	0	137,578,000	2,125,000	135,453,000
29	NNT11027	Lê Công Cát	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	71,382,000	0	71,382,000	2,257,000	69,125,000
30	NNT18936	Nguyễn Tùng Sơn	phường Yên Hòa, Hà Nội	250,844,848	210,844,848	40,000,000	2,425,000	37,575,000
31	NNT12426	Phạm Minh Tuấn	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,000,000	15,999,000	84,001,000	2,470,000	81,531,000
32	NNT18667	Ngô Bảo Sơn	phường Kim Liên, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	2,518,000	49,028,000
33	NNT12334	Nguyễn Thị Hồng Nhung	phường Phú Diễn, Hà Nội	309,303,000	0	309,303,000	2,627,000	306,676,000
34	NNT00936	Nguyễn Xuân Tỵ	Phường Tây Hồ, Hà Nội	735,691,000	0	735,691,000	2,666,150	733,024,850
35	NNT15105	Nguyễn Duy Vũ	P. Tân Bình, TP HCM	68,736,000	0	68,736,000	2,703,170	66,032,830
36	NNT01684	Nguyễn Đăng Tấn	phường Từ Liêm, Hà Nội	261,863,000	33,271,000	228,592,000	2,713,000	225,879,000
37	NNT19922	Trần Thanh Thủy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	50,000,000	44,000,000	6,000,000	2,750,000	3,250,000
38	NNT15835	Phạm Thái Hạnh	Phường Tích Lương	82,553,178	31,805,178	50,748,000	2,794,822	47,953,178
39	NNT21291	Nguyễn Thị Thu Nhân	Phường Uông Bí, Quảng Ninh	200,000,000	190,000,000	10,000,000	3,000,000	7,000,000
40	NNT20756	Hoàng Anh Tuấn	phường Hạc Thành, Thanh Hóa	104,166,000	54,000,000	50,166,000	3,000,000	47,166,000
41	NNT16561	Hoàng Thanh Thủy	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	3,260,000	81,740,000

42	NNT15729	Lưu Hoàng Hải	Phường Cầu Giấy	661,250,000	0	661,250,000	3,342,000	657,908,000
43	NNT11132	Phạm Thị Hải	Phường Tây Hồ, Hà Nội	115,650,000	0	115,650,000	3,375,000	112,275,000
44	NNT11709	Hoàng Thị Nụ	Phường Phương Liệt, Hà Nội	54,645,000	2,000,000	52,645,000	3,431,000	49,214,000
45	NNT20403	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	280,000,000	20,000,000	3,500,000	16,500,000
46	NNT00131	Đỗ Việt Khánh	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	850,395,295	81,187,295	769,208,000	3,584,000	765,624,000
47	NNT11332	Chu Hồng Hạnh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	131,147,000	0	131,147,000	3,805,000	127,342,000
48	NNT15209	Nguyễn Thị Vân Lan	Phường Phúc Lợi, Long Biên	105,820,000	15,000,000	90,820,000	3,971,000	86,849,000
49	NNT18603	Hoàng Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	66,931,000	233,069,000	4,000,000	229,069,000
50	NNT01291	Phan Văn Minh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	4,074,008,916	702,516,916	3,371,492,000	4,001,300	3,367,490,700
51	NNT01996	Trần Thị Duyên	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,969,916,000	984,958,000	984,958,000	4,292,000	980,666,000
52	NNT12073	Lê Khắc Thành	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	216,335,000	0	216,335,000	4,314,000	212,021,000
53	NNT11665	Phạm Thị Ánh Hồng	Phường Tương Mai, Hà Nội	66,621,448	13,318,448	53,303,000	4,335,000	48,968,000
54	NNT00879	Nguyễn Thị My Pha	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	232,605,000	0	232,605,000	4,341,640	228,263,360
55	NNT17107	Đặng Thị Hiền Phương	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	4,402,000	104,888,000
56	NNT15256	Nguyễn Thị Hà	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	209,424,000	20,700,000	188,724,000	4,448,000	184,276,000

57	NNT11138	Hoàng Thị Hợp	Xã Hát Môn, Hà Nội	1,770,956,456	910,492,456	860,464,000	4,500,000	855,964,000
58	NNT20812	Hồ Sỹ Long	Phường Tương Mai, Hà Nội	406,045,000	386,482,000	19,563,000	4,518,000	15,045,000
59	NNT15146	Nguyễn Thị Hoàng Lan	phường Phú Diễn, Hà Nội	75,002,000	0	75,002,000	4,742,934	70,259,066
60	NNT21179	Phạm Thu Hằng	Phường Ba Đình, Hà Nội	714,191,233	574,191,233	140,000,000	4,808,767	135,191,233
61	NNT01724	Lê Thị Minh Chí	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	203,093,000	86,000,000	117,093,000	4,865,000	112,228,000
62	NNT16106	Nguyễn Đức Thịnh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	249,799,555	95,118,555	154,681,000	4,881,445	149,799,555
63	NNT20496	Triệu Thu Huyền	Phường Tương Mai, Hà Nội	106,952,000	95,102,000	11,850,000	4,898,000	6,952,000
64	NNT14515	Nguyễn Thị Bích Lộc	Phường Sơn Tây, Hà Nội	200,000,000	125,473,000	74,527,000	4,927,000	69,600,000
65	NNT11749	Nguyễn Thị Thanh Nga	Phường Bạch Mai, Hà Nội	129,460,000	0	129,460,000	4,940,090	124,519,910
66	NNT12487	Đào Anh Duy	phường Láng, Hà Nội	54,645,000	8,197,000	46,448,000	5,156,000	41,292,000
67	NNT13761	Hoàng Thị Chính	Phường Kim Liên, Hà Nội	114,130,000	0	114,130,000	5,186,000	108,944,000
68	NNT00713	Lê Thanh Đức	Phường Ba Đình, Hà Nội	252,778,000	0	252,778,000	5,388,555	247,389,445
69	NNT17098	Nguyễn Thị Tuyền	Xã Ý Yên, Tỉnh Ninh Bình	104,167,000	66,000,000	38,167,000	5,466,000	32,701,000
70	NNT16587	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	122,448,000	0	122,448,000	5,573,000	116,875,000
71	NNT14285	Nguyễn Thị Trang	Phường Định Công, Hà Nội	256,836,712	142,603,712	114,233,000	5,667,288	108,565,712

72	NNT01896	Nguyễn Quang Vinh	phường Đồng Đa, Hà Nội	87,310,000	0	87,310,000	5,704,000	81,606,000
73	NNT12852	Nguyễn Trọng Luân	Xã Ô Diên, Hà Nội	54,054,000	8,146,000	45,908,000	5,713,000	40,195,000
74	NNT15091	Phạm Thị Hồng Nhung	Xã Phú Lương, Thái Nguyên	91,287,000	0	91,287,000	5,759,255	85,527,745
75	NNT11572	Nguyễn Thị Lựu	Phường Xuân Phương, Hà Nội	106,382,000	23,000,000	83,382,000	5,793,000	77,589,000
76	NNT12354	Nguyễn Thị Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	6,052,000	45,494,000
77	NNT15810	Nguyễn Thanh Tùng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	637,920,335	402,647,335	235,273,000	6,191,665	229,081,335
78	NNT13636	Nguyễn Văn Kiên	xã Vân Đình, Hà Nội	253,411,642	147,574,642	105,837,000	6,363,358	99,473,642
79	NNT18194	Trần Thị Kim	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	108,594,000	0	108,594,000	6,381,000	102,213,000
80	NNT17424	Nguyễn Văn Thuật	Xã Mỹ Sở, Tỉnh Hưng Yên	131,369,965	40,666,965	90,703,000	6,393,035	84,309,965
81	NNT00222	Trương Thị Tuyết	Phường Định Công, Hà Nội	2,950,078,000	0	2,950,078,000	6,507,000	2,943,571,000
82	NNT11325	Nguyễn Thái Sơn	phường Nghĩa Đô Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	6,579,000	111,978,000
83	NNT20320	Chu Thị Bảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	109,647,000	103,000,000	6,647,000	6,647,000	0
84	NNT10905	Lê Bá Chỉ	Phường Xuân Đình, Hà Nội	239,689,000	0	239,689,000	6,689,145	232,999,855
85	NNT21526	Nghiêm Thị Minh Nguyệt	Phường Tương Mai, Hà Nội	161,837,000	25,756,000	136,081,000	6,734,000	129,347,000
86	NNT17508	Lê Thị Phương Yên	Kiến Đức, Đăk Nông	186,214,000	0	186,214,000	6,774,000	179,440,000

87	NNT01760	Phạm Trọng Cọ	phường Thanh Liệt, Hà Nội	87,922,000	0	87,922,000	7,001,000	80,921,000
88	NNT20846	Phan Vũ	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	88,869,000	11,131,000	7,131,000	4,000,000
89	NNT14161	Đặng Ngọc Mai	Phường Hà Đông, Hà Nội	64,919,863	34,919,863	30,000,000	7,250,000	22,750,000
90	NNT22457	Phan Đức Thắng	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	200,000,000	180,000,000	20,000,000	7,400,000	12,600,000
91	NNT14002	Hoàng Thị Minh Yến	Xã Đông Anh, Hà Nội	105,820,000	31,000,000	74,820,000	7,414,371	67,405,629
92	NNT15898	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Xã Kiến Xương, Hưng Yên	125,437,000	0	125,437,000	7,420,530	118,016,470
93	NNT13893	Đỗ Thị Đức Hạnh	P.Kim Liên, Hà Nội	107,526,000	16,129,000	91,397,000	7,499,000	83,898,000
94	NNT10812	Nguyễn Thị Lan Hương	Phường Thục Phán, Cao Bằng	115,910,000	0	115,910,000	7,589,000	108,321,000
95	NNT14238	Vũ Thị Oanh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	7,665,000	114,028,000
96	NNT14047	Đỗ Thái Sơn	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	103,413,000	50,000,000	53,413,000	8,000,371	45,412,629
97	NNT16401	Nguyễn Đăng Viễn	P.Hồng Hà, Hà Nội	132,276,064	71,962,064	60,314,000	8,037,936	52,276,064
98	NNT15252	Nguyễn Thị Sáu	Xã Kim Sơn, Hà Nội	65,574,000	0	65,574,000	8,124,585	57,449,415
99	NNT01301	Lê Thị Minh Hòa	Phường Sơn Tây, Hà Nội	948,454,000	0	948,454,000	8,163,000	940,291,000
100	NNT01681	Nguyễn Văn Thuyết	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	495,121,000	0	495,121,000	8,198,000	486,923,000
101	NNT10879	Đàm Thị Bích Liên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	237,113,000	0	237,113,000	8,348,000	228,765,000

102	NNT16858	Đỗ Hải Long	Xã Vĩnh An, Hải Phòng	52,083,000	0	52,083,000	8,600,000	43,483,000
103	NNT12434	Đặng Văn Bình	Xã Đồnng Lộc, Hà Tĩnh	178,629,336	61,304,336	117,325,000	8,625,000	108,700,000
104	NNT14109	Nông Thị Hà	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	331,582,000	0	331,582,000	8,672,140	322,909,860
105	NNT14966	Trần Hương Giang	Phường Phú Diễn, Hà Nội	58,673,000	0	58,673,000	8,683,000	49,990,000
106	NNT18930	Nguyễn Thị Giang	Xã Mê Linh, Hà Nội	237,256,000	0	237,256,000	8,722,000	228,534,000
107	NNT16704	Lê Duy Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	63,492,000	0	63,492,000	8,809,000	54,683,000
108	NNT15401	Phan Thị Xuyên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	200,000,000	145,000,000	55,000,000	9,000,000	46,000,000
109	NNT10880	Phan Đức Dũng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	9,007,000	109,550,000
110	NNT12309	Phùng Thị Lương	phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	9,095,000	93,998,000
111	NNT12988	Phạm Thanh Hoa	Phường Tương Mai, Hà Nội	135,559,000	0	135,559,000	9,124,000	126,435,000
112	NNT02016	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	9,214,000	190,786,000
113	NNT12512	Lê Thị Hoàng Yến	phường Phương Liệt, Hà Nội	57,825,000	0	57,825,000	9,238,000	48,587,000
114	NNT18604	Nguyễn Minh Thông	Xã Như Quỳnh, Hưng Yên	52,632,000	0	52,632,000	9,275,000	43,357,000
115	NNT13771	Nguyễn Thị Chính	Phường Hà Đông, Hà Nội	174,242,000	0	174,242,000	9,426,000	164,816,000
116	NNT14719	Nguyễn Thị Nguyên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	9,644,000	50,356,000

117	NNT15610	Mai Thị Thanh Phương	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	9,694,315	390,305,685
118	NNT16846	Trần Thị Dung	P. Nhị Chiều, TP Hải Phòng	230,000,000	5,000,000	225,000,000	9,796,000	215,204,000
119	NNT19202	Lương Thị Phương Thảo	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	104,167,000	90,000,000	14,167,000	10,000,000	4,167,000
120	NNT20528	Trần Công Linh	Xã Quỳnh An, Hưng Yên	72,340,000	40,000,000	32,340,000	10,000,000	22,340,000
121	NNT21589	Nguyễn Thị Tuyền	Xã Trung Chính, Bắc Ninh	103,626,000	90,000,000	13,626,000	10,000,000	3,626,000
122	NNT21151	Nguyễn Hoàng Hiệp	phường Giảng Võ, Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	90,000,000	10,000,000	10,000,000	0
123	NNT23819	Nguyễn Thị Khánh Ly	Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh	14,350,000	4,229,000	10,121,000	10,121,000	0
124	NNT11073	Trần Thị Nụ	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	146,821,000	0	146,821,000	10,221,000	136,600,000
125	NNT18423	Nguyễn Thị Thái Hằng	Phường Láng, Hà Nội	430,027,397	89,771,397	340,256,000	10,486,000	329,770,000
126	NNT10903	Nguyễn Thị Hạnh Thủy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,386,673,000	0	1,386,673,000	10,695,000	1,375,978,000
127	NNT14745	Võ Thanh Liêm	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,118,214,171	289,760,171	828,454,000	10,838,829	817,615,171
128	NNT01398	Trần Thị Hậu	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	239,348,718	33,162,718	206,186,000	10,867,000	195,319,000
129	NNT15145	Lê Văn Trịnh	Xã Vũ Tiên, Hưng Yên	100,000,000	50,000,000	50,000,000	11,000,000	39,000,000
130	NNT20892	Hoàng Lê Huyền Trang	P.Bach Mai, Hà Nội	104,167,000	89,000,000	15,167,000	11,000,000	4,167,000
131	NNT20269	Hà Thị Việt Anh	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	200,000,000	180,000,000	20,000,000	11,000,000	9,000,000

132	NNT13248	Tổng Đức Huân	Phường Láng, Hà Nội	73,818,000	0	73,818,000	11,085,100	62,732,900
133	NNT13497	Ngô Thị Thoa	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	109,290,000	16,393,000	92,897,000	11,398,000	81,499,000
134	NNT11903	Nguyễn Văn Đông	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	154,139,324	65,000,000	89,139,324	11,400,000	77,739,324
135	NNT20672	Vũ Hoài Thương	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	34,050,000	0	34,050,000	11,711,000	22,339,000
136	NNT16126	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Phường Khương Đình, Hà Nội	126,096,000	0	126,096,000	11,819,850	114,276,150
137	NNT16290	Lưu Thị Thoa	Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình	256,196,000	0	256,196,000	11,925,000	244,271,000
138	NNT16787	Dương Anh Vinh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	319,149,000	180,000,000	139,149,000	11,950,000	127,199,000
139	NNT20995	Phan Thị Ngọc Hồi	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	105,820,000	88,000,000	17,820,000	12,000,000	5,820,000
140	NNT02024	Nguyễn Thị Quy	Phường Bạch Mai, Hà Nội	579,949,000	0	579,949,000	12,220,640	567,728,360
141	NNT18349	Phan Thị Lương	Phường Thượng cát, Hà Nội	131,212,314	60,000,000	71,212,314	12,223,000	58,989,314
142	NNT11342	Phạm Thị Quế	Phường Cửa Nam, Hà Nội	69,000,000	0	69,000,000	12,349,000	56,651,000
143	NNT15096	Lương Thị Tâm	Đặc khu Cát Hải, Hải Phòng	104,764,930	36,886,930	67,878,000	12,364,070	55,513,930
144	NNT15770	Cao Thị Hồng	Phường Phúc Diễn, Hà Nội	206,191,413	105,686,413	100,505,000	12,418,587	88,086,413
145	NNT12317	Bùi Thị Vi	Phường Xuân Phương, Hà Nội	59,000,000	0	59,000,000	12,442,000	46,558,000
146	NNT15784	Đông Thị Quý	Xã Phú Minh, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	12,500,000	37,500,000

147	NNT20587	Nguyễn Thị Duyên	Yên Hòa, Hà Nội	100,000,000	82,000,000	18,000,000	12,500,000	5,500,000
148	NNT14384	Trần Thị Thu Vân	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	177,982,829	62,857,829	115,125,000	12,624,661	102,500,339
149	NNT00197	Trần Thị Bích Đào	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	157,550,000	50,000,000	107,550,000	12,749,100	94,800,900
150	NNT13104	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Phường Định Công, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	12,905,000	91,262,000
151	NNT13670	Nguyễn Như Huân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	520,833,000	350,000,000	170,833,000	12,913,000	157,920,000
152	NNT14822	Đào Quang Trường	Xã Như Quỳnh, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	12,981,000	39,929,000
153	NNT13834	Nguyễn Thị Quyết	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	81,313,000	0	81,313,000	13,026,000	68,287,000
154	NNT16073	Lê Minh Thảo	Phường Phương Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	13,052,000	86,948,000
155	NNT10946	Nguyễn Minh Hồng Vân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	13,151,000	86,849,000
156	NNT19999	Đỗ Thị Thương	Xã Đan Phượng, Hà Nội	52,356,000	10,000,000	42,356,000	13,254,000	29,102,000
157	NNT01023	Ngô Thị Bảo Khánh	phường Thanh Liệt, Hà Nội	442,344,000	0	442,344,000	13,255,000	429,089,000
158	NNT00262	Châu Thị Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,421,349,000	0	2,421,349,000	13,261,800	2,408,087,200
159	NNT16997	Văn Thị Thu Trang	Phường Từ Liêm, TP Hà Nội	200,000,000	180,000,000	20,000,000	13,400,000	6,600,000
160	NNT12067	Nguyễn Đăng Truy	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	13,574,000	86,426,000
161	NNT21854	Trần Thủy Tiên	Phường Láng, Hà Nội	147,407,481	86,421,000	60,986,481	13,579,000	47,407,481

162	NNT13558	Trần Thị Ngọc Vân	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	13,615,000	90,552,000
163	NNT11928	Nguyễn Thị Thủy	Xã Quảng Bị, Hà Nội	65,574,000	0	65,574,000	13,705,350	51,868,650
164	NNT12446	Trần Thị Kim Dung	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	267,391,000	32,609,000	234,782,000	13,756,000	221,026,000
165	NNT01384	Đàm Văn Ngừ	phường Thanh Liệt, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	13,793,140	144,936,860
166	NNT01890	Bùi Thị Minh Hà	P.Bạch Mai, Hà Nội	207,441,000	0	207,441,000	13,813,000	193,628,000
167	NNT13410	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	144,275,000	0	144,275,000	13,949,000	130,326,000
168	NNT23709	Trần Thị Sim	Phường Từ Liêm, Hà Nội	103,093,000	86,040,000	17,053,000	13,960,000	3,093,000
169	NNT21779	Nguyễn Thị Thúy	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	103,626,000	86,000,000	17,626,000	14,000,000	3,626,000
170	NNT20524	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	175,000,000	25,000,000	14,000,000	11,000,000
171	NNT17775	Trần Thị Chính	Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên	220,000,000	33,000,000	187,000,000	14,044,000	172,956,000
172	NNT01406	Nguyễn Thị Nhạ	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	107,243,000	0	107,243,000	14,091,000	93,152,000
173	NNT17429	Trịnh Thị Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	124,864,240	37,620	124,826,620	14,135,000	110,691,620
174	NNT13070	Phùng Thị Hải Yến	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	14,169,000	85,831,000
175	NNT15440	Lê Thị Kiểm	Phường Kim Liên, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	14,353,000	37,193,000
176	NNT11950	Trần Thị Kim Hoa	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	265,482,104	43,869,104	221,613,000	14,414,000	207,199,000

177	NNT16707	Nguyễn Thị Thu Phượng	Phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM	130,889,000	19,633,000	111,256,000	14,425,135	96,830,865
178	NNT00588	Lê Thị Liên Minh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	132,653,000	0	132,653,000	14,436,000	118,217,000
179	NNT13176	Đỗ Quang Dũng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	250,914,000	125,457,000	125,457,000	14,443,000	111,014,000
180	NNT17866	Nguyễn Thị Thuận	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	175,000,000	0	175,000,000	14,533,950	160,466,050
181	NNT11160	Nguyễn Thị Thân	Xã Thạch Thất, Hà Nội	106,888,000	0	106,888,000	14,593,000	92,295,000
182	NNT19788	Nguyễn Thị Phong	Phường Việt Trì, Phú Thọ	100,000,000	26,086,000	73,914,000	14,665,000	59,249,000
183	NNT12757	Nguyễn Kiên Cường	Phường Kim Liên, Hà Nội	60,281,000	0	60,281,000	14,728,000	45,553,000
184	NNT13758	Nguyễn Thị Mỹ	P.Trường Vinh, Nghệ An	60,846,000	0	60,846,000	14,769,000	46,077,000
185	NNT00563	Trần Xuân Quận	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	500,935,632	118,429,633	382,505,999	14,777,000	367,728,999
186	NNT21679	Trần Thị Thu Thủy	Phường Định Công, Hà Nội	103,626,000	85,000,000	18,626,000	15,000,000	3,626,000
187	NNT20344	Tổng Thị Bích Ngọc	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	50,000,000	35,000,000	15,000,000	15,000,000	0
188	NNT23105	Nguyễn Thùy Linh	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	50,000,000	35,000,000	15,000,000	15,000,000	0
189	NNT12894	Phạm Thị Kim Dung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,172,192,000	0	1,172,192,000	15,144,000	1,157,048,000
190	NNT14949	Kiều Hoàng Nam	Xã Bản Nguyên, Tỉnh Phú Thọ	100,000,000	41,000,000	59,000,000	15,352,000	43,648,000
191	NNT18844	Ngô Thị Phương Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	80,000,000	20,000,000	15,500,000	4,500,000

192	NNT12448	Nguyễn Quốc Hội	Phường Xuân Phương, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	15,522,000	34,478,000
193	NNT19279	Nguyễn Thị Hậu	Phường Xuân Đình, Hà Nội	572,250,000	7,895,000	564,355,000	15,550,000	548,805,000
194	NNT01622	Nguyễn Thị Thơm	11 Ngõ 100 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	324,619,000	0	324,619,000	15,675,000	308,944,000
195	NNT18792	Trần Thị Lan Anh	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	104,167,000	50,000,000	54,167,000	15,801,000	38,366,000
196	NNT14967	Nguyễn Xuân Dũng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	15,835,420	190,350,580
197	NNT21834	Nguyễn Thị Đoàn	Phường Giảng Võ, Hà Nội	202,019,192	92,870,000	109,149,192	15,925,000	93,224,192
198	NNT14857	Nguyễn Minh Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	73,631,000	33,000,000	40,631,000	16,000,450	24,630,550
199	NNT16782	Đặng Minh Châu	Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	171,276,000	90,000,000	81,276,000	16,087,000	65,189,000
200	NNT01501	Đinh Thị Thanh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	521,599,000	0	521,599,000	16,118,000	505,481,000
201	NNT11114	Nguyễn Hải Yến	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	1,255,092,000	188,264,000	1,066,828,000	16,134,065	1,050,693,935
202	NNT14259	Bùi Thị Hằng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,379,570,739	751,474,739	628,096,000	16,144,000	611,952,000
203	NNT16554	Nguyễn Thị Hiền	TDP Tân Xuân 3, Phường Xuân Đình, Hà Nội	124,143,000	51,000,000	73,143,000	16,460,000	56,683,000
204	NNT13803	Nguyễn Thu Trang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	132,886,438	32,886,438	100,000,000	16,500,000	83,500,000
205	NNT20014	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Phường Hạc Thành, Thanh Hóa	70,000,000	52,000,000	18,000,000	16,500,000	1,500,000
206	NNT13045	Kiều Hà Phương Thảo	P905 TTTM Chợ Mơ 459C Bạch Mai, phường Bạch Mai, Hà Nội	109,948,000	0	109,948,000	16,601,000	93,347,000

207	NNT14036	Nguyễn Thị Liên	P.Tây Hồ, Hà Nội	108,000,000	0	108,000,000	16,603,000	91,397,000
208	NNT13102	Nguyễn Thị Ái	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	74,599,000	0	74,599,000	16,636,335	57,962,665
209	NNT18028	Nguyễn Bích Liên	Phường Phương Liệt, Hà Nội	109,290,000	25,133,000	84,157,000	16,854,200	67,302,800
210	NNT01273	Nguyễn Thị Trà My	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	183,939,000	0	183,939,000	16,887,000	167,052,000
211	NNT13239	Nguyễn Thu Hoài	Phường Bạch Mai, Hà Nội	205,722,000	70,000,000	135,722,000	16,999,760	118,722,240
212	NNT19908	Vũ Thị Nhung	Hà Nội; Phường Định Công, Hà Nội	136,842,000	113,000,000	23,842,000	17,000,000	6,842,000
213	NNT12409	Phan Tiến Dung	Phường Tương Mai, Hà Nội	75,453,433	9,938,716	65,514,717	17,017,000	48,497,717
214	NNT12247	Bùi Thị Bích Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	139,394,000	0	139,394,000	17,075,000	122,319,000
215	NNT01431	Nguyễn Thị Thu	Phường Tây Tựu, TP Hà Nội	338,209,000	0	338,209,000	17,081,000	321,128,000
216	NNT01979	Nguyễn Trần Thanh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	17,241,000	132,759,000
217	NNT14368	Lê Văn Quang	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	188,803,245	101,007,245	87,796,000	17,275,000	70,521,000
218	NNT13004	Phí Thị Vân	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,739,123,904	675,000,000	1,064,123,904	17,290,000	1,046,833,904
219	NNT13156	Nguyễn Đức Thịnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	17,466,000	87,797,000
220	NNT18924	Vũ Thanh Hải	Phường Khương Đình, Hà Nội;	300,000,000	281,000,000	19,000,000	17,500,000	1,500,000
221	NNT14370	Nghiêm Hải Anh	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	331,080,000	49,662,000	281,418,000	17,520,461	263,897,539

222	NNT12782	Lương Ngọc Hạnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	76,368,738	10,861,869	65,506,869	17,649,000	47,857,869
223	NNT12850	Nguyễn Văn Chung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	54,054,000	0	54,054,000	17,653,000	36,401,000
224	NNT12388	Vũ Thị Thảo	Phường Tình Gia, Thanh Hoá	77,297,000	0	77,297,000	17,690,000	59,607,000
225	NNT12393	Vũ Thị Lan	Xã Hòa Xá, Hà Nội	63,761,000	0	63,761,000	17,714,000	46,047,000
226	NNT01135	Ngô Văn Chung	Phường Đồng Đa, Hà Nội	104,164,000	0	104,164,000	17,878,000	86,286,000
227	NNT11575	Hoàng Thị Yên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	357,672,315	45,344,315	312,328,000	17,889,053	294,438,947
228	NNT14162	Lê Thị Khiên	Phường Kim Liên, Hà Nội	347,982,578	87,130,578	260,852,000	18,241,555	242,610,445
229	NNT16003	Chu Thị Thanh Huyền	Phường Tây Hồ, Hà Nội	115,000,000	50,000,000	65,000,000	18,243,000	46,757,000
230	NNT01434	Phạm Thu Hương	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	422,966,000	0	422,966,000	18,380,000	404,586,000
231	NNT15709	Bùi Trung Kinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	318,398,000	170,306,000	148,092,000	18,405,000	129,687,000
232	NNT12481	Đào Thị Tình	Phường Kim Thanh, Ninh Bình	60,000,000	0	60,000,000	18,479,000	41,521,000
233	NNT17599	Mai Quang Tiệp	Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	60,847,000	0	60,847,000	18,529,000	42,318,000
234	NNT00358	Đinh Viêm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	71,758,000	0	71,758,000	18,565,000	53,193,000
235	NNT14164	Trần Văn Đứng	Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	113,686,000	0	113,686,000	18,581,985	95,104,015
236	NNT15958	Đỗ Phú Đức	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	54,645,000	0	54,645,000	18,663,000	35,982,000

237	NNT11141	Phạm Thị Liên	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	83,722,000	0	83,722,000	18,739,000	64,983,000
238	NNT17363	Vũ Văn Hóa	Phường Thượng cát, Hà Nội	62,842,000	0	62,842,000	18,845,000	43,997,000
239	NNT20482	Nguyễn Thị Bùi Chinh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	18,861,950	34,048,050
240	NNT14039	Nguyễn Thị Minh Huệ	Phường Xuân Đình, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	18,885,000	85,282,000
241	NNT24362	Lê Thị Phương Loan	Xã Trung Giã, Hà Nội	180,826,788	35,826,788	145,000,000	18,914,355	126,085,645
242	NNT16455	Hoàng Hải Đăng	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	364,077,000	272,038,500	92,038,500	18,961,500	73,077,000
243	NNT14090	Nguyễn Trung Kết	Xã Quảng Bị, Hà Nội	372,251,000	118,539,000	253,712,000	19,082,000	234,630,000
244	NNT11317	Vũ Huyền Trang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	19,109,000	83,984,000
245	NNT15261	Chu Thị Thu Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	19,150,000	33,760,000
246	NNT14487	Phạm Đức Duy	Phường Cửa Nam, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	19,202,000	99,355,000
247	NNT19574	Ngô Thị Ánh	Phường Tương Mai, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	19,218,900	83,874,100
248	NNT19210	Vũ Thị Trúc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	63,382,000	0	63,382,000	19,369,000	44,013,000
249	NNT17912	Vũ Thị Oanh	Phường Xuân Phương, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	19,370,000	83,723,000
250	NNT17550	Nguyễn Thúy Hằng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	19,400,000	80,600,000
251	NNT01559	Nguyễn Thị Oanh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,645,398,529	919,300,264	726,098,265	19,455,000	706,643,265

252	NNT01128	Phạm Phương Lâm	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	281,660,000	90,718,000	190,942,000	19,529,000	171,413,000
253	NNT13021	Nguyễn Thị Bích	Phường Bạch Mai, Hà Nội	408,333,000	38,000,000	370,333,000	19,604,000	350,729,000
254	NNT17079	Nguyễn Thị Toán	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	19,660,000	31,886,000
255	NNT13556	Phạm Ngọc Liên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	19,750,000	33,160,000
256	NNT11422	Trần Đình Hải	Phường Phương Liệt, Hà Nội	161,790,000	0	161,790,000	19,763,000	142,027,000
257	NNT00993	Nguyễn Thị Hy	Xã Ô Diên, Hà Nội	214,202,529	94,433,290	119,769,239	19,923,000	99,846,239
258	NNT20372	Nguyễn Nữ Hoàng Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	53,191,000	30,000,000	23,191,000	19,999,540	3,191,460
259	NNT21903	Trần Phi Nga	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	103,626,000	80,000,000	23,626,000	20,000,000	3,626,000
260	NNT20070	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Đông Quang, Thanh Hoá;	64,171,000	40,000,000	24,171,000	20,000,000	4,171,000
261	NNT17727	Đỗ Văn Huy	Xã Trà Giang, Hưng Yên	62,923,000	30,000,000	32,923,000	20,000,000	12,923,000
262	NNT11951	Phạm Bích Phương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	156,223,214	44,627,314	111,595,900	20,127,000	91,468,900
263	NNT13837	Hoàng Thị Thục	Xã Nam Sách, TP Hải Phòng	157,068,000	85,294,000	71,774,000	20,136,500	51,637,500
264	NNT20794	Nguyễn Thu Trang	Phường Sơn Tây, Hà Nội	104,348,000	80,000,000	24,348,000	20,175,000	4,173,000
265	NNT16731	Lê Thị Bích	Phường Mỹ Lộc, Ninh Bình	51,813,000	20,000,000	31,813,000	20,414,545	11,398,455
266	NNT18328	Chu Thị Hoa	P.Vinh Hưng, Nghệ An	220,000,000	151,000,000	69,000,000	20,550,000	48,450,000

267	NNT16221	Phan Hồng Hạnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	402,628,000	0	402,628,000	20,564,600	382,063,400
268	NNT16566	Trần Thu Hằng	Phường Phủ Lý, Tỉnh Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	20,692,000	179,308,000
269	NNT16485	Lê Văn Chính	Phường Long Biên, Hà Nội	185,000,000	0	185,000,000	20,749,000	164,251,000
270	NNT13064	Lê Thị Thanh Loan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	240,000,000	78,000,000	162,000,000	20,845,000	141,155,000
271	NNT11990	Phạm Bình Minh	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	411,640,000	0	411,640,000	20,919,000	390,721,000
272	NNT12744	Nguyễn Văn Bình	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	20,987,000	129,013,000
273	NNT14464	Phạm Thị Oanh	P. Giảng Võ, Hà Nội	262,897,000	102,000,000	160,897,000	20,991,000	139,906,000
274	NNT01056	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Đống Đa, Hà Nội	1,443,798,491	764,164,341	679,634,150	20,999,860	658,634,290
275	NNT00431	Trần Thị Kim Thanh	Phường Đống Đa, Hà Nội	305,155,000	0	305,155,000	21,147,000	284,008,000
276	NNT16953	Nguyễn Thị Lệ Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	250,000,000	37,654,000	212,346,000	21,181,000	191,165,000
277	NNT00843	Nguyễn Thị Mai An	Xã Bình Minh, Hà Nội	173,365,140	0	173,365,140	21,496,000	151,869,140
278	NNT18577	Nguyễn Minh Trang	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,761,264,173	1,533,808,173	227,456,000	21,530,000	205,926,000
279	NNT01119	Nguyễn Thị Lê	Phường Giảng Võ, Hà Nội	676,738,006	280,738,006	396,000,000	21,592,000	374,408,000
280	NNT14146	Phạm Thị Chiên	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	69,702,317	0	69,702,317	21,668,000	48,034,317
281	NNT17343	Vũ Thị Phương Thảo	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	100,000,000	67,400,000	32,600,000	21,700,000	10,900,000

282	NNT12171	Trịnh Bảo Lộc	Xã Cẩm Thủy, Thanh Hoá	279,947,000	0	279,947,000	21,754,000	258,193,000
283	NNT12805	Trần Thị Lệ	Phường Tương Mai, Hà Nội	583,818,000	250,000,000	333,818,000	21,760,000	312,058,000
284	NNT12653	Phan Thị Vân	Xã Quốc Oai, Hà Nội	74,403,000	0	74,403,000	21,781,000	52,622,000
285	NNT12584	Phan Duy Khảm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	127,423,000	0	127,423,000	21,864,850	105,558,150
286	NNT14572	Tạ Quang Đức	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	290,237,000	40,000,000	250,237,000	21,873,000	228,364,000
287	NNT16481	Trần Thị Rệu	Phường Định Công, Hà Nội	63,829,000	19,304,000	44,525,000	21,877,000	22,648,000
288	NNT13819	Nguyễn Thị Vân	Xã Mê Linh, Hà Nội	71,471,562	25,471,562	46,000,000	22,065,000	23,935,000
289	NNT15641	Vô Thị Lệ	Phường Định Công, Hà Nội	66,594,000	0	66,594,000	22,250,000	44,344,000
290	NNT10829	Vũ Mạnh Cường	P818 Nơ 8 Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Hà Nội	77,474,000	0	77,474,000	22,272,000	55,202,000
291	NNT17660	Nguyễn Thị Thùy Ninh	P. Hồng Bàng, TP Hải Phòng	61,111,000	0	61,111,000	22,285,745	38,825,255
292	NNT00765	Nguyễn Thị Bích Phụ	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	554,250,000	207,000,000	347,250,000	22,313,000	324,937,000
293	NNT18477	Nguyễn Danh Quân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	83,771,143	27,462,143	56,309,000	22,350,000	33,959,000
294	NNT14701	Đặng Thị Thúy Hoa	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	22,358,000	83,462,000
295	NNT16119	Nguyễn Thị Dừng	Xã Đại Thanh, Hà Nội	323,188,554	118,712,554	204,476,000	22,571,446	181,904,554
296	NNT19024	Cao Thị Thu Huyền	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	711,733,682	555,475,682	156,258,000	22,726,318	133,531,682

297	NNT01425	Vũ Thị Kim Sơn	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	308,294,000	18,000,000	290,294,000	22,832,000	267,462,000
298	NNT14030	Nguyễn Thị Hòa	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	60,000,000	0	60,000,000	22,889,000	37,111,000
299	NNT15248	Hoàng Văn Huệ	Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	61,828,000	9,274,000	52,554,000	22,948,000	29,606,000
300	NNT16645	Phùng Phương Ngân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	105,000,000	4,000,000	101,000,000	23,145,110	77,854,890
301	NNT14292	Phạm Thị Thu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	67,645,945	21,645,945	46,000,000	23,250,000	22,750,000
302	NNT11186	Lê Thị Phương Thảo	Phường Kim Liên, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	23,323,000	326,677,000
303	NNT23342	Nguyễn Thị Hòa	Phường Tây Hồ, Hà Nội	306,870,000	256,628,000	50,242,000	23,350,000	26,892,000
304	NNT12202	Đào Thị Tâm	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	301,076,000	150,538,000	150,538,000	23,494,000	127,044,000
305	NNT18865	Nguyễn Thị Mai Linh	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	100,000,000	72,000,000	28,000,000	23,500,000	4,500,000
306	NNT23480	Nguyễn Thị Hải Yến	Phường Từ Liêm, Hà Nội	300,000,000	275,500,000	24,500,000	23,500,000	1,000,000
307	NNT19779	Đào Thị Trâm	Phường Tương Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	23,500,000	26,500,000
308	NNT14606	Trịnh Duy Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	140,464,848	36,907,848	103,557,000	23,592,152	79,964,848
309	NNT00108	Dương Tuấn Bình	Phường Phương Liệt, Hà Nội	119,892,000	0	119,892,000	23,660,000	96,232,000
310	NNT18389	Đỗ Phương Thảo	Phường Hồng Hà, Hà Nội	58,500,000	0	58,500,000	23,734,000	34,766,000
311	NNT01492	Nguyễn Thị Hiền	P. Nam Định, Ninh Bình	232,963,000	0	232,963,000	23,760,000	209,203,000

312	NNT11239	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Xã Nam Lý, Ninh Bình	40,000,000	0	40,000,000	23,813,137	16,186,863
313	NNT14211	Trần Thị Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	23,929,210	79,163,790
314	NNT13491	Trần Minh Phương	P. Phố Hiến, Hưng Yên	200,000,000	0	200,000,000	23,952,000	176,048,000
315	NNT20323	Phạm Thị Lan Anh	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	100,000,000	70,000,000	30,000,000	24,000,000	6,000,000
316	NNT14797	Lê Thị Tú	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	56,524,000	0	56,524,000	24,003,545	32,520,455
317	NNT00940	Trần Thị Tài	Phường Ba Đình, Hà Nội	291,556,000	0	291,556,000	24,061,000	267,495,000
318	NNT13098	Nguyễn Phương Thảo	Phường Hồng Hà, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	24,161,871	187,478,129
319	NNT12526	Nguyễn Thị Hòa	Xã Ô Diên, Hà Nội	140,104,000	0	140,104,000	24,433,000	115,671,000
320	NNT01655	Tô Thị Duyên	P.Vĩnh Tuy, Hà Nội	785,829,315	185,829,315	600,000,000	24,447,000	575,553,000
321	NNT12031	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	24,616,000	75,384,000
322	NNT15350	Nguyễn Thị Như Hoa	Phường Yên Hoà, Hà Nội	110,476,712	4,657,062	105,819,650	24,661,323	81,158,327
323	NNT11477	Phạm Thị Nga	phường Tây Hồ, Hà Nội	114,754,000	0	114,754,000	24,670,000	90,084,000
324	NNT14696	Dương Thị Thảo	Phường Tây Tựu, Hà Nội	76,843,000	0	76,843,000	24,685,000	52,158,000
325	NNT11616	Tô Thị Thúy Hải	Phường Định Công, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	24,782,000	75,218,000
326	NNT01064	Nguyễn Ngọc Trung	Xã Thanh Trì, Hà Nội	185,244,000	0	185,244,000	24,811,000	160,433,000

327	NNT24316	Nguyễn Thị Ái Châu	Phường Yên Hòa, Hà Nội	63,625,941	20,428,306	43,197,635	24,891,000	18,306,635
328	NNT15755	Nguyễn Kiều Oanh	P.Hồng Hà, Hà Nội	142,617,305	34,570,305	108,047,000	24,944,695	83,102,305
329	NNT21886	Nguyễn Tuấn Hoàng	Xã Đông Anh, Hà Nội	51,813,000	25,000,000	26,813,000	25,000,000	1,813,000
330	NNT01578	Phùng Thị Nhung	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	107,662,023	0	107,662,023	25,000,000	82,662,023
331	NNT20969	Bùi Thị Kim Nhung	Xã Suối Hai, Hà Nội	52,083,000	25,000,000	27,083,000	25,000,000	2,083,000
332	NNT12593	Nguyễn Thị Minh Phương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	71,550,000	0	71,550,000	25,051,000	46,499,000
333	NNT01235	Lê Thúy Uyên	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	2,014,804,328	689,854,127	1,324,950,201	25,055,000	1,299,895,201
334	NNT13755	Lê Thị Linh	Phường Đông Sơn, Thanh Hoá	128,920,428	36,880,428	92,040,000	25,219,572	66,820,428
335	NNT02068	Trần Thị Bình	Phường Kim Liên, Hà Nội	63,375,000	0	63,375,000	25,237,000	38,138,000
336	NNT12287	Nguyễn Kim Chung	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	559,718,376	343,959,376	215,759,000	25,272,000	190,487,000
337	NNT16673	Lê Văn Huỳnh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	313,149,348	200,448,348	112,701,000	25,273,652	87,427,348
338	NNT12122	Dương Mỹ Hằng	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	89,873,184	34,476,184	55,397,000	25,297,000	30,100,000
339	NNT15558	Mai Cường	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	353,118,000	0	353,118,000	25,492,000	327,626,000
340	NNT13542	Nguyễn Thị Minh	Xã An Khánh, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	25,500,000	24,500,000
341	NNT01081	Hoàng Khánh Chi	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,139,130,000	0	2,139,130,000	25,545,000	2,113,585,000

342	NNT12898	Tô Thị Hồng Ninh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	60,846,000	0	60,846,000	25,551,000	35,295,000
343	NNT12931	Cao Thị Kim Oanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,505,000	0	50,505,000	25,646,000	24,859,000
344	NNT01200	Trần Nhật Thành	Xã Quang Minh, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	25,705,000	180,480,000
345	NNT00673	Nguyễn Thị Thái Vân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	188,525,000	0	188,525,000	25,778,000	162,747,000
346	NNT16998	Nguyễn Hồng Sơn	Phường Hà Lâm, Quảng Ninh	50,000,000	0	50,000,000	25,915,000	24,085,000
347	NNT18614	Quách Quỳnh Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	106,383,000	30,000,000	76,383,000	26,271,000	50,112,000
348	NNT14957	Nguyễn Thị Duyên	Phường Hà Đông, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	26,300,000	33,700,000
349	NNT20490	Phạm Thu Hà	P.Thanh Xuân, Hà Nội	54,697,607	1,283,607	53,414,000	26,464,104	26,949,896
350	NNT16412	Cao Thị Vân Anh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	126,123,000	60,000,000	66,123,000	26,603,000	39,520,000
351	NNT15297	Nguyễn Thị Hồng Hoàn	Phường Tây Tựu, Hà Nội	62,338,000	0	62,338,000	26,639,100	35,698,900
352	NNT14582	Bùi Thị Thùy Linh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	152,501,848	43,211,848	109,290,000	26,647,152	82,642,848
353	NNT16244	Phan Thị Vức	Phường Đồng Đa, Hà Nội	811,905,688	302,539,688	509,366,000	26,699,312	482,666,688
354	NNT18266	Bùi Thị Việt Hà	Phường Bồ Đề, Hà Nội	246,993,000	9,950,000	237,043,000	26,730,000	210,313,000
355	NNT14914	Hàn Vũ Linh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	26,750,000	23,250,000
356	NNT11912	Phạm Minh Thúy	Phường Hà Đông, Hà Nội	109,673,000	0	109,673,000	26,782,000	82,891,000

357	NNT13470	Phan Thị Vịnh	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	66,484,000	9,973,000	56,511,000	26,786,000	29,725,000
358	NNT13014	Lương Khánh Tùng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	156,250,000	0	156,250,000	26,813,000	129,437,000
359	NNT19419	Nguyễn Ngọc Thường	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	157,366,000	63,480,000	93,886,000	27,000,000	66,886,000
360	NNT16371	Phạm Quang Thành	P. Khương Đình, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	27,083,000	22,917,000
361	NNT12811	Trần Thị Hà Mi	Xã Tứ Mỹ, Hà Tĩnh	103,093,000	0	103,093,000	27,095,000	75,998,000
362	NNT21512	Mai Thị Hoa	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	281,417,802	170,000,000	111,417,802	27,100,000	84,317,802
363	NNT17069	Nguyễn Đức Hạnh	P. Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	50,000,000	50,000,000	27,200,000	22,800,000
364	NNT18035	Nguyễn Thị Lan	Phường Láng, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	27,202,000	72,798,000
365	NNT13520	Vũ Hoàng Tuyết Mai	P. Kim Liên, Hà Nội	747,182,000	0	747,182,000	27,210,000	719,972,000
366	NNT19636	Đào Minh Sự	Xã Nam Trục, Ninh Bình	104,712,000	50,000,000	54,712,000	27,339,000	27,373,000
367	NNT17357	Nguyễn Nhật Anh	Phường Việt Hưng Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	27,363,371	77,348,629
368	NNT01749	Nguyễn Thị Thúy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	230,643,000	0	230,643,000	27,520,000	203,123,000
369	NNT12084	Nguyễn Thị Phẩm	Phường Đông Sơn, Thanh Hoá	52,083,000	10,000,000	42,083,000	27,522,000	14,561,000
370	NNT13460	Nguyễn Thị Nga	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	27,530,000	22,470,000
371	NNT13643	Đoàn Thị Hòa	P. Phú Thượng, Hà Nội	158,298,000	0	158,298,000	27,558,960	130,739,040

372	NNT15913	Nguyễn Thị Bích	Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	110,485,000	0	110,485,000	27,562,000	82,923,000
373	NNT01583	Bùi Thị Mai	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	249,850,000	0	249,850,000	27,704,000	222,146,000
374	NNT11853	Trịnh Thị Lan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,033,558,852	357,871,852	675,687,000	27,829,000	647,858,000
375	NNT02049	Phạm Ngọc Lan Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	27,946,000	72,054,000
376	NNT12567	Đỗ Thị Loan	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	65,003,000	0	65,003,000	28,045,000	36,958,000
377	NNT01992	Đặng Thị Hoài Thu	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	261,989,000	0	261,989,000	28,104,000	233,885,000
378	NNT20527	An Thanh Vân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	28,160,000	21,840,000
379	NNT11491	Nguyễn Văn Yên	Xã Cổ Đô, Hà Nội	124,177,000	0	124,177,000	28,225,000	95,952,000
380	NNT16091	Đinh Thị Lợi	Xã Đa Phúc, Hà Nội	148,718,000	35,298,000	113,420,000	28,230,000	85,190,000
381	NNT15887	Đào Văn Bình	Phường Ba Đình, Hà Nội	61,855,000	0	61,855,000	28,262,000	33,593,000
382	NNT01230	Đặng Kiên Cường	P. Gia Viên, TP Hải Phòng	397,783,435	159,783,435	238,000,000	28,278,000	209,722,000
383	NNT15338	Trần Thị Thanh Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	28,350,000	21,650,000
384	NNT12300	Trần Phạm Thành	P. Ngọc Hà, Hà Nội	102,328,000	0	102,328,000	28,360,990	73,967,010
385	NNT15412	Phan Văn Minh	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	107,951,000	0	107,951,000	28,382,000	79,569,000
386	NNT15372	Nguyễn Thị Huệ	Xã Hoài Đức, Hà Nội	102,356,000	50,000,000	52,356,000	28,430,000	23,926,000

387	NNT14233	Lê Đức Tú	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	111,851,000	0	111,851,000	28,441,000	83,410,000
388	NNT12892	Trần Quốc Thái	Phường Bạch Mai, Hà Nội	131,218,000	0	131,218,000	28,472,000	102,746,000
389	NNT21040	Mạc Trần Trung Hiếu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	28,500,000	23,046,000
390	NNT02107	Đặng Sơn Thu	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	98,524,000	0	98,524,000	28,526,000	69,998,000
391	NNT00282	Trần Minh Điền	Phường Xuân Hoà, TP HCM	118,325,000	0	118,325,000	28,542,000	89,783,000
392	NNT18087	Nguyễn Thu Trang	Phường Kim Liên, Hà Nội	51,813,000	0	51,813,000	28,759,000	23,054,000
393	NNT17546	Phan Công Huy	P. Tương Mai, Hà Nội	77,306,693	11,771,846	65,534,847	28,765,856	36,768,991
394	NNT01933	Đặng Quốc Trường	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	98,524,000	0	98,524,000	28,776,000	69,748,000
395	NNT17064	Nguyễn Thị Thảo	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	63,492,000	0	63,492,000	28,839,000	34,653,000
396	NNT14346	Nguyễn Thị Lê	P.Thanh Xuân, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	28,870,000	41,130,000
397	NNT02168	Phạm Anh Tuấn	Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	348,108,000	0	348,108,000	28,934,000	319,174,000
398	NNT16297	Trần Thục Uyên Nhu	Phường Ba Đình, Hà Nội	150,000,000	100,000,000	50,000,000	28,950,000	21,050,000
399	NNT19479	Lưu Mạnh Cường	Xã Đại Thanh, Hà Nội	62,422,000	20,000,000	42,422,000	29,000,000	13,422,000
400	NNT13519	Phạm Bích Liên	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	70,279,000	0	70,279,000	29,007,000	41,272,000
401	NNT18276	Nguyễn Thị Hoa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	517,500,000	305,000,000	212,500,000	29,015,000	183,485,000

402	NNT17328	Lê Minh Hiếu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	73,569,849	8,220,924	65,348,925	29,022,778	36,326,147
403	NNT21362	Phạm Thị Ánh Tuyết	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	19,120,000	30,880,000	29,130,000	1,750,000
404	NNT16884	Nguyễn Đức Cường	P.Thành Vinh, Nghệ An	58,228,000	0	58,228,000	29,136,000	29,092,000
405	NNT13384	Nguyễn Huy Cam	P. Tương Mai, Hà Nội	135,667,123	50,667,123	85,000,000	29,211,000	55,789,000
406	NNT16829	Lương Thị Bích	Xã Thường Tín, Hà Nội	103,415,000	50,000,000	53,415,000	29,245,000	24,170,000
407	NNT15838	Chu Kim Phú	Xã Thọ Phú, Thanh Hoá	60,526,000	0	60,526,000	29,250,000	31,276,000
408	NNT24272	Trịnh Hồng Gấm	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	50,000,000	20,736,000	29,264,000	29,264,000	0
409	NNT01253	Phạm Thị Huyền	Phường Khương Đình, Hà Nội	682,295,000	315,000,000	367,295,000	29,330,000	337,965,000
410	NNT17272	Nguyễn Thị Thúy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	29,367,702	23,542,298
411	NNT17273	Đào Thị Hòa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	29,367,702	23,542,298
412	NNT12958	Lục Mỹ Dung	P.Bồ Đề, Hà Nội	107,500,000	16,125,000	91,375,000	29,393,000	61,982,000
413	NNT18426	Lê Thị La	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	52,356,000	0	52,356,000	29,403,000	22,953,000
414	NNT15931	Lê Thị Châu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	29,437,000	79,853,000
415	NNT20335	Ngô Thị Ha	Xã Hoà Xá, Hà Nội	78,519,000	20,000,000	58,519,000	29,471,000	29,048,000
416	NNT17646	Mai Thị Tuất	Phường Yên Hòa, Hà Nội	129,973,000	0	129,973,000	29,542,000	100,431,000

417	NNT22186	Võ Thị Minh Tuyền	Phường Xuân Phương, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	29,580,960	20,419,040
418	NNT15017	Đào Thị Quỳnh Trang	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	75,142,000	0	75,142,000	29,590,000	45,552,000
419	NNT20771	Nguyễn Thị Minh Hà	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	53,000,000	0	53,000,000	29,615,000	23,385,000
420	NNT13642	Cung Thị Thu Hương	Phường Định Công, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	29,618,000	70,382,000
421	NNT16836	La Thị Quỳnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	29,672,000	170,328,000
422	NNT20463	Trương Thị Thơm	Xã Phát Diệm, Ninh Bình	50,000,000	10,000,000	40,000,000	29,750,000	10,250,000
423	NNT14976	Lê Bá Anh	Phường Kim Liên, Hà Nội	210,000,000	0	210,000,000	29,809,000	180,191,000
424	NNT19195	Mai Xuân Dung	Phường Xuân Phương, Hà Nội	137,212,329	50,212,329	87,000,000	29,817,671	57,182,329
425	NNT13145	Nguyễn Xuân Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	29,843,000	73,249,000
426	NNT20038	Nguyễn Thị Phương Thủy	P.Hà Đông, Hà Nội	96,256,000	60,000,000	36,256,000	29,999,360	6,256,640
427	NNT19954	Nguyễn Thị Trang Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	53,476,000	20,000,000	33,476,000	30,000,000	3,476,000
428	NNT20266	Vi Ngọc Quang	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	50,106,000	0	50,106,000	30,000,000	20,106,000
429	NNT19702	Phạm Thị Hằng	Xã Tây Phương, Hà Nội	106,383,000	70,000,000	36,383,000	30,000,000	6,383,000
430	NNT23417	Lê Thị Thu Hà	Xã Quỳnh Lưu, Ninh Bình	30,000,000	0	30,000,000	30,000,000	0
431	NNT21901	Đỗ Xuân Cường	Phường Tương Mai, Hà Nội	207,252,000	170,000,000	37,252,000	30,000,000	7,252,000

432	NNT16152	Lê Thị Thanh Hà	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	126,449,403	15,060,403	111,389,000	30,104,697	81,284,303
433	NNT18341	Nguyễn Thị Lan	Phường Việt Hưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	30,210,000	21,336,000
434	NNT20974	Bùi Chí Bằng	Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	75,300,293	19,731,293	55,569,000	30,268,707	25,300,293
435	NNT15640	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,284,563,074	824,563,074	460,000,000	30,278,926	429,721,074
436	NNT16849	Bùi Huy Hùng	Phường Định Công, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	30,283,000	175,903,000
437	NNT20591	Nguyễn Yến Trang	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	122,127,899	49,902,899	72,225,000	30,347,101	41,877,899
438	NNT17723	Lê Thị Kim Cương	Xã Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	51,546,000	0	51,546,000	30,352,000	21,194,000
439	NNT16319	Nguyễn Thị Mão	Phường Khương Đình, Hà Nội	265,989,000	0	265,989,000	30,410,000	235,579,000
440	NNT17769	Phan Văn Khải	Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	62,841,000	0	62,841,000	30,478,000	32,363,000
441	NNT18735	Đỗ Thị Bốn	Phường Kim Liên, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	30,500,000	21,046,000
442	NNT11841	Bùi Tuấn Nghĩa	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	102,315,821	28,066,821	74,249,000	30,540,000	43,709,000
443	NNT13257	Nguyễn Phương Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	136,855,174	32,063,174	104,792,000	30,545,000	74,247,000
444	NNT15710	Nguyễn Anh Tuấn	Xã Đại Thanh, Hà Nội	52,356,000	0	52,356,000	30,666,620	21,689,380
445	NNT24311	Tạ Thị Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	30,701,000	0	30,701,000	30,701,000	0
446	NNT15609	Bùi Hoàng Hiệp	Xã Tam Hưng, Hà Nội	98,438,000	0	98,438,000	30,744,000	67,694,000

447	NNT12500	Phạm Gia Bảo	Phường Bồ Đề, Hà Nội	266,849,096	65,795,048	201,054,048	30,771,260	170,282,788
448	NNT17425	Lê Ngọc Tấn	P.Trường Vinh, Nghệ An	124,744,000	0	124,744,000	30,805,000	93,939,000
449	NNT14602	Đặng Vũ Hoàng	Phường Bạch Mai, TP Hà Nội	76,843,000	11,527,000	65,316,000	30,826,000	34,490,000
450	NNT10938	Trần Viết Thương	Xã Trung Kênh, Bắc Ninh	50,000,000	0	50,000,000	30,940,000	19,060,000
451	NNT15113	Đồng Thị Lan Phương	Xã Hải Tiến, Tỉnh Ninh Bình	204,327,481	36,848,740	167,478,741	30,947,260	136,531,481
452	NNT16689	Đỗ Khánh Linh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	31,000,000	54,000,000
453	NNT14684	Lưu Thị Thêu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	167,968,000	0	167,968,000	31,096,075	136,871,925
454	NNT23650	Công Thị Hải Yến	Xã Ô Diên, Hà Nội	54,271,000	0	54,271,000	31,099,643	23,171,357
455	NNT01962	Trần Lam Giang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	31,143,000	128,857,000
456	NNT12956	Trần Thanh Nga	Phường Hồng Hà, Hà Nội	75,000,000	0	75,000,000	31,192,000	43,808,000
457	NNT22392	Nguyễn Thị Kim Thông	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	31,500,000	20,046,000
458	NNT17330	Lê Trần Trung	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	52,910,000	0	52,910,000	31,563,000	21,347,000
459	NNT00507	Trần Thị Thanh Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	105,000,000	0	105,000,000	31,646,000	73,354,000
460	NNT22797	Dương Thị Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	50,000,000	17,500,000	32,500,000	31,750,000	750,000
461	NNT18616	Nguyễn Xuân Trường	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	108,108,000	16,216,000	91,892,000	31,890,000	60,002,000

462	NNT15897	Phí Thị Cúc	Xã Quang Hưng, Tỉnh Hưng Yên	66,424,000	0	66,424,000	32,008,000	34,416,000
463	NNT13905	Trần Thị Lợi	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	90,909,000	0	90,909,000	32,050,000	58,859,000
464	NNT14722	Phạm Ngọc Huyền	Phường Yên Hoà, Hà Nội	96,345,000	0	96,345,000	32,057,000	64,288,000
465	NNT16419	Nguyễn Thị Hạnh	Xã Đồng Lộc, Hà Tĩnh	211,052,000	0	211,052,000	32,150,000	178,902,000
466	NNT13350	Nguyễn Thị Huyền	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	32,182,000	67,818,000
467	NNT18237	Lê Thị Hoa	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	140,785,603	40,785,603	100,000,000	32,214,397	67,785,603
468	NNT18617	Nguyễn Hải Linh	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	108,108,000	16,216,000	91,892,000	32,289,000	59,603,000
469	NNT12216	Đặng Thị An	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	108,518,000	0	108,518,000	32,409,000	76,109,000
470	NNT18786	Nguyễn Thị Hằng	Phường Khương Đình, Hà Nội	52,083,000	0	52,083,000	32,468,000	19,615,000
471	NNT22364	Vũ Thị Phụng	Phường Định Công, Hà Nội	32,472,000	0	32,472,000	32,472,000	0
472	NNT12198	Nguyễn Minh Thắng	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	32,497,000	367,503,000
473	NNT15627	Đoàn Thị Tuyết	Phường Xuân Phương, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	32,500,000	71,667,000
474	NNT18819	Trần Thị Hải Hạnh	P. Hải An, TP Hải Phòng	53,424,000	0	53,424,000	32,562,000	20,862,000
475	NNT12132	Phạm Đình Đức	P.Cửa Nam, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	32,573,000	67,427,000
476	NNT18202	Nguyễn Thị Ngà	Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	55,000,000	0	55,000,000	32,583,000	22,417,000

477	NNT14425	Thân Thị Huyền Trang	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	109,289,000	0	109,289,000	32,678,000	76,611,000
478	NNT22878	Dương Thị Thanh	Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên	61,769,733	21,769,733	40,000,000	32,771,551	7,228,449
479	NNT14512	Phạm Thị Huyền Trang	Phường Xuân Phương, Hà Nội	66,424,000	0	66,424,000	33,074,000	33,350,000
480	NNT13549	Hoàng Thị Luật	P.Bạch Mai, Hà Nội	188,770,000	90,000,000	98,770,000	33,219,500	65,550,500
481	NNT11933	Đặng Thị Xuân	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	202,181,769	52,181,769	150,000,000	33,322,000	116,678,000
482	NNT14725	Bùi Thị Thu Phương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	526,576,000	0	526,576,000	33,378,000	493,198,000
483	NNT12026	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	208,558,000	0	208,558,000	33,460,000	175,098,000
484	NNT14699	Trần Lan Hương	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	33,500,000	51,500,000
485	NNT11612	Nguyễn Thị Thùy Anh	P.Hồng Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	33,544,000	66,456,000
486	NNT17684	Đỗ Văn Hoàng	Xã Hải Anh, Tỉnh Ninh Bình	126,214,428	55,000,000	71,214,428	33,584,000	37,630,428
487	NNT13976	Nguyễn Thị Thanh Bình	Xã Đoài Phương, Hà Nội	381,375,000	0	381,375,000	33,605,480	347,769,520
488	NNT02131	Vũ Mạnh Tuấn	Xã Yên Sơn, Tuyên Quang	103,093,000	0	103,093,000	33,610,000	69,483,000
489	NNT15536	Nguyễn Thu Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	33,703,000	26,297,000
490	NNT18984	Nguyễn Thế Long	Xã Rạng Đông, Ninh Bình	62,500,000	9,606,000	52,894,000	33,840,000	19,054,000
491	NNT15237	Hà Thị Thuận	Xã Chí Minh, TP Hải Phòng	104,712,000	45,000,000	59,712,000	33,853,320	25,858,680

492	NNT20871	Nguyễn Phan Hạnh Dung	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	62,324,063	8,071,063	54,253,000	33,967,965	20,285,035
493	NNT20363	Đỗ Thị Thành	Phường Phú Diễn, Hà Nội	200,000,000	154,000,000	46,000,000	34,000,000	12,000,000
494	NNT19682	Lỗ Thị Toan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	34,000,000	17,546,000
495	NNT14257	Nguyễn Việt Phương	Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	692,287,000	345,000,000	347,287,000	34,164,000	313,123,000
496	NNT17886	Vũ Tiến Mạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	54,546,000	0	54,546,000	34,197,000	20,349,000
497	NNT14372	Nguyễn Thị Huyền Thương	phường Giảng Võ, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	34,254,000	215,746,000
498	NNT00088	Nguyễn Thị Phương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,914,696,833	764,696,832	1,150,000,001	34,292,682	1,115,707,319
499	NNT17100	Cao Thu Yến	Phường Khương Đình, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	34,296,000	68,797,000
500	NNT16765	Nguyễn Thị Mai	P.Thống Nhất, Phú Thọ	62,485,040	12,485,040	50,000,000	34,371,960	15,628,040
501	NNT15685	Đặng Cường	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	34,411,000	50,589,000
502	NNT17378	Nguyễn Bích Hằng	phường Hồng Hà, Hà Nội	109,926,000	5,000,000	104,926,000	34,416,960	70,509,040
503	NNT11660	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Việt Hưng, Hà Nội	386,326,000	0	386,326,000	34,448,840	351,877,160
504	NNT14592	Đặng Văn Kiên	Xã Bát Tràng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	34,500,000	65,500,000
505	NNT15600	Nguyễn Thị Phương	Xã Gia Phúc, Hải Phòng	115,000,000	0	115,000,000	34,511,000	80,489,000
506	NNT20189	Đoàn Thị Lôi	Phường Từ Liêm, Hà Nội	199,493,000	0	199,493,000	34,538,000	164,955,000

507	NNT15437	Nguyễn Thị Vân	P.Hồng Hà, Hà Nội	206,482,261	51,147,261	155,335,000	34,565,739	120,769,261
508	NNT11916	Nguyễn Bá Hanh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	831,559,000	-200,000,000	1,031,559,000	34,581,235	996,977,765
509	NNT19459	Phạm Thùy Dung	Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	56,440,000	0	56,440,000	34,654,000	21,786,000
510	NNT12893	Phạm Thị Xuân Thảo	Phường Định Công, Hà Nội	2,368,250,000	238,000,000	2,130,250,000	34,849,700	2,095,400,300
511	NNT22385	Đoàn Thị Kim Oanh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	51,813,000	15,000,000	36,813,000	34,999,545	1,813,455
512	NNT20193	Nguyễn Anh Tuấn	P304 - Số 3B Phường Kim Liên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	35,000,000	15,000,000
513	NNT21357	Đặng Thị Thu Hương	126 ngách 267/2 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà Hà Nội	414,508,000	365,000,000	49,508,000	35,000,000	14,508,000
514	NNT20083	Nguyễn Thị Hiền	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	52,795,000	0	52,795,000	35,000,000	17,795,000
515	NNT18474	Đoàn Thị Ngọc Mai	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	35,015,000	64,985,000
516	NNT21347	Đặng Thị Tươi	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	35,073,000	14,927,000
517	NNT16117	Trần Thanh Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	586,095,000	0	586,095,000	35,090,210	551,004,790
518	NNT12759	Nguyễn Thị Thanh	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	195,730,808	43,288,808	152,442,000	35,105,704	117,336,296
519	NNT20550	Nguyễn Thị Minh Thúy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	35,235,000	14,765,000
520	NNT15282	Nguyễn Thị Phương Thảo	P.Bach Mai, Hà Nội	960,924,857	333,606,857	627,318,000	35,301,143	592,016,857
521	NNT15950	Nguyễn Thị Hồng	Xã Mê Linh, Hà Nội	142,979,638	39,083,638	103,896,000	35,355,907	68,540,093

522	NNT12986	Phạm Mạnh Khang	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	35,363,000	73,927,000
523	NNT00636	Trần Thị Mơ	Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	141,587,000	0	141,587,000	35,408,000	106,179,000
524	NNT24333	Nguyễn Thị Hương	Xã Hải Xuân, Tỉnh Ninh Bình	35,513,000	0	35,513,000	35,424,217	88,783
525	NNT11464	Vũ Thị Hồng Vân	P.Hồng Hà, Hà Nội	140,000,000	23,000,000	117,000,000	35,478,000	81,522,000
526	NNT21127	Trần Thị Liên	Phường Yên Hòa, Hà Nội	50,000,000	7,500,000	42,500,000	35,500,000	7,000,000
527	NNT19050	Trần Thị Thanh Thảo	Xã Mậu A, Lào Cai	100,000,000	60,000,000	40,000,000	35,500,000	4,500,000
528	NNT19975	Nguyễn Đức Trung	Phường Sơn Tây, Hà Nội	62,500,000	0	62,500,000	35,560,000	26,940,000
529	NNT12534	Nguyễn Minh Hằng	P. Hà Giang 2, Tuyên Quang	108,696,000	0	108,696,000	35,748,000	72,948,000
530	NNT13926	Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Phường Giảng Võ, Hà Nội	62,766,000	3,000,000	59,766,000	35,750,000	24,016,000
531	NNT12518	Nguyễn Hữu Thạch	Xã Ô Diên, Hà Nội	61,140,000	0	61,140,000	35,809,000	25,331,000
532	NNT12834	Nguyễn Hiền	Phường Bồ Đề, Hà Nội	97,341,000	0	97,341,000	35,834,000	61,507,000
533	NNT12305	Đỗ Thị Minh Hằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	35,954,000	464,046,000
534	NNT15050	Bùi Thị Đông Bích Thảo	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	35,992,000	67,101,000
535	NNT16436	Lê Ngọc Minh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	300,000,000	255,000,000	45,000,000	36,000,000	9,000,000
536	NNT12794	Phạm Đình Ngọc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	74,012,000	0	74,012,000	36,024,000	37,988,000

537	NNT01517	Nguyễn Diệp Anh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,122,116,000	579,325,000	542,791,000	36,031,000	506,760,000
538	NNT18659	Nguyễn Trọng Đức	Phường Hàm Rồng, Thanh Hoa	150,898,339	42,202,339	108,696,000	36,110,661	72,585,339
539	NNT00473	Tạ Thị Minh	P.Tây Hồ, Hà Nội	287,544,000	0	287,544,000	36,141,000	251,403,000
540	NNT19305	Trịnh Đức Kỳ	Phường Xuân Phương, Hà Nội	68,421,000	0	68,421,000	36,186,000	32,235,000
541	NNT16088	Nguyễn Thúy Hương	Phường Xuân Phương, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	36,350,000	23,650,000
542	NNT15371	Đinh Anh Tuấn	Xã Hoài Đức, Hà Nội	74,931,000	2,000,000	72,931,000	36,398,000	36,533,000
543	NNT17849	Đào Thị Hường	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	300,006,747	140,000,000	160,006,747	36,463,900	123,542,847
544	NNT18508	Phạm Thị Quỳnh Hằng	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	52,910,000	0	52,910,000	36,500,000	16,410,000
545	NNT12513	Trịnh Xuân Phương	P. Tân Bình, TP HCM	94,042,000	0	94,042,000	36,559,000	57,483,000
546	NNT12225	Phan Thị Thảo	Phường Đồng Đa, Hà Nội	669,986,000	0	669,986,000	36,563,000	633,423,000
547	NNT18779	Đỗ Thị Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	36,606,000	14,940,000
548	NNT00413	Võ Thị Minh Nghĩa	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,916,594,000	0	4,916,594,000	36,685,000	4,879,909,000
549	NNT19785	Đào Văn Quỳnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	54,054,000	3,000,000	51,054,000	36,689,980	14,364,020
550	NNT19784	Vũ Xuân Hải	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	54,054,000	3,000,000	51,054,000	36,690,980	14,363,020
551	NNT16494	Lê Thị Song Hà	Phường Đồng Đa, Hfa Nội	211,640,000	5,000,000	206,640,000	36,800,000	169,840,000

552	NNT13503	Phạm Thị Duyên	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	232,893,000	100,000,000	132,893,000	36,843,000	96,050,000
553	NNT11992	Vũ Phương Linh	P.Cửa Nam, Hà Nội	265,687,000	8,197,000	257,490,000	36,872,915	220,617,085
554	NNT15801	Nguyễn Ngọc Ánh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	148,706,000	0	148,706,000	37,024,600	111,681,400
555	NNT15369	Nguyễn Minh Dũng	Xã Hoài Đức, Hà Nội	72,485,000	0	72,485,000	37,049,000	35,436,000
556	NNT01532	Đinh Thị Thanh Vân	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	501,148,000	120,000,000	381,148,000	37,145,000	344,003,000
557	NNT20270	Đỗ Thị Năm	114 Trịnh Khả, Kiều Đại, Hạc Thành, Thanh Hóa	52,910,000	2,000,000	50,910,000	37,154,000	13,756,000
558	NNT20547	Hoàng Thị Mạch	Phường Ba Đình, Hà Nội	82,950,978	14,167,978	68,783,000	37,182,022	31,600,978
559	NNT14179	Trần Đăng Khoa	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	115,000,000	0	115,000,000	37,200,000	77,800,000
560	NNT14307	Trần Thị Hương Giang	Phường Kim Liên, Hà Nội	150,389,355	30,221,177	120,168,178	37,209,000	82,959,178
561	NNT22527	Nguyễn Thị Nhân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	50,000,000	0	50,000,000	37,223,000	12,777,000
562	NNT23882	Nguyễn Kim Thoa	Phường Hoàng Liệt, Đống Đa, Hà Nội	100,000,000	60,000,000	40,000,000	37,229,000	2,771,000
563	NNT21225	Đặng Lan Anh	Phường Tương Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	37,250,000	12,750,000
564	NNT14060	Đặng Thị Thanh Hằng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	37,298,000	67,965,000
565	NNT14178	Nguyễn Kim Dung	P109-A3 TT Nam Đồng, phường Kim Liên, Hà Nội	111,389,000	0	111,389,000	37,307,000	74,082,000
566	NNT17210	Phạm Hồng Hà	Phường Xuân Đình, Hà Nội	75,313,000	0	75,313,000	37,308,000	38,005,000

567	NNT20459	Chu Toàn Chung	Phường Kim Liên, Hà Nội	54,645,000	8,212,000	46,433,000	37,416,175	9,016,825
568	NNT22069	Đỗ Thị Duyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	37,473,000	12,527,000
569	NNT12093	Phan Thị Liên	Xã Phát Diệm, Ninh Bình	52,910,000	0	52,910,000	37,529,000	15,381,000
570	NNT14396	Nguyễn Văn Dũng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	37,538,000	65,555,000
571	NNT17731	Nguyễn Thúy Anh	Xã Thạch Thất, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	37,576,000	12,424,000
572	NNT10990	Nguyễn Thị Bình	Xã Đan Phượng, TP Hà Nội	150,299,000	0	150,299,000	37,612,000	112,687,000
573	NNT15747	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,	103,092,000	0	103,092,000	37,720,000	65,372,000
574	NNT18414	Nguyễn Thị Dung	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	62,868,000	0	62,868,000	37,750,000	25,118,000
575	NNT14483	Đỗ Thị Mận	Xã Yên Cường, Tỉnh Ninh Bình	73,141,000	0	73,141,000	37,750,000	35,391,000
576	NNT18587	Phạm Quyết Thắng	P.Tân Hòa, Phú Thọ	50,000,000	0	50,000,000	37,764,000	12,236,000
577	NNT15400	Nguyễn Thị Thuận	Xã Yên Châu, Sơn La	65,323,000	0	65,323,000	37,773,000	27,550,000
578	NNT18084	Nguyễn Đức Thắng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	61,856,000	0	61,856,000	37,811,000	24,045,000
579	NNT12484	Nguyễn Thị Lan Phương	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	367,506,000	0	367,506,000	37,813,859	329,692,141
580	NNT15447	Nguyễn Thị Dung	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	63,030,000	0	63,030,000	37,828,000	25,202,000
581	NNT16233	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	113,008,000	0	113,008,000	37,848,000	75,160,000

582	NNT19197	Đông Hải Tiến	Phường Đông Ngạc,, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	37,973,000	12,027,000
583	NNT16766	Hà Minh Phương	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	110,052,000	0	110,052,000	37,995,463	72,056,537
584	NNT18858	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Ba Đình, Hà Nội	123,095,890	11,547,946	111,547,944	38,191,204	73,356,740
585	NNT20798	Lý Thu Nam	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	53,763,000	8,064,000	45,699,000	38,200,000	7,499,000
586	NNT21983	Bùi Trung Thành	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	101,010,000	40,830,000	60,180,000	38,204,000	21,976,000
587	NNT11782	Chu Ngọc Bích	Phường Bồ Đề, Hà Nội	92,120,000	86,000,000	6,120,000	38,216,000	-32,096,000
588	NNT21448	Lê Minh Sáng	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	53,476,000	8,021,000	45,455,000	38,303,000	7,152,000
589	NNT15201	Nguyễn Tuyết Dung	Phường Tương Mai, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	38,358,000	80,199,000
590	NNT16491	Trần Thị Mỹ	Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	67,147,000	0	67,147,000	38,390,000	28,757,000
591	NNT12301	Nguyễn Đình Dương	P.Phương Liệt, Hà Nội	172,000,000	25,800,000	146,200,000	38,410,260	107,789,740
592	NNT14503	Phạm Văn Lộc	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	103,344,000	0	103,344,000	38,456,000	64,888,000
593	NNT15607	Trần Thị Hà Thu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	59,278,000	0	59,278,000	38,500,000	20,778,000
594	NNT15553	Nguyễn Văn Quân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	204,637,000	100,000,000	104,637,000	38,502,000	66,135,000
595	NNT21938	Đoàn Thị Tám	Phường Kiến Hưng Hà Nội	53,476,000	8,021,000	45,455,000	38,503,000	6,952,000
596	NNT22758	Nguyễn Thị Kim Thanh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	53,476,000	8,021,000	45,455,000	38,503,060	6,951,940

597	NNT17720	Bùi Ngọc Tân	Phường Xuân Phương, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	38,600,000	11,400,000
598	NNT14823	Nguyễn Tuấn An	Phường Phú Diễn, Hà Nội	221,650,000	118,557,000	103,093,000	38,627,180	64,465,820
599	NNT17716	Lưu Thị Tách	Phường Hoàng Mai; Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	62,585,000	0	62,585,000	38,631,702	23,953,298
600	NNT17683	Lê Thị Ái Nga	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	64,880,000	0	64,880,000	38,677,000	26,203,000
601	NNT17003	Vũ Thị Hồng	Xã Đông Quan, Hưng Yên	71,429,000	0	71,429,000	38,723,702	32,705,298
602	NNT19710	Phan Khánh Hòa	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	103,629,000	50,000,000	53,629,000	38,725,000	14,904,000
603	NNT17792	Đào Mạnh Quang	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	210,000,000	166,000,000	44,000,000	38,750,000	5,250,000
604	NNT16081	Lê Thị Hoa	Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh	103,092,000	5,000,000	98,092,000	38,786,000	59,306,000
605	NNT17136	Nguyễn Thùy Anh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	38,798,000	79,759,000
606	NNT12535	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phường Nam Nha Trang, Khánh Hoà	95,879,000	0	95,879,000	38,800,000	57,079,000
607	NNT00853	Đỗ Thị Dụ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	216,124,000	100,000,000	116,124,000	38,824,000	77,300,000
608	NNT20632	Nguyễn Thị Thủy	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	50,000,000	0	50,000,000	38,829,000	11,171,000
609	NNT11087	Nguyễn Thị Liên	Xã Dân Hoà, Hà Nội	119,839,000	0	119,839,000	38,858,680	80,980,320
610	NNT18466	Hồng Ngọc Bích	Phường Sơn Tây, Hà Nội	178,483,418	61,135,418	117,348,000	38,863,280	78,484,720
611	NNT14198	Đỗ Hoài Thu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	92,866,000	0	92,866,000	38,867,877	53,998,123

612	NNT21998	Nguyễn Thị Thanh Lan	Xã Ô Diên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	38,873,000	11,127,000
613	NNT15830	Phạm Thị Thanh Hằng	Phường Láng, Hà Nội	73,657,000	0	73,657,000	39,000,000	34,657,000
614	NNT16565	Nguyễn Đức Sơn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	39,000,000	11,000,000
615	NNT10907	Nguyễn Kiến Bệ	Phường Ba Đình, Hà Nội	115,235,000	0	115,235,000	39,038,330	76,196,670
616	NNT16093	Hà Thị Vân Khánh	Xã Chi Lãng, Lạng Sơn; Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	57,692,000	0	57,692,000	39,065,000	18,627,000
617	NNT17151	Vũ Thị Bích	Phường Hà Đông, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	39,100,000	10,900,000
618	NNT17160	Vũ Ngọc Diệp	Xã Nghĩa Sơn, Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	39,100,000	10,900,000
619	NNT17591	Nguyễn Văn Minh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	62,500,000	0	62,500,000	39,100,000	23,400,000
620	NNT20249	Đỗ Thị Quỳnh Chi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	70,863,337	8,109,168	62,754,169	39,154,000	23,600,169
621	NNT16948	Hoàng Bích Việt	P.Hà Đông, Hà Nội	74,440,000	0	74,440,000	39,174,000	35,266,000
622	NNT18497	Ngô Thị Thành	Phường Hồng Hà, Hà Nội	54,054,000	0	54,054,000	39,250,000	14,804,000
623	NNT15681	Bùi Thị Hương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	39,326,000	60,674,000
624	NNT19439	Nguyễn Duy Đạt	Phường Hồng Hà, Hà Nội	62,072,000	0	62,072,000	39,341,000	22,731,000
625	NNT20789	Dương Thị Thanh Tâm	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	39,392,000	10,608,000
626	NNT11942	Đàm Thị Lan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	105,000,000	0	105,000,000	39,402,000	65,598,000

627	NNT20410	Trần Văn Lộc	Phường Vân Hà, Bắc Ninh;	52,067,000	0	52,067,000	39,427,000	12,640,000
628	NNT14862	Vũ Mạnh Thắng	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	60,846,000	0	60,846,000	39,430,000	21,416,000
629	NNT11416	Trịnh Minh Phúc	Phường Láng, Hà Nội	2,099,867,000	1,020,000,000	1,079,867,000	39,444,255	1,040,422,745
630	NNT14526	Lưu Thành Đô	Phường Xuân Đình, Hà Nội	125,667,193	41,667,193	84,000,000	39,448,000	44,552,000
631	NNT17774	Nguyễn Thị Liên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	230,000,000	150,000,000	80,000,000	39,500,000	40,500,000
632	NNT18729	Hoàng Thanh Ngự	Xã Yên Lãng, Hà Nội	91,592,000	0	91,592,000	39,500,000	52,092,000
633	NNT19569	Lê Nguyễn Diệu Hằng	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	108,108,000	0	108,108,000	39,517,000	68,591,000
634	NNT16710	Nguyễn Thị Ninh	Phường Khương Đình, Hà Nội	261,706,000	0	261,706,000	39,525,110	222,180,890
635	NNT13799	Nguyễn Thùy Linh	P.Phương Liệt, Hà Nội	86,908,000	0	86,908,000	39,587,820	47,320,180
636	NNT01199	Phạm Huy Thông	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	430,639,811	129,639,811	301,000,000	39,626,000	261,374,000
637	NNT16223	Trần Xuân Hải	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	128,776,000	0	128,776,000	39,683,000	89,093,000
638	NNT20987	Trần Thị Thảo Loan	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	52,631,000	0	52,631,000	39,710,000	12,921,000
639	NNT21851	Kim Thị Tâm	Xã Cam Phúc, Nghệ An	52,083,000	0	52,083,000	39,750,000	12,333,000
640	NNT13151	Trần Thị Nhân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	129,350,000	0	129,350,000	39,767,000	89,583,000
641	NNT21800	Phùng Thị Thùy Dương	Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	39,805,000	10,195,000

642	NNT13533	Phạm Thị Thanh Thủy	Xã Đông Anh, Hà Nội	207,376,000	102,712,000	104,664,000	39,815,000	64,849,000
643	NNT13606	Phạm Thị Hải Bình	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,773,000	0	100,773,000	39,817,000	60,956,000
644	NNT23864	Trần Quang Hưng	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	62,302,251	22,302,251	40,000,000	39,858,526	141,474
645	NNT21006	Lê Thị Mơ	Số 8, ngách 35 ngõ 4 phố Phương Mai, P. Kim Liên, Hà Nội	62,794,104	9,884,104	52,910,000	39,914,000	12,996,000
646	NNT21137	Nguyễn Hoàng Anh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	39,920,000	11,626,000
647	NNT15151	Đồng Thị Loan	Xã Tiên Lữ, Tỉnh Bắc Ninh	360,000,000	149,500,000	210,500,000	39,950,000	170,550,000
648	NNT15069	Cao Thị Hòa	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	39,951,055	60,048,945
649	NNT19921	Trương Đức Tài	Xã Nhân Hà, Ninh Bình;	60,817,000	0	60,817,000	39,963,000	20,854,000
650	NNT19919	Nguyễn Thị Thủy	Xã Lạc Lương, Phú Thọ	60,817,000	0	60,817,000	39,963,000	20,854,000
651	NNT21386	Vũ Thị Hà	Phường Vĩnh Yên, Phú Thọ	51,813,000	10,000,000	41,813,000	40,000,000	1,813,000
652	NNT20113	Nguyễn Thị Thu Trang	Phường Vĩnh Yên, Phú Thọ;	106,952,000	60,000,000	46,952,000	40,000,000	6,952,000
653	NNT22227	Vũ Thị Minh Hải	Phường Ba Đình, Hà Nội	104,712,000	60,000,000	44,712,000	40,000,000	4,712,000
654	NNT23096	Nguyễn Thị Nhung		61,345,021	21,345,021	40,000,000	40,000,000	0
655	NNT19261	Hà Thị Thu Hiền	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	63,509,000	0	63,509,000	40,000,000	23,509,000
656	NNT21114	Vũ Thị Thắng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	40,080,150	11,465,850

657	NNT13392	Nguyễn Thị Hồng	Xã Tam Giang, Tỉnh Bắc Ninh	289,466,631	88,239,631	201,227,000	40,092,609	161,134,391
658	NNT17699	Lê Thanh Bình	Phường Bồ Đề, Hà Nội	300,000,000	250,000,000	50,000,000	40,100,000	9,900,000
659	NNT15158	Nguyễn Thùy Chi	Phường Định Công, Hà Nội	103,626,000	0	103,626,000	40,100,000	63,526,000
660	NNT20861	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	40,105,000	11,441,000
661	NNT18705	Quách Đình Phương	Xã Kim Bôi, Phú Thọ	75,706,000	0	75,706,000	40,108,545	35,597,455
662	NNT13537	Nguyễn Thu Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	40,112,000	62,980,000
663	NNT13137	Nguyễn Thị Xuyên	Xã Tà Hộc, Sơn La	67,254,000	0	67,254,000	40,175,000	27,079,000
664	NNT22126	Trần Thùy Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	40,183,000	9,817,000
665	NNT11388	Bùi Khánh Linh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	175,868,672	0	175,868,672	40,223,000	135,645,672
666	NNT11316	Nguyễn Ngọc Khánh Diệp	Xã Vật Lại, Hà Nội	130,867,000	0	130,867,000	40,319,000	90,548,000
667	NNT21370	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Việt Hưng, TP Hà Nội	51,020,000	0	51,020,000	40,415,000	10,605,000
668	NNT21568	Nguyễn Thị Ái	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	40,415,000	11,131,000
669	NNT22073	Phạm Thị Phương Thúy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	40,415,545	11,130,455
670	NNT17243	Lê Thị Thu	Phường Từ Liêm, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	40,435,700	29,564,300
671	NNT01553	Hoàng Thị Anh	Xã Liên Minh, Ninh Bình	254,094,000	0	254,094,000	40,455,000	213,639,000

672	NNT16478	Nguyễn Thị Bích	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	51,550,000	0	51,550,000	40,468,000	11,082,000
673	NNT21298	Trần Thị Chiêu	Phường Đồng Đa, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	40,500,000	12,410,000
674	NNT14366	Hoàng Thanh Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	102,000,000	15,000,000	87,000,000	40,500,000	46,500,000
675	NNT17490	Mai Thị Sâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	64,388,000	0	64,388,000	40,537,702	23,850,298
676	NNT12914	Phạm Thị Kim Đích	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,137,825,000	0	1,137,825,000	40,539,000	1,097,286,000
677	NNT19205	Phan Thu Hiền	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	40,570,000	59,430,000
678	NNT12718	Phan Thúy Hồng	Phường Ba Đình, Hà Nội	142,268,000	0	142,268,000	40,590,000	101,678,000
679	NNT15802	Đinh Anh Tú	Xã Hoài Đức, Hà Nội	69,385,000	0	69,385,000	40,613,000	28,772,000
680	NNT18879	Tạ Thị Phương	Xã Quốc Oai, Hà Nội	64,323,000	0	64,323,000	40,641,000	23,682,000
681	NNT11106	Lý Thị Hạnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	324,228,000	158,773,000	165,455,000	40,666,000	124,789,000
682	NNT13429	Phạm Thị Hà Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	139,475,000	10,296,117	129,178,883	40,673,000	88,505,883
683	NNT00126	Nguyễn Thị Tuyết Mai	phường Giảng Võ, Hà Nội	604,339,282	335,383,282	268,956,000	40,706,000	228,250,000
684	NNT10942	Nguyễn Thị Sinh	Xã Đa Phúc, Hà Nội	135,985,767	30,985,767	105,000,000	40,709,000	64,291,000
685	NNT22050	Lê Thị Huyền	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	54,000,000	0	54,000,000	40,750,000	13,250,000
686	NNT16037	Hoàng Thị Thanh	Phường Long Biên, Hà Nội	67,449,000	0	67,449,000	40,750,000	26,699,000

687	NNT20567	Trịnh Huy Đức	Phường Thành Đông, Hải Phòng	51,722,000	0	51,722,000	40,756,000	10,966,000
688	NNT20309	Phạm Thị Trang	P.Thanh Liệt, Hà Nội	54,546,000	0	54,546,000	40,764,100	13,781,900
689	NNT17565	Lê Thị Hạnh	Xã Đại Thanh, Hà Nội	79,688,000	0	79,688,000	40,791,000	38,897,000
690	NNT16547	Trần Đăng Thành	Xã Vân Đình, Hà Nội	166,767,440	36,276,440	130,491,000	40,805,956	89,685,044
691	NNT15334	Trương Thu Thủy	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	40,813,000	62,280,000
692	NNT19345	Trịnh Thị Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	83,770,000	5,000,000	78,770,000	40,912,000	37,858,000
693	NNT19189	Tô Hải Minh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	147,382,304	39,274,304	108,108,000	40,934,696	67,173,304
694	NNT12830	Hoàng Thị Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	370,491,365	70,491,365	300,000,000	40,976,000	259,024,000
695	NNT15756	Lê Thị Hồng Quyên	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	51,814,000	0	51,814,000	41,000,000	10,814,000
696	NNT21308	Mai Thị Thủy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	100,000,000	47,500,000	52,500,000	41,000,000	11,500,000
697	NNT20753	Vũ Thị Hồng Vân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	41,000,000	9,000,000
698	NNT15780	Vũ Đình Thanh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	41,000,000	9,000,000
699	NNT21529	Phạm Thùy Linh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	51,831,000	0	51,831,000	41,000,000	10,831,000
700	NNT17091	Phùng Thị Lan Phương	Phường Khương Đình, Hà Nội	121,789,000	0	121,789,000	41,191,500	80,597,500
701	NNT18345	Trần Thị Thu Hằng	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	61,447,000	0	61,447,000	41,250,000	20,197,000

702	NNT17674	Nguyễn Thành Long	P.Bạch Mai, Hà Nội	108,108,000	16,216,000	91,892,000	41,269,000	50,623,000
703	NNT11298	Trần Bình Minh	P.Cửa Nam, Hà Nội	1,418,294,017	632,041,000	786,253,017	41,312,014	744,941,003
704	NNT18129	Nguyễn Thu Diệp	Phường Giảng Võ, hà Nội	161,196,000	0	161,196,000	41,329,000	119,867,000
705	NNT13746	Lê Thị Hồng Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	176,125,000	0	176,125,000	41,628,000	134,497,000
706	NNT12336	Lê Thị Mận	Phường Từ Liêm, Hà Nội	228,723,000	0	228,723,000	41,714,020	187,008,980
707	NNT19723	Nguyễn Văn Thương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	56,534,000	0	56,534,000	41,805,000	14,729,000
708	NNT19724	Lê Thị Chính	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	57,220,000	0	57,220,000	41,805,000	15,415,000
709	NNT21860	Lê Kim Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	53,415,000	0	53,415,000	41,896,000	11,519,000
710	NNT19938	Vũ Văn Giang	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	65,733,000	0	65,733,000	41,979,000	23,754,000
711	NNT19909	Lê Thị Ánh	Phường Hà Nam, Tỉnh Ninh Bình	65,733,000	0	65,733,000	41,979,000	23,754,000
712	NNT20018	Hứa Như Quỳnh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	55,704,000	0	55,704,000	41,979,060	13,724,940
713	NNT22322	Nguyễn Thị Huệ	Phường Kim Liên, Hà Nội	52,632,000	7,895,000	44,737,000	42,000,000	2,737,000
714	NNT20857	Nguyễn Lan Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	55,426,000	0	55,426,000	42,038,000	13,388,000
715	NNT20903	Nguyễn Khánh Vinh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	64,831,536	10,286,536	54,545,000	42,063,950	12,481,050
716	NNT22147	Lê Thúy Vi	Phường Tương Mai, Hà Nội	209,424,000	160,000,000	49,424,000	42,094,000	7,330,000

717	NNT17338	Lưu Thị Minh Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	103,627,000	3,000,000	100,627,000	42,100,000	58,527,000
718	NNT22268	Nguyễn Thị Hằng Nga	Phường Xuân Phương, Hà Nội	53,694,000	0	53,694,000	42,188,000	11,506,000
719	NNT13105	Giang Thanh Thúy	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	132,345,000	4,000,000	128,345,000	42,188,000	86,157,000
720	NNT19229	Dương Ngọc Hồng	Phường Định công, Hà Nội	66,621,000	0	66,621,000	42,224,545	24,396,455
721	NNT22430	Nguyễn Bảo Phương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	52,870,000	0	52,870,000	42,228,000	10,642,000
722	NNT21787	Hoàng Thị Vân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	53,415,000	0	53,415,000	42,229,000	11,186,000
723	NNT17598	Nguyễn Thị Thịnh	Phường Nam Đông Hà, Quảng Trị	54,715,000	0	54,715,000	42,243,702	12,471,298
724	NNT18283	Lê Thị Kim Liên	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	52,632,000	0	52,632,000	42,250,000	10,382,000
725	NNT13440	Phùng Thị Mơ	Xã Vật Lại, Hà Nội	153,371,000	0	153,371,000	42,325,600	111,045,400
726	NNT14953	Phạm Tuyết Minh	P. Giảng Võ, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	42,388,000	60,705,000
727	NNT15453	Lý Thu Hiền	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	100,000,000	0	100,000,000	42,446,000	57,554,000
728	NNT16232	Nguyễn Hoài Thực Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	42,459,000	42,541,000
729	NNT21064	Nguyễn Thị Thanh Mai	P. Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	100,000,000	53,000,000	47,000,000	42,500,000	4,500,000
730	NNT19712	Vũ Thị Thắm	Xã Hương Sơn, Hà Nội	99,852,000	0	99,852,000	42,560,000	57,292,000
731	NNT19518	Võ Thị Hồng Lam	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	112,392,000	55,000,000	57,392,000	42,750,000	14,642,000

732	NNT12489	Nguyễn Thị Quát	xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	42,783,000	57,217,000
733	NNT01554	Nguyễn Thị Thành	Phường Tương Mai, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	42,801,000	175,778,000
734	NNT11865	Nguyễn Thị Phương Mai	Phường Tây Hồ, Hà Nội	189,780,567	38,038,567	151,742,000	42,871,000	108,871,000
735	NNT10859	Nguyễn Thị Hải Yến	Phường Song Liễu, Bắc Ninh;	204,279,000	0	204,279,000	42,964,500	161,314,500
736	NNT14427	Đặng Thị Minh Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	501,826,000	0	501,826,000	43,005,000	458,821,000
737	NNT14918	Nguyễn Danh Trường	Phường Hà Đông, Hà Nội	104,166,000	0	104,166,000	43,224,210	60,941,790
738	NNT15608	Nguyễn Thị Quỳnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	102,041,000	0	102,041,000	43,242,000	58,799,000
739	NNT17073	Dương Thị Bình Minh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	116,395,000	55,000,000	61,395,000	43,350,000	18,045,000
740	NNT11923	Lê Thị Trang	phường Hồng Hà, TP Hà Nội	144,397,931	35,657,931	108,740,000	43,394,479	65,345,521
741	NNT17011	Trịnh Thị Nhã	Phường Ba Đình, Hà Nội	103,000,000	0	103,000,000	43,466,000	59,534,000
742	NNT16240	Nguyễn Thị Luyến	Phường Đồng Ngạc, Hà Nội	74,753,000	0	74,753,000	43,500,000	31,253,000
743	NNT19413	Phạm Văn Hiến	Phường Cầu Giấy, Hà Nội;	240,413,956	134,500,956	105,913,000	43,566,044	62,346,956
744	NNT18343	Nguyễn Thị Uyển Thương	P.Bach Mai, Hà Nội	85,185,000	25,000,000	60,185,000	43,650,000	16,535,000
745	NNT17547	Nguyễn Thu An	Phường Giảng Võ, Hà Nội	174,472,877	75,000,000	99,472,877	43,723,000	55,749,877
746	NNT14795	Trần Thanh Phương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	251,366,000	37,705,000	213,661,000	43,731,000	169,930,000

747	NNT22263	Tuấn Thị Thanh Vân	Xã Hoài Đức, Hà Nội	52,083,000	0	52,083,000	43,750,000	8,333,000
748	NNT16437	Trịnh Thị Sáu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	162,200,000	0	162,200,000	43,782,000	118,418,000
749	NNT01476	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	227,589,000	67,575,000	160,014,000	43,814,000	116,200,000
750	NNT24150	Lưu Thu Hương	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	56,124,658	6,124,658	50,000,000	43,875,342	6,124,658
751	NNT11866	Lê Thị Bích Lan	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	311,640,000	0	311,640,000	43,911,000	267,729,000
752	NNT13037	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Xã Quảng Oai, Hà Nội	316,716,000	100,000,000	216,716,000	43,996,480	172,719,520
753	NNT23594	Nguyễn Thị Thoa	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	61,413,175	9,867,175	51,546,000	44,000,000	7,546,000
754	NNT12348	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	106,383,000	0	106,383,000	44,058,000	62,325,000
755	NNT10902	Bùi Phương Linh	Phường Dương Nội, Hà Nội	315,267,000	100,000,000	215,267,000	44,154,000	171,113,000
756	NNT13877	Nguyễn Thị Kim Hoa	Phường Kim Liên, Hà Nội	144,385,000	20,000,000	124,385,000	44,191,000	80,194,000
757	NNT20049	Nguyễn Chu Mạnh	Xã Thuận An, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	44,209,240	58,882,760
758	NNT14400	Nguyễn Thị Ngọc Ly	Xã Phong Doanh, Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	44,245,000	55,755,000
759	NNT01226	Nguyễn Cát Phong	Phường Khương Đình, Hà Nội	304,342,000	0	304,342,000	44,364,280	259,977,720
760	NNT20716	Nguyễn Thị Thật	Xã Ân Thi, Hưng Yên	104,167,000	45,000,000	59,167,000	44,400,000	14,767,000
761	NNT18717	Nguyễn Thanh Tùng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	100,000,000	50,000,000	50,000,000	44,500,000	5,500,000

762	NNT19065	Nguyễn Văn Loan	Xã Bình Giang, Hải Phòng	123,691,947	0	123,691,947	44,529,000	79,162,947
763	NNT02063	Nguyễn Thị Mây	Phường Tây Hồ, Hà Nội	822,816,000	0	822,816,000	44,550,000	778,266,000
764	NNT22067	Đoàn Thị Hương	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	140,000,000	90,000,000	50,000,000	44,600,000	5,400,000
765	NNT15644	Trần Phương Bình	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	106,832,000	0	106,832,000	44,713,000	62,119,000
766	NNT20105	Ngô Thúy Liên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	54,823,000	0	54,823,000	44,739,000	10,084,000
767	NNT23761	Bùi Thị Mai Hương	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	2,000,000	48,000,000	44,750,000	3,250,000
768	NNT02172	Ngô Tuấn Anh	Phường Đống Đa, Hà Nội	165,660,000	0	165,660,000	44,783,500	120,876,500
769	NNT20656	Nguyễn Thùy Linh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	65,934,000	9,890,000	56,044,000	44,835,000	11,209,000
770	NNT15043	Lê Thị Thu	P. Nam Định, Ninh Bình	113,637,000	0	113,637,000	44,875,000	68,762,000
771	NNT17696	Lê Xuân Hùng	Phường Hà Đông, Hà Nội	105,820,000	36,106,000	69,714,000	44,876,271	24,837,729
772	NNT14909	Trần Huy Lợi	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	44,878,000	105,122,000
773	NNT20131	Phạm Huệ Anh	Phường Đống Đa, Hà Nội	211,640,000	132,303,000	79,337,000	44,958,000	34,379,000
774	NNT11888	Mai Văn Đạt	P.Bạch Mai, Hà Nội	120,162,000	0	120,162,000	44,978,000	75,184,000
775	NNT21149	Nguyễn Mai Hoa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	61,747,000	5,000,000	56,747,000	45,000,000	11,747,000
776	NNT22641	nguyễn Quang Thông	Xã Nghĩa Dân, Hưng Yên	50,505,000	5,000,000	45,505,000	45,000,000	505,000

777	NNT17544	Nguyễn Thị Tú	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	59,278,000	0	59,278,000	45,066,000	14,212,000
778	NNT11021	Lê Thị Minh Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,392,928,483	1,856,803,483	1,536,125,000	45,360,420	1,490,764,580
779	NNT14837	Nguyễn Thị Dung	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	109,092,000	0	109,092,000	45,362,900	63,729,100
780	NNT15939	Đặng Thị Tuyết Nhung	Xã Bát Trảng, Hà Nội	479,278,000	0	479,278,000	45,498,000	433,780,000
781	NNT23595	Nguyễn Phương Ly	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	50,000,000	4,500,000	45,500,000	45,500,000	0
782	NNT17084	Nguyễn Văn Dương	Xã Thanh Oai, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	45,561,000	60,259,000
783	NNT12545	Bùi Xuân Hoạt	Phường Xuân Phương, Hà Nội	142,806,000	0	142,806,000	45,648,840	97,157,160
784	NNT17552	Trịnh Minh Thu	Phường Khương Đình, Hà Nội	61,856,000	0	61,856,000	45,668,000	16,188,000
785	NNT14086	Hoàng Thị Hải	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	45,697,397	154,302,603
786	NNT14942	Nguyễn Hoàng Minh Anh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	110,223,000	0	110,223,000	45,738,000	64,485,000
787	NNT24269	Nguyễn Thị Oanh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	50,000,000	4,250,000	45,750,000	45,750,000	0
788	NNT18687	Nguyễn Thị Đoài	Phường Giảng Võ, Hà Nội	165,960,694	54,240,694	111,720,000	45,759,306	65,960,694
789	NNT20832	Nguyễn Thị Kim Yến	Phường Bồ Đề, Hà Nội	64,516,000	9,678,000	54,838,000	45,806,000	9,032,000
790	NNT14605	Đinh Thị Hiền	Ngõ 409 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Hà Nội	109,290,000	16,393,500	92,896,500	45,863,500	47,033,000
791	NNT16372	Trần Thị Bích	Phường Bồ Đề, Hà Nội	305,541,000	0	305,541,000	45,879,000	259,662,000

792	NNT21711	Phạm Thị Thái	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	53,971,000	0	53,971,000	46,000,000	7,971,000
793	NNT23621	Đỗ Thị An	Phường Hồng Hà, Hà Nội	50,000,000	4,000,000	46,000,000	46,000,000	0
794	NNT16434	Phạm Thị Quỳnh Hoa	Phường Hồng Hà, Hà Nội	214,268,000	0	214,268,000	46,120,000	168,148,000
795	NNT02077	Dương Văn Cảnh	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	125,456,000	0	125,456,000	46,149,000	79,307,000
796	NNT13122	Nguyễn Khắc Huy	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	132,990,000	0	132,990,000	46,206,866	86,783,134
797	NNT01038	Đào Thị Anh Đào	Xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk	740,461,000	0	740,461,000	46,329,100	694,131,900
798	NNT12351	Nguyễn Hồng Trang	Phường Định Công, Hà Nội	108,947,000	0	108,947,000	46,370,000	62,577,000
799	NNT13683	Nguyễn Thị Nhật	Xã Đại Thanh, Hà Nội	300,143,758	70,097,758	230,046,000	46,456,242	183,589,758
800	NNT13940	Thân Thị Lài	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	267,397,214	153,292,214	114,105,000	46,615,000	67,490,000
801	NNT17668	Phạm Tuyết Chinh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	46,615,000	53,385,000
802	NNT12839	Trần Thị Hương Liên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	109,816,000	0	109,816,000	46,651,000	63,165,000
803	NNT12909	Hồ Thị Kim Dung	Phường Bồ Đề, Hà Nội	542,600,000	0	542,600,000	46,652,800	495,947,200
804	NNT14279	Nguyễn Thị Thanh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	46,665,000	164,975,000
805	NNT13086	Đinh Thị Kim Chi	Xã Bình Minh, Hà Nội	110,827,000	0	110,827,000	46,707,000	64,120,000
806	NNT11945	Vũ Thị Lê Hoa	Phường Xuân Phương, Hà Nội	113,503,000	0	113,503,000	46,709,247	66,793,753

807	NNT18482	Đoàn Long Giang	Phường Sơn Tây, Hà Nội	91,882,833	15,409,833	76,473,000	46,750,000	29,723,000
808	NNT02124	Nguyễn Văn Dũng	Phường Phú Thượng, Hà Nội	128,719,000	0	128,719,000	46,750,000	81,969,000
809	NNT18481	Đoàn Thị Hà Tiên	Phường Sơn Tây, Hà Nội	91,882,833	15,409,833	76,473,000	46,750,100	29,722,900
810	NNT00371	Lã Thị Hòa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	673,233,559	71,751,568	601,481,991	46,801,000	554,680,991
811	NNT13311	Vũ Thị Cẩm Vân	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	112,780,038	0	112,780,038	46,926,000	65,854,038
812	NNT16349	Lê Đức Thọ	Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	529,097,012	222,602,012	306,495,000	46,948,032	259,546,968
813	NNT19538	Lương Phan Hùng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	100,000,000	15,382,000	84,618,000	46,981,960	37,636,040
814	NNT20579	Nguyễn Duy Linh	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	62,188,000	0	62,188,000	47,000,000	15,188,000
815	NNT24131	Nguyễn Thị Hậu	Phường Hà An, Tỉnh Quảng Ninh	47,236,000	0	47,236,000	47,000,000	236,000
816	NNT19642	Trương Thị Thủy	Xã Thuận An, Hà Nội	72,889,000	0	72,889,000	47,000,000	25,889,000
817	NNT01990	Đặng Vũ Hải	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	199,772,541	0	199,772,541	47,042,360	152,730,181
818	NNT12437	Nguyễn Thu Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	105,000,000	5,000,000	100,000,000	47,068,000	52,932,000
819	NNT18683	Nguyễn Thị Hoài Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	76,125,000	13,000,000	63,125,000	47,125,000	16,000,000
820	NNT15343	Lưu Thị Bích Loan	Phường Tương Mai, Hà Nội	85,123,000	0	85,123,000	47,186,000	37,937,000
821	NNT17345	Nguyễn Văn Kiên	Phường Khương Đình, Hà Nội	75,507,000	0	75,507,000	47,281,000	28,226,000

822	NNT13665	Cù Thị Thu Hằng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	58,500,000	0	58,500,000	47,327,000	11,173,000
823	NNT23964	Hoàng Lê Huyền Trang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	255,102,000	200,000,000	55,102,000	47,350,000	7,752,000
824	NNT11913	Trịnh Thị Xuân	Phường Vĩnh Tân, Nghệ An	287,118,000	0	287,118,000	47,400,000	239,718,000
825	NNT15389	Hoàng Thị Mai	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	47,556,000	52,444,000
826	NNT18436	Võ Tuấn Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	155,000,000	100,000,000	55,000,000	47,575,000	7,425,000
827	NNT00941	Lê Thị Hồng	Phường Tương Mai, Hà Nội	364,930,001	150,000,000	214,930,001	47,623,370	167,306,631
828	NNT01916	Ngô Thị Biên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	47,656,000	12,344,000
829	NNT22194	Cao Thị Mơ	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	59,895,000	0	59,895,000	47,749,200	12,145,800
830	NNT18725	Nguyễn Hồng Ngọc	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	74,477,000	0	74,477,000	47,750,000	26,727,000
831	NNT19527	Lê Nguyệt Minh	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	47,750,000	2,250,000
832	NNT18051	Trần Thị Kim Oanh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	88,183,000	0	88,183,000	47,823,000	40,360,000
833	NNT17083	Phạm Quý Hòa	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	1,000,000,000	800,000,000	200,000,000	47,871,000	152,129,000
834	NNT11177	Nguyễn Trung Hiếu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	95,000,000	47,063,000	47,937,000	47,937,000	0
835	NNT15399	Trần Thị Oanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	650,000,000	120,000,000	530,000,000	47,959,000	482,041,000
836	NNT01921	Nguyễn Thị Quế	Phường Khương Đình, Hà Nội	278,761,000	155,000,000	123,761,000	47,988,000	75,773,000

837	NNT23795	Nguyễn Thị Hồng Mai	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	51,546,000	2,000,000	49,546,000	47,999,620	1,546,380
838	NNT16563	Phùng Văn Nghiệp	Xã Vật Lại, Hà Nội	105,246,000	0	105,246,000	48,000,000	57,246,000
839	NNT20838	Vũ Thị Tám	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	48,000,000	2,000,000
840	NNT20725	Phạm Thị Nết	Phường Bạch Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	48,000,000	2,000,000
841	NNT20395	Nguyễn Văn Mài	Phường Giảng Võ, Hà Nội	72,129,000	0	72,129,000	48,000,000	24,129,000
842	NNT17423	Nguyễn Thị Lan	Xã Gia Phúc, TP Hải Phòng	62,922,000	2,000,000	60,922,000	48,000,000	12,922,000
843	NNT21003	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	48,000,000	2,000,000
844	NNT23502	Lê Nguyệt Hồ	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	51,571,000	2,000,000	49,571,000	48,000,000	1,571,000
845	NNT21473	Trần Trịnh Thu	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	60,156,000	0	60,156,000	48,050,000	12,106,000
846	NNT21402	Nguyễn Thị Am	Xã Xuân Mai, Hà Nội	62,874,000	0	62,874,000	48,050,000	14,824,000
847	NNT21456	Hoàng Thị Bình	Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh	107,500,000	57,500,000	50,000,000	48,050,000	1,950,000
848	NNT12961	Nguyễn Xuân Vinh	Phường Vũ Ninh, Bắc Ninh	83,523,000	0	83,523,000	48,125,000	35,398,000
849	NNT11423	Nguyễn Thị Hà	P.Phương Liệt, Hà Nội	147,793,000	10,000,000	137,793,000	48,165,000	89,628,000
850	NNT12716	Nguyễn Đăng Tân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	432,963,000	0	432,963,000	48,185,576	384,777,424
851	NNT19718	Ngô Thị Hoài	Xã Can lộc, Hà Tĩnh	211,640,000	100,000,000	111,640,000	48,195,160	63,444,840

852	NNT01800	Thân Diệu Linh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,168,160,000	46,106,000	2,122,054,000	48,219,000	2,073,835,000
853	NNT14181	Phương Hải Yến	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	122,922,000	0	122,922,000	48,242,545	74,679,455
854	NNT14184	Vũ Thị Kim Thành	Phường Thanh Miếu, Phú Thọ	76,754,000	0	76,754,000	48,250,000	28,504,000
855	NNT21731	Nguyễn Mỹ Linh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	62,129,000	0	62,129,000	48,250,000	13,879,000
856	NNT16178	Nguyễn Sơn Tùng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	59,585,000	0	59,585,000	48,250,000	11,335,000
857	NNT18827	Nguyễn Thị Kim Thư	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	72,138,000	0	72,138,000	48,250,000	23,888,000
858	NNT16857	Nguyễn Thị Loan	Xã Quốc Oai, Hà Nội	73,276,000	0	73,276,000	48,250,000	25,026,000
859	NNT21852	Nguyễn Thị Hà Hoa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	48,250,000	1,750,000
860	NNT19139	Đinh Thị Anh Hoài	Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ	83,414,268	27,126,268	56,288,000	48,250,000	8,038,000
861	NNT19150	Đặng Thị Nguyên	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	63,497,000	0	63,497,000	48,250,000	15,247,000
862	NNT21167	Nguyễn Thị Nguyệt	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	59,278,350	0	59,278,350	48,250,350	11,028,000
863	NNT14021	Hoàng Thị Nguyên	Xã Phú Nghĩa, Hà Nội	239,646,000	100,000,000	139,646,000	48,285,830	91,360,170
864	NNT21085	Nguyễn Thị Bảo Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	248,287,000	0	248,287,000	48,286,790	200,000,210
865	NNT16946	Hoàng Trọng Anh	P.Hà Đông, Hà Nội	88,254,000	0	88,254,000	48,350,000	39,904,000
866	NNT17747	Đỗ Thị Đào	P, Tân Sơn Hoà, TP HCM	73,141,000	0	73,141,000	48,350,000	24,791,000

867	NNT17085	Phan Lạc Khánh	Xã Tây Phương, Hà Nội	72,888,000	0	72,888,000	48,350,000	24,538,000
868	NNT17583	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Xã Bình Minh, Hà Nội	72,967,000	0	72,967,000	48,350,000	24,617,000
869	NNT11965	Nghĩa đô, hà nội	Phường Giảng Võ, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	48,412,000	163,228,000
870	NNT15216	Nguyễn Thị Thu Hiền	Xã Thanh Trì, Hà Nội	100,000,000	10,000,000	90,000,000	48,455,000	41,545,000
871	NNT20980	Đỗ Thị Thùy Linh	Phường Tương Mai, Hà Nội	105,820,000	43,000,000	62,820,000	48,458,000	14,362,000
872	NNT23775	Hoàng Minh Hồng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	48,500,000	3,046,000
873	NNT11236	Trịnh Thị Điểm	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	242,708,000	0	242,708,000	48,565,000	194,143,000
874	NNT17259	Dương Thị Nga	P.Hà Đông, Hà Nội	63,492,000	0	63,492,000	48,645,000	14,847,000
875	NNT15827	Tô Văn Quý	Phường Yên Hòa, Hà Nội	86,564,000	0	86,564,000	48,650,000	37,914,000
876	NNT15448	Nguyễn Thị Nhi	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	80,038,000	0	80,038,000	48,695,000	31,343,000
877	NNT17018	Đỗ Hoài Thanh	Xã Kim Anh, Hà Nội	74,595,000	0	74,595,000	48,750,000	25,845,000
878	NNT11334	Nguyễn Thị Phương	Phường Phú Ván, Tỉnh Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	48,786,000	51,214,000
879	NNT14103	Vũ Trọng Cảnh	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	153,005,000	0	153,005,000	48,850,000	104,155,000
880	NNT15423	Lê Thị Thanh Mai	Phường Thượng Hồng, Hưng Yên	201,713,000	41,000,000	160,713,000	48,961,808	111,751,192
881	NNT14954	Đỗ Quốc Tuấn	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	71,799,000	0	71,799,000	49,000,000	22,799,000

882	NNT23381	Vũ Thu Trang	Phường Tương Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,000,000	1,000,000
883	NNT18538	Nguyễn Mạnh Thắng	Xã Cổ Đô, Hà Nội	80,128,000	0	80,128,000	49,000,000	31,128,000
884	NNT23380	Nguyễn Đức Hiệp	P.Bạch Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,000,000	1,000,000
885	NNT14812	Nguyễn Đình Giáp	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	76,843,000	0	76,843,000	49,000,000	27,843,000
886	NNT20565	Đinh Thị Hương Giang	Phường Ba Đình, Hà Nội	209,424,000	151,000,000	58,424,000	49,000,000	9,424,000
887	NNT13676	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Xã Ô Diên, Hà Nội	75,202,000	0	75,202,000	49,077,000	26,125,000
888	NNT12223	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	511,741,644	364,741,644	147,000,000	49,128,000	97,872,000
889	NNT23148	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Khương Đình, Hà Nội	65,921,000	15,000,000	50,921,000	49,138,764	1,782,236
890	NNT14527	Nguyễn Thị Mai	Phường Cửa Nam, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	49,169,000	56,651,000
891	NNT11311	Ngô Thị Dung	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	124,224,000	0	124,224,000	49,213,000	75,011,000
892	NNT15370	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Xã Hoài Đức, Hà Nội	87,286,000	0	87,286,000	49,249,000	38,037,000
893	NNT15095	Lương Thị Tươi	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	104,763,897	36,885,897	67,878,000	49,250,000	18,628,000
894	NNT15217	Phan Thị Kim Phụng	Phường Bồ Đề, Hà Nội	107,856,245	40,184,245	67,672,000	49,250,000	18,422,000
895	NNT15419	Phạm Thị Hồng Thắm	Xã Đan Phượng, Hà Nội	61,140,000	0	61,140,000	49,250,000	11,890,000
896	NNT15285	Nguyễn Lê Uyên Nhi	Phường Tương Mai, Hà Nội	61,140,000	0	61,140,000	49,250,000	11,890,000

897	NNT15198	Ninh Thị Cước	Xã Vạn Thắng, Tỉnh Ninh Bình	70,664,000	0	70,664,000	49,250,000	21,414,000
898	NNT22798	Nguyễn Thị Thúy Vân	Phường Kim Liên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,250,000	750,000
899	NNT15125	Chu Văn Đức	Xã Yên Thành, Nghệ An	93,511,000	0	93,511,000	49,250,000	44,261,000
900	NNT17553	Nguyễn Thanh Hằng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	49,459,448	161,066,552
901	NNT23481	Phạm Thu Trang	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,460,000	540,000
902	NNT23522	Nguyễn Mạnh Trường	Phường Tây Hồ, hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,460,000	540,000
903	NNT23131	Phạm Ngọc Lan	P.Thanh Liệt, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,500,000	500,000
904	NNT23636	Phạm Trường Xuân	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,500,000	500,000
905	NNT22860	Trần Văn Quỳnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,505,000	0	50,505,000	49,500,000	1,005,000
906	NNT23735	Nguyễn Xuân Tiến	Phường Tây Hồ, Hà Nội	59,384,932	0	59,384,932	49,500,000	9,884,932
907	NNT20300	Đỗ Thị Thanh Mai	Xã Thạch Thất, Hà Nội	114,927,000	50,000,000	64,927,000	49,500,000	15,427,000
908	NNT00048	Đặng Đình Thống	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,384,180,635	238,007,635	1,146,173,000	49,503,781	1,096,669,219
909	NNT21095	Phạm Thị Thúy	Phường Tương Mai, Hà Nội	64,432,000	0	64,432,000	49,538,527	14,893,473
910	NNT19639	Hà Thị Hằng	Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	81,624,000	0	81,624,000	49,581,000	32,043,000
911	NNT23760	Vũ Thị Mùi	P.Bạch Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,625,000	375,000

912	NNT14922	Nguyễn Thị Nhật	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh'	76,256,000	0	76,256,000	49,626,600	26,629,400
913	NNT19484	Nguyễn Thị Loan	Xã Trung Giã, Hà Nội	75,023,000	0	75,023,000	49,681,000	25,342,000
914	NNT20203	Phạm Thị Ngân	Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ	64,731,000	0	64,731,000	49,734,000	14,997,000
915	NNT20005	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Hồng Hà, Hà Nội	73,615,000	0	73,615,000	49,734,000	23,881,000
916	NNT20588	Nguyễn Thị Oanh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	52,356,000	0	52,356,000	49,738,000	2,618,000
917	NNT20060	Đoàn Trung Hiếu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	104,712,000	52,356,000	52,356,000	49,738,200	2,617,800
918	NNT11603	Nguyễn Thị Thu Yến	Phường Định Công, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	49,746,500	362,624,500
919	NNT11872	Đỗ Thị Thanh Thu	Phường Sơn Tây, Hà Nội	444,596,638	134,375,637	310,221,001	49,749,363	260,471,638
920	NNT23878	Thẩm Thị Thu Thủy	Phường Long Biên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,750,000	250,000
921	NNT18280	Nguyễn Thị Vân	Xã Quảng Bị, Hà Nội	71,157,000	0	71,157,000	49,750,000	21,407,000
922	NNT21419	Trần Thị Hoàn	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	59,585,000	0	59,585,000	49,800,000	9,785,000
923	NNT23847	Vũ Thị Thương	Xã Quỳnh An, Hưng Yên	50,000,000	0	50,000,000	49,875,000	125,000
924	NNT23852	Phạm Thị Lụa	Xã Ô Diên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	49,875,000	125,000
925	NNT10955	Nguyễn Thị Hương	Phường Tư Liêm, Hà Nội	159,195,000	0	159,195,000	49,883,000	109,312,000
926	NNT20607	Hà Thị Tuyền	Phường Khương Đình, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	49,917,000	52,123,000

927	NNT11189	Phan Quốc Bình	Phường Đồng Đa, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	49,967,200	100,032,800
928	NNT23026	Bùi Thị Hạnh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	51,000,000	0	51,000,000	49,980,000	1,020,000
929	NNT19399	Trần Thị Nhung	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	75,355,000	0	75,355,000	49,998,595	25,356,405
930	NNT11769	Nguyễn Cao Minh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	100,172,000	0	100,172,000	49,999,005	50,172,995
931	NNT22770	Vũ Thị Vân Nga	Phường Thanh Trì, Hà Nội	53,475,000	0	53,475,000	49,999,125	3,475,875
932	NNT14995	Nguyễn Thị Nhã	Xã Nam Sách, Hải Phòng	124,774,000	50,000,000	74,774,000	49,999,200	24,774,800
933	NNT22376	Hoàng Văn Thịnh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	51,813,000	0	51,813,000	49,999,545	1,813,455
934	NNT21972	Đắc Thị Thảo	Phường Yên Hoà, Hà Nội	51,813,000	0	51,813,000	49,999,545	1,813,455
935	NNT19440	Nguyễn Thị Thanh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	83,089,310	26,957,310	56,132,000	49,999,545	6,132,455
936	NNT23285	Đoàn Xuân Quỳnh	Phường Nùng Trí Cao, Cao Bằng	51,020,000	0	51,020,000	49,999,600	1,020,400
937	NNT23734	Bùi Phương Thảo	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	49,999,620	1,546,380
938	NNT23599	Nguyễn Minh Phương	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	49,999,620	1,546,380
939	NNT23579	Nguyễn Thị Thúy	Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	51,546,000	0	51,546,000	49,999,620	1,546,380
940	NNT20277	Nguyễn Thị Giáp	Phường Phú Diễn, Hà Nội	64,751,000	0	64,751,000	49,999,680	14,751,320
941	NNT17681	Mai Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	62,923,000	0	62,923,000	49,999,692	12,923,308

942	NNT17513	Trần Ngọc Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	59,462,000	0	59,462,000	49,999,702	9,462,298
943	NNT17536	Nguyễn Thị Thư	Xã Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội	77,139,000	0	77,139,000	49,999,702	27,139,298
944	NNT17416	Nguyễn Thị Vân	Phường Tây Tựu, Hà Nội	82,482,000	0	82,482,000	49,999,702	32,482,298
945	NNT17390	Nguyễn Hồng Phong	Xã Ô Diên, Hà Nội	52,761,000	0	52,761,000	49,999,702	2,761,298
946	NNT22715	Lê Phương Dung	Phường Phương Liệt, Hà Nội	50,505,000	0	50,505,000	49,999,950	505,050
947	NNT20504	Lê Nguyễn Quyền Linh	P.Vinh Phú, Nghệ An	52,910,000	0	52,910,000	49,999,950	2,910,050
948	NNT23083	Phạm Thị Nhâm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
949	NNT21770	Nguyễn Thị Vân	Xã Hà Trung, Thanh Hóa	51,282,000	0	51,282,000	50,000,000	1,282,000
950	NNT23486	Phạm Thanh Hải	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	58,873,699	8,873,699	50,000,000	50,000,000	0
951	NNT20295	Phạm Thị Hoài	Xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	65,031,000	0	65,031,000	50,000,000	15,031,000
952	NNT17956	Nguyễn Hương Giang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	103,092,000	50,000,000	53,092,000	50,000,000	3,092,000
953	NNT24349	Trần Sỹ Dũng	Phường Tương Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
954	NNT23032	Nguyễn Khoa Diệu Hà	Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
955	NNT21642	Nguyễn Văn Thuận	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	51,813,000	0	51,813,000	50,000,000	1,813,000
956	NNT22569	Nguyễn Thị Hoài Thu	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	102,318,000	50,000,000	52,318,000	50,000,000	2,318,000

957	NNT20988	Lê Khánh Linh	Phòng 306 chung cư A9, ngõ 64/5 phố Sài Đồng, tổ 18, phường Phúc Lợi Hà Nội	65,802,000	0	65,802,000	50,000,000	15,802,000
958	NNT21290	Nguyễn Thị Mai Lan	Phường Tương Mai, Hà Nội	66,237,000	0	66,237,000	50,000,000	16,237,000
959	NNT20839	Đồng Huy Phóng	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	61,747,000	0	61,747,000	50,000,000	11,747,000
960	NNT22273	Tạ Mạnh Thắng	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	54,645,000	0	54,645,000	50,000,000	4,645,000
961	NNT20460	Phạm Thị Tuyết Mai	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	72,503,000	0	72,503,000	50,000,000	22,503,000
962	NNT23578	Nguyễn Thị Huệ	Xã Đan Phượng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
963	NNT18633	Hoàng Thị Tâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	65,741,000	0	65,741,000	50,000,000	15,741,000
964	NNT22891	Phan Bá Anh	Xã Hương Bình, Hà Tĩnh	59,278,000	0	59,278,000	50,000,000	9,278,000
965	NNT24068	Trần Minh Vương	Xã Bình Định, Hưng Yên	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
966	NNT22947	Nguyễn Thu Hương	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	63,449,311	12,429,311	51,020,000	50,000,000	1,020,000
967	NNT21089	Lưu Thị Đỗ	Phường Từ Liêm, Hà Nội	75,915,418	22,152,418	53,763,000	50,000,000	3,763,000
968	NNT19708	Mạc Viết Tuấn	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	68,706,000	0	68,706,000	50,000,000	18,706,000
969	NNT23053	Huỳnh Thủy Tiên	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
970	NNT21539	Minh Thị Thảo	Xã Xuân Lũng, Tỉnh Phú Thọ	51,813,000	0	51,813,000	50,000,000	1,813,000
971	NNT20543	Hà Thị Hồng Hạnh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	53,191,000	0	53,191,000	50,000,000	3,191,000

972	NNT17758	Nguyễn Tiến Hoàng	Ứng Thiên, Hà Nội	73,053,000	0	73,053,000	50,000,000	23,053,000
973	NNT23960	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Tương Mai, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
974	NNT22789	Phạm Việt Quang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	50,000,000	1,546,000
975	NNT16225	Nguyễn Tú Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	212,136,000	120,000,000	92,136,000	50,000,000	42,136,000
976	NNT24285	Phạm Viết Bái	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
977	NNT24171	Lê Thị Hoa	Xã Đông Anh, Hà Nội	51,020,000	0	51,020,000	50,000,000	1,020,000
978	NNT21348	Vũ Thị Quỳnh Hương	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	72,888,000	0	72,888,000	50,000,000	22,888,000
979	NNT23591	Nguyễn Hữu Khánh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	50,000,000	1,546,000
980	NNT21254	Nguyễn Thu Hiền	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	53,476,000	0	53,476,000	50,000,000	3,476,000
981	NNT22991	Võ Thị Minh Chí	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
982	NNT22108	Nguyễn Thu Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
983	NNT21255	Hoàng Mạnh Cường	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	53,476,000	0	53,476,000	50,000,000	3,476,000
984	NNT12781	Vũ Mai Phương	Phường Hoà Bình, Phú Thọ	131,145,000	50,000,000	81,145,000	50,000,000	31,145,000
985	NNT11200	Trần Thu Hiền	Phường Đống Đa, Hà Nội	122,232,000	0	122,232,000	50,000,000	72,232,000
986	NNT23993	Trần Thị Át	Xã Hải Thịnh, Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0

987	NNT21349	Trần Thị Nghĩa	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	104,348,000	50,000,000	54,348,000	50,000,000	4,348,000
988	NNT22598	Nguyễn Thị Yên	Phường Hà An, Tỉnh Quảng Ninh	67,167,321	13,691,321	53,476,000	50,000,000	3,476,000
989	NNT20562	Nguyễn Thị Mai	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	50,761,000	0	50,761,000	50,000,000	761,000
990	NNT18980	Nguyễn Nhân	Xã Tây Hồ, Thành Phố Đà Nẵng	63,053,000	0	63,053,000	50,000,000	13,053,000
991	NNT20404	Nguyễn Kim Ngân	Phường Yên Hoà, Hà Nội	55,989,000	0	55,989,000	50,000,000	5,989,000
992	NNT23948	Trịnh Thị Hoa	Phường Long Biên, Hà Nội	51,020,000	0	51,020,000	50,000,000	1,020,000
993	NNT22393	Hoàng Thị Xuyên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	53,475,000	0	53,475,000	50,000,000	3,475,000
994	NNT21605	Đặng Thị Mạn	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
995	NNT18534	Nguyễn Thị Hoàn	Phường Tây Tựu, Hà Nội	64,452,000	0	64,452,000	50,000,000	14,452,000
996	NNT23572	Đinh Thị Tư	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	53,093,000	0	53,093,000	50,000,000	3,093,000
997	NNT21599	Nguyễn Đắc Kiên	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
998	NNT18880	Trịnh Thị Hảo	Phường Xuân Phương, Hà Nội	63,053,000	0	63,053,000	50,000,000	13,053,000
999	NNT19179	Đinh Thị Yễn	Xã Yên Cường, Tỉnh Ninh Bình	74,752,000	0	74,752,000	50,000,000	24,752,000
1000	NNT24026	Vũ Thị Thanh Vân	Xã Vĩnh Lộc, Thanh Hoá	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1001	NNT19858	Vô Thị Trang	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	50,377,000	0	50,377,000	50,000,000	377,000

1002	NNT24157	Vi Thị Loan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1003	NNT22871	Trịnh Thị Hường	P.Thanh Liệt, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1004	NNT23725	Trần Thu Hà	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	50,505,000	0	50,505,000	50,000,000	505,000
1005	NNT20648	Trần Thị Thu Hương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	62,399,000	0	62,399,000	50,000,000	12,399,000
1006	NNT16726	Trần Thị Mai Châu	Phường Phú Diễn, Hà Nội	51,813,000	0	51,813,000	50,000,000	1,813,000
1007	NNT23980	Trần Thanh Huyền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1008	NNT24025	Trần Quang Nha	Phường Xuân Phương, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1009	NNT24030	Trần Ngọc Tân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1010	NNT20700	Trần Hữu Thành	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	127,469,000	50,000,000	77,469,000	50,000,000	27,469,000
1011	NNT19468	Quách Thị Nga	Phường Từ Liêm, Hà Nội	400,000,000	350,000,000	50,000,000	50,000,000	0
1012	NNT23416	Phạm Thị Đoan	Xã Giao Hòa, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1013	NNT23792	Phạm Đình Nguyên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1014	NNT21493	Nguyễn Văn Làn	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	52,020,000	0	52,020,000	50,000,000	2,020,000
1015	NNT23428	Nguyễn Trung Hiếu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1016	NNT24031	Nguyễn Thu Hiền	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0

1017	NNT24199	Nguyễn Thị Tuyền	Xã Phù Đồng, Hà Nội	51,020,000	0	51,020,000	50,000,000	1,020,000
1018	NNT20486	Nguyễn Thị Thúy Nga	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	64,388,000	0	64,388,000	50,000,000	14,388,000
1019	NNT23673	Nguyễn Thị Thủy	Phường Nam Sầm Sơn, Thanh Hoá	53,093,000	0	53,093,000	50,000,000	3,093,000
1020	NNT23413	Nguyễn Thị Thúy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1021	NNT21725	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	51,813,000	0	51,813,000	50,000,000	1,813,000
1022	NNT23130	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	60,407,423	10,407,423	50,000,000	50,000,000	0
1023	NNT21039	Nguyễn Thị Thu	Phường Tương Mai, Hà Nội	104,712,000	50,000,000	54,712,000	50,000,000	4,712,000
1024	NNT21715	Nguyễn Thị Thân	Phường Kim Liên, Hà Nội	53,476,000	0	53,476,000	50,000,000	3,476,000
1025	NNT24329	Nguyễn Thị Tâm	Xã Lương Bằng, Hưng Yên	51,020,000	0	51,020,000	50,000,000	1,020,000
1026	NNT20347	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Phường Từ Liêm, Hà Nội	53,191,000	0	53,191,000	50,000,000	3,191,000
1027	NNT15543	Nguyễn Thị Quế	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	77,725,000	0	77,725,000	50,000,000	27,725,000
1028	NNT19368	Nguyễn Thị Phụng	Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh	65,696,000	0	65,696,000	50,000,000	15,696,000
1029	NNT24182	Nguyễn Thị Nhung	Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1030	NNT23767	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Xã Hải Hậu, Tỉnh Ninh Bình	51,413,000	0	51,413,000	50,000,000	1,413,000
1031	NNT19890	Nguyễn Thị Mai Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	65,077,000	0	65,077,000	50,000,000	15,077,000

1032	NNT21908	Nguyễn Thị Mai	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
1033	NNT22845	Nguyễn Thị Hương	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	50,505,000	0	50,505,000	50,000,000	505,000
1034	NNT17033	Nguyễn Thị Ánh Hoàng	Phường Xuân Đình, Hà Nội	82,387,000	0	82,387,000	50,000,000	32,387,000
1035	NNT20679	Nguyễn Quang Huy	Xã An Lão, Thành Phố Hải Phòng	63,762,000	0	63,762,000	50,000,000	13,762,000
1036	NNT19827	Nguyễn Phương Hạnh	Phường Láng, Hà Nội	52,631,000	0	52,631,000	50,000,000	2,631,000
1037	NNT23343	Nguyễn Phương Anh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1038	NNT18500	Nguyễn Phan Long	Phường Sơn Tây, Hà Nội	67,031,000	0	67,031,000	50,000,000	17,031,000
1039	NNT24058	Nguyễn Ngọc Thắm	Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1040	NNT13338	Nguyễn Ngọc Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	97,339,000	0	97,339,000	50,000,000	47,339,000
1041	NNT13177	Nguyễn Minh Tuấn	Xã Vật Lại, Hà Nội	110,100,000	0	110,100,000	50,000,000	60,100,000
1042	NNT22112	Nghiêm Thị Dung	Xã Phú Nghĩa, Hà Nội	82,901,000	30,000,000	52,901,000	50,000,000	2,901,000
1043	NNT24015	Mai Thị Yến	Xã Hà Trung, Thanh Hoá	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1044	NNT13541	Lưu Mạnh Hùng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	95,957,000	0	95,957,000	50,000,000	45,957,000
1045	NNT21957	Lương Thị Thu Hoa	Xã Quảng Oai, Hà Nội	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
1046	NNT21771	Lê Thị Kim Ngân	Phường Phù Khê, Tỉnh Bắc Ninh	51,813,000	0	51,813,000	50,000,000	1,813,000

1047	NNT13401	Lê Thị Hồng Nụ	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	113,699,000	0	113,699,000	50,000,000	63,699,000
1048	NNT23939	Lê Thị Hiền	Phường Phú Diễn, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1049	NNT19755	Lê Thị Hằng	Phường Đoàn Kết, Lai Châu	60,817,000	0	60,817,000	50,000,000	10,817,000
1050	NNT23679	Lâm Thị Hương	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	51,500,000	0	51,500,000	50,000,000	1,500,000
1051	NNT23972	Hoàng Thị Hồng Nhung	Phường Trần Biên, Đồng Nai	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1052	NNT23068	Hoàng Thị Hợi	Phường Láng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1053	NNT23868	Hoàng Thị Hoài Vui	Phường Hồng Hà, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1054	NNT21638	Hoàng Ngọc Ích	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	61,428,000	0	61,428,000	50,000,000	11,428,000
1055	NNT19330	Hồ Thúy Hà	Xã Hạ Bằng, Hà Nội	73,959,000	0	73,959,000	50,000,000	23,959,000
1056	NNT23156	Dương Tuấn Linh	P. Uông Bí, Quảng Ninh	50,505,000	0	50,505,000	50,000,000	505,000
1057	NNT18464	Đoàn Thị Oanh	Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình	66,306,000	0	66,306,000	50,000,000	16,306,000
1058	NNT21393	Đoàn Sỹ Đức	Xã Yên Mô, Ninh Bình	54,546,000	0	54,546,000	50,000,000	4,546,000
1059	NNT19783	Đỗ Văn Duy	Xã Yên Lãng, Hà Nội	76,324,000	0	76,324,000	50,000,000	26,324,000
1060	NNT17231	Đỗ Trọng Hiếu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	77,024,000	0	77,024,000	50,000,000	27,024,000
1061	NNT17233	Đỗ Thanh Lam	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	61,619,000	0	61,619,000	50,000,000	11,619,000

1062	NNT24071	Đào Thị Vân	Xã Quảng Bị, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1063	NNT22360	Đào Thị Tuyết Nhung	P.Hà Đông, Hà Nội	59,895,000	0	59,895,000	50,000,000	9,895,000
1064	NNT23965	Đặng Thị Thắm	Phường Kim Liên, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1065	NNT23414	Đặng Thị Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1066	NNT24110	Đặng Phương Liên	Phường Kim Liên, Hà Nội	56,730,137	6,730,137	50,000,000	50,000,000	0
1067	NNT24116	Đặng Đình Ân Phúc	Phường Kim Liên, Hà Nội	56,730,137	6,730,137	50,000,000	50,000,000	0
1068	NNT20321	Đàm Thị Thu Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	66,852,000	0	66,852,000	50,000,000	16,852,000
1069	NNT21426	Chu Thị Mười	Xã Vật Lại, Hà Nội	65,382,000	0	65,382,000	50,000,000	15,382,000
1070	NNT20860	Bùi Thị Nga	Phường Phong Cốc, Tỉnh Quảng Ninh	62,728,000	0	62,728,000	50,000,000	12,728,000
1071	NNT23957	Âu Thị Sơn	Phường Việt Hưng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1072	NNT23054		Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình	50,000,000	0	50,000,000	50,000,000	0
1073	NNT20920	Thái Thị Lụa	Phường Hà Đông, Hà Nội	53,763,000	0	53,763,000	50,000,000	3,763,000
1074	NNT12976	Nguyễn Xuân Dương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	114,902,000	0	114,902,000	50,000,025	64,901,975
1075	NNT21521	Nguyễn Thanh Tân	Xã Hoàng Sơn, Thanh Hóa	53,476,000	0	53,476,000	50,000,060	3,475,940
1076	NNT19926	Nguyễn Thị Lữ	Phường Việt, Phú Thọ	77,152,000	0	77,152,000	50,000,060	27,151,940

1077	NNT20107	Nguyễn Thanh Trà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	67,986,000	0	67,986,000	50,000,060	17,985,940
1078	NNT19924	Lê Văn Tinh	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	77,152,000	0	77,152,000	50,000,060	27,151,940
1079	NNT19971	Trần Thu Hằng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	106,952,000	50,000,000	56,952,000	50,000,120	6,951,880
1080	NNT21893	Nguyễn Thị Hương	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	71,385,193	17,729,193	53,656,000	50,000,210	3,655,790
1081	NNT22099	Nguyễn Thị Sơn	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	125,067,000	75,066,635	50,000,365	50,000,365	0
1082	NNT19402	Nguyễn Lưu Huyền Ly	Phường Giảng Võ, Hà Nội	75,277,000	0	75,277,000	50,000,365	25,276,635
1083	NNT19868	Nguyễn Đức Thịnh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	52,632,000	0	52,632,000	50,000,400	2,631,600
1084	NNT19911	Lê Thị Hà	Phường Tịch Gia, Thanh Hoá	52,632,000	0	52,632,000	50,000,400	2,631,600
1085	NNT17167	Phạm Văn Tin	Xã Phú Sơn, Hà Nội	74,996,000	0	74,996,000	50,000,570	24,995,430
1086	NNT19131	Phạm Văn Lợi	Phường Hà Lâm, Quảng Ninh	62,393,000	0	62,393,000	50,001,000	12,392,000
1087	NNT19866	Phạm Thị Thảo	Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình	72,949,000	10,000,000	62,949,000	50,001,095	12,947,905
1088	NNT13150	Khuất Thị Hương Giang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	105,742,000	0	105,742,000	50,009,000	55,733,000
1089	NNT17042	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Vĩnh Am, Hải Phòng	288,283,604	71,410,604	216,873,000	50,015,646	166,857,354
1090	NNT01371	Nguyễn Thị Thanh	Phường Tương Mai, Hà Nội	500,309,000	0	500,309,000	50,026,000	450,283,000
1091	NNT15664	Lê Đình Lân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	116,275,000	2,000,000	114,275,000	50,046,000	64,229,000

1092	NNT17923	Trần Khánh Nhung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	103,608,000	11,000,000	92,608,000	50,052,760	42,555,240
1093	NNT12952	Trần Thị Thanh Nhân	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	845,806,000	400,000,000	445,806,000	50,075,000	395,731,000
1094	NNT15122	Nguyễn Thị Mạc	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	218,579,000	32,786,850	185,792,150	50,078,935	135,713,215
1095	NNT11824	Ngô Thị Phong Thu	Phường Đồng Đa, Hà Nội	124,976,000	0	124,976,000	50,081,279	74,894,721
1096	NNT19346	Bùi Thị Trang	Phường Định Công, Hà Nội	52,000,000	0	52,000,000	50,180,000	1,820,000
1097	NNT21875	Nguyễn Thị Thanh Nga	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	52,000,000	0	52,000,000	50,180,000	1,820,000
1098	NNT16723	Nguyễn Huyền Chi	Phường Đồng Đa, Hà Nội	79,956,000	0	79,956,000	50,180,000	29,776,000
1099	NNT15319	Hoàng Thị Kim Sơn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	87,724,000	0	87,724,000	50,235,000	37,489,000
1100	NNT11269	Nguyễn Thị Nghĩa	Phường Hà Đông, Hà Nội	580,645,000	10,000,000	570,645,000	50,250,020	520,394,980
1101	NNT01494	Nguyễn Bích Thủy	Phường Ba Đình, Hà Nội	567,685,000	25,000,000	542,685,000	50,253,000	492,432,000
1102	NNT13442	Nguyễn Thị Tâm	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	103,627,000	0	103,627,000	50,253,000	53,374,000
1103	NNT21797	Nguyễn Trọng Yên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	61,747,000	0	61,747,000	50,259,235	11,487,765
1104	NNT21855	Lê Thị Yến	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	66,510,000	0	66,510,000	50,260,095	16,249,905
1105	NNT17897	Hoàng Bá Hùng	Xã Tân Ninh, Thanh Hoá	105,820,000	31,693,000	74,127,000	50,307,000	23,820,000
1106	NNT17632	Phùng Thị Thu	Xã Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh	79,032,000	0	79,032,000	50,314,000	28,718,000

1107	NNT14173	Trần Hằng Nga	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	50,350,000	49,650,000
1108	NNT11385	Nguyễn Thúy Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,720,416,000	0	2,720,416,000	50,365,000	2,670,051,000
1109	NNT13124	Nguyễn Đức Hùng	Phường Yên Hoà, Hà Nội	141,573,000	0	141,573,000	50,508,000	91,065,000
1110	NNT21312	Lương Thị Huê	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh	65,801,000	0	65,801,000	50,523,000	15,278,000
1111	NNT19542	Trịnh Xuân Thịnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	115,309,000	0	115,309,000	50,550,000	64,759,000
1112	NNT22374	Cao Đức Thuận	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	62,068,000	0	62,068,000	50,620,545	11,447,455
1113	NNT12517	Phan Văn Chương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	50,681,180	160,958,820
1114	NNT11402	Hầu Thu Hương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	720,331,000	170,000,000	550,331,000	50,681,371	499,649,629
1115	NNT18218	Nguyễn Thị Dung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	360,101,000	250,000,000	110,101,000	50,700,000	59,401,000
1116	NNT21675	Phạm Thị Hạnh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	446,000,000	370,000,000	76,000,000	50,730,000	25,270,000
1117	NNT17967	Nguyễn Văn Thành	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	73,563,000	0	73,563,000	50,736,000	22,827,000
1118	NNT14376	Lê Thị Trà Giang	Phường Ba Đình, Hà Nội	107,083,000	21,347,000	85,736,000	50,903,000	34,833,000
1119	NNT01754	Bùi Văn Hóa	Xã Ý Yên, Ninh Bình	440,845,000	0	440,845,000	51,194,000	389,651,000
1120	NNT11103	Nguyễn Thúy Phượng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	51,200,000	0	51,200,000	51,200,000	0
1121	NNT16864	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Xã Đa Phúc, Hà Nội	100,000,000	2,000,000	98,000,000	51,218,000	46,782,000

1122	NNT14907	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	122,280,000	0	122,280,000	51,244,000	71,036,000
1123	NNT13486	Nguyễn Thị Thịnh	Phường Văn Miếu - QTG, hà nội	91,234,000	0	91,234,000	51,295,000	39,939,000
1124	NNT17791	Nguyễn Thị Duyên	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	86,875,000	0	86,875,000	51,321,000	35,554,000
1125	NNT19124	Nguyễn Đức Minh	Phường Kim Liên, Hà Nội	108,108,000	40,540,000	67,568,000	51,352,000	16,216,000
1126	NNT19499	Nguyễn Thị Kim Khanh	Phường Định Công, Hà Nội	84,656,000	0	84,656,000	51,394,000	33,262,000
1127	NNT17721	Nguyễn Thế Anh	P.Thanh Xuân, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	51,447,000	48,553,000
1128	NNT22653	Vũ Việt Hùng	Xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	55,080,000	0	55,080,000	51,500,000	3,580,000
1129	NNT12425	Phạm Thị Hà Huệ	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	209,380,000	0	209,380,000	51,519,000	157,861,000
1130	NNT01487	Trịnh Thu Minh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,698,580,000	610,000,000	1,088,580,000	51,613,000	1,036,967,000
1131	NNT12325	Nguyễn Hồng Sơn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	96,842,000	0	96,842,000	51,698,000	45,144,000
1132	NNT23438	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	52,356,000	0	52,356,000	51,791,000	565,000
1133	NNT21960	Nguyễn Văn Sỹ	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	54,996,000	0	54,996,000	51,813,000	3,183,000
1134	NNT13046	Bùi Thị Thắm	Phường Việt Hưng, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	51,900,000	53,920,000
1135	NNT17187	Đinh Thị Kim Thu	Xã Hoài Đức, Hà Nội	72,164,000	0	72,164,000	51,914,000	20,250,000
1136	NNT20406	Nguyễn Thị Huyền	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	212,766,000	148,000,000	64,766,000	52,000,000	12,766,000

1137	NNT13416	Nguyễn Văn Khoa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	52,064,000	52,648,000
1138	NNT13608	Vũ Thị Thủy	Xã Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên	121,212,000	0	121,212,000	52,086,000	69,126,000
1139	NNT15617	Đặng Thị Xuân	Xã Vật Lại, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	52,118,000	53,702,000
1140	NNT18376	Bùi Hoài Phương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	52,147,000	47,853,000
1141	NNT11758	Khổng Minh Thặng	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	411,640,000	0	411,640,000	52,166,000	359,474,000
1142	NNT10961	Lê Hoàng Sơn	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	180,749,724	9,844,619	170,905,105	52,283,000	118,622,105
1143	NNT22893	Lê Thị Tuyết Mai	Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	52,381,000	947,619,000
1144	NNT18947	Trương Thị Hoài Thu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	52,394,000	17,606,000
1145	NNT17587	Phạm Xuân Hưng	Xã Lệ Thủy, Quảng Trị	93,750,000	0	93,750,000	52,415,000	41,335,000
1146	NNT12602	Nguyễn Tiến Đạt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	250,405,104	83,890,104	166,515,000	52,484,000	114,031,000
1147	NNT20282	Nguyễn Thị Việt Anh	P.Bạch Mai, Hà Nội	121,969,315	21,969,315	100,000,000	52,530,685	47,469,315
1148	NNT12399	Nguyễn Thảo Vân	Phường Định Công, Hà Nội	82,000,000	0	82,000,000	52,560,000	29,440,000
1149	NNT17076	Lê Ngọc Anh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	52,571,000	47,429,000
1150	NNT16425	Phạm Thùy Dương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	52,580,000	197,420,000
1151	NNT12812	Bùi Thị Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	52,787,000	47,213,000

1152	NNT22406	Cao Thị Hải Quý	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	65,000,000	0	65,000,000	52,814,545	12,185,455
1153	NNT13052	Trang Thị Việt	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	52,869,000	111,065,000
1154	NNT14662	Chu Ngọc Nho	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	134,801,000	0	134,801,000	52,988,000	81,813,000
1155	NNT17658	Lê Thị Thanh Nhung	Xã Bình Xuyên, Phú Thọ	153,608,000	0	153,608,000	53,060,960	100,547,040
1156	NNT11017	Phạm Quang Hà	Xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	510,266,000	0	510,266,000	53,167,800	457,098,200
1157	NNT12145	Nguyễn Thị Hòa	Phường Ba Đình, Hà Nội	103,626,000	20,000,000	83,626,000	53,261,000	30,365,000
1158	NNT12539	Nguyễn Ngọc Dung	Phường Bồ Đề, Hà Nội	143,474,600	13,875,600	129,599,000	53,391,000	76,208,000
1159	NNT13644	Đặng Thị Thu Hương	P.Phương Liệt, Hà Nội	372,894,000	120,000,000	252,894,000	53,423,913	199,470,087
1160	NNT13473	Nguyễn Văn Dũng	P.Hồng Hà, Hà Nội	144,275,000	0	144,275,000	53,431,000	90,844,000
1161	NNT20075	Nguyễn Đức Hiếu	Phường Kim Liên, Hà Nội	130,773,973	18,141,973	112,632,000	53,500,000	59,132,000
1162	NNT19794	Lê Đức Thiện	Phường Hạc Thành, Thanh Hoá	141,487,808	41,487,808	100,000,000	53,512,192	46,487,808
1163	NNT19842	Nguyễn Thị Hiền	Phường Láng, Hà Nội	241,467,288	141,467,288	100,000,000	53,532,712	46,467,288
1164	NNT11664	Đoàn Thị Thu Hà	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	655,312,667	0	655,312,667	53,609,000	601,703,667
1165	NNT16175	Nguyễn Thị Thu Hương	Xã Thanh Trì, Hà Nội	218,578,000	32,778,000	185,800,000	53,617,000	132,183,000
1166	NNT19514	Trần Thị Bích Hạnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	115,882,192	0	115,882,192	53,630,200	62,251,992

1167	NNT12130	Nguyễn Thị Hoàng Liên	Phường Hà Đông, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	53,723,110	446,276,890
1168	NNT20248	Phạm Văn Dư	P.Thanh Xuân, Hà Nội	110,474,499	11,665,499	98,809,000	53,794,246	45,014,754
1169	NNT13108	Đặng Kim Phượng	Phường Láng, Hà Nội	147,313,000	0	147,313,000	53,856,000	93,457,000
1170	NNT19226	Lê Võ Hương Giang	P.Hiệp Bình, Hồ Chí Minh	76,528,000	0	76,528,000	53,865,000	22,663,000
1171	NNT15863	Lê Thị Loan	Phường Tĩnh Gia, Thanh Hoá	125,344,000	5,000,000	120,344,000	54,054,000	66,290,000
1172	NNT14850	Lê Thị Phượng	Xã Gia Lâm, Hà Nội	96,366,000	0	96,366,000	54,137,000	42,229,000
1173	NNT15576	Lê Việt Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	115,124,000	0	115,124,000	54,147,158	60,976,842
1174	NNT11792	Nguyễn Văn Thuộc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	54,183,000	157,457,000
1175	NNT17638	Trần Thị Minh Thùy	phường Tùng Thiện, Thành phố Hà Nội	126,572,000	50,000,000	76,572,000	54,211,000	22,361,000
1176	NNT15569	Hoàng Mai Phương	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	214,700,958	28,118,979	186,581,979	54,260,021	132,321,958
1177	NNT13121	Bùi Thị Vân Anh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	119,792,000	0	119,792,000	54,268,000	65,524,000
1178	NNT19056	Cao Thị Hương	Phường Thượng Cát, Hà Nội	234,335,452	121,167,726	113,167,726	54,270,274	58,897,452
1179	NNT15357	Trần Thị Minh Liên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	381,503,836	1,008,836	380,495,000	54,310,739	326,184,261
1180	NNT11215	Nguyễn Văn Cường	Phường Xuân Phương, Hà Nội	54,400,000	0	54,400,000	54,400,000	0
1181	NNT12963	Nguyễn Thị Thu Hà	Xã Đại Thanh, Hà Nội	309,302,000	0	309,302,000	54,416,000	254,886,000

1182	NNT19174	Tường Thị Hời	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	54,600,000	45,400,000
1183	NNT01383	Kiều Thị Thanh Dung	P. Hà Giang 2, Tuyên Quang	227,782,000	0	227,782,000	54,602,000	173,180,000
1184	NNT18407	Nguyễn Thị Phong Loan	Phường Việt Trì, Phú Thọ	295,516,000	16,369,000	279,147,000	54,607,816	224,539,184
1185	NNT18126	Cao Thanh Nam	Xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên	127,427,000	0	127,427,000	54,696,000	72,731,000
1186	NNT16160	Bùi Thị Bích Ngọc	phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	792,390,000	537,000,000	255,390,000	54,717,000	200,673,000
1187	NNT16594	Trần Thị Ngọc Kim	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	226,514,256	65,140,256	161,374,000	54,859,744	106,514,256
1188	NNT15731	Lê Anh Chi	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	54,877,000	45,123,000
1189	NNT20625	Nguyễn Thị Phương Dung	phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	55,000,000	70,683,000
1190	NNT24069	Lê Thị Xuyên	Xã Vũ Tiên, Hưng Yên	55,000,000	0	55,000,000	55,000,000	0
1191	NNT15036	Phạm Việt Hồng	Phường Xuân Đình, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	55,000,000	49,167,000
1192	NNT16403	Ngô Tuấn Linh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	87,978,000	0	87,978,000	55,000,000	32,978,000
1193	NNT12457	Đặng Thị Loan	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	1,512,371,000	994,000,000	518,371,000	55,019,000	463,352,000
1194	NNT14511	Nguyễn Hồng Ngọc	P.Tây Hồ, Hà Nội	177,835,000	0	177,835,000	55,097,000	122,738,000
1195	NNT15373	Nguyễn Thị Thủy	P. Khương Đình, Hà Nội	92,211,000	0	92,211,000	55,100,000	37,111,000
1196	NNT00841	Hoàng Minh Long	Phường Yên Hòa, Hà Nội	908,462,000	100,000,000	808,462,000	55,177,000	753,285,000

1197	NNT18383	Nguyễn Thị Hiền Hòa	P. Khương Đình, Hà Nội	109,289,000	16,393,000	92,896,000	55,307,000	37,589,000
1198	NNT18737	Nguyễn Ngọc Bình	Phường Kim Liên, Hà Nội	109,289,000	16,393,000	92,896,000	55,364,000	37,532,000
1199	NNT14775	Bùi Thị Tuyết Ngân	P. Tương Mai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	55,396,000	94,604,000
1200	NNT12298	Nguyễn Huy Lượng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	195,562,000	29,334,000	166,228,000	55,498,500	110,729,500
1201	NNT12299	Nguyễn Thu Hà	Phường Cửa Nam, Hà Nội	195,562,000	29,334,000	166,228,000	55,499,500	110,728,500
1202	NNT20800	Nguyễn Thị Vinh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	40,000,000	60,000,000	55,500,000	4,500,000
1203	NNT12919	Vũ Vân Nga	Phường Yên Hòa, Hà Nội	139,654,000	0	139,654,000	55,564,000	84,090,000
1204	NNT21660	Trần Thị Kim Nhung	Phường Xuân Đình, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	55,565,000	47,528,000
1205	NNT18829	Trần Cúc Phương	Phường Định Công, Hà Nội	97,495,000	0	97,495,000	55,570,000	41,925,000
1206	NNT12609	Trần Trọng Hiếu	Phường Nam Định, Nam Định	118,556,000	0	118,556,000	55,620,000	62,936,000
1207	NNT14681	Nguyễn Thị Hồng Thoan	P. Thanh Xuân, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	55,732,000	47,360,000
1208	NNT12272	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	423,002,353	225,425,176	197,577,177	55,809,000	141,768,177
1209	NNT19943	Ngô Thị Thu Hương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	101,523,000	0	101,523,000	55,821,000	45,702,000
1210	NNT23739	Nguyễn Thị Hương	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	56,117,000	0	56,117,000	55,836,416	280,584
1211	NNT17488	Cần Thị Lan	Xã Thạch Thất, Hà Nội	100,000,000	25,000,000	75,000,000	55,859,910	19,140,090

1212	NNT20250	Nguyễn Trọng Anh	Xã Quốc Oai, Hà Nội	154,895,733	44,139,733	110,756,000	55,860,267	54,895,733
1213	NNT15741	Phạm Thị Xuân	Xã Phú Ninh, Đà Nẵng	105,820,000	1,000,000	104,820,000	55,955,240	48,864,760
1214	NNT22129	Phan Thị Thu Trang	Phường Việt Hưng, Hà Nội	100,000,000	28,000,000	72,000,000	56,000,000	16,000,000
1215	NNT18636	Phạm Thị Linh	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	104,412,000	0	104,412,000	56,000,000	48,412,000
1216	NNT18607	Phạm Quang Tiến	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	71,948,000	0	71,948,000	56,043,000	15,905,000
1217	NNT18223	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Định Công, Hà Nội	109,289,000	16,393,000	92,896,000	56,063,000	36,833,000
1218	NNT20125	Trần Thị Ninh	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	56,092,000	47,001,000
1219	NNT17655	Đặng Kiên Trung	Xã Bát Tràng, Hà Nội	85,939,000	0	85,939,000	56,115,977	29,823,023
1220	NNT17656	Đặng Minh Quân	Xã Bát Tràng, Hà Nội	85,939,000	0	85,939,000	56,115,977	29,823,023
1221	NNT12346	Trần Thị Nhung	P. An Hội Tây, TP HCM	165,424,000	0	165,424,000	56,118,000	109,306,000
1222	NNT17411	Đào Quang Tú	Phường Ba Đình, Hà Nội	126,984,000	0	126,984,000	56,119,000	70,865,000
1223	NNT13869	Hoàng Diệu Linh	Phường Láng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	56,157,000	43,843,000
1224	NNT12286	Lê Thị Bích Hằng	Phường Ba Đình, Hà Nội	220,000,000	134,750,000	85,250,000	56,159,000	29,091,000
1225	NNT21058	Trần Thị Liên Hoàn	Phường Từ Liêm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	56,200,000	43,800,000
1226	NNT12616	Trần Thị Thu	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	132,312,000	0	132,312,000	56,222,000	76,090,000

1227	NNT17981	Nguyễn Thị Loan	Phường Đồng Đa, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	56,247,000	48,465,000
1228	NNT20998	Ngọc Quang Huy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	80,000,000	12,000,000	68,000,000	56,400,000	11,600,000
1229	NNT15061	Đỗ Thị Thuýn	Phường Dương Nội, Hà Nội	142,860,965	36,167,965	106,693,000	56,469,000	50,224,000
1230	NNT00781	Lê Thanh Hương	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	259,729,000	0	259,729,000	56,477,000	203,252,000
1231	NNT19923	Đinh Ngọc Linh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	56,478,120	47,688,880
1232	NNT11693	Trần Thị Thu Hiền	Phường Phú Diễn, Hà Nội	212,594,000	0	212,594,000	56,502,000	156,092,000
1233	NNT19726	Phạm Thị Thục	Phường Khương Đình, Hà Nội	113,381,000	0	113,381,000	56,614,000	56,767,000
1234	NNT19373	Bùi Đức Toàn	P.Hồng Hà, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	56,642,748	44,367,252
1235	NNT21108	Bùi Thị Keng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	72,165,000	0	72,165,000	56,700,000	15,465,000
1236	NNT24085	Cao Đình Tùng	Xã Hoàng Hoá, Thanh Hoá	57,001,000	0	57,001,000	56,715,993	285,007
1237	NNT13077	Đoàn Thị Thiêng	Xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	127,121,000	0	127,121,000	56,840,000	70,281,000
1238	NNT15228	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	284,391,000	152,116,000	132,275,000	56,886,860	75,388,140
1239	NNT13539	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	56,950,000	106,984,000
1240	NNT14590	Nguyễn Thị Bình	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	650,809,542	220,809,542	430,000,000	56,963,458	373,036,542
1241	NNT16929	Nguyễn Thị Thái	P.Tây Hồ, Hà Nội	251,010,000	140,000,000	111,010,000	56,966,404	54,043,596

1242	NNT01146	Nguyễn Tú Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	589,574,175	43,829,740	545,744,435	56,982,500	488,761,935
1243	NNT18220	Nguyễn Ngọc Huyền	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	75,651,000	0	75,651,000	56,999,495	18,651,505
1244	NNT14214	Nguyễn Quyết Tâm	114 Trịnh Khả, Kiều Đại, Hạc Thành, Thanh Hóa	130,000,000	0	130,000,000	57,000,000	73,000,000
1245	NNT19798	Nguyễn Thị Thục	Xã Hồng Vân, Hà Nội	105,263,000	43,000,000	62,263,000	57,000,000	5,263,000
1246	NNT19916	Chu Thị Thanh Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	120,089,108	16,997,108	103,092,000	57,213,440	45,878,560
1247	NNT21360	Vũ Hằng Nga	Phường Láng, Hà Nội	115,760,729	12,667,729	103,093,000	57,216,000	45,877,000
1248	NNT17653	Nguyễn Thị Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	57,358,000	42,642,000
1249	NNT17455	Hoàng Thị Hạnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	84,293,000	0	84,293,000	57,388,000	26,905,000
1250	NNT21663	Nguyễn Thúy Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	57,400,000	42,600,000
1251	NNT15446	Hoàng Thanh Vân	Phường Kim Liên, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	57,420,000	45,673,000
1252	NNT16006	Lê Thu Huyền	Phường Sơn Tây, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	57,426,000	51,864,000
1253	NNT02085	Trương Thị Giang	Phường Ba Đình, Hà Nội	180,628,000	0	180,628,000	57,442,110	123,185,890
1254	NNT15506	Nguyễn Thị Điều	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	126,378,000	0	126,378,000	57,451,000	68,927,000
1255	NNT00651	Quan Kim Anh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	919,981,798	25,669,798	894,312,000	57,548,000	836,764,000
1256	NNT22006	Nguyễn Hồng Anh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	71,134,000	60,000,000	11,134,000	57,600,000	-46,466,000

1257	NNT17502	Nguyễn Xuân Trường	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	103,413,000	0	103,413,000	57,600,371	45,812,629
1258	NNT01835	Trần Kỳ Anh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	222,638,000	0	222,638,000	57,657,000	164,981,000
1259	NNT19512	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Tây Tựu, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	57,733,095	49,096,905
1260	NNT00465	Nguyễn Thị Phụng	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	137,566,000	0	137,566,000	57,829,000	79,737,000
1261	NNT21045	Nguyễn Trần Quang	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	144,333,284	37,640,284	106,693,000	57,859,716	48,833,284
1262	NNT18895	Nguyễn Phương Mai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	57,888,000	47,375,000
1263	NNT12550	Nguyễn Thị Vân	Xã Quảng Oai, Hà Nội	153,108,000	0	153,108,000	57,890,000	95,218,000
1264	NNT19483	Lê Thị Kim Thanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	100,000,000	38,000,000	62,000,000	58,000,000	4,000,000
1265	NNT14283	Lê Thị Thanh Hoa	Phường Khương Đình, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	58,000,000	153,640,000
1266	NNT20722	Nguyễn Văn Cường	Phường Khương Đình, Hà Nội	206,186,000	142,000,000	64,186,000	58,000,000	6,186,000
1267	NNT17465	Đỗ Thị Thảo	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	86,565,000	0	86,565,000	58,020,000	28,545,000
1268	NNT17560	Đặng Đức Kiên	Xã Trung Giã, Hà Nội	96,318,000	0	96,318,000	58,020,000	38,298,000
1269	NNT12742	Trần Duy Nhu	Xã Quảng Bị, Hà Nội	135,638,000	0	135,638,000	58,070,310	77,567,690
1270	NNT11031	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Ô Chợ Dừa , Hà Nội	166,741,000	0	166,741,000	58,098,000	108,643,000
1271	NNT21063	Bùi Thị Minh Châu	Xã An Khánh, Hà Nội	108,108,000	41,880,000	66,228,000	58,119,900	8,108,100

1272	NNT23666	Đỗ Xuân Trung	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	58,200,000	1,800,000
1273	NNT11981	Phạm Thị Thanh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	58,252,000	441,748,000
1274	NNT14931	Chu Lan Phương	Phường Khương Đình, TP Hà Nội	221,070,000	0	221,070,000	58,303,000	162,767,000
1275	NNT16572	Lê Thị Nhật Linh	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	105,820,000	0	105,820,000	58,405,000	47,415,000
1276	NNT13924	Lương Thanh Tuấn	Phường Hà Đông, Hà Nội	123,039,000	0	123,039,000	58,407,038	64,631,962
1277	NNT19292	Nguyễn Đức Xuân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	58,530,000	45,637,000
1278	NNT17113	Phạm Thị Hà	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	58,677,371	47,142,629
1279	NNT15633	Lê Thị Bạch Tuyết	Phường Phú Diễn, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	58,695,000	50,595,000
1280	NNT16144	Đinh Phương Dung	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	58,720,000	143,300,000
1281	NNT19081	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phường Việt Hưng, Hà Nội	104,166,000	0	104,166,000	58,733,000	45,433,000
1282	NNT17169	Nguyễn Thị Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	58,735,000	48,095,000
1283	NNT20513	Phạm Thị Hải Hà	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	80,955,000	0	80,955,000	58,807,000	22,148,000
1284	NNT17693	Nguyễn Thị Hòa	Xã Tam Dương, Phú Thọ	110,110,000	15,000,000	95,110,000	58,815,702	36,294,298
1285	NNT15772	Lò Thị Sánh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	257,027,220	103,000,000	154,027,220	58,889,240	95,137,980
1286	NNT14020	Trần Thị Thu Huyền	Xã Nam Phú, Hà Nội	183,905,000	70,000,000	113,905,000	59,001,040	54,903,960

1287	NNT01126	Trần Văn Phương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	946,196,502	459,606,502	486,590,000	59,086,000	427,504,000
1288	NNT15186	Phùng Thúy Hằng	phường Giảng Võ, Hà Nội	123,889,089	42,436,089	81,453,000	59,101,000	22,352,000
1289	NNT13452	Đỗ Thị Nhâm	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	372,234,000	11,933,000	360,301,000	59,173,000	301,128,000
1290	NNT20326	Bành Thị Hồng Vân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	145,532,135	40,820,135	104,712,000	59,179,865	45,532,135
1291	NNT15993	Trần Thị Thảo	Xã Nhân Hà, Tỉnh Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	59,335,000	40,665,000
1292	NNT01694	Trần Thị Phương	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	256,303,000	0	256,303,000	59,349,000	196,954,000
1293	NNT14434	Vũ Thị Bích Thảo	Phường Bạch Mai, Hà Nội	113,656,000	0	113,656,000	59,500,000	54,156,000
1294	NNT20526	Nguyễn Thị Tĩnh	Xã Hoà Phú, Hà Nội	100,000,000	35,000,000	65,000,000	59,500,000	5,500,000
1295	NNT21966	Đỗ Thị Thanh Vân	Phường Kim Liên, Hà Nội	103,627,000	40,000,000	63,627,000	59,500,055	4,126,945
1296	NNT01285	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Bát Tràng, Hà Nội	186,962,000	0	186,962,000	59,518,000	127,444,000
1297	NNT10833	Phạm Văn Thắng	Xã Hải Minh, Ninh Bình	180,000,000	0	180,000,000	59,540,000	120,460,000
1298	NNT01105	Nguyễn Thị Minh Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	423,952,876	87,832,612	336,120,264	59,574,000	276,546,264
1299	NNT00661	Nguyễn Thị Hoan	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	121,194,000	0	121,194,000	59,595,000	61,599,000
1300	NNT13085	Trần Minh Nghiêm	Phường Bạch Mai, Hà Nội	237,113,000	0	237,113,000	59,742,000	177,371,000
1301	NNT14941	Vũ Thị Tuyết Mai	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	59,827,000	40,173,000

1302	NNT14142	Nguyễn Ngọc Minh	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,694,951,644	1,254,951,644	440,000,000	59,848,356	380,151,644
1303	NNT19360	Nguyễn Quang Minh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	141,753,704	16,792,704	124,961,000	59,895,865	65,065,135
1304	NNT16312	Phùng Thu Huyền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	59,908,000	98,822,000
1305	NNT11344	Đỗ Thị Lan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	499,379,000	205,000,000	294,379,000	59,952,000	234,427,000
1306	NNT21762	Trần Đức Thanh	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	60,000,000	0	60,000,000	60,000,000	0
1307	NNT21100	Trần Thị Thu Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	74,098,000	0	74,098,000	60,000,000	14,098,000
1308	NNT19730	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	103,093,000	0	103,093,000	60,000,000	43,093,000
1309	NNT15431	Phạm Hằng Phương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	89,283,000	0	89,283,000	60,000,000	29,283,000
1310	NNT23672	Nguyễn Thị Trung	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	63,711,000	0	63,711,000	60,000,000	3,711,000
1311	NNT23626	Lê Thị Nhiều	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	60,000,000	0
1312	NNT19910	Nguyễn Hữu Trọng	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	78,574,000	0	78,574,000	60,000,000	18,574,000
1313	NNT23983	Vũ Thị Chính	Phường Khương Đình, Hà Nội	61,224,000	0	61,224,000	60,000,000	1,224,000
1314	NNT23917	Nguyễn Thu Hồng	phường Phương Liệt, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	60,000,000	0
1315	NNT23987	Nguyễn Thị Quỳnh	Xã Nhà Bè, TP HCM	60,000,000	0	60,000,000	60,000,000	0
1316	NNT22911	Nguyễn Thị Hân	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	120,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	0

1317	NNT20500 0	Nguyễn Thanh Huyền	Xã Bình Giang, Hải Phòng	77,594,000	0	77,594,000	60,000,000	17,594,000
1318	NNT21793	Lê Thanh Hải	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	72,538,000	34,800,000	37,738,000	60,000,000	-22,262,000
1319	NNT23704	Dương Văn Bồi	Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	61,224,000	0	61,224,000	60,000,000	1,224,000
1320	NNT14560	Vũ Tiến Thành	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	109,661,000	0	109,661,000	60,000,100	49,660,900
1321	NNT20035	Trần Thị Liên	Xã Vinh Thanh, Hà Nội	323,204,706	123,654,706	199,550,000	60,009,294	139,540,706
1322	NNT19251	Tổng Xuân Trường	Xã Hoài Đức, Hà Nội	273,360,652	86,231,652	187,129,000	60,009,348	127,119,652
1323	NNT16776	Phan Quỳnh Mai	phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	124,200,000	62,000,000	62,200,000	60,023,000	2,177,000
1324	NNT17190	Mai Vĩnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	60,023,371	46,806,629
1325	NNT17590	Nguyễn Như Quỳnh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	60,023,371	45,796,629
1326	NNT20568	Đoàn Thị Nga	Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	146,587,773	39,894,773	106,693,000	60,105,227	46,587,773
1327	NNT18630	Hoàng Thái Chi	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	132,607,000	0	132,607,000	60,286,195	72,320,805
1328	NNT18841	Dương Thị Hà	Xã Phú Bình, Thái Nguyên	230,366,000	0	230,366,000	60,387,530	169,978,470
1329	NNT18097	Tạ Thị Tú lệ	Phường Tương Mai, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	60,464,000	42,629,000
1330	NNT18911	Nguyễn Văn Thành	Phường Yên Hoà, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	60,500,000	42,592,000
1331	NNT17588	Vũ Thị Nhũ	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	125,845,000	39,500,000	86,345,000	60,500,000	25,845,000

1332	NNT18885	Phùng Thị Định	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	35,000,000	65,000,000	60,500,000	4,500,000
1333	NNT23751	Lê Thị Huế	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	104,040,000	0	104,040,000	60,500,000	43,540,000
1334	NNT16549	Nguyễn Thị Ngọc Lương	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	60,531,000	48,759,000
1335	NNT19681	Phạm Thị Thu Hoài	Xã Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên	235,133,848	89,424,848	145,709,000	60,575,092	85,133,908
1336	NNT22009	Lê Thị Ngà	Xã Tiên Hải, Hưng Yên	125,442,000	0	125,442,000	60,658,055	64,783,945
1337	NNT17970	Vũ Quang Huy	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	105,611,000	0	105,611,000	60,665,750	44,945,250
1338	NNT18290	Trần Mạnh Nguyên	Xã Tiên Lữ, Phú Thọ	132,220,000	0	132,220,000	60,763,000	71,457,000
1339	NNT15866	Lê Thị Yến	Xã Cẩm Giàng, Hải Phòng	137,979,000	20,000,000	117,979,000	60,802,680	57,176,320
1340	NNT21214	Bùi Nhật Tú	Phường Hà Đông Hà Nội	103,093,000	20,000,000	83,093,000	60,829,000	22,264,000
1341	NNT16171	Hoàng Văn Bằng	Xã Yên Cường, Tỉnh Ninh Bình	137,457,000	0	137,457,000	60,832,000	76,625,000
1342	NNT17188	Phạm Thị Oanh	Xã Lệ Thủy, Quảng Trị	104,167,000	0	104,167,000	60,958,000	43,209,000
1343	NNT01510	Nguyễn Thế Nghĩa	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,240,107,000	719,054,000	521,053,000	60,996,000	460,057,000
1344	NNT11307	Nguyễn Thị Phúc	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	166,747,000	0	166,747,000	61,060,000	105,687,000
1345	NNT15509	Phan Duy Hùng	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	61,081,000	60,612,000
1346	NNT16873	Trần Thị Hà	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	142,313,425	37,965,425	104,348,000	61,168,000	43,180,000

1347	NNT15418	Nguyễn Tuyết Nhung	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	213,903,000	0	213,903,000	61,175,000	152,728,000
1348	NNT17393	Phạm Văn Can	P. Giảng Võ/ Ô Chợ Dừa, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	61,200,000	42,967,000
1349	NNT18415	Cầm Phong Châu	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	61,215,000	60,478,000
1350	NNT22011	Nguyễn Thị Minh Ngọc	phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	61,250,000	8,750,000
1351	NNT14525	Giang Văn Thành	Xã Hoà Lạc, Hà Nội	125,456,000	0	125,456,000	61,290,240	64,165,760
1352	NNT15044	Bùi Vân Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	106,326,000	0	106,326,000	61,321,000	45,005,000
1353	NNT18363	Nguyễn Thúy Mai	phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	61,383,000	41,710,000
1354	NNT22083	Phan Ngọc Tùng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	250,000,000	180,000,000	70,000,000	61,500,000	8,500,000
1355	NNT18843	Trần Thị Vân Anh	Xã Ba Vi, Hà Nội	100,000,000	34,000,000	66,000,000	61,500,000	4,500,000
1356	NNT13242	Vũ Duy Anh	Yên Hòa, Hà Nội	507,588,000	0	507,588,000	61,598,000	445,990,000
1357	NNT12158	Trần Thị Hải Ninh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	249,592,000	0	249,592,000	61,644,000	187,948,000
1358	NNT16656	Nguyễn Thị Hương	phường Láng, Hà Nội	439,098,000	0	439,098,000	61,665,000	377,433,000
1359	NNT18250	Nguyễn Thị Thoa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	95,586,000	0	95,586,000	61,685,000	33,901,000
1360	NNT13180	Nguyễn Thị Mến	Phường Từ Liêm, Hà Nội	230,044,000	0	230,044,000	61,737,000	168,307,000
1361	NNT20093	Nguyễn Hữu Trung	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	107,742,000	16,161,000	91,581,000	61,852,000	29,729,000

1362	NNT12595	Phạm Chúc Quỳnh	phường Láng, Hà Nội	122,995,000	0	122,995,000	61,893,000	61,102,000
1363	NNT18382	Phạm Thị Liên	Xã Hoài Đức, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	61,952,000	43,868,000
1364	NNT16464	Nguyễn Doãn Hưởng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	100,000,000	35,000,000	65,000,000	62,000,000	3,000,000
1365	NNT19327	Đỗ Quốc Anh	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	133,061,345	28,349,345	104,712,000	62,000,000	42,712,000
1366	NNT12936	Nguyễn Dương Minh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	62,161,999	87,838,001
1367	NNT16521	Phạm Thị Thủy	Phường Thư Lâm - TP Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	62,169,000	40,923,000
1368	NNT17036	Nguyễn Thị Bền	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	62,200,000	44,630,000
1369	NNT19698	Nguyễn Thị Yên	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	167,568,493	17,568,493	150,000,000	62,216,205	87,783,795
1370	NNT00239	Lê Xuân Quế	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	700,000,000	0	700,000,000	62,271,000	637,729,000
1371	NNT20873	Đỗ Thị Mai Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	218,034,000	116,623,000	101,411,000	62,278,000	39,133,000
1372	NNT13290	Nguyễn Thị Minh Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	237,114,000	0	237,114,000	62,423,000	174,691,000
1373	NNT16613	Trần Thị Thanh Thủy	P.Hồng Hà, Hà Nội	296,609,000	152,000,000	144,609,000	62,478,000	82,131,000
1374	NNT19020	Nguyễn Thị Mai	Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	200,419,000	113,000,000	87,419,000	62,500,000	24,919,000
1375	NNT16330	Vũ Thị Duyên	Xã Hương Sơn, Hà Nội	132,975,000	0	132,975,000	62,653,000	70,322,000
1376	NNT18525	Phạm Thị Kim Giang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	62,795,000	37,205,000

1377	NNT11570	Nguyễn Thị Bích Nhật	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	326,500,000	21,000,000	305,500,000	62,821,000	242,679,000
1378	NNT01436	Ngô Thanh Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	337,317,196	75,482,648	261,834,548	62,826,000	199,008,548
1379	NNT14770	Nguyễn Văn Hóa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	341,270,000	182,540,000	158,730,000	62,871,000	95,859,000
1380	NNT15303	Nguyễn Thị Bình Minh	phường Phương Liệt, Hà Nội	112,454,000	0	112,454,000	62,886,000	49,568,000
1381	NNT20258	Nguyễn Quốc Trung	Phường Tương Mai, Hà Nội	80,214,000	0	80,214,000	62,968,000	17,246,000
1382	NNT20928	Nguyễn Viết Hưng	Phường Xuân Phương, Hà Nội	151,546,000	84,000,000	67,546,000	63,000,000	4,546,000
1383	NNT15912	Hoàng Vĩnh Thanh	P.Bach Mai, Hà Nội	419,218,000	173,938,000	245,280,000	63,026,000	182,254,000
1384	NNT14416	Trần Thị Hồng Hạnh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	348,424,000	12,400,000	336,024,000	63,194,535	272,829,465
1385	NNT17596	Nguyễn Văn Sức	Xã Vĩnh Thành, Phú Thọ	105,820,000	0	105,820,000	63,200,000	42,620,000
1386	NNT18254	Tạ Thị Hồng Hải	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	415,000,000	250,000,000	165,000,000	63,264,000	101,736,000
1387	NNT17291	Nguyễn Thị Diễm	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	116,959,000	0	116,959,000	63,282,000	53,677,000
1388	NNT17947	Trần Viết Hùng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	187,786,000	80,000,000	107,786,000	63,402,210	44,383,790
1389	NNT17914	Nguyễn Xuân Bình	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	63,428,000	36,572,000
1390	NNT18551	Nguyễn Văn Bắc	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	105,820,000	15,000,000	90,820,000	63,446,000	27,374,000
1391	NNT20923	Nguyễn Hoàng Dương	Xã Vạn An, Nghệ An	203,750,000	115,000,000	88,750,000	63,458,000	25,292,000

1392	NNT18397	Trịnh Thị Tươi	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	110,806,000	0	110,806,000	63,488,000	47,318,000
1393	NNT14776	Nguyễn Thị Hiền Anh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	111,111,000	0	111,111,000	63,525,000	47,586,000
1394	NNT11513	Chu Thị Lý	Xã Hoàng Hoá, Thanh Hoá	265,831,000	0	265,831,000	63,583,000	202,248,000
1395	NNT24086	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Xã Nam Trục, Tỉnh Ninh Bình	63,922,000	0	63,922,000	63,602,392	319,608
1396	NNT18906	Nguyễn Tuyết Lan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	109,093,000	0	109,093,000	63,710,000	45,383,000
1397	NNT15402	Nguyễn Hồng Anh	Phường Nam Hoa Lư, Ninh Bình	732,423,495	183,572,495	548,851,000	63,750,505	485,100,495
1398	NNT18772	Nguyễn Phương Thanh	P. Giảng Võ, Hà Nội	195,519,778	50,540,778	144,979,000	63,759,222	81,219,778
1399	NNT11569	Trương Thị Pha	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,208,312,500	531,427,750	676,884,750	63,818,775	613,065,975
1400	NNT18325	Chu Thị Thanh Huyền	Phường Xuân Đình, Hà Nội	289,991,496	153,092,248	136,899,248	63,841,752	73,057,496
1401	NNT16127	Nguyễn Hồng Thắng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	246,177,000	106,000,000	140,177,000	63,843,817	76,333,183
1402	NNT15070	Phan Thị Thắng	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	156,025,000	23,568,000	132,457,000	63,863,000	68,594,000
1403	NNT20172	Phạm Thanh Diệp	Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình	143,081,714	36,129,714	106,952,000	63,870,286	43,081,714
1404	NNT17622	Lê Kim Cương	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	63,880,000	36,120,000
1405	NNT02047	Nguyễn Thu Hà	Phường Tây Tựu, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	63,918,000	465,182,000
1406	NNT15869	Nguyễn Phương Loan	112 An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội.	154,430,000	23,165,000	131,265,000	63,982,000	67,283,000

1407	NNT24137	Trần Hồng Hạnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	64,160,000	0	64,160,000	63,999,599	160,401
1408	NNT20048	Vũ Anh Tú	Xã Hoà Xá, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	64,000,000	41,820,000
1409	NNT17182	Hà Duy Lân	Phường Cửa Nam, Hà Nội	139,233,000	0	139,233,000	64,086,744	75,146,256
1410	NNT00112	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	344,945,000	181,250,000	163,695,000	64,148,000	99,547,000
1411	NNT20908	Đỗ Thị Hồng Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	538,361,000	15,789,000	522,572,000	64,226,000	458,346,000
1412	NNT16751	Tô Thị Tuyền	Phường Đông Đa, Hà Nội	100,505,000	0	100,505,000	64,250,000	36,255,000
1413	NNT19123	Nguyễn Quang Doanh	Xã Trần Phú, Hà Nội	125,683,000	18,852,000	106,831,000	64,252,466	42,578,534
1414	NNT19295	Nguyễn Thị Thu Hà	Xã Vũ Thư, Hưng Yên	104,166,000	35,625,000	68,541,000	64,375,000	4,166,000
1415	NNT16780	Lê Thu Hà	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	212,137,000	2,000,000	210,137,000	64,392,000	145,745,000
1416	NNT17752	Nguyễn Thị Nga	Phường Phương Liệt, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	64,424,000	85,576,000
1417	NNT14815	Trần Thị Thau	Phường Kim Liên, Hà Nội	158,833,772	57,413,772	101,420,000	64,445,000	36,975,000
1418	NNT11959	Hoàng Thị Hường	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	192,765,000	12,000,000	180,765,000	64,450,000	116,315,000
1419	NNT19269	Dương Văn Tuấn	Xã Bình Minh, Hà Nội	113,115,000	0	113,115,000	64,612,000	48,503,000
1420	NNT13879	Kiều Thị Xy	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	6,720,192,477	2,425,665,477	4,294,527,000	64,673,523	4,229,853,477
1421	NNT17219	Trần Văn Nghĩa	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	124,528,000	0	124,528,000	64,729,000	59,799,000

1422	NNT15804	Nguyễn Thị Hảo	Phường Bạch Mai, Hà Nội	131,526,000	0	131,526,000	64,747,690	66,778,310
1423	NNT19140	Bùi Đình Hòa	Phường Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	64,776,000	235,224,000
1424	NNT14405	Nguyễn Phương Hằng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	164,364,000	0	164,364,000	64,837,800	99,526,200
1425	NNT15060	Nguyễn Thu Thảo	P. Hà Giang 2, Tuyên Quang	109,657,000	0	109,657,000	64,903,900	44,753,100
1426	NNT19917	Hồ Thị Bảo Ngọc	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	207,184,658	63,227,658	143,957,000	64,977,342	78,979,658
1427	NNT19615	Nguyễn Hoài Đức	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	144,502,000	55,000,000	89,502,000	64,999,570	24,502,430
1428	NNT21636	Nguyễn Minh Anh	Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	81,536,000	0	81,536,000	65,000,000	16,536,000
1429	NNT16129	Nguyễn Đình Quế	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	155,161,000	0	155,161,000	65,000,015	90,160,985
1430	NNT17051	Nguyễn Thị Sơ	Phường Việt Hưng, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	65,027,000	41,803,000
1431	NNT22835	Nguyễn Thị Vân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	82,474,000	14,845,220	67,628,780	65,154,780	2,474,000
1432	NNT16015	Bùi Trung Nam	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	150,000,000	0	150,000,000	65,179,000	84,821,000
1433	NNT00029	Trịnh Thị Tơ	Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên	237,113,000	0	237,113,000	65,198,000	171,915,000
1434	NNT11747	Nguyễn Đình Bân	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	595,079,000	3,000,000	592,079,000	65,214,000	526,865,000
1435	NNT11193	Nguyễn Đức Hùng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	209,278,000	0	209,278,000	65,219,466	144,058,534
1436	NNT01557	Phan Thu An	Phường Kim Liên, Hà Nội	372,567,000	0	372,567,000	65,226,600	307,340,400

1437	NNT02017	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	228,980,000	0	228,980,000	65,258,000	163,722,000
1438	NNT19787	Đặng Quốc Tuấn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	103,627,000	15,544,000	88,083,000	65,286,000	22,797,000
1439	NNT23764	Nguyễn Văn Khanh	Xã Phù Đồng, Hà Nội	116,939,311	34,939,311	82,000,000	65,404,017	16,595,983
1440	NNT15682	Vũ Thị Thanh Thảo	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	391,299,258	127,495,258	263,804,000	65,504,742	198,299,258
1441	NNT20103	Trần Anh Dũng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	124,794,000	0	124,794,000	65,508,180	59,285,820
1442	NNT11998	Nguyễn Thúy Nga	Phường Bồ Đề, Hà Nội	506,891,506	340,866,506	166,025,000	65,569,000	100,456,000
1443	NNT13286	Nguyễn Thị Ngọc Anh	P.Hà Đông, Hà Nội	119,063,000	0	119,063,000	65,600,450	53,462,550
1444	NNT14723	Nguyễn Thị Chi	Xã Đại Thanh, Hà Nội	153,125,000	0	153,125,000	65,656,250	87,468,750
1445	NNT21001	Phạm Thị Thu Trang	Phường Lê Chân, Hải Phòng	150,346,246	79,346,246	71,000,000	65,700,000	5,300,000
1446	NNT13948	Nguyễn Thị Thanh Dung	Phường Sơn Tây, Hà Nội	116,402,000	0	116,402,000	65,840,000	50,562,000
1447	NNT12882	Lưu Văn Kiên	Xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	149,672,000	0	149,672,000	65,979,000	83,693,000
1448	NNT18702	Nguyễn Phương My	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	125,000,000	19,012,000	105,988,000	65,982,000	40,006,000
1449	NNT17772	Ninh Thị Oanh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	66,000,000	36,040,000
1450	NNT18848	Dương Thị Nga	Xã Bình Minh, Ninh Bình	241,431,000	125,000,000	116,431,000	66,000,000	50,431,000
1451	NNT19699	Nguyễn Thị Hoài	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	100,000,000	0	100,000,000	66,011,000	33,989,000

1452	NNT16877	Đào Thị Thành	Xã Thanh Trì, Hà Nội	126,314,000	0	126,314,000	66,019,315	60,294,685
1453	NNT17595	Hoàng Thị Phương	Xác Bảo Ái, Lào Cai	106,889,000	0	106,889,000	66,075,371	40,813,629
1454	NNT17793	Trần Việt Cường	Phường Sơn Tây, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	66,093,000	59,590,000
1455	NNT15745	Lương Ngọc Hưng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	130,929,000	0	130,929,000	66,113,000	64,816,000
1456	NNT19461	Phạm Thị Lộc	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	113,679,697	14,721,697	98,958,000	66,129,000	32,829,000
1457	NNT16606	Nguyễn Quốc Thục	Phường Tây Hồ, Hà Nội	285,812,932	85,812,932	200,000,000	66,187,068	133,812,932
1458	NNT14440	Nguyễn Hữu Thuận	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	126,764,000	0	126,764,000	66,285,000	60,479,000
1459	NNT21404	Lê Phương Anh	Phường Khương Đình, Hà Nội	80,000,000	0	80,000,000	66,300,000	13,700,000
1460	NNT14878	Phùng Thị Hoài Thu	Xã Gia Lâm, Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	66,451,000	97,483,000
1461	NNT18190	Nguyễn Anh Tuấn	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	66,473,000	33,527,000
1462	NNT16441	Nguyễn Lan Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	108,677,000	0	108,677,000	66,567,000	42,110,000
1463	NNT23246	Nguyễn Minh Chí	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	80,000,000	12,000,000	68,000,000	66,587,000	1,413,000
1464	NNT17643	Nguyễn Trọng Việt	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	833,486,740	110,000,000	723,486,740	66,665,000	656,821,740
1465	NNT22459	Ninh Thanh Hòa	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	200,000,000	122,880,000	77,120,000	66,755,000	10,365,000
1466	NNT13809	Bùi Kim Anh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	310,873,000	106,901,000	203,972,000	66,789,000	137,183,000

1467	NNT01219	Lê Thị Hoa Tuyết	Xã Mê Linh, Hà Nội	226,880,000	0	226,880,000	66,800,000	160,080,000
1468	NNT18305	Phùng Thị Hoàng Anh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	290,912,014	72,349,015	218,562,999	66,817,985	151,745,014
1469	NNT21515	Lê Thị Ngọc	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	207,254,000	130,000,000	77,254,000	67,000,000	10,254,000
1470	NNT19074	Phan Thị Huyền Trang	P.Bạch Mai, Hà Nội	100,000,000	9,000,000	91,000,000	67,000,000	24,000,000
1471	NNT21172	Phạm Thị Sinh	Xã Đông Anh, Hà Nội	74,866,000	3,000,000	71,866,000	67,000,000	4,866,000
1472	NNT18148	Nguyễn Thị Duyên	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	116,402,000	0	116,402,000	67,011,000	49,391,000
1473	NNT21457	Hoàng Thọ Hùng	phường Đồng Đa, Hà Nội	315,625,000	232,969,000	82,656,000	67,031,000	15,625,000
1474	NNT13220	Phạm Lê Văn	P.Thanh Liệt, Hà Nội	132,653,000	0	132,653,000	67,094,000	65,559,000
1475	NNT18510	Mai Thị Thủy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	163,000,000	47,500,000	115,500,000	67,113,000	48,387,000
1476	NNT18767	Nguyễn Thị Thúy Trinh	Xã Kiến Đức, Đăk Nông	413,000,000	200,000,000	213,000,000	67,132,000	145,868,000
1477	NNT13621	Vũ Kim Sây	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	3,000,000	197,000,000	67,153,000	129,847,000
1478	NNT21643	Lê Thị Hải	Xã Đại Thanh, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	67,200,000	2,800,000
1479	NNT11781	Ngọc Thị Lan Hương	phường Yên Hòa, Hà Nội	230,527,000	0	230,527,000	67,323,000	163,204,000
1480	NNT01744	Vũ Thị Minh Châu	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	251,216,712	51,216,712	200,000,000	67,381,946	132,618,054
1481	NNT13902	Trần Thị Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	177,003,000	0	177,003,000	67,390,000	109,613,000

1482	NNT21634	Lê Hồng Lê	Phường Đồng Đa, Hà Nội	207,254,000	130,000,000	77,254,000	67,400,000	9,854,000
1483	NNT18622	Trần Quốc Vượng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	114,102,000	0	114,102,000	67,423,000	46,679,000
1484	NNT12338	Đỗ Thị Thế Hà	P.Tây Hồ, Hà Nội	531,269,254	186,958,760	344,310,494	67,425,344	276,885,150
1485	NNT17037	Nguyễn Văn Linh	Phường Kim Liên, Hà Nội	112,500,000	0	112,500,000	67,486,000	45,014,000
1486	NNT01045	Vũ Văn Khẩn	Phường Bồ Đề, Hà Nội	321,693,000	0	321,693,000	67,500,000	254,193,000
1487	NNT13812	Hoàng Thị Mai	Xã Vĩ Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	509,646,792	101,266,792	408,380,000	67,654,848	340,725,152
1488	NNT18807	Trần Thị Lương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	176,205,205	30,705,205	145,500,000	67,678,768	77,821,232
1489	NNT15984	Nguyễn Vũ Thiện Cường	Phường Kim Liên, Hà Nội	103,419,000	0	103,419,000	67,734,665	35,684,335
1490	NNT21369	Phạm Thị Minh Nguyệt	Phường Từ Liêm, Hà Nội	150,000,000	50,000,000	100,000,000	67,750,000	32,250,000
1491	NNT24325	Nguyễn Thị Thủy	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	67,972,000	0	67,972,000	67,774,000	198,000
1492	NNT19562	Trần Quang Việt	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	133,705,000	20,551,000	113,154,000	67,804,000	45,350,000
1493	NNT19737	Nguyễn Văn Dương	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	136,291,000	20,746,000	115,545,000	67,857,000	47,688,000
1494	NNT17748	Nguyễn Đặng Hoàng	Phường Định Công, TP Hà Nội	106,611,000	0	106,611,000	67,865,000	38,746,000
1495	NNT11011	Phạm Thủy Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	229,574,000	68,000,000	161,574,000	67,884,560	93,689,440
1496	NNT19813	Bùi Thị Duyên	Xã Xuân Mai, Hà Nội	110,228,000	0	110,228,000	67,895,000	42,333,000

1497	NNT14750	Nguyễn Thị Cường	Phường Lê Chân, Hải Phòng	171,127,000	30,000,000	141,127,000	68,000,000	73,127,000
1498	NNT18146	Hoàng Oanh Trường	Phường Khương Đình, Hà Nội	489,361,000	320,000,000	169,361,000	68,000,000	101,361,000
1499	NNT11279	Phí Quốc Bảo	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	68,133,000	31,867,000
1500	NNT13762	Lê Văn Dự	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	98,072,000	0	98,072,000	68,250,000	29,822,000
1501	NNT22137	Nguyễn Thị Hợi	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	119,458,316	13,622,023	105,836,293	68,412,000	37,424,293
1502	NNT12250	Nguyễn Thị Thanh	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	208,333,000	0	208,333,000	68,418,000	139,915,000
1503	NNT11118	Nguyễn Hoài Phương	Xã Gia Lâm, Hà Nội	185,484,000	0	185,484,000	68,558,000	116,926,000
1504	NNT14521	Mạc Thị Thanh Xuân	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	68,564,000	91,436,000
1505	NNT20284	Lê Thị Lan Hương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	157,895,000	81,399,000	76,496,000	68,601,000	7,895,000
1506	NNT18353	Bùi Thị Thu Huyền	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	112,946,000	0	112,946,000	68,622,460	44,323,540
1507	NNT02183	Nguyễn Bá Tuấn	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,387,000	0	200,387,000	68,775,000	131,612,000
1508	NNT14545	Trần Thị Minh Tâm	P. Xuân Hoà, TP HCM	250,914,000	0	250,914,000	68,784,150	182,129,850
1509	NNT17199	Lưu Đình Thuyết	Phường Hà Đông, Hà Nội	106,556,000	0	106,556,000	68,797,000	37,759,000
1510	NNT14728	Đỗ Thị Hiền	phường Đống Đa, Hà Nội	128,703,000	0	128,703,000	68,829,000	59,874,000
1511	NNT11559	Đặng Quốc Việt	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	684,672,000	0	684,672,000	68,929,000	615,743,000

1512	NNT16237	Nguyễn Thị Liên	Phường Tô Hiệu, Sơn La	165,125,000	0	165,125,000	68,965,000	96,160,000
1513	NNT22394	Nguyễn Danh Hiến	Phường Xuân Đình, TP Hà Nội	87,264,000	0	87,264,000	69,000,000	18,264,000
1514	NNT15577	Nguyễn Thị Hồng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	303,713,000	0	303,713,000	69,062,385	234,650,615
1515	NNT13838	Nguyễn Thị Thu Hương	Xã Quốc Oai, Hà Nội	264,484,000	128,000,000	136,484,000	69,150,000	67,334,000
1516	NNT00421	Nguyễn Thị Mai	Xã Ô Diên, Hà Nội	2,572,308,000	90,000,000	2,482,308,000	69,237,521	2,413,070,479
1517	NNT18998	Nguyễn Thanh Thủy	Phường Phương Liệt, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	69,358,545	36,461,455
1518	NNT19704	Lê Thanh Thảo	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	208,913,000	100,000,000	108,913,000	69,371,800	39,541,200
1519	NNT19663	Vũ Thị Hòa	Phường Bồ Đề, Hà Nội	103,626,000	0	103,626,000	69,372,000	34,254,000
1520	NNT19444	Chu Thị Thúy	Xã Vật Lại, Hà Nội	176,610,364	61,913,364	114,697,000	69,394,000	45,303,000
1521	NNT19701	Nguyễn Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	127,977,397	47,977,397	80,000,000	69,504,000	10,496,000
1522	NNT01904	Nguyễn Văn Tuấn	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	390,797,000	0	390,797,000	69,544,000	321,253,000
1523	NNT12058	Nguyễn Bá Yên	Xã Ô Diên, Hà Nội	145,801,000	0	145,801,000	69,730,000	76,071,000
1524	NNT14632	Phùng Mai Anh	Phường Tương Mai, Hà Nội	253,627,648	114,279,648	139,348,000	69,750,000	69,598,000
1525	NNT18642	Bùi Minh Phúc	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	72,942,000	0	72,942,000	69,753,740	3,188,260
1526	NNT20037	Hoàng Xuân Quảng	Xã Lục Nam, Tỉnh Bắc Ninh	100,000,000	0	100,000,000	69,797,000	30,203,000

1527	NNT21461	Bùi Thị Thanh Quỳnh	Xã Cao Phong, Phú Thọ	72,539,000	0	72,539,000	69,800,000	2,739,000
1528	NNT11156	Mạc Kim Tôn	Phường Hà Đông, Hà Nội	363,158,000	0	363,158,000	69,814,000	293,344,000
1529	NNT10876	Lê Diệu Linh	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	309,276,000	0	309,276,000	69,844,000	239,432,000
1530	NNT18920	Hà Thúy Nga	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	130,890,000	19,634,000	111,256,000	69,894,880	41,361,120
1531	NNT14950	Trần Thị Băng Sâm	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	200,000,000	45,000,000	155,000,000	69,914,000	85,086,000
1532	NNT22683	Trần Thị Hồng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	74,866,000	0	74,866,000	69,999,710	4,866,290
1533	NNT18435	Phạm Tuấn Đạt	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	91,315,000	0	91,315,000	69,999,850	21,315,150
1534	NNT20511	Nguyễn Thị Trang Nhung	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	104,712,000	30,000,000	74,712,000	69,999,960	4,712,040
1535	NNT21050	Nguyễn Thị Cầu	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	105,194,000	0	105,194,000	70,000,000	35,194,000
1536	NNT18992	Lê Thị Mỹ Trang	Phường Khương Đình, Hà Nội	72,539,000	0	72,539,000	70,000,000	2,539,000
1537	NNT22839	Vũ Thị Vân	Xã Quỳnh Lưu, Nghệ An	72,165,000	0	72,165,000	70,000,000	2,165,000
1538	NNT21791	Đậu Thị Hương	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	86,000,000	0	86,000,000	70,000,000	16,000,000
1539	NNT20795	Nguyễn Văn Diễn	Xã Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	72,916,000	0	72,916,000	70,000,000	2,916,000
1540	NNT21271	Trần Thị Thân	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	74,074,000	0	74,074,000	70,000,000	4,074,000
1541	NNT21333	Nguyễn Thị Lương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	89,699,000	0	89,699,000	70,000,000	19,699,000

1542	NNT21535	Nguyễn Thị Hồng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	76,086,000	0	76,086,000	70,000,000	6,086,000
1543	NNT24075	Nguyễn Thị Bích	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	70,000,000	0
1544	NNT21782	Lê Quốc Hội	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	86,000,000	0	86,000,000	70,000,000	16,000,000
1545	NNT22734	Nguyễn Vũ Thanh	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	412,831,790	230,000,000	182,831,790	70,000,360	112,831,430
1546	NNT12691	Nguyễn Thị Thạch Thảo	Phường Định Công, Hà Nội	110,100,000	0	110,100,000	70,046,000	40,054,000
1547	NNT13243	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	151,802,000	0	151,802,000	70,125,000	81,677,000
1548	NNT01915	Nguyễn Thị Kim San	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	224,300,000	0	224,300,000	70,310,000	153,990,000
1549	NNT15073	Nguyễn Ánh Nguyệt	Xã Trấn Yên; Lào Cai	76,012,000	0	76,012,000	70,311,000	5,701,000
1550	NNT22240	Nguyễn Thị Ngọc Bích	P. Thành Sen, Hà Tĩnh	90,146,000	0	90,146,000	70,368,220	19,777,780
1551	NNT19596	Nguyễn Thị Ngọc Hoài	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	114,925,000	0	114,925,000	70,371,915	44,553,085
1552	NNT02010	Lê Linh Chi	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	70,401,000	129,599,000
1553	NNT20319	Nguyễn Thị Trang	Xã Ô Diên, Hà Nội	107,526,000	16,129,000	91,397,000	70,460,966	20,936,034
1554	NNT13181	Nguyễn Minh Anh	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	124,324,000	0	124,324,000	70,469,000	53,855,000
1555	NNT14998	Phạm Thị Thanh Hải	Xã Kim Anh, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	70,500,000	51,193,000
1556	NNT21060	Đỗ Xuân Mai	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	70,500,000	14,500,000

1557	NNT18679	Hoàng Thị Thu Huyền	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	182,038,500	0	182,038,500	70,545,500	111,493,000
1558	NNT17012	Nguyễn Khoa Bằng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	108,696,000	0	108,696,000	70,608,000	38,088,000
1559	NNT14913	Mã Xuân Cảnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	153,840,005	10,000,000	143,840,005	70,632,000	73,208,005
1560	NNT17500	Nguyễn Hữu Hoàn	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	125,558,904	0	125,558,904	70,637,702	54,921,202
1561	NNT14243	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Lê Chân, Hải Phòng	723,560,000	400,000,000	323,560,000	70,714,000	252,846,000
1562	NNT13413	Vũ Hồng Trang	Phường Tương Mai, Hà Nội	150,334,000	0	150,334,000	70,733,000	79,601,000
1563	NNT14883	Trần Thị Thơm	Phường Bồ Đề, Hà Nội	108,408,000	10,000,000	98,408,000	70,750,000	27,658,000
1564	NNT18584	Nguyễn Văn Minh	Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh	103,092,000	0	103,092,000	70,886,000	32,206,000
1565	NNT17318	Nguyễn Thị Hà	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	209,393,000	121,400,000	87,993,000	70,999,404	16,993,596
1566	NNT13592	Đặng Thị Thuận	phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	200,000,000	0	200,000,000	71,000,000	129,000,000
1567	NNT16588	Đoàn Thị Mỹ	phường Đồng Đa, Hà Nội	127,578,000	0	127,578,000	71,000,000	56,578,000
1568	NNT21122	Bùi Thị Minh Huệ	Phường Yên Hòa, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	71,000,000	14,000,000
1569	NNT16892	Nguyễn Thị Vân Hương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	71,006,000	54,677,000
1570	NNT24401	Ngô Thanh Hải	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	71,010,000	0	71,010,000	71,010,000	0
1571	NNT00679	Trần Thị Hằng	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	475,122,000	0	475,122,000	71,055,000	404,067,000

1572	NNT01144	Nguyễn Thị Lộc	phường Đồng Đa, Hà Nội	392,852,000	0	392,852,000	71,081,360	321,770,640
1573	NNT18203		Xã Xuân Giang, Tỉnh Ninh Bình	107,556,000	0	107,556,000	71,084,000	36,472,000
1574	NNT19622	Nguyễn Thúy Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	207,861,000	100,000,000	107,861,000	71,150,000	36,711,000
1575	NNT13324	Nguyễn Thị Thu Trang	Xã Phú Đồng, Hà Nội	654,717,000	0	654,717,000	71,162,000	583,555,000
1576	NNT13282	Trần Thị Xuân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	223,512,000	100,000,000	123,512,000	71,241,000	52,271,000
1577	NNT23730	Nguyễn Thị Anh Thư	P.Bach Mai, Hà Nội	103,093,000	28,680,000	74,413,000	71,320,000	3,093,000
1578	NNT20123	Đỗ Mỹ Linh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	135,268,000	28,680,000	106,588,000	71,320,120	35,267,880
1579	NNT21342		Phường Lê Chân, Hải Phòng	200,000,000	115,000,000	85,000,000	71,500,000	13,500,000
1580	NNT20181	Nguyễn Thị Long	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	71,505,000	29,505,000
1581	NNT13564	Hà Thị Nga	Xã Quốc Oai, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	71,662,000	33,050,000
1582	NNT15636	Nguyễn Huyền My	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	10,000,000	90,000,000	71,700,000	18,300,000
1583	NNT18120	Nguyễn thị Hoàng An	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	164,420,000	16,304,000	148,116,000	71,797,000	76,319,000
1584	NNT16653	Hà Thị Kim Anh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	71,838,000	146,741,000
1585	NNT22608	Nguyễn Việt Phú	Phường Khương Đình, Hà Nộ	72,661,000	461,000	72,200,000	71,839,002	360,998
1586	NNT22898	Nguyễn Hồng Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	127,310,959	47,310,959	80,000,000	72,000,000	8,000,000

1587	NNT12916	Trịnh Quốc Đông	Phường Định Công, TP Hà Nội	150,702,000	12,400,000	138,302,000	72,074,000	66,228,000
1588	NNT15233	Lê Thị Thanh	Xã Thọ Phú, Thanh Hoá	100,529,000	0	100,529,000	72,089,000	28,440,000
1589	NNT16384	Đoàn Thị Diệu Thúy	Xã Vụ Bản, Ninh Bình	156,792,000	0	156,792,000	72,100,000	84,692,000
1590	NNT17240	Nguyễn Thị Hải Phương	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	317,460,000	190,000,000	127,460,000	72,119,000	55,341,000
1591	NNT19385	Đào Thị Thêm	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	108,820,000	3,000,000	105,820,000	72,196,000	33,624,000
1592	NNT19086	Nguyễn Thị Thu Hằng	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	72,230,000	27,770,000
1593	NNT18652	Trần Thị Thái	Phường Xuân Đình, Hà Nội	103,627,000	0	103,627,000	72,275,000	31,352,000
1594	NNT13388	Nguyễn Thị Phương Linh	Xã Quảng Oai, Hà Nội	103,093,000	15,464,000	87,629,000	72,392,210	15,236,790
1595	NNT13599	Trần Thị Hảo	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	200,063,000	0	200,063,000	72,428,000	127,635,000
1596	NNT16733	Vũ Hà Thanh	P.Tây Hồ, Hà Nội	139,394,000	0	139,394,000	72,480,000	66,914,000
1597	NNT20147	Phan Thị Thim	Phường Đồng Đa, Hà Nội	139,009,000	60,000,000	79,009,000	72,813,156	6,195,844
1598	NNT19946	Lê Thị Trường Phúc	P.Bạch Mai, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	72,916,960	31,795,040
1599	NNT14436	Nguyễn Thị Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	73,050,000	76,950,000
1600	NNT17852	Nguyễn Thùy Linh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	109,646,000	0	109,646,000	73,077,000	36,569,000
1601	NNT21193	Nguyễn Đức Chung	Phường Việt Hưng, Hà Nội	103,093,000	7,732,000	95,361,000	73,097,000	22,264,000

1602	NNT00058	Lê Văn Thu	Phường Bạch Mai, Hà Nội	364,614,000	25,000,000	339,614,000	73,128,000	266,486,000
1603	NNT19088	Nghiêm Minh Hiền	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	115,295,000	0	115,295,000	73,350,000	41,945,000
1604	NNT13813	Giang Thị Ánh Ngọc	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	641,530,000	68,182,000	573,348,000	73,457,838	499,890,162
1605	NNT16398	Bùi Thị Phương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	200,000,000	98,000,000	102,000,000	73,500,000	28,500,000
1606	NNT18340	Nguyễn Thị Hồng Hải	3 Ngõ 113 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	111,874,000	0	111,874,000	73,536,000	38,338,000
1607	NNT19244	Hoàng Thị Thanh Thủy	P.Thanh Liệt, Hà Nội	130,000,000	0	130,000,000	73,542,000	56,458,000
1608	NNT01727	Lê Thị Thu Hà	P.Phương Liệt, Hà Nội	238,351,000	0	238,351,000	73,567,000	164,784,000
1609	NNT16742	Hoàng Thị Minh Nguyệt	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	120,000,000	0	120,000,000	73,600,000	46,400,000
1610	NNT21177	Nguyễn Hương Quế	phường Hà Đông, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	73,636,000	29,457,000
1611	NNT14205	Nguyễn Trần Minh Tú	P. Kim Liên, Hà Nội	201,083,000	30,000,000	171,083,000	73,665,000	97,418,000
1612	NNT00720	Lê Văn Minh	Xã Hoà Xá, Hà Nội	318,022,000	100,000,000	218,022,000	73,714,000	144,308,000
1613	NNT20124	Ngô Thị Thu Thủy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	73,725,000	30,987,000
1614	NNT12856	Vũ Thị Côi	phường Đống Đa, Hà Nội	131,249,000	5,000,000	126,249,000	73,787,000	52,462,000
1615	NNT14509	Nguyễn Văn Dự	Phường Bồ Đề, Hà Nội	137,981,000	0	137,981,000	73,790,135	64,190,865
1616	NNT18918	Lê Thị Thanh Loan	phường Cầu Giấy, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	73,824,000	30,888,000

1617	NNT18393	Cù Thị Bích Thủy	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	73,862,000	26,138,000
1618	NNT13366	Vũ Thị Hương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	161,817,317	26,134,159	135,683,158	73,958,000	61,725,158
1619	NNT20525	Phạm Phương Linh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	123,867,000	0	123,867,000	73,966,000	49,901,000
1620	NNT12644	Nguyễn Xuân Tài	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	283,061,000	0	283,061,000	73,994,000	209,067,000
1621	NNT14156	Trương Văn Thú	Phường Việt Hưng, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	73,996,000	132,189,000
1622	NNT17863	Nguyễn Văn Bình	Phường Tương Mai, Hà Nội	200,000,000	120,000,000	80,000,000	74,000,000	6,000,000
1623	NNT16847	Đồng Thu Hà	Phường Hà Đông Hà Nội	114,136,000	0	114,136,000	74,000,000	40,136,000
1624	NNT20956	Trịnh Thu Hải	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	74,000,000	11,000,000
1625	NNT24350	Lê Thị Oanh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	74,794,000	0	74,794,000	74,046,000	748,000
1626	NNT17670	Phùng Thị Thanh Hương	Phường Sơn Tây, Hà Nội	125,845,000	0	125,845,000	74,201,404	51,643,596
1627	NNT10853	Nguyễn Thị Phương Mai	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,623,745,792	1,518,056,396	2,105,689,396	74,270,000	2,031,419,396
1628	NNT17948	Mai Anh Vũ	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	125,466,000	18,820,000	106,646,000	74,287,000	32,359,000
1629	NNT01942	Phạm Thị Hằng (010415898 - 17/10/2001 - Hà Nội)	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	168,580,000	12,000,000	156,580,000	74,368,000	82,212,000
1630	NNT18556	Nguyễn Tiến Đức	Xã Thanh Oai, Hà Nội	127,868,000	0	127,868,000	74,377,000	53,491,000
1631	NNT19498	Phạm Kim Phượng	phường Đống Đa, Hà Nội	122,275,000	0	122,275,000	74,400,000	47,875,000

1632	NNT24385	Hoàng Văn Chỉ	Xã Yên Lãng, Hà Nội	107,098,878	32,198,878	74,900,000	74,420,019	479,981
1633	NNT18429	Hoàng Thị Thu Hiền	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	74,500,000	51,183,000
1634	NNT21969	Kiều Tiến Thịnh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	135,882,192	35,882,192	100,000,000	74,500,000	25,500,000
1635	NNT16314	Nguyễn Thị Phương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	119,490,000	0	119,490,000	74,535,000	44,955,000
1636	NNT20475	Trương Thị Hạnh	Phường Láng, TP Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	74,656,000	28,436,000
1637	NNT16139	Phạm Quang Thùy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	217,391,000	0	217,391,000	74,660,000	142,731,000
1638	NNT00065	Phạm Thị Hồng Phượng	Phường Láng, TP Hà Nội	1,053,722,000	100,000,000	953,722,000	74,678,560	879,043,440
1639	NNT22089	Trần Hồng Điệp	Phường Hà Đông, Hà Nội	108,108,000	16,856,000	91,252,000	74,716,000	16,536,000
1640	NNT20804	Nguyễn Thị Quyên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	385,050,329	221,116,329	163,934,000	74,716,671	89,217,329
1641	NNT21508	Trịnh Thị Hồng	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	82,051,000	5,000,000	77,051,000	74,800,000	2,251,000
1642	NNT16823	Lương Vũ Hải	P.Hồng Hà, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	74,828,950	50,854,050
1643	NNT19683	Trương Hoàng Long	Phường Tương Mai, Hà Nội	133,079,000	0	133,079,000	74,845,070	58,233,930
1644	NNT20575	Vũ Thị Thúy	Xã Giao Phúc, Tỉnh Ninh Bình	103,093,000	0	103,093,000	74,895,000	28,198,000
1645	NNT24387	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	184,682,000	0	184,682,000	74,899,000	109,783,000
1646	NNT20170	Bùi Thế Anh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	121,052,000	0	121,052,000	74,948,000	46,104,000

1647	NNT18543	Chu Thị Tâm	Xã Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	128,118,000	25,000,000	103,118,000	74,999,535	28,118,465
1648	NNT19515	Lương Thị Thanh Huyền	Phường Khương Đình, Hà Nội	98,704,000	0	98,704,000	75,000,000	23,704,000
1649	NNT21881	Lương Thị Minh Phượng	Phường Thành Đông, Hải Phòng	500,000,000	410,000,000	90,000,000	75,000,000	15,000,000
1650	NNT12182	Trần Ngọc Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	118,704,000	0	118,704,000	75,000,000	43,704,000
1651	NNT21208	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phường Kim Liên, Hà Nội	108,695,000	16,304,000	92,391,000	75,000,000	17,391,000
1652	NNT20699	Võ Thị Hồng Thơm	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	224,915,000	121,822,000	103,093,000	75,013,000	28,080,000
1653	NNT19522	Nguyễn Thị Trang	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	208,913,000	105,000,000	103,913,000	75,019,000	28,894,000
1654	NNT01766	Nguyễn Thị Diệp	Phường Bạch Mai, Hà Nội	201,706,000	0	201,706,000	75,052,000	126,654,000
1655	NNT02080	Đào Thị Hiền	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	534,783,000	0	534,783,000	75,103,000	459,680,000
1656	NNT16463	Hoàng Thị Xuân Lai	Phường Bạch Mai, Hà Nội	246,752,000	0	246,752,000	75,159,200	171,592,800
1657	NNT19949	Nguyễn Quốc Long	Xã Cổ Đô, Hà Nội	125,457,000	0	125,457,000	75,162,000	50,295,000
1658	NNT16234	Đỗ Mạnh Quyết	Phường Láng, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	75,164,000	124,836,000
1659	NNT20855	Trịnh Thúy Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	107,526,000	16,825,000	90,701,000	75,323,000	15,378,000
1660	NNT19036	Đặng Trần Sinh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	118,556,000	0	118,556,000	75,437,320	43,118,680
1661	NNT21398	Nguyễn Thị Hồng Vân	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	100,000,000	0	100,000,000	75,480,000	24,520,000

1662	NNT18083	Võ Thị Hoài Phương	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	235,323,014	135,323,014	100,000,000	75,500,000	24,500,000
1663	NNT18954	Lê Văn Thiêm	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	75,500,000	24,500,000
1664	NNT18309	Chữ Thị Luyện	Xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên	118,557,000	0	118,557,000	75,500,000	43,057,000
1665	NNT19118	Lê Thanh Xuân	phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	75,500,000	24,500,000
1666	NNT00921	Nguyễn Thu Hằng	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	361,256,000	0	361,256,000	75,528,000	285,728,000
1667	NNT12724	Hoàng Thị Tiêm	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	126,079,000	0	126,079,000	75,542,000	50,537,000
1668	NNT19414	Nguyễn Thị Kim Sinh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	138,484,000	0	138,484,000	75,676,000	62,808,000
1669	NNT17603	Nguyễn Tài Hiệp	Xã An Khánh, Hà Nội	147,784,009	37,328,009	110,456,000	75,753,000	34,703,000
1670	NNT18922	Trần Cẩm Bảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	75,809,000	27,284,000
1671	NNT13254	Nguyễn Thị Hoa	Xã Hà Đông, Hải Phòng	301,000,798	31,377,798	269,623,000	75,880,685	193,742,315
1672	NNT23778	Bùi Văn Dũng	P. Giảng Võ, Hà Nội	76,574,000	0	76,574,000	75,999,695	574,305
1673	NNT21246	Hoàng Lê Đức	Phường Giảng Võ, Hà Nội	97,354,000	0	97,354,000	76,000,000	21,354,000
1674	NNT21376	Đỗ Thị Phương Thảo	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	76,026,000	23,974,000
1675	NNT21090	Nguyễn Anh Tuấn	P. Tân Sơn Nhất, TP HCM	100,000,000	0	100,000,000	76,040,000	23,960,000
1676	NNT00789	Hoàng Thị Mỹ Linh	P. Bình Tây, TP HCM	250,000,000	0	250,000,000	76,091,000	173,909,000

1677	NNT17163	Trần Phương Thúy	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	76,101,000	23,899,000
1678	NNT12783	Đỗ Văn Chúc	Phường Kinh Môn, Hải Phòng	322,596,000	0	322,596,000	76,124,000	246,472,000
1679	NNT19035	Hà Minh Hiền	Phường Tương Mai, Hà Nội	215,902,000	0	215,902,000	76,149,665	139,752,335
1680	NNT17585	Nguyễn Thị Hồng Bích	Phường Khương Đình, Hà Nội	128,716,000	0	128,716,000	76,200,000	52,516,000
1681	NNT02190	Trần Thị Thu Trang	Phường Tương Mai, Hà Nội	463,192,000	217,720,000	245,472,000	76,217,000	169,255,000
1682	NNT19901	Lê Thị Thùy Linh	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	76,245,000	29,575,000
1683	NNT19193	Vũ Thị Bích Thủy	Xã Diên Khánh, Khánh Hoà	105,820,000	0	105,820,000	76,249,900	29,570,100
1684	NNT21961	Vũ Hùng Sơn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	106,951,000	16,289,000	90,662,000	76,258,185	14,403,815
1685	NNT19731	Nguyễn Thị Hoài Lâm	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	208,263,728	45,549,728	162,714,000	76,276,272	86,437,728
1686	NNT21480	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phường Khương Đình, Hà Nội	109,863,014	29,863,014	80,000,000	76,300,000	3,700,000
1687	NNT20816	Nguyễn Thanh Thảo	P. Thanh Mỹ Tây, TP HCM	107,527,000	16,129,000	91,398,000	76,344,000	15,054,000
1688	NNT01369	Nguyễn Thị Huyền Nga	Xã Quảng Oai, Hà Nội	133,223,000	0	133,223,000	76,353,000	56,870,000
1689	NNT14804	Nguyễn Tiến	Phường Kim Liên, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	76,379,000	73,621,000
1690	NNT20960	Hoàng Mỹ Hạnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	107,216,000	0	107,216,000	76,388,000	30,828,000
1691	NNT18244	Đỗ Anh Dương	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	76,396,000	23,604,000

1692	NNT15726	Nguyễn Quang Chiến	Phường Phù Văn, Ninh Bình	101,010,000	0	101,010,000	76,414,000	24,596,000
1693	NNT15364	Nguyễn Văn Tuấn	Phường Phù Văn, Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	76,485,000	23,515,000
1694	NNT18323	Tạ Thị Minh Tuệ	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	118,556,000	0	118,556,000	76,499,000	42,057,000
1695	NNT20361	Cù Thị Ngân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	76,500,000	23,500,000
1696	NNT21314	Nguyễn Quang Toàn	Phường Sơn Tây, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	76,500,000	23,500,000
1697	NNT17215	Đào Thị Lan Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	76,598,000	135,042,000
1698	NNT21814	Nguyễn Đức Kiên	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	106,951,000	16,435,000	90,516,000	76,614,000	13,902,000
1699	NNT00924	Lê Minh Nguyệt	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	370,270,000	0	370,270,000	76,618,000	293,652,000
1700	NNT11515	Dương Bích Loan	Phường Tương Mai, Hà Nội	379,049,000	0	379,049,000	76,676,000	302,373,000
1701	NNT15162	Nguyễn Thành Long	Xã Phù Đồng, Hà Nội	127,593,000	0	127,593,000	76,678,200	50,914,800
1702	NNT21157	Lê Văn Quý	Phường Kim Bảng, Tỉnh Ninh Bình	105,954,000	25,000,000	80,954,000	76,715,840	4,238,160
1703	NNT20581	Lưu Thị Mai Luy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	108,108,000	16,216,000	91,892,000	76,757,000	15,135,000
1704	NNT20117	Nguyễn Thị Huyền Diệu	Phường Xuân Đình, Hà Nội	163,934,000	24,800,000	139,134,000	76,764,000	62,370,000
1705	NNT22136	Nguyễn Công Pháp	Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng	107,487,000	16,123,000	91,364,000	76,890,000	14,474,000
1706	NNT20685	Phạm Văn Xá	Xã Trà Giang, Hưng Yên	355,697,235	210,867,235	144,830,000	76,899,765	67,930,235

1707	NNT18746	Vũ Việt Phương	phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	132,717,022	16,358,511	116,358,511	77,000,000	39,358,511
1708	NNT16815	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	77,000,000	23,000,000
1709	NNT21676	Văn Thị Thu Thủy	Xã Tân Kỳ, Nghệ An	106,952,000	16,043,000	90,909,000	77,005,000	13,904,000
1710	NNT22659	Nguyễn Thị Thùy	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	106,951,000	16,043,000	90,908,000	77,005,000	13,903,000
1711	NNT21622	Đào Thị Vân	Phường Phú Lương, Hà Nội	128,120,000	0	128,120,000	77,005,000	51,115,000
1712	NNT22566	Nguyễn Thị Vân Nga	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	106,952,000	16,043,000	90,909,000	77,005,000	13,904,000
1713	NNT20119	Nguyễn Phương Huyền	Phường Thượng Cát, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	77,005,000	29,825,000
1714	NNT21556	Đỗ Thị Ngân	Xã Yên Khánh, Ninh Bình	106,951,000	16,043,000	90,908,000	77,005,000	13,903,000
1715	NNT20213	Phùng Thị Uyên	Phường Tương Mai, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	77,005,120	32,284,880
1716	NNT20167	Trương Thị Yên	Phường Việt Hưng, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	77,006,000	27,706,000
1717	NNT20104	Vũ Vân Quyên	Phường Tây Hồ, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	77,006,185	44,686,815
1718	NNT15753	Đỗ Thị Tươi	Xã Kim Anh, Hà Nội	150,432,000	0	150,432,000	77,155,000	73,277,000
1719	NNT13936	Nguyễn Duy Hiếu	Phường Xuân Đình, Hà Nội	198,239,000	0	198,239,000	77,371,000	120,868,000
1720	NNT17996	Phạm Thị Thu Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	160,089,178	46,856,178	113,233,000	77,453,000	35,780,000
1721	NNT13648	Nguyễn Quốc Khánh	Phường Kim Liên, Hà Nội	159,891,000	0	159,891,000	77,470,000	82,421,000

1722	NNT16344	Trần Thị Thu Trang	Xã Kiến Xương, Hưng Yên	144,275,000	0	144,275,000	77,500,000	66,775,000
1723	NNT16055	Trần Kim Dung	Phường Đồng Đa, Hà Nội	134,919,195	29,099,195	105,820,000	77,500,000	28,320,000
1724	NNT19637	Vũ Thị Tuyết	Xã Nam Ninh, Tỉnh Ninh Bình	104,712,000	0	104,712,000	77,513,020	27,198,980
1725	NNT01519	Thân Viết Thi	P. Giảng Võ, Hà Nội Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	510,885,813	81,823,907	429,061,906	77,547,000	351,514,906
1726	NNT16452	Âu Thị Nhiên	Phường Việt Hưng, Hà Nội	193,877,000	0	193,877,000	77,590,650	116,286,350
1727	NNT14056	Phan Hồng Thủy	Phường Kim Liên, Hà Nội	118,417,000	0	118,417,000	77,600,000	40,817,000
1728	NNT15046	Nguyễn Thị Hoa	Xã An Lão, Hải Phòng	127,800,000	0	127,800,000	77,650,163	50,149,837
1729	NNT20013	Trần Thị Ánh Ngọc	Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	109,290,000	0	109,290,000	77,660,000	31,630,000
1730	NNT20890	Nguyễn Đức Thuận	Phường Phúc Diễn, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	77,660,000	28,160,000
1731	NNT19505		Phường Ngọc Hà, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	77,660,000	44,033,000
1732	NNT15851	Nguyễn Thị Thu Phương	Phường Khương Đình, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	77,679,000	28,141,000
1733	NNT20797	Vũ Thị Thu	Xã Nhân Nghĩa, Phú Thọ	157,176,381	22,282,190	134,894,191	77,717,810	57,176,381
1734	NNT14107	Trần Thị Ngọc Chi	phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	107,527,000	0	107,527,000	77,720,055	29,806,945
1735	NNT18935	Phạm Thị Hạnh	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	126,566,000	0	126,566,000	77,832,000	48,734,000
1736	NNT17963	Nguyễn Bích Ngọc	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	128,776,000	0	128,776,000	77,856,000	50,920,000

1737	NNT17139	Hoàng Lệ Hương	Phường Tương Mai, Hà Nội	113,754,000	15,000,000	98,754,000	77,937,118	20,816,882
1738	NNT20324	Trần Phương Huyền	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	200,000,000	110,000,000	90,000,000	78,000,000	12,000,000
1739	NNT11435	Trần Mai Thu	Vinhomes SmartCity Tây Mỗ, phường Nam Từ Liêm, Hà Nội	210,436,635	44,147,635	166,289,000	78,105,000	88,184,000
1740	NNT17132	Triệu Anh Dũng	Phường Kim Liên, Hà Nội	102,000,000	0	102,000,000	78,130,000	23,870,000
1741	NNT15260	Nguyễn Việt Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	147,989,000	0	147,989,000	78,173,155	69,815,845
1742	NNT17131	Hoàng Thanh Hoa	Phường Bạch Mai, Hà Nội	158,586,000	0	158,586,000	78,184,073	80,401,927
1743	NNT14070	Đỗ Nhật Hạ	Phường Giảng Võ, Hà Nội	196,881,000	0	196,881,000	78,196,510	118,684,490
1744	NNT19752	Nguyễn Thanh Huyền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	315,789,000	140,491,000	175,298,000	78,300,000	96,998,000
1745	NNT20294	Vũ Thị Thắm	Phường Phương Liệt, Hà Nội	106,292,000	0	106,292,000	78,306,900	27,985,100
1746	NNT20975	Chữ Thị Cẩm	Xã Đông Hội, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	78,307,000	43,386,000
1747	NNT21094	Bùi Thị Mai	Phường Từ Liêm, Hà Nội	549,550,000	0	549,550,000	78,339,000	471,211,000
1748	NNT20663	Nguyễn Đức Hạnh	P.Việt Hưng, Hà Nội	110,932,000	0	110,932,000	78,400,000	32,532,000
1749	NNT18449	Bùi Thị Quạt	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	78,445,500	26,817,500
1750	NNT22436	Phan Tuấn Thành	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	78,500,000	6,500,000
1751	NNT21189	Vũ Thị Thùy Linh	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	100,000,000	0	100,000,000	78,500,000	21,500,000

1752	NNT20141	Trần Thị Quỳnh	1915 A1 Chung Cư Amber Ngõ 622 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	78,500,000	27,320,000
1753	NNT20009	Phùng Ngọc Huy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội; Phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	105,820,000	0	105,820,000	78,500,000	27,320,000
1754	NNT13891	Lê Quang Hiền	Phường Việt Hưng, Hà Nội	367,685,000	0	367,685,000	78,611,050	289,073,950
1755	NNT01645	Vương Thị Oanh	P.Bạch Mai, Hà Nội	462,433,000	0	462,433,000	78,662,160	383,770,840
1756	NNT18718	Âu Quốc Khánh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	107,527,000	0	107,527,000	78,785,000	28,742,000
1757	NNT18722	Phạm Thị Bích Liên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	107,527,000	0	107,527,000	78,785,055	28,741,945
1758	NNT18996	Nguyễn Thị Mai	Xã Đan Phượng, Hà Nội	105,000,000	0	105,000,000	78,805,960	26,194,040
1759	NNT18549	Hoàng Văn Bộ	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	186,345,000	80,000,000	106,345,000	78,829,000	27,516,000
1760	NNT20367	Trần Tuấn Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	78,890,000	26,930,000
1761	NNT20293	Ngô Hải Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	141,374,849	32,084,849	109,290,000	78,895,000	30,395,000
1762	NNT19869	Lê Thái Hòa	Phường Vĩnh Yên, Phú Thọ	100,000,000	0	100,000,000	78,914,000	21,086,000
1763	NNT20942	Trần Thị Gái	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	119,395,000	0	119,395,000	78,926,000	40,469,000
1764	NNT20561	Vũ Thị Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	78,932,000	26,888,000
1765	NNT21627	Nguyễn Văn Hiếu	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	78,948,000	26,315,000
1766	NNT20979	Chu Thị Xuân	Xã Cổ Đô, Hà Nội	126,762,000	0	126,762,000	78,948,000	47,814,000

1767	NNT15974	Lê Ngọc Lâm	P.Hà Đông, Hà Nội	108,108,000	0	108,108,000	78,994,000	29,114,000
1768	NNT19224	Ngô Thị Bích Khuyên	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	204,712,000	102,000,000	102,712,000	79,000,000	23,712,000
1769	NNT22796	Nghiêm Thúy Hằng	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	125,997,260	15,000,000	110,997,260	79,000,000	31,997,260
1770	NNT14825	Vũ Kim Thành	Phường Yên Hoà, Hà Nội	103,627,000	0	103,627,000	79,000,000	24,627,000
1771	NNT15612	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	172,493,000	0	172,493,000	79,100,000	93,393,000
1772	NNT00803	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Tương Mai, Hà Nội	773,277,267	285,000,000	488,277,267	79,144,000	409,133,267
1773	NNT20376	Nguyễn Thị Hoài Thu	Xã Gia Lâm, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	79,280,000	139,299,000
1774	NNT13551	Nguyễn Thị Yên	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	222,777,000	0	222,777,000	79,311,000	143,466,000
1775	NNT15694	Đỗ Văn Chữ	Phường Ba Đình, Hà Nội	309,279,000	0	309,279,000	79,351,490	229,927,510
1776	NNT21091	Nguyễn Thị Hoa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	79,500,000	26,320,000
1777	NNT20287	Cao Thị Thìn	Xã Định Hoá, Ninh Bình	109,290,000	0	109,290,000	79,500,000	29,790,000
1778	NNT18454	Trương Thị Tuyền	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	109,289,000	0	109,289,000	79,500,000	29,789,000
1779	NNT22807	Nguyễn Thị Ngọc	Xã Quốc Oai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	79,500,000	20,500,000
1780	NNT16466	Vũ Quang Hùng	Phường Định Công, Hà Nội	106,114,000	0	106,114,000	79,519,000	26,595,000
1781	NNT21126	Vũ Thị Giang	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	79,533,000	20,467,000

1782	NNT19091	Trần Thị Trang	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	79,582,000	26,238,000
1783	NNT19780	Đào Anh Tú	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	79,686,000	29,604,000
1784	NNT20195	Vũ Anh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	134,634,123	24,634,123	110,000,000	79,785,000	30,215,000
1785	NNT20994	Trần Văn Chiến	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	150,475,880	19,668,440	130,807,440	79,811,560	50,995,880
1786	NNT14974	Hoàng Thị Phương Loan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	79,908,000	70,092,000
1787	NNT16910	Đặng Thị Đức	Phường Yên Hoà, Hà Nội	151,074,000	0	151,074,000	79,910,000	71,164,000
1788	NNT15966	Thái Thị Thủy	Xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	144,009,000	0	144,009,000	79,998,560	64,010,440
1789	NNT19412	Nguyễn Thị Vân Anh	Xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng	104,191,000	0	104,191,000	79,999,000	24,192,000
1790	NNT20256	Trần Văn Phong	Xã Bình Lục, Tỉnh Ninh Bình	102,429,000	0	102,429,000	79,999,450	22,429,550
1791	NNT17146	Lương Văn Tiến	Xã Lê Lợi, Hưng Yên	105,936,000	0	105,936,000	79,999,910	25,936,090
1792	NNT17856	Vũ Nguyễn Mai Linh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	128,906,000	0	128,906,000	80,000,000	48,906,000
1793	NNT20989	Nguyễn Thị Huệ	Phường Từ Liêm, Hà Nội	181,686,000	91,693,000	89,993,000	80,000,000	9,993,000
1794	NNT23183	Nguyễn Ngọc Duyệt	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	80,000,000	0	80,000,000	80,000,000	0
1795	NNT21148	Lê Anh Dũng	Phường Hà Đông, Hà Nội	107,741,000	0	107,741,000	80,000,000	27,741,000
1796	NNT22521	Vũ Thị Liên	Phường Định Công, Hà Nội	100,000,000	20,000,000	80,000,000	80,000,000	0

1797	NNT22763	Nguyễn Thị Bình	Xã Nam Phú, Hà Nội	100,000,000	15,000,000	85,000,000	80,000,000	5,000,000
1798	NNT18450	Phạm Thị Hương Nhài	Phường Phú Diễn, Hà Nội	105,703,000	0	105,703,000	80,000,000	25,703,000
1799	NNT18777	Trương Anh Tuấn	Phường Định Công, Hà Nội	104,712,000	20,000,000	84,712,000	80,000,000	4,712,000
1800	NNT14933	Nguyễn Thùy Dương	Phường Láng, Hà Nội	108,696,000	0	108,696,000	80,000,000	28,696,000
1801	NNT17164	Nguyễn Thị Sợi	Phường Định Công, Hà Nội	142,311,000	0	142,311,000	80,000,000	62,311,000
1802	NNT19655	Nguyễn Khánh Vân	Phường Láng, Hà Nội	85,106,000	0	85,106,000	80,000,000	5,106,000
1803	NNT20595	Đỗ Thị Vân	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	211,022,000	120,000,000	91,022,000	80,000,000	11,022,000
1804	NNT14298	Đặng Chi Linh	Phường Kim Liên, Hà Nội	344,559,000	220,000,000	124,559,000	80,000,000	44,559,000
1805	NNT18919	Bùi Duy Phúc	Phường Bạch Đằng, Hải Phòng	136,125,000	50,000,000	86,125,000	80,000,000	6,125,000
1806	NNT23700	Phạm Hải Ngọc	Xã Thượng Đức, Hà Tĩnh	82,474,000	0	82,474,000	80,000,000	2,474,000
1807	NNT21115	Phạm Tiến Dũng	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	96,781,000	0	96,781,000	80,000,380	16,780,620
1808	NNT20204	Nguyễn Thị Thu Hương	Xã Đại Thanh, Hà Nội	84,211,000	0	84,211,000	80,000,450	4,210,550
1809	NNT18974	Nguyễn Thị Kim Mai	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	80,027,000	20,983,000
1810	NNT17142	Nguyễn Kiều Ly	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	80,076,000	19,924,000
1811	NNT13047	Nguyễn Xuân Thủy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	255,820,000	100,000,000	155,820,000	80,100,000	75,720,000

1812	NNT19510	Lưu Thị Tuyết	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	80,150,000	29,850,000
1813	NNT20819	Phạm Tuyết Hương	phường Giảng Võ, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	80,160,000	24,552,000
1814	NNT10820	Nguyễn Văn Quyết	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,003,754,797	372,116,409	631,638,388	80,166,000	551,472,388
1815	NNT21128	Nguyễn Hữu Nghị	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	80,201,000	25,062,000
1816	NNT20691	Vũ Thúy Hằng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	80,208,000	25,055,000
1817	NNT20825	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	104,167,000	19,792,000	84,375,000	80,208,000	4,167,000
1818	NNT20793	Ngô Ngọc Anh	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	105,820,000	0	105,820,000	80,210,000	25,610,000
1819	NNT19429	Bùi Thu Trang	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	125,457,000	0	125,457,000	80,210,000	45,247,000
1820	NNT15552	Hà Đình Văn	Phường Tương Mai, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	80,277,000	79,723,000
1821	NNT13154	Lê Thị Kim Hồng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	285,984,000	0	285,984,000	80,296,000	205,688,000
1822	NNT19776	Trần Kim Cường	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	124,143,000	0	124,143,000	80,334,000	43,809,000
1823	NNT22280	Nguyễn Thị Loan	P.Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	80,379,000	19,621,000
1824	NNT17902	Hồ Hữu Việt	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	828,882,777	329,611,022	499,271,755	80,387,578	418,884,177
1825	NNT14231	Trịnh Văn Phin	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	246,887,000	0	246,887,000	80,400,000	166,487,000
1826	NNT22122	Phạm Thị Mỹ	phường Tương Mai, Hà Nội	119,949,535	19,949,535	100,000,000	80,410,000	19,590,000

1827	NNT18448	Hồ Hoàng Nam	Phường Phương Liệt, Hà Nội	100,503,000	9,548,000	90,955,000	80,452,000	10,503,000
1828	NNT21651	Nguyễn Tiến Đào	Phường Điện Biên Phủ, Điện Biên	103,093,000	0	103,093,000	80,459,000	22,634,000
1829	NNT15746	Nguyễn Thị Thịnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	196,152,000	0	196,152,000	80,490,000	115,662,000
1830	NNT19589	Đàm Thị Kim Hồng	P. Giảng Võ, Hà Nội	127,970,000	0	127,970,000	80,500,000	47,470,000
1831	NNT21049	Nguyễn Thị Ngọc Vân	P.Cửa Nam, Hà Nội	106,087,000	0	106,087,000	80,500,000	25,587,000
1832	NNT15247	Quách Thị Liên	Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh	122,237,000	0	122,237,000	80,500,000	41,737,000
1833	NNT18863	Nguyễn Văn Tự	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	109,093,000	0	109,093,000	80,500,000	28,593,000
1834	NNT18862	Nguyễn Thị kim Thái	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	109,093,000	0	109,093,000	80,500,000	28,593,000
1835	NNT21387	Nguyễn Đức Duy	Phường Cửa Nam, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	80,500,000	19,500,000
1836	NNT15390	Nguyễn Đức Chung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	127,283,000	0	127,283,000	80,500,000	46,783,000
1837	NNT22224	Nguyễn Diệu Linh	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	88,734,000	0	88,734,000	80,500,000	8,234,000
1838	NNT19578	Công Thu Nga	Phường Bạch Mai, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	80,515,000	228,763,000
1839	NNT21454	Dương Thị Tuyên	Phường Long Biên, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	80,590,240	22,501,760
1840	NNT21414	Nguyễn Thị Ngọc Lý	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	80,591,000	24,121,000
1841	NNT21942	Trần Văn Linh	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	232,020,000	126,757,000	105,263,000	80,628,000	24,635,000

1842	NNT21940	Trần Văn Chính	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	232,020,000	126,757,000	105,263,000	80,628,000	24,635,000
1843	NNT21943	Nguyễn Thị Luận	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	232,020,000	126,757,000	105,263,000	80,628,000	24,635,000
1844	NNT17491	Nguyễn Thị Thúy Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	117,298,000	0	117,298,000	80,643,000	36,655,000
1845	NNT17418	Lê Trung Huân	P.Thanh Liệt, Hà Nội	300,000,000	128,598,000	171,402,000	80,658,000	90,744,000
1846	NNT11169	Hà Thị Huế	Phường Tô Hiệu, Sơn La	196,432,000	0	196,432,000	80,661,000	115,771,000
1847	NNT15123	Nguyễn Duy Lánh	Phường Hải Dương, Hải Phòng	144,275,000	0	144,275,000	80,662,530	63,612,470
1848	NNT17101	Đỗ Bá Sùng	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	230,574,370	40,574,370	190,000,000	80,701,495	109,298,505
1849	NNT22330	Nguyễn Thế Hùng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	104,166,000	0	104,166,000	80,730,000	23,436,000
1850	NNT22339	Vũ Thị Hồng Diệp	Phường Hà Đông, Hà Nội	108,597,000	8,021,000	100,576,000	80,731,570	19,844,430
1851	NNT18045	Chu Thị Hồng Thắm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	134,021,000	0	134,021,000	80,798,000	53,223,000
1852	NNT16779	Bùi Tiến Dũng	Tổ 3, Thanh Xuân, Hà Nội	140,097,564	35,930,564	104,167,000	80,829,000	23,338,000
1853	NNT21803	Nguyễn Thị Hoa	Phường Phú Diễn, Hà Nội	118,556,000	0	118,556,000	80,829,000	37,727,000
1854	NNT21284	Tôn Thị Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	80,829,000	24,991,000
1855	NNT20706	Phạm Hoàng Anh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	80,829,000	24,991,000
1856	NNT22336	Nguyễn Thị Mai Liên	Xã Quốc Oai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	80,829,000	19,171,000

1857	NNT22601	Nguyễn Thị Lan Vân	Xã Phù Đồng, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	80,829,000	20,181,000
1858	NNT21896	Lương Thị Minh Sơn	Phường Khương Đình, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	80,830,000	24,433,000
1859	NNT21547	Hồ Thị Hà	Xã Quỳnh Lưu, Nghệ An	103,092,000	0	103,092,000	80,831,000	22,261,000
1860	NNT20807	Đỗ Thị Hoa	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	105,000,000	0	105,000,000	80,833,000	24,167,000
1861	NNT01309	Phí Kim Hoa	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,804,130,000	475,000,000	1,329,130,000	80,838,000	1,248,292,000
1862	NNT17645	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	109,673,000	0	109,673,000	80,847,000	28,826,000
1863	NNT17375	Nguyễn Duy Cương	Phường Hà Đông, Hà Nội	109,673,000	0	109,673,000	80,855,000	28,818,000
1864	NNT00715	Nguyễn Thu Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	278,360,000	0	278,360,000	80,913,000	197,447,000
1865	NNT11684	Phạm Thị Lan	P.Bạch Mai, Hà Nội	265,512,000	80,000,000	185,512,000	80,916,660	104,595,340
1866	NNT18366	Nguyễn Văn Tiến	Xã Lục Nam, Tỉnh Bắc Ninh	123,929,000	0	123,929,000	80,943,000	42,986,000
1867	NNT21842	Trần Thị Tô Phượng	P.Thanh Liệt, Hà Nội	109,936,000	0	109,936,000	80,951,000	28,985,000
1868	NNT16343	Trần Thị Hải Vân	Xã Vạn Xuân, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	80,972,000	19,028,000
1869	NNT20878	Lê Thị Vinh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	113,785,000	0	113,785,000	81,000,000	32,785,000
1870	NNT19163	Nguyễn Thu Phương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	152,910,000	65,000,000	87,910,000	81,000,000	6,910,000
1871	NNT22312	Lê Văn Hà	Phường Hồng Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	81,000,000	19,000,000

1872	NNT21898	Trần Thị Thanh Tâm	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	81,000,000	19,000,000
1873	NNT19234	Phan Thị Toàn	Phường Tây Tựu, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	81,000,000	24,263,000
1874	NNT20953	Phan Huy Tiến	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	81,000,000	28,290,000
1875	NNT17315	Nguyễn Thị Sánh	Xã Ô Diên, Hà Nội	206,087,000	100,000,000	106,087,000	81,075,371	25,011,629
1876	NNT17661	Lê Thị Ngân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	81,075,404	23,636,596
1877	NNT17613	Ngô Minh Trang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	108,696,000	0	108,696,000	81,076,320	27,619,680
1878	NNT17173	Nguyễn Thị Tố Uyên	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	128,098,000	0	128,098,000	81,077,371	47,020,629
1879	NNT12949	Nguyễn Thu Trang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	170,000,000	0	170,000,000	81,153,000	88,847,000
1880	NNT16741	Đặng Thành Chung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	149,144,000	0	149,144,000	81,169,000	67,975,000
1881	NNT19548	Đinh Thị Đích	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	109,658,000	0	109,658,000	81,218,380	28,439,620
1882	NNT17540	Lê Thị Phương Liên	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	130,183,000	0	130,183,000	81,227,000	48,956,000
1883	NNT21813	Bùi Thị Minh Hương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	103,896,000	0	103,896,000	81,270,000	22,626,000
1884	NNT21407	Ngô Thị Vân Anh	X. Lương Tài, Bắc Ninh	103,834,000	0	103,834,000	81,297,079	22,536,921
1885	NNT13159	Nguyễn Văn Nhân	Xã Phù Đổng, Hà Nội	157,577,000	0	157,577,000	81,443,000	76,134,000
1886	NNT15548	Lê Thị Ái	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	176,910,274	43,649,274	133,261,000	81,459,490	51,801,510

1887	NNT14475	Mai Thị Lâm	P Xã Nga Sơn, Thanh Hoá	123,746,000	0	123,746,000	81,480,000	42,266,000
1888	NNT21265	Phạm Thị Thu Phương	P. Mạo Khê, Quảng Ninh	103,093,000	0	103,093,000	81,500,000	21,593,000
1889	NNT22605	Trịnh Ngân Hà	Phường Yên Hoà, Hà Nội	111,678,316	10,668,316	101,010,000	81,500,000	19,510,000
1890	NNT18355	Nguyễn Thị Dung	Xã Kim Anh, Hà Nội	151,813,000	25,000,000	126,813,000	81,500,000	45,313,000
1891	NNT21703	Đào Thị Minh Phượng	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	81,500,000	21,593,000
1892	NNT11643	Trần Thị Kim Tuyến	P.Bach Mai, Hà Nội	329,060,000	0	329,060,000	81,691,000	247,369,000
1893	NNT17711	Nguyễn Thị Phương Thúy	Xã Ninh Cường, Ninh Bình	109,289,000	0	109,289,000	81,700,000	27,589,000
1894	NNT21394	Lê Hải Yến	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	123,946,849	38,946,849	85,000,000	81,800,000	3,200,000
1895	NNT18763	Mai Thị Ban	Xa Nga Sơn, Thanh Hoà	344,560,000	166,373,000	178,187,000	81,832,000	96,355,000
1896	NNT15443	Lê Xuân Hoài	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	178,884,000	0	178,884,000	81,857,989	97,026,011
1897	NNT15737	Cao Minh Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	137,691,000	0	137,691,000	81,859,000	55,832,000
1898	NNT14444	Nguyễn Thị Thuận	xã Hoài Đức, Hà Nội	506,867,765	189,964,765	316,903,000	81,901,235	235,001,765
1899	NNT18259	Nguyễn Thanh Hà	Phường Dương Nội, Hà Nội	127,423,000	0	127,423,000	81,905,000	45,518,000
1900	NNT00501	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	750,000,000	302,000,000	448,000,000	81,942,000	366,058,000
1901	NNT12343	Hồ Thị Thu Hà	Xã Phù Đổng, Hà Nội	150,820,000	0	150,820,000	81,970,200	68,849,800

1902	NNT16246	Nguyễn Thị Hòa	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	172,598,000	65,000,000	107,598,000	81,999,000	25,599,000
1903	NNT17355	Hoàng Thị Thư	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	178,638,000	0	178,638,000	82,003,651	96,634,349
1904	NNT22332	Hoàng Thị Hiến	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	118,679,033	29,897,033	88,782,000	82,051,000	6,731,000
1905	NNT19069	Nguyễn Văn Hội	Xã Xuân Lãng, Phú Thọ	151,311,000	0	151,311,000	82,055,000	69,256,000
1906	NNT17823	Đoàn Duy Dược	Xã Xuân Lộc, Hải Phòng	208,913,000	100,000,000	108,913,000	82,221,000	26,692,000
1907	NNT18489	Nguyễn Hải Vân Ngọc	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	112,638,000	0	112,638,000	82,456,000	30,182,000
1908	NNT16856	Nguyễn Thị Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	157,068,000	0	157,068,000	82,475,000	74,593,000
1909	NNT14648	Nguyễn Kế	Phường Hà Đông, Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	82,538,000	81,396,000
1910	NNT11976	Nguyễn Xuân Quỳnh	Xã Hương Sơn, Hà Nội	151,015,000	2,000,000	149,015,000	82,820,067	66,194,933
1911	NNT23885	Vũ Thị Dung	Xã Quảng Chính, Thanh Hoá	100,000,000	17,000,000	83,000,000	83,000,000	0
1912	NNT22487	Nguyễn Thị Hồng	Xã Yên Phú, Phú Thọ	100,000,000	10,000,000	90,000,000	83,000,000	7,000,000
1913	NNT22994	Lê Văn Bấy	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	117,000,000	83,000,000	83,000,000	0
1914	NNT00839	Lê Thị Nhung	P.Kim Liên, Hà Nội	296,392,000	0	296,392,000	83,018,000	213,374,000
1915	NNT22049	Phạm Thị Ninh	P507 Lô E, số 2 Hạ Yên Quyết, phường Yên Hòa, Hà Nội	123,207,058	23,207,058	100,000,000	83,093,000	16,907,000
1916	NNT19403	Vũ Bích Ngọc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	113,019,000	0	113,019,000	83,127,050	29,891,950

1917	NNT12503	Phạm Thị Phương Thảo	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	344,529,889	108,099,889	236,430,000	83,135,000	153,295,000
1918	NNT14901	Trần Đức Hiệu	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	264,215,616	69,215,616	195,000,000	83,188,000	111,812,000
1919	NNT11306	Trịnh Thị Tin	Phường Kim Liên, Hà Nội	874,316,000	0	874,316,000	83,235,000	791,081,000
1920	NNT19633	Úng Thị Huyền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	83,312,000	21,400,000
1921	NNT20875	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	109,948,000	0	109,948,000	83,352,000	26,596,000
1922	NNT20647	Nguyễn Tú Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	112,573,000	0	112,573,000	83,415,000	29,158,000
1923	NNT22219	Đinh Thị Nụ	Phường Tương Mai, Hà Nội	109,657,000	0	109,657,000	83,418,830	26,238,170
1924	NNT12498	Lê Bích Ngọc	phường Yên Hòa, Hà Nội	349,842,000	90,000,000	259,842,000	83,461,000	176,381,000
1925	NNT20237	Trần Thị Hồng Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	127,782,000	0	127,782,000	83,500,000	44,282,000
1926	NNT20275	Nguyễn Thị Hồng Thủy	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	211,640,000	116,357,000	95,283,000	83,643,000	11,640,000
1927	NNT21005	Hoàng Hồng Huyền Trang	Phường Yên Hoà, Hà Nội	104,134,000	0	104,134,000	83,726,000	20,408,000
1928	NNT21355	Nguyễn Hương Giang	Phường Tây Hồ, Hà Nội	107,388,000	0	107,388,000	83,794,897	23,593,103
1929	NNT19741	Phùng Thị Thanh Bình	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	116,266,000	0	116,266,000	83,846,021	32,419,979
1930	NNT21884	Trịnh Danh Tân	phường Đống Đa, Hà Nội	106,831,000	0	106,831,000	83,855,000	22,976,000
1931	NNT21028	Nguyễn Thị Phương Huy	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	108,506,000	0	108,506,000	83,855,000	24,651,000

1932	NNT22610	Kiều Thị Thu Thảo	Xã Cái Nhum, Vĩnh Long	106,952,000	16,042,000	90,910,000	83,958,000	6,952,000
1933	NNT11554	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	225,258,000	0	225,258,000	83,965,000	141,293,000
1934	NNT20374	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Đại Mỗ, Hà Nội;	110,806,000	0	110,806,000	83,983,000	26,823,000
1935	NNT21329	Hoàng Thị Thu Hương	Phường Bồ Đề, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	84,000,000	19,093,000
1936	NNT23749	Nguyễn Thị Thu Hằng	KTT Đồng xa, phường Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	16,000,000	84,000,000	84,000,000	0
1937	NNT20365	Nguyễn Thị Tố Hoa	P. Hà Đông, Hà Nội	112,575,000	0	112,575,000	84,043,000	28,532,000
1938	NNT19549	Võ Trọng Hưng	Xã Hoài Đức, Hà Nội; Phường Yên Hoà, Hà Nội	112,575,000	0	112,575,000	84,043,000	28,532,000
1939	NNT20541	Nguyễn Thanh Thúy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	116,266,000	0	116,266,000	84,043,000	32,223,000
1940	NNT16769	Nguyễn Thị Bích Liên	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	136,377,000	0	136,377,000	84,111,000	52,266,000
1941	NNT20660	Nguyễn Thái Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	111,980,000	0	111,980,000	84,128,000	27,852,000
1942	NNT11462	Lê Quang Khuyến	Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội	258,859,000	0	258,859,000	84,195,000	174,664,000
1943	NNT19987	Trần Kim Thanh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	115,041,000	0	115,041,000	84,211,000	30,830,000
1944	NNT18509	Khương Thị Thu Hà	Phường Tô Hiệu, Hà Nội	132,783,000	0	132,783,000	84,241,510	48,541,490
1945	NNT20128	Nguyễn Thị Minh Xuân	P.Tây Hồ, Hà Nội	115,042,000	0	115,042,000	84,249,850	30,792,150
1946	NNT12366	Phạm Thúy Hường	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	364,043,000	132,000,000	232,043,000	84,292,000	147,751,000

1947	NNT19703	Trịnh Thị Lài	Xã Hậu Lộc, Thanh Hoá	110,806,000	0	110,806,000	84,293,000	26,513,000
1948	NNT18811	Tạ Quang Thắng	Phường Thượng Cát, Hà Nội	219,020,000	106,093,000	112,927,000	84,294,000	28,633,000
1949	NNT21541	Phùng Thị Khanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	104,673,000	0	104,673,000	84,303,000	20,370,000
1950	NNT21479	Đỗ Thị Yên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	84,315,000	17,725,000
1951	NNT18387	Nguyễn Thị Bích Liên	phường Láng, Hà Nội	111,255,000	0	111,255,000	84,349,000	26,906,000
1952	NNT21847	Nguyễn Thu Hường	Phường Khương Đình, Hà Nội	106,831,000	0	106,831,000	84,360,000	22,471,000
1953	NNT20962	Hồ Kim Diệp	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	107,388,000	0	107,388,000	84,406,000	22,982,000
1954	NNT17773	Nguyễn Quốc Tuấn	phường Giảng Võ, Hà Nội	110,284,000	0	110,284,000	84,421,000	25,863,000
1955	NNT18134	Trần Anh Tuấn	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	126,678,000	0	126,678,000	84,453,000	42,225,000
1956	NNT21915	Ngô Thị Tuyết	Phường Bạch Mai, Hà Nội	106,832,000	0	106,832,000	84,456,000	22,376,000
1957	NNT21729	Ngô Thế Hưng	Phường Bà Trưng, Hà Nội	124,739,899	17,909,899	106,830,000	84,456,000	22,374,000
1958	NNT17415	Đào Thị Phương Thuận	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	111,197,000	0	111,197,000	84,456,371	26,740,629
1959	NNT18467	Phạm Thị Thu Phương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	939,517,166	340,000,000	599,517,166	84,469,000	515,048,166
1960	NNT21981	Lương Trường Sơn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	84,500,000	21,320,000
1961	NNT18247	Đỗ Thị Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	116,727,000	0	116,727,000	84,536,210	32,190,790

1962	NNT11143	Nguyễn Thị Thu Trang	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	241,281,000	0	241,281,000	84,842,000	156,439,000
1963	NNT19206	Nguyễn Thị Lâm	Xã Hoài Đức, Hà Nội	145,833,000	55,000,000	90,833,000	84,999,680	5,833,320
1964	NNT22743	Vũ Thanh Hải	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	85,000,000	15,000,000
1965	NNT20990	Nguyễn Thị Nguyệt	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	124,115,000	0	124,115,000	85,000,000	39,115,000
1966	NNT19341	Lại Thị Giang	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,000,000,000	910,000,000	90,000,000	85,000,000	5,000,000
1967	NNT18594	Nguyễn Thị Hảo	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	124,786,000	13,000,000	111,786,000	85,000,000	26,786,000
1968	NNT18228	Dương Thị Nhu	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	228,310,000	115,000,000	113,310,000	85,000,000	28,310,000
1969	NNT18150	Trịnh Bằng Phong	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	103,093,000	15,000,000	88,093,000	85,000,000	3,093,000
1970	NNT20217	Nguyễn Thu Trang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	130,412,000	0	130,412,000	85,147,000	45,265,000
1971	NNT18478	Hồ Thị Hương Sơn	phường Láng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	85,250,000	14,750,000
1972	NNT14144	Đỗ Thị Khánh Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	85,251,000	133,328,000
1973	NNT11764	Hoàng Minh Thức	Phường Hà Đông, Hà Nội	320,539,000	0	320,539,000	85,436,000	235,103,000
1974	NNT13656	Hoàng Thị Hà	Xã Đông Anh, Hà Nội	223,633,000	0	223,633,000	85,518,000	138,115,000
1975	NNT11115	Bùi Văn Quyền	Phường Tương Mai, Hà Nội	302,320,000	0	302,320,000	85,559,100	216,760,900
1976	NNT20011	Phạm Văn Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	228,546,922	46,563,922	181,983,000	85,592,078	96,390,922

1977	NNT15028	Vũ Thu Hằng	Phường Ba Đình, Hà Nội	280,217,000	174,109,000	106,108,000	85,701,000	20,407,000
1978	NNT23997	Bùi Văn Kỳ	Xã Cẩm Duệ, Hà Tĩnh	90,000,000	0	90,000,000	85,728,745	4,271,255
1979	NNT15652	Nguyễn Thị Thơ	Phường Sơn Tây, Hà Nội	192,211,000	48,500,000	143,711,000	85,740,550	57,970,450
1980	NNT16217	Bùi Mạnh Hồng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	274,351,000	0	274,351,000	85,791,000	188,560,000
1981	NNT22040	Trần Ngọc Lan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	110,000,000	16,500,000	93,500,000	85,800,000	7,700,000
1982	NNT16937	Phạm Duy Trọng	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	326,644,438	138,298,438	188,346,000	85,992,000	102,354,000
1983	NNT21074	Hoàng Xuân Huy	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	200,000,000	114,000,000	86,000,000	86,000,000	0
1984	NNT19988	Nguyễn Thị An	X. Định Hoá, Thái Nguyên	100,000,000	3,000,000	97,000,000	86,000,000	11,000,000
1985	NNT21548	Trần Thị Huân	Xã Trung Khê, Tỉnh Bắc Ninh	134,715,000	44,000,000	90,715,000	86,000,000	4,715,000
1986	NNT17864	Nguyễn Ngọc Dung	Phường Ba Đình, Hà Nội	242,144,000	60,000,000	182,144,000	86,021,000	96,123,000
1987	NNT14204	Nguyễn Thị Thủy	Phường Phương Liệt, Hà Nội	406,588,000	27,167,000	379,421,000	86,306,005	293,114,995
1988	NNT18439	Nguyễn Danh Khánh Nam	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	127,427,000	0	127,427,000	86,423,200	41,003,800
1989	NNT20330	Dương Thị Lan Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,505,000	0	100,505,000	86,425,000	14,080,000
1990	NNT22151	Nguyễn Thị Loan	Phường Sầm Sơn, Thanh Hoá	117,050,000	0	117,050,000	86,456,698	30,593,302
1991	NNT14688	Trần Bích Thủy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	86,457,000	263,543,000

1992	NNT19714	Trần Xuân Bình	Phường Định Công, Hà Nội	171,644,000	43,743,000	127,901,000	86,479,000	41,422,000
1993	NNT21200	Nguyễn Thị Thịnh	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	86,500,000	16,593,000
1994	NNT21175	Nguyễn Thị Bích Thủy	Xã Đông Anh, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	86,500,000	16,593,000
1995	NNT14908	Đỗ Thị Thanh	Xã Ý Yên, Tỉnh Ninh Bình	143,437,000	0	143,437,000	86,500,000	56,937,000
1996	NNT18877	Bùi Thị Hồng	phường Phú Diễn, Hà Nội	176,183,000	0	176,183,000	86,500,000	89,683,000
1997	NNT12519	Phạm Đình Nhất	phường Hòa Cường, Đà Nẵng	326,000,000	56,000,000	270,000,000	86,642,000	183,358,000
1998	NNT24389	Vũ Quý Dương	702 Tòa TĐC tổ 7, phường Phú Diễn, Hà Nội	86,735,000	0	86,735,000	86,735,000	0
1999	NNT20413	Lê Ngân Hà	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	100,000,000	0	100,000,000	86,750,000	13,250,000
2000	NNT12382	Trần Phương Ngọc	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	304,522,000	0	304,522,000	86,847,000	217,675,000
2001	NNT17386	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	86,850,000	63,150,000
2002	NNT11319	Nguyễn Thị Bích	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	170,992,000	0	170,992,000	86,925,800	84,066,200
2003	NNT00529	Lê Thị Việt Hiệp	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	789,394,903	240,069,903	549,325,000	86,927,674	462,397,326
2004	NNT14363	Nguyễn Thủy Tiên	Phường Tương Mai, Hà Nội	262,788,874	48,840,749	213,948,125	86,961,000	126,987,125
2005	NNT15317	Trần Thị Huyền	Xã Tam Dương, Phú Thọ	146,529,000	0	146,529,000	86,974,000	59,555,000
2006	NNT18515	Đào Phương Thủy	Phường Từ Liêm, Hà Nội	441,462,000	150,000,000	291,462,000	87,000,000	204,462,000

2007	NNT20674	Lê Thị Quý	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	108,108,000	0	108,108,000	87,000,000	21,108,000
2008	NNT00232	Trần Thị Thu Hương	Phường Tương Mai, Hà Nội	103,627,000	0	103,627,000	87,036,325	16,590,675
2009	NNT19809	Nguyễn Thị Nga	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình	120,218,000	0	120,218,000	87,152,000	33,066,000
2010	NNT22463	Phạm Thị Nụ	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	87,414,545	12,585,455
2011	NNT17837	Nguyễn Bảo Ngọc	Phường Sơn Tây, Hà Nội	123,938,000	10,000,000	113,938,000	87,500,000	26,438,000
2012	NNT19236	Trịnh Thanh Vân	Phường Phương Liệt, Hà Nội	315,959,000	60,000,000	255,959,000	87,611,000	168,348,000
2013	NNT00701	Đặng Lan Phương	Phường Hà Đông, Hà Nội	440,775,000	0	440,775,000	87,617,000	353,158,000
2014	NNT15283	Nguyễn Lê Trà My	Phường Tương Mai, Hà Nội	184,328,000	0	184,328,000	87,884,000	96,444,000
2015	NNT24353	Nguyễn Thị Hoa	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	12,000,000	88,000,000	88,000,000	0
2016	NNT19643	Nguyễn Thị Thoa	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	88,000,000	16,167,000
2017	NNT12310	Đoàn Thị Thực	Phường Tây Hồ, Hà Nội	436,186,000	200,000,000	236,186,000	88,028,000	148,158,000
2018	NNT11830	Hoàng Văn Thạch	Phường Bạch Mai, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	88,081,000	13,959,000
2019	NNT22337	Vũ Văn Chung	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	88,100,000	11,900,000
2020	NNT22870	Lý Thị Bình	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	100,000,000	11,770,000	88,230,000	88,230,000	0
2021	NNT20210		Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	109,493,151	2,541,151	106,952,000	88,235,000	18,717,000

2022	NNT02138	Đỗ Thị Thúy Hương	P.Bình Dương, TP. HCM	259,481,000	30,710,341	228,770,659	88,322,000	140,448,659
2023	NNT23968	Phạm Thị Đông	Phường Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	200,000,000	100,000,000	88,350,000	11,650,000
2024	NNT12796	Vũ Ngọc Diệp	Xã Đại Thanh, Hà Nội	452,783,000	100,000,000	352,783,000	88,365,260	264,417,740
2025	NNT11490	Trần Quỳnh Trang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	478,436,000	0	478,436,000	88,415,000	390,021,000
2026	NNT12704	Nguyễn Thị Trà	P.Dương Nội, Hà Nội	332,312,774	0	332,312,774	88,445,000	243,867,774
2027	NNT17984	Trịnh Trung Kiên	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	237,544,000	121,000,000	116,544,000	88,499,940	28,044,060
2028	NNT15962	Lê Thị Kim Thanh	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	427,917,000	32,609,000	395,308,000	88,725,875	306,582,125
2029	NNT16638	Trương Thị Ngà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	312,500,000	108,333,000	204,167,000	88,731,000	115,436,000
2030	NNT19094	Trần Thị Hiếu	Xã Thục Phán, Cao Bằng	269,336,000	0	269,336,000	88,744,000	180,592,000
2031	NNT14093	Nguyễn Thế Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	88,745,000	129,834,000
2032	NNT20631	Nguyễn Đình Hiệp	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	113,381,000	0	113,381,000	88,829,000	24,552,000
2033	NNT13590	Vương Thị Như Mai	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	738,557,000	0	738,557,000	88,861,000	649,696,000
2034	NNT14356	Nguyễn Thị Mến	Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên	195,064,000	0	195,064,000	88,947,730	106,116,270
2035	NNT19561	Nguyễn Bình Định	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	150,900,164	30,900,164	120,000,000	88,949,000	31,051,000
2036	NNT17592	Bùi Trung Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	139,955,000	0	139,955,000	89,008,000	50,947,000

2037	NNT19135	Tạ Quang Trung	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	121,053,000	0	121,053,000	89,175,000	31,878,000
2038	NNT14588	Quách Thị Vân Chi	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	155,332,000	0	155,332,000	89,219,702	66,112,298
2039	NNT18453	Bùi Thị Hoài	Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình	113,943,000	0	113,943,000	89,250,000	24,693,000
2040	NNT22158	Đặng Thị Thu Hà	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	89,414,545	10,585,455
2041	NNT16853	Nguyễn Văn Như	P. Chu Văn An, TP Hải Phòng	104,167,000	0	104,167,000	89,446,000	14,721,000
2042	NNT19722	Nguyễn Quang Huy	P.Hồng Hà, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	89,475,000	60,525,000
2043	NNT17671	Đỗ Hoài Thương	Phường Hạc Thành, Thanh Hoá	225,860,000	107,000,000	118,860,000	89,500,000	29,360,000
2044	NNT11411	Nguyễn Thị Dân	Phường Từ Liêm, Hà Nội	330,067,000	0	330,067,000	89,660,000	240,407,000
2045	NNT24221	Nguyễn Thị Tâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	110,273,973	10,273,973	100,000,000	89,726,027	10,273,973
2046	NNT11574	Đặng Thị Kim Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	520,713,000	0	520,713,000	89,734,926	430,978,074
2047	NNT12835	Nguyễn Thị Minh Phượng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	225,497,647	64,039,647	161,458,000	89,818,300	71,639,700
2048	NNT17840	Phạm Thị Quỳnh Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	376,344,000	56,452,000	319,892,000	89,893,240	229,998,760
2049	NNT23199	Nguyễn Thị Minh Hiến	Phường Giảng Võ, Hà Nội	92,783,000	0	92,783,000	89,999,510	2,783,490
2050	NNT20936	Bùi Thị Minh Hằng	Phường Khương Đình, Hà Nội	289,947,000	189,687,000	100,260,000	90,000,000	10,260,000
2051	NNT18593	Nguyễn Thúy Hằng	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	124,786,000	8,000,000	116,786,000	90,000,000	26,786,000

2052	NNT18685	Nguyễn Văn Liễu	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	100,000,000	0	100,000,000	90,000,000	10,000,000
2053	NNT20065	Nguyễn Thị Bích Lan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	10,000,000	90,000,000	90,000,000	0
2054	NNT22675	Lý Phương Nga	phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	10,000,000	90,000,000	90,000,000	0
2055	NNT20533	Lê Thị Lương	Phường Kim Liên, Hà Nội	120,336,000	0	120,336,000	90,000,000	30,336,000
2056	NNT21668	Lê Thị Lan Hương	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	178,512,000	81,052,000	97,460,000	90,000,000	7,460,000
2057	NNT17154	Ngô Thị Phương Thắm	Xã Tân Dĩnh, Tỉnh Bắc Ninh	124,529,000	10,000,000	114,529,000	90,000,371	24,528,629
2058	NNT15291	Nguyễn Thị Hồng Minh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	90,090,000	109,910,000
2059	NNT20885	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	90,105,000	15,715,000
2060	NNT14641	Hoàng Thị Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	254,639,000	0	254,639,000	90,185,000	164,454,000
2061	NNT01213	Nguyễn Thị Kim Loan	Xã Dân Hoà, Hà Nội	815,863,000	223,000,000	592,863,000	90,251,627	502,611,373
2062	NNT12845	Lưu Thị Mai Hiền	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	354,107,000	0	354,107,000	90,330,350	263,776,650
2063	NNT15722	Vũ Đình Kiên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	154,074,000	20,000,000	134,074,000	90,440,000	43,634,000
2064	NNT19525	Trần Văn Nghĩa	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	125,683,000	5,000,000	120,683,000	90,500,000	30,183,000
2065	NNT17610	Đỗ Thị Dung	Xã Vạn Xuân, Tỉnh Phú Thọ	120,419,000	0	120,419,000	90,537,020	29,881,980
2066	NNT17609	Phạm Thị Bẩy	Xã Lê Lợi, Hưng Yên	120,419,000	0	120,419,000	90,538,000	29,881,000

2067	NNT17066	Nguyễn Phương Thảo	Phường Phú Lý, Ninh Bình	149,735,000	0	149,735,000	90,606,000	59,129,000
2068	NNT14715	Trần Thị Luyến	P. Hải Dương, TP Hải Phòng	162,305,000	0	162,305,000	90,620,000	71,685,000
2069	NNT10856	Bùi Đắc Sáng	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	759,581,000	130,000,000	629,581,000	90,679,000	538,902,000
2070	NNT12274	Trần Thị Hằng	P. Trần Lâm, Hưng Yên	174,402,000	0	174,402,000	90,687,000	83,715,000
2071	NNT16701	Đinh Thị Nguyệt	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	336,515,411	24,015,411	312,500,000	90,696,000	221,804,000
2072	NNT17702	Hồ Thị Thu Hằng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	90,734,000	120,906,000
2073	NNT17743	Nguyễn Thị Hải Yến	Phường Định Công, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	90,850,000	12,243,000
2074	NNT13354	Nguyễn Thị Bích Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	290,156,000	0	290,156,000	90,899,500	199,256,500
2075	NNT14798	Bùi Thanh Xuân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	152,165,000	0	152,165,000	91,135,000	61,030,000
2076	NNT20349	Nguyễn Thị Lịch	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	91,206,000	8,794,000
2077	NNT19472	Phạm Thị Thanh Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	151,678,000	40,000,000	111,678,000	91,252,545	20,425,455
2078	NNT15234	Lê Hạ Long Hải	Phường Kim Liên, Hà Nội	225,551,000	0	225,551,000	91,276,740	134,274,260
2079	NNT01627	Đoàn Thị Diên	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	263,542,000	0	263,542,000	91,292,000	172,250,000
2080	NNT22027	Văn Thùy Dung	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	110,812,000	0	110,812,000	91,342,000	19,470,000
2081	NNT19588	Tạ Quốc Huy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	131,470,000	0	131,470,000	91,500,000	39,970,000

2082	NNT23543	Đỗ Thị Hoa	Phường Từ Liêm, Hà Nội	117,309,041	17,309,041	100,000,000	91,500,000	8,500,000
2083	NNT23665	Nguyễn Thị Phương	Phường Bồ Đề, Hà Nội	100,000,000	7,500,000	92,500,000	91,500,000	1,000,000
2084	NNT21240	Vũ Hương Giang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	5,000,000	95,000,000	91,500,000	3,500,000
2085	NNT20790	Hà Thị Huệ	Xã Ô Diên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	91,500,000	8,500,000
2086	NNT13030	Nguyễn Minh Quang	424 Phố Đội Cấn, Ngọc Hà, Hà Nội	216,160,000	0	216,160,000	91,532,000	124,628,000
2087	NNT21730	Lê Ngọc Huy	phường Phương Liên, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	91,626,000	11,467,000
2088	NNT14851	Vũ Thị Hải	Xã Hương Sơn, Hà Nội	188,525,000	0	188,525,000	91,691,000	96,834,000
2089	NNT23771	Phạm Kim Chung	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	100,000,000	7,500,000	92,500,000	91,750,000	750,000
2090	NNT12308	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Phường Bạch Mai, Hà Nội	427,370,000	245,685,000	181,685,000	91,854,000	89,831,000
2091	NNT21171	Lý Thị Thu Quỳnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	91,961,000	12,751,000
2092	NNT13997	Cao Thị Nữ Hoài	phường Láng, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	91,961,000	119,679,000
2093	NNT11588	Nguyễn Thị Huyền	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	603,462,000	74,826,000	528,636,000	91,962,450	436,673,550
2094	NNT01620	Trần Thanh Huyền	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	400,000,000	100,000,000	300,000,000	91,970,000	208,030,000
2095	NNT23856	Lê Thị Bích Liên	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	100,000,000	8,000,000	92,000,000	92,000,000	0
2096	NNT19301	Phạm Thị Phương Thảo	Phường Tam Bình, TP. HCM	107,497,000	0	107,497,000	92,000,000	15,497,000

2097	NNT23888	Nguyễn Thị Chính	Xã Cổ Bi, Hà Nội	100,000,000	16,500,000	83,500,000	92,000,000	-8,500,000
2098	NNT20902	Cồ Văn Nghiệp	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	92,000,000	12,712,000
2099	NNT17589	Nguyễn Thị Thìn	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	239,583,000	0	239,583,000	92,153,000	147,430,000
2100	NNT11504	Trần Thanh Huyền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	271,938,272	63,128,272	208,810,000	92,193,000	116,617,000
2101	NNT17715	Vũ Xuân Trường	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	124,888,000	0	124,888,000	92,385,092	32,502,908
2102	NNT22511	Mạc Thị Sáu	Phường Phương Liệt, Hà Nội	100,505,000	0	100,505,000	92,500,000	8,005,000
2103	NNT23938	Nguyễn Thị Hiền	Xã Hà Bắc, TP Hải Phòng	100,000,000	7,500,000	92,500,000	92,500,000	0
2104	NNT20951	Nguyễn Thị Lương	Xã Hương Sơn, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	92,500,000	10,593,000
2105	NNT23804	Nguyễn Hải Yến		100,000,000	7,500,000	92,500,000	92,500,000	0
2106	NNT01585	Vũ Như Văn	Phường Tương Mai, Hà Nội	252,192,000	0	252,192,000	92,528,000	159,664,000
2107	NNT12685	Phạm Xuân Đình	Xã Xuân Trường, Ninh Bình	115,000,000	0	115,000,000	92,661,000	22,339,000
2108	NNT19640	Lê Thị Mai Phương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	246,993,000	0	246,993,000	92,921,000	154,072,000
2109	NNT11185	Chu Thị Phương Anh	27B Đặng Dung, phường Ba Đình, Hà Nội	251,463,000	0	251,463,000	92,945,000	158,518,000
2110	NNT12172	Nguyễn Huy Hoàng	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	172,132,000	0	172,132,000	92,992,000	79,140,000
2111	NNT22041	Phạm Thị Huyền	Phường Bồ Đề, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	93,000,000	7,000,000

2112	NNT23295	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	100,000,000	7,000,000	93,000,000	93,000,000	0
2113	NNT11974	Chu Thanh Long	phường Từ Liêm, Hà Nội	234,844,000	0	234,844,000	93,103,000	141,741,000
2114	NNT21533	Nguyễn Thị Tuyết	Xã Hoài Đức, Hà Nội	129,997,000	6,732,000	123,265,000	93,268,000	29,997,000
2115	NNT14270	Nguyễn Thị Thu Bính	Phường Việt Hưng, Hà Nội	260,459,000	0	260,459,000	93,300,850	167,158,150
2116	NNT02069	Trần Thị Quỳnh Hương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	820,000,000	0	820,000,000	93,320,000	726,680,000
2117	NNT20366	Nguyễn Hoàng Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	153,941,000	0	153,941,000	93,400,000	60,541,000
2118	NNT21553	Tạ Thị Dân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	141,553,000	0	141,553,000	93,404,000	48,149,000
2119	NNT12407	Bùi Mạnh Trường	Xã Nam Thái Ninh, Hưng Yên	155,440,000	0	155,440,000	93,433,000	62,007,000
2120	NNT22759	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	93,500,000	6,500,000
2121	NNT21537	Phạm Thị Kim Thúy	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	93,500,000	6,500,000
2122	NNT21753	Vương Thị Luyến	Xã Kiêu Phú, Hà Nội	138,474,575	38,474,575	100,000,000	93,500,000	6,500,000
2123	NNT19982	Hán Thị Hạnh	Xã Xuân Lũng, Tỉnh Phú Thọ	151,910,295	46,632,295	105,278,000	93,500,000	11,778,000
2124	NNT12147	Phạm Duy Hưng	Phường Ba Đình, Hà Nội	221,447,000	0	221,447,000	93,514,000	127,933,000
2125	NNT13561	Vương Thị Thanh Thủy	Xã Văn Đình, Hà Nội	96,642,000	0	96,642,000	93,650,000	2,992,000
2126	NNT17724	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	93,779,000	64,951,000

2127	NNT22314	Nguyễn Thị Kim Khánh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	138,000,000	0	138,000,000	93,894,000	44,106,000
2128	NNT23926	Đoàn Đình Minh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	94,472,000	0	94,472,000	93,999,638	472,362
2129	NNT20623	Nguyễn Thanh Huyền	Phường Yên Hoà, Hà Nội	251,366,000	125,683,000	125,683,000	94,000,000	31,683,000
2130	NNT19550	Phạm Thị An	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,000,000	6,000,000
2131	NNT20542	Hồ Bích Diệp	Phường Từ Liêm, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	94,000,000	24,557,000
2132	NNT21671	Đỗ Tiến Ngọc	phường Giảng Võ, Hà Nội	103,627,000	6,000,000	97,627,000	94,000,000	3,627,000
2133	NNT20668	Trịnh Thị Cúc	Xã Đông Hưng, Hà Nội	147,622,997	40,929,997	106,693,000	94,000,000	12,693,000
2134	NNT20536	Nguyễn Thị Minh Hằng	Xã Mỹ Sò, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	94,000,000	6,000,000
2135	NNT23107	Phạm Thị Thu Lộc	phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	6,000,000	94,000,000	94,000,000	0
2136	NNT23165	Nguyễn Hồng Phái	Phường Ninh Kiều, Cần Thơ	300,000,000	200,000,000	100,000,000	94,000,000	6,000,000
2137	NNT20223	Đồng Thị hà Uyên	Phường Thảo Nguyên, Sơn La	119,792,000	0	119,792,000	94,000,000	25,792,000
2138	NNT23854	Cao Thị Ngọc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	6,000,000	94,000,000	94,000,000	0
2139	NNT19571	Lê Phương Hà	Phường Định Công, Hà Nội	300,000,000	195,000,000	105,000,000	94,019,000	10,981,000
2140	NNT13868	Đỗ Kim Vinh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	218,874,578	68,874,578	150,000,000	94,204,000	55,796,000
2141	NNT15792	Nguyễn Thùy Trang	Phường Cửa Nam, Hà Nội	233,620,000	0	233,620,000	94,301,470	139,318,530

2142	NNT01402	Đỗ Thị Hồng Hải	Phường Yên Hoà, Hà Nội	1,380,435,000	0	1,380,435,000	94,309,370	1,286,125,630
2143	NNT23690	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,350,000	5,650,000
2144	NNT11181	Đặng Thị Kim Dung	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	105,556,000	11,112,000	94,444,000	94,444,000	0
2145	NNT20784	Đặng Đình Hiếu	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	94,500,000	8,593,000
2146	NNT18680	Trần Đức Quế	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	144,275,000	0	144,275,000	94,500,000	49,775,000
2147	NNT20580	Ngô Hải Yến	Phường Xuân Phương, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,500,000	5,500,000
2148	NNT18714	Nguyễn Ngọc Anh	Xã Hoài Đức, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,500,000	5,500,000
2149	NNT18447	Nguyễn Khánh Định	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,500,000	5,500,000
2150	NNT20616	Vũ Thị Loan	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	94,500,000	27,193,000
2151	NNT18600	Nhữ Hoài Nam	Phường Sơn Tây, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	94,500,000	31,183,000
2152	NNT18567	Nguyễn Thị Hường	Phường Phú Thượng, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	94,500,000	27,193,000
2153	NNT18601	Nguyễn Ngọc Huy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	150,175,000	0	150,175,000	94,500,000	55,675,000
2154	NNT18446	Nguyễn Chí Hài	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	94,500,000	5,500,000
2155	NNT21337	Đỗ Văn Tuấn	Phường Xuân Đình, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	94,500,000	8,593,000
2156	NNT16130	Đỗ Văn Sơn	Xã Đông Anh, Hà Nội	376,370,000	0	376,370,000	94,540,000	281,830,000

2157	NNT15494	Nguyễn Duy Tân	Phường Hà Đông, Hà Nội	517,385,948	164,209,948	353,176,000	94,717,052	258,458,948
2158	NNT14439	Vũ Thị Thanh Lan	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	260,351,000	130,561,000	129,790,000	94,777,500	35,012,500
2159	NNT19015	Trương Văn Thở	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	359,289,000	243,969,000	115,320,000	94,781,000	20,539,000
2160	NNT16571	Nguyễn Thị Đào	Phường Định Công, Hà Nội	128,738,000	0	128,738,000	94,827,000	33,911,000
2161	NNT20470	Quách Thị Trà	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	280,356,013	61,777,013	218,579,000	94,836,987	123,742,013
2162	NNT14961	Nguyễn Thanh Tùng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	94,965,000	55,035,000
2163	NNT17884	Phạm Thị Loan	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	2,000,000	98,000,000	95,000,000	3,000,000
2164	NNT18422	Bùi Thị Bốn	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	95,000,000	5,000,000
2165	NNT19984	Vũ Thị Thu Hương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	95,000,000	30,683,000
2166	NNT23308	Đinh Thị Minh	210/41 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Hà Nội	351,095,000	205,000,000	146,095,000	95,000,000	51,095,000
2167	NNT20597	Trương Văn Thành	Số 2B4 ngõ195B Đội Cấn, phường Ngọc Hà , Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	95,000,000	6,010,000
2168	NNT18424	Trần Thị Trang	Phường Hồng Châu, Tỉnh Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	95,000,000	5,000,000
2169	NNT21941	Vũ Thị Xuân	Phường Xuân Đình, Hà Nội	147,255,077	22,652,039	124,603,038	95,000,000	29,603,038
2170	NNT22604	Tạ Thúy Hồng	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	101,010,000	0	101,010,000	95,000,000	6,010,000
2171	NNT20946	Nguyễn Đức Thường	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	125,683,000	0	125,683,000	95,000,000	30,683,000

2172	NNT21648	Nguyễn Đình Hiếu	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	118,556,000	0	118,556,000	95,000,000	23,556,000
2173	NNT22340	Ngô Hoài Thu	Phường Tương Mai, Hà Nội	103,627,000	5,000,000	98,627,000	95,000,055	3,626,945
2174	NNT17153	Phạm Thị Huyền	Xã Tiên Lục, Tỉnh Bắc Ninh	124,529,000	5,000,000	119,529,000	95,000,371	24,528,629
2175	NNT18394	Đỗ Thị Thắm	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	195,343,593	3,000,000	192,343,593	95,040,000	97,303,593
2176	NNT19996	Nguyễn Thị Tươi	Xã Phú Dục, Hưng Yên	152,073,000	0	152,073,000	95,307,000	56,766,000
2177	NNT16041	Nguyễn Thị Thu Hường	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	355,334,000	0	355,334,000	95,447,457	259,886,543
2178	NNT19165	Cao Xuân Khang	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	125,683,000	0	125,683,000	95,500,000	30,183,000
2179	NNT21687	Lê Văn Thịnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	95,500,000	23,057,000
2180	NNT16664	Trần Tuyết Nhung	Phường Cửa Nam, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	95,500,000	104,500,000
2181	NNT19687	Nguyễn Văn Cường	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	222,460,000	100,000,000	122,460,000	95,500,000	26,960,000
2182	NNT19010	Trương Thanh Bình	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	95,500,000	4,500,000
2183	NNT20761	Trần Khánh Linh	phường Láng, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	95,500,000	4,500,000
2184	NNT18934	Phạm Thị Làn	Phường Xuân Đình, Hà Nội	139,947,000	0	139,947,000	95,500,000	44,447,000
2185	NNT22218	Lê Thị Bích Hạnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	128,207,671	14,103,836	114,103,835	95,500,000	18,603,835
2186	NNT21004	Hoàng Huy Thông	Xã Phú Thông, Thái Nguyên	100,000,000	0	100,000,000	95,500,000	4,500,000

2187	NNT23177	Hà Thị Thục	Phường Phương Liệt, Hà Nội	100,967,000	4,500,000	96,467,000	95,500,000	967,000
2188	NNT18864	Đỗ Thị Nghi	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	135,949,000	0	135,949,000	95,500,000	40,449,000
2189	NNT18803	Bùi Thị Thu Huyền	Xã Yên Đồng, Tỉnh Ninh Bình	124,324,000	0	124,324,000	95,500,000	28,824,000
2190	NNT18917	Bùi Thị Thu Hồng	Phường Ba Đình, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	95,500,000	7,593,000
2191	NNT23821	Nguyễn Hồng Quang	Phường Yên Hoà, Hà Nội	107,990,000	12,475,000	95,515,000	95,515,000	0
2192	NNT22602	Lê Thị Nhâm	Phường Bồ Đề, Hà Nội	210,578,000	97,483,000	113,095,000	95,565,000	17,530,000
2193	NNT15472	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	95,575,000	104,425,000
2194	NNT14256	Nguyễn Thúy Hiền	Phường Yên Hoà, Hà Nội	174,498,000	0	174,498,000	95,650,000	78,848,000
2195	NNT20027	Nguyễn Đức Cảnh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	95,746,000	115,894,000
2196	NNT14529	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phường Việt Hưng, Hà Nội	416,666,000	0	416,666,000	95,773,450	320,892,550
2197	NNT14110	Nguyễn Minh Nghĩa	phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	235,075,000	0	235,075,000	95,820,000	139,255,000
2198	NNT21082	Lương Thị Nga	Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội	123,497,000	0	123,497,000	95,834,000	27,663,000
2199	NNT17253	Hàn Liên Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	288,592,000	0	288,592,000	95,853,500	192,738,500
2200	NNT16512	Nguyễn Thị Khái	Phường Tây Tựu, Hà Nội	140,575,000	0	140,575,000	95,900,000	44,675,000
2201	NNT19509	Đương Thị Tiệm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	96,000,000	4,000,000

2202	NNT19359	Nguyễn Cát Lâm	Phường Khương Đình, Hà Nội	178,500,000	0	178,500,000	96,000,000	82,500,000
2203	NNT18311	Đỗ Hồng Nhung	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	96,000,000	25,693,000
2204	NNT19252	Nguyễn Vũ Linh Trang	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	144,275,000	0	144,275,000	96,000,000	48,275,000
2205	NNT19396	Lê Thị Thu	Xã An Khánh, Hà Nội	136,340,000	0	136,340,000	96,000,000	40,340,000
2206	NNT19282	Trần Thị Len	Xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng	125,683,000	0	125,683,000	96,000,000	29,683,000
2207	NNT19415	Phạm Thị Bạch Yến	Phường Hà Đông, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	96,000,000	25,693,000
2208	NNT21962	Nguyễn Đức Cường	Phường Cửa Nam, Hà Nội	107,121,000	0	107,121,000	96,000,000	11,121,000
2209	NNT18332	Đàm Thị Phương	Phường Phù Khê, Tỉnh Bắc Ninh	148,092,000	0	148,092,000	96,000,000	52,092,000
2210	NNT23601	Bùi Thị Mỹ	Phường Cửa Nam, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	96,050,000	3,950,000
2211	NNT14305	Phạm Thị Xuân	Xã Đông Anh, Hà Nội	982,948,531	274,560,531	708,388,000	96,109,469	612,278,531
2212	NNT22717	Vũ Ngọc Kim	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	101,010,000	3,787,000	97,223,000	96,212,900	1,010,100
2213	NNT16854	Tổng Thị Nhài	Phường Từ Liêm, Hà Nội	218,580,000	24,591,000	193,989,000	96,262,925	97,726,075
2214	NNT12561	Phạm Quỳnh Anh	Xã Ngự Thiên, Hưng Yên	267,839,000	40,176,000	227,663,000	96,385,309	131,277,691
2215	NNT13223	Nguyễn Ngọc Hưng	Phường Tương Mai, Hà Nội	240,000,000	36,000,000	204,000,000	96,449,000	107,551,000
2216	NNT21540	Bùi Thị Nhung	Thanh Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	96,500,000	3,500,000

2217	NNT15938	Đào Vương Chi	Phường KHương Đình, Hà Nội	149,775,000	0	149,775,000	96,500,000	53,275,000
2218	NNT21311	Lê Thị Chiến	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	96,500,000	22,057,000
2219	NNT16825	Vũ Thị Phương	Phường Ba Đình, Hà Nội	172,395,000	0	172,395,000	96,500,000	75,895,000
2220	NNT23962	Hồ Thị Diễm Trinh	Phường Hiệp Bình, TP. HCM	105,263,000	0	105,263,000	96,500,000	8,763,000
2221	NNT21196	Nguyễn Minh Tuấn	Xã Yên Đồng, Tỉnh Ninh Bình	100,000,000	0	100,000,000	96,500,000	3,500,000
2222	NNT21229	Nguyễn Văn Mạnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	120,418,000	0	120,418,000	96,500,000	23,918,000
2223	NNT19109	Nguyễn Mạnh Cường	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	145,778,000	0	145,778,000	96,500,000	49,278,000
2224	NNT12039	Nguyễn Xuân Tuấn	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	836,025,000	0	836,025,000	96,538,000	739,487,000
2225	NNT13707	Đàm Thị Vân Anh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	271,600,000	0	271,600,000	96,554,000	175,046,000
2226	NNT17288	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	119,170,000	0	119,170,000	96,699,000	22,471,000
2227	NNT17561	Nguyễn Văn Đạt	Xã Trung Giã, Hà Nội	171,669,000	0	171,669,000	96,700,000	74,969,000
2228	NNT17733	Nguyễn Thị Hương	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	149,710,000	0	149,710,000	96,700,145	53,009,855
2229	NNT13609	Đỗ Ngọc Bảo	Xã Bình Minh, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	96,850,000	61,880,000
2230	NNT18483	Lưu Thị Hải Yến	Phường Hồng Hà, Hà Nội	200,000,000	31,143,000	168,857,000	96,858,000	71,999,000
2231	NNT22130	Đặng Thị Tuyết	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	96,900,000	10,052,000

2232	NNT23439	Nguyễn Thị Lan Phương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	96,920,000	3,080,000
2233	NNT20255	Trịnh Thị Ngân	Xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	131,184,000	0	131,184,000	96,999,338	34,184,662
2234	NNT18253	Đỗ Thị Tuyết Nhung	P.Sơn Tây, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	97,000,000	6,093,000
2235	NNT14636	Đặng Thị Xuân Phương	Xã Gia Lâm, Hà Nội	187,023,000	0	187,023,000	97,000,000	90,023,000
2236	NNT22021	Phạm Minh Nguyệt	P. Cẩm Phả, Quảng Ninh	115,000,000	0	115,000,000	97,000,000	18,000,000
2237	NNT20959	Lê Thị Hương Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2238	NNT23477	Bùi Xuân Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2239	NNT16580	Phạm Thị Phương Phương	Phường Thục Phán, Cao Bằng	154,139,000	0	154,139,000	97,000,000	57,139,000
2240	NNT14038	Nguyễn Thị Khiêm	Xã Thuận An, Hà Nội	176,947,000	0	176,947,000	97,000,000	79,947,000
2241	NNT20251	Nguyễn Trọng Khoa	Xã Quốc Oai, Hà Nội	106,952,000	3,000,000	103,952,000	97,000,000	6,952,000
2242	NNT17945	Ngô Hà Quân	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2243	NNT23166	Đào Thị Hồng Bích	Phường Từ Liêm, Hà Nội	123,136,986	23,136,986	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2244	NNT14640	Đào Ngọc Việt Hoàng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	145,277,000	0	145,277,000	97,000,000	48,277,000
2245	NNT23744	Bùi Ngọc Hòa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2246	NNT23754	Trần Phương Thảo	P.Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000

2247	NNT18279	Trần Mạnh Hùng	Phường thanh Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	97,000,000	3,000,000
2248	NNT21519	Trần Vũ Mạnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	142,618,000	0	142,618,000	97,099,000	45,519,000
2249	NNT16533	Lê Bích Hiền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,053,000,000	924,229,000	128,771,000	97,181,000	31,590,000
2250	NNT14271	Đỗ Thị Ngà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	181,459,000	0	181,459,000	97,212,500	84,246,500
2251	NNT02162	Hoàng Thị Lan Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	281,375,000	0	281,375,000	97,259,825	184,115,175
2252	NNT15426	Vũ Nhật Huy	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	154,457,000	0	154,457,000	97,345,000	57,112,000
2253	NNT17820	Phùng Vũ Huyền My	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	97,500,000	24,193,000
2254	NNT17776	Nguyễn Thị Huệ	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	152,948,000	0	152,948,000	97,500,000	55,448,000
2255	NNT13667	Võ Hà Thu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	97,532,000	202,468,000
2256	NNT10957	Nguyễn Thị Sáu	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	97,617,000	352,383,000
2257	NNT23152	Lê Đức Nhuận	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	110,000,000	12,350,000	97,650,000	97,650,000	0
2258	NNT13081	Nguyễn Danh Hoàn	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	221,142,000	20,725,000	200,417,000	97,685,000	102,732,000
2259	NNT18623	Phạm Thị Hạnh	Xã An Lão, TP Hải Phòng	168,658,000	63,000,000	105,658,000	97,755,000	7,903,000
2260	NNT18651	Nguyễn Thị Nhung	Phường Tây Hồ, Hà Nội	142,902,000	0	142,902,000	97,829,000	45,073,000
2261	NNT15024	Lê Thị Hoa	Xã An Khánh, Hà Nội	177,357,000	0	177,357,000	97,999,000	79,358,000

2262	NNT18399	Lê Thị Thắm	Xã Tam Hưng, Hà Nội	147,178,000	0	147,178,000	97,999,240	49,178,760
2263	NNT18402	Bùi Tiến Dũng	Xã Tam Hưng, Hà Nội	147,177,000	0	147,177,000	97,999,240	49,177,760
2264	NNT20227	Lường Thị Diệp	Xã Định Hoá, Thái Nguyên	105,263,000	2,000,000	103,263,000	98,000,000	5,263,000
2265	NNT20645	Phạm Thị Hồng Vân	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	347,022,699	237,733,699	109,289,000	98,000,000	11,289,000
2266	NNT20407	Nguyễn Thị Loan	Phường Ba Đình, Hà Nội	125,233,000	0	125,233,000	98,000,000	27,233,000
2267	NNT23803	Mai Minh Phương	Phường Thục Phán, Cao Bằng	100,000,000	0	100,000,000	98,000,000	2,000,000
2268	NNT21694	Lê Hoàng Nguyên	Phường Thanh Khê, Đà Nẵng	114,060,000	2,000,000	112,060,000	98,000,000	14,060,000
2269	NNT18589	Hoàng Văn Trung	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	151,057,000	0	151,057,000	98,000,000	53,057,000
2270	NNT14879	Đỗ Thu Ngân	Phường Kim Liên, Hà Nội	183,065,000	0	183,065,000	98,000,000	85,065,000
2271	NNT19612	Nguyễn Văn Dũng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	208,424,000	102,000,000	106,424,000	98,000,020	8,423,980
2272	NNT18421	Nguyễn Thị Thoa	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	124,152,000	0	124,152,000	98,007,000	26,145,000
2273	NNT11258	Bùi Thị Bích Thuận	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	435,459,000	0	435,459,000	98,067,000	337,392,000
2274	NNT23587	Tạ Văn Trường	Xã Yên Lãng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,067,000	1,933,000
2275	NNT18494	Ngô Thị Hạnh	phường Đồng Đa, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	98,133,000	60,597,000
2276	NNT18008	Nguyễn Hùng Sơn	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	30,728,000	169,272,000	98,171,420	71,100,580

2277	NNT23422	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,200,000	1,800,000
2278	NNT13148	Lê Viết Cường	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	235,000,000	37,626,000	197,374,000	98,228,000	99,146,000
2279	NNT23253	Tạ Quang Dân	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	98,232,200	3,807,800
2280	NNT23398	Phạm Lan Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,233,000	1,767,000
2281	NNT23241	Lương Thị Phương	Xã Chương Dương, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	98,233,000	3,807,000
2282	NNT23283	Nguyễn Kim Oanh	Ngõ 44 Nguyễn Khiết, Phúc Tân, Phường Hồng Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,234,000	1,766,000
2283	NNT23284	Vũ Thị Thanh Xuân	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,234,000	1,766,000
2284	NNT23967	Nguyễn Hữu Chinh	Phường Kiến An, Thành Phố Hải Phòng	104,166,000	0	104,166,000	98,245,000	5,921,000
2285	NNT16624	Bùi Thị Việt Hà	Xã Châu Ninh, Tỉnh Hưng Yên	132,092,000	0	132,092,000	98,250,000	33,842,000
2286	NNT24008	Lăng Phương Nhung	Xã Nhân Lý, Lạng Sơn	131,332,000	23,184,000	108,148,000	98,254,147	9,893,853
2287	NNT22205	Đặng Mậu Thiệu	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,904,000	106,952,000	106,952,000	98,396,000	8,556,000
2288	NNT16236	Nguyễn Cao Thắng	Phường Tô Hiệu, Sơn La	165,125,000	0	165,125,000	98,480,000	66,645,000
2289	NNT22184	Dương Thị Bích Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	99,210,000	0	99,210,000	98,499,843	710,157
2290	NNT15391	Nguyễn Ngọc Sỹ	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	148,806,000	0	148,806,000	98,500,000	50,306,000
2291	NNT15025	Ngô Thị Lê Phương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	156,391,000	0	156,391,000	98,500,000	57,891,000

2292	NNT13748	Đỗ Thị Niệm	Phường Khương Đình, Hà Nội	156,014,000	0	156,014,000	98,503,000	57,511,000
2293	NNT21278	Đặng Đức Dương	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	103,627,000	0	103,627,000	98,600,000	5,027,000
2294	NNT18067	Phạm Xuân Thành	Phường Kim Liên, Hà Nội	134,021,000	0	134,021,000	98,663,000	35,358,000
2295	NNT15033	Nguyễn Thị Xuyên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	180,000,000	0	180,000,000	98,675,000	81,325,000
2296	NNT18771	Phạm Văn Minh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	311,059,000	154,313,000	156,746,000	98,686,275	58,059,725
2297	NNT24034	Đoàn Thị Minh Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	98,700,000	1,300,000
2298	NNT17050	Nguyễn Thị Nhân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	258,376,000	100,000,000	158,376,000	98,749,000	59,627,000
2299	NNT19306	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phường Tây Tựu, Hà Nội	129,468,000	0	129,468,000	98,819,000	30,649,000
2300	NNT23515	Đinh Thị Thành Anh	Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	100,000,000	0	100,000,000	98,920,000	1,080,000
2301	NNT20033	Ngô Thị Thúy Huyền	Xã Vô Tranh, Thái Nguyên	212,765,000	100,000,000	112,765,000	98,935,000	13,830,000
2302	NNT22529	Trần Duy Hải	Xã Xuân Quang, Lào Cai	122,842,000	0	122,842,000	98,957,000	23,885,000
2303	NNT23628	Hoàng Thị Vinh	Phường Tương Mai, Hà Nội	117,347,000	0	117,347,000	98,980,000	18,367,000
2304	NNT18378	Phạm Thị Lan	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	151,365,000	0	151,365,000	98,999,000	52,366,000
2305	NNT23584	Nguyễn Thị Thúy	Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội	119,792,000	0	119,792,000	99,000,000	20,792,000
2306	NNT22192	Lê Thị Ngà	Xã Hoàng Hoá, Thanh Hoá	100,000,000	0	100,000,000	99,000,000	1,000,000

2307	NNT23565	Nghiêm Thị Hiền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	99,000,000	1,000,000
2308	NNT23616	Nguyễn Thanh Mai	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	115,000,000	0	115,000,000	99,000,000	16,000,000
2309	NNT15816	Nguyễn Minh Thi	Phường Tử Liêm, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	99,000,000	107,186,000
2310	NNT23297	Nguyễn Thị Duyên	Xã Đại Huệ, Nghệ An	100,000,000	0	100,000,000	99,000,000	1,000,000
2311	NNT22762	Phạm Thị Kim Oanh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	122,325,000	0	122,325,000	99,000,000	23,325,000
2312	NNT23034	Nguyễn Xuân Quang	Phường Gia Định, TP. HCM	100,000,000	0	100,000,000	99,000,000	1,000,000
2313	NNT23647	Nguyễn Thị Huy	phường Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	99,000,000	1,000,000
2314	NNT22704	Nguyễn Ngọc Tâm	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	120,576,000	0	120,576,000	99,000,000	21,576,000
2315	NNT18377	Đinh Lan Anh	Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	151,365,000	0	151,365,000	99,000,000	52,365,000
2316	NNT22821	Đặng Thị Diệu Hương	Phường Tân Phú, TP.HCM	101,010,000	0	101,010,000	99,000,000	2,010,000
2317	NNT17563	Nguyễn Bá Quốc An	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	210,000,000	104,000,000	106,000,000	99,070,000	6,930,000
2318	NNT15596	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	675,273,304	236,935,304	438,338,000	99,118,806	339,219,194
2319	NNT15688	Nguyễn Phương Linh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	171,338,000	0	171,338,000	99,164,000	72,174,000
2320	NNT23274	Chu Minh Đức	Phường Việt Hưng, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	99,243,000	1,767,000
2321	NNT18275	Nguyễn Tiến Thành	Phường Bồ Đề, Hà Nội	157,638,000	8,000,000	149,638,000	99,250,000	50,388,000

2322	NNT23777	Nguyễn Thành Vinh	Nhà 8/75, ngõ 523 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	99,250,000	750,000
2323	NNT15284	Nguyễn Hoàng Yến	Phường Tương Mai, Hà Nội	112,846,000	0	112,846,000	99,250,000	13,596,000
2324	NNT23782	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phường Định Công, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	99,250,000	750,000
2325	NNT18744	Nguyễn Thị Thu Chang	phường Giảng Võ, Hà Nội	132,904,000	0	132,904,000	99,297,000	33,607,000
2326	NNT17898	Lê Thị Thêu	Xã Tân Ninh, Thanh Hoá	158,730,000	32,540,000	126,190,000	99,460,000	26,730,000
2327	NNT02095	Lee Kyeong Cheol	Phường Từ Liêm, Hà Nội	272,160,000	136,080,000	136,080,000	99,465,000	36,615,000
2328	NNT22026	Nguyễn Phương Thảo	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	122,540,000	0	122,540,000	99,499,000	23,041,000
2329	NNT22062	Nguyễn Thùy Linh	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	105,741,000	0	105,741,000	99,499,090	6,241,910
2330	NNT22105	Mai Thị Thanh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	106,951,000	0	106,951,000	99,500,000	7,451,000
2331	NNT15690	Phan Thị Bích Thủy	Phường Cửa Nam, Hà Nội	152,789,000	0	152,789,000	99,500,000	53,289,000
2332	NNT15639	Lê Tuyết Nga	P.Hà Đông, Hà Nội	144,330,000	0	144,330,000	99,500,000	44,830,000
2333	NNT24296	Lê Thị Diễm	Xã Ái Tử, Quảng Trị	100,000,000	0	100,000,000	99,500,000	500,000
2334	NNT22057	Phan Châu Thành	Phường Ba Đình, Hà Nội	103,626,000	0	103,626,000	99,500,000	4,126,000
2335	NNT15691	Vũ Huy Hoàng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	152,789,000	0	152,789,000	99,500,000	53,289,000
2336	NNT18105	Trương Ngọc Cầm	P.Tây Hồ, Hà Nội	148,737,000	0	148,737,000	99,500,000	49,237,000

2337	NNT23649	Thái Minh Phương	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	99,500,000	500,000
2338	NNT22060	Lê Đình Điệp	phường Giảng Võ, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	99,500,000	7,452,000
2339	NNT12252	Nguyễn Thị Thái	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	228,555,000	0	228,555,000	99,500,000	129,055,000
2340	NNT22106	Nguyễn Thu Hà	Phường Yên Hoà, Hà Nội	207,794,000	100,000,000	107,794,000	99,500,055	8,293,945
2341	NNT18073	Nguyễn Tiến Huy	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	146,414,000	0	146,414,000	99,500,210	46,913,790
2342	NNT15632	Nguyễn Thị Phụng	Xã Tiên Du, Bắc Ninh	122,280,000	0	122,280,000	99,501,000	22,779,000
2343	NNT15498	Nguyễn Thị Vân	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	153,709,000	0	153,709,000	99,515,735	54,193,265
2344	NNT19339	Nguyễn Thị Kim Phương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	124,262,000	44,262,000	80,000,000	99,623,258	-19,623,258
2345	NNT21147	Nguyễn Thúy Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	135,414,000	0	135,414,000	99,625,000	35,789,000
2346	NNT15700	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	186,486,000	21,000,000	165,486,000	99,729,000	65,757,000
2347	NNT01216	Ngô Thị Sùng	Xã Thuận An, Hà Nội	446,918,000	0	446,918,000	99,786,000	347,132,000
2348	NNT21516	Trương Thị Hòa	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	120,375,000	0	120,375,000	99,800,000	20,575,000
2349	NNT16300	Nguyễn Thị Minh Hoa	Phường Xuân Phương, Hà Nội	1,027,237,000	166,200,000	861,037,000	99,829,045	761,207,955
2350	NNT11038	Hoàng Thị Phương Thảo	phường Giảng Võ, Hà Nội	220,000,000	0	220,000,000	99,840,000	120,160,000
2351	NNT18170	Trần Thị Uyên	Phường Hà Đông, Hà Nội	125,343,000	0	125,343,000	99,910,000	25,433,000

2352	NNT14287	Nguyễn Minh Châu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	185,536,000	0	185,536,000	99,910,000	85,626,000
2353	NNT16972	Vũ Thanh Xuyên	Phường Xuân Phương, Hà Nội	168,833,000	0	168,833,000	99,987,800	68,845,200
2354	NNT18401	Kiều Thị Biên	Xã Tam Hưng, Hà Nội	150,121,000	0	150,121,000	99,998,240	50,122,760
2355	NNT18704	Nguyễn Tuyết Linh	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	180,921,915	0	180,921,915	99,998,335	80,923,580
2356	NNT20067	Trần Thị Miều	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	126,798,000	0	126,798,000	99,999,000	26,799,000
2357	NNT00645	Phí Thị Xoan	Phường Từ Liêm, Hà Nội	187,073,000	0	187,073,000	99,999,000	87,074,000
2358	NNT18418	Phạm Thị Tía	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	150,123,000	0	150,123,000	99,999,000	50,124,000
2359	NNT21203	Phạm Như Quỳnh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	106,831,000	0	106,831,000	99,999,000	6,832,000
2360	NNT22030	Hoàng Thị Thanh Hải	Xã Đaì Phương, Hà Nội	125,410,000	0	125,410,000	99,999,090	25,410,910
2361	NNT12633	Nguyễn Ngọc Nhân	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	235,384,000	0	235,384,000	99,999,175	135,384,825
2362	NNT22446	Nguyễn Hoài Thu	P.Hồng Hà, Hà Nội	106,951,000	0	106,951,000	99,999,185	6,951,815
2363	NNT19262	Lê Hương Giang	Phường Hà Đông, Hà Nội	152,879,000	0	152,879,000	99,999,320	52,879,680
2364	NNT17469	Lương Thị Âm	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	129,972,000	0	129,972,000	99,999,404	29,972,596
2365	NNT20328	Phạm Thị Mai	phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	156,149,000	0	156,149,000	99,999,435	56,149,565
2366	NNT16211	Nguyễn Thị Chính	Phường Phú Diễn, Hà Nội	137,781,000	0	137,781,000	99,999,545	37,781,455

2367	NNT19729	Hoàng Kim Tuyết	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	126,124,000	0	126,124,000	99,999,830	26,124,170
2368	NNT23315	Nguyễn Thị Liên	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	99,999,850	5,263,150
2369	NNT23143	Tạ Thị Hiền	Phường Giảng Võ, TP Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	99,999,900	1,010,100
2370	NNT23198	Nguyễn Thị Huệ	Phường Hà Lâm, Quảng Ninh	101,010,000	0	101,010,000	99,999,900	1,010,100
2371	NNT22076	Trịnh Kiều Trang	Phường Phú Diễn, Hà Nội	126,070,000	0	126,070,000	99,999,925	26,070,075
2372	NNT22236	Vũ Thị Thu Hà	P.Ô Chợ Dừa, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	99,999,960	4,712,040
2373	NNT20156	Lê Thị Trang	Xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	226,093,000	100,000,000	126,093,000	99,999,960	26,093,040
2374	NNT19156	Hà Hữu Cao Trình	P.Hòa Bình, Phú Thọ	138,424,000	0	138,424,000	99,999,960	38,424,040
2375	NNT20977	Phan Thị Bích Ngọc	phường Ngọc Hà, Hà Nội	311,425,000	200,000,000	111,425,000	100,000,000	11,425,000
2376	NNT24090	Nguyễn Thu Hằng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2377	NNT21152	Nguyễn Thị Vinh	phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	126,764,000	0	126,764,000	100,000,000	26,764,000
2378	NNT23138	Đỗ Thị Cẩm Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	108,554,000	0	108,554,000	100,000,000	8,554,000
2379	NNT23469	Đinh Thị Ngọc Thúy	Phường Bồ Đề, Hà Nội	119,792,000	0	119,792,000	100,000,000	19,792,000
2380	NNT18400	Lê Phương Thảo	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	130,030,000	0	130,030,000	100,000,000	30,030,000
2381	NNT22189	Ma Thanh Hà	Phường Việt Hưng, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	100,000,000	5,820,000

2382	NNT21155	Nguyễn Thị Vân	Phường Phú Diễn, Hà Nội	107,527,000	0	107,527,000	100,000,000	7,527,000
2383	NNT22691	Nguyễn Thị Thu Lan	Phường Cửa Nam, Hà Nội	689,212,000	482,873,000	206,339,000	100,000,000	106,339,000
2384	NNT23051	Nguyễn Thị Kim Oanh	phường Khương Đình, Hà Nội	223,828,220	111,914,110	111,914,110	100,000,000	11,914,110
2385	NNT21252	Nguyễn Văn Dăm	Phường Từ Liêm, Hà Nội	107,454,000	0	107,454,000	100,000,000	7,454,000
2386	NNT23557	Vũ Thị Thúy Băng	phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2387	NNT17994	Trần Ngọc Sính	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	130,217,000	0	130,217,000	100,000,000	30,217,000
2388	NNT22733	Vũ Thị Hoàng Anh	Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	101,010,000	0	101,010,000	100,000,000	1,010,000
2389	NNT21110	Nguyễn Thị Bích Hồng	Xã Vạn Thắng, Tỉnh Ninh Bình	312,500,000	200,000,000	112,500,000	100,000,000	12,500,000
2390	NNT22012	Hoàng Thị Hiền	Phường Phú Diễn, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000
2391	NNT22756	Nguyễn Thị Hạnh	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	157,318,000	51,921,000	105,397,000	100,000,000	5,397,000
2392	NNT19929	Nguyễn Thị Thúy	Phường Từ Liêm, Hà Nội	165,210,000	0	165,210,000	100,000,000	65,210,000
2393	NNT22247	Nguyễn Thu Phương	Phường Hà Đông, Hà Nội	162,827,000	60,000,000	102,827,000	100,000,000	2,827,000
2394	NNT22571	Thịnh Thị Liên	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	138,560,214	0	138,560,214	100,000,000	38,560,214
2395	NNT21790	Võ Thị Thanh Trà	Phường Yên Hoà, Hà Nội	113,741,000	0	113,741,000	100,000,000	13,741,000
2396	NNT22859	Nguyễn Kim Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0

2397	NNT20813	Nguyễn Văn Nam	phường Khương Đình, Hà Nội	246,763,000	120,000,000	126,763,000	100,000,000	26,763,000
2398	NNT23976	Phạm Thị Thanh	Xã Hoà Đức, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2399	NNT23912	Vũ Thị Sen	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2400	NNT20898	Phạm Minh Giang	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2401	NNT21057	Phan Thị Lan Ngọc	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,756,000	0	100,756,000	100,000,000	756,000
2402	NNT17745	Đặng Mỹ Thủy Tiên	phường Xuân Phương, Hà Nội	156,511,000	0	156,511,000	100,000,000	56,511,000
2403	NNT18041	Nguyễn Việt Dũng	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	130,207,000	0	130,207,000	100,000,000	30,207,000
2404	NNT21520	Nguyễn Thị Kim Oanh	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	103,834,000	0	103,834,000	100,000,000	3,834,000
2405	NNT24101	Nguyễn Phương Lan	Phường Long Biên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2406	NNT19144	Ngô Thị Hải Anh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	100,000,000	4,712,000
2407	NNT23256	Đỗ Thị Kim Nga	Xã Phú Đồng, Hà Nội	103,627,000	0	103,627,000	100,000,000	3,627,000
2408	NNT24257	Hồ Thị Hải Yến	Xã Hoà Xá, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2409	NNT20640	Trần Thanh Phương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	132,998,000	0	132,998,000	100,000,000	32,998,000
2410	NNT22800	Triệu Thị Mười	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	106,951,000	0	106,951,000	100,000,000	6,951,000
2411	NNT21751	Phạm Quang Yên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	122,856,000	0	122,856,000	100,000,000	22,856,000

2412	NNT24091	Lưu Lan Anh	Xã Bình Tuyền, Phú Thọ	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2413	NNT22140	Nguyễn Thị Thủy Lợi	Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng	126,071,000	0	126,071,000	100,000,000	26,071,000
2414	NNT21056	Trần Quỳnh Linh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	131,605,000	0	131,605,000	100,000,000	31,605,000
2415	NNT18860	Dương Văn Lanh	Xóm 8, thôn Thái Bạt 3, xã Bát Bạt, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	100,000,000	5,820,000
2416	NNT23620	Trần Thị Thanh Tàn	Phường Bạch Mai, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	100,000,000	3,092,000
2417	NNT23787	Trần Thị Liên	Phường Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2418	NNT23808	Lê Thị Thực	Xã Tam Dương, Phú Thọ	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2419	NNT20576	Nguyễn Thu Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	128,103,000	0	128,103,000	100,000,000	28,103,000
2420	NNT23981	Lê Thị Phấn	Xã Thiệu Hoá, Thanh Hoá	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2421	NNT23504	Đỗ Văn Phú	Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh	206,286,000	103,143,000	103,143,000	100,000,000	3,143,000
2422	NNT21652	Nguyễn Thị Phương Bình	Xã Đại Thanh, Hà Nội	126,107,000	0	126,107,000	100,000,000	26,107,000
2423	NNT21950	Trần Thị Mạnh Linh	Xã Yên Thủy, Phú Thọ	103,627,000	3,627,000	100,000,000	100,000,000	0
2424	NNT20041	Đỗ Ngọc Đức	Phường Việt Hưng, Hà Nội	230,139,000	100,000,000	130,139,000	100,000,000	30,139,000
2425	NNT23184	Trịnh Thị Hạnh	Xã Đức Hợp, Tỉnh Hưng Yên	101,010,000	0	101,010,000	100,000,000	1,010,000
2426	NNT22975	Lê Ngọc Ánh	Xã Thanh Hà, Hải Phòng	102,040,000	0	102,040,000	100,000,000	2,040,000

2427	NNT24208	Lê Thị Thảo	Xã Nghi Lộc, Nghệ An	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2428	NNT20865	Trần Thị Hồng Nhung	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	123,497,000	0	123,497,000	100,000,000	23,497,000
2429	NNT23544	Nguyễn Đức Thuận	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2430	NNT20064	Nguyễn Thị Sinh	Phường Hà Nam, Ninh Bình	151,184,000	0	151,184,000	100,000,000	51,184,000
2431	NNT23756	Lê Thị Hồng Long	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	100,756,000	0	100,756,000	100,000,000	756,000
2432	NNT20478	Nguyễn Minh Trang	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	106,382,000	0	106,382,000	100,000,000	6,382,000
2433	NNT22739	Võ Thị Phương Anh	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	106,952,000	0	106,952,000	100,000,000	6,952,000
2434	NNT18665	Phạm Hữu Tiến	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	137,456,000	0	137,456,000	100,000,000	37,456,000
2435	NNT23892	Lê Thu Phương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	111,547,945	11,547,945	100,000,000	100,000,000	0
2436	NNT20236	Phạm Thị Ánh Ngọc	Phường Cửa Nam, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	100,000,000	4,712,000
2437	NNT22044	Nguyễn Hữu Giang	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2438	NNT21665	Nguyễn Nam Phong	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	148,515,909	0	148,515,909	100,000,000	48,515,909
2439	NNT20243	Chu Thị Thảo	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	108,696,000	0	108,696,000	100,000,000	8,696,000
2440	NNT24321	Nguyễn Nhất Nguyên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2441	NNT19491	Nguyễn Thị Lý	Phường Kim Liên, Hà Nội	105,789,000	0	105,789,000	100,000,000	5,789,000

2442	NNT15330	Trương Thị Lan Hương	Phường Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	150,409,000	0	150,409,000	100,000,000	50,409,000
2443	NNT21821	Trần Thị Hoa	P.Thành Sen, Hà Tĩnh	103,627,000	0	103,627,000	100,000,000	3,627,000
2444	NNT20646	Hoàng Thị Vượng	phường Giảng Võ, Hà Nội	106,383,000	0	106,383,000	100,000,000	6,383,000
2445	NNT24236	Nguyễn Thị Oanh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2446	NNT23874	Phùng Hiền Ninh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	114,342,466	14,342,466	100,000,000	100,000,000	0
2447	NNT22555	Nguyễn Lan Hương	Phường Láng, TP Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2448	NNT23681	Ngô Thị Tân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2449	NNT17137	Ngô Minh Tâm	Xã Tân Đình, Bắc Ninh	154,820,000	0	154,820,000	100,000,000	54,820,000
2450	NNT20774	Nguyễn Mạnh Tuấn	Phường Tương Mai, Hà Nội	126,763,000	0	126,763,000	100,000,000	26,763,000
2451	NNT21862	Phạm Đức Sinh	Phường Tương Mai, Hà Nội	123,507,000	0	123,507,000	100,000,000	23,507,000
2452	NNT21853	Trần Thị Hoàng Yến	Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình	150,375,266	42,267,266	108,108,000	100,000,000	8,108,000
2453	NNT22210	Lã Thị Thu Giang	Phường Hà Đông, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000
2454	NNT19312	Đỗ Thị Thu Hường	Phường Hà Đông, Hà Nội	115,680,000	0	115,680,000	100,000,000	15,680,000
2455	NNT19367	Bùi Băng Anh	Phường Hà Đông, Hà Nội	115,680,000	0	115,680,000	100,000,000	15,680,000
2456	NNT21817	Nguyễn Thị Thu Hương	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000

2457	NNT24055	Nguyễn Ngọc Đại	Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2458	NNT23172	Nguyễn Tổ Uyên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	100,000,000	3,092,000
2459	NNT22828	Nguyễn Mạnh Tường	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2460	NNT23809	Đỗ Thị Thảo	Phường Từ Liêm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2461	NNT21483	Vũ Mạnh Tùng	Xã Yên Trị, Phú Thọ	107,166,000	0	107,166,000	100,000,000	7,166,000
2462	NNT18419	Phan Thị Mơ	Xã Mai Châu, Phú Thọ	150,123,000	0	150,123,000	100,000,000	50,123,000
2463	NNT24084	Phùng Đức Thắng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2464	NNT23375	Nguyễn Thị Thao	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	101,766,000	0	101,766,000	100,000,000	1,766,000
2465	NNT18430	Trần Tiến Dũng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	105,155,000	0	105,155,000	100,000,000	5,155,000
2466	NNT20110	Vũ Thanh Huyền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	144,041,000	0	144,041,000	100,000,000	44,041,000
2467	NNT24161	Ninh Hà Thu	Phường Yên Hoà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2468	NNT17342	Nguyễn Thị Hương	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	171,012,699	46,484,699	124,528,000	100,000,000	24,528,000
2469	NNT20160	Nguyễn Đức Ngọc	xã Kiến Xương, Hưng Yên	133,465,000	0	133,465,000	100,000,000	33,465,000
2470	NNT20881	Văn Thị Ngân	Phường Xuân Phương, Hà Nội	258,387,000	150,860,000	107,527,000	100,000,000	7,527,000
2471	NNT20637	Nguyễn Hùng Cường	Phường Hà Đông, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000

2472	NNT22324	Trần Phương Linh	Phường Khương Đình, Hà Nội	144,414,502	0	144,414,502	100,000,000	44,414,502
2473	NNT20880	Hoàng Thị Bài	Xã Quảng Yên, Thanh Hoá	107,527,000	0	107,527,000	100,000,000	7,527,000
2474	NNT21633	Vũ Thị Ngọc	Xã Kim Anh, Hà Nội	127,956,000	0	127,956,000	100,000,000	27,956,000
2475	NNT20521	Nguyễn Thị Nhài	Xã Châu Ninh, Tỉnh Hưng Yên	151,901,000	0	151,901,000	100,000,000	51,901,000
2476	NNT17487	Trần Văn Hiền	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	124,529,000	0	124,529,000	100,000,000	24,529,000
2477	NNT20997	Lê Văn Thiều	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	131,605,000	0	131,605,000	100,000,000	31,605,000
2478	NNT18670	Đinh Thị Quế	Xã Hoài Đức, Hà Nội	110,679,000	0	110,679,000	100,000,000	10,679,000
2479	NNT23513	Lương Viết Dũng	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2480	NNT18846	Nguyễn Đình Cương	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	131,605,000	0	131,605,000	100,000,000	31,605,000
2481	NNT24041	Ngô Thị Phượng	Xã Đông Anh, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2482	NNT24061	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	309,278,000	200,000,000	109,278,000	100,000,000	9,278,000
2483	NNT20068	Đào Văn Viên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	126,798,000	0	126,798,000	100,000,000	26,798,000
2484	NNT22498	Nguyễn Hoài Thu	Xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	103,626,000	0	103,626,000	100,000,000	3,626,000
2485	NNT18104	Phan Văn Tập	Xã Tân Đình, Tỉnh Bắc Ninh	128,117,000	0	128,117,000	100,000,000	28,117,000
2486	NNT23558	Trương Văn Đạt	Phường Việt Hưng, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	100,000,000	1,010,000

2487	NNT20171	Võ Minh Hiếu	Xã Hoài Đức, Hà Nội	106,383,000	0	106,383,000	100,000,000	6,383,000
2488	NNT20230	Đinh Thị Trâm	Xã Xuân Hồng, Tỉnh Ninh Bình	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000
2489	NNT22488	Nguyễn Thị Mai	Xã Yên Phú, Phú Thọ	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2490	NNT18743	Nguyễn Văn Hiếu	Xã Đại Đồng, Hưng Yên	104,712,000	0	104,712,000	100,000,000	4,712,000
2491	NNT21078	Phan Thị Hạnh	Xã Xuân Giang, Tỉnh Ninh Bình	104,712,000	0	104,712,000	100,000,000	4,712,000
2492	NNT16667	Đinh Hữu Vinh	Xã Gia Viễn, Ninh Bình	151,855,000	0	151,855,000	100,000,000	51,855,000
2493	NNT19268	Đỗ Quang Đạt	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	104,167,000	0	104,167,000	100,000,000	4,167,000
2494	NNT21306	Đặng Trung Kiên	Phường Tương Mai, Hà Nội	135,251,000	0	135,251,000	100,000,000	35,251,000
2495	NNT20900	Vương Văn Huệ	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	127,423,000	0	127,423,000	100,000,000	27,423,000
2496	NNT20676	Vương Thanh Tùng	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	126,097,000	0	126,097,000	100,000,000	26,097,000
2497	NNT23920	Vũ Thị Hường	P. Vũ Phúc, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2498	NNT23947	Vũ Thị Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	100,000,000	2,040,000
2499	NNT20546	Vũ Thanh Bình	Phường Đồng Đa, Hà Nội	118,796,000	0	118,796,000	100,000,000	18,796,000
2500	NNT24319	Vũ Hoài Thương	Phường Ba Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2501	NNT24270	Uông Văn Tuấn	Xã Ô Diên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0

2502	NNT21691	Trịnh Thị Tuyết Mai	Xã Quảng Bị, Hà Nội	121,603,000	0	121,603,000	100,000,000	21,603,000
2503	NNT18417	Trịnh Thị Phương Thúy	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	150,123,000	0	150,123,000	100,000,000	50,123,000
2504	NNT17908	Trần Tuấn Long	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	145,678,000	0	145,678,000	100,000,000	45,678,000
2505	NNT17271	Trần Trọng Hải	Phường Nam Định, Ninh Bình	270,493,000	0	270,493,000	100,000,000	170,493,000
2506	NNT22478	Trần Thị Thu Hà	Xã Mai Sơn, Sơn La	103,627,000	0	103,627,000	100,000,000	3,627,000
2507	NNT20877	Trần Thị Hồng Thanh	P. Bạch Mai, Hà Nội	127,438,000	0	127,438,000	100,000,000	27,438,000
2508	NNT21307	Trần Ngọc Dương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	105,625,000	0	105,625,000	100,000,000	5,625,000
2509	NNT16866	Trần Minh Nguyệt	Phường Từ Liêm, Hà Nội	126,106,000	0	126,106,000	100,000,000	26,106,000
2510	NNT20639	Trần Đức Ngọ	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	106,383,000	0	106,383,000	100,000,000	6,383,000
2511	NNT18016	Tống Thị Hoàn	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	147,188,000	0	147,188,000	100,000,000	47,188,000
2512	NNT23959	Thái Quang Dương	Xã Dầu Giây, Đồng Nai	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2513	NNT23334	Tạ Mai Chi	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2514	NNT22283	Phùng Thị Tú Anh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	140,893,805	35,630,805	105,263,000	100,000,000	5,263,000
2515	NNT23870	Phùng Thị Kim Nga	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	118,856,438	3,856,438	115,000,000	100,000,000	15,000,000
2516	NNT23911	Phạm Thị Yên	Phường Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0

2517	NNT22818	Phạm Thị Kim Tụ	Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2518	NNT23512	Phạm Thị Hồng Nhung	Phường Long Biên, Hà Nội	110,938,000	0	110,938,000	100,000,000	10,938,000
2519	NNT23114	Phạm Thị Cẩm Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2520	NNT24366	Phạm Thanh Vân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2521	NNT22746	Phạm Thanh Hạ	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	121,827,534	21,827,534	100,000,000	100,000,000	0
2522	NNT18999	Phạm Mạnh Hùng	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	149,492,000	0	149,492,000	100,000,000	49,492,000
2523	NNT21845	Nguyễn Văn Tùng	Xã Cổ Đô, Hà Nội	143,669,767	35,798,767	107,871,000	100,000,000	7,871,000
2524	NNT20633	Nguyễn Văn Thắng	Xã Vĩnh Thuận, Hải Phòng	157,967,000	0	157,967,000	100,000,000	57,967,000
2525	NNT21920	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Trung Giã, Hà Nội	122,857,000	0	122,857,000	100,000,000	22,857,000
2526	NNT18468	Nguyễn Văn Minh	Phường Tương Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2527	NNT17987	Nguyễn Thị Yến	Xã Tiên Du, Bắc Ninh	103,608,000	0	103,608,000	100,000,000	3,608,000
2528	NNT22865	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Phường Hồng Hà, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000
2529	NNT19400	Nguyễn Thị Thu Giang	Phường Phú Diễn, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	100,000,000	4,167,000
2530	NNT24212	Nguyễn Thị Thạch	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2531	NNT22391	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Phường Xuân Phương, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	100,000,000	5,263,000

2532	NNT21016	Nguyễn Thị Nhung	P. Yên Sở, Hà Nội	127,427,000	0	127,427,000	100,000,000	27,427,000
2533	NNT22954	Nguyễn Thị Như Ngọc	Xã Hiệp Cường, Hưng Yên	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2534	NNT22992	Nguyễn Thị Minh Phương	Xã Đại Thanh, Hà Nội	118,577,000	0	118,577,000	100,000,000	18,577,000
2535	NNT24164	Nguyễn Thị Loan	Phường An Biên, Hải Phòng	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2536	NNT18668	Nguyễn Thị Lan Anh	Xã Hoài Đức, Hà Nội	110,679,000	0	110,679,000	100,000,000	10,679,000
2537	NNT21856	Nguyễn Thị Huyền Dung	P. Thục Phán, Cao Bằng	122,857,000	0	122,857,000	100,000,000	22,857,000
2538	NNT18637	Nguyễn Thị Hồng Quỳên	Xã Tứ Mỹ, Hà Tĩnh	152,500,000	0	152,500,000	100,000,000	52,500,000
2539	NNT20651	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	128,105,000	0	128,105,000	100,000,000	28,105,000
2540	NNT23635	Nguyễn Thị Hiền	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2541	NNT23516	Nguyễn Thị Hằng	Xã Gia Hanh, Hà Tĩnh	103,143,000	0	103,143,000	100,000,000	3,143,000
2542	NNT18285	Nguyễn Thị Hải Duyên	Xã Xuân Giang, Ninh Bình	125,052,000	0	125,052,000	100,000,000	25,052,000
2543	NNT23688	Nguyễn Thị Hà	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2544	NNT23941	Nguyễn Thị Dung	Xã Vạn Lộc, Thanh Hoá	115,753,633	13,712,633	102,041,000	100,000,000	2,041,000
2545	NNT17657	Nguyễn Thị Cừ	Xã Bát Tràng, Hà Nội	158,166,000	0	158,166,000	100,000,000	58,166,000
2546	NNT22584	Nguyễn Thị Chí	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	103,627,000	0	103,627,000	100,000,000	3,627,000

2547	NNT23501	Nguyễn Thị Bảy	Xã Trung Chính, Bắc Ninh	103,143,000	0	103,143,000	100,000,000	3,143,000
2548	NNT17351	Nguyễn Thanh Nguyệt	Phường Tây Hồ, Hà Nội	159,152,000	10,000,000	149,152,000	100,000,000	49,152,000
2549	NNT22469	Nguyễn Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	121,603,000	0	121,603,000	100,000,000	21,603,000
2550	NNT23942	Nguyễn Quốc Doanh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2551	NNT20369	Nguyễn Phương Linh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	100,000,000	5,820,000
2552	NNT17323	Nguyễn Nhị Khuyến	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	154,785,000	0	154,785,000	100,000,000	54,785,000
2553	NNT23653	Nguyễn Minh Tú	Phường Sơn Tây, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2554	NNT22097	Nguyễn Minh Ngọc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2555	NNT23801	Nguyễn Minh Huệ	Xã Nhân Hà, tỉnh Ninh Bình	115,176,438	15,176,438	100,000,000	100,000,000	0
2556	NNT21728	Nguyễn Mai Trang	Phường Kim Liên, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,000	6,952,000
2557	NNT22780	Nguyễn Khánh Lâm	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2558	NNT22986	Nguyễn Khắc Hiệp	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2559	NNT15292	Nguyễn Huệ Chi	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	167,538,000	0	167,538,000	100,000,000	67,538,000
2560	NNT21876	Nguyễn Hồng Nga	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	103,626,000	0	103,626,000	100,000,000	3,626,000
2561	NNT19290	Nguyễn Hà Thu Trang	Phường Đống Đa, Hà Nội	130,919,000	0	130,919,000	100,000,000	30,919,000

2562	NNT21112	Nguyễn Đức Kiên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2563	NNT23559	Nguyễn Đình Hiệu	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	106,186,000	0	106,186,000	100,000,000	6,186,000
2564	NNT23015	Nguyễn Anh Thư	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2565	NNT17165	Ngô Thị Trường	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	165,861,000	0	165,861,000	100,000,000	65,861,000
2566	NNT19964	Nghiêm Thị Kim Cương	Phường Hà Đông, Hà Nội	526,316,000	400,000,000	126,316,000	100,000,000	26,316,000
2567	NNT18516	Mai Thị The	Xã Xuân Hưng, Ninh Bình	131,411,000	0	131,411,000	100,000,000	31,411,000
2568	NNT22655	Lều Thị Hồng Vân	Phường Giảng Võ, hà Nội	108,108,000	0	108,108,000	100,000,000	8,108,000
2569	NNT24255	Lều Kim Thoa	Phường Đống Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2570	NNT19587	Lê Việt Dũng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	104,712,000	0	104,712,000	100,000,000	4,712,000
2571	NNT24096	Lê Văn Hiến	P. Phú Diễn, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2572	NNT21641	Lê Thị Tươi	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Ninh Bình	207,254,000	100,000,000	107,254,000	100,000,000	7,254,000
2573	NNT21897	Lê Thị Thu Phượng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2574	NNT22581	Lê Thị Thu Hương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2575	NNT22955	Lê Thị Thảo	Phường Đống Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2576	NNT19544	Lê Thị Sen	P. Mão Điền, Bắc Ninh	143,326,000	0	143,326,000	100,000,000	43,326,000

2577	NNT23528	Lê Thị Ngọc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2578	NNT20788	Lê Thanh Tùng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2579	NNT24185	Lê Ngọc Anh	P. Xuân Đình, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2580	NNT22242	Lã Thị Lệ	X. Ninh Giang, Ninh Bình	128,984,000	0	128,984,000	100,000,000	28,984,000
2581	NNT21828	Khiếu Thị Hằng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	106,831,000	0	106,831,000	100,000,000	6,831,000
2582	NNT22015	Hoàng Thu Thủy	Xã Đông Hưng, Hưng Yên	104,145,000	0	104,145,000	100,000,000	4,145,000
2583	NNT22241	Hoàng Thị Mai Phương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	124,143,000	0	124,143,000	100,000,000	24,143,000
2584	NNT22299	Hoàng Thị Duyên	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	122,857,000	0	122,857,000	100,000,000	22,857,000
2585	NNT23934	Hoàng Hà Thu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2586	NNT22323	Hồ Chiến Công	Xã Mai Sơn, Sơn La	124,120,000	0	124,120,000	100,000,000	24,120,000
2587	NNT23581	Hà Thị Quy	Xã Thanh Oai, Hà Nội	100,985,000	0	100,985,000	100,000,000	985,000
2588	NNT23724	Giáp Thị Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,000	3,093,000
2589	NNT18017	Dương Thị Thường	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	147,188,000	0	147,188,000	100,000,000	47,188,000
2590	NNT18859	Dương Đức Vinh	Xã Bát Bạt, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	100,000,000	5,820,000
2591	NNT19116	Đỗ Văn Thương	Phường Nam Định, Ninh Bình	149,492,000	0	149,492,000	100,000,000	49,492,000

2592	NNT22678	Đỗ Xuân Lý	Phường Xuân Đình, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,000	6,952,000
2593	NNT24259	Đinh Thị Nhân	X. Lương Sơn, Phú Thọ	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2594	NNT21956	Đào Việt Cường	P. Kim Liên, Hà Nội	122,857,000	0	122,857,000	100,000,000	22,857,000
2595	NNT19920	Đào Thị Thanh Minh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	128,723,000	0	128,723,000	100,000,000	28,723,000
2596	NNT12586	Đào Phan Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	230,354,000	0	230,354,000	100,000,000	130,354,000
2597	NNT22124	Đặng Trần Tuấn	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,000	6,952,000
2598	NNT22644	Đặng Thị Thu Hằng	Xã Quy Mỹ, Lào Cai	213,904,000	106,952,000	106,952,000	100,000,000	6,952,000
2599	NNT11221	Bùi Thị Vui	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2600	NNT23175	Bùi Thị Hải	Phường Lê Chân, Hải Phòng	101,010,000	0	101,010,000	100,000,000	1,010,000
2601	NNT23459	Bùi Minh Nghĩa	Phường Phương Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	100,000,000	0
2602	NNT20484	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	Phường Dương Nội, Hà Nội	147,049,328	0	147,049,328	100,000,000	47,049,328
2603	NNT22523	Lê Thị Tuyết	Xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh	105,742,000	0	105,742,000	100,000,000	5,742,000
2604	NNT22449	Nguyễn Mai Trang	Phường Kim Liên, Hà Nội	106,832,000	0	106,832,000	100,000,055	6,831,945
2605	NNT16145	Lê Thị Tuyết	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	189,863,000	0	189,863,000	100,000,055	89,862,945
2606	NNT19856	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,120	6,951,880

2607	NNT22730	Đinh Ngọc Thực	Phường Cửa Nam, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,120	6,951,880
2608	NNT22407	Nguyễn Thị Như Tâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	106,952,000	0	106,952,000	100,000,120	6,951,880
2609	NNT18381	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Phạm Sư Mạnh, Hải Phòng	155,862,000	0	155,862,000	100,000,150	55,861,850
2610	NNT20354	Lê Thị Bích Hiền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	135,710,000	0	135,710,000	100,000,156	35,709,844
2611	NNT24143	Bùi Ngọc Hiền	Phường Hà Đông, Hà Nội	102,041,000	0	102,041,000	100,000,180	2,040,820
2612	NNT23846	Nguyễn Thị Kim Dung	Phường Láng, Hà Nội	102,041,000	0	102,041,000	100,000,180	2,040,820
2613	NNT22869	Nguyễn Thị Hằng	Xã An Khánh, Hà Nội	102,041,000	0	102,041,000	100,000,180	2,040,820
2614	NNT17879	Nguyễn Thị Mơ	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	127,154,000	0	127,154,000	100,000,210	27,153,790
2615	NNT18144	Mai Văn Minh	Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình	128,170,000	0	128,170,000	100,000,210	28,169,790
2616	NNT23116	Hà Thị Loan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,210	3,092,790
2617	NNT18122	Bùi Thị Minh Hằng	Phường Thành Vinh, Nghệ An	103,093,000	0	103,093,000	100,000,210	3,092,790
2618	NNT24117	Bùi Thị Kim Dung	Xã Vĩnh Bảo, Hải Phòng	103,093,000	0	103,093,000	100,000,210	3,092,790
2619	NNT23124	Nguyễn Như Sơn	Phường Hồng Hà, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	100,000,240	3,092,760
2620	NNT19388	Nguyễn Hương Quỳnh	Phường Hà Đông, Hà Nội	113,843,000	0	113,843,000	100,000,320	13,842,680
2621	NNT16960	Nguyễn Thị Tuyết	Xã Hoài Đức, Hà Nội	151,543,000	0	151,543,000	100,000,371	51,542,629

2622	NNT18236	Bùi Thị Tuyền	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	149,529,000	0	149,529,000	100,000,530	49,528,470
2623	NNT20604	Vũ Văn Anh	Xã Quỳ Nhất, Ninh Bình	129,461,000	0	129,461,000	100,000,550	29,460,450
2624	NNT14821	Đỗ Thị Kim Định	Phường Phú Diễn, Hà Nội	184,784,000	0	184,784,000	100,000,640	84,783,360
2625	NNT19977	Trịnh Thị Thủy	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	130,153,000	0	130,153,000	100,001,000	30,152,000
2626	NNT19906	Trần Hoàng Nam	X. Bình Lục, Ninh Bình	253,796,000	125,769,000	128,027,000	100,001,000	28,026,000
2627	NNT18286	Trần Thị Mai	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	147,965,000	0	147,965,000	100,007,000	47,958,000
2628	NNT17314	Mai Đức Hoan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	165,580,000	0	165,580,000	100,084,000	65,496,000
2629	NNT15241	Lê Bích Hường	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	346,547,028	52,692,014	293,855,014	100,105,986	193,749,028
2630	NNT22542	Lê Quang Hà	X. Lương Sơn, Phú Thọ	139,037,000	20,856,000	118,181,000	100,107,000	18,074,000
2631	NNT20666	Tăng Thị Đào	Xã Vạn Lộc, Thanh Hoá	106,500,000	0	106,500,000	100,110,000	6,390,000
2632	NNT22048	Phạm Thị Thanh Tâm	P. Thanh Xuân, Hà Nội	123,710,000	0	123,710,000	100,194,855	23,515,145
2633	NNT19482	Đặng Văn Sự	Xã Trung Giã, Hà Nội	152,932,000	0	152,932,000	100,200,000	52,732,000
2634	NNT13305	Bùi Thị Mây	Phường Sơn Tây, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	100,307,000	99,693,000
2635	NNT17734	Võ Phương Hoa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	185,914,723	0	185,914,723	100,324,545	85,590,178
2636	NNT23371	Chu Văn Phương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	101,546,000	0	101,546,000	100,515,000	1,031,000

2637	NNT22504	Nguyễn Thị Thùy Dung	Xã Vụ Bản, Ninh Bình	104,167,000	0	104,167,000	100,521,155	3,645,845
2638	NNT22501	Vũ Thị Minh Phương	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	104,167,000	0	104,167,000	100,521,155	3,645,845
2639	NNT20331	Nguyễn Thị Minh Hòa	Phường Trần Biên, Đồng Nai	105,263,000	0	105,263,000	100,526,000	4,737,000
2640	NNT15977	Nguyễn Phương Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	100,736,000	110,904,000
2641	NNT17256	Hoàng Thị Ngân Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	164,474,000	0	164,474,000	100,768,000	63,706,000
2642	NNT18749	Hoàng Thanh Sơn	Phường Đồng Đa, Hà Nội	181,623,000	0	181,623,000	100,831,000	80,792,000
2643	NNT12792	Đương Quốc Thắng	Phường Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	160,000,000	0	160,000,000	100,894,000	59,106,000
2644	NNT23745	Vũ Thị Sáu	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	101,010,000	0
2645	NNT19120	Nguyễn Khắc Đạt	Phường Phương Liệt, Hà Nội	132,998,000	0	132,998,000	101,058,100	31,939,900
2646	NNT18374	Lê Mai Quỳnh Liên	Phường Yên Hoà, Hà Nội	131,000,000	0	131,000,000	101,275,000	29,725,000
2647	NNT11887	Phạm Thị Bích Dược	Phường Bạch Mai, Hà Nội	933,026,000	0	933,026,000	101,281,165	831,744,835
2648	NNT17910	Lê Thanh Sơn	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	145,883,000	0	145,883,000	101,473,000	44,410,000
2649	NNT20509	Bùi Sao Mai	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	158,201,000	0	158,201,000	101,799,000	56,402,000
2650	NNT16303	Nguyễn Thị Nhã	Phường Tây Tựu, Hà Nội	125,130,000	0	125,130,000	101,850,000	23,280,000
2651	NNT16193	Hoàng Kim Hạnh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	214,583,000	0	214,583,000	102,000,000	112,583,000

2652	NNT11379	Nguyễn Thị Hằng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	790,493,271	237,124,446	553,368,825	102,022,515	451,346,310
2653	NNT22686	Khổng Thị Phương	Xã Quang Minh, Hà nội	103,080,000	0	103,080,000	102,050,000	1,030,000
2654	NNT23639	Trần Thị Ái	Phường Thành Sen, Hà Tĩnh	103,093,000	0	103,093,000	102,062,000	1,031,000
2655	NNT13865	Phan Thị Tám	Xã Đại Thanh, Hà Nội	280,000,000	120,000,000	160,000,000	102,150,000	57,850,000
2656	NNT14397	Lê Thị Hồng Oanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	549,186,000	343,000,000	206,186,000	102,168,000	104,018,000
2657	NNT22018	Trần Trọng Phương	Phường Hồng Hà, Hà Nội	126,144,000	0	126,144,000	102,176,000	23,968,000
2658	NNT18059	Nguyễn Huyền Trang	Phường Hồng Hà, Hà Nội	200,000,000	80,700,000	119,300,000	102,255,000	17,045,000
2659	NNT16307	Nguyễn Thị Tàn	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	315,786,000	157,893,000	157,893,000	102,357,000	55,536,000
2660	NNT20384	Phạm Ngọc Mai Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	306,185,000	94,500,000	211,685,000	102,416,000	109,269,000
2661	NNT17761	Phạm Đình Sơn	Xã Hồng Vân, Hà Nội	161,583,000	0	161,583,000	102,537,000	59,046,000
2662	NNT18694	Nguyễn Ngọc Thành	Phường Khương Đình, Hà Nội	210,000,000	98,000,000	112,000,000	102,550,000	9,450,000
2663	NNT01858	Đỗ Đình Vũ	Phường Tây Hồ, Hà Nội	636,894,000	0	636,894,000	102,632,000	534,262,000
2664	NNT20133	Lưu Đức Nhất	Phường Yên Hòa, Hà Nội	218,579,000	32,787,000	185,792,000	102,644,000	83,148,000
2665	NNT19216	Vũ Thanh Ý	Xã Xuân Giang, Tỉnh Ninh Bình	134,481,000	0	134,481,000	102,720,000	31,761,000
2666	NNT00295	Nguyễn Thị Hiền	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	246,153,000	0	246,153,000	102,874,000	143,279,000

2667	NNT13802	Đỗ Thị Thu Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	190,755,000	0	190,755,000	102,997,000	87,758,000
2668	NNT23078	Nguyễn Đức Khắc	Xã Hoàng Văn, Tỉnh Bắc Ninh	103,092,000	0	103,092,000	103,092,000	0
2669	NNT13048	Nguyễn Thị Hồng	Xã Thanh Oai, Hà Nội	242,316,000	75,000,000	167,316,000	103,104,000	64,212,000
2670	NNT12087	Nguyễn Thị Kim Điện	Xã Nam Thái Ninh, Hưng Yên	207,475,000	31,370,000	176,105,000	103,153,000	72,952,000
2671	NNT14895	Lê Thị Sen	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	477,614,726	271,428,726	206,186,000	103,188,000	102,998,000
2672	NNT16286	Đỗ Thị Giang	Phường Khương Đình, Hà Nội	199,035,000	0	199,035,000	103,216,000	95,819,000
2673	NNT16984	Hà Thị Hường	Xã Ô Diên, Hà Nội	131,313,000	0	131,313,000	103,276,000	28,037,000
2674	NNT21712	Nguyễn Thị Hương	Xã Thái Bình, tỉnh Tuyên Quang	136,125,000	0	136,125,000	103,455,000	32,670,000
2675	NNT14344	Trần Thị Dung	Xã Vân Đình, Hà Nội	213,922,000	0	213,922,000	103,670,000	110,252,000
2676	NNT14647	Vũ Thanh Nga	Phường Đồng Đa, Hà Nội	203,157,000	11,526,150	191,630,850	103,804,725	87,826,125
2677	NNT16790	Trần Viết Nường	Phường Sơn Tây, Hà Nội	147,123,000	0	147,123,000	103,872,000	43,251,000
2678	NNT15407	Lưu Tuyết Hà	Phường Phú Thượng, Hà Nội	611,991,000	0	611,991,000	104,038,000	507,953,000
2679	NNT17089	Nguyễn Thị Viên	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	351,759,000	154,362,000	197,397,000	104,138,000	93,259,000
2680	NNT15671	Nguyễn Minh Quang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	207,254,000	10,000,000	197,254,000	104,158,000	93,096,000
2681	NNT13955	Đặng Quang Chí	Phường Ba Đình, Hà Nội	253,776,329	46,776,329	207,000,000	104,240,000	102,760,000

2682	NNT12364	Phạm Quỳnh Hoa	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	342,130,000	0	342,130,000	104,268,000	237,862,000
2683	NNT16184	Trương Hải Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	241,160,000	120,580,000	120,580,000	104,328,000	16,252,000
2684	NNT24360	Cún Thị Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	104,348,000	0	104,348,000	104,348,000	0
2685	NNT21343	Văn Thị Len	Xã Bình Sơn, Ninh Bình	117,571,000	0	117,571,000	104,460,000	13,111,000
2686	NNT20102	Lê Đình Khiêm	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	158,730,000	22,540,000	136,190,000	104,465,000	31,725,000
2687	NNT19182	Đặng Thị Thanh Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	157,866,000	0	157,866,000	104,499,000	53,367,000
2688	NNT12236	Lê Quang Huy	Phường Sơn Tây, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	104,585,000	95,415,000
2689	NNT22783	Lê Thị Phương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	128,342,000	0	128,342,000	104,658,770	23,683,230
2690	NNT12640	Lê Quang Vinh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	216,413,000	0	216,413,000	104,701,000	111,712,000
2691	NNT15111	Vũ Hoàng Lộc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	200,000,000	26,500,000	173,500,000	104,900,000	68,600,000
2692	NNT15965	Lê Thị Minh Thanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	585,778,773	186,473,386	399,305,387	104,966,614	294,338,773
2693	NNT20061	Đặng Tất Thắng	Phường Tương Mai, Hà Nội	213,903,000	95,000,000	118,903,000	104,999,305	13,903,695
2694	NNT20473	Thắm Thị Ngọc Thuần	Phường Hồng Hà, Hà Nội	110,820,000	0	110,820,000	105,000,000	5,820,000
2695	NNT20734	Nguyễn Thị Huyền	Phường Trạm Lôi, Bắc Ninh	250,000,000	140,000,000	110,000,000	105,000,000	5,000,000
2696	NNT18076	Nguyễn Thúy Liễu	Xã Yên Hòa, Hà Tĩnh	194,809,000	29,221,000	165,588,000	105,044,000	60,544,000

2697	NNT19754	Trần Huy Hiến	Xã Gia Lâm, Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	105,050,000	4,950,000
2698	NNT21131	Nguyễn Thị Liên	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	140,749,000	0	140,749,000	105,050,000	35,699,000
2699	NNT11321	Nguyễn Thùy Tin	Xã Tây Hồ, Đà Nẵng	223,207,000	0	223,207,000	105,092,335	118,114,665
2700	NNT20381	Trần Quang Tâm	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	155,000,000	23,814,000	131,186,000	105,311,000	25,875,000
2701	NNT15302	Nguyễn Thanh Nga	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	791,457,025	271,262,025	520,195,000	105,467,975	414,727,025
2702	NNT18632	Phạm Thị Quỳnh Trang	Phường Hạ Long, Quảng Ninh	162,493,000	20,000,000	142,493,000	105,602,000	36,891,000
2703	NNT17448	Lê Hồng Ngọc	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	105,639,000	94,361,000
2704	NNT23707	Vũ Liên Thảo	Phường Xuân Đình, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	105,820,000	0
2705	NNT23710	Trịnh Thị Ngọc	Xã Khúc Thừa Dụ, Hải Phòng	105,820,000	0	105,820,000	105,820,000	0
2706	NNT11573	Hoàng Thị Anh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	579,234,000	0	579,234,000	105,833,000	473,401,000
2707	NNT23042	Nguyễn Thị Trà Vinh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	122,000,000	15,860,000	106,140,000	106,140,000	0
2708	NNT16318	Nguyễn Viết Vỹ	Phường Tây Tựu/Đông Ngạc/Thượng Cát, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	106,174,000	112,405,000
2709	NNT16365	Phạm Thế Nhân	Xã Rạng Đông, Ninh Bình	486,917,397	105,836,397	381,081,000	106,351,603	274,729,397
2710	NNT14856	Nguyễn Ngọc Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	106,371,000	93,629,000
2711	NNT11210	Trần Thúy Hồng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	448,223,000	0	448,223,000	106,396,000	341,827,000

2712	NNT20824	Phan Đắc Sơn	Xã Nguyên Giáp, Hải Phòng	130,208,000	0	130,208,000	106,511,000	23,697,000
2713	NNT21542	Ngô Tấn	Phường Hồng Hà, Hà Nội	152,654,000	0	152,654,000	106,549,000	46,105,000
2714	NNT13296	Nguyễn Thị Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	253,061,000	0	253,061,000	106,601,000	146,460,000
2715	NNT12205	Nguyễn Thị Sung	Xã Cổ Đô, Hà Nội	246,392,000	0	246,392,000	106,652,000	139,740,000
2716	NNT16947	Hoàng Thị Hằng Nga	Phường Hà Đông, Hà Nội	191,856,000	0	191,856,000	106,700,000	85,156,000
2717	NNT17782	Nguyễn Phương Nguyên	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,500,000,000	682,500,000	817,500,000	106,930,000	710,570,000
2718	NNT01892	Đỗ Thị Huyền	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,051,429,363	155,621,363	895,808,000	107,026,000	788,782,000
2719	NNT21517	Lê Thị Minh Thanh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	154,639,000	0	154,639,000	107,208,000	47,431,000
2720	NNT13828	Đặng Hoàng Trung	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	154,639,000	0	154,639,000	107,393,000	47,246,000
2721	NNT15601	Nguyễn Quốc Huy	Phường Lê Chân, Hải Phòng	299,176,000	0	299,176,000	107,500,000	191,676,000
2722	NNT14594	Hà Thị Thanh Nga	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	466,964,812	142,680,912	324,283,900	107,502,088	216,781,812
2723	NNT13008	Nguyễn Thị Minh Hồng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	950,007,000	0	950,007,000	107,530,000	842,477,000
2724	NNT23814	Đinh Hồng Ngọc	Phường Cửa Nam, Hà Nội	141,950,000	34,294,000	107,656,000	107,656,000	0
2725	NNT15104	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Kim Liên, Hà Nội	527,893,000	0	527,893,000	107,936,593	419,956,407
2726	NNT20240	Trần Thị Thanh Bình	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	258,535,945	46,895,945	211,640,000	107,981,589	103,658,411

2727	NNT21699	Nguyễn Thị Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	118,000,000	0	118,000,000	108,000,000	10,000,000
2728	NNT21655	Thiều Quang Tương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	150,000,000	22,500,000	127,500,000	108,000,000	19,500,000
2729	NNT14098	Hoàng Đình Thung	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	236,429,734	28,760,734	207,669,000	108,016,000	99,653,000
2730	NNT15470	Nguyễn Kim Dung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,000,000,000	840,000,000	160,000,000	108,103,000	51,897,000
2731	NNT13288	Nguyễn Thị Thuận	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	922,994,000	55,000,000	867,994,000	108,134,990	759,859,010
2732	NNT11835	Phạm Thị Vui	Phường Yên Hoà, Hà Nội	1,429,012,000	0	1,429,012,000	108,240,750	1,320,771,250
2733	NNT11741	Trần Thị Kim Liên	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	519,116,142	300,537,142	218,579,000	108,323,785	110,255,215
2734	NNT22068	Phan Bích Thủy	Phường Kim Liên, Hà Nội	150,537,000	22,581,000	127,956,000	108,432,000	19,524,000
2735	NNT15593	Nguyễn Thị Tòng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	263,211,000	39,482,000	223,729,000	108,545,000	115,184,000
2736	NNT16380	Đào Thị Thân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	239,789,000	55,000,000	184,789,000	108,671,000	76,118,000
2737	NNT18006	Lê Thanh Hà	Phường Hà Đông, Hà Nội	208,333,000	20,000,000	188,333,000	108,837,250	79,495,750
2738	NNT15528	Nguyễn Thị Tỷ	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	247,292,000	55,062,085	192,229,915	108,850,000	83,379,915
2739	NNT02116	Lê Thị Hoài Nam	Chung cư Mỹ Phú, 60/80 Lâm Văn Bền, phường Tân Hưng, Hồ Chí Minh	915,788,000	15,000,000	900,788,000	108,896,180	791,891,820
2740	NNT19077	Phạm Thị Thảo	Phường Việt Hưng, Hà Nội	264,967,000	102,083,000	162,884,000	109,114,000	53,770,000
2741	NNT14724	Nguyễn Ngọc Hiếu	Phường Tây Tựu, Hà Nội	442,171,000	123,210,000	318,961,000	109,225,000	209,736,000

2742	NNT24305	Đỗ Long Giang	Phường Thụ Vũ, Hưng Yên	109,287,000	0	109,287,000	109,287,000	0
2743	NNT18990	Nguyễn Thị Nga	Phường Phương Liệt, Hà Nội	433,600,599	50,107,300	383,493,299	109,330,700	274,162,599
2744	NNT13351	Nguyễn Thị Kết	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	381,041,001	0	381,041,001	109,335,000	271,706,001
2745	NNT12361	Nguyễn Thị Yến	Xã Vật Lại, Hà Nội	125,640,000	0	125,640,000	109,453,000	16,187,000
2746	NNT01466	Nguyễn Thị Bích	Xã Bình Minh, Hà Nội	743,402,000	3,000,000	740,402,000	109,460,000	630,942,000
2747	NNT21524	Nguyễn Vũ Hương Thảo	Phường Bồ Đề, Hà Nội	139,175,000	0	139,175,000	109,600,000	29,575,000
2748	NNT23850	Tạ Thị Phương Lan		317,864,000	208,250,000	109,614,000	109,614,000	0
2749	NNT14260	Lê Văn Thịnh	Xã Ái Quốc, Hải Phòng	429,483,000	0	429,483,000	109,780,175	319,702,825
2750	NNT18213	Nguyễn Thị Thu	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	142,525,000	0	142,525,000	109,998,000	32,527,000
2751	NNT17286	Đỗ Văn Mạnh	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	181,355,000	0	181,355,000	109,999,151	71,355,849
2752	NNT15686	Nguyễn Thu Giang	Phường Kim Liên, Hà Nội	180,666,000	0	180,666,000	110,000,000	70,666,000
2753	NNT21588	Nguyễn Thị Ngân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	126,344,000	0	126,344,000	110,000,000	16,344,000
2754	NNT21907	Phạm Thị Ngọc Lan	Phường Khương Đình, Hà Nội	207,793,000	90,000,000	117,793,000	110,000,000	7,793,000
2755	NNT21677	Dương Văn Quang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	260,417,000	140,000,000	120,417,000	110,000,000	10,417,000
2756	NNT23209	Đỗ Thị Thía	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	110,000,000	0

2757	NNT13232	Đào Thị Thảo	Phường Bạch Mai, Hà Nội	487,280,785	235,275,785	252,005,000	110,000,000	142,005,000
2758	NNT22517	Cao Thị Đan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	110,000,000	0
2759	NNT17760	Trần Văn Duyệt	Phường Mỹ Lộc, Ninh Bình	142,193,000	0	142,193,000	110,000,460	32,192,540
2760	NNT19853	Nguyễn Văn Sỹ	Phường Việt Hưng, Hà Nội	167,958,000	0	167,958,000	110,000,945	57,957,055
2761	NNT13178	Nguyễn Thành Nam	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	251,756,000	0	251,756,000	110,160,000	141,596,000
2762	NNT18830	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Xã Mường Ảng, Điện Biên	222,262,505	29,333,274	192,929,231	110,166,751	82,762,480
2763	NNT01777	Vũ Thị Linh	X. Vân Đình, Hà Nội	301,638,000	0	301,638,000	110,378,000	191,260,000
2764	NNT18090	Nguyễn Minh Trang	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	110,405,000	89,595,000
2765	NNT16893	Hồ Thị Luận	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	200,000,000	5,000,000	195,000,000	110,433,000	84,567,000
2766	NNT15751	Nguyễn Thị Giang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	310,897,000	11,171,000	299,726,000	110,484,711	189,241,289
2767	NNT13883	Nguyễn Thị Hiền	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	110,575,000	89,425,000
2768	NNT17874	Phạm Thị Thu Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	200,000,000	29,000,000	171,000,000	110,577,000	60,423,000
2769	NNT17629	Dương Thị Ngọc Chúc	Phường Kim Liên, Hà Nội	163,935,000	0	163,935,000	110,637,000	53,298,000
2770	NNT18264	Phạm Anh Tuấn	Phường Giảng Võ, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	110,722,000	39,278,000
2771	NNT01997	Nguyễn Văn Sánh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	268,476,000	0	268,476,000	110,838,000	157,638,000

2772	NNT22208	Chu Thị Thúy	Xã An Khánh, Hà Nội	139,042,000	0	139,042,000	110,846,000	28,196,000
2773	NNT20187	Nguyễn Thị Lâm Hạnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	153,005,000	0	153,005,000	110,900,000	42,105,000
2774	NNT19882	Nguyễn Đại Dương	Xã Sơn Đông, Phú Thọ	155,263,000	10,000,000	145,263,000	111,000,000	34,263,000
2775	NNT15335	Nguyễn Bảo Anh	Xã Đại Thanh, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	111,000,000	95,185,000
2776	NNT15661	Nguyễn Thị Hậu	Phường Dương Nội, Hà Nội	244,253,771	44,555,771	199,698,000	111,019,574	88,678,426
2777	NNT16595	Nguyễn Thị Thùy Dung	Phường Từ Liêm, Hà Nội	202,345,000	0	202,345,000	111,044,000	91,301,000
2778	NNT14766	Lê Võ Thủy Tiên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	250,633,000	0	250,633,000	111,049,164	139,583,836
2779	NNT22441	Nguyễn Thị Hương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	111,397,000	38,603,000
2780	NNT22191	Nguyễn Thái Phong	Xã Đại Phúc, Thái Nguyên	163,934,000	24,605,000	139,329,000	111,461,000	27,868,000
2781	NNT20701	Trần Thị Hồng Tư	Xã Thạch Hà, Hà Tĩnh	165,657,000	0	165,657,000	111,520,000	54,137,000
2782	NNT17141	Nguyễn Thị Hồng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	867,794,000	500,000,000	367,794,000	111,604,000	256,190,000
2783	NNT21017	Nguyễn Thị Gấm	Phường Việt Hưng, Hà Nội	154,639,000	7,732,000	146,907,000	111,713,620	35,193,380
2784	NNT14876	Hoàng Thị Vân	Xã Đông Anh, Hà Nội	182,540,000	0	182,540,000	111,762,000	70,778,000
2785	NNT17480	Hoàng Ngọc Tấn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	310,674,149	97,851,575	212,822,574	111,991,000	100,831,574
2786	NNT16919	Tô Thị Hường	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	161,223,000	0	161,223,000	112,171,702	49,051,298

2787	NNT15619	Cao Thị Bông	Phường Sơn Tây, Hà Nội	275,789,000	0	275,789,000	112,203,000	163,586,000
2788	NNT18233	Vũ Tuyết Nhung	Phường Ba Đình, Hà Nội	258,331,000	18,360,000	239,971,000	112,327,000	127,644,000
2789	NNT19190	Lương Thị Thịnh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	500,000,000	275,006,000	224,994,000	112,494,000	112,500,000
2790	NNT13229	Vũ Kim Mười	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	776,249,006	171,343,003	604,906,003	112,497,000	492,409,003
2791	NNT18689	Nguyễn Văn Phương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	208,333,000	65,000,000	143,333,000	112,500,000	30,833,000
2792	NNT15465	Nguyễn Đức Trung	Phường Tương Mai, Hà Nội	493,276,000	200,000,000	293,276,000	112,805,000	180,471,000
2793	NNT23483	Hoàng Thanh Chung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	125,000,000	9,375,000	115,625,000	112,925,000	2,700,000
2794	NNT13932	Nguyễn Thị Hoàng Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	113,067,000	5,490,000
2795	NNT16883	Nguyễn Thu Hiền	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	188,185,000	0	188,185,000	113,109,000	75,076,000
2796	NNT12618	Đào Thị Kim Dung	P. Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	113,121,000	86,879,000
2797	NNT17654	Phùng Vũ Trang	Xã Gia Lâm, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	113,241,000	105,338,000
2798	NNT18142	Nguyễn Thị Lan Hương	Phường Sơn Tây, Hà Nội	177,835,000	0	177,835,000	113,465,950	64,369,050
2799	NNT10869	Đào Thị Việt Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	368,247,277	133,040,642	235,206,635	113,541,547	121,665,088
2800	NNT12482	Nguyễn Văn Toàn	Phường Kim Liên, Hà Nội	335,106,000	0	335,106,000	113,553,000	221,553,000
2801	NNT12564	Lê Thị Diệu Thúy	P. Ba Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	113,581,000	86,419,000

2802	NNT18163	Nguyễn Phương Thảo	Phường Xuân Đình, Hà Nội	218,579,000	32,787,000	185,792,000	113,628,000	72,164,000
2803	NNT23660	Lê Thị Nhất	Xã Đồng Tiến, Thanh Hoá	116,515,000	0	116,515,000	113,628,657	2,886,343
2804	NNT19441	Phạm Hoàng Anh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	245,580,607	83,584,607	161,996,000	113,744,000	48,252,000
2805	NNT13589	Nguyễn Thanh Châu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	209,424,000	0	209,424,000	114,000,000	95,424,000
2806	NNT22110	Nguyễn Thị Linh	Xã Giai Lạc, Nghệ An	525,000,000	409,900,000	115,100,000	114,125,000	975,000
2807	NNT16402	Hồ Thu Hằng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	322,324,000	75,000,000	247,324,000	114,365,550	132,958,450
2808	NNT21608	Hoàng Văn Hải	Xã Ô Diên, Hà Nội	145,003,000	12,500,000	132,503,000	114,627,834	17,875,166
2809	NNT11012	Nguyễn Thị Phương Hoa	Phường Tương Mai, Hà Nội	657,060,102	50,555,889	606,504,213	114,671,500	491,832,713
2810	NNT20769	Phan Kim Liên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	510,000,000	325,008,000	184,992,000	114,678,000	70,314,000
2811	NNT18644	Nguyễn Thị Liên	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	178,549,000	0	178,549,000	114,700,000	63,849,000
2812	NNT24024	Nguyễn Đức Dự	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	140,000,000	21,000,000	119,000,000	114,716,000	4,284,000
2813	NNT15376	Phan Trường Linh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	114,790,000	85,210,000
2814	NNT16711	Phạm Thị Hương Giang	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	114,852,000	85,148,000
2815	NNT17922	Nguyễn Hoàng Dương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	385,567,000	182,000,000	203,567,000	114,962,000	88,605,000
2816	NNT17997	Nguyễn Văn Vinh	Xã Đồng Lộc, Hà Tĩnh	200,115,842	48,445,842	151,670,000	114,984,000	36,686,000

2817	NNT16115	Phạm Thị Thanh	Phường Hồng An, Hải Phòng	211,640,000	0	211,640,000	115,000,000	96,640,000
2818	NNT15277	Phan Thị Thanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	315,266,000	146,000,000	169,266,000	115,001,000	54,265,000
2819	NNT12400	Nguyễn Thị Liên	Phường Tây Hồ, Hà Nội	263,743,000	0	263,743,000	115,149,000	148,594,000
2820	NNT18839	Thái Văn Dũng	Xã Tiền Hải, Hưng Yên	418,233,074	134,793,074	283,440,000	115,206,946	168,233,054
2821	NNT16514	Phạm Thị Phó	Phường Cửa Nam, hà nội	217,014,000	0	217,014,000	115,386,000	101,628,000
2822	NNT22005	Nguyễn Thị Thanh Tịnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	160,963,000	24,144,000	136,819,000	115,393,000	21,426,000
2823	NNT14296	Trần Thu Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	172,763,000	0	172,763,000	115,473,700	57,289,300
2824	NNT22667	Nguyễn Bảo Ngọc	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	160,428,000	24,064,000	136,364,000	115,508,180	20,855,820
2825	NNT18434	Đinh Hữu Thọ	Phường Giảng Võ, Hà Nội	168,101,000	0	168,101,000	115,515,000	52,586,000
2826	NNT17531	Nguyễn Hồng Quân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	147,792,000	0	147,792,000	115,574,873	32,217,127
2827	NNT00006	Trần Thị Thịnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	227,101,000	0	227,101,000	115,593,000	111,508,000
2828	NNT15062	Đặng Thị Bích Hồng	Xã Đức Thịnh, Hà Tĩnh	414,275,000	0	414,275,000	116,162,000	298,113,000
2829	NNT19273	Bùi Thị Thanh Phương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	227,686,000	34,153,000	193,533,000	116,355,680	77,177,320
2830	NNT15428	Trần Đình Toàn	Phường Bạch Mai, Hà Nội	323,651,000	0	323,651,000	116,356,000	207,295,000
2831	NNT11094	Đỗ Thị Duyên	Xã Mỹ Sở, Hưng Yên	320,000,000	0	320,000,000	116,379,000	203,621,000

2832	NNT23411	Trần Xuân Phú	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	129,436,000	13,000,000	116,436,000	116,436,000	0
2833	NNT11254	Bùi Thị Loan	Phường Bảy Hiền, TP Hồ Chí Minh	272,440,000	0	272,440,000	116,500,020	155,939,980
2834	NNT10935	Phạm Thị Sính	Phường Giảng Võ, Hà Nội	290,764,000	0	290,764,000	116,540,000	174,224,000
2835	NNT21178	Ngô Phương Loan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	116,562,000	5,131,000
2836	NNT17890	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	215,054,000	32,258,000	182,796,000	116,688,000	66,108,000
2837	NNT18278	Bùi Thị Tâm	Xã Lương Văn Tri, Lạng Sơn	210,000,000	0	210,000,000	116,782,000	93,218,000
2838	NNT17569	Phạm Đức Tài	Xã Lâm Thao, Tỉnh Bắc Ninh	330,944,000	158,140,000	172,804,000	116,888,612	55,915,388
2839	NNT16608	Vũ Thị Cộng Hòa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	175,527,000	16,129,000	159,398,000	116,901,765	42,496,235
2840	NNT19829	Phùng Thị Thanh Vân	Phường Nam Định, Ninh Bình	142,857,000	0	142,857,000	117,000,000	25,857,000
2841	NNT16639	Nguyễn Thị Minh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	211,458,000	5,000,000	206,458,000	117,315,000	89,143,000
2842	NNT14239	Dương Thị Thơm	Phường Láng, Hà Nội	237,744,000	0	237,744,000	117,318,000	120,426,000
2843	NNT22185	Nguyễn Minh Phương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	125,416,000	0	125,416,000	117,332,840	8,083,160
2844	NNT16917	Vũ Văn Bình	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	117,414,000	101,165,000
2845	NNT14618	Trịnh Thị Vân	Xã Bình An, Tỉnh Ninh Bình	188,285,000	0	188,285,000	117,450,000	70,835,000
2846	NNT13691	Nguyễn Thị Tuyết Linh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	382,768,000	141,000,000	241,768,000	117,450,020	124,317,980

2847	NNT20199	Đặng Thị Hải	Phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ	158,730,000	0	158,730,000	117,500,000	41,230,000
2848	NNT11889	Mai Thị Thủy	Phường Bồ Đề, Hà Nội	216,485,000	0	216,485,000	117,716,070	98,768,930
2849	NNT21685	Nguyễn Công Dũng	Phường Hà Đông, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	117,750,000	82,250,000
2850	NNT19372	Hà Như Quỳnh	P. Xuân Đình, Hà Nội	161,252,000	0	161,252,000	117,762,000	43,490,000
2851	NNT22497	Nguyễn Thị Bích	Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh	150,000,000	32,224,000	117,776,000	117,776,000	0
2852	NNT11313	Trương Khắc Chuyên	Phường Võ Cường, Bắc Ninh	370,996,000	0	370,996,000	117,842,000	253,154,000
2853	NNT16881	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Vinh Phú, Nghệ An	166,001,000	0	166,001,000	117,900,000	48,101,000
2854	NNT18619	Lê Thị Dung	Phường Quan Triều, Thái Nguyên	155,440,000	0	155,440,000	117,999,680	37,440,320
2855	NNT17679	Nguyễn Hữu Trọng	Phường Kim Liên, Hà Nội	205,820,000	0	205,820,000	118,032,000	87,788,000
2856	NNT00320	Hoàng Thị Hạnh	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	346,111,000	0	346,111,000	118,090,000	228,021,000
2857	NNT21737	Đỗ Phương Linh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	151,799,000	0	151,799,000	118,140,785	33,658,215
2858	NNT14708	Nguyễn Thị Yên	Phường Bạch Mai, Hà Nội	277,708,000	100,000,000	177,708,000	118,200,000	59,508,000
2859	NNT21437	Vũ Thị Nga	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	430,107,000	180,020,000	250,087,000	118,213,490	131,873,510
2860	NNT20768	Trần Thị Phương Lan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	172,507,000	0	172,507,000	118,235,000	54,272,000
2861	NNT01793	Nguyễn Thị Hằng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	482,104,000	0	482,104,000	118,751,000	363,353,000

2862	NNT15697	Lăng Thị Thủy	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	191,038,000	0	191,038,000	118,776,000	72,262,000
2863	NNT14703	Võ Thị Minh Hằng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	251,449,000	0	251,449,000	118,943,000	132,506,000
2864	NNT21939	Đặng Hồng Hạnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	144,228,000	0	144,228,000	118,999,876	25,228,124
2865	NNT20220	Nguyễn Thị Kiều Ngọc	Xã Mai Sơn, Sơn La	159,245,000	31,000,000	128,245,000	119,000,000	9,245,000
2866	NNT20759	Nguyễn Nguyệt Anh	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	154,950,000	0	154,950,000	119,025,000	35,925,000
2867	NNT15584	Trịnh Thùy Linh	Phường Hà Đông, Hà Nội	153,092,000	0	153,092,000	119,030,000	34,062,000
2868	NNT17263	Ngô Thị Sơn Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	249,126,000	0	249,126,000	119,069,000	130,057,000
2869	NNT18802	Phan Thị Ngọc Anh	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	296,296,000	100,000,000	196,296,000	119,164,000	77,132,000
2870	NNT17297	Nguyễn Thị Hồng Minh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	252,186,000	0	252,186,000	119,235,695	132,950,305
2871	NNT21985	Nguyễn Thị Phương Thanh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	151,515,000	0	151,515,000	119,279,000	32,236,000
2872	NNT15645	Đỗ Thị Thủy	Phường Hà Đông, Hà Nội	184,422,000	0	184,422,000	119,400,000	65,022,000
2873	NNT12062	Nguyễn Diệu Linh	Phường Khương Đình, Hà Nội	234,973,000	0	234,973,000	119,451,000	115,522,000
2874	NNT14580	Lê Thị Thanh Mai	Phường Giảng Võ, Hà Nội	222,214,000	0	222,214,000	119,498,000	102,716,000
2875	NNT13864	Phạm Minh Thi	Phường Khương Đình, Hà Nội	347,168,000	0	347,168,000	119,527,000	227,641,000
2876	NTT00144	Phạm Minh Lý	Phường Kim Liên, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	119,527,000	86,658,000

2877	NNT16523	Nguyễn Thị Cũ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	411,267,063	100,584,063	310,683,000	119,563,718	191,119,282
2878	NNT22203	Nguyễn Thị Bích Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	156,113,723	30,136,723	125,977,000	119,606,000	6,371,000
2879	NNT22806	Phan Thanh Thanh Chúc	Phường Khương Đình, Hà Nội	172,979,460	41,353,460	131,626,000	119,610,000	12,016,000
2880	NNT19228	Trịnh Thị Hằng	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	119,611,000	39,119,000
2881	NNT24384	Vũ Việt Bắc	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	119,642,000	0	119,642,000	119,642,000	0
2882	NNT20791	Lê Thị Thu	Phường Định Công, Hà Nội	247,922,000	100,000,000	147,922,000	119,698,000	28,224,000
2883	NNT22401	Lại Thị Thanh Thanh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	262,679,004	80,225,004	182,454,000	119,775,106	62,678,894
2884	NNT13562	Lê Thị Minh	Phường Kiến An, Hải Phòng	831,059,000	316,838,000	514,221,000	119,784,651	394,436,349
2885	NNT16338	Trần Thị Thanh Lịch	Phường Bồ Đề, Hà Nội	303,256,000	30,000,000	273,256,000	119,919,420	153,336,580
2886	NNT22729	Lê Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	128,342,000	0	128,342,000	119,999,770	8,342,230
2887	NNT23354	Thái Thị Hà Ly	Xã Diễn Châu, Nghệ An	120,000,000	0	120,000,000	120,000,000	0
2888	NNT24288	Hoàng Thị Hiền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	120,000,000	0	120,000,000	120,000,000	0
2889	NNT23576	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phường Xuân Hòa, Phú Thọ	122,323,000	0	122,323,000	120,000,000	2,323,000
2890	NNT20073	Nguyễn Thị Hải Yến	Phường Hà Đông, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	120,000,000	30,000,000
2891	NNT22082	Nguyễn Thị Nguyên	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	146,523,000	0	146,523,000	120,000,000	26,523,000

2892	NNT17239	Ngô Thị Tuyết Ánh Tuyết	Xã Tân Đình, Tỉnh Bắc Ninh	198,289,000	0	198,289,000	120,000,000	78,289,000
2893	NNT19298	Lê Thị Thu	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	176,776,000	0	176,776,000	120,000,000	56,776,000
2894	NNT20689	Vũ Thị Xuân Hòa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	126,984,000	0	126,984,000	120,000,000	6,984,000
2895	NNT21795	Trương Tổ Quyên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	645,161,000	480,000,000	165,161,000	120,000,000	45,161,000
2896	NNT16620	Hồ Ngọc Quyết	Phường Tương Mai, Hà Nội	310,542,000	127,503,000	183,039,000	120,000,000	63,039,000
2897	NNT21917	Nguyễn Thu Hiền	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	207,793,000	80,000,000	127,793,000	120,000,000	7,793,000
2898	NNT22231	Hà Mai Trang	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	151,994,000	0	151,994,000	120,000,000	31,994,000
2899	NNT22595	Nguyễn Đình Vượng	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	124,032,000	0	124,032,000	120,000,000	4,032,000
2900	NNT21453	Nguyễn Bá Việt Hùng	Phường Bồ Đề, Hà Nội	193,906,114	54,655,114	139,251,000	120,000,000	19,251,000
2901	NNT20834	Mã Cẩm Hùng	Phường Bình Thới, Hồ Chí Minh	208,695,000	54,172,000	154,523,000	120,000,000	34,523,000
2902	NNT22325	Lê Thị Huệ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	126,316,000	0	126,316,000	120,000,000	6,316,000
2903	NNT14242	Đỗ Thị Hải Anh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	1,000,000,000	655,000,000	345,000,000	120,000,000	225,000,000
2904	NNT19221	Bùi Thị Thanh Trâm	Phường Việt Hưng, Hà Nội	207,250,000	0	207,250,000	120,000,000	87,250,000
2905	NNT19991	Nguyễn Thị Nga	Phường Đống Đa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	120,016,000	79,984,000
2906	NNT20683	Nguyễn Thị Thanh Minh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	120,056,000	29,944,000

2907	NNT21116	Nguyễn Hữu Chiến	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	131,110,000	0	131,110,000	120,104,550	11,005,450
2908	NNT12642	Phan Lê Huy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	248,649,000	0	248,649,000	120,213,000	128,436,000
2909	NNT13352	Lê Thị Thêu	Xã Thuận An, Hà Nội	102,762,647	33,356,647	69,406,000	120,245,050	-50,839,050
2910	NNT22167	Đặng Thị Hải	Phường Giảng Võ, Hà Nội	169,323,000	0	169,323,000	120,312,000	49,011,000
2911	NNT19742	Lê Bích Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	264,167,000	50,000,000	214,167,000	120,517,850	93,649,150
2912	NNT12647	Nguyễn Thị Phương	Phường Thượng Cát, Hà Nội	274,740,000	0	274,740,000	120,534,390	154,205,610
2913	NNT19672	Lâm Thu Huyền	Phường Sơn Tây, Hà Nội	169,994,000	0	169,994,000	120,658,080	49,335,920
2914	NNT20760	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	170,000,000	25,500,000	144,500,000	120,700,000	23,800,000
2915	NNT12979	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	334,200,000	0	334,200,000	120,701,285	213,498,715
2916	NNT19942	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Phường Việt Hưng, Hà Nội	282,761,000	120,000,000	162,761,000	120,703,000	42,058,000
2917	NNT19237	Thế Thị Vân	Xã Ô Diên, Hà Nội	212,045,712	0	212,045,712	120,789,880	91,255,832
2918	NNT20090	Vũ Đình Hòa	P. Yên Thắng, Ninh Bình	397,388,000	154,000,000	243,388,000	120,800,000	122,588,000
2919	NNT12037	Trần Kim Oanh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	515,103,000	250,000,000	265,103,000	120,965,000	144,138,000
2920	NNT15781	Ngô Cẩm Tú	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	30,000,000	170,000,000	121,000,000	49,000,000
2921	NNT11224	Nguyễn Thị Kim Anh	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	757,512,864	385,314,864	372,198,000	121,041,000	251,157,000

2922	NNT22432	Nguyễn Thanh Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	150,000,000	6,375,000	143,625,000	121,125,000	22,500,000
2923	NNT21317	Nguyễn Đăng Ngọ	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	155,670,000	0	155,670,000	121,244,000	34,426,000
2924	NNT18192	Nguyễn Thị Ngát	Phường Thành Đông, TP Hải Phòng	237,114,000	0	237,114,000	121,328,000	115,786,000
2925	NNT15914	Vũ Thị Thơm	Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	233,200,000	0	233,200,000	121,342,000	111,858,000
2926	NNT13972	Nguyễn Thị Diễm Huyền	Xã Quốc Oai, Hà Nội	294,811,000	0	294,811,000	121,384,000	173,427,000
2927	NNT18997	Nguyễn Thị Giang	P. Hải Dương, Hải Phòng	220,446,000	0	220,446,000	121,486,000	98,960,000
2928	NNT10845	Trương Thị Lan Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	371,072,000	0	371,072,000	121,652,000	249,420,000
2929	NNT19334	Nguyễn Thị Loan	Xã Dân Hòa, Hà Nội	162,786,000	0	162,786,000	122,310,000	40,476,000
2930	NNT17014	Nguyễn Thị Hòa	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	241,931,865	41,931,865	200,000,000	122,314,000	77,686,000
2931	NNT13920	Vũ Phượng Mi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	236,027,000	0	236,027,000	122,358,000	113,669,000
2932	NNT12946	Nguyễn Thị Huyền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	476,516,000	225,805,000	250,711,000	122,505,000	128,206,000
2933	NNT19873	Lưu Thị Đông	Phường Tây Hồ, Hà Nội	336,835,725	47,889,725	288,946,000	122,687,064	166,258,936
2934	NNT12597	Đỗ Chí Cường	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,100,000,000	0	1,100,000,000	122,842,000	977,158,000
2935	NNT20738	Đinh Văn Thi	Xã Hoài Đức, Hà Nội	130,000,000	0	130,000,000	122,850,000	7,150,000
2936	NNT22024	Trần Thị Nho	Xã Quốc Oai, Hà Nội	213,904,000	62,191,000	151,713,000	122,859,000	28,854,000

2937	NNT14675	Nguyễn Thị Thu	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	474,228,000	0	474,228,000	122,900,000	351,328,000
2938	NNT21270	Lê Thị Tuyết Lan	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	123,077,000	26,923,000
2939	NNT13946	Trương Thị Quỳnh Nga	Phường Bồ Đề, Hà Nội	628,622,000	128,000,000	500,622,000	123,091,581	377,530,419
2940	NNT16818	Trần Quốc Thịnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	229,540,000	0	229,540,000	123,114,000	106,426,000
2941	NNT14971	Nguyễn Chú Trọng	Xã Chiềng Sơn, Sơn La	184,918,000	0	184,918,000	123,127,000	61,791,000
2942	NNT15501	Phan Thị Vinh	Xã Quảng Châu, Nghệ An	267,874,000	0	267,874,000	123,297,960	144,576,040
2943	NNT23464	Hoàng Kim Vân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	127,551,000	0	127,551,000	123,649,980	3,901,020
2944	NNT21303	Lê Minh Dũng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	220,000,000	80,000,000	140,000,000	124,000,000	16,000,000
2945	NNT16274	Lê Thị Hồng	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	124,044,420	87,595,580
2946	NNT18993	Lê Thị Thủy	P. Đông Sơn, Thanh Hóa	219,127,988	73,920,988	145,207,000	124,150,000	21,057,000
2947	NNT13471	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	431,918,000	0	431,918,000	124,169,640	307,748,360
2948	NNT23901	Mai Tiến Dũng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	132,281,000	0	132,281,000	124,344,000	7,937,000
2949	NNT16996	Đậu Thị Phương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	124,369,000	81,817,000
2950	NNT17428	Nguyễn Thị Thụ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	210,045,000	0	210,045,000	124,400,000	85,645,000
2951	NNT21190	Nguyễn Thị Bắc	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	322,500,000	172,500,000	150,000,000	124,413,000	25,587,000

2952	NNT00165	Nguyễn Thị Loan	Phường Hoà Bình, Phú Thọ	551,011,000	150,000,000	401,011,000	124,413,000	276,598,000
2953	NNT12152	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	632,990,000	0	632,990,000	124,448,000	508,542,000
2954	NNT16908	Nguyễn Thị Năng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	799,616,056	375,000,000	424,616,056	124,550,000	300,066,056
2955	NNT00136	Nguyễn Thị Linh Giang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	370,835,000	0	370,835,000	124,622,000	246,213,000
2956	NNT21247	Trần Thị Kiển	Phường Lào Cai, Lào Cai	227,686,000	0	227,686,000	124,867,000	102,819,000
2957	NNT21067	Nguyễn Chí Công	Phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	185,244,000	0	185,244,000	124,881,000	60,363,000
2958	NNT20688	Nguyễn Thị Đông	Xã Quốc Oai, Hà nội	264,307,107	43,849,107	220,458,000	124,900,893	95,557,107
2959	NNT00409	Trần Thị Phúc	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	760,794,000	0	760,794,000	125,000,000	635,794,000
2960	NNT23482	Vũ Thị Định	Xã Hội Thịnh, Phú Thọ	125,000,000	0	125,000,000	125,000,000	0
2961	NNT10815	Vũ An Trà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	621,283,090	200,000,000	421,283,090	125,034,000	296,249,090
2962	NNT17106	Nguyễn Cao Khải	Xã Xuân Trường, Ninh Bình	218,579,000	0	218,579,000	125,061,000	93,518,000
2963	NNT14820	Nguyễn Thị Thanh Hương	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	281,907,132	71,477,132	210,430,000	125,072,000	85,358,000
2964	NNT24120	Nguyễn Thị Phụng	Phường Tây Tựu, Hà Nội	125,128,000	0	125,128,000	125,128,000	0
2965	NNT18900	Nguyễn Minh Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	125,276,000	74,724,000
2966	NNT19963	Trần Thị Nhã Nhung	Xã Trường Sinh, Tuyên Quang	462,877,000	206,186,000	256,691,000	125,300,000	131,391,000

2967	NNT17796	Lê Quảng Dư	Phường Xuân Phương, Hà Nội	219,048,000	0	219,048,000	125,445,000	93,603,000
2968	NNT18876	Vũ Hồng Quang	Xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên	216,161,000	70,000,000	146,161,000	125,500,000	20,661,000
2969	NNT00647	Vũ Thị Tề Khương	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,178,506,000	0	1,178,506,000	125,592,600	1,052,913,400
2970	NNT22634	Trần Thị Thiên Lý	Phường Yên Hoà, Hà Nội	429,370,000	280,000,000	149,370,000	125,755,000	23,615,000
2971	NNT11632	Phạm Thị Ngân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	241,851,000	0	241,851,000	125,761,320	116,089,680
2972	NNT19915	Bùi Nguyệt Nga	Phường Tương Mai, Hà Nội	170,000,000	0	170,000,000	125,990,000	44,010,000
2973	NNT19913	Ngô Thị Quảng	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	133,476,000	0	133,476,000	126,000,000	7,476,000
2974	NNT19181	Lý Thị Duyên	Phường Kim Liên, Hà Nội	229,833,000	70,000,000	159,833,000	126,000,000	33,833,000
2975	NNT11696	Nguyễn Thanh Tùng	Phường Khương Đình, Hà Nội	222,197,982	13,707,613	208,490,369	126,003,000	82,487,369
2976	NNT20730	Lại Thị Thanh	Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh	211,640,000	0	211,640,000	126,316,000	85,324,000
2977	NNT16536	Lê Anh Thắng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	239,218,000	0	239,218,000	126,347,000	112,871,000
2978	NNT18246	Đỗ Thị Doan	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	126,414,000	81,919,000
2979	NNT17494	Nguyễn Thị Kim Liên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	309,000,000	104,000,000	205,000,000	126,498,000	78,502,000
2980	NNT16205	Phạm Quốc Hùng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	305,102,000	0	305,102,000	126,628,250	178,473,750
2981	NNT12433	Nguyễn Bá Ngọc Anh	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	233,892,000	0	233,892,000	126,631,000	107,261,000

2982	NNT15360	Nguyễn Thị Bích Thu	Phường Tương Mai, Hà Nội	216,781,000	0	216,781,000	126,635,000	90,146,000
2983	NNT21823	Lại Thúy Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	158,612,000	0	158,612,000	126,684,000	31,928,000
2984	NNT14861	Nguyễn Sơn Đông	Phường Giảng Võ, Hà Nội	717,481,996	300,000,000	417,481,996	126,776,655	290,705,341
2985	NNT18645	Nguyễn Thị Thu Hoài	X. Phúc Thọ, Hà nội	614,136,000	300,000,000	314,136,000	126,840,000	187,296,000
2986	NNT17242	Đào Thị Thanh Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	212,676,000	58,000,000	154,676,000	126,859,930	27,816,070
2987	NNT11517		Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	539,130,000	0	539,130,000	126,878,550	412,251,450
2988	NNT13876	Lê Diệu Linh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	213,778,000	0	213,778,000	127,000,000	86,778,000
2989	NNT21948	Trần Thị Tân Thư	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	177,818,000	0	177,818,000	127,005,000	50,813,000
2990	NNT20464	Hoàng Anh Tú	Phường Từ Liêm, Hà Nội	170,596,000	0	170,596,000	127,045,000	43,551,000
2991	NNT18795	Nguyễn Thị Huyền	Xã Tam Hưng, Hà Nội	228,214,000	70,000,000	158,214,000	127,087,200	31,126,800
2992	NNT11860	Nguyễn Thị Tỵ	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,224,024,674	421,711,980	802,312,694	127,096,835	675,215,859
2993	NNT18056	Nguyễn Thị Sáng	Xã Quang Minh, Hà Nội	195,876,000	0	195,876,000	127,150,000	68,726,000
2994	NNT20886	Nguyễn Thu Trang	Phường Tương Mai, Hà Nội	155,440,000	3,000,000	152,440,000	127,208,000	25,232,000
2995	NNT14281	Lê Thanh Hải	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	233,929,000	0	233,929,000	127,332,000	106,597,000
2996	NNT17198	Nguyễn Đức Công	P. Ngọc Hà, Hà Nội	487,377,323	268,627,323	218,750,000	127,392,000	91,358,000

2997	NNT17463	Trần Thị Núi	P. Cửa Nam, Hà Nội	163,351,000	0	163,351,000	127,452,000	35,899,000
2998	NNT20202	Đinh Thị Chính	Phường Tây Hồ, Hà Nội	213,904,000	32,086,000	181,818,000	127,469,000	54,349,000
2999	NNT14930	Lê Mạnh Hùng	Phường Láng, Hà Nội	255,673,000	0	255,673,000	127,621,000	128,052,000
3000	NNT20297	Nguyễn Tôn Phi Quỳnh	Phường Hà Đông, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	127,807,000	30,923,000
3001	NNT14595	Nguyễn Thị Tuyền	Phường Phú Lý, Ninh Bình	400,000,000	179,000,000	221,000,000	128,000,000	93,000,000
3002	NNT01181	Nguyễn Thị Hoàng Hạnh	Phường Định Công, Hà Nội	582,062,000	200,809,000	381,253,000	128,028,320	253,224,680
3003	NNT19126	Nguyễn Thị Kim Oanh	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	154,645,000	8,197,000	146,448,000	128,181,000	18,267,000
3004	NNT12515	Phạm Thị Ngọc Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	283,164,000	0	283,164,000	128,408,000	154,756,000
3005	NNT20416	Đào Thị Ngọc Anh	Phường Xuân Phương, Hà Nội	300,000,000	155,000,000	145,000,000	128,500,000	16,500,000
3006	NNT24442	Đặng Quân Tùng	Phường Ba Đình, Hà Nội	128,510,000	0	128,510,000	128,510,000	0
3007	NNT18893	Vũ Thị Thu Hồng	Phường Tân Mai, Hà Nội	652,438,000	19,741,000	632,697,000	128,536,411	504,160,589
3008	NNT20465	Nguyễn Thị Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	700,890,673	154,442,673	546,448,000	128,626,272	417,821,728
3009	NNT23820	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	138,763,000	9,949,000	128,814,000	128,814,000	0
3010	NNT12565	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	128,821,500	294,458,500
3011	NNT15004	Đương Thị Lệ Thủy	P. Phú Diễn, Hà Nội	326,088,000	48,966,000	277,122,000	129,022,000	148,100,000

3012	NNT15730	Vũ Thị Hiền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	371,714,000	0	371,714,000	129,131,808	242,582,192
3013	NNT18914	Nguyễn Thị Minh Du	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	129,248,000	79,085,000
3014	NNT20087	Trần Thị Giang	Phường Yên Hòa, Hà Nội	156,451,000	0	156,451,000	129,250,000	27,201,000
3015	NNT01321	Lê Thanh Hằng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	159,615,589	37,115,589	122,500,000	129,285,000	-6,785,000
3016	NNT01509	Trương Thị Hát	Xã Hoàng Hoa Thám, Hưng Yên	301,500,000	0	301,500,000	129,397,000	172,103,000
3017	NNT01682	Hoàng Thuận Ái	Phường Định Công, Hà Nội	326,087,000	48,913,000	277,174,000	129,405,000	147,769,000
3018	NNT19649	Nguyễn Như Hoa	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	250,000,000	90,000,000	160,000,000	129,460,000	30,540,000
3019	NNT00319	Trịnh Năng Sa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	963,881,474	281,881,474	682,000,000	129,472,550	552,527,450
3020	NNT19353	Bùi Thị Hương Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	216,000,000	0	216,000,000	129,610,000	86,390,000
3021	NNT18742	Tạ Hữu Ten	X. Phụng Công, Hưng Yên	164,000,000	0	164,000,000	129,641,000	34,359,000
3022	NNT13407	Hoàng Liên Hương	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	401,256,867	0	401,256,867	129,683,000	271,573,867
3023	NNT20551	Nguyễn Thị Nghi	Xã Ô Diên, Hà Nội	178,947,000	0	178,947,000	129,784,000	49,163,000
3024	NNT16313	Phạm Hồng Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	500,000,000	167,927,397	332,072,603	129,846,000	202,226,603
3025	NNT14833	Đoàn Thị Bích Liên	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	129,989,000	70,011,000
3026	NNT22420	Vũ Ngọc Thanh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	139,037,000	0	139,037,000	129,999,595	9,037,405

3027	NNT19973	Lê Thị Mai	Phường Liêm Tuyền, Tỉnh Ninh Bình	174,747,000	0	174,747,000	129,999,595	44,747,405
3028	NNT21735	Nguyễn Thị Kim Lan	Phường Tương Mai, Hà Nội	170,833,000	2,000,000	168,833,000	130,000,000	38,833,000
3029	NNT17949	Nguyễn Kim Thi	Phường Yên Hoà, Hà Nội	134,020,000	0	134,020,000	130,000,000	4,020,000
3030	NNT12816	Hoàng Thị Thu Hiền	Xã Liên Minh, Ninh Bình	254,122,000	0	254,122,000	130,000,000	124,122,000
3031	NNT17965	Vũ Huy Quang	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	284,409,000	0	284,409,000	130,000,000	154,409,000
3032	NNT19321	Nguyễn Văn Chính	P. Bim Sơn, Thanh Hóa	164,794,000	0	164,794,000	130,000,000	34,794,000
3033	NNT21602	Nguyễn Thị Diệu Ý	Phường Hà Đông, Hà Nội	157,358,000	0	157,358,000	130,000,000	27,358,000
3034	NNT21286	Đỗ Lập Hiếu	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	140,000,000	10,000,000	130,000,000	130,000,000	0
3035	NNT12878	Lê Hà Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	282,787,000	0	282,787,000	130,157,000	152,630,000
3036	NNT14685	Nguyễn Thế Dũng	Phường Cầu Diễn, Hà Nội	414,503,000	0	414,503,000	130,306,200	284,196,800
3037	NNT19486	Nguyễn Ngọc Diệu	X. Đại Thanh, Hà Nội	182,540,000	0	182,540,000	130,329,000	52,211,000
3038	NNT17467	Nguyễn Văn Chương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	144,330,000	125,000,000	19,330,000	130,380,000	-111,050,000
3039	NNT12473	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	415,895,000	0	415,895,000	130,386,000	285,509,000
3040	NNT21232	Nguyễn Thị Hà	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	162,775,340	28,510,340	134,265,000	130,537,000	3,728,000
3041	NNT17125	Ngô Minh Tú	Xã Tân Đình, Tỉnh Bắc Ninh	202,108,000	0	202,108,000	130,545,000	71,563,000

3042	NNT00435	Phan Lưu Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	310,400,000	0	310,400,000	130,714,560	179,685,440
3043	NNT19573	Hà Trần Tuấn Ân	Xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên	218,578,000	32,786,000	185,792,000	130,728,000	55,064,000
3044	NNT14117	Phạm Thanh Tâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	246,767,000	0	246,767,000	130,743,170	116,023,830
3045	NNT15000	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	158,730,000	0	158,730,000	130,750,000	27,980,000
3046	NNT17582	Lê Thị Thanh Tú	Phường Kim Liên, Hà Nội	249,250,000	0	249,250,000	130,760,000	118,490,000
3047	NNT22175	Nguyễn Văn Vinh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	130,829,055	19,170,945
3048	NNT01669	Vương Thị Hạnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	827,513,000	0	827,513,000	130,875,000	696,638,000
3049	NNT14736	Hoàng Thị Minh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	225,000,000	0	225,000,000	130,884,000	94,116,000
3050	NNT15267	Nguyễn Thị Nội	Phường Hồng Hà, Hà Nội	389,534,397	71,481,397	318,053,000	130,903,000	187,150,000
3051	NNT21552	Trần Quốc Quân	Xã Chí Minh, Hải Phòng	160,942,000	0	160,942,000	131,000,090	29,941,910
3052	NNT20226	Nguyễn Đăng Đạo	Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	376,344,000	56,452,000	319,892,000	131,118,785	188,773,215
3053	NNT23432	Nguyễn Thị Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	132,740,767	0	132,740,767	131,200,767	1,540,000
3054	NNT17765	Lê Thị Kim Oanh	Phường Láng, Hà Nội	268,579,000	27,500,000	241,079,000	131,400,000	109,679,000
3055	NNT12370	Đinh Thị Thu Hường	Phường Hồng Hà, Hà Nội	589,037,000	0	589,037,000	131,504,000	457,533,000
3056	NNT22107	Nguyễn Tuyết Chinh	Xã Bắc Hà, Lào Cai	151,020,000	0	151,020,000	131,526,600	19,493,400

3057	NNT20074	Đỗ Văn Sử	Phường Láng, Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	131,604,535	32,329,465
3058	NNT21002	Đỗ Xuân Huy	Phường Phú Thượng, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	131,625,000	68,375,000
3059	NNT16065	Hoàng Thị Tiến	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,363,273,000	677,069,000	686,204,000	131,733,000	554,471,000
3060	NNT21087	Nguyễn Ngọc Ánh	Xã Kiêu Phú, Hà Nội	208,333,000	68,200,000	140,133,000	131,800,000	8,333,000
3061	NNT15301	Đỗ Thị Phương Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,368,144,000	0	1,368,144,000	131,921,037	1,236,222,963
3062	NNT20215	Cao Thị Xuyên	Xã Đoài Phương, Hà Nội	381,877,590	108,013,590	273,864,000	131,986,638	141,877,362
3063	NNT15551	Đồng Thị Mão	X. Phú Xuyên, Hà Nội	261,285,000	0	261,285,000	132,048,000	129,237,000
3064	NNT12913	Ngô Thị Phẩm	Phường Ba Đình, Hà Nội	370,135,000	100,000,000	270,135,000	132,064,000	138,071,000
3065	NNT13188	Bùi Thị Phước	Xã Quảng Bị, Hà Nội	470,502,000	0	470,502,000	132,206,123	338,295,877
3066	NNT01611	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phường Yên Hòa, Hà Nội	646,751,000	0	646,751,000	132,226,450	514,524,550
3067	NNT22334	Nguyễn Bích Hồng	Phường Tương Mai, Hà Nội	140,000,000	0	140,000,000	132,300,000	7,700,000
3068	NNT19004	Hoàng Thị Nhọt	P. Đông Kinh, Lạng Sơn	175,956,000	0	175,956,000	132,300,000	43,656,000
3069	NNT13650	Nguyễn Đức Hưng	Xã Hoà Xá, Hà Nội	200,952,000	0	200,952,000	132,300,000	68,652,000
3070	NNT22723	Trần Anh Kha	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	150,000,000	10,000,000	140,000,000	132,500,000	7,500,000
3071	NNT12947	Kim Jong Hwan		722,513,000	325,000,000	397,513,000	132,514,000	264,999,000

3072	NNT16987	Thới Thị Kim Phương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	226,775,000	0	226,775,000	132,534,000	94,241,000
3073	NNT12259	Ngô Hoàng Anh	Phường Đống Đa, Hà Nội	423,662,736	195,410,736	228,252,000	132,577,120	95,674,880
3074	NNT17277	Phạm Ngọc Cảnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	247,000,000	30,000,000	217,000,000	132,737,702	84,262,298
3075	NNT22204	Trương Thị Hằng Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	827,303,612	432,303,611	395,000,001	132,744,000	262,256,001
3076	NNT20364	Mạc Thị Quỳnh Anh	Xã Cẩm Giảng, Hải Dương	180,000,000	0	180,000,000	132,750,000	47,250,000
3077	NNT13281	Hoàng Duy Khánh	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	395,660,000	0	395,660,000	132,779,000	262,881,000
3078	NNT16167	Phùng Thị Thúy	Xã Vật Lai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	132,785,000	67,215,000
3079	NNT15811	Nguyễn Phương Thúy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	213,061,000	10,000,000	203,061,000	132,966,000	70,095,000
3080	NNT15941	Lê Thị Hồng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	40,000,000	160,000,000	133,000,000	27,000,000
3081	NNT16447	Nguyễn Ngọc Hân	Phường Mộc Châu, Sơn La	334,360,000	83,000,000	251,360,000	133,102,000	118,258,000
3082	NNT14293	Phạm Thị Xoan	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	208,334,000	0	208,334,000	133,108,000	75,226,000
3083	NNT22213	Lê Đăng Ngãi	Xã Ngọc Trạo, Thanh Hoá	103,733,150,000	103,600,000,000	133,150,000	133,150,000	0
3084	NNT18970	Dương Thị Phương Thảo	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	673,125,000	0	673,125,000	133,302,020	539,822,980
3085	NNT20412	Phạm Hải Căng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	184,244,000	0	184,244,000	133,394,571	50,849,429
3086	NNT14203	Lê Thị Hồng Thắm	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,185,058,000	650,000,000	535,058,000	133,488,745	401,569,255

3087	NNT15416	Cao Văn Tuấn	Xã Đại Thanh, Hà Nội	314,036,000	0	314,036,000	133,499,000	180,537,000
3088	NNT24078	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	139,131,000	0	139,131,000	133,566,000	5,565,000
3089	NNT17430	Nguyễn Thị Lựu	Phường Tương Mai, Hà Nội	217,237,000	100,000,000	117,237,000	133,600,000	-16,363,000
3090	NNT24136	Nguyễn Thị Thương	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	166,397,260	16,397,260	150,000,000	133,602,740	16,397,260
3091	NNT24379	Trịnh Thị Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	133,814,000	0	133,814,000	133,814,000	0
3092	NNT17205	Phạm Thị Uyên	Phường Phương Liệt, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	134,000,000	183,460,000
3093	NNT18942	Phan Thị Bình	Phường Xuân Phương, Hà Nội	220,458,000	0	220,458,000	134,161,920	86,296,080
3094	NNT11020	Trần Kim Nhung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	685,825,159	207,034,159	478,791,000	134,315,775	344,475,225
3095	NNT13315	Phùng Việt Hòa	Phường Tây Hồ, Hà Nội	207,797,000	0	207,797,000	134,500,000	73,297,000
3096	NNT15264	Dương Thị Mỹ Linh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	134,500,000	65,500,000
3097	NNT11051	Nguyễn Đức Quyền	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	329,625,000	0	329,625,000	134,599,500	195,025,500
3098	NNT21697	Hà Thị Thanh	Xã Phù Yên, Sơn La	153,092,000	0	153,092,000	134,664,000	18,428,000
3099	NNT18798	Trần Thị Vân	Phường Tân Phong, Lai Châu	230,149,000	35,000,000	195,149,000	134,703,000	60,446,000
3100	NNT21918	Nguyễn Hồng Minh	Phường Xuân Lãng, Phú Thọ	365,789,000	215,000,000	150,789,000	135,000,000	15,789,000
3101	NNT15161	Nguyễn Khâ Phi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	285,085,000	0	285,085,000	135,001,000	150,084,000

3102	NNT13909	Nguyễn Thị Xoan	Phường Tương Mai, Hà Nội	342,604,858	0	342,604,858	135,154,000	207,450,858
3103	NNT11717	Hoàng Hiệp	Phường Bạch Mai, Hà Nội	392,091,000	60,000,000	332,091,000	135,164,000	196,927,000
3104	NNT18132	Phạm Thị Thu	P. Đông Ngạc, Hà Nội	298,011,000	0	298,011,000	135,429,000	162,582,000
3105	NNT13601	Mai Phạm Đình	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,044,759,000	500,000,000	544,759,000	135,747,000	409,012,000
3106	NNT23153	Vũ Thanh Thanh	P1211, sảnh2 Chung cư 4F, 102 Vũ Phạm Hàm, phường Yên Hòa, Hà Nội	140,000,000	0	140,000,000	135,800,000	4,200,000
3107	NNT17704	Bạch Thu Thủy	Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	135,900,000	94,100,000
3108	NNT16785	Nguyễn Thị Bích Vân	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	180,000,000	10,000,000	170,000,000	135,950,000	34,050,000
3109	NNT22484	Lê Thọ Vinh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	200,000,000	30,000,000	170,000,000	136,000,000	34,000,000
3110	NNT23467	Hoàng Kỳ Cường	Phường Bồ Đề, Hà Nội	176,387,671	26,387,671	150,000,000	136,130,000	13,870,000
3111	NNT20870	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	161,428,000	0	161,428,000	136,341,680	25,086,320
3112	NNT18023	Nguyễn Ngọc Hiếu	Phường Xuân Đình, Hà Nội	181,072,000	0	181,072,000	136,500,000	44,572,000
3113	NNT00983	Vũ Thị Mai Thanh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	456,750,632	12,611,632	444,139,000	136,721,000	307,418,000
3114	NNT13233	Nguyễn Lương Thọ	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	281,109,000	0	281,109,000	136,831,340	144,277,660
3115	NNT16576	Nguyễn Thị Liên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	312,500,000	0	312,500,000	136,844,140	175,655,860
3116	NNT19478	Nguyễn Thị Thùy Chinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	230,967,681	26,738,681	204,229,000	136,848,000	67,381,000

3117	NNT23251	Ngô Thị Phương Liên	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	150,000,000	10,500,000	139,500,000	136,854,000	2,646,000
3118	NNT18724	Nguyễn Thị Năm	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	137,008,000	62,992,000
3119	NNT11417	Nguyễn Thị Hào	Phường Tương Mai, Hà Nội	549,022,000	95,301,957	453,720,043	137,196,550	316,523,493
3120	NNT19380	Tô Thị Vân Anh	Phường Hoàng Mai Hà Nội	162,118,000	0	162,118,000	137,254,000	24,864,000
3121	NNT14468	Tạ Thị Bình	Phường Hà Đông, Hà Nội	607,930,000	78,405,000	529,525,000	137,333,000	392,192,000
3122	NNT13910	Phạm Trung Chính	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	559,300,000	49,778,000	509,522,000	137,393,110	372,128,890
3123	NNT17972	Phan Trung Hiếu	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	137,404,000	68,781,000
3124	NNT14886	Nguyễn Thị Dung	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	241,050,000	0	241,050,000	137,451,440	103,598,560
3125	NNT19747	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Xuân Phương, Hà Nội	513,474,844	251,834,444	261,640,400	137,525,906	124,114,494
3126	NNT13245	Phạm Thị Nhân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	452,877,000	0	452,877,000	137,616,000	315,261,000
3127	NNT15812	Trần Thị Hải	Phường Khương Đình, Hà Nội	617,480,068	235,000,000	382,480,068	137,707,000	244,773,068
3128	NNT20196		Phường Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk	252,632,000	0	252,632,000	137,853,000	114,779,000
3129	NNT22276	Đỗ Hồng Toàn	Phường Chí Linh, Hải Phòng	200,000,000	0	200,000,000	138,000,000	62,000,000
3130	NNT19072	Nguyễn Xuân Lộc	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	187,302,000	0	187,302,000	138,140,390	49,161,610
3131	NNT01400	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	550,000,000	158,000,000	392,000,000	138,201,000	253,799,000

3132	NNT01370	Đinh Thúc Hoan	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,260,885,000	450,101,000	810,784,000	138,360,195	672,423,805
3133	NNT21578	Phạm Thị Thu Hằng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	195,880,000	0	195,880,000	138,368,000	57,512,000
3134	NNT18624	Nguyễn Minh Long	Phường Phú Lương, Hà Nội	208,880,000	40,000,000	168,880,000	138,445,000	30,435,000
3135	NNT16820	Chữ Văn Oanh	Xã Nam Phú, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	138,475,000	61,525,000
3136	NNT19584	Nguyễn Tất Thông	Xã Quảng Bị, Hà Nội	359,345,437	61,605,000	297,740,437	138,495,000	159,245,437
3137	NNT23757	Đặng Hữu Hùng	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	151,133,000	11,335,000	139,798,000	138,664,503	1,133,497
3138	NNT23758	Đinh Thị Ngọc Anh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	151,133,000	11,335,000	139,798,000	138,664,503	1,133,497
3139	NNT19005	Phan Thanh Minh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	292,231,004	0	292,231,004	138,744,000	153,487,004
3140	NNT14682	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	264,550,000	0	264,550,000	138,785,920	125,764,080
3141	NNT11610	Dương Thanh Khuê	Xã Hợp Minh, Nghệ An	377,669,000	0	377,669,000	138,820,000	238,849,000
3142	NNT14778	Trần Hồng Sơn	Phường Hà Đông, Hà Nội	249,180,000	0	249,180,000	138,998,908	110,181,092
3143	NNT15790	Lương Thị Cẩm Anh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	215,000,000	0	215,000,000	139,050,000	75,950,000
3144	NNT14149	Lương Thị Hồng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	304,233,000	0	304,233,000	139,112,000	165,121,000
3145	NNT17539	Ngô Thị Thu Trang	Phường Tây Hồ, Hà Nội	189,363,000	0	189,363,000	139,113,760	50,249,240
3146	NNT14807	Vũ Thị Hòa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	473,376,000	0	473,376,000	139,121,240	334,254,760

3147	NNT12829	Nguyễn Thị Hoa	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	139,207,000	860,793,000
3148	NNT21727	Nguyễn Thị Hồng Vinh	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	207,512,190	56,739,190	150,773,000	139,226,000	11,547,000
3149	NNT16098	Phạm Thị Hồng Mơ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	209,289,000	0	209,289,000	139,352,435	69,936,565
3150	NNT02035	Phạm Thị Thu Hoa	Phường Định Công, Hà Nội	754,687,000	39,842,000	714,845,000	139,375,000	575,470,000
3151	NNT11482	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	461,793,000	0	461,793,000	139,411,000	322,382,000
3152	NNT23511	Nguyễn Quang Tư	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	315,788,000	157,894,000	157,894,000	139,440,000	18,454,000
3153	NNT20015	Nguyễn Thị Tuyên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	217,946,986	2,946,986	215,000,000	139,571,734	75,428,266
3154	NNT17900	Lương Nguyễn Khoa	Xã Hoài Đức, Hà Nội	160,714,000	0	160,714,000	139,598,000	21,116,000
3155	NNT16799	Nguyễn Thị Hải Yến	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	139,644,000	60,356,000
3156	NNT14414	Phạm Thị Hoài	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	235,561,000	0	235,561,000	139,750,000	95,811,000
3157	NNT16336	Cao Thị Quý	Xã Đại Thanh, Hà Nội	234,694,000	0	234,694,000	139,815,210	94,878,790
3158	NNT01042	Nguyễn Thị Hoa	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	400,000,000	150,000,000	250,000,000	139,829,000	110,171,000
3159	NNT19366	Nguyễn Đức Báu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	211,497,000	0	211,497,000	139,998,000	71,499,000
3160	NNT22650	Trần Lê Hồng Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	202,020,000	60,000,000	142,020,000	140,000,000	2,020,000
3161	NNT12607	Nguyễn Thị Mộng Anh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	277,657,000	0	277,657,000	140,000,000	137,657,000

3162	NNT23135	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	142,857,000	0	142,857,000	140,000,000	2,857,000
3163	NNT18367	Nguyễn Thanh Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	176,893,000	0	176,893,000	140,000,000	36,893,000
3164	NNT19227	Hà Nam Lượng	Phường Hồng Châu, Hưng Yên	400,000,000	240,000,000	160,000,000	140,000,000	20,000,000
3165	NNT14012	Phạm Minh Tú	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	122,280,000	18,448,000	103,832,000	140,034,000	-36,202,000
3166	NNT01833	Nguyễn Thị Việt Hòa	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	562,334,000	0	562,334,000	140,117,000	422,217,000
3167	NNT21418	Bùi Thị Xuân Mai	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	261,234,000	100,000,000	161,234,000	140,148,000	21,086,000
3168	NNT19843	Nguyễn Thị Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	183,511,000	0	183,511,000	140,250,000	43,261,000
3169	NNT21626	Nguyễn Nguyệt Minh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	200,000,000	30,000,000	170,000,000	140,350,000	29,650,000
3170	NNT14668	Trịnh Đình Bảy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	309,278,000	0	<u>309,278,000</u>	140,351,485	<u>168,926,515</u>
3171	NNT23039	Trần Thị Tú Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	164,949,000	17,777,000	147,172,000	140,367,000	6,805,000
3172	NNT14617	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	280,000,000	42,000,000	238,000,000	140,375,000	97,625,000
3173	NNT00614	Đặng Thị Oanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	833,467,000	0	833,467,000	140,518,000	692,949,000
3174	NNT20727	Phạm Thị Thúy Hà	Phường Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Hà Nội	215,053,000	59,400,000	155,653,000	140,600,000	15,053,000
3175	NNT20419	Phạm Tuấn Thắng	Xã Phúc Sơn, Hà Nội	435,091,857	200,000,000	235,091,857	140,614,000	94,477,857
3176	NNT18316	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	140,619,000	65,567,000

3177	NNT20056	Nguyễn Thanh Phương	Phường Tương Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	140,625,000	59,375,000
3178	NNT12210	Nguyễn Bá Cường	Xã Dương Hòa, Hà Nội	389,613,000	0	389,613,000	140,659,000	248,954,000
3179	NNT13692	Trương Thị Hồng Mến	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	229,958,000	0	229,958,000	141,000,000	88,958,000
3180	NNT16520	Văn Thị Thương	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	490,170,098	125,452,549	364,717,549	141,080,451	223,637,098
3181	NNT12072	Trần Minh Hải	Xã Cổ Đô, Hà Nội□	1,000,000,000	160,000,000	840,000,000	141,281,000	698,719,000
3182	NNT16165	Trần Thị Long	Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ	451,733,000	200,000,000	251,733,000	141,285,748	110,447,252
3183	NNT00513	Trần Quang Thông	Phường Bạch Mai, Hà Nội	924,028,000	331,697,000	592,331,000	141,351,000	450,980,000
3184	NNT21367	Nguyễn thị Thu Huyền	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	354,639,000	199,623,000	155,016,000	141,377,000	13,639,000
3185	NNT15788	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	234,513,000	0	234,513,000	141,433,000	93,080,000
3186	NNT00456	Trần Thị Anh Thư	Phường Long Bình, TP Hồ Chí Minh	400,191,000	0	400,191,000	141,721,000	258,470,000
3187	NNT13801	Hoàng Thị Xuân Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	141,750,000	58,250,000
3188	NNT18698	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Phương Liệt, Hà Nội	622,966,000	0	622,966,000	141,798,000	481,168,000
3189	NNT02167	Nguyễn Hùng Thanh	Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	341,667,000	0	341,667,000	141,967,500	199,699,500
3190	NNT21698	Trần Quốc Đạt	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	142,100,000	64,085,000
3191	NNT22479	Nguyễn Thị Thủy	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	159,531,000	8,777,000	150,754,000	142,128,000	8,626,000

3192	NNT17597	Trương Thị Kiều Chang	Xã Yên Lập, Tuyên Quang	159,427,000	0	159,427,000	142,244,000	17,183,000
3193	NNT23222	Trần Tố Hoa	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	186,043,633	15,858,572	170,185,061	142,372,061	27,813,000
3194	NNT19972	Đào Thị Hồng Nhung	Phường Liêm Tuyền, Tỉnh Ninh Bình	168,684,000	0	168,684,000	142,385,000	26,299,000
3195	NNT12922	Từ Thị Trâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	364,025,000	0	364,025,000	142,394,220	221,630,780
3196	NNT13614	Nguyễn Phi Hùng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	327,869,000	0	327,869,000	142,675,450	185,193,550
3197	NNT02072	Trần Minh Nở	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	427,808,000	0	427,808,000	142,696,000	285,112,000
3198	NNT18558	Nguyễn Thị Minh	Xã Hoằng Hoá, Thanh Hoá	216,413,000	0	216,413,000	142,750,000	73,663,000
3199	NNT19390	Nguyễn Quốc Hoàn	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	6,000,000	194,000,000	143,000,000	51,000,000
3200	NNT15982	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,064,328,908	614,328,908	450,000,000	143,000,592	306,999,408
3201	NNT13152	Hoàng Thị Minh Châu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	350,000,000	150,000,000	200,000,000	143,009,000	56,991,000
3202	NNT13904	Đinh Thị Xuân Phương	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	263,775,000	0	263,775,000	143,100,000	120,675,000
3203	NNT18857	Nguyễn Thị Hương	Xã Thuận An, Hà Nội	182,539,000	0	182,539,000	143,250,000	39,289,000
3204	NNT18113	Đỗ Thanh Mai	Phường Giảng Võ, Hà Nội	292,663,000	0	292,663,000	143,340,000	149,323,000
3205	NNT16214	Nguyễn Thị Phường	Phường Thới An Đông, TP Cần Thơ	216,000,000	0	216,000,000	143,470,000	72,530,000
3206	NNT17842	Nguyễn Đình Tuyến	Xã Hoài Đức, Hà Nội	251,094,334	39,454,334	211,640,000	143,513,000	68,127,000

3207	NNT11428	Lê Thị Xuân	Phường Hà Đông, Hà Nội	474,673,000	0	474,673,000	143,528,000	331,145,000
3208	NNT23994	Đinh Thị Nga	Phường Hải An, TP Hải Phòng	153,061,000	6,300,000	146,761,000	143,700,000	3,061,000
3209	NNT12033	Đỗ Thị Kim Dung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	716,277,416	192,717,416	523,560,000	143,950,000	379,610,000
3210	NNT19232	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phường Bạch Mai, Hà Nội	180,628,000	0	180,628,000	144,000,000	36,628,000
3211	NNT20904	Nguyễn Dũng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	158,032,000	0	158,032,000	144,000,000	14,032,000
3212	NNT12211	Nguyễn Thị Xuân	Phường Chí Linh, Hải Phòng	389,552,055	0	389,552,055	144,058,000	245,494,055
3213	NNT15213	Tô Thị Thu Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	579,887,000	298,323,000	281,564,000	144,194,000	137,370,000
3214	NNT18923	Nguyễn Mai Ngọc	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	350,000,000	162,000,000	188,000,000	144,240,000	43,760,000
3215	NNT15080	Lê Thanh Hải	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	246,993,000	0	246,993,000	144,250,000	102,743,000
3216	NNT20883	Nguyễn Trọng Lạc	Phường Yên Hoà, Hà Nội	437,361,470	246,766,470	190,595,000	144,293,000	46,302,000
3217	NNT17306	Nguyễn Thị Hoa	Xã Tây Phương, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	144,322,000	64,011,000
3218	NNT01440	Nguyễn Thanh Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,619,332,886	313,789,886	1,305,543,000	144,532,000	1,161,011,000
3219	NNT14199	Nguyễn Thị Đoài	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,015,463,000	0	1,015,463,000	144,635,000	870,828,000
3220	NNT11396	Nguyễn Thị Phương Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,273,125,000	0	1,273,125,000	144,737,557	1,128,387,443
3221	NNT19431	Bùi Huỳnh Thắng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	190,144,000	0	190,144,000	144,750,000	45,394,000

3222	NNT17807	Dương Thị Bình	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	145,000,000	55,000,000
3223	NNT21988	Đông Thị Phương	Xã Hương Sơn, Hà Nội	200,000,000	30,000,000	170,000,000	145,000,000	25,000,000
3224	NNT13009	Vi Thị Hoài Phương	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	261,899,000	16,110,000	245,789,000	145,106,175	100,682,825
3225	NNT19564	Bùi Đình Hữu	Xã Hương Sơn, HN	201,005,000	0	201,005,000	145,179,000	55,826,000
3226	NNT11054	Nguyễn Đức Long	Phường Xuân Hoà, Phú Thọ	324,619,000	0	324,619,000	145,295,477	179,323,523
3227	NNT20405	Phùng Thị Lanh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	327,655,185	57,552,185	270,103,000	145,307,237	124,795,763
3228	NNT21086	Nguyễn Thị Cẩm Vi	Xã Mê Linh, Hà Nội	202,020,000	36,148,000	165,872,000	145,367,000	20,505,000
3229	NNT18596	Nguyễn Văn Việt	Xã Thanh Hà, TP Hải Phòng	207,612,000	33,000,000	174,612,000	145,384,000	29,228,000
3230	NNT14134	Lành Thị Na	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	250,000,000	0	250,000,000	145,526,000	104,474,000
3231	NNT16310	Lý Hoàng Yến	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	524,382,000	334,382,000	190,000,000	145,600,000	44,400,000
3232	NNT19370	Nguyễn Thị Thùy My	Xã Tứ Kỳ, Hải Phòng	273,335,000	35,677,000	237,658,000	145,691,000	91,967,000
3233	NNT17728	Đặng Ngọc Bích	Phường Nông Trang, Phú Thọ	207,264,000	0	207,264,000	145,868,000	61,396,000
3234	NNT20086	Nguyễn Thành Nhân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	208,601,000	0	208,601,000	145,926,000	62,675,000
3235	NNT17806	Phạm Thị Hồng Vân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	145,984,800	163,293,200
3236	NNT18375	Lê Thị Phương Dung	Phường Cửa Nam, Hà Nội	212,043,000	0	212,043,000	146,000,000	66,043,000

3237	NNT19968	Nguyễn Thị Lan	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	200,000,000	0	200,000,000	146,000,000	54,000,000
3238	NNT23915	Đỗ Thị Thúy Lan	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	340,000,000	194,000,000	146,000,000	146,000,000	0
3239	NNT17744	Vũ Nguyễn Hương Giang	Phường Từ Liêm, Hà Nội	225,779,000	0	225,779,000	146,055,760	79,723,240
3240	NNT22411	Nguyễn Thị Lương	Xã Đức Hợp, Hưng Yên	279,968,040	113,824,546	166,143,494	146,076,337	20,067,157
3241	NNT16296	Phạm Thị Tâm	Phường Tương Mai, Hà Nội	443,217,000	46,536,000	396,681,000	146,141,000	250,540,000
3242	NNT18140	Dương Thị Đào	Xã Phú Lương, Tuyên Quang	227,686,000	0	227,686,000	146,178,000	81,508,000
3243	NNT13439	Trần Thị Phương Hoa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	647,992,263	294,309,000	353,683,263	146,300,000	207,383,263
3244	NNT16573	Lương Thị Kim Anh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	202,532,000	0	202,532,000	146,304,500	56,227,500
3245	NNT21023	Vũ Hồng Vân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	211,640,000	40,624,000	171,016,000	146,452,000	24,564,000
3246	NNT12491	Nguyễn Thị Mai Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	376,000,000	229,524,331	146,475,669	146,475,669	0
3247	NNT01604	Nguyễn Ngọc Sính	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	667,063,000	0	667,063,000	146,548,000	520,515,000
3248	NNT11492	Trần Thị Giang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	446,560,807	0	446,560,807	146,611,000	299,949,807
3249	NNT22651	Nguyễn Anh Phương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	146,615,000	53,385,000
3250	NNT21858	Trần Thị Hương	Phường Đống Đa, Hà Nội	521,920,000	330,000,000	191,920,000	146,632,000	45,288,000
3251	NNT15666	Phạm Thị Diệp	Phường Uông Bí, Quảng Ninh	1,184,930,302	674,329,090	510,601,212	146,955,910	363,645,302

3252	NNT16798	Trần Thị Thùy Linh	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	147,000,000	153,000,000
3253	NNT23255	Hà Thị Bích Hằng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	147,000,000	3,000,000
3254	NNT23645	Nguyễn Thị Hào	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	150,000,000	0	150,000,000	147,000,000	3,000,000
3255	NNT20817	Đặng Trần Hiếu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	163,639,000	0	163,639,000	147,000,000	16,639,000
3256	NNT21706	Bùi Thị Kim Đình	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	158,612,000	0	158,612,000	147,000,000	11,612,000
3257	NNT21320	Nguyễn Văn Khánh	Phường Tam Sơn, Bắc Ninh	211,250,000	54,000,000	157,250,000	147,056,000	10,194,000
3258	NNT11250	Lã Thị Ngọc Lan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	498,894,000	0	498,894,000	147,296,000	351,598,000
3259	NNT23324	Nguyễn Thị Thuận	Phường Từ Liêm, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	147,350,000	2,650,000
3260	NNT23349	Hoàng Thị Tâm	Phường Định Công, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	147,350,000	2,650,000
3261	NNT21666	Nguyễn Ngọc Chi	Phường Tây Hồ, Hà Nội	207,254,000	50,000,000	157,254,000	147,400,000	9,854,000
3262	NNT19531	Nguyễn Lê Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	285,691,000	38,000,000	247,691,000	147,592,500	100,098,500
3263	NNT19242	Cù Thị Huyền Trang	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	234,995,551	0	234,995,551	147,668,360	87,327,191
3264	NNT15229	Nguyễn Thị Hoa	Xã Trung Giã, Hà Nội	326,080,000	0	326,080,000	147,750,300	178,329,700
3265	NNT18943	Công Thị Kiên	Phường Phú Thượng, Hà Nội	212,121,000	0	212,121,000	147,873,000	64,248,000
3266	NNT24363	Nguyễn Minh Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	147,940,000	0	147,940,000	147,940,000	0

3267	NNT19601	Lương Thị Thu Huyền	Phường Lưu Kiếm, Hải Phòng	198,639,000	0	198,639,000	147,975,000	50,664,000
3268	NNT22697	Nguyễn Thị Hồng Tú	Hung Yên	149,495,000	0	149,495,000	148,000,000	1,495,000
3269	NNT21144	Lê Thúy An	Phường Thành Đông, Hải Phòng	307,895,000	152,000,000	155,895,000	148,000,000	7,895,000
3270	NNT21365	Võ Thị Huyền ANh	Phường Ba Đình, Hà Nội	148,021,000	0	148,021,000	148,021,000	0
3271	NNT12990	Phạm Thị Thế	Phường Khương Đình, Hà Nội	652,746,265	88,737,132	564,009,133	148,077,635	415,931,498
3272	NNT17269	Nguyễn Thị Huyền	Phường Việt Hưng, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	148,083,000	169,377,000
3273	NNT19644	Trần Hoàng Diệu Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	219,727,000	0	219,727,000	148,126,000	71,601,000
3274	NNT17460	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	312,193,618	93,614,618	218,579,000	148,314,000	70,265,000
3275	NNT14700	Vũ Thị An	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,050,000,000	309,606,908	740,393,092	148,332,170	592,060,922
3276	NNT23521	Trần Trung Kiên	Phường Giảng Võ, hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	148,380,000	1,620,000
3277	NNT23484	Trần Thị Hằng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	148,380,000	1,620,000
3278	NNT19840	Lê Thùy Dung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	314,733,000	100,000,000	214,733,000	148,383,000	66,350,000
3279	NNT10956	Trần Lan Hương	Xã Ba Vi, TP Hà Nội	388,663,000	0	388,663,000	148,465,000	240,198,000
3280	NNT15211	Lê Thu Hương	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	244,831,000	0	244,831,000	148,501,000	96,330,000
3281	NNT14275	Ngô Quỳnh Trang	Phường Định Công, Hà Nội	312,640,000	0	312,640,000	148,510,680	164,129,320

3282	NNT15513	Vũ Thùy Dương	Phường Kim Liên, Hà Nội	220,753,000	0	220,753,000	148,631,000	72,122,000
3283	NNT18301	Vũ Thúy Hoài	Phường Bạch Mai, Hà Nội	190,886,000	0	190,886,000	148,737,930	42,148,070
3284	NNT14495	Trần Thanh Phong	P. Tuy Hòa, Đắk Lắk	312,500,000	0	312,500,000	148,875,000	163,625,000
3285	NNT15045	Trịnh Quang Nhơn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	300,000,000	40,000,000	260,000,000	148,923,000	111,077,000
3286	NNT20560	Nguyễn Hòa Dục	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	214,915,000	0	214,915,000	148,936,000	65,979,000
3287	NNT00997	Nguyễn Anh Dũng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,695,609,009	290,965,004	1,404,644,005	148,939,000	1,255,705,005
3288	NNT18333	Nguyễn Thị Yến	Xá Tân Thuận, Hưng Yên	188,609,000	0	188,609,000	149,000,000	39,609,000
3289	NNT18114	Nguyễn Thị Anh Thư	xã Ninh Giang, Hải Phòng	349,206,000	145,000,000	204,206,000	149,000,000	55,206,000
3290	NNT17616	Vũ Thị Minh Hà	Phường Hà Đông, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	149,008,775	168,451,225
3291	NNT20820	Thiều Thị Phúc	Phường Bồ Đề, Hà Nội	220,000,000	20,000,000	200,000,000	149,166,000	50,834,000
3292	NNT21237	Nguyễn Thị Nụ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	200,000,000	48,000,000	152,000,000	149,200,000	2,800,000
3293	NNT21206	Trần Thị Thu Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	217,391,000	33,118,000	184,273,000	149,247,000	35,026,000
3294	NNT15490	Trần Thị Huyền	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	221,077,000	0	221,077,000	149,250,000	71,827,000
3295	NNT11389	Phan Hoài Linh	Phường Ba Đình, Hà Nội	359,497,586	0	359,497,586	149,258,000	210,239,586
3296	NNT21035	Hà Minh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	213,542,000	55,573,000	157,969,000	149,427,000	8,542,000

3297	NNT01923	Nông Văn Thiện	Phường Tây Hồ, Hà Nội	627,705,000	0	627,705,000	149,464,000	478,241,000
3298	NNT20072	Vũ Thị Lan Anh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	191,854,000	0	191,854,000	149,468,480	42,385,520
3299	NNT02149	Lê Thị Hồng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	468,713,000	0	468,713,000	149,498,500	319,214,500
3300	NNT01572	Nguyễn Phương Lan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	554,104,000	10,000,000	544,104,000	149,514,520	394,589,480
3301	NNT17462	Vũ Thị Mão	Phường Cửa Nam, Hà Nội	249,579,000	0	249,579,000	149,586,000	99,993,000
3302	NNT17024	Phạm Thị Thanh Thảo	Phường Giảng Võ, hà Nội	227,837,000	0	227,837,000	149,603,000	78,234,000
3303	NNT16841	Hà Thị Hiền	Xã Xuân Hưng, Ninh Bình	207,777,000	0	207,777,000	149,640,000	58,137,000
3304	NNT20582	Lương Thị Thu Thủy	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	149,688,000	50,312,000
3305	NNT17785	Nguyễn Bá Ngọc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	205,000,000	50,000,000	155,000,000	149,875,000	5,125,000
3306	NNT20999	Trần Thị Thu Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	302,536,550	87,483,550	215,053,000	149,888,000	65,165,000
3307	NNT13969	Đặng Quang Vinh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	149,918,000	273,362,000
3308	NNT19790	Viên Phạm Nhã Uyên	Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh	206,185,000	0	206,185,000	149,957,450	56,227,550
3309	NNT17505	Nguyễn Thị Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	205,135,000	0	205,135,000	149,999,404	55,135,596
3310	NNT18055	Nguyễn Văn Huyền	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	221,718,000	0	221,718,000	149,999,671	71,718,329
3311	NNT23298	Nguyễn Văn Trung	Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	157,895,000	0	157,895,000	149,999,850	7,895,150

3312	NNT21272	Lê Thị Nga	Phường Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh	155,440,000	0	155,440,000	150,000,000	5,440,000
3313	NNT21880	Mai Thị Duyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	178,756,000	0	178,756,000	150,000,000	28,756,000
3314	NNT20658	Vũ Văn Luân	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	183,067,000	658,000	182,409,000	150,000,000	32,409,000
3315	NNT21689	Dương Quang Nghinh	Xã Hợp Minh, Nghệ An	155,440,000	0	155,440,000	150,000,000	5,440,000
3316	NNT22782	Nguyễn Thị Lai	Xã Gia Lâm, Hà Nội	183,024,863	33,024,863	150,000,000	150,000,000	0
3317	NNT18044	Trần Ngọc Toàn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	195,003,000	0	195,003,000	150,000,000	45,003,000
3318	NNT21657	Vũ Thị Kim Thanh	Phường Liêm Tuyền, Ninh Bình	160,504,000	0	160,504,000	150,000,000	10,504,000
3319	NNT22640	Nguyễn Thị Nhật	Xã Thanh Bình, Ninh Bình	167,654,000	1,492,000	166,162,000	150,000,000	16,162,000
3320	NNT20909	Đinh Thị Thu Trang	Xã Tam Đảo, Phú Thọ	190,144,000	0	190,144,000	150,000,000	40,144,000
3321	NNT21849	Nguyễn Ngọc Viện	X. Đa Phúc, TP Hà Nội	184,285,000	0	184,285,000	150,000,000	34,285,000
3322	NNT22827	Nguyễn Thị Kim Chi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	156,250,000	0	156,250,000	150,000,000	6,250,000
3323	NNT22225	Nguyễn Đức Hà	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	198,495,000	16,393,000	182,102,000	150,000,000	32,102,000
3324	NNT21746	Võ Trọng Đức	Xã Hoài Đức, Hà Nội	193,827,000	0	193,827,000	150,000,000	43,827,000
3325	NNT24204	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Tương Mai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3326	NNT20889	Lê Trung Nghĩa	Phường Bạch Mai, Hà Nội	161,290,000	0	161,290,000	150,000,000	11,290,000

3327	NNT20122	Lê Thị Phương Hoa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	168,552,000	0	168,552,000	150,000,000	18,552,000
3328	NNT22612	Nguyễn Minh Hải	Phường Việt Hưng, Hà Nội	160,247,000	0	160,247,000	150,000,000	10,247,000
3329	NNT19011	Nguyễn Hữu Tuấn	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	157,068,000	0	157,068,000	150,000,000	7,068,000
3330	NNT24433	Phạm Thanh Hải	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	178,327,233	28,327,233	150,000,000	150,000,000	0
3331	NNT19325	Vũ Thị Kim Nghĩa	Xã Xuân Hưng, Ninh Bình	183,003,000	0	183,003,000	150,000,000	33,003,000
3332	NNT23826	Ngô Thị Thu Thủy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3333	NNT22254	Bùi Thị Phương Thảo	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	217,391,000	32,608,000	184,783,000	150,000,000	34,783,000
3334	NNT19051	Nguyễn Hải Cường	Phường Bồng Lai, Bắc Ninh	232,605,000	0	232,605,000	150,000,000	82,605,000
3335	NNT20843	Vương Thị Thu	Xã Vĩnh Chân, Tỉnh Phú Thọ	154,639,000	0	154,639,000	150,000,000	4,639,000
3336	NNT22748	Trịnh Xuân Thành	Phường Xuân Phương, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	150,000,000	8,730,000
3337	NNT23159	Trần Vũ Việt	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	156,250,000	0	156,250,000	150,000,000	6,250,000
3338	NNT24073	Trần Thị Thuần	Xã Cẩm Duệ, Hà Tĩnh	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3339	NNT20934	Quách Minh Hòa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	209,086,000	0	209,086,000	150,000,000	59,086,000
3340	NNT23824	Nguyễn Văn Đặng	Xã Quốc Oai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3341	NNT22826	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Phường Đồng Đa, Hà Nội	156,250,000	0	156,250,000	150,000,000	6,250,000

3342	NNT23196	Nguyễn Thị Phương Hoa	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	151,515,000	0	151,515,000	150,000,000	1,515,000
3343	NNT22506	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	160,247,000	0	160,247,000	150,000,000	10,247,000
3344	NNT23536	Nguyễn Thị Kim Hạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3345	NNT21113	Nguyễn Thị Huyền Trang	Xã Bản Nguyên, Phú Thọ	156,250,000	0	156,250,000	150,000,000	6,250,000
3346	NNT22152	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	160,427,000	0	160,427,000	150,000,000	10,427,000
3347	NNT21812	Nguyễn Thị Học	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	169,879,000	0	169,879,000	150,000,000	19,879,000
3348	NNT23791	Nguyễn Thị Dung	Phường Giảng Võ, hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3349	NNT23089	Nguyễn Anh Hưng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	155,279,000	0	155,279,000	150,000,000	5,279,000
3350	NNT20387	Ngô Tùng Anh	Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	168,861,000	0	168,861,000	150,000,000	18,861,000
3351	NNT24014	Ngô Thị Ánh Tuyết	Phường Thanh Xuân Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3352	NNT21198	Lương Ngọc Thuyết	Xã Hoa Lộc, Thanh Hoá	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
3353	NNT23624	Lê Thị Thu Hà		174,242,000	0	174,242,000	150,000,000	24,242,000
3354	NNT24033	Lê Thị Hòa	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	152,125,000	0	152,125,000	150,000,000	2,125,000
3355	NNT20371	Lê Thị Bích Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	203,335,000	0	203,335,000	150,000,000	53,335,000
3356	NNT21769	Khắc Thị Xuân Nhung	Xã Ô Diên, Hà Nội	180,005,000	0	180,005,000	150,000,000	30,005,000

3357	NNT23676	Hoàng Thị Nguyệt	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	159,278,000	0	159,278,000	150,000,000	9,278,000
3358	NNT23102	Hoàng Thị Chín	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	154,639,000	0	154,639,000	150,000,000	4,639,000
3359	NNT23069	Đỗ Quang Hưng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	150,000,000	8,730,000
3360	NNT17953	Đặng Hà Phương	Phường Tương Mai, Hà Nội	225,418,000	0	225,418,000	150,000,000	75,418,000
3361	NNT24010	Bùi Thị Thu Hiền	Xã Vĩnh Bảo, Hải Phòng	159,278,000	0	159,278,000	150,000,000	9,278,000
3362	NNT22684	Bùi Thị Dọn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	186,914,000	0	186,914,000	150,000,000	36,914,000
3363	NNT21383	Lưu Thị Dậu	Phường Cửa Nam, Hà Nội	153,626,000	0	153,626,000	150,000,000	3,626,000
3364	NNT17644	Nguyễn Tất Sơn	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	191,814,000	0	191,814,000	150,000,073	41,813,927
3365	NNT21996	Bùi Thị Thu Huyền	Phường Ba Đình, Hà Nội	185,219,000	0	185,219,000	150,001,000	35,218,000
3366	NNT15589	Nguyễn Thị Kim Huê	Phường Yên Hòa, Hà Nội	393,095,000	42,846,000	350,249,000	150,030,000	200,219,000
3367	NNT20148	Đinh Ngọc Lợi	Phường Xuân Phương, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	150,067,000	60,459,000
3368	NNT23550	Nguyễn Thị Hương Giang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	150,901,000	0	150,901,000	150,146,493	754,507
3369	NNT21019	Cao Thị Thu Hiền	Phường Khương Đình, Nà Nội	208,333,000	47,000,000	161,333,000	150,200,000	11,133,000
3370	NNT17015	Lê Phương Luyện	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	257,551,000	0	257,551,000	150,264,000	107,287,000
3371	NNT17932	Nguyễn Thị Tiếp	Phường Kim Liên, Hà Nội	350,449,785	111,153,785	239,296,000	150,300,000	88,996,000

3372	NNT20593	Nguyễn Thị Sửu	Phường Xuân Phương, Hà Nội	202,142,000	0	202,142,000	150,425,000	51,717,000
3373	NNT14010	Nguyễn Thúy Lan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	256,211,000	0	256,211,000	150,500,000	105,711,000
3374	NNT20149	Đinh Thị Bích Liên	P. Xuân Phương, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	150,526,000	60,000,000
3375	NNT19008	Bùi Thị An	Xã An Khánh, Hà Nội	239,584,000	0	239,584,000	150,563,000	89,021,000
3376	NNT14435	Nguyễn Thu Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	214,315,000	0	214,315,000	150,600,000	63,715,000
3377	NNT19231	Hoàng Thị Quyên	P. Song Liễu, Bắc Ninh	189,058,000	0	189,058,000	150,720,000	38,338,000
3378	NNT11798	Đông Thị Thoảng	P. Đông Ngạc, Hà Nội	385,995,000	0	385,995,000	150,744,000	235,251,000
3379	NNT13353	Lê Thị Lan	Xã Triệu Việt Vương, Hưng Yên	332,144,000	0	332,144,000	150,757,000	181,387,000
3380	NNT17266	Đinh Việt Trung	Xã Phong Doanh, Tỉnh Ninh Bình	409,005,000	199,000,000	210,005,000	150,782,000	59,223,000
3381	NNT22472	Nguyễn Như Ngọc	Phường Mường Thanh, Điện Biên	350,514,000	175,257,000	175,257,000	150,830,000	24,427,000
3382	NNT21584	Nguyễn Lan Hương	Phường Phú Lý, Ninh Bình	211,945,000	0	211,945,000	150,840,000	61,105,000
3383	NNT17398	Nguyễn Minh Ngọc	Phường Bạch Mai, Hà Nội	203,093,000	0	203,093,000	150,934,000	52,159,000
3384	NNT17901	Phạm Quang Minh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	189,440,000	0	189,440,000	151,000,000	38,440,000
3385	NNT18372	Hoàng Phương Dung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	242,105,000	0	242,105,000	151,000,000	91,105,000
3386	NNT20608	Nguyễn Thùy Dương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	315,789,000	150,000,000	165,789,000	151,052,000	14,737,000

3387	NNT01278	Bùi Sỹ Lý	Phường Phương Liệt, Hà Nội	5,544,242,000	556,761,000	4,987,481,000	151,057,300	4,836,423,700
3388	NNT21788	Hoàng Thị Kiều Trinh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	425,530,000	261,655,000	163,875,000	151,110,000	12,765,000
3389	NNT20728	Phạm Ánh Tuyết	Phường Giảng Võ, Hà Nội	401,126,751	0	401,126,751	151,223,249	249,903,502
3390	NNT20563	Phạm Thị Kiều Oanh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	202,663,400	0	202,663,400	151,306,400	51,357,000
3391	NNT22445	Nguyễn Duy Hưng	Phường Xuân Đình, Hà Nội	202,000,000	50,666,000	151,334,000	151,334,000	0
3392	NNT21628	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	213,904,000	32,086,000	181,818,000	151,380,000	30,438,000
3393	NNT22435	Nguyễn Thị Mùi	Phường Đống Đa, Hà nội	213,903,000	32,085,000	181,818,000	151,414,000	30,404,000
3394	NNT16151	Nguyễn Viết Đức	Xã Hoài Đức, Hà Nội	229,734,000	18,916,000	210,818,000	151,423,000	59,395,000
3395	NNT01540	Trần Thị Mừng	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	609,044,000	0	609,044,000	151,481,000	457,563,000
3396	NNT21174	Bùi Thị Hiền	Phường Bồ Đề, Hà Nội	314,136,000	157,068,000	157,068,000	151,571,000	5,497,000
3397	NNT12747	Lê Thị Phương Hoa	Phường Tây Hồ, Hà Nội	440,223,000	57,400,000	382,823,000	151,766,870	231,056,130
3398	NNT12684	Thân Thị Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	337,440,000	0	337,440,000	151,977,545	185,462,455
3399	NNT20858	Nguyễn Thị Kim Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	40,000,000	160,000,000	152,000,000	8,000,000
3400	NNT20944	Lê Công Hải	Xã Đan Phượng, Hà Nội	180,000,000	0	180,000,000	152,000,000	28,000,000
3401	NNT13836	Hoàng Thị Hồng Hải	Phường Bạch Mai, Hà Nội	584,796,328	0	584,796,328	152,090,020	432,706,308

3402	NNT21436	Trần Thùy Dương	Phường Định Công, Hà Nội	228,949,000	28,680,000	200,269,000	152,149,000	48,120,000
3403	NNT16628	Nguyễn Anh Vinh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	343,234,000	0	343,234,000	152,351,494	190,882,506
3404	NNT18437	Lê Thị Hà	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	152,400,000	7,600,000
3405	NNT21953	Trần Đình Hưng	Phường Láng, Hà Nội	294,068,086	172,578,000	121,490,086	152,422,000	-30,931,914
3406	NNT15054	Đỗ Thị Tâm	Xã Chương Dương, Hà Nội	291,016,510	40,103,510	250,913,000	152,452,610	98,460,390
3407	NNT14133	Phạm Thị Mừng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	546,904,000	0	546,904,000	152,453,000	394,451,000
3408	NNT17452	Nguyễn Thị Hữu Hạnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	294,059,000	0	294,059,000	152,490,000	141,569,000
3409	NNT01193	Nguyễn Thị Thực	Xã Quảng Oai, Hà Nội	482,492,000	150,000,000	332,492,000	152,639,000	179,853,000
3410	NNT22371	Đào Thị Tâm	Phường Xuân Phương, Hà Nội	215,054,000	32,258,000	182,796,000	152,689,220	30,106,780
3411	NNT20851	Nguyễn Quang Duy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	215,053,000	32,258,000	182,795,000	152,707,000	30,088,000
3412	NNT22244	Nguyễn Thị Thùy Dung	Xã Quốc Oai, Hà Nội	253,621,000	100,000,000	153,621,000	152,845,000	776,000
3413	NNT20810	Đoàn Thị Lan Hương	Phường Láng, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	153,000,000	47,000,000
3414	NNT21439	Bùi Văn Công	Xã Yên Lãng, Hà Nội	237,113,000	0	237,113,000	153,000,000	84,113,000
3415	NNT21323	Phạm Thị Ninh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	247,312,000	0	247,312,000	153,061,000	94,251,000
3416	NNT01121	Nguyễn Tuyết Nga	Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội	471,545,000	214,000,000	257,545,000	153,100,000	104,445,000

3417	NNT23363	Nguyễn Trung Nguyên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	322,260,000	168,260,000	154,000,000	153,117,000	883,000
3418	NNT21324	Nguyễn Trung Hậu	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	427,806,000	246,568,000	181,238,000	153,180,000	28,058,000
3419	NNT14934	Dương Chí Thành	Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	153,250,000	46,750,000
3420	NNT23722	Nguyễn Thị Oanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	153,795,000	0	153,795,000	153,300,536	494,464
3421	NNT22173	Bùi Ngọc Nhâm	Phường Thanh Miếu, Phú Thọ	240,846,288	80,846,288	160,000,000	153,350,000	6,650,000
3422	NNT22471	Phạm Minh Thúy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	216,684,000	32,503,000	184,181,000	153,413,000	30,768,000
3423	NNT17016	Bạch Nguyễn Hoài Anh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	257,459,000	12,400,000	245,059,000	153,776,700	91,282,300
3424	NNT21409	Ngô Thị Bích Phượng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	326,874,316	112,970,316	213,904,000	153,811,000	60,093,000
3425	NNT19997	Lưu Thị Thu Trà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	153,860,000	57,780,000
3426	NNT20030	Phạm Thị Huyền	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	400,000,000	200,000,000	200,000,000	154,000,000	46,000,000
3427	NNT21839	Dương Văn Thắng	Xã Kiêu Phú, Hà Nội	213,904,000	32,096,000	181,808,000	154,000,000	27,808,000
3428	NNT21661	Đặng Thanh Nhất	Xã Giao Thủy, Ninh Bình	213,904,000	32,086,000	181,818,000	154,010,000	27,808,000
3429	NNT22792	Vũ Thị Kim Thu	Phường Yên Hòa, Hà Nội	213,904,000	32,085,000	181,819,000	154,011,240	27,807,760
3430	NNT22791	Lê Thị Kim Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	213,904,000	32,086,000	181,818,000	154,011,240	27,806,760
3431	NNT16661	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phường Việt Trì, Phú Thọ	200,000,000	0	200,000,000	154,070,000	45,930,000

3432	NNT20221	Bùi Như Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	214,776,000	0	214,776,000	154,147,000	60,629,000
3433	NNT11294	Bùi Thị Lai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,181,966,000	177,295,000	<u>1,004,671,000</u>	154,160,197	<u>850,510,803</u>
3434	NNT00536	Nguyễn Thị Lan Phương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	937,500,000	0	937,500,000	154,314,000	783,186,000
3435	NNT12218	Đinh Vân Mai	Phường Hồng Hà, Hà Nội	328,135,000	17,502,000	310,633,000	154,330,785	156,302,215
3436	NNT22429	Nguyễn Đình Phương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	200,000,000	42,957,000	157,043,000	154,443,000	2,600,000
3437	NNT21020	Trần Thu Hiền	Phường Tây Hồ, Hà Nội	354,639,000	150,000,000	204,639,000	154,600,000	50,039,000
3438	NNT24422	Phạm Doãn Thuỳ Trâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,091,450,000	419,869,460	1,671,580,540	154,655,865	1,516,924,675
3439	NNT19067	Nguyễn Thái Hòa	Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	210,000,000	0	210,000,000	154,684,000	55,316,000
3440	NNT14929	Phan Thị Như Quỳnh	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	304,233,000	0	304,233,000	154,713,000	149,520,000
3441	NNT16440	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	154,905,000	45,095,000
3442	NNT20283	Bùi Văn Nông	X. Ứng Thiên, Hà Nội	194,426,000	0	194,426,000	155,000,000	39,426,000
3443	NNT16990	Nguyễn Quốc Cường	Xã Lạng Giang, Bắc Giang	370,000,000	166,639,000	203,361,000	155,100,000	48,261,000
3444	NNT17157	Hoàng Bích Ngọc	Phường Bạch Mai, Hà Nội	215,922,000	0	215,922,000	155,246,000	60,676,000
3445	NNT20630	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Phường Hà Đông, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	155,320,000	63,259,000
3446	NNT11594	Nguyễn Thị Hoa	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	258,625,000	0	258,625,000	155,325,900	103,299,100

3447	NNT16988	Trịnh Thị Hiền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	184,166,000	0	184,166,000	155,338,000	28,828,000
3448	NNT12559	Phùng Thị Loan	Phường Yên Bái, Lào Cai	315,153,000	0	315,153,000	155,498,000	159,655,000
3449	NNT11875	Nguyễn Thị Kha	Phường Phú Diễn, Hà Nội	836,201,438	250,860,432	585,341,006	155,531,000	429,810,006
3450	NNT20574	Nguyễn Thị Chín	Phường Việt Hưng, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	155,574,000	56,066,000
3451	NNT13513	Đặng Đỗ Thanh	Phường Gia Viên, Hải Phòng	287,322,000	0	287,322,000	155,601,000	131,721,000
3452	NNT13536	Đỗ Mạnh Quân	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	351,546,000	3,277,000	348,269,000	155,700,000	192,569,000
3453	NNT20973	Lê Học Thuận	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	156,000,000	44,000,000
3454	NNT12321	Vũ Thị Vượng	Xã Hương Sơn, Hà Nội	491,015,000	10,000,000	481,015,000	156,055,700	324,959,300
3455	NNT23542	Dương Hoa Cường	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	157,895,000	0	157,895,000	156,316,000	1,579,000
3456	NNT22143	Trần Phương Thảo	Phường Hà Đông, Hà Nội	237,113,000	37,113,000	200,000,000	156,500,000	43,500,000
3457	NNT17580	Phạm Thị Kim Oanh	Phường An Hội Đông, TP HCM	607,059,067	99,457,000	507,602,067	156,664,000	350,938,067
3458	NNT16133	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phường Lê Chân, TP Hải Phòng	223,982,000	0	223,982,000	156,707,570	67,274,430
3459	NNT21443	Nguyễn Phương Liên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	212,371,000	43,000,000	169,371,000	156,800,000	12,571,000
3460	NNT16431	Phan Thị Uyên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	374,312,329	54,656,165	319,656,164	156,968,835	162,687,329
3461	NNT22163	Khuất Thị Thu Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	157,000,000	43,000,000

3462	NNT20145	Nguyễn Ngô Thị Hoài Thu	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	951,872,000	190,369,146	761,502,854	157,256,351	604,246,503
3463	NNT16285	Đinh Thị Quỳnh Ngân	Phường Quan Triều, Thái Nguyên	500,000,000	200,000,000	300,000,000	157,258,000	142,742,000
3464	NNT12826	Lưu Thanh Bình	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	411,788,000	0	411,788,000	157,382,000	254,406,000
3465	NNT15236	Nguyễn Thị Tú Uyên	Phường Cửa Nam, Hà Nội	307,169,000	0	307,169,000	157,412,000	149,757,000
3466	NNT20036	Phạm Thành Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	250,000,000	76,000,000	174,000,000	157,750,000	16,250,000
3467	NNT21835	Nguyễn Thị Tiêm	Phường Hải An, Hải Phòng	210,526,000	31,579,000	178,947,000	157,895,000	21,052,000
3468	NNT21704	Nguyễn Trung Hiếu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	201,031,000	0	201,031,000	158,000,000	43,031,000
3469	NNT14777	Vũ Thị Thu Hương	Phường Quan Triều, Thái Nguyên	302,564,000	0	302,564,000	158,000,000	144,564,000
3470	NNT21611	Lại Thị Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	158,000,000	42,000,000
3471	NNT20750	Ngô Thị Lan Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	406,186,000	0	406,186,000	158,162,680	248,023,320
3472	NNT19855	Nguyễn Thị Kim Oanh	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	232,323,000	0	232,323,000	158,319,000	74,004,000
3473	NNT18522	Nguyễn Thị Bích	Phường Dương Nội, Hà Nội	248,593,000	0	248,593,000	158,327,000	90,266,000
3474	NNT21417	Hoàng Minh Diệp	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	158,340,000	47,845,000
3475	NNT18945	Nguyễn Đỗ Sơn	Xã Nhân Thắng, Bắc Ninh	200,000,000	0	200,000,000	158,371,940	41,628,060
3476	NNT21562	Nguyễn Thị An Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	209,870,000	0	209,870,000	158,442,000	51,428,000

3477	NNT20803	Nguyễn Phương Mai	Xã Đại Thanh, Hà Nội	210,000,000	0	210,000,000	158,550,000	51,450,000
3478	NNT21481	Cao Công Ánh	Phường Định Công, Hà Nội	218,579,000	0	218,579,000	158,658,000	59,921,000
3479	NNT16135	Bùi Văn Thắng	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	267,927,000	0	267,927,000	158,664,000	109,263,000
3480	NNT18302	Tổng Thị Giang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	234,062,000	0	234,062,000	158,699,000	75,363,000
3481	NNT17794	Lê Thị Thu Thủy	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	532,218,843	52,430,843	479,788,000	158,720,527	321,067,473
3482	NNT21607	Đinh Thị Lan	Phường Kim Thanh, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	158,750,000	47,435,000
3483	NNT20001	Trần Thị Hiền	Phường Nam Định, Ninh Bình	463,160,000	231,580,000	231,580,000	158,778,020	72,801,980
3484	NNT21375	Đinh Thị Hải Bình	Phường Thành Đông, Hải Phòng	211,640,000	0	211,640,000	158,929,000	52,711,000
3485	NNT21428	Lê Thị Âu	Xã Đông Thành, Thanh Hóa	206,185,000	0	206,185,000	159,050,000	47,135,000
3486	NNT11014	Trương Thanh Bình	Phường Phú Diễn, Hà Nội	349,118,000	0	349,118,000	159,076,210	190,041,790
3487	NNT17551	Phương Thị Thuận	Phường Tây Hồ, Hà Nội	279,795,721	74,795,721	205,000,000	159,129,000	45,871,000
3488	NNT18946	Trương Thu Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	253,512,000	0	253,512,000	159,163,960	94,348,040
3489	NNT19160	Tạ Thị Thúy Nhiên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	210,549,000	0	210,549,000	159,259,354	51,289,646
3490	NNT18365	Ngô Thị Hải	Xã Lục Nam, Bắc Ninh	232,092,000	0	232,092,000	159,272,055	72,819,945
3491	NNT18969	Lê Văn Tâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	273,297,000	32,870,000	240,427,000	159,471,000	80,956,000

3492	NNT22066	Lê Thị Nga	Phường Lê Thanh Nghị, Hải Phòng	210,249,000	0	210,249,000	159,500,000	50,749,000
3493	NNT01893	Nguyễn Huy Hùng	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	216,216,000	0	216,216,000	159,608,000	56,608,000
3494	NNT14786	Nguyễn Thị Hải Vân	Xã Hoài Đức, Hà Nội	195,213,000	0	195,213,000	159,668,000	35,545,000
3495	NNT20179	Trần Thanh Nhụy	Phường Vĩnh Hội, Hồ Chí Minh	200,000,000	0	200,000,000	159,778,000	40,222,000
3496	NNT13110	Trịnh Thị Mai	X. Gia Lâm, Hà Nội	258,696,000	0	258,696,000	159,840,100	98,855,900
3497	NNT18440	Khương Ngọc Bằng	Phường Khương Đình, Hà Nội	348,457,000	0	348,457,000	159,919,000	188,538,000
3498	NNT14903	Nguyễn Thị Khánh	Xã Phù Đổng, Hà Nội	257,779,000	0	257,779,000	159,999,365	97,779,635
3499	NNT23828	Bùi Thị Yến	Phường Xuân Đình, Hà Nội	163,265,000	0	163,265,000	159,999,700	3,265,300
3500	NNT22630	Nguyễn Xuân Thắng	Phường Tương Mai, Hà Nội	500,000,000	340,000,000	160,000,000	160,000,000	0
3501	NNT23898	Trần Thị Mai Dung	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	160,000,000	0
3502	NNT18825	Lã Thị Diễm	Xã Đông Hưng, Hưng Yên	269,998,000	0	269,998,000	160,000,000	109,998,000
3503	NNT21032	Trần Quốc Trung	Xã Thường Tín, Hà Nội	210,568,000	0	210,568,000	160,000,000	50,568,000
3504	NNT23971	Vũ Trọng Đức	Phường Láng, Hà Nội	184,735,466	21,470,466	163,265,000	160,000,000	3,265,000
3505	NNT20876	Phạm Thu Xuyên	Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	236,841,297	0	236,841,297	160,000,000	76,841,297
3506	NNT20667	Nguyễn Thị Thanh Long	Xã Nghi Lộc, Nghệ An	235,653,000	0	235,653,000	160,000,000	75,653,000

3507	NNT21450	Đỗ Thị Tuyết	Xã Hoàng Hoá, Thanh Hoá	200,000,000	30,000,000	170,000,000	160,000,000	10,000,000
3508	NNT11843	Thân Văn Thức	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	160,000,000	0	160,000,000	160,000,000	0
3509	NNT19852	Nguyễn Thu Hiền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	400,000,000	230,000,000	170,000,000	160,000,000	10,000,000
3510	NNT23238	Nguyễn Thị Hoa Tươi	Phường Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	204,951,000	0	204,951,000	160,000,000	44,951,000
3511	NNT14450	Nguyễn Thị Hải	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	223,207,000	0	223,207,000	160,000,000	63,207,000
3512	NNT20687	Lê Thị Phụng	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	211,225,000	0	211,225,000	160,001,000	51,224,000
3513	NNT18499	Phạm Thành Quang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	432,179,000	200,000,000	232,179,000	160,006,000	72,173,000
3514	NNT18921	Lê Văn Hùng	Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội	230,753,000	0	230,753,000	160,155,000	70,598,000
3515	NNT11324	Đoàn Thị Hồng Hà	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	368,782,000	0	368,782,000	160,168,000	208,614,000
3516	NNT21244	Nguyễn Đình Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	160,200,000	45,986,000
3517	NNT21036	Phạm Thị Chung	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	237,114,000	0	237,114,000	160,342,500	76,771,500
3518	NNT21014	Nghiêm Minh Khuê	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	457,019,867	279,936,867	177,083,000	160,417,000	16,666,000
3519	NNT21037	Nguyễn Vũ Tuấn	Phường Cửa Nam, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	160,417,000	50,109,000
3520	NNT19981	Đoàn Thị Huệ	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	259,429,721	51,782,721	207,647,000	160,747,680	46,899,320
3521	NNT20239	Ngô Bích Ngọc	Xã Đông Anh, Hà Nội	176,899,000	0	176,899,000	160,750,000	16,149,000

3522	NNT19606	Trần Minh Thùy	Phường An Hội Tây, Hồ Chí Minh	403,449,000	200,000,000	203,449,000	160,817,500	42,631,500
3523	NNT13053	Phùng Minh Thu	Phường Láng, Hà Nội	437,987,000	0	437,987,000	160,821,000	277,166,000
3524	NNT19536	Nguyễn Thị Bích Hợp	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	229,092,000	0	229,092,000	161,000,000	68,092,000
3525	NNT18112	Luyện Huy Trung	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	576,210,000	334,105,000	242,105,000	161,000,000	81,105,000
3526	NNT19277	Lê Thị Loan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nộ	248,256,000	0	248,256,000	161,050,000	87,206,000
3527	NNT17049	Nguyễn Thị Hữu	Xã Phù Đồng, Hà Nội	434,500,000	200,000,000	234,500,000	161,075,371	73,424,629
3528	NNT15630	Phạm Thùy Trang	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	246,993,000	0	246,993,000	161,150,000	85,843,000
3529	NNT22573	Nguyễn Thu Hường	Phường Việt Hưng, Hà Nội	203,051,000	0	203,051,000	161,213,180	41,837,820
3530	NNT01445	Thái Văn Phóng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	897,826,000	134,674,000	763,152,000	161,220,540	601,931,460
3531	NNT22801		Phường Ngọc Hà, Hà Nội	189,474,000	0	189,474,000	161,390,000	28,084,000
3532	NNT21619	Trịnh Thị Thanh Thủy	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	210,079,000	0	210,079,000	161,567,000	48,512,000
3533	NNT12368	Nguyễn Đức Hưng	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	299,982,654	42,464,327	257,518,327	161,617,000	95,901,327
3534	NNT21786	Nguyễn Trung Dũng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	161,658,000	45,596,000
3535	NNT19914	Đinh Thanh Tuyến	Phường Giảng Võ, hà Nội	220,000,000	0	220,000,000	161,707,000	58,293,000
3536	NNT21207	Nguyễn Thu Huyền	Phường Phú Thượng, TP Hà Nội	524,692,000	200,000,000	324,692,000	161,800,000	162,892,000

3537	NNT17523	Vương Toàn Nguyên	Phường Tương Mai, Hà Nội	250,794,000	0	250,794,000	161,957,000	88,837,000
3538	NNT14168	Lê Thị Lục	Xã Đồng Lộc, Hà Tĩnh	277,599,000	0	277,599,000	162,129,055	115,469,945
3539	NNT15079	Nguyễn Đình Cường	Phường Định Công, Hà Nội	339,659,000	0	339,659,000	162,180,360	177,478,640
3540	NNT15545	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Nam Định, Ninh Bình	276,885,000	0	276,885,000	162,316,000	114,569,000
3541	NNT20945	Nguyễn Thị Song Hà	Phường Cửa Nam, Hà Nội	229,020,247	44,893,247	184,127,000	162,321,000	21,806,000
3542	NNT12727	Nguyễn Thị Thúy	Phường Ba Đình, Hà Nội	310,358,000	116,000,000	194,358,000	162,393,000	31,965,000
3543	NNT00795	Vũ Văn Phụng	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,156,044,000	200,000,000	956,044,000	162,552,000	793,492,000
3544	NNT11826	Phan Thúy Hồng	Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	899,275,808	303,275,808	596,000,000	162,572,000	433,428,000
3545	NNT12872	Dương Khôi Khoa	Xã Đại Thanh, Hà Nội	375,371,000	0	375,371,000	162,576,000	212,795,000
3546	NNT17230	Lê Trọng Thiện	P. Việt Hưng, Hà Nội	315,373,126	34,483,563	280,889,563	162,628,000	118,261,563
3547	NNT12435	Trần Thị Minh Châu	Phường Khương Đình, Hà Nội	296,392,000	0	296,392,000	162,645,000	133,747,000
3548	NNT22882	Trịnh Thị Tuyết Hồng	Phường Khương Đình, Hà Nội	204,081,000	30,612,000	173,469,000	162,706,380	10,762,620
3549	NNT21413	Nguyễn Thị Nhàn	Xã Ô Diên, Hà Nội	323,402,000	147,000,000	176,402,000	162,710,000	13,692,000
3550	NNT15857	Phùng Thị Thanh Dung	Phường Xuân Đình, Hà Nội	292,100,000	0	292,100,000	162,829,500	129,270,500
3551	NNT16633	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Phường Giảng Võ, Hà Nội	208,330,000	0	208,330,000	162,840,000	45,490,000

3552	NNT19646	Đào Văn Thái	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	502,564,000	251,282,000	251,282,000	162,842,000	88,440,000
3553	NNT22813	Đặng Tú Quỳnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	246,971,725	40,785,725	206,186,000	162,886,420	43,299,580
3554	NNT22834	Lê Đặng Dũng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	206,186,000	30,928,000	175,258,000	162,887,420	12,370,580
3555	NNT16980	Phùng Quang Lâm	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	162,927,000	37,073,000
3556	NNT17757	Lê Thị Anh Thư	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	302,782,843	79,341,843	223,441,000	162,968,000	60,473,000
3557	NNT18061	Nguyễn Tuyên Quang	Phường Nam Đông Hà, Quảng Trị	211,640,000	0	211,640,000	163,000,000	48,640,000
3558	NNT22166	Trần Xuân Khương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	240,328,767	0	240,328,767	163,000,000	77,328,767
3559	NNT24312	Nguyễn Phương Duy	Phường Hà Đông, Hà Nội	230,915,000	2,887,000	228,028,000	163,278,000	64,750,000
3560	NNT18099	Trần Thùy Linh	Phường Kim Liên, Hà Nội	231,300,000	0	231,300,000	163,290,000	68,010,000
3561	NNT01250	Đinh Thị Hiền	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,001,794,000	202,000,000	799,794,000	163,317,090	636,476,910
3562	NNT18307	Nguyễn Thị Phụng	X. Tây Phương, Hà Nội	251,868,000	7,000,000	244,868,000	163,377,000	81,491,000
3563	NNT01926	Nguyễn Tiến Hải	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	737,973,000	85,000,000	652,973,000	163,462,880	489,510,120
3564	NNT16114	Nguyễn Thị Phúc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	221,693,000	0	221,693,000	163,500,000	58,193,000
3565	NNT16346	Lê Thị Thanh	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	365,079,000	54,762,000	310,317,000	163,529,000	146,788,000
3566	NNT15818	Nguyễn Thị Minh Hồng	Phường Quyết Thắng, Thái Nguyên	237,433,000	0	237,433,000	163,950,000	73,483,000

3567	NNT18471	Ma Thị Vân Hà	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	210,112,000	0	210,112,000	164,000,000	46,112,000
3568	NNT10857	Nguyễn Thị Thu Hương	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	213,664,000	0	213,664,000	164,000,000	49,664,000
3569	NNT22287	Phạm Mạnh Chiến	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	164,000,000	36,000,000
3570	NNT13344	Trần Thị Hạnh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	342,151,000	0	342,151,000	164,085,885	178,065,115
3571	NNT14550	Lê Thị Tuyết	Phường Bạch Mai, Hà Nội	326,686,000	49,002,000	277,684,000	164,141,820	113,542,180
3572	NNT14232	Bùi Bích Ngọc	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	332,309,000	0	332,309,000	164,143,450	168,165,550
3573	NNT18214	Lê Xuân Lộc	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	164,336,000	35,664,000
3574	NNT13898	Phạm Bích Thủy	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	256,884,000	0	256,884,000	164,350,000	92,534,000
3575	NNT14939	Đắc Thị Tuyết	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	164,415,000	35,585,000
3576	NNT13808	Nguyễn Trung Giồng	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	491,803,000	73,770,000	418,033,000	164,500,000	253,533,000
3577	NNT17034	Bùi Trung Dũng	P. Thanh Liệt, Hà Nội	270,366,000	0	270,366,000	164,511,900	105,854,100
3578	NNT21170	Ngô Thanh Nhật	X. Tuy Phước Bắc, Gia Lai	232,804,000	20,440,000	212,364,000	164,640,000	47,724,000
3579	NNT10852	Nguyễn Thu Hằng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	396,758,000	0	396,758,000	164,742,000	232,016,000
3580	NNT17880	Lê Trần Hải Minh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	210,215,000	0	210,215,000	164,900,000	45,315,000
3581	NNT20644	Nhâm Thị Huyền Thương	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	315,789,000	135,000,000	180,789,000	165,000,000	15,789,000

3582	NNT24059	Nguyễn Thị Hợi	Phường Tây Hồ, Hà Nội	170,000,000	5,000,000	165,000,000	165,000,000	0
3583	NNT18405	Nguyễn Thu Hằng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	242,424,000	0	242,424,000	165,101,000	77,323,000
3584	NNT01212	Đào Khắc Thủy	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	834,790,000	0	834,790,000	165,145,000	669,645,000
3585	NNT12335	Lê Hoài Thu	X. Thanh Oai, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	165,152,000	258,128,000
3586	NNT14910	Cù Thị Phương Dung	Xã Sơn Lương, Phú Thọ	514,153,000	200,000,000	314,153,000	165,162,404	148,990,596
3587	NNT17703	Hoàng Thị Thu Thủy	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	273,287,000	0	273,287,000	165,264,000	108,023,000
3588	NNT16631	Nguyễn Bích Đạt	Phường Từ Liêm, Hà Nội	562,070,142	0	562,070,142	165,303,420	396,766,722
3589	NNT17641	Ngô Mạnh Toan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	214,918,000	0	214,918,000	165,357,000	49,561,000
3590	NNT18738	Đinh Thị Thu	Phường Gia Viên, Hải Phòng	205,026,000	0	205,026,000	165,500,000	39,526,000
3591	NNT11062	Mai Thị Phượng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	574,301,467	206,517,467	367,784,000	165,594,000	202,190,000
3592	NNT00905	Kiều Thị Hiền	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,068,113,002	103,000,000	965,113,002	165,784,000	799,329,002
3593	NNT14319	Lưu Diệu Ly	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	299,000,000	0	299,000,000	165,867,000	133,133,000
3594	NNT02048	Lê Thị Thu Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	359,164,000	0	359,164,000	165,923,000	193,241,000
3595	NNT21150	Lê Vĩnh Long	Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	227,685,000	0	227,685,000	165,950,000	61,735,000
3596	NNT21145	Lê Kim Liên	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	227,686,000	0	227,686,000	165,951,000	61,735,000

3597	NNT22774	Nguyễn Văn Bình	Phường Bạch Mai, Hà Nội	200,000,000	32,000,000	168,000,000	166,000,000	2,000,000
3598	NNT22850	Nguyễn Thị Kim Sâm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	30,000,000	170,000,000	166,000,000	4,000,000
3599	NNT22331	Nguyễn Hồng Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,663,000	0	213,663,000	166,197,110	47,465,890
3600	NNT22617	Phạm Anh Thư	Phường Hà Đông, Hà Nội	190,000,000	0	190,000,000	166,407,000	23,593,000
3601	NNT18093	Trương Trí Trung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	224,939,000	0	224,939,000	166,500,000	58,439,000
3602	NNT20801	Ngô Linh Lan	Phường Tây Tựu, Hà Nội	216,216,000	0	216,216,000	166,598,000	49,618,000
3603	NNT21560	Nguyễn Thị Lan	Xã Đại Thanh, Hà Nội	202,020,000	24,500,000	177,520,000	166,616,653	10,903,347
3604	NNT22483	Bùi Huy Hoàng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	233,426,411	26,226,411	207,200,000	166,631,000	40,569,000
3605	NNT19570	Nguyễn Thu Thảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	223,963,000	0	223,963,000	166,852,000	57,111,000
3606	NNT20845	Nguyễn Thị Lan	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	200,412,000	0	200,412,000	166,900,000	33,512,000
3607	NNT13565	Trương Thị Hồng Cường	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	166,918,000	150,542,000
3608	NNT23404	Phạm Văn Đồng	Phường Kim Liên, Hà Nội	365,500,000	195,500,000	170,000,000	166,997,000	3,003,000
3609	NNT19169	Hoàng Thị Kê	Phường Tân Phong, Lai Châu	319,673,000	141,000,000	178,673,000	167,000,000	11,673,000
3610	NNT17252	Nguyễn Thị Quyên	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	313,440,347	72,384,347	241,056,000	167,022,000	74,034,000
3611	NNT18861	Mai Thị Thủy	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	607,226,537	103,062,537	504,164,000	167,144,632	337,019,368

3612	NNT01958	Nguyễn Ánh Tuyết	Phường Từ Liêm, Hà Nội	945,549,000	0	945,549,000	167,219,500	778,329,500
3613	NNT01710	Nguyễn Văn Xuân	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	888,291,000	0	888,291,000	167,228,000	721,063,000
3614	NNT01765	Nguyễn Thị Kim Dung	Phường Yên Hoà, Hà Nội	415,378,000	0	415,378,000	167,243,000	248,135,000
3615	NNT01688	Đặng Đình Sơn	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	493,967,000	0	493,967,000	167,269,700	326,697,300
3616	NNT14014	Đào Thị Thu Trang	Phường Long Biên, Hà Nội	256,840,000	0	256,840,000	167,399,800	89,440,200
3617	NNT17299	Đỗ Thị Toan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	237,855,000	26,040,000	211,815,000	167,660,000	44,155,000
3618	NNT18230	Bùi Cẩm Thơ	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	460,539,545	132,671,545	327,868,000	167,759,000	160,109,000
3619	NNT12260	Trương Hồng Hạnh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	167,776,000	132,224,000
3620	NNT21596	Nguyễn Ngọc Lan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	212,145,000	0	212,145,000	167,850,000	44,295,000
3621	NNT20097	Phạm Mạnh Thuận	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	226,352,000	0	226,352,000	167,915,000	58,437,000
3622	NNT12917	Nguyễn Ngọc Vân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	451,521,000	63,222,000	388,299,000	167,918,500	220,380,500
3623	NNT18873	Nguyễn Tiến Mạnh	Xã Thuận An, Hà Nội	257,732,000	0	257,732,000	168,050,000	89,682,000
3624	NNT20308	Đỗ Thị Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	222,779,000	0	222,779,000	168,084,000	54,695,000
3625	NNT20609	Nguyễn Viết Thị Thúy	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	231,682,000	0	231,682,000	168,085,000	63,597,000
3626	NNT20978	Đỗ Thị Ngọc	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	212,585,000	0	212,585,000	168,139,000	44,446,000

3627	NNT14355	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	252,849,000	0	252,849,000	168,212,000	84,637,000
3628	NNT20317	Lê Thị Xá	Phường Hà Đông, Hà Nội	223,958,000	0	223,958,000	168,254,000	55,704,000
3629	NNT20499	Lê Trung Kiên	Phường Dương Nội, Hà Nội	231,301,000	0	231,301,000	168,254,000	63,047,000
3630	NNT16845	Nguyễn Thị Kim Thơ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	263,843,000	0	263,843,000	168,300,000	95,543,000
3631	NNT16247	Đỗ Đình Đình	Phường Giảng Võ, Hà Nội	258,730,000	30,000,000	228,730,000	168,387,000	60,343,000
3632	NNT18215	Lê Thị Thanh Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	316,346,000	70,000,000	246,346,000	168,429,740	77,916,260
3633	NNT11948	Nguyễn Xuân Lợi	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	385,873,000	0	385,873,000	168,489,000	217,384,000
3634	NNT22540	Nguyễn Thị Hương	X. Phương Dục, Hà Nội	220,998,000	0	220,998,000	168,508,000	52,490,000
3635	NNT17915	Đỗ Thị Hương Hoa	Phường Hà Đông, Hà Nội	219,347,000	0	219,347,000	168,525,000	50,822,000
3636	NNT12241	Hà Trung Cường	Phường Cửa Nam, Hà Nội	302,413,000	0	302,413,000	168,559,000	133,854,000
3637	NNT18511	Nguyễn Việt Dũng	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	309,813,000	100,000,000	209,813,000	168,590,000	41,223,000
3638	NNT21466	Tô Phương Linh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	218,380,000	0	218,380,000	168,689,000	49,691,000
3639	NNT21936	Nguyễn Thị Kim Thanh	X. Mỹ Sở, Hưng Yên	214,776,000	0	214,776,000	168,750,000	46,026,000
3640	NNT21280	Đinh Kiều Trang	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	253,434,093	34,954,046	218,480,047	168,750,000	49,730,047
3641	NNT19148	Đoàn Duy Vương	Xã Đông Thụy Anh, Hưng Yên	218,149,000	0	218,149,000	168,750,680	49,398,320

3642	NNT12748	Đoãn Thị Kim Phượng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	545,097,300	170,933,300	374,164,000	168,752,000	205,412,000
3643	NNT18612	Đặng Thanh Hoài	Phường Phương Liệt, Hà Nội	256,288,000	0	256,288,000	168,758,000	87,530,000
3644	NNT21690	Trần Thị Thảo	P. Mộc Châu, Sơn La	213,660,000	0	213,660,000	168,908,000	44,752,000
3645	NNT21658	Cao Hương Giang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	213,664,000	0	213,664,000	168,912,000	44,752,000
3646	NNT22553	Nguyễn Văn Bình	Phường Tương Mai, Hà Nội	204,167,000	7,500,000	196,667,000	168,919,000	27,748,000
3647	NNT15441	Đỗ Hữu Thanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	524,496,000	260,000,000	264,496,000	169,000,000	95,496,000
3648	NNT21610	Phạm Thị Hồng Thúy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	217,880,000	0	217,880,000	169,000,000	48,880,000
3649	NNT24012	Lục Thị Hằng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	206,245,000	30,936,750	175,308,250	169,063,250	6,245,000
3650	NNT16507	Nguyễn Thanh Bình	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	530,733,000	258,899,000	271,834,000	169,075,000	102,759,000
3651	NNT00633	Nguyễn Thị Minh Hòa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,011,234,483	333,690,483	677,544,000	169,113,000	508,431,000
3652	NNT21647	Nguyễn Bích Thủy	Phường Hồng Hà, Hà Nội	204,860,000	0	204,860,000	169,123,000	35,737,000
3653	NNT15594	Nguyễn Thị Liên	Phường Hà Đông, Hà Nội	274,469,000	38,000,000	236,469,000	169,185,000	67,284,000
3654	NNT15613	Mai Thị Hoa	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	485,556,000	214,000,000	271,556,000	169,200,000	102,356,000
3655	NNT21449	Đào Thị Huyền	Phường Kim Liên, Hà Nội	246,993,000	0	246,993,000	169,350,000	77,643,000
3656	NNT22962	Trần Thị Quỳnh Phương	Phường Khương Đình, Hà Nội	204,082,000	30,612,000	173,470,000	169,388,000	4,082,000

3657	NNT20166	Đinh Gia Tân	Phường Việt Hưng, Hà Nội	230,366,000	0	230,366,000	169,412,000	60,954,000
3658	NNT17581	Lê Thị Thu Thúy	Phường Kim Liên, Hà Nội	309,155,000	0	309,155,000	169,440,000	139,715,000
3659	NNT21061	Phạm Thị Hằng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	203,093,000	7,437,000	195,656,000	169,500,000	26,156,000
3660	NNT20991	Nguyễn Thị Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	335,820,000	140,000,000	195,820,000	169,500,000	26,320,000
3661	NNT22661	Hoàng Thúy Hằng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	250,000,000	73,000,000	177,000,000	169,500,000	7,500,000
3662	NNT17129	Lê Thị Tinh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	282,822,000	0	282,822,000	169,669,000	113,153,000
3663	NNT12533	Nguyễn Văn Đồng	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	430,773,000	0	430,773,000	169,824,000	260,949,000
3664	NNT16279	Nguyễn Thu Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	358,847,000	0	358,847,000	169,939,420	188,907,580
3665	NNT23910	Bùi Hồng Giang	Phường Phú Diễn, Hà Nội	170,000,000	0	170,000,000	170,000,000	0
3666	NNT19350	Bùi Thị Cúc	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	242,725,000	0	242,725,000	170,000,000	72,725,000
3667	NNT23080	Trần Thị Bình Minh	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	170,000,000	30,000,000
3668	NNT23678	Nguyễn Đình Vượng	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	180,515,000	0	180,515,000	170,000,000	10,515,000
3669	NNT23045	Trần Thị Tinh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	171,010,000	0	171,010,000	170,000,000	1,010,000
3670	NNT23191	Nguyễn Văn Thành	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	206,186,000	30,000,000	176,186,000	170,000,000	6,186,000
3671	NNT19653	Đào Trung Hiếu	Phường Quyết Thắng, Thái Nguyên	178,010,000	0	178,010,000	170,000,000	8,010,000

3672	NNT19978	Bùi Linh Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	216,220,000	0	216,220,000	170,000,000	46,220,000
3673	NNT24039	Bùi Đức Vực	Xã Giao Thủy, Ninh Bình	177,083,000	0	177,083,000	170,000,000	7,083,000
3674	NNT21763	Nguyễn Thị Thanh	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	208,700,000	30,000,000	178,700,000	170,005,000	8,695,000
3675	NNT16248	Kim Sung Won	Phường Từ Liêm, Hà Nội	287,878,000	0	287,878,000	170,210,000	117,668,000
3676	NNT17818	Hồng Tĩnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	270,000,000	0	270,000,000	170,256,100	99,743,900
3677	NNT14767	Nguyễn Thị Thu Phương	P. Ái Quốc, Hải Phòng	308,741,000	0	308,741,000	170,337,000	138,404,000
3678	NNT17982	Võ Thị Minh Huyền	Phường Hải An, Hải Phòng	209,430,000	0	209,430,000	170,445,760	38,984,240
3679	NNT22077	Lê Minh Tuấn	Phường Ninh Bình, Ninh Bình	200,000,000	15,000,000	185,000,000	170,500,000	14,500,000
3680	NNT01308	Vũ Thị Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	471,368,000	0	471,368,000	170,638,590	300,729,410
3681	NNT13191	Nguyễn Diệu Linh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	465,042,000	0	465,042,000	170,771,000	294,271,000
3682	NNT01450	Nguyễn Long Giang	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,239,004,745	385,063,745	853,941,000	170,773,000	683,168,000
3683	NNT22153	Nguyễn Thị Ngoan	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	247,527,000	37,129,000	210,398,000	170,793,000	39,605,000
3684	NNT18904	Nguyễn Minh Hoàng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	231,300,000	0	231,300,000	171,000,000	60,300,000
3685	NNT20932	Nguyễn Như Quỳnh	Xã Dân Hòa, Hà Nội	181,090,000	0	181,090,000	171,130,000	9,960,000
3686	NNT23236	Lương Anh Đức	Phường Gia Viên, Hải Phòng	389,088,000	50,000,000	339,088,000	171,183,320	167,904,680

3687	NNT18713	Nguyễn Thị Loan	Xã Vĩnh Thuận, Hải Phòng	212,205,000	0	212,205,000	171,255,979	40,949,021
3688	NNT23873	Nguyễn Ngọc Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	28,680,000	171,320,000	171,320,000	0
3689	NNT19076	Trần Thị Minh Nguyệt	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	363,141,838	16,438,221	346,703,617	171,454,385	175,249,232
3690	NNT11050	Tạ Thị Tuyết	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,357,477,808	630,702,808	726,775,000	171,836,000	554,939,000
3691	NNT18542	Hà Phương Ly	Phường Cửa Nam, Hà Nội	258,129,000	0	258,129,000	171,955,000	86,174,000
3692	NNT20271	Nguyễn Thị Tâm	Xã Tiên Du, Bắc Ninh	213,756,000	30,000,000	183,756,000	171,999,000	11,757,000
3693	NNT21487	Đinh Thị Vĩnh Hà	Xã Chiêm Hoá, Tuyên Quang	234,789,041	34,789,041	200,000,000	172,000,000	28,000,000
3694	NNT18703	Phạm Thị Bích Hạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	224,872,000	0	224,872,000	172,070,000	52,802,000
3695	NNT13036	Vũ Thế Việt	Phường Bồ Đề, Hà Nội	618,272,000	167,930,000	450,342,000	172,166,000	278,176,000
3696	NNT17918	Nguyễn Huy Thế	Xã Gia Lâm, Hà Nội	367,245,000	0	367,245,000	172,324,000	194,921,000
3697	NNT22383	Bùi Trung Thành	Phường Vũ Phúc, Hưng Yên	200,000,000	27,508,000	172,492,000	172,492,000	0
3698	NNT01538	Nguyễn Văn Thanh	Phường Xuân Đình, hà nội	902,028,000	0	902,028,000	172,641,000	729,387,000
3699	NNT20740	Hồ Thị Kim Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	225,000,000	0	225,000,000	172,725,000	52,275,000
3700	NNT19442	Nguyễn Thị Kim Liên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	355,521,000	0	355,521,000	173,000,000	182,521,000
3701	NNT23460	Vũ Tường Vân	Phường Cửa Nam, Hà Nội	178,571,000	0	178,571,000	173,347,000	5,224,000

3702	NNT19291	Trương Thị Thu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	312,499,000	0	312,499,000	173,348,920	139,150,080
3703	NNT23009	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	242,211,945	42,211,945	200,000,000	173,350,000	26,650,000
3704	NNT11032	Phó Thị Hạnh	Xã Hoài Đức, Hà Nội	420,381,671	64,186,671	356,195,000	173,571,500	182,623,500
3705	NNT14731	Nguyễn Thị Bích Nhung	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	337,932,000	15,873,000	322,059,000	173,693,000	148,366,000
3706	NNT00446	Lê Thị Minh	Xã Thanh Oai, Hà Nội	652,180,000	8,000,000	644,180,000	173,695,000	470,485,000
3707	NNT20135	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Phường Bạch Mai, Hà Nội	232,804,000	0	232,804,000	173,719,000	59,085,000
3708	NNT13346	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	309,165,000	0	309,165,000	173,739,000	135,426,000
3709	NNT21072	Phan Trà My	Phường Ba Đình, Hà Nội	178,570,000	0	178,570,000	173,882,000	4,688,000
3710	NNT10931	Nguyễn Anh Phong	Phường Định Công, Hà Nội	360,000,000	0	<u>360,000,000</u>	173,988,000	<u>186,012,000</u>
3711	NNT20958	Nguyễn Thị Phượng	Phường Đống Đa, Hà Nội	187,826,000	6,000,000	181,826,000	174,000,000	7,826,000
3712	NNT21522	Hoàng Văn Hạnh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	251,366,000	18,022,000	233,344,000	174,078,000	59,266,000
3713	NNT20409	Hoàng Thị Nga	Xã Vĩnh Thịnh, Thanh Hoá	528,992,329	128,992,329	400,000,000	174,090,671	225,909,329
3714	NNT11526	Nguyễn Hồng Việt	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	1,496,098,000	0	1,496,098,000	174,141,500	1,321,956,500
3715	NNT16212	Nguyễn Thị Cúc	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	251,492,000	18,916,000	232,576,000	174,155,055	58,420,945
3716	NNT18597	Võ Thùy Dương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	270,359,000	0	270,359,000	174,405,000	95,954,000

3717	NNT11125	Nguyễn Minh Hằng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	673,509,899	225,640,899	447,869,000	174,528,000	273,341,000
3718	NNT18234	Cù Thị Thu	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	460,416,000	205,000,000	255,416,000	174,672,000	80,744,000
3719	NNT02182	Nguyễn Thị Thanh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	1,072,709,000	173,077,000	899,632,000	174,713,050	724,918,950
3720	NNT12721	Nguyễn Thị Phương Châm	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	470,312,133	173,206,133	297,106,000	174,757,000	122,349,000
3721	NNT18887	Trần Thế Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	304,489,000	0	304,489,000	174,996,840	129,492,160
3722	NNT22448	Cao Thị Thùy Dung	Phường Khương Đình, Hà Nội	207,253,000	25,000,000	182,253,000	175,000,000	7,253,000
3723	NNT21156	Phạm Thị Bích Hồng	Phường Xuân Phương, Hà Nội	208,333,000	25,000,000	183,333,000	175,000,000	8,333,000
3724	NNT13637	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Hà Đông Hà Nội	327,304,000	53,000,000	274,304,000	175,001,000	99,303,000
3725	NNT17006	Đoàn Minh Thu	Phường Hà Đông, Hà Nội	306,186,000	0	306,186,000	175,050,000	131,136,000
3726	NNT21749	Nguyễn Thị Hương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	220,000,000	0	220,000,000	175,058,000	44,942,000
3727	NNT01664	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	1,197,383,167	232,351,619	965,031,548	175,106,000	789,925,548
3728	NNT19003	Vương Thị Hiên	Phường Tây Tựu, Hà Nội	230,522,000	0	230,522,000	175,110,000	55,412,000
3729	NNT18527	Hàn Ngọc Lưu	Phường Mỹ Hào, Hưng Yên	303,597,000	0	303,597,000	175,175,000	128,422,000
3730	NNT18231	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	259,925,000	0	259,925,000	175,301,040	84,623,960
3731	NNT00543	Tuấn Thị Yến	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,294,365,000	11,000,000	1,283,365,000	175,649,000	1,107,716,000

3732	NNT17250	Nguyễn Hữu Thịnh	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	317,460,000	0	317,460,000	175,782,000	141,678,000
3733	NNT18054	Đào Thị Ngoan	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	234,250,000	0	234,250,000	175,959,240	58,290,760
3734	NNT13010	Tạ Thị Thu Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	527,619,314	165,953,315	361,665,999	176,027,000	185,638,999
3735	NNT23793	Trần Thị Hằng	Xã Nam Cường, Hưng Yên	285,143,000	108,750,000	176,393,000	176,048,190	344,810
3736	NNT21708	Bùi Thị Tâm	Xã Đại Thanh, Hà Nội	230,622,000	0	230,622,000	176,076,000	54,546,000
3737	NNT11724	Nguyễn Trà My	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	404,135,000	0	404,135,000	176,092,000	228,043,000
3738	NNT00349	Nguyễn Thúy Oanh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	715,654,000	108,000,000	607,654,000	176,268,000	431,386,000
3739	NNT22038	Đặng Thu Thủy	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	210,966,000	0	210,966,000	176,437,000	34,529,000
3740	NNT19401	Chu Thị Tiến	Xã Tây Phương, Hà Nội	313,565,000	0	313,565,000	176,466,170	137,098,830
3741	NNT12389	Phương Thị Tú Oanh	Xã Cổ Đô, Hà Nội	910,947,905	377,049,000	533,898,905	176,500,000	357,398,905
3742	NNT21999	Tạ Thị Phương Lan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	206,952,000	16,043,000	190,909,000	176,518,027	14,390,973
3743	NNT16195	Nguyễn Thị Sợi	Phường Phú Lý, Ninh Bình	251,140,000	0	251,140,000	176,829,090	74,310,910
3744	NNT13919	Phạm Thị Thơm	Xã An Khánh, Hà Nội	898,042,000	0	898,042,000	176,835,645	721,206,355
3745	NNT13690	Đoàn Trung Kiên	Phường Bạch Mai, Hà Nội	314,136,000	0	314,136,000	176,871,165	137,264,835
3746	NNT20209	Nguyễn Thùy Linh	Phường Khương Đình, Hà Nội	200,000,000	10,000,000	190,000,000	177,000,000	13,000,000

3747	NNT21702	Nguyễn Quốc Đăng	Xã Quang Minh, Hà Nội	277,265,644	43,632,822	233,632,822	177,000,000	56,632,822
3748	NNT17040	Nguyễn Việt Hoàn	Xã Hoài Đức, Hà Nội	229,473,000	0	229,473,000	177,275,371	52,197,629
3749	NNT16619	Đoàn Thị Nhàn	Phường Trần Lâm, Hưng Yên	202,020,000	0	202,020,000	177,294,000	24,726,000
3750	NNT00325	Tạ Thị Sâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,406,555,000	3,000,000	1,403,555,000	177,305,000	1,226,250,000
3751	NNT22233	Phạm Thị Thanh Tâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	232,670,431	0	232,670,431	177,499,960	55,170,471
3752	NNT22900	Phạm Thị Hồng Ngoan	Phường Khương Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	177,500,000	22,500,000
3753	NNT22741	Lê Hải Sâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	22,500,000	177,500,000	177,500,000	0
3754	NNT13884	Vũ Thị Huyền	Phường Đồ Sơn, Hải Phòng	25,193,200,232	10,085,870,232	15,107,330,000	177,522,891	14,929,807,109
3755	NNT12187	Nguyễn Duy Cương	Phường Định Công, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	177,606,000	322,394,000
3756	NNT15032	Nguyễn Thị Sự	Xã Yên Khánh, Ninh Bình	819,811,000	250,000,000	569,811,000	177,667,000	392,144,000
3757	NNT15309	Nguyễn Chính Điệp	Xã Thanh Oai, Hà Nội	304,233,000	0	304,233,000	177,750,000	126,483,000
3758	NNT18838	Trần Thị Kim Chiến	Phường Bạch Mai, Hà Nội	262,216,000	0	262,216,000	177,873,000	84,343,000
3759	NNT15135	Nguyễn Thanh Đức	Phường Kim Liên, Hà Nội	381,688,507	201,350,507	180,338,000	178,068,000	2,270,000
3760	NNT15979	Nguyễn Thị Hưng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	178,132,000	221,868,000
3761	NNT14763	Nguyễn Thị Thúy Loan	Phường Định Công, Hà Nội	566,237,000	0	566,237,000	178,216,500	388,020,500

3762	NNT21766	Nguyễn Thị Nhậm	Phường Hà Đông, Hà Nội	255,300,000	0	255,300,000	178,356,000	76,944,000
3763	NNT21525	Đỗ Quốc Luân	Phường Hà Đông, Hà Nội	216,495,000	0	216,495,000	178,400,000	38,095,000
3764	NNT18611	Nguyễn Thị Hằng	Xã Tân Hưng, Hưng Yên	246,993,818	0	246,993,818	178,444,904	68,548,914
3765	NNT18561	Dương Ngọc Máy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	245,753,000	0	245,753,000	178,446,000	67,307,000
3766	NNT19170	Nguyễn Thị Ngân	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	208,332,000	0	208,332,000	178,466,000	29,866,000
3767	NNT21982	Phạm Văn Hiến	Xã Kiến Xương, Hưng Yên	216,625,000	4,622,000	212,003,000	178,500,000	33,503,000
3768	NNT18674	Nguyễn Thị Liễu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	245,688,000	0	245,688,000	178,821,760	66,866,240
3769	NNT17255	Trần Thị Hường	Xã An Khánh, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	178,900,000	221,100,000
3770	NNT11502	Đỗ Thu Hằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	585,907,258	56,932,258	528,975,000	179,040,000	349,935,000
3771	NNT15031	Nguyễn Minh Nguyệt	Phường Kim Liên, hà nội	309,278,000	0	309,278,000	179,087,000	130,191,000
3772	NNT00845	Trần Văn Đăng	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	788,382,000	0	788,382,000	179,176,000	609,206,000
3773	NNT21046	Vũ Quang Lâm	Xã Đông Hưng, Hưng Yên	246,187,000	0	246,187,000	179,335,000	66,852,000
3774	NNT14599	Đỗ Hoàng Long	Phường Cửa Nam, Hà Nội	406,502,000	0	406,502,000	179,346,000	227,156,000
3775	NNT20026	Nguyễn Thị Huệ	Xã Bình Yên, Thái Nguyên	200,000,000	0	200,000,000	179,353,000	20,647,000
3776	NNT23192	Phạm Văn Quân	Xã Tiền Hải, Hưng Yên	185,000,000	0	185,000,000	179,450,000	5,550,000

3777	NNT14577	Nguyễn Thị Lâm	Xã Cẩm Khê, Phú Thọ	1,052,083,000	0	1,052,083,000	179,488,190	872,594,810
3778	NNT11025	Nguyễn Thị Xuyên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	553,840,000	67,240,743	486,599,257	179,770,457	306,828,800
3779	NNT21143	Phạm Thị Hiền	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	210,330,000	22,000,000	188,330,000	179,917,000	8,413,000
3780	NNT21430	Trần Thị Minh Châu	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	179,994,000	20,006,000
3781	NNT18788	Phạm Cao Khải	Phường Hồng Bàng, Bắc Ninh	210,000,000	0	210,000,000	179,999,000	30,001,000
3782	NNT17473	Cao Thị Quỳnh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	298,050,000	20,000,000	278,050,000	179,999,768	98,050,232
3783	NNT23995	Nguyễn Thị Lan	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	183,093,000	0	183,093,000	180,000,000	3,093,000
3784	NNT18784	Ngô Xuân Hưởng	Phường Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Hà Nội	259,985,000	0	259,985,000	180,000,000	79,985,000
3785	NNT20132	Trương Thị Kim Nga	Phường Định Công, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	180,000,000	26,186,000
3786	NNT20557	Phùng Thị Hiền Lương	Phường Định Công , Hà Nội	262,116,000	0	262,116,000	180,000,000	82,116,000
3787	NNT21615	Nguyễn Thị Loan	Xã Đại Thanh, Hà Nội	200,355,000	0	200,355,000	180,000,000	20,355,000
3788	NNT12175	Trần Thị Thanh Mai	Phường Láng, Hà Nội	410,880,000	0	410,880,000	180,119,110	230,760,890
3789	NNT01970	Đặng Thị Ngân	Phường Duy Tân, Ninh Bình	944,956,000	472,478,000	472,478,000	180,194,000	292,284,000
3790	NNT15238	Bùi Thị Thêu	Phường Chu Văn An, Hải Phòng	268,469,000	10,800,000	257,669,000	180,253,000	77,416,000
3791	NNT24076	Phạm Thị Thúy	Xã Vạn Xuân, Hưng Yên	180,400,000	0	180,400,000	180,400,000	0

3792	NNT21444	Đoàn Thu Lan	Phường Cửa Nam, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	180,526,000	19,474,000
3793	NNT12786	Lê Thúy Ngọc	Phường Hồng Hà, Hà Nội	431,959,551	73,426,775	358,532,776	180,586,000	177,946,776
3794	NNT01635	Bùi Thị Linh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	370,000,000	0	370,000,000	180,674,000	189,326,000
3795	NNT21341	Vũ Thị Nguyệt	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	206,000,000	0	206,000,000	180,750,000	25,250,000
3796	NNT00107	Trần Thị Bình	Phường Kim Liên, Hà Nội	996,320,156	139,780,155	856,540,001	180,818,506	675,721,495
3797	NNT21757	Vũ Thị Ngọc Diệp	Phường Từ Liêm, Hà Nội	204,103,000	0	204,103,000	180,829,000	23,274,000
3798	NNT22311	Bùi Thị Phượng	Xã Phú Nghĩa, Hà Nội	292,710,401	76,026,401	216,684,000	181,000,000	35,684,000
3799	NNT23021	Phạm Hữu Hiền	Phường Tây Hồ, Hà Nội	200,000,000	15,000,000	185,000,000	181,000,000	4,000,000
3800	NNT23630	Lương Thị Minh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	200,000,000	17,000,000	183,000,000	181,000,000	2,000,000
3801	NNT18386	Nguyễn Thị Hải	Phường Đống Đa, Hà Nội	223,067,000	0	223,067,000	181,056,950	42,010,050
3802	NNT15867	Trần Huyền Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	744,209,000	122,889,000	621,320,000	181,088,500	440,231,500
3803	NNT19689	Phạm Quỳnh Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	416,983,814	55,054,907	361,928,907	181,140,093	180,788,814
3804	NNT18096	Đỗ Minh Sơn	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	240,145,000	0	240,145,000	181,228,175	58,916,825
3805	NNT14757	Đỗ Phương Anh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	226,218,000	0	226,218,000	181,300,000	44,918,000
3806	NNT17537	Vũ Thị Thủy	Phường Khương Đình, Hà Nội	386,660,822	179,715,822	206,945,000	181,315,196	25,629,804

3807	NNT00495	Lê Quang Thái	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,765,878,951	520,834,951	2,245,044,000	181,326,000	2,063,718,000
3808	NNT19082	Trần Thị Huyền	Xã Thuận An, Hà Nội	419,282,654	82,226,655	337,055,999	181,503,345	155,552,654
3809	NNT11288	Vũ Thị Ngọc	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	670,104,000	0	670,104,000	181,909,210	488,194,790
3810	NNT22179	Nguyễn Văn Thành	Phường Kim Liên, Hà Nội	207,254,000	18,000,000	189,254,000	182,000,000	7,254,000
3811	NNT18681	Phạm Thị Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	401,546,000	70,000,000	331,546,000	182,077,000	149,469,000
3812	NNT13791	Nguyễn Thị Na	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	293,031,000	0	293,031,000	182,324,000	110,707,000
3813	NNT15874	Đỗ Thị Mai Lan	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	307,838,000	0	307,838,000	182,324,100	125,513,900
3814	NNT17770	Nguyễn Danh Tuệ	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	317,460,000	0	317,460,000	182,421,000	135,039,000
3815	NNT01829	Nguyễn Thị Hòa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	613,308,000	0	613,308,000	182,502,000	430,806,000
3816	NNT18785	Phan Thị Thủy	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	825,472,402	182,915,402	642,557,000	182,604,598	459,952,402
3817	NNT12563	Giang Thị Tám	Phường Chũ, Bắc Ninh	576,555,000	0	576,555,000	182,671,000	393,884,000
3818	NNT13732	Lê Thị Lý	Phường Cửa Nam, Hà Nội	520,000,000	20,000,000	500,000,000	182,843,000	317,157,000
3819	NNT11371	Nguyễn Thị Anh	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	320,841,000	0	320,841,000	182,915,000	137,926,000
3820	NNT23540	Đỗ Cẩm Tú	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	15,000,000	185,000,000	183,000,000	2,000,000
3821	NNT24140	Hoàng Thị Tuyết	Phường Phương Liệt, Hà Nội	200,000,000	17,000,000	183,000,000	183,000,000	0

3822	NNT22943	Cù Đình Thái	Xã Đan Phượng, Hà Nội	200,000,000	17,000,000	183,000,000	183,000,000	0
3823	NNT21109	Hoàng Thị Duyên	Xã Gia Lâm, Hà Nội	445,727,772	116,976,772	328,751,000	183,023,228	145,727,772
3824	NNT13897	Hoàng Thị Ngọc Anh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	357,483,554	0	357,483,554	183,218,000	174,265,554
3825	NNT19022	Nguyễn Thị Thìn	Phường Định Công, Hà Nội	657,786,828	171,300,828	486,486,000	183,311,303	303,174,697
3826	NNT13285	Phương Thị Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	356,638,804	9,494,804	347,144,000	183,338,000	163,806,000
3827	NNT11441	Trương Thùy Trang	Phường Việt Hưng, Hà Nội	755,125,000	0	755,125,000	183,360,150	571,764,850
3828	NNT13938	Nguyễn Quốc Trung	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	643,000,000	75,000,000	568,000,000	183,483,830	384,516,170
3829	NNT14679	Vũ Thị Tươi	Xã Mai Sơn, Sơn La	559,135,000	0	559,135,000	183,498,000	375,637,000
3830	NNT17973	Nguyễn Tuấn Thành	Phường Bạch Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	183,500,000	16,500,000
3831	NNT11259	Đỗ Thị Thắm	Xã Hoàng Giang, Thanh Hóa	610,098,747	0	610,098,747	183,600,000	426,498,747
3832	NNT13394	Lê Thị Tuyết Nhung	Phường Tây Hồ, Hà Nội	340,314,000	0	340,314,000	183,604,000	156,710,000
3833	NNT14698	Chang, Wen - Yin	Phường Phú Thượng, Hà Nội	518,135,000	200,000,000	318,135,000	183,646,000	134,489,000
3834	NNT19941	Ân Thị Hồng Nhung	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	496,812,220	89,427,220	407,385,000	183,667,870	223,717,130
3835	NNT16332	Hoàng Thị Minh Hạnh	Phường Phú Thọ, Phú Thọ	308,560,000	0	308,560,000	183,706,000	124,854,000
3836	NNT13201	Phùng Thị Yến	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	415,989,000	0	415,989,000	183,748,000	232,241,000

3837	NNT19164	Bùi Thị Kim Oanh	Phường Lê Lợi, Nghệ An	192,000,000	0	192,000,000	183,895,000	8,105,000
3838	NNT21945	Lê Thanh Huyền	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	213,663,000	0	213,663,000	183,913,000	29,750,000
3839	NNT19263	Nguyễn Thị Toan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	451,005,000	125,000,000	326,005,000	183,932,350	142,072,650
3840	NNT11584	Phan Thị Lê	Xã Nghi Xuân, Hà Tĩnh	851,579,000	118,459,000	733,120,000	183,960,000	549,160,000
3841	NNT20555	Tổng Việt Hồng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	202,127,000	6,000,000	196,127,000	184,000,000	12,127,000
3842	NNT23671	Chu Thị Loan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	16,000,000	184,000,000	184,000,000	0
3843	NNT21470	Nguyễn Văn Phường	Xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên	279,450,000	0	279,450,000	184,000,000	95,450,000
3844	NNT22642	Nguyễn Thị Hiền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	354,966,575	54,966,575	300,000,000	184,200,000	115,800,000
3845	NNT19018	Nguyễn Thị Diên	Phường Định Công, Hà Nội	206,383,000	0	206,383,000	184,301,020	22,081,980
3846	NNT21714	Cù Thu Hà	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	217,946,000	0	217,946,000	184,358,821	33,587,179
3847	NNT19328	Bùi Thị Minh	Phường Thượng Cát, Hà Nội	219,565,000	0	219,565,000	184,375,000	35,190,000
3848	NNT17763	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Phường Hoà Bình, Phú Thọ	220,547,000	0	220,547,000	184,488,371	36,058,629
3849	NNT14743	Nguyễn Hồng Ngọc	Phường Đông Ngạc, hà Nội	540,540,000	81,081,000	459,459,000	184,707,000	274,752,000
3850	NNT20368	Nguyễn Minh Tâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	218,685,000	0	218,685,000	184,741,080	33,943,920
3851	NNT01665	Nguyễn Thanh Tâm	Phường Xuân Đình, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	184,840,000	115,160,000

3852	NNT14115	Trịnh Hồng Giang	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	637,136,000	0	637,136,000	184,864,300	452,271,700
3853	NNT23623	Trần Phương Thảo	P. Nam Định, Ninh Bình	215,826,000	0	215,826,000	184,895,000	30,931,000
3854	NNT21195	Hoàng Thị Kim Hoa	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	500,000,000	135,000,000	365,000,000	185,000,000	180,000,000
3855	NNT21837	Nguyễn Văn Dũng	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	185,000,000	17,020,000
3856	NNT21047	Nguyễn Thị Dương Huyền	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	214,776,000	0	214,776,000	185,000,000	29,776,000
3857	NNT16867	Trần Duy Bình	Phường Hà Đông, Hà Nội	575,031,000	290,000,000	285,031,000	185,025,525	100,005,475
3858	NNT00932	Nguyễn Thị Hồng	Phường Đống Đa, Hà Nội	835,318,000	0	835,318,000	185,096,000	650,222,000
3859	NNT20826	Phùng Hải Chi	Phường Khương Đình, Hà Nội	310,424,000	100,000,000	210,424,000	185,243,000	25,181,000
3860	NNT19220	Đặng Nguyễn Đức Toàn	Phường Quang Hanh, Quảng Ninh	298,247,000	0	298,247,000	185,250,000	112,997,000
3861	NNT14513	Nguyễn Thị Thúy	Xã Yên Thành, Nghệ An	208,333,000	0	208,333,000	185,375,000	22,958,000
3862	NNT14749	Võ Thị Tuyết Nhung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	541,237,000	0	541,237,000	185,449,000	355,788,000
3863	NNT18507	Dương Hồng Trinh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	490,986,314	52,305,314	438,681,000	185,552,533	253,128,467
3864	NNT23813	Nguyễn Tiến Dũng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	207,885,000	22,272,000	185,613,000	185,613,000	0
3865	NNT12273	Lê Thị An Hòa	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	314,207,000	0	314,207,000	185,682,000	128,525,000
3866	NNT19567	Đoàn Phương Đông	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	300,482,000	0	300,482,000	185,707,000	114,775,000

3867	NNT17489	Lê Thị Hán	Phường Hàm Rồng, Thanh Hoá	298,944,000	50,000,000	248,944,000	185,800,000	63,144,000
3868	NNT19628	Phạm Kim Trường	Phường Quảng Yên, Quảng Yên	317,460,000	0	317,460,000	185,957,000	131,503,000
3869	NNT18189	Nguyễn Thùy Dương	Phường Hồng Hà, Hà Nội	355,752,000	0	355,752,000	185,964,000	169,788,000
3870	NNT21964	Nguyễn Thị Kha	Xã Bình Lục, Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	186,000,000	14,000,000
3871	NNT22128	Trần Tường Thanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	186,000,000	22,333,000
3872	NNT21123	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phường Chí Linh, Hải Phòng	282,227,507	82,227,507	200,000,000	186,000,000	14,000,000
3873	NNT16981	Trần Thị Hồng Nhung	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	232,882,000	0	232,882,000	186,096,525	46,785,475
3874	NNT11527	Mai Thị Yên	Xã Nga Sơn, Thanh Hoá	258,922,000	0	258,922,000	186,187,000	72,735,000
3875	NNT17358	Nguyễn Thị Mai Hưng	Phường Tương Mai, Hà Nội	282,842,000	0	282,842,000	186,199,000	96,643,000
3876	NNT11614	Trần Tùng Dương	Xã Quảng Oai, Hà Nội	526,341,000	0	526,341,000	186,233,055	340,107,945
3877	NNT00261	Nguyễn Tuấn Anh	Phường Khương Đình, Hà Nội	829,210,000	0	829,210,000	186,670,800	642,539,200
3878	NNT19436	Tổng Thị Thủy	Xã Đại Thanh, Hà Nội	400,327,000	71,427,507	328,899,493	186,999,000	141,900,493
3879	NNT22308	Phạm Quỳnh Lan	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	187,000,000	13,000,000
3880	NNT19891	Nguyễn Thị Phương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	187,000,000	13,000,000
3881	NNT22413	Nguyễn Thị Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	187,000,000	13,000,000

3882	NNT17700	Phan Thị Trúc	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	246,918,000	0	246,918,000	187,075,371	59,842,629
3883	NNT19213	Trương Thị Thu Huyền	Phường Kim Liên, Hà Nội	250,966,000	0	250,966,000	187,162,320	63,803,680
3884	NNT15872	Nguyễn Thu Thủy	Phường Ba Đình, Hà Nội	954,005,000	48,913,000	905,092,000	187,188,525	717,903,475
3885	NNT22307	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Xã Vân Đình, Hà Nội	260,000,000	39,000,000	221,000,000	187,200,000	33,800,000
3886	NNT22854	Nguyễn Thị Bích Thọ	Phường Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Hà Nội	418,848,000	222,068,000	196,780,000	187,355,920	9,424,080
3887	NNT16287	Trần Mạnh Tiến	Phường Tam Thắng, Bà Rịa Vũng Tàu	324,918,000	48,738,000	276,180,000	187,368,210	88,811,790
3888	NNT10926	Bùi Mạnh Cường	Phường Hồng Hà, Hà Nội	459,658,000	0	459,658,000	187,570,000	272,088,000
3889	NNT19613	Đinh Hoàng Lương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	240,000,000	0	240,000,000	187,673,567	52,326,433
3890	NNT13693	Trương Thị Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	420,337,000	0	420,337,000	187,875,000	232,462,000
3891	NNT06310	Trần Trọng Hải	Phường Bạch Mai, Hà Nội	355,895,000	0	355,895,000	187,879,000	168,016,000
3892	NNT18721	Lê Thị Thủy	Xã Lam Sơn, Thanh Hóa	251,087,000	20,869,000	230,218,000	187,999,900	42,218,100
3893	NNT22222	Bùi Thị Mai Quỳnh	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	403,093,000	212,000,000	191,093,000	188,000,000	3,093,000
3894	NNT21827	Nguyễn Thị Thái Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	213,664,000	0	213,664,000	188,000,000	25,664,000
3895	NNT19688	Lê Thị Tuyết Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	249,972,000	0	249,972,000	188,000,000	61,972,000
3896	NNT20805	Nguyễn Thị Luyến	Xã Kiêu Phú, Hà Nội	238,308,000	0	238,308,000	188,042,000	50,266,000

3897	NNT17756	Ngô Thị Hà	Xã Hoài Đức, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	188,133,356	111,866,644
3898	NNT17713	Nguyễn Việt Hồng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	290,673,000	0	290,673,000	188,520,000	102,153,000
3899	NNT16168	Trần Việt Nga	Phường Bạch Mai, Hà Nội	621,188,000	160,000,000	461,188,000	188,702,002	272,485,998
3900	NNT16477	Lê Thị Thùy	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	400,000,000	50,000,000	350,000,000	188,726,000	161,274,000
3901	NNT19128	Phan Thị Thanh Hoa	Xã Vô Tranh, Thái Nguyên	314,136,000	111,080,000	203,056,000	188,919,880	14,136,120
3902	NNT21967	Phan Thị Tuyết	Phường Thượng Cát, Hà Nội	221,678,000	0	221,678,000	189,000,000	32,678,000
3903	NNT18671	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Xã Hoài Đức, Hà Nội	209,424,000	0	209,424,000	189,000,000	20,424,000
3904	NNT21963	Nguyễn Thị Tài	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	207,794,000	10,000,000	197,794,000	189,000,000	8,794,000
3905	NNT12280	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Phường Yên Hoà, Hà Nội	531,423,547	96,816,273	434,607,274	189,191,000	245,416,274
3906	NNT11280	Vũ Thị Lê Hương	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	432,965,000	0	432,965,000	189,216,380	243,748,620
3907	NNT13320	Nguyễn Thị Hằng	Phường Láng, Hà Nội	3,441,199,000	1,537,644,000	1,903,555,000	189,262,800	1,714,292,200
3908	NNT20362	Bùi Thị Bạch Tuyết	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	209,409,000	0	209,409,000	189,326,000	20,083,000
3909	NNT19928	Trần Thị Hằng	Xã Đại Thanh, Hà Nội	220,122,000	0	220,122,000	189,340,000	30,782,000
3910	NNT15425	Hoàng Văn Tấn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	496,900,000	0	496,900,000	189,443,000	307,457,000
3911	NNT11253	Đào Thị Nguyệt	Phường Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	459,345,000	0	459,345,000	189,517,000	269,828,000

3912	NNT21530	Nguyễn Việt Anh	Xã Dương Hòa, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	189,552,839	17,701,161
3913	NNT00663	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phường Láng, TP Hà Nội	2,449,196,327	26,915,325	2,422,281,002	189,624,295	2,232,656,707
3914	NNT19104	Nguyễn Thúy Sâm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	454,924,174	182,463,174	272,461,000	189,920,000	82,541,000
3915	NNT11197	Dương Trung Hiếu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,031,587,000	310,000,000	721,587,000	189,999,680	531,587,320
3916	NNT19815	Nguyễn Thị An Na	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	190,000,000	12,020,000
3917	NNT15515	Nguyễn Mạnh Hùng	Xã Thanh Trì, Hà Nội	293,470,000	0	293,470,000	190,000,000	103,470,000
3918	NNT19709	Nguyễn Thị Oanh	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	239,577,000	0	239,577,000	190,000,000	49,577,000
3919	NNT20094	Vũ Văn Hanh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	213,903,000	10,000,000	203,903,000	190,000,000	13,903,000
3920	NNT19073	Tạ Thị Thanh Tâm	Phường Bạch Mai, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	190,000,000	60,000,000
3921	NNT24028	Phan Thị Xuân	Phường Quang Hanh, Quảng Ninh	190,000,000	0	190,000,000	190,000,000	0
3922	NNT21709	Nguyễn Thị Hương Sen	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	213,664,000	0	213,664,000	190,000,000	23,664,000
3923	NNT21209	Nguyễn Thị Hồng Diệu	Xã Vũ Quý, Hưng Yên	201,005,000	10,000,000	191,005,000	190,000,000	1,005,000
3924	NNT23145	Ngô Thị Nga	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	10,000,000	190,000,000	190,000,000	0
3925	NNT21673	Lưu Thị Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,904,000	10,000,000	203,904,000	190,000,000	13,904,000
3926	NNT21054	Lê Thị Thiện	Phường Khương Đình, Hà Nội	212,239,000	0	212,239,000	190,000,000	22,239,000

3927	NNT18751	Vũ Thị Phương	Phường Trà Lý, Hưng Yên	473,305,000	227,020,000	246,285,000	190,000,320	56,284,680
3928	NNT18828	Lê Phương Thúy	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	232,139,000	0	232,139,000	190,003,000	42,136,000
3929	NNT21523	Nguyễn Việt Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	266,056,438	0	266,056,438	190,100,000	75,956,438
3930	NNT17647	Phạm Thị Ngoãn	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	500,000,000	237,000,000	263,000,000	190,178,000	72,822,000
3931	NNT16378	Nguyễn Bích Ngọc	Phường Hà Đông, Hà Nội	676,492,000	300,000,000	376,492,000	190,195,000	186,297,000
3932	NNT17229	Vũ Thị Thu Hiền	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	215,054,000	0	215,054,000	190,343,000	24,711,000
3933	NNT23144	Nguyễn Thị Minh Châu	Phường Ba Đình, Hà Nội	245,742,466	46,742,466	199,000,000	190,400,000	8,600,000
3934	NNT20182	Trần Thị Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	254,393,000	0	254,393,000	190,500,000	63,893,000
3935	NNT19034	Đỗ Thị Toan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	321,523,000	0	321,523,000	190,535,000	130,988,000
3936	NNT17543	Phạm Thị Minh Tuyết	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	315,789,000	0	315,789,000	190,537,000	125,252,000
3937	NNT14035	Nguyễn Thúy Phương	phường Ba Đình, TP Hà Nội	295,000,000	0	295,000,000	190,755,000	104,245,000
3938	NNT20503	Thân Viết Luân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	262,786,000	0	262,786,000	190,797,000	71,989,000
3939	NNT20957	Nguyễn Thị Liên	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	268,817,000	40,322,000	228,495,000	190,861,000	37,634,000
3940	NNT19316	Đào Thị Hằng	Xã Bàn Nguyên, Tỉnh Phú Thọ	627,078,744	312,924,744	314,154,000	190,909,576	123,244,424
3941	NNT20894	Nguyễn Minh Quang	Phường Thành Nam, Nam Định	200,000,000	0	200,000,000	191,000,000	9,000,000

3942	NNT22623	Trần Yến Mai	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	401,700,051	201,700,051	200,000,000	191,000,000	9,000,000
3943	NNT19658	Vương Duy Quang	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	191,000,000	11,020,000
3944	NNT18598	Nhữ Văn Lực	Phường Sơn Tây, Hà Nội	251,366,000	0	251,366,000	191,000,000	60,366,000
3945	NNT21009	Nguyễn Lan Phương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	243,386,000	0	243,386,000	191,000,000	52,386,000
3946	NNT11046	Lê Thu Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,000,000,000	430,000,000	570,000,000	191,003,000	378,997,000
3947	NNT00514	Cao Thị Mận	Phường Xuân Đình, Hà Nội	422,453,000	0	422,453,000	191,153,000	231,300,000
3948	NNT22120	Nguyễn Thị Xuân Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	226,728,000	0	226,728,000	191,209,000	35,519,000
3949	NNT17909	Nguyễn Văn Chung	Phường Yên Hòa, Hà Nội	296,391,000	0	296,391,000	191,250,000	105,141,000
3950	NNT15240	Tạ Quang Duy	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	323,204,000	0	323,204,000	191,322,000	131,882,000
3951	NNT21330	Nguyễn Thu Thảo	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	191,327,000	58,673,000
3952	NNT22918	Lê Thị Thanh Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	400,000,000	200,000,000	200,000,000	191,400,000	8,600,000
3953	NNT16113	Hoàng Thị Diệp	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	191,488,000	308,512,000
3954	NNT21097	Phạm Tất Dũng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	300,997,000	0	300,997,000	191,500,000	109,497,000
3955	NNT14838	Nguyễn Thị Lân	Phường Hà Đông, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	191,577,000	208,423,000
3956	NNT11330	Kim Min Su	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	203,500,000	11,880,000	191,620,000	191,620,000	0

3957	NNT17503	Nguyễn Thị Minh Hồng	Phường Ba Đình, Hà Nội	273,224,000	0	273,224,000	192,000,000	81,224,000
3958	NNT21441	Lê Anh Tuấn	Phường Yên Hòa, Hà Nội	349,875,000	143,342,000	206,533,000	192,000,000	14,533,000
3959	NNT16074	Trần Khánh Ly	Phường Khương Đình, Hà Nội	312,998,000	0	312,998,000	192,000,000	120,998,000
3960	NNT21030	Nguyễn Thị Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	192,000,000	8,000,000
3961	NNT21071	Nguyễn Hoàng Anh Phương	Phường Nam Định, Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	192,000,000	8,000,000
3962	NNT22396	Bùi Phương Thanh	Xã Bim Sơn, Thanh Hóa	200,000,000	0	200,000,000	192,000,000	8,000,000
3963	NNT21029	Nguyễn Thị Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	192,000,000	8,000,000
3964	NNT16457	Nguyễn Thị Kim Nhung	Phường Xuân Phương, Hà Nội	276,503,000	0	276,503,000	192,100,000	84,403,000
3965	NNT16442	Nguyễn Thị Minh Hằng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,444,000,068	476,757,068	967,243,000	192,256,932	774,986,068
3966	NNT02043	Bùi Minh Thư	Phường Hà Đông, Hà Nội	322,439,000	0	322,439,000	192,282,040	130,156,960
3967	NNT21844	Nguyễn Loan Phương	Xã Cổ Đô, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	192,500,000	7,500,000
3968	NNT20088	Nguyễn Gia Khánh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	321,939,000	0	321,939,000	192,513,365	129,425,635
3969	NNT23695	Đỗ Hữu Tùng	Phường Phú Lương, Hà Nội	243,133,000	50,000,000	193,133,000	192,561,300	571,700
3970	NNT17564	Lý Thị Khoản	Xã Chiêm Hoá, Tuyên Quang	411,782,484	113,073,484	298,709,000	192,599,000	106,110,000
3971	NNT21592	Nguyễn Thị Bích Hương	Xã Mê Linh, Hà Nội	322,736,953	0	322,736,953	192,800,000	129,936,953

3972	NNT15774	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	192,992,000	230,288,000
3973	NNT17174	Bùi Thị Hạnh	Xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh	200,000,000	0	200,000,000	193,000,000	7,000,000
3974	NNT22450	Ninh Thị Minh Thanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	193,000,000	13,186,000
3975	NNT21332	Trần Thị Dung	Phường Dương Nội, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	193,000,000	7,000,000
3976	NNT01240	Đặng Thúy Anh	Phường Kim Liên, Hà Nội	846,600,637	234,158,637	612,442,000	193,015,000	419,427,000
3977	NNT21052	Nguyễn Thị Hồng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	193,059,000	56,941,000
3978	NNT01008	Trần Văn Đường	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	1,250,040,000	0	1,250,040,000	193,081,065	1,056,958,935
3979	NNT14195	Nguyễn Thị Lệ Chi	Phường Kim Liên, Hà Nội	657,173,000	0	657,173,000	193,304,500	463,868,500
3980	NNT23036	Đoàn Văn Hà	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	193,350,000	6,650,000
3981	NNT23060	Lê Trung	Phường Ba Đình, Hà Nội	246,394,521	46,394,521	200,000,000	193,400,000	6,600,000
3982	NNT23082	Bùi Thị Thơm	Xã HÀ Bắc, Hải Phòng	304,082,000	70,000,000	234,082,000	193,498,630	40,583,370
3983	NNT19068	Hoàng Minh Hằng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	221,836,000	0	221,836,000	193,557,000	28,279,000
3984	NNT15803	Lê Thị Nhung	Phường Bạch Mai , Hà Nội	263,260,000	0	263,260,000	193,613,055	69,646,945
3985	NNT20481	Nguyễn Thị Mai Thanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	263,158,000	5,000,000	258,158,000	193,750,000	64,408,000
3986	NNT11042	Nguyễn Thị Nhâm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	385,608,000	0	385,608,000	193,774,000	191,834,000

3987	NNT01350	Lê Thị Ngọc	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	492,200,000	298,418,496	193,781,504	193,781,504	0
3988	NNT18800	Phùng Xuân Nguyên	Xã Gia Lâm, Hà Nội	672,126,562	218,981,562	453,145,000	193,869,438	259,275,562
3989	NNT17705	Ngọc Thị Hồng Luyến	Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	319,167,000	16,130,000	303,037,000	193,973,775	109,063,225
3990	NNT21739	Nguyễn Thị Nguyệt	Phường Giảng Võ, Hà Nội	214,776,000	0	214,776,000	194,000,000	20,776,000
3991	NNT22863	Nguyễn Xuân Long	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	194,000,000	6,000,000
3992	NNT20307	Trương Thái Hà	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	215,959,000	0	215,959,000	194,000,000	21,959,000
3993	NNT13990	Nguyễn Thành Chung	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	556,133,360	83,695,180	472,438,180	194,054,820	278,383,360
3994	NNT20211	Nguyễn Thị Vân	Xã Tùng Thiện, Hà Nội	517,075,000	250,000,000	267,075,000	194,148,000	72,927,000
3995	NNT15430	Lê Văn Bình	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	318,557,000	0	318,557,000	194,308,000	124,249,000
3996	NNT13256	Lê Thị Kim Nụ	Phường Đồng Đa, Hà Nội	713,655,614	130,151,614	583,504,000	194,315,000	389,189,000
3997	NNT23266	Trần Hoàng Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	637,084,931	303,609,315	333,475,616	194,400,000	139,075,616
3998	NNT11430	Nguyễn Thị Vinh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	941,922,000	0	941,922,000	194,437,000	747,485,000
3999	NNT02158	Phùng Thị Mai Lan	Phường Hồng Hà, Hà Nội	700,000,000	148,000,000	552,000,000	194,440,000	357,560,000
4000	NNT23508	Đương Thị Cam	Xã Gia Lâm, Hà Nội	204,081,000	0	204,081,000	194,600,000	9,481,000
4001	NNT23372	Nguyễn Thanh Thủy	Xã Gia Lâm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	194,700,000	5,300,000

4002	NNT19041	Nguyễn Mạnh Hải	Phường Bồ Đề, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	194,768,000	55,232,000
4003	NNT21717	Nguyễn Thị Nhi	Phường Việt Hưng, Hà Nội	202,352,000	0	202,352,000	194,880,000	7,472,000
4004	NNT11636	Vũ Thị Huyền Trang	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	671,810,000	9,000,000	662,810,000	194,928,000	467,882,000
4005	NNT21794	Nguyễn Văn Tuyển	Phường Kim Liên, Hà Nội	238,104,000	0	238,104,000	194,999,820	43,104,180
4006	NNT22932	Bùi Phương Hiền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	200,000,000	5,000,000	195,000,000	195,000,000	0
4007	NNT22766	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Phường Đồng Đa, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	195,000,000	7,020,000
4008	NNT22618	Phùng Thị Mỹ Sinh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	400,000,000	200,000,000	200,000,000	195,000,000	5,000,000
4009	NNT19313	Võ Thị Quế	Phường Ba Đình, Hà Nội	296,143,000	0	296,143,000	195,000,000	101,143,000
4010	NNT22974	Nguyễn Thị Nhung	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	195,314,000	4,686,000
4011	NNT19454	Đinh Thị Cúc	Xã Hoài Đức, Hà Nội	222,232,000	0	222,232,000	195,445,595	26,786,405
4012	NNT21781	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	275,243,000	24,746,000	250,497,000	195,469,000	55,028,000
4013	NNT15023	Lê Văn Anh	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	248,806,000	0	248,806,000	195,500,000	53,306,000
4014	NNT21015	Lê Mai Nga Giao Tiên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	261,288,963	54,029,963	207,259,000	195,500,000	11,759,000
4015	NNT18773	Trần Thị Luân	Xã Đan Hải, Hà Tĩnh	257,732,000	0	257,732,000	195,697,000	62,035,000
4016	NNT01303	Ngô Thanh Thủy	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,903,414,298	238,986,000	1,664,428,298	195,701,000	1,468,727,298

4017	NNT01808	Đoàn Thái Hà	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	735,468,242	319,719,242	415,749,000	195,803,000	219,946,000
4018	NNT14805	Lê Thị Thu Hằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	195,868,986	104,131,014
4019	NNT24160	Vũ Thị Thanh	Phường Định Công, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	196,000,000	4,000,000
4020	NNT16586	Lê Như Tiến	Phường Ba Đình, Hà Nội	350,000,000	154,000,000	196,000,000	196,000,000	0
4021	NNT21504	Nguyễn Minh Dũng	Phường Xuân đình, Hà Nội	212,596,000	0	212,596,000	196,000,000	16,596,000
4022	NNT18371	Nguyễn Vương Linh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	307,880,000	0	307,880,000	196,078,000	111,802,000
4023	NNT22705	Nguyễn Thị Thống	Phường Láng, Hà Nội	292,319,453	92,319,453	<u>200,000,000</u>	196,274,000	<u>3,726,000</u>
4024	NNT12889	Hoàng Hữu Hồng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,140,852,346	575,914,346	564,938,000	196,351,000	368,587,000
4025	NNT23288	Nguyễn Thị Bạch Yến	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	196,467,000	3,533,000
4026	NNT23329	Nguyễn Thị Kim Thanh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	196,467,000	3,533,000
4027	NNT23360	Nguyễn Hòa Bình	Phường Giảng Võ, hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	196,467,000	3,533,000
4028	NNT23419	Đào Viết Mỹ	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	202,040,000	0	202,040,000	196,500,000	5,540,000
4029	NNT14354	Nguyễn Thị Trần Minh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	398,026,000	10,000,000	388,026,000	196,608,455	191,417,545
4030	NNT14765	Nguyễn Thị Hằng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	475,435,000	0	475,435,000	196,769,310	278,665,690
4031	NNT15020	Lý Thị Ngọc Lan	Phường Tương Mai, Hà Nội	518,862,000	0	518,862,000	196,775,000	322,087,000

4032	NNT14611	Nguyễn Thanh Nga	Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	438,595,000	49,395,000	389,200,000	196,831,995	192,368,005
4033	NNT23006	Nguyễn Bích Ngọc	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	196,840,000	3,160,000
4034	NNT21406	Phạm Quang Vinh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	196,981,575	53,018,425
4035	NNT14547	Nguyễn Thị Việt Nga	Phường Hà Đông, Hà Nội	278,686,000	0	278,686,000	197,000,000	81,686,000
4036	NNT21433	Trần Thị Hồng	Xã Dương Hòa, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	197,000,000	10,254,000
4037	NNT21447	Lưu Thị Bích Thủy	Xã Đại Thanh, Hà Nội	252,214,000	0	252,214,000	197,000,000	55,214,000
4038	NNT21503	Trần Thị Hoài	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	207,254,000	0	207,254,000	197,000,000	10,254,000
4039	NNT21774	Nguyễn Văn Nhã	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,000,000	3,000,000
4040	NNT23171	Nguyễn Thúy Vân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,000,000	3,000,000
4041	NNT23180	Nguyễn Thị Bạch Yến	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	247,439,821	39,084,821	208,355,000	197,000,000	11,355,000
4042	NNT21374	Đỗ Thị Nội	Phường Láng, Hà Nội	215,054,000	0	215,054,000	197,000,000	18,054,000
4043	NNT21590	Vũ Thị Ten	Phường Long Biên, Hà Nội	297,354,573	83,450,573	213,904,000	197,150,000	16,754,000
4044	NNT21069	Lý Quốc Nam	Phường Bồ Đề, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	197,200,000	11,133,000
4045	NNT20992	Lê Thị Bích Hồng	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	206,186,000	0	206,186,000	197,200,000	8,986,000
4046	NNT21432	Nguyễn Đắc Chung	Xã Dương Hòa, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	197,200,000	10,054,000

4047	NNT23028	Nguyễn Văn Hải	Phường Kim Liên, Hà Nội	204,081,000	0	204,081,000	197,303,380	6,777,620
4048	NNT23014	Tào Văn Đức	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,304,000	2,696,000
4049	NNT22866	Lê Thị Hồng Gấm	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	204,081,000	0	204,081,000	197,306,000	6,775,000
4050	NNT22561	Đoàn Thị Hà Mai	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	204,082,000	0	204,082,000	197,316,000	6,766,000
4051	NNT23066	Đỗ Thị Thu Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,350,000	2,650,000
4052	NNT23048	Nguyễn Thị Hương Ngát	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,385,000	2,615,000
4053	NNT22433	Nguyễn Thị Lan Anh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	262,091,311	54,837,311	207,254,000	197,400,000	9,854,000
4054	NNT22348	Vũ Văn Khởi	Xã Kim Thành, Hải Phòng	213,904,000	0	213,904,000	197,400,000	16,504,000
4055	NNT23088	Nguyễn Kim Hạnh	Phường Xuân Phương, Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	197,400,000	32,600,000
4056	NNT22996	Trần Minh Phương	Phường Bồ Đề, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,400,000	2,600,000
4057	NNT23020	Trần Thị Nhẫn	Xã Đoàn Hùng, Phú Thọ	204,081,000	0	204,081,000	197,400,000	6,681,000
4058	NNT21645	Tạ Thị Vân	Phường Khương Đình, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	197,400,000	9,854,000
4059	NNT23064	Nguyễn Thị Bình	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	197,400,000	2,600,000
4060	NNT22920	Trịnh Hồng Hạnh	Phường Hà Đông, Hà Nội	242,048,219	42,048,219	200,000,000	197,400,000	2,600,000
4061	NNT22342	Trần Thị Kim Thu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	197,400,110	9,853,890

4062	NNT22386	Lê Thị Lữ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	238,342,000	0	238,342,000	197,400,110	40,941,890
4063	NNT22431	Lưu Thị Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	197,400,240	16,503,760
4064	NNT15288	Lã Thu Thảo	Phường Tương Mai, Hà Nội	226,425,000	0	226,425,000	197,500,500	28,924,500
4065	NNT21339	Kiều Thị Kim Trâm	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	237,113,000	0	237,113,000	197,700,000	39,413,000
4066	NNT13583	Đặng Thị Kim Trinh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	414,508,000	30,000,000	384,508,000	197,812,000	186,696,000
4067	NNT14186	Trần Thanh Tịnh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	466,396,000	0	466,396,000	197,836,305	268,559,695
4068	NNT15989	Nguyễn Lan Hương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	287,113,000	0	287,113,000	197,882,000	89,231,000
4069	NNT00187	Nguyễn Thị Minh Thu	Xã Đông Anh, Hà Nội	311,426,000	0	311,426,000	197,930,000	113,496,000
4070	NNT14951	Phan Thị Thúy	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	302,072,000	0	302,072,000	197,958,715	104,113,285
4071	NNT22609	Nguyễn Thùy Linh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	198,000,000	2,000,000
4072	NNT23555	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Yên Hoà, Hà Nội	234,789,041	34,789,041	200,000,000	198,000,000	2,000,000
4073	NNT22761	Trần Văn Hình	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	198,000,000	2,000,000
4074	NNT23656	Vũ Trí Hiếu	Phường Chu Văn An, Hải Phòng	200,000,000	0	200,000,000	198,000,000	2,000,000
4075	NNT23614	Trần Thị Kim Dung	Phường Yên Hoà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	198,000,000	2,000,000
4076	NNT23615	Nguyễn Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	198,000,000	2,000,000

4077	NNT00593	Vũ Thị Thiêm	Phường Long Biên, Hà Nội	837,696,000	100,000,000	737,696,000	198,014,000	539,682,000
4078	NNT22676	Nguyễn Thị Thu Hoài	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	230,408,000	30,000,000	200,408,000	198,041,300	2,366,700
4079	NNT21544	Nguyễn Thanh Hằng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	216,000,000	0	216,000,000	198,180,000	17,820,000
4080	NNT18101	Trương Thị Huế	Phường Tiên Sơn, Ninh Bình	286,298,000	0	286,298,000	198,197,000	88,101,000
4081	NNT01543	Phạm Bá Kiên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	637,819,973	173,634,973	464,185,000	198,200,000	265,985,000
4082	NNT15942	Lê Mai Thu Huyền	Phường Sầm Sơn, Thanh Hóa	227,427,000	0	227,427,000	198,430,000	28,997,000
4083	NNT20636	Nguyễn Sơn Tùng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	374,926,711	68,675,711	306,251,000	198,599,289	107,651,711
4084	NNT11340	Nguyễn Thị Cử	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	390,938,000	0	390,938,000	198,615,000	192,323,000
4085	NNT14318	Phạm Mạnh Cường	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	485,598,000	0	485,598,000	198,647,120	286,950,880
4086	NNT00359	Lê Văn Phúc	Phường Bồ Đề, Hà Nội	423,669,000	0	423,669,000	198,726,450	224,942,550
4087	NNT20057	Nguyễn Lan Thanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	268,674,344	19,800,344	248,874,000	198,900,774	49,973,226
4088	NNT23527	Trương Thị Thu Hòa	Phường Việt Hưng, Hà Nội	201,010,000	0	201,010,000	198,920,000	2,090,000
4089	NNT15562	Lê Thị Lương	Phường Phú Lương, Hà Nội	317,030,000	0	317,030,000	198,999,700	118,030,300
4090	NNT23201	Đỗ Thị Hạnh	Phường Hà Đông, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	199,000,000	1,000,000
4091	NNT15434	Nguyễn Văn Hiền	Xã Thanh Trì, Hà Nội	437,068,000	0	437,068,000	199,000,000	238,068,000

4092	NNT21989	Hoàng Thị Lệ Hương	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	207,254,000	0	207,254,000	199,000,000	8,254,000
4093	NNT22075	Tổng Thị Mai Hương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	244,446,000	0	244,446,000	199,000,000	45,446,000
4094	NNT22823	Nguyễn Minh Quân	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	199,000,000	1,000,000
4095	NNT12592	Vũ Thị Thảo	Xã Cổ Đô, Hà Nội	454,690,000	0	454,690,000	199,000,150	255,689,850
4096	NNT16537	Trần Thị Thu Hà	Phường Láng, TP Hà Nội	357,901,000	0	357,901,000	199,027,000	158,874,000
4097	NNT11233	Trần Thị Bích Thủy	Xã Bình Hưng, Hồ Chí Minh	815,904,000	0	815,904,000	199,053,600	616,850,400
4098	NNT12120	Nguyễn Thế Vũ	Phường Ba Đình , Hà Nội	501,564,000	0	501,564,000	199,088,000	302,476,000
4099	NNT19555	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	265,000,000	0	265,000,000	199,280,000	65,720,000
4100	NNT21755	Bùi Văn Giao	Phường Láng, hà nội	245,000,000	0	245,000,000	199,308,000	45,692,000
4101	NNT11808	Lê Hải Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,167,601,000	44,560,000	1,123,041,000	199,345,000	923,696,000
4102	NNT21101	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	264,550,000	0	264,550,000	199,404,000	65,146,000
4103	NNT19970	Nguyễn Thị Thi	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	264,498,000	0	264,498,000	199,467,170	65,030,830
4104	NNT20522	Nguyễn Thị Liên Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	233,917,000	0	233,917,000	199,473,535	34,443,465
4105	NNT18103	Hà Thị Thêm	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	254,961,000	0	254,961,000	199,500,000	55,461,000
4106	NNT22747	Nguyễn Huy Hiệu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	199,500,000	500,000

4107	NNT17964	Phùng Thị Hương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	199,500,000	6,686,000
4108	NNT18814	Nguyễn Trường Sơn	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	327,296,000	0	327,296,000	199,500,000	127,796,000
4109	NNT23718	Hoàng Mộc Kiên	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	227,762,740	27,762,740	200,000,000	199,500,000	500,000
4110	NNT20158	Phạm Thị Anh	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	241,586,000	0	241,586,000	199,652,000	41,934,000
4111	NNT15642	Nguyễn Hải Anh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	234,417,000	0	234,417,000	199,750,000	34,667,000
4112	NNT21502	Nguyễn Thị Hoan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	216,654,000	0	216,654,000	199,799,380	16,854,620
4113	NNT21468	Vi Văn Ngợi	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	298,878,000	0	298,878,000	199,800,000	99,078,000
4114	NNT19351	Đinh Thúy Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	251,467,000	0	251,467,000	199,950,000	51,517,000
4115	NNT21577	Trần Hồng Ngọc	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	213,660,000	0	213,660,000	199,997,000	13,663,000
4116	NNT22412	Phùng Thị Thi	Phường Hải An, Hải Phòng	245,711,000	0	245,711,000	199,998,145	45,712,855
4117	NNT17876	Nguyễn Trần Vân Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	254,959,000	0	254,959,000	199,998,570	54,960,430
4118	NNT19449	Nguyễn Thị Kim Sương	Xã Thắng Điện, Đà Nẵng	280,252,000	0	280,252,000	199,998,660	80,253,340
4119	NNT19894	Nguyễn Thị Hương	Xã Ô Diên, Hà Nội	340,540,000	0	340,540,000	199,999,000	140,541,000
4120	NNT23357	Vũ Thị Gấm	Phường Quang Hanh, Quảng Ninh	214,880,000	0	214,880,000	199,999,210	14,880,790
4121	NNT18156	Ngô Thị Oanh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	251,050,000	0	251,050,000	199,999,240	51,050,760

4122	NNT22953	Phạm Thị Phương Dung	Phường Khương Đình, Hà Nội	254,820,895	48,086,895	206,734,000	199,999,320	6,734,680
4123	NNT22654	Đinh Thị Thanh Hằng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	199,999,700	10,526,300
4124	NNT22752	Nguyễn Văn Bình	Phường Láng, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	199,999,800	2,020,200
4125	NNT22736	Trần Thị Thu Hằng	Xã Thuận An, Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	200,000,000	30,000,000
4126	NNT23287	Trịnh Thị Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4127	NNT20190	Trần Thị Hải Hòa	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	264,595,000	0	264,595,000	200,000,000	64,595,000
4128	NNT22164	Đào Thị Thanh Hương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	232,537,000	0	232,537,000	200,000,000	32,537,000
4129	NNT23832	Dương Đức Kính	Phường Xuân Phương, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4130	NNT18775	Trần Cao Cường	Xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	298,982,000	0	298,982,000	200,000,000	98,982,000
4131	NNT19283	Hoàng Thị Đức Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	484,210,000	30,671,000	453,539,000	200,000,000	253,539,000
4132	NNT23134	Nguyễn Trí Thành	Phường Định Công, Hà Nội	408,162,000	204,081,000	204,081,000	200,000,000	4,081,000
4133	NNT22509	Đặng Thị Nụ	Phường Khương Đình, Hà Nội	433,369,000	200,000,000	233,369,000	200,000,000	33,369,000
4134	NNT20592	Nguyễn Văn Duyên	Xã Cổ Đô, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	200,000,000	10,526,000
4135	NNT20766	Hoàng Thị May	Phường Dương Nội, Hà Nội	253,527,000	0	253,527,000	200,000,000	53,527,000
4136	NNT22646	Bùi Thị Thu Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0

4137	NNT24318	Phạm Thị Hà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4138	NNT23897	Trần Văn Khuê	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	218,520,548	18,520,548	200,000,000	200,000,000	0
4139	NNT22593	Đỗ Văn Cẩm	Phường Khương Đình, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	200,000,000	7,254,000
4140	NNT22570	Nguyễn Thùy Linh	Phường Phúc Yên, Phú Thọ	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4141	NNT24122	Nguyễn Thị Mỹ	Phường Tương Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4142	NNT21612	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	200,000,000	8,333,000
4143	NNT22867	Nguyễn Thị Thanh Nga	Xã Nguyệt Đức, Phú Thọ	239,884,000	0	239,884,000	200,000,000	39,884,000
4144	NNT22017	Lê Thị Thanh Hương	Phường Liên Hòa, Quảng Ninh	523,572,000	261,786,000	261,786,000	200,000,000	61,786,000
4145	NNT21305	Nguyễn Thị Loan	Phường Xuân Phương, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4146	NNT24156	Đinh Tuấn Tú	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4147	NNT22895	Vũ Thị Thanh Thủy	Phường Bồ Đề, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4148	NNT22837	Phan Thị Hồng Huệ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	200,000,000	10,526,000
4149	NNT23062	Dương Thị Phượng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	206,786,000	0	206,786,000	200,000,000	6,786,000
4150	NNT22139	Nguyễn Thành Chương	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	211,672,000	0	211,672,000	200,000,000	11,672,000
4151	NNT20612	Tô Quốc Hưng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	263,859,000	0	263,859,000	200,000,000	63,859,000

4152	NNT24037	Lê Văn Phú	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4153	NNT23998	Hà Đàm Tú	Phường Hoàng Mai Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4154	NNT22148	Nguyễn Thùy Linh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4155	NNT21528	Đoàn Thị Kim Thanh	Phường Ba Đình, Hà Nội	215,054,000	0	215,054,000	200,000,000	15,054,000
4156	NNT23848	Phùng Thị Khánh Linh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	233,254,795	33,254,795	200,000,000	200,000,000	0
4157	NNT21832	Chu Thị Hòa	Phường Bồ Đề, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4158	NNT21720	Lê Thị Huyền	Xã Mai Hoa, Hà Tĩnh	250,886,000	0	250,886,000	200,000,000	50,886,000
4159	NNT21467	Nguyễn Thị Tơ	Xã Thanh Trì, Hà Nội	252,466,000	0	252,466,000	200,000,000	52,466,000
4160	NNT23095	Chu Lan Phương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	202,600,000	0	202,600,000	200,000,000	2,600,000
4161	NNT19302	Trần Thị Thêu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	234,000,000	0	234,000,000	200,000,000	34,000,000
4162	NNT23838	Phạm Thị Liên	Phường Yên Hoà, Cầu Giấy	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4163	NNT21567	Trần Hữu Phòng	Phường Kim Liên, Hà Nội	216,548,000	0	216,548,000	200,000,000	16,548,000
4164	NNT22255	Lê Tiến Hạnh	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	434,782,000	217,391,000	217,391,000	200,000,000	17,391,000
4165	NNT21080	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Bồ Đề, Hà Nội	215,053,000	0	215,053,000	200,000,000	15,053,000
4166	NNT23685	Nguyễn Văn Thành	Phường Phú Lương, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0

4167	NNT15981	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	305,413,000	0	305,413,000	200,000,000	105,413,000
4168	NNT22643	Kim Hakshik	Phường Từ Liêm, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	200,000,000	2,020,000
4169	NNT19692	Bùi Thị Hương	Xã Gia Hanh, Hà Tĩnh	368,986,000	106,952,000	262,034,000	200,000,000	62,034,000
4170	NNT20545	Đặng Thị Hán	Phường Láng, Hà Nội	233,809,000	0	233,809,000	200,000,000	33,809,000
4171	NNT20654	Trần Thu Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	256,209,000	0	256,209,000	200,000,000	56,209,000
4172	NNT24158	Lê Trần Thừa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	204,081,000	0	204,081,000	200,000,000	4,081,000
4173	NNT22674	Hoàng Thị Thúy Hằng	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	427,808,000	213,904,000	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4174	NNT23605	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Phường Cửa Nam, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	200,000,000	6,186,000
4175	NNT22857	Đoàn Thị Hằng	Phường Tân Phong, Lai Châu	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4176	NNT23617	Nguyễn Thị Nga	Xã Táy Phưng, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	200,000,000	6,186,000
4177	NNT20453	Cao Thị Hồng Ánh	Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	200,000,000	10,526,000
4178	NNT23943	Vũ Thị Huyền	Xã Giao Thủy, Tỉnh Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4179	NNT15778	Yang Yong	Phường Yên Hoà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4180	NNT18111	Vương Thanh Hằng	Phường Tây Tựu, Hà Nội	259,141,000	0	259,141,000	200,000,000	59,141,000
4181	NNT22257	Vương Lê Thanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	250,872,000	0	250,872,000	200,000,000	50,872,000

4182	NNT23770	Vũ Mạnh Tiến	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	225,878,466	25,878,466	200,000,000	200,000,000	0
4183	NNT22749	Võ Thị Vân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4184	NNT22819	Trịnh Thị Thu Hằng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	200,000,000	6,186,000
4185	NNT23129	Trịnh Hằng Nga	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	200,000,000	30,000,000
4186	NNT24300	Trần Thị Kim Lan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4187	NNT19038	Trần Thị Huyền Mi	Phường Đồng Đa, Hà Nội	311,790,000	0	311,790,000	200,000,000	111,790,000
4188	NNT17027	Trần Minh Tuấn	Phường Đồng Đa Hà Nội	410,099,000	150,000,000	260,099,000	200,000,000	60,099,000
4189	NNT24205	Trần Đức	Phường Cửa Nam, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4190	NNT23141	Tổng Thị Minh Xuân	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4191	NNT22508	Phạm Văn Nguyên	Phường Trà Lý, Hưng Yên	300,000,000	100,000,000	200,000,000	200,000,000	0
4192	NNT17811	Phạm Tuấn Minh	Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình	282,787,000	0	282,787,000	200,000,000	82,787,000
4193	NNT19203	Phạm Thị Hồng Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	307,573,000	0	307,573,000	200,000,000	107,573,000
4194	NNT21632	Phạm Thị Bích Nguyệt	Xã Xuân Trường, Ninh Bình	209,948,000	0	209,948,000	200,000,000	9,948,000
4195	NNT22656	Nguyễn Xuân Vinh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội.	255,809,901	53,486,901	202,323,000	200,000,000	2,323,000
4196	NNT19765	Nguyễn Xuân Hiếu	Xã Tuyên Hóa, Quảng Trị	258,922,000	0	258,922,000	200,000,000	58,922,000

4197	NNT23103	Nguyễn Văn Đông	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	206,186,000	0	206,186,000	200,000,000	6,186,000
4198	NNT21621	Nguyễn Thị Xếp	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	253,439,000	0	253,439,000	200,000,000	53,439,000
4199	NNT22671	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	200,000,000	2,020,000
4200	NNT23188	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Xã Sơn Dương, Tuyên Quang	204,081,000	0	204,081,000	200,000,000	4,081,000
4201	NNT23686	Nguyễn Thị Phượng Mây	Phường Xuân Đình, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	200,000,000	7,254,000
4202	NNT21105	Nguyễn Thị Phương Huy	Phường Tây Hồ, Hà Nội	250,634,000	0	250,634,000	200,000,000	50,634,000
4203	NNT21228	Nguyễn Thị May	Phường Xuân Đình, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4204	NNT22753	Nguyễn Thị Mão	Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	200,000,000	10,526,000
4205	NNT22822	Nguyễn Thị Mai Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	202,020,000	0	202,020,000	200,000,000	2,020,000
4206	NNT23058	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	206,786,000	0	206,786,000	200,000,000	6,786,000
4207	NNT22606	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	200,000,000	7,254,000
4208	NNT21099	Nguyễn Thị Chuyên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	531,033,000	284,041,000	246,992,000	200,000,000	46,992,000
4209	NNT18793	Nguyễn Thanh Thủy	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	366,145,250	0	366,145,250	200,000,000	166,145,250
4210	NNT23632	Nguyễn Phương Thảo	Phường Bạch Mai, Hà Nội	212,371,000	0	212,371,000	200,000,000	12,371,000
4211	NNT21667	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	Phường Phương Liệt, Hà Nội	413,440,000	200,000,000	213,440,000	200,000,000	13,440,000

4212	NNT20232	Nguyễn Linh Nga	Phường Láng, Hà Nội	427,807,000	200,000,000	227,807,000	200,000,000	27,807,000
4213	NNT23963	Nguyễn Hữu Sơn	Phường Xuân Đình, Hà Nội	206,612,000	0	206,612,000	200,000,000	6,612,000
4214	NNT22266	Nguyễn Hoài Ngọc	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4215	NNT22051	Nguyễn Đức Hợp	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	208,290,000	0	208,290,000	200,000,000	8,290,000
4216	NNT23944	Nguyễn Đức Công	Xã Đại Đồng, Bắc Ninh	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4217	NNT21224	Nguyễn Đỗ Quốc Dũng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	218,185,000	0	218,185,000	200,000,000	18,185,000
4218	NNT21826	Nguyễn Diệu Hoa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	214,286,000	0	214,286,000	200,000,000	14,286,000
4219	NNT20967	Ngô Thị Thanh Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	200,000,000	8,333,000
4220	NNT21488	Ngô Thị Oanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	249,152,000	0	249,152,000	200,000,000	49,152,000
4221	NNT24066	Ngô Thị Nghi	Phường Lý Thường Kiệt, Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4222	NNT21482	Mẫu Thắm Vân	Phường Xuân Đình, Hà Nội	213,684,000	0	213,684,000	200,000,000	13,684,000
4223	NNT20495	Mai Thị Ngoãn	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	265,996,000	0	265,996,000	200,000,000	65,996,000
4224	NNT20126	Lương Tâm Phúc	Phường Hà Đông, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	200,000,000	10,526,000
4225	NNT23844	Lê Thị Kim Thanh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4226	NNT22906	Hoàng Thị Bích	Xã Tân Lĩnh, Lào Cai	202,020,000	0	202,020,000	200,000,000	2,020,000

4227	NNT23999	Hà Anh Tuấn	Phường Tương Mai, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4228	NNT22022	Đoàn Tư Thoan	Xã Lương Tài, Bắc Ninh	214,973,000	0	214,973,000	200,000,000	14,973,000
4229	NNT23339	Đỗ Văn Cẩm	Phường Khương Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4230	NNT23553	Đinh Thị Thu Trang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	200,000,000	6,186,000
4231	NNT23117	Đinh Thị Lệ Thúy	Xã Xuân Trường, Ninh Bình	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4232	NNT22757	Đào Văn Hùng	Phường Định Công, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4233	NNT23532	Đào Thúy Hạnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4234	NNT17750	Đào Lê Huy	Phường Từ Liêm, Hà Nội	206,825,000	0	206,825,000	200,000,000	6,825,000
4235	NNT23927	Đặng Việt Chất	Xã Quảng Bị, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4236	NNT20778	Cao Thị Thu Hương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	258,361,000	0	258,361,000	200,000,000	58,361,000
4237	NNT24095	Cao Thị Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0
4238	NNT24035	Bùi Thị Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	205,884,000	0	205,884,000	200,000,000	5,884,000
4239	NNT23646		Phường Ngọc Hà, Hà Nội	207,253,000	0	207,253,000	200,000,000	7,253,000
4240	NNT21879	Vũ Thị Hồng Thúy	Xã Hòa Xá, Hà Nội	269,997,000	0	269,997,000	200,000,000	69,997,000
4241	NNT23958	Phạm Thị Thảo	Phường Hồng Hà, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	200,000,000	0

4242	NNT22055	Nguyễn Văn Quý	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	213,904,000	0	213,904,000	200,000,000	13,904,000
4243	NNT21380	Đoàn Doãn Thị Bích Vân	Phường Láng, Hà Nội	214,776,000	0	214,776,000	200,000,000	14,776,000
4244	NNT20927	Trần Thị Trâm	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	299,436,000	54,645,000	244,791,000	200,000,175	44,790,825
4245	NNT16406	Nguyễn Đình Hậu	Xã Vĩnh Bảo, Hải Phòng	280,513,000	0	280,513,000	200,000,210	80,512,790
4246	NNT22788	Lương Minh Phương	Xã Trục Ninh, Ninh Bình	213,904,000	0	213,904,000	200,000,240	13,903,760
4247	NNT23876	Dương Thanh Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	204,082,000	0	204,082,000	200,000,360	4,081,640
4248	NNT16994	Đỗ Thị Trung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	232,279,000	0	232,279,000	200,000,371	32,278,629
4249	NNT22848	Đinh Thị Tuyết Nga	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	200,000,420	6,185,580
4250	NNT20925	Nguyễn Thị Hoa	Xã Quốc Oai, Hà Nội	420,090,000	200,000,000	220,090,000	200,001,000	20,089,000
4251	NNT17927	Phạm Đức Tuệ	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	325,640,000	14,671,000	310,969,000	200,007,000	110,962,000
4252	NNT15808	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	303,092,000	7,000,000	296,092,000	200,042,000	96,050,000
4253	NNT21986	Nguyễn Văn Bạch	Phường Đồng Đa, Hà Nội	273,223,000	0	273,223,000	200,142,000	73,081,000
4254	NNT16444	Nguyễn Thị Trang	Phường Trường Vinh, Nghệ An	305,322,000	0	305,322,000	200,145,405	105,176,595
4255	NNT15969	Nguyễn Quang Khải	Phường Nguyễn Du, Hà Tĩnh	230,177,000	0	230,177,000	200,168,000	30,009,000
4256	NNT21931	Thiều Thị Liên	Phường Phú Diễn, Hà Nội	267,258,000	24,064,000	243,194,000	200,237,090	42,956,910

4257	NNT21509	Ngô Thị Huê	Phường Láng, Hà Nội	296,390,000	0	296,390,000	200,487,000	95,903,000
4258	NNT14924	Phạm Kiều Oanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	467,391,000	70,109,000	397,282,000	200,519,990	196,762,010
4259	NNT18953	Phan Thị Khánh Huyền	Phường Kim Liên, Hà Nội	255,556,000	0	255,556,000	200,550,000	55,006,000
4260	NNT18693	Nguyễn Hương Thảo	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	210,000,000	0	210,000,000	200,550,000	9,450,000
4261	NNT18690	Đỗ Quang Đạt	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	259,126,000	0	259,126,000	200,550,000	58,576,000
4262	NNT12431	Nguyễn Thị Ánh	Phường Song Liễu, Bắc ninh	457,256,000	0	457,256,000	200,648,000	256,608,000
4263	NNT01813	Nguyễn Thị Phú	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,480,350,000	704,869,000	775,481,000	200,667,000	574,814,000
4264	NNT19453	Nguyễn Hoàng Luật	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	306,263,000	0	306,263,000	200,743,000	105,520,000
4265	NNT15626	Cung Thị Thanh Huyền	Phường Định Công, Hà Nội	357,732,000	85,275,000	272,457,000	200,801,000	71,656,000
4266	NNT12808	Nguyễn Thị Oanh	Xã Thanh Liệt, Hà Nội	395,000,000	0	395,000,000	200,816,000	194,184,000
4267	NNT18834	Đặng Thị Ánh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	264,795,000	0	264,795,000	201,000,000	63,795,000
4268	NNT21719	Thái Văn Thương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	201,043,000	98,957,000
4269	NNT18699	Đỗ Văn Đại	Phường Bồ Đề, Hà Nội	275,132,000	5,000,000	270,132,000	201,158,745	68,973,255
4270	NNT00540	Lê Trọng Nghĩa	Phường Yên Hoà, Hà Nội	3,424,702,000	315,000,400	3,109,701,600	201,182,380	2,908,519,220
4271	NNT13806	Phạm Thị Sang	Phường Hồng Hà, Hà Nội	327,869,000	0	327,869,000	201,218,745	126,650,255

4272	NNT15530	Bùi Thị Thanh Hiền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	816,341,604	204,952,604	611,389,000	201,236,396	410,152,604
4273	NNT13767	Phạm Sỹ Đồng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	440,515,000	0	440,515,000	201,250,000	239,265,000
4274	NNT12978	Nguyễn Thị Quỳên	Phường Yên Nghĩa, Hà Nội	330,000,000	0	330,000,000	201,512,000	128,488,000
4275	NNT20954	Ngô Thị Phương Thảo	Phường Khương Đình, Hà Nội	210,000,000	0	210,000,000	201,600,000	8,400,000
4276	NNT20383	Lê Hoàng Ngân	Phường Kim Liên, Hà Nội	267,469,000	0	267,469,000	201,600,000	65,869,000
4277	NNT16827	Nguyễn Thị Yên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	349,058,000	47,850,000	301,208,000	201,650,000	99,558,000
4278	NNT21464	Nguyễn Thị Bằng Tôn	Xã Yên Lãng, Hà Nội	296,611,000	0	296,611,000	201,748,000	94,863,000
4279	NNT17072	Vũ Thị Mai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	264,550,000	0	264,550,000	201,972,444	62,577,556
4280	NNT21415	Nguyễn Mạnh Tú	Phường Mỹ Lộc, Ninh Bình	400,000,000	9,000,000	391,000,000	202,000,000	189,000,000
4281	NNT19490	Nguyễn Huyền Trang	Phường Đống Đa, Hà Nội	211,794,000	0	211,794,000	202,000,000	9,794,000
4282	NNT23841	Phó Bá Minh Thành	Phường Kim Liên, Hà Nội	210,417,000	0	210,417,000	202,000,320	8,416,680
4283	NNT20940	Nguyễn Mai Quỳnh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	210,526,000	0	210,526,000	202,105,000	8,421,000
4284	NNT15650	Vũ Thị Xuân Quý	Phường Phú Diễn, Hà Nội	272,784,000	0	272,784,000	202,172,000	70,612,000
4285	NNT19951	Đào Quang Minh	Phường Phú Thượng, Hà Nội	274,289,000	0	274,289,000	202,224,000	72,065,000
4286	NNT14288	Trần Hồng Hà	Phường Láng, Hà Nội	3,177,019,589	1,077,019,589	2,100,000,000	202,390,000	1,897,610,000

4287	NNT02042	Nguyễn Minh Hương	Xã Bình Minh, Hà Nội	1,024,300,000	0	1,024,300,000	202,419,000	821,881,000
4288	NNT18812	Lê Minh Thịnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	278,864,000	0	278,864,000	202,500,000	76,364,000
4289	NNT23547	Ngô Đức Lợi	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	281,957,086	47,147,086	234,810,000	202,502,362	32,307,638
4290	NNT19421	Phạm Thị Hon	Phường Xuân Phương, TP Hà Nội	263,934,000	0	263,934,000	202,650,000	61,284,000
4291	NNT11036	Bùi Thị Bích Ngọc	Phường Phương Liệt, Hà Nội	415,873,000	67,000,000	348,873,000	202,703,000	146,170,000
4292	NNT01334	Nguyễn Thị Thu An	Xã Cổ Đô, Hà Nội	572,255,000	0	572,255,000	202,778,000	369,477,000
4293	NNT21400	Nguyễn Thị Nhung	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	250,000,000	0	250,000,000	202,958,000	47,042,000
4294	NNT21979	Nguyễn Thị Kim Phượng	Xã Hiền Lương, Phú Thọ	266,241,000	32,086,000	234,155,000	203,010,000	31,145,000
4295	NNT21076	Phạm Thị Loan	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	264,603,000	33,076,000	231,527,000	203,121,000	28,406,000
4296	NNT11041	Vũ Thị Tuyên	Xã Sơn Tây, Hà Nội	631,907,000	0	631,907,000	203,419,000	428,488,000
4297	NNT01242	Nguyễn Thị Thại	Phường Xuân Đình, Hà Nội	666,479,000	0	666,479,000	203,500,000	462,979,000
4298	NNT11646	Nguyễn Thị Hòa	Phường Bồ Đề, Hà Nội	500,000,000	95,000,000	405,000,000	203,610,618	201,389,382
4299	NNT11931	Mai Văn Cương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	397,395,000	0	397,395,000	203,768,702	193,626,298
4300	NNT12641	Dương Thị Thú	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	641,280,449	94,832,449	546,448,000	203,813,630	342,634,370
4301	NNT23563	Nguyễn Thị Dung	Phường Phú Diễn, Hà Nội	207,801,000	0	207,801,000	203,834,000	3,967,000

4302	NNT18130	Nguyễn Thị Phương Chi	Phường Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Hà Nội	377,229,278	106,649,500	270,579,778	203,885,320	66,694,458
4303	NNT11908	Phan Thanh Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	536,557,619	153,560,619	382,997,000	203,975,000	179,022,000
4304	NNT23454	Trần Thị Thảo	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	250,000,000	37,500,000	212,500,000	204,000,000	8,500,000
4305	NNT22685	Đào Thị Thu Hương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	206,174,000	0	206,174,000	204,113,000	2,061,000
4306	NNT12700	Kiều Thị Đám	Phường Sơn Tây, Hà Nội	335,833,000	0	335,833,000	204,114,000	131,719,000
4307	NNT14266	Đinh Thị Hồng Sâm	Phường Bồ Đề, Hà Nội	843,169,392	238,542,392	604,627,000	204,500,000	400,127,000
4308	NNT17771	Ngô Thùy Dung	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	345,800,000	16,304,000	329,496,000	204,536,000	124,960,000
4309	NNT18875	Nguyễn Tiến Ngân	Xã Bình Minh, Hà Nội	288,900,000	0	288,900,000	204,763,000	84,137,000
4310	NNT17433	Đào Minh Phương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	335,984,000	25,410,000	310,574,000	204,905,520	105,668,480
4311	NNT22533	Nguyễn Bá Ngọc	Xã Quỳnh Lưu, Nghệ An	212,435,000	0	212,435,000	205,000,000	7,435,000
4312	NNT13775	Nguyễn Mỹ Thục	Phường Tây Hồ, Hà Nội	365,078,000	3,000,000	362,078,000	205,045,000	157,033,000
4313	NNT16496	Hoàng Thị Thúy Bẩy	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	574,205,318	50,600,160	523,605,158	205,071,840	318,533,318
4314	NNT13060	Phạm Thị Thoa	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	525,419,000	118,557,000	406,862,000	205,259,000	201,603,000
4315	NNT16963	Đoàn Thị Thiện	Phường Kiến An, Hải Phòng	327,051,000	0	327,051,000	205,463,775	121,587,225
4316	NNT01326	Nguyễn Trọng Hỷ	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	1,840,000,000	0	1,840,000,000	205,519,000	1,634,481,000

4317	NNT11033	Lê Thị Bình	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	414,000,000	10,000,000	404,000,000	205,632,000	198,368,000
4318	NNT02027	An Thị Kim Cúc	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,077,684,609	160,384,973	917,299,636	205,696,000	711,603,636
4319	NNT19119	Vũ Thị Hải	Phường Tây Hồ, Hà Nội	634,920,000	317,460,000	317,460,000	205,825,000	111,635,000
4320	NNT15026	Hàn Thị Thủy Hằng	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	448,197,000	60,000,000	388,197,000	205,850,000	182,347,000
4321	NNT16328	Bùi Hải Anh	Phường Định Công, Hà Nội	388,382,000	0	388,382,000	205,893,200	182,488,800
4322	NNT13027	Trương Thị Tươi	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	495,005,000	30,000,000	465,005,000	205,991,000	259,014,000
4323	NNT19889	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Xã Thanh Trì, Hà Nội	253,764,000	0	253,764,000	206,076,900	47,687,100
4324	NNT24436	Bùi Văn Trung	Phường Đống Đa, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	206,186,000	0
4325	NNT17686	Đào Thị Hào	Phường Đống Đa, Hà Nội	315,789,000	0	315,789,000	206,320,802	109,468,198
4326	NNT20682	Lê Thị Thú	Phường Đống Đa, Hà Nội	265,204,000	23,387,000	241,817,000	206,699,000	35,118,000
4327	NNT20229	Trần Mỹ Nhung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	439,946,000	190,000,000	249,946,000	206,700,000	43,246,000
4328	NNT15860	Trần Thị Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	270,989,000	0	270,989,000	206,738,000	64,251,000
4329	NNT23081	Chu Thị Diệu Linh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	209,424,000	0	209,424,000	206,774,000	2,650,000
4330	NNT23772	Lê Thị Thanh Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	220,000,000	13,200,000	206,800,000	206,800,000	0
4331	NNT15649	Trần Trà My	Phường Láng, Hà Nội	315,865,000	16,043,000	299,822,000	206,930,702	92,891,298

4332	NNT11455	Nhữ Đức Tuấn	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	536,353,000	0	536,353,000	207,141,000	329,212,000
4333	NNT17936	Nguyễn Đăng Phương	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	515,464,000	292,783,000	222,681,000	207,217,000	15,464,000
4334	NNT22306	Phùng Thị Thu Hương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	207,254,000	0	207,254,000	207,254,000	0
4335	NNT17798	Nguyễn Hồng Minh	Phường Bồng Lai, Bắc Ninh	325,303,000	0	325,303,000	207,266,000	118,037,000
4336	NNT17109	Hoàng Thị Thu Hoa	Xã An Khánh, Hà Nội	348,238,000	0	348,238,000	207,290,615	140,947,385
4337	NNT20835	Lê Minh Thu	Phường Hai Ba Trưng, Hà Nội	467,139,000	242,632,000	224,507,000	207,368,000	17,139,000
4338	NNT18255	Phạm Thị Thúy	Xã Yên Lạc, Phú Thọ	302,299,000	16,356,000	285,943,000	207,383,850	78,559,150
4339	NNT23441	Vũ Minh Hải	Phường Yên Hòa, Hà Nội	210,827,000	0	210,827,000	207,406,000	3,421,000
4340	NNT16451	Đỗ Thị Mai Chi	Phường Hoa Lư, Ninh Bình	437,934,990	10,000,000	427,934,990	207,511,000	220,423,990
4341	NNT15386	Dương Thị Bích Thảo	Xã Hoài Đức, Hà Nội	429,453,000	0	429,453,000	207,664,000	221,789,000
4342	NNT15839	Đoàn Xuân Bách	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	396,284,000	0	396,284,000	207,729,000	188,555,000
4343	NNT22016	Đỗ Kiều Thủy	Phường Hà Đông, Hà Nội	250,000,000	25,000,000	225,000,000	207,750,000	17,250,000
4344	NNT00836	Tổng Văn Quỳ	Phường Xuân Đình, Hà Nội	2,490,984,000	1,000,000,000	1,490,984,000	207,857,000	1,283,127,000
4345	NNT16688	Hoàng Thị Thu Hương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	467,185,760	114,540,761	352,644,999	207,886,240	144,758,759
4346	NNT13577	Bùi Thu Thảo	Xã Mộc Châu, Sơn La	458,970,000	68,000,000	390,970,000	208,267,265	182,702,735

4347	NNT15417	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	748,507,000	408,000,000	340,507,000	208,445,509	132,061,491
4348	NNT23562	Trịnh Thị Huyền	Phường Từ Liêm, Hà Nội	246,787,000	0	246,787,000	208,465,000	38,322,000
4349	NNT22575	Nguyễn Thị Chiến	Phường Bạch Mai, Hà Nội	350,000,000	110,000,000	240,000,000	208,500,000	31,500,000
4350	NNT12732	Lê Thị Nghi	Phường Tương Mai, Hà Nội	305,000,000	0	305,000,000	208,649,000	96,351,000
4351	NNT23055	Nguyễn Thị Trà Ly	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	208,996,000	21,004,000
4352	NNT22952	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	314,422,873	88,085,873	226,337,000	209,047,330	17,289,670
4353	NNT16072	Vũ Thị Thanh Hương	Số 2, hẻm 354/99/7, đường Trường Trinh, phường Kim Liên, Hà Nội	1,204,661,760	548,967,760	655,694,000	209,132,240	446,561,760
4354	NNT17373	Bạch Phương Thảo	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	629,629,000	185,000,000	444,629,000	209,150,000	235,479,000
4355	NNT22121	Hoàng Thị Miên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	224,432,000	5,000,000	219,432,000	209,265,500	10,166,500
4356	NNT15063	Đặng Đình Sơn	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	541,700,000	140,000,000	401,700,000	209,266,000	192,434,000
4357	NNT14551	Phạm Ngọc Phượng	Phường Móng Cái 1, Quảng Ninh	413,650,000	150,000,000	263,650,000	209,279,550	54,370,450
4358	NNT17108	Lại Thị Thanh Nguyệt	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	324,399,000	0	324,399,000	209,323,000	115,076,000
4359	NNT14517	Bùi Minh Vuốt	Phường Láng, Hà Nội	356,680,000	0	356,680,000	209,376,904	147,303,096
4360	NNT01539	Đặng Văn Anh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,606,633,215	0	1,606,633,215	209,393,000	1,397,240,215
4361	NNT23810	Dương Thị Bích Ngọc	Phường Nam Định, Ninh Bình	226,983,000	17,508,000	209,475,000	209,475,000	0

4362	NNT19618	Trịnh Thị Hằng	Xã Yên Lãng, Hà Nội	240,087,000	0	240,087,000	209,499,980	30,587,020
4363	NNT14028	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Tây Hồ, Hà Nội	495,656,000	93,000,000	402,656,000	209,736,000	192,920,000
4364	NNT13309	Mai Thị Thu Yến	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	488,800,000	75,000,000	413,800,000	209,852,000	203,948,000
4365	NNT15837	Đào Hoàng Anh	Phường Hoà Bình, Phú Thọ	386,644,000	50,000,000	336,644,000	210,000,000	126,644,000
4366	NNT16932	Đặng Thị Loan	Phường Phong Cốc, Quảng Ninh	600,000,000	300,000,000	300,000,000	210,015,000	89,985,000
4367	NNT17741	Hoàng Thị Vân	Phường Chí Linh, Hải Phòng	300,000,000	80,000,000	220,000,000	210,100,000	9,900,000
4368	NNT14792	Nguyễn Thị Hồng Lan	Phường Trần Hưng Đạo, Hà Nội	363,158,000	0	363,158,000	210,309,000	152,849,000
4369	NNT12690	Trương Thái Sơn	Phường Giảng Võ, Hà Nội	333,862,000	0	333,862,000	210,511,000	123,351,000
4370	NNT18874	Vũ Bạch Dương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	731,691,748	242,859,748	488,832,000	210,588,252	278,243,748
4371	NNT15011	Nguyễn Thiết Quỳ	Phường Bồ Đề, Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	210,885,000	304,579,000
4372	NNT20118	Hồ Hương Ly	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	375,361,000	83,000,000	292,361,000	211,000,000	81,361,000
4373	NNT16870	Lê Thị Nga	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	342,000,000	0	342,000,000	211,044,145	130,955,855
4374	NNT01071	Trần Thị Là	Phường Từ Liêm, Hà Nội	756,191,000	0	756,191,000	211,069,000	545,122,000
4375	NNT21460	Đỗ Nguyên Duy	Phường Mỹ Hào, Hưng Yên	250,000,000	30,000,000	220,000,000	211,250,000	8,750,000
4376	NNT20863	Đoàn Trọng Nhân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	257,732,000	38,660,000	219,072,000	211,340,000	7,732,000

4377	NNT15512	Lê Thị Bính	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	608,574,993	155,612,993	452,962,000	211,342,000	241,620,000
4378	NNT21846	Nguyễn Thị Kim Hoàn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	260,000,000	0	260,000,000	211,493,000	48,507,000
4379	NNT21924	Hoàng Thị Minh Hiền	Xã Quốc Oai, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	211,640,000	0
4380	NNT12191	Trần Thị Cương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	962,349,000	146,638,000	815,711,000	211,766,000	603,945,000
4381	NNT16725	Hàn Thị Loan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	295,923,000	0	295,923,000	212,002,000	83,921,000
4382	NNT21392	Lương Thị Nguyệt	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	287,954,000	0	287,954,000	212,011,566	75,942,434
4383	NNT17175	Trần Thị Minh Hải	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,312,243,000	100,000,000	1,212,243,000	212,030,000	1,000,213,000
4384	NNT24406	Nguyễn Quang Hưng	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	212,316,000	0	212,316,000	212,316,000	0
4385	NNT23004	Vũ Thị Nhân	Xã Phú Yên, Sơn La	249,747,000	0	249,747,000	212,350,000	37,397,000
4386	NNT14139	Nguyễn Thị Đoan	Phường Việt Hưng, Hà Nội	307,366,000	0	307,366,000	212,350,740	95,015,260
4387	NNT22548	Nguyễn Thị Mai Hương	Phường Yên Hoà, Hà Nội	280,960,007	28,435,007	252,525,000	212,500,000	40,025,000
4388	NNT12318	Nguyễn Văn Đoài	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	1,095,492,434	496,572,000	598,920,434	212,551,000	386,369,434
4389	NNT11111	Đào Mạnh Toàn	Phường Quyết Thắng, Thái Nguyên	474,264,000	0	474,264,000	212,557,000	261,707,000
4390	NNT11438	Nguyễn Thị Phương Linh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	539,682,000	0	539,682,000	212,734,000	326,948,000
4391	NNT12548	Phan Văn Thành	Phường Bạch Mai, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	212,786,000	96,492,000

4392	NNT17881	Nguyễn Thị Châu	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	369,888,000	0	369,888,000	212,887,000	157,001,000
4393	NNT19623	Nguyễn Thị Thảo	Phường Láng, Hà Nội	809,989,185	429,905,185	380,084,000	213,044,815	167,039,185
4394	NNT13403	Nguyễn Thị Tâm	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	360,247,000	0	360,247,000	213,052,000	147,195,000
4395	NNT12195	Nguyễn Văn Tín	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,036,250,000	99,725,000	936,525,000	213,202,500	723,322,500
4396	NNT20910	Bùi Thị Hương Giang	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	275,246,000	15,326,964	259,919,036	213,270,400	46,648,636
4397	NNT17676	Nguyễn Thị Nhung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	309,598,000	40,000,000	269,598,000	213,410,404	56,187,596
4398	NNT00376	Vũ Thị Liên	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	654,981,000	0	654,981,000	213,442,570	441,538,430
4399	NNT16148	Đỗ Tiến Sỹ	Xã Phụ Dực, Hưng Yên	348,383,000	0	348,383,000	213,879,055	134,503,945
4400	NNT18068	Nguyễn Thị Dung	Xã Yên Lãng, Hà Nội	281,027,000	0	281,027,000	214,036,320	66,990,680
4401	NNT14254	Tạ Hà Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	959,666,000	0	959,666,000	214,253,780	745,412,220
4402	NNT13521	Nguyễn Thị Minh Hoàn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	423,974,000	24,500,000	399,474,000	214,360,000	185,114,000
4403	NNT21018	Lê Thị Thơm	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	416,667,000	180,000,000	236,667,000	214,400,000	22,267,000
4404	NNT21294	Lê Văn Công	Phường Thái Nguyên, Thái Nguyên	214,411,000	0	214,411,000	214,411,000	0
4405	NNT14781	Nguyễn Thị Bích	Phường Giảng Võ, Hà Nội	745,408,000	0	745,408,000	214,846,000	530,562,000
4406	NNT22613	Nguyễn Quân Thụy	Phường Kim Liên, Hà Nội	404,040,000	125,000,000	279,040,000	215,000,000	64,040,000

4407	NNT21625	Phạm Thị Ninh	Xã Phú Thọ, Hưng Yên	264,433,000	0	264,433,000	215,000,000	49,433,000
4408	NNT14900	Hoàng Văn Bằng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	325,989,000	0	325,989,000	215,052,000	110,937,000
4409	NNT20351	Lê Minh Nguyệt	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	380,412,000	0	380,412,000	215,125,000	165,287,000
4410	NNT17300	Phạm Thị Tuyết Mai	Xã Hoàng An, Phú Thọ	303,092,000	0	303,092,000	215,451,000	87,641,000
4411	NNT12604	Đỗ Thị Lưu	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	215,590,000	84,410,000
4412	NNT19759	Phạm Thị Thu Phương	Phường Nam Định, Ninh Bình	263,980,000	0	263,980,000	215,669,000	48,311,000
4413	NNT15793	Nguyễn Đình Triệu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	316,996,000	25,420,000	291,576,000	215,800,000	75,776,000
4414	NNT02064	Vũ Minh Huân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,390,308,116	321,529,493	1,068,778,623	215,849,507	852,929,116
4415	NNT22897	Tăng Thị Mai	Xã Hà Nam, Hải Phòng	255,102,000	31,300,000	223,802,000	216,100,000	7,702,000
4416	NNT00639	Võ Hương Giang	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,069,364,939	853,211,939	216,153,000	216,153,000	0
4417	NNT16541	Kim Hyun Jin	Phường Tây Hồ, Hà Nội	536,392,000	245,000,000	291,392,000	216,290,000	75,102,000
4418	NNT23033	Trần Thu Trang	Phường Bồ Đề, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	216,350,000	38,752,000
4419	NNT01878	Trịnh Khánh Huyền Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,950,000,000	828,500,000	1,121,500,000	216,428,000	905,072,000
4420	NNT00480	Tô Thanh Huyền	Phường Bồ Đề, Hà Nội	712,243,519	88,199,760	624,043,759	216,590,000	407,453,759
4421	NNT18356	Đỗ Thị Phú	Xã Thường Tín, Hà Nội	534,573,423	103,103,423	431,470,000	216,711,589	214,758,411

4422	NNT18929	Cung Thị Chấy	Phường Định Công, Hà Nội	304,000,000	0	304,000,000	216,731,000	87,269,000
4423	NNT19002	Trương Thị Cẩm	Phường Thanh Hoá, Thanh Hoá	386,370,000	57,957,000	328,413,000	216,929,920	111,483,080
4424	NNT14094	Nguyễn Thanh Thanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	568,307,000	16,413,711	551,893,289	216,957,529	334,935,760
4425	NNT20246	Vũ Thị Ngọc Anh	Xã Bình Giang, Hải Phòng	325,108,000	0	325,108,000	216,975,000	108,133,000
4426	NNT20535	Nguyễn Đức Quân	Phường Kim Liên, Hà Nội	264,166,000	33,000,000	<u>231,166,000</u>	217,000,000	<u>14,166,000</u>
4427	NNT00420	Phan Anh Quân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,159,448,000	0	1,159,448,000	217,030,000	942,418,000
4428	NNT18727	Đặng Thanh Bình	Phường Xuân Phương, Hà Nội	233,869,000	0	233,869,000	217,171,000	16,698,000
4429	NNT01810	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Từ Liêm, Hà Nội	295,586,000	0	295,586,000	217,186,000	78,400,000
4430	NNT16713	Nguyễn Thị Bích Thảo	Xã Đa Phúc, Hà Nội	481,204,000	0	481,204,000	217,288,950	263,915,050
4431	NNT16558	Vũ Thúy Huyền	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	400,000,000	65,000,000	335,000,000	217,440,000	117,560,000
4432	NNT19133	Lê Thị Hoa Mai	Phường Hà Đông, Hà Nội	485,184,858	64,765,858	420,419,000	217,474,882	202,944,118
4433	NNT22408	Hoàng Thúy Dung	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	307,527,000	30,000,000	277,527,000	217,762,460	59,764,540
4434	NNT15409	Trương Thị Mai Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	5,082,874,000	2,130,665,000	2,952,209,000	217,783,000	2,734,426,000
4435	NNT19745	Vũ Thúy Chuyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	217,886,100	82,113,900
4436	NNT11476	Cung Thị Thu Hằng	Phường Định Công, Hà Nội	1,158,467,000	0	1,158,467,000	217,894,000	940,573,000

4437	NNT15922	Vũ Thị Châu Loan	Phường Từ Liêm, Hà Nội	301,010,000	0	301,010,000	217,991,480	83,018,520
4438	NNT13563	Võ Thị Thu Hiền	Phường Kim Liên, Hà Nội	361,999,000	50,000,000	311,999,000	218,000,000	93,999,000
4439	NNT15311	Nguyễn Thanh Thủy	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	480,273,000	128,446,000	351,827,000	218,000,000	133,827,000
4440	NNT18570	Nguyễn Việt Anh	Phường Thượng Cát, Hà Nội	325,000,000	0	325,000,000	218,500,000	106,500,000
4441	NNT19040	Đinh Hoàng An	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	300,000,000	68,000,000	232,000,000	218,500,000	13,500,000
4442	NNT12557	Nguyễn Thị Lan	Xã Yên Thành, Nghệ An	469,504,000	6,000,000	463,504,000	218,543,280	244,960,720
4443	NNT19469	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	481,132,286	82,213,143	398,919,143	219,178,743	179,740,400
4444	NNT18888	Vũ Thị Thoa	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	509,983,000	205,000,000	304,983,000	219,398,880	85,584,120
4445	NNT22690	Nguyễn Thanh Vân	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	312,925,000	408,000	312,517,000	219,468,000	93,049,000
4446	NNT13716	Nhữ Thùy Liên	Xã Thanh Lâm, Ninh Bình	641,800,000	183,000,000	458,800,000	219,850,000	238,950,000
4447	NNT01427	Nguyễn Thị Dung	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	341,320,000	0	341,320,000	219,875,400	121,444,600
4448	NNT22265	Nguyễn Thị Thêm	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	321,661,910	85,102,910	236,559,000	219,999,870	16,559,130
4449	NNT23675	Tạ Ngọc Bích	Phường Cao Xanh, Quảng Ninh	250,000,000	30,000,000	220,000,000	220,000,000	0
4450	NNT20914	Nguyễn Vũ Diệu Linh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	232,804,000	0	232,804,000	220,000,000	12,804,000
4451	NNT17493	Nguyễn Thị Thảo	Phường Hà Đông, Hà Nội	575,031,000	280,000,000	295,031,000	220,000,002	75,030,998

4452	NNT23766	Phạm Thị Thùy Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	226,830,000	0	226,830,000	220,026,000	6,804,000
4453	NNT11122	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	373,905,000	17,321,802	356,583,198	220,065,000	136,518,198
4454	NNT12081	Nguyễn Quốc Chí	Phường Yên Hoà, Hà Nội	519,841,000	0	519,841,000	220,154,000	299,687,000
4455	NNT21874	Phạm Thị Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	220,229,000	79,771,000
4456	NNT13796	Vương Thị Thùy Linh	Xã Cao Phong, Phú Thọ	882,651,000	0	882,651,000	220,717,000	661,934,000
4457	NNT17952	Hoàng Thị Vịnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	247,950,000	0	247,950,000	221,036,000	26,914,000
4458	NNT21130	Vũ Diệu Thúy	Phường Phúc Yên, Phú Thọ	318,993,000	0	318,993,000	221,274,000	97,719,000
4459	NNT01822	Nguyễn Thị Thủy	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	1,400,000,000	1,000,000,000	400,000,000	221,399,000	178,601,000
4460	NNT16630	Nguyễn Danh Việt	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	282,017,148	4,131,148	277,886,000	221,498,920	56,387,080
4461	NNT00433	Nguyễn Thị Lan Phương	Phường Trần Hưng Đạo, Hưng Yên	345,000,000	0	345,000,000	221,500,000	123,500,000
4462	NNT02030	Nguyễn Thị Kim Thoa	Phường Tương Mai, Hà Nội	682,866,000	0	682,866,000	221,542,660	461,323,340
4463	NNT14124	Nguyễn Thị Bích Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	375,191,000	0	375,191,000	221,830,185	153,360,815
4464	NNT20662	Nguyễn Thị Mão	Phường Tây Tựu, Hà Nội	539,887,157	115,402,157	424,485,000	221,922,843	202,562,157
4465	NNT13066	Đào Thị Nguyệt	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,172,670,000	0	1,172,670,000	222,051,169	950,618,831
4466	NNT12203	Nguyễn Thị Đông	Phường Tây Tựu, Hà Nội	307,692,000	0	307,692,000	222,071,000	85,621,000

4467	NNT21477	Bùi Thị Quỳnh Mai	Phường Lê Chân, Hải Phòng	564,948,000	318,000,000	246,948,000	222,200,000	24,748,000
4468	NNT15094	Phan Thanh Loan	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	343,554,000	0	343,554,000	222,254,000	121,300,000
4469	NNT02192	Phạm Quang Xuyên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	861,165,626	23,420,481	837,745,145	222,369,428	615,375,717
4470	NNT12464	Nguyễn Thị Hồng Liễu	Phường Khương Đình, Hà Nội	476,333,000	0	476,333,000	222,471,140	253,861,860
4471	NNT18014	Bùi Như Quỳnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	330,527,000	0	330,527,000	222,521,660	108,005,340
4472	NNT24402	Nguyễn Thị Dung	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	222,778,000	0	222,778,000	222,778,000	0
4473	NNT22170	Ngô Thị Nhân	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	327,869,000	49,180,000	278,689,000	222,951,000	55,738,000
4474	NNT17063	Lê Thị Chung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	337,939,000	0	337,939,000	222,999,870	114,939,130
4475	NNT22246	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	271,739,000	27,000,000	244,739,000	222,999,880	21,739,120
4476	NNT18258	Trần Thị Kim Dung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	280,277,000	0	280,277,000	223,000,420	57,276,580
4477	NNT14494	Phạm Thị Xuyên	Xã Hòa Lạc, Hà Nội	441,245,000	0	441,245,000	223,289,480	217,955,520
4478	NNT13800	Vũ Thị Kim Ngân	Xã Ô Diên, Hà Nội	512,500,000	0	512,500,000	223,638,000	288,862,000
4479	NNT16335	Nguyễn Thị Quyên	Xã An Khánh, Hà Nội	317,315,361	38,740,361	278,575,000	223,737,000	54,838,000
4480	NNT19418	Phan Ngọc Đào	Phường Khương Đình, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	223,744,000	76,256,000
4481	NNT16712	Nguyễn Văn Chính	Xã Đa Phúc, Hà Nội	300,000,000	2,000,000	298,000,000	223,908,000	74,092,000

4482	NNT17409	Phạm Trí Dũng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	401,917,000	0	401,917,000	224,254,000	177,663,000
4483	NNT23290	Trần Mai Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	300,000,000	70,422,000	229,578,000	224,278,000	5,300,000
4484	NNT16363	Nguyễn Thị Hương	Phường Phúc Yên, Phú Thọ	539,753,000	0	539,753,000	224,505,000	315,248,000
4485	NNT24244	Lê Thị Hồi	Phường Hà Đông, Hà Nội	229,551,000	0	229,551,000	224,959,980	4,591,020
4486	NNT17529	Vũ Bích Thủy	Phường Hồng Hà, Hà Nội	445,960,748	0	445,960,748	225,045,000	220,915,748
4487	NNT14559	Nguyễn Thị Thắng	Phường Ba Đình, Hà Nội	409,021,000	0	409,021,000	225,122,000	183,899,000
4488	NNT12371	Đinh Thị Thu Phương	Phường Hà Đông, Hà Nội	573,866,000	0	573,866,000	225,134,000	348,732,000
4489	NNT01837	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Quan Triều, Thái Nguyên	517,012,000	0	517,012,000	225,149,000	291,863,000
4490	NNT21008	Đồng Văn Khoa	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	391,632,000	34,754,000	356,878,000	225,353,000	131,525,000
4491	NNT15752	Nguyễn Thị Thúy Mùi	Phường Kim Liên, Hà Nội	412,371,000	3,000,000	409,371,000	225,404,000	183,967,000
4492	NNT15724	Lê Thị Thanh Hải	Phường Phúc Yên, Phú Thọ	423,951,343	117,630,343	306,321,000	225,615,444	80,705,556
4493	NNT14956	Đỗ Quyết Tiến	Xã Vạn Xuân, Phú Thọ	379,266,000	25,000,000	354,266,000	225,750,000	128,516,000
4494	NNT15348	Trần Thị Kim Dung	Phường Láng, Hà Nội	1,685,936,000	600,000,000	1,085,936,000	225,935,660	860,000,340
4495	NNT15505	Đỗ Thị Phúc Hường	Phường Thanh Miếu, Phú Thọ	770,618,000	100,000,000	670,618,000	226,086,000	444,532,000
4496	NNT19953	Lê Thị Hồng Gấm	Phường Hồng Hà, Hà Nội	270,000,000	0	270,000,000	226,250,000	43,750,000

4497	NNT22023	Nguyễn Thị Thắng	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	258,467,000	16,175,000	242,292,000	226,316,000	15,976,000
4498	NNT13373	Trần Thị Huệ	Phường Hà Đông, Hà Nội	600,000,000	0	<u>600,000,000</u>	226,425,000	<u>373,575,000</u>
4499	NNT16945	Nguyễn Thị Minh Hải	Phường Định Công, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	226,559,000	73,441,000
4500	NNT13867	Nguyễn Thị Thu Trang	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	393,056,000	0	393,056,000	226,699,400	166,356,600
4501	NNT15083	Nguyễn Thị Hà	Xã Nam Sách, Hải Phòng	400,366,000	50,000,000	350,366,000	227,044,000	123,322,000
4502	NNT19394	Đinh Minh Thuận	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	534,054,000	0	534,054,000	227,055,926	306,998,074
4503	NNT17045	Lê Thị Thu Hiền	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	383,135,000	0	383,135,000	227,066,921	156,068,079
4504	NNT01906	Chu Thị Luyện	Phường Định Công, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	227,098,000	272,902,000
4505	NNT22720	Nguyễn Như Tuấn	Phường Láng, Hà Nội	416,136,018	102,041,000	314,095,018	227,433,600	86,661,418
4506	NNT14009	Hoàng Quế Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,500,000,000	290,000,000	1,210,000,000	227,688,000	982,312,000
4507	NNT20518	Phạm Hoài Hương	Phường Bồ Đề, Hà Nội	445,563,000	172,078,000	273,485,000	228,021,000	45,464,000
4508	NNT16526	Hồ Thị Kim Nga	Phường Láng , Hà Nội	680,000,000	225,000,000	455,000,000	228,034,000	226,966,000
4509	NNT00772	Lê Quang Vinh	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	2,153,765,000	0	2,153,765,000	228,385,000	1,925,380,000
4510	NNT01224	Phùng Thị Ánh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	671,471,233	77,292,234	594,178,999	228,723,000	365,455,999
4511	NNT15546	Đinh Thị Mai Lan	Xã Phúc Lộc, Hà Nội	353,017,000	0	353,017,000	228,829,000	124,188,000

4512	NNT01332	Nguyễn Văn Kim	Phường Kim Liên, Hà Nội	830,348,225	197,916,585	632,431,640	228,889,000	403,542,640
4513	NNT15322	Nguyễn Thúy Ngọc	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,862,092,638	1,097,318,635	764,774,003	228,944,365	535,829,638
4514	NNT17831	Lê Hải Anh	Xã Đông Anh, Hà Nội	307,692,000	0	307,692,000	229,187,700	78,504,300
4515	NNT12921	Ngô Công Hoan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	804,234,000	0	804,234,000	229,353,360	574,880,640
4516	NNT15750	Hoàng Thị Mai Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	304,088,000	0	304,088,000	229,443,000	74,645,000
4517	NNT18565	Trần Ngọc Huy	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	315,553,000	0	315,553,000	229,477,480	86,075,520
4518	NNT17573	Phạm Thị Xuân Thu	Phường Xuân Phương, Hà Nội	323,262,000	0	323,262,000	229,613,000	93,649,000
4519	NNT13522	Nguyễn Thị Kim Chinh	Phường Yên Hoà, Hà Nội	336,992,000	5,000,000	331,992,000	229,906,000	102,086,000
4520	NNT13449	Nguyễn Văn Lợi	Xã Trần Thương, Ninh Bình	431,857,000	0	431,857,000	230,000,000	201,857,000
4521	NNT23208	Lương Văn Giang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	242,105,000	0	242,105,000	230,000,000	12,105,000
4522	NNT17979	Hoàng Lan Hương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	230,200,000	69,800,000
4523	NNT23457	Vũ Thị Liễu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	250,000,000	18,750,000	231,250,000	230,250,000	1,000,000
4524	NNT23498	Hoàng Thanh Vân	Phường Phú Diễn, Hà Nội	293,743,836	43,743,836	250,000,000	230,250,000	19,750,000
4525	NNT23453	Nguyễn Hiền Hoa	Phường Từ Liêm, Hà Nội	518,750,000	287,500,000	231,250,000	230,250,000	1,000,000
4526	NNT14373	Nguyễn Cao Đăng	Phường Hà Đông, Hà Nội	474,226,000	0	474,226,000	230,728,000	243,498,000

4527	NNT14461	Trần Thị Vĩnh Bảo	Phường Từ Liêm, Hà Nội	344,922,000	0	344,922,000	230,816,000	114,106,000
4528	NNT19803	Trần Thị Liên	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,063,830,000	763,404,000	300,426,000	230,833,000	69,593,000
4529	NNT20016	Lê Xuân Hội	Phường Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	231,000,000	69,000,000
4530	NNT18289	Trịnh Thị Thu Hằng	Phường Phú Lý, Ninh Bình	300,000,000	0	300,000,000	231,016,000	68,984,000
4531	NNT12687	Hoàng Thị Thu Hiền	Xã Đông Anh, Hà Nội	521,650,000	0	521,650,000	231,077,000	290,573,000
4532	NNT15719	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phường An Hải, Đà Nẵng	310,869,000	0	310,869,000	231,200,240	79,668,760
4533	NNT14379	Hoàng Thị Bạch Sâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,400,000,000	137,000,000	1,263,000,000	231,326,000	1,031,674,000
4534	NNT13468	Nguyễn Thị Tính	Phường Bạch Mai, Hà Nội	559,168,000	0	559,168,000	231,420,000	327,748,000
4535	NNT20696	Trương Văn Hiếu	Phường Định Công, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	231,444,000	18,556,000
4536	NNT13571	Nguyễn Văn Tường	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	476,190,000	0	476,190,000	231,612,000	244,578,000
4537	NNT19586	Tạ Thị Kim Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	629,775,316	27,614,266	602,161,050	231,660,950	370,500,100
4538	NNT17934	Dương Thị Hoài Thanh	Phường Phúc Yên, Phú Thọ	393,845,000	60,000,000	333,845,000	231,700,230	102,144,770
4539	NNT16116	Trịnh Lan Dung	Phường Yên Hoà, Hà Nội	437,542,000	155,306,000	282,236,000	231,750,020	50,485,980
4540	NNT13729	Trần Thu Thủy	Phường Kim Liên, Hà Nội	809,278,000	460,000,000	349,278,000	231,932,000	117,346,000
4541	NNT14652	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	652,723,000	200,000,000	452,723,000	232,100,000	220,623,000

4542	NNT14519	Nguyễn Thị Kim Nhung	Phường Kim Liên, Hà Nội	297,756,000	0	297,756,000	232,119,000	65,637,000
4543	NNT17145	Trần Thị Thùy Dương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	354,720,000	0	354,720,000	232,184,000	122,536,000
4544	NNT21926	Nguyễn Đức Lân	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	403,093,000	157,000,000	246,093,000	232,500,000	13,593,000
4545	NNT19841	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	Phường Dương Nội, Hà Nội	381,263,000	20,163,000	361,100,000	232,539,400	128,560,600
4546	NNT24391	Đỗ Thanh Hà	Phường Hà Đông, Hà Nội	232,647,000	0	232,647,000	232,647,000	0
4547	NNT17110	Ngô Thị Hảo	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	464,270,000	0	464,270,000	232,840,371	231,429,629
4548	NNT16206	Bùi Anh Đức	Phường Giảng Võ, Hà Nội	260,000,000	0	260,000,000	233,150,000	26,850,000
4549	NNT12314	Lê Thị Kim Ngân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	558,333,000	210,000,000	348,333,000	233,292,000	115,041,000
4550	NNT19159	Viên Thị Phương Lan	Phường Phú Thượng, Hà Nội	327,869,000	27,049,000	300,820,000	233,368,000	67,452,000
4551	NNT19071	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Phường Đồng Đa, Hà Nội	308,253,000	0	308,253,000	233,699,850	74,553,150
4552	NNT11113	Lê Thị Uyển	Phường Giảng Võ, Hà Nội	818,084,000	63,697,000	754,387,000	233,707,840	520,679,160
4553	NNT01917	Lê Thị Chuyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	583,543,000	0	583,543,000	233,988,000	349,555,000
4554	NNT01428	Nguyễn Ngọc Minh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	718,528,000	0	718,528,000	234,115,000	484,413,000
4555	NNT13554	Nguyễn Thị Tý	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	532,342,000	0	532,342,000	234,138,000	298,204,000
4556	NNT22216	Nguyễn Thị Luyến	Xã Quốc Oai, Hà Nội	385,450,000	50,615,960	334,834,040	234,210,780	100,623,260

4557	NNT14383	Nguyễn Thị Phương Lan	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	234,292,000	265,708,000
4558	NNT18615	Nguyễn Thị Phương Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	675,533,000	307,000,000	368,533,000	234,674,000	133,859,000
4559	NNT16137	Dương Thị Nga	Xã Âu Lâu, Lào Cai	506,122,000	0	506,122,000	234,693,000	271,429,000
4560	NNT18755	Nguyễn Thị Anh Quyên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	315,156,000	0	315,156,000	234,710,000	80,446,000
4561	NNT21316	Mai Văn Đạt	Xã Hát Môn, Hà Nội	300,000,000	1,248,000	298,752,000	234,910,000	63,842,000
4562	NNT20115	Trần Thị Thanh Huyền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	334,911,000	0	334,911,000	235,000,000	99,911,000
4563	NNT15257	Đổng Diệu Linh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	235,189,000	114,811,000
4564	NNT16322	Trần Thị Nhi	Phường Phú Diễn, Hà Nội	559,894,000	0	559,894,000	235,191,400	324,702,600
4565	NNT21718	Đinh Thị Ngân	Xã Ô Diên, Hà Nội	600,000,000	90,000,000	510,000,000	235,206,000	274,794,000
4566	NNT14916	Trịnh Thị Ngọc Thủy	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	800,000,000	416,500,000	383,500,000	235,500,000	148,000,000
4567	NNT22966	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,257,869,000	250,000,000	1,007,869,000	235,658,000	772,211,000
4568	NNT20101	Nguyễn Phương Chi	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	339,809,000	4,020,080	335,788,920	235,707,000	100,081,920
4569	NNT17061	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Sơn Tây, Hà Nội	312,093,000	0	312,093,000	235,749,000	76,344,000
4570	NNT19475	Lê Thị Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	399,270,000	225,906,000	173,364,000	235,750,000	-62,386,000
4571	NNT11089	Đào Hồng Sơn	Xã Văn Giang, Hưng Yên	1,161,616,000	0	1,161,616,000	235,755,000	925,861,000

4572	NNT22347	Nguyễn Huy Vân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	260,000,000	0	260,000,000	235,895,000	24,105,000
4573	NNT21531	Lê Minh Hoàng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	235,895,000	64,105,000
4574	NNT12293	Nguyễn Thị Yên	Phường Việt Hưng, Hà Nội	749,997,698	0	749,997,698	235,906,100	514,091,598
4575	NNT10978	Nguyễn Đức Bôn	Phường Láng, Hà Nội	499,166,000	0	499,166,000	236,132,500	263,033,500
4576	NNT15980	Phan Thị Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,436,304,062	426,304,062	1,010,000,000	236,132,705	773,867,295
4577	NNT10875	Nguyễn Hải Anh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	486,486,000	34,324,000	452,162,000	236,153,000	216,009,000
4578	NNT18186	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	430,076,576	104,767,576	325,309,000	236,197,000	89,112,000
4579	NNT11543	Nguyễn Thị Cần	Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh	474,607,000	0	474,607,000	236,201,000	238,406,000
4580	NNT18661	Nguyễn Văn Toán	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	559,452,374	91,029,687	468,422,687	236,233,421	232,189,266
4581	NNT18403	Trần Thị Loan	Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	309,278,000	0	309,278,000	236,314,280	72,963,720
4582	NNT20079	Nguyễn Mậu Lực	Xã Thuận An, Hà Nội	323,852,000	0	323,852,000	236,429,000	87,423,000
4583	NNT11083	Trương Thị Thu Hiền	Phường Hà Đông, Hà Nội	525,800,000	0	525,800,000	236,543,000	289,257,000
4584	NNT18574	Phan Quang Duy	Xã Nghi Xuân, Hà Tĩnh	377,049,000	0	377,049,000	236,750,000	140,299,000
4585	NNT01587	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Kim Liên, Hà Nội	477,000,000	0	477,000,000	237,114,440	239,885,560
4586	NNT18871	Nguyễn Thị Thoa	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	400,486,301	50,486,301	350,000,000	237,350,000	112,650,000

4587	NNT14251	Nguyễn Thị Thiêm	Phường Phú Diễn, Hà Nội	540,540,000	0	540,540,000	237,435,775	303,104,225
4588	NNT20380	Đỗ Thị Thái Nhung	Phường Kim Liên, Hà Nội	312,500,000	0	312,500,000	237,448,000	75,052,000
4589	NNT20983	Trần Thị Thu Trà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	270,000,000	15,000,000	255,000,000	237,500,000	17,500,000
4590	NNT19819	Vũ Thị Hồng Hạnh	Xã Thanh Trì, Hà Nội	307,486,000	0	307,486,000	237,500,000	69,986,000
4591	NNT13430	Lê Thị Hường	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	563,202,000	0	563,202,000	237,551,000	325,651,000
4592	NTT00143	Nguyễn Xuân Hòa	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	730,000,000	0	730,000,000	237,582,000	492,418,000
4593	NNT21630	Trần Thị Tuyết Nga	Phường Đồng Văn, Ninh Bình	278,267,000	25,000,000	253,267,000	237,962,000	15,305,000
4594	NNT13983	Nguyễn Thị Huyền	Xã Văn Bàn, Lào Cai	489,622,000	0	489,622,000	237,964,000	251,658,000
4595	NNT18650	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Phú Thượng , Hà Nội	343,103,000	0	343,103,000	238,249,680	104,853,320
4596	NNT22719	Lê Thanh Bích	Phường Láng, Hà Nội	271,429,000	31,500,000	239,929,000	238,500,000	1,429,000
4597	NNT12838	Ngô Văn Tiến	Phường Cửa Nam, Hà Nội	770,618,000	0	770,618,000	238,648,460	531,969,540
4598	NNT12926	Khổng Thị Hân	Phường Xuân Phương, Hà Nội	1,210,414,158	413,732,158	796,682,000	238,864,080	557,817,920
4599	NNT18496	Phan Hữu Dũng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	321,418,000	0	321,418,000	239,250,000	82,168,000
4600	NNT22310	Nguyễn Quỳnh Trang	Xã Thanh Trì, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	239,389,000	60,611,000
4601	NNT13506	Trần Quốc Huy	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	774,043,000	0	774,043,000	239,395,360	534,647,640

4602	NNT19274	Nguyễn Thị Mai	Phường Yên Hòa, Hà Nội	360,211,000	0	360,211,000	239,400,000	120,811,000
4603	NNT14557	Nguyễn Hoàng Tám	Phường Văn Phú, Lào Cai	803,640,000	0	803,640,000	239,483,000	564,157,000
4604	NNT22160	Nguyễn Thu Hương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	540,403,288	140,403,288	400,000,000	239,596,712	160,403,288
4605	NNT19554	Vũ Thị Khoa Hằng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	312,500,000	0	312,500,000	239,632,000	72,868,000
4606	NNT16842	Nguyễn Tuấn Ngọc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	239,761,025	260,238,975
4607	NNT21412	Phạm Thị Kim Chi	Phường Cửa Nam, Hà Nội	267,391,000	10,000,000	257,391,000	239,810,000	17,581,000
4608	NNT21075	Lê Tự Chủ	Xã Tam Hưng, Hà Nội	314,208,000	0	314,208,000	240,000,000	74,208,000
4609	NNT24282	Nguyễn Thị Minh Tuyết	Phường Đồng Đa, Hà Nội	500,000,000	260,000,000	240,000,000	240,000,000	0
4610	NNT19668	Phan Huy Việt	Xã Quốc Oai, Hà Nội	365,674,000	110,000,000	255,674,000	240,000,000	15,674,000
4611	NNT22134	Lê Văn Vượng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	356,527,506	0	356,527,506	240,000,000	116,527,506
4612	NNT15834	Nguyễn Duy Phương	Phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh	382,282,000	0	382,282,000	240,248,970	142,033,030
4613	NNT21772	Cao Thanh Tân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	327,750,000	0	327,750,000	240,450,000	87,300,000
4614	NNT00036	Nguyễn Thu Hồng	Phường Xuân Hòa, Phú Thọ	3,311,446,328	1,529,930,329	1,781,515,999	240,515,000	1,541,000,999
4615	NNT23916	Đào Thị Thuậ	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	250,550,000	0	250,550,000	240,528,000	10,022,000
4616	NNT17225	Phường Danh Quý	Phường Tây Hồ, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	240,553,000	68,725,000

4617	NNT15518	Trần Duy Ứng	Phường Thái Bình, Hưng Yên	300,000,000	0	300,000,000	240,960,000	59,040,000
4618	NNT19016	Phạm Thị Khang Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	496,096,000	0	496,096,000	241,204,000	254,892,000
4619	NNT16222	Lê Bình	Phường Láng, Hà Nội	365,079,000	0	365,079,000	241,400,000	123,679,000
4620	NNT14421	Tạ Thị Xuân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	241,450,000	558,550,000
4621	NNT02098	Đinh Thị Ngà	Phường Lý Thường Kiệt, Ninh Bình	244,148,000	0	244,148,000	241,657,000	2,491,000
4622	NNT21514	Hoàng Thị Kim Dung	Xã Đại Phúc, Thái Nguyên	269,861,000	0	269,861,000	242,004,000	27,857,000
4623	NNT21819	Phan Thị Hoàn	Xã An Khánh, Hà Nội	421,052,000	163,000,000	258,052,000	242,263,000	15,789,000
4624	NNT14456	Nguyễn Thị Yên	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	403,283,000	0	403,283,000	242,310,000	160,973,000
4625	NNT16568	Vũ Thị Hoàng Yến	Phường Hà Đông, Hà Nội	288,660,000	0	288,660,000	242,494,000	46,166,000
4626	NNT14549	Âu Dương Lệ Tú	Phường Hải Châu, Đà Nẵng	431,033,000	0	431,033,000	242,500,000	188,533,000
4627	NNT19992	Nguyễn Thị Vinh	Xã Hòa Phú, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	242,513,000	74,947,000
4628	NNT20207	Đồng Thanh Thiện	Phường Bồ Đề, Hà Nội	530,341,000	216,393,000	313,948,000	242,559,000	71,389,000
4629	NNT21824	Lò Đức Mạnh	Phường Nam Định, Ninh Bình	333,791,000	0	333,791,000	242,590,321	91,200,679
4630	NNT02081	Lã Thị Ngọc Mai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	602,121,000	0	602,121,000	242,809,000	359,312,000
4631	NNT01091	Phan Thị Minh	Xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	666,835,000	0	666,835,000	242,851,000	423,984,000

4632	NNT19425	Đặng Thị Thúy Ninh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	536,382,000	257,000,000	279,382,000	243,000,100	36,381,900
4633	NNT20034	Trương Hữu Hồi	Phường Định Công, Hà Nội	316,402,000	0	316,402,000	243,100,000	73,302,000
4634	NNT18351	Đặng Văn Quang	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	428,650,000	16,278,000	412,372,000	243,191,800	169,180,200
4635	NNT23752	Đào Tuyết Dung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	250,000,000	6,666,000	243,334,000	243,334,000	0
4636	NNT17968	Hoàng Thị Học	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	406,625,957	56,110,957	350,515,000	243,356,000	107,159,000
4637	NNT15424	Ngô Đức Tứ	Phường Yên Hoà, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	243,579,000	556,421,000
4638	NNT14364	Trần Hoa Lê	Phường Yên Hoà, Hà Nội	3,442,862,000	1,705,000,000	1,737,862,000	243,581,000	1,494,281,000
4639	NNT23489	Bùi Đức Duy	Phường Tam Hưng, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	243,600,000	6,400,000
4640	NNT13234	Phạm Thị Minh Trúc	Phường Long Biên, Hà Nội	624,471,000	250,000,000	374,471,000	243,706,843	130,764,157
4641	NNT15299	Lê Đình Thọ	Phường Hà Đông, Hà Nội	702,292,000	0	702,292,000	243,965,000	458,327,000
4642	NNT23524	Hoàng Thị Khánh Hương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	244,000,000	6,000,000
4643	NNT11295	Lê Hoài Nam	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	853,056,000	0	853,056,000	244,240,000	608,816,000
4644	NNT22078	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Phường Tương Mai, Hà Nội	309,258,000	24,000,000	285,258,000	244,461,000	40,797,000
4645	NNT17605	Nguyễn Vũ Hà Anh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	295,784,000	0	295,784,000	244,498,360	51,285,640
4646	NNT12987	Trần Thị Bích	Xã Thanh Trì, Hà Nội	516,793,000	0	516,793,000	244,672,000	272,121,000

4647	NNT15497	Phạm Thị Tân	Phường Xuân Đình, Hà Nội	592,784,000	0	592,784,000	244,722,000	348,062,000
4648	NNT21639	Hán Phương Anh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	414,507,000	150,000,000	264,507,000	244,800,000	19,707,000
4649	NNT21891	Nguyễn Thị Huyền	Xã Vân Đình, Hà Nội	322,499,000	16,435,000	306,064,000	245,056,520	61,007,480
4650	NNT02185	Đặng Thị Nga	Xã Chương Mỹ, Hà Nội	941,901,000	180,000,000	761,901,000	245,236,545	516,664,455
4651	NNT15458	Nguyễn Thị Hiền	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	303,092,000	0	303,092,000	245,239,000	57,853,000
4652	NNT15345	Trịnh Minh Thành	Phường Tương Mai, Hà Nội	688,619,036	79,595,018	609,024,018	245,275,137	363,748,881
4653	NNT15567	Phạm Thị Thùy Hương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,000,000,000	20,000,000	980,000,000	245,344,000	734,656,000
4654	NNT19275	Nguyễn Kim Tân	Phường Khương Đình, Hà Nội	342,302,000	0	342,302,000	245,377,000	96,925,000
4655	NNT00824	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	365,360,000	0	365,360,000	245,465,630	119,894,370
4656	NNT01161	Nguyễn Thị Hòa	Xã Cổ Đô, Hà Nội	668,394,000	0	668,394,000	245,586,530	422,807,470
4657	NNT20146	Nguyễn Thị Căn	Phường Kim Liên, Hà Nội	314,658,000	0	314,658,000	245,600,000	69,058,000
4658	NNT14905	Đỗ Văn Ngọc	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	402,969,000	0	402,969,000	245,659,000	157,310,000
4659	NNT11556	Trần Thị Huyền	Xã Xuân Hồng, Ninh Bình	547,135,000	0	547,135,000	245,687,165	301,447,835
4660	NNT24392	Trần Thị Thủy	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	245,711,000	0	245,711,000	245,711,000	0
4661	NNT17222	Hoàng Anh Sơn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	854,733,000	465,315,000	389,418,000	245,731,000	143,687,000

4662	NNT20611	Vũ Thị Tuyên	Xã Hoằng Hoá, Thanh Hoá	500,000,000	225,500,000	274,500,000	245,750,000	28,750,000
4663	NNT13377	Lê Thị Tường Vân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	514,690,000	0	514,690,000	245,769,397	268,920,603
4664	NNT21027	Ngô Thị Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	386,622,689	58,653,689	327,969,000	245,783,311	82,185,689
4665	NNT18298	Trần Văn Quang	Xã An Thành, Hải Phòng	384,812,773	0	384,812,773	245,842,000	138,970,773
4666	NNT22778		Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	304,348,000	58,500,000	245,848,000	245,848,000	0
4667	NNT19537	Trần Văn Xuyên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	433,698,000	0	433,698,000	246,000,000	187,698,000
4668	NNT19895	Luyện Thanh Nga	Phường Tương Mai, Hà Nội	343,014,000	0	343,014,000	246,134,000	96,880,000
4669	NNT23450	Nguyễn Tá Cơ	Phường Long Biên, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	246,300,000	8,802,000
4670	NNT16039	Lại Thùy Linh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	948,210,844	294,318,844	653,892,000	246,310,006	407,581,994
4671	NNT13424	Đỗ Vy Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	765,932,000	0	765,932,000	246,356,000	519,576,000
4672	NNT21799	Nguyễn Phương Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	310,881,000	3,000,000	307,881,000	246,399,000	61,482,000
4673	NNT22881	Nguyễn Thị Minh Xuân	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	600,000,000	345,000,000	255,000,000	246,400,000	8,600,000
4674	NNT13374	Lê Thị Hằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	576,512,329	2,507,329	574,005,000	246,518,000	327,487,000
4675	NNT01908	Lê Thị Oanh	Xã Sơn Lộc, Hà Nội	546,594,082	0	546,594,082	246,716,000	299,878,082
4676	NNT12429	Cao Thắng	Phường Kim Liên, Hà Nội	483,996,000	0	483,996,000	246,796,000	237,200,000

4677	NNT12156	Nguyễn Thị Thúy	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	572,344,000	123,759,000	448,585,000	246,862,050	201,722,950
4678	NNT16197	Đào Thị Hoài Anh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	415,748,000	0	415,748,000	246,933,000	168,815,000
4679	NNT23889	Nguyễn Thị Oanh	Xã Bát Trảng, Hà Nội	254,639,000	0	254,639,000	247,000,000	7,639,000
4680	NNT23933	Đỗ Xuân Phú	Phường Định Công, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	247,300,000	2,700,000
4681	NNT24009	Bùi Ninh Bình	Xã Bắc Đông Quan, Hưng Yên	250,000,000	0	250,000,000	247,350,000	2,650,000
4682	NNT24072	Phạm Trường Sơn	Hoàn Kiếm, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	247,350,000	7,752,000
4683	NNT24046	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	250,000,000	0	250,000,000	247,350,000	2,650,000
4684	NNT23982	Phạm Kim Nhung	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	247,350,000	2,650,000
4685	NNT24032	Quách Thị Mai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	247,400,000	2,600,000
4686	NNT00407	Nguyễn Thị Tư	Phường Khương Đình, Hà Nội	855,000,000	0	855,000,000	247,501,000	607,499,000
4687	NNT11208	Nguyễn Thị Đào	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,030,927,000	0	1,030,927,000	247,903,996	783,023,004
4688	NNT13625	Bùi Thị Phượng	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	523,934,000	0	523,934,000	247,932,000	276,002,000
4689	NNT18963	Nguyễn Văn Bằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	371,188,000	0	371,188,000	248,300,000	122,888,000
4690	NNT23702	Nguyễn Thiên Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	433,489,402	183,489,402	250,000,000	248,361,589	1,638,411
4691	NNT18282	Trần Sỹ Tiến	Phường Từ Liêm, Hà Nội	603,488,863	184,488,863	419,000,000	248,395,837	170,604,163

4692	NNT15306	Đinh Thị Ngân	Phường Ba Đình, Hà Nội	348,232,000	0	348,232,000	248,500,200	99,731,800
4693	NNT19580	Nguyễn Thị Nghĩa	Phường Khương Đình, Hà Nội	627,523,000	0	627,523,000	248,551,000	378,972,000
4694	NNT17854	Nguyễn Văn Hiếu	Xã Yên Lạc, Phú Thọ	455,681,000	68,352,000	387,329,000	248,693,300	138,635,700
4695	NNT20814	Vũ Thu Phương	Phường Thượng Đình, Hà Nội	495,251,000	210,000,000	285,251,000	248,747,000	36,504,000
4696	NNT14488	Cồ Văn Hóa	Phường Bạch Mai, Hà Nội	445,806,000	0	445,806,000	248,800,000	197,006,000
4697	NNT22199	Lê Ninh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	398,205,479	48,205,479	350,000,000	248,853,000	101,147,000
4698	NNT14135	Lê Thị Thế Hiền	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	1,429,763,843	294,631,843	1,135,132,000	248,855,000	886,277,000
4699	NNT23440	Đỗ Trần Thọ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	248,999,960	6,102,040
4700	NNT23495	Nguyễn Đức Long	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	248,999,960	6,102,040
4701	NNT23436	Nguyễn Văn Thắng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4702	NNT23435	Nguyễn Thị Hoa	Phường Việt Hưng, Hà Nội	294,557,534	44,557,534	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4703	NNT23437	Doãn Thị Hương Giang	Xã Phương Dục, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4704	NNT23488	Lê Thị Lệ	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	249,000,000	6,102,000
4705	NNT23456	Đỗ Ngọc Thuyền	Xã Hội Thịnh, Phú Thọ	306,436,909	51,334,909	255,102,000	249,000,000	6,102,000
4706	NNT23494	Ngô Anh Tiến	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	293,367,000	0	293,367,000	249,000,000	44,367,000

4707	NNT23455	Phạm Thị Yến	Xã Hội Thịnh, Phú Thọ	306,436,909	51,334,909	255,102,000	249,000,000	6,102,000
4708	NNT23466	Lê Thị Hậu	Phường Tây Hồ, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4709	NNT23479	Hà Lão Kiều	Phường Giảng Võ, Hà Nội	255,102,000	0	255,102,000	249,000,000	6,102,000
4710	NNT23475	Đào Thị Hồng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4711	NNT23474	Lê Thu Thảo	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4712	NNT23497	Đỗ Thị Hiền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,000,000	1,000,000
4713	NNT15101	Hoàng Huy Tài	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	500,000,000	10,000,000	490,000,000	249,161,000	240,839,000
4714	NNT02198	Ngô Thúy Mai	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	903,240,000	100,000,000	803,240,000	249,166,000	554,074,000
4715	NNT23231	Lương Bích Hạnh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	249,250,000	750,000
4716	NNT00304	Phạm thị Thanh Tâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,800,000,000	54,092,603	1,745,907,397	249,438,500	1,496,468,897
4717	NNT17387	Trần Xuân Lịch	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	455,026,000	162,000,000	293,026,000	249,891,000	43,135,000
4718	NNT19084	Tổng Thu Thủy	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	346,270,000	0	346,270,000	249,956,000	96,314,000
4719	NNT22727	Nguyễn Xuân Hùng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	824,742,000	450,000,000	374,742,000	250,000,000	124,742,000
4720	NNT23496	Ngô Hoài Phong	Phường Yên Hoà, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	250,000,000	0
4721	NNT23226	Hoàng Thị Ngọc Mai	Phường Bồ Đề, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	250,000,000	0

4722	NNT22981	Trần Khánh Hằng	Phường Âu Cơ, Phú Thọ	272,732,000	0	272,732,000	250,000,000	22,732,000
4723	NNT17468	Ngô Thị Hòa	Phường Láng, Hà Nội	316,885,000	0	316,885,000	250,000,000	66,885,000
4724	NNT17943	Trần Văn Tuấn	Phường Xuân Trường, Ninh Bình	627,284,000	313,642,000	313,642,000	250,000,000	63,642,000
4725	NNT24019	Đỗ Thị Hồng Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	250,000,000	0
4726	NNT23655	Vũ Thị Nhung	Phường Yên Hòa, Hà Nội	252,525,000	0	252,525,000	250,000,000	2,525,000
4727	NNT21216	Vũ Thị Thu Hiền	Xã Phù Yên, Sơn La	307,610,000	0	307,610,000	250,000,000	57,610,000
4728	NNT23008	Vũ Thị Thanh Huyền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	257,806,000	0	257,806,000	250,000,000	7,806,000
4729	NNT22960	Phạm Văn Tuấn	Xã Cư M'Gar, Đắk Lắk	257,806,000	0	257,806,000	250,000,000	7,806,000
4730	NNT23956	Nguyễn Thùy Trang	Phường Kim Liên, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	250,000,000	0
4731	NNT23341	Nguyễn Thị Mỹ	Phường Hòa Cường, Đà Nẵng	255,102,000	0	255,102,000	250,000,000	5,102,000
4732	NNT19732	Nguyễn Đăng Mạnh	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	260,459,000	0	260,459,000	250,000,000	10,459,000
4733	NNT22713	Nguyễn Quang Mạnh	Xã Như Quỳnh, Hưng Yên	259,508,000	0	259,508,000	250,000,020	9,507,980
4734	NNT20051	Ngô Văn Dương	Xã Yên Cường, Ninh Bình	267,380,000	0	267,380,000	250,000,300	17,379,700
4735	NNT17566	Phạm Đức Lưu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	782,556,000	391,278,000	391,278,000	250,000,444	141,277,556
4736	NNT19347	Lê Trung Việt	Phường Bạch Mai, Hà Nội	302,680,000	0	302,680,000	250,040,000	52,640,000

4737	NNT14570	Lâm Thị Yến	Phường Tây Hồ, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	250,040,620	67,419,380
4738	NNT19697	Nguyễn Đình	Phường Tây Hồ, Hà Nội	752,038,000	0	752,038,000	250,080,000	501,958,000
4739	NNT24407	Đỗ Thị Ngọc	Phường Kim Liên, Hà Nội	250,339,000	0	250,339,000	250,339,000	0
4740	NNT20905	Nguyễn Thị Đàm	Xã Thanh Trì, Hà Nội	326,478,000	0	326,478,000	250,396,000	76,082,000
4741	NNT18691	Trần Thị Thoa	Phường Khương Đình, Hà Nội	557,823,000	250,000,000	307,823,000	250,550,000	57,273,000
4742	NNT17826	Vũ Thị Ngọc	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	352,041,000	0	352,041,000	250,684,000	101,357,000
4743	NNT12003	Đặng Thị Hậu	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	736,624,000	100,000,000	636,624,000	250,711,000	385,913,000
4744	NNT15189	Nguyễn Thị Thu Huyền	Phường Kim Liên, Hà Nội	649,493,000	320,000,000	329,493,000	250,750,421	78,742,579
4745	NNT23900	Đỗ Thị Thu Hà	Phường Định Công, Hà Nội	300,000,000	40,000,000	260,000,000	250,865,000	9,135,000
4746	NNT22135	Nguyễn Thị Đông	Phường Sơn Tây, Hà Nội	253,472,000	0	253,472,000	250,937,000	2,535,000
4747	NNT10823	Phạm Thị Thái Hoàng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	239,583,000	0	239,583,000	251,000,000	-11,417,000
4748	NNT21494	Đỗ Thanh Hường	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	352,107,945	82,107,945	270,000,000	251,000,000	19,000,000
4749	NNT16647	Nguyễn Thị Dung	Phường Phú Diễn, Hà Nội	450,602,959	62,870,979	387,731,980	251,151,000	136,580,980
4750	NNT21205	Nguyễn Thị Kim Thanh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	251,382,000	48,618,000
4751	NNT23545	Hoàng Thị Duyệt	Phường Tây Hồ, Hà Nội	351,301,808	91,301,808	260,000,000	251,500,000	8,500,000

4752	NNT00754	Nguyễn Thị Liên	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,142,206,000	372,912,331	769,293,669	251,566,000	517,727,669
4753	NNT14216	Vũ Trà My	Phường Bạch Mai, Hà Nội	884,696,000	350,000,000	534,696,000	251,602,615	283,093,385
4754	NNT16007	Nguyễn Vĩnh Hà	Phường Phú Diễn, Hà Nội	354,796,000	5,000,000	349,796,000	251,759,000	98,037,000
4755	NNT00797	Lưu Thị Thúy Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	984,741,422	452,953,422	531,788,000	251,800,240	279,987,760
4756	NNT22858	Phạm Văn Tuyển	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	329,901,370	29,901,370	300,000,000	252,000,000	48,000,000
4757	NNT21262	Bùi Văn Chông	Phường Phương Liệt, Hà Nội	707,258,000	404,062,000	303,196,000	252,175,000	51,021,000
4758	NNT18175	Đặng Thị Hằng	Phường Hà Đông, Hà Nội	371,188,000	0	371,188,000	252,200,000	118,988,000
4759	NNT13581	Nguyễn Vân Linh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	376,050,000	0	376,050,000	252,232,820	123,817,180
4760	NNT15206	Lại Thị Kính	Phường Phú Ván, Ninh Bình	350,000,000	20,000,000	330,000,000	252,243,000	77,757,000
4761	NNT11607	Phạm Thị Phương Thảo	Phường Phú Diễn, Hà Nội	776,556,000	0	776,556,000	252,359,000	524,197,000
4762	NNT19772	Phan Thị Lan Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	330,259,000	0	330,259,000	252,488,000	77,771,000
4763	NNT13853	Trần Văn Hoàng	Xã Krông Năng, Đắk Lắk	456,151,000	0	456,151,000	252,500,000	203,651,000
4764	NNT10870	Lã Thị Kim Oanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,147,098,000	171,000,000	976,098,000	252,569,000	723,529,000
4765	NNT21425	Huỳnh Thị Kim Oanh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	322,580,000	32,258,000	290,322,000	252,688,000	37,634,000
4766	NNT21161	Lưu Quang Phúc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	327,278,000	0	327,278,000	252,750,000	74,528,000

4767	NNT23525	Trần Thu Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	300,000,000	42,960,000	257,040,000	252,800,000	4,240,000
4768	NNT14667	Ngô Thị Hoài Thu	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	790,886,000	65,277,000	725,609,000	252,846,490	472,762,510
4769	NNT14874	Võ Thị Liên Hương	Phường Láng, Hà Nội	485,663,000	0	485,663,000	252,858,000	232,805,000
4770	NNT18475	Lê Kiều Trang	Phường Hạc Thành, Thanh Hóa	352,440,000	25,000,000	327,440,000	252,899,900	74,540,100
4771	NNT22172	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Từ Liêm, Hà Nội	258,169,000	0	258,169,000	252,906,000	5,263,000
4772	NNT18133	Nguyễn Ngọc Anh	Xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	318,579,000	12,000,000	306,579,000	252,960,000	53,619,000
4773	NNT20961	Mai Thị Hồng Liễu	Phường Hà Đông, Hà Nội	328,125,000	62,000,000	266,125,000	253,000,000	13,125,000
4774	NNT21606	Đinh Thị Vũ Chi	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	275,000,000	0	275,000,000	253,000,000	22,000,000
4775	NNT20982	Vũ Thị Loan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	330,844,000	2,781,000	328,063,000	253,401,000	74,662,000
4776	NNT15908	Trịnh Thị Lụa	Phường Khương Đình, Hà Nội	348,485,000	0	348,485,000	253,909,000	94,576,000
4777	NNT21598	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phường Sơn Tây, Hà Nội	842,106,000	421,053,000	421,053,000	254,612,000	166,441,000
4778	NNT20868	Phan Thị Thom	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	336,126,000	0	336,126,000	254,741,000	81,385,000
4779	NNT14906	Hoàng Thị Ngọc Yến	Phường Kim Liên, Hà Nội	339,595,000	0	339,595,000	254,872,702	84,722,298
4780	NNT17853	Trần Thị Ngãi	Xã Phú Sơn, Ninh Bình	300,000,000	0	300,000,000	254,908,000	45,092,000
4781	NNT11599	Trần Điệp	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	815,000,000	0	815,000,000	255,000,000	560,000,000

4782	NNT01755	Hoàng Thị Mỹ Hải	Phường Phú Lý, Ninh Bình	533,401,520	1,760,520	531,641,000	255,003,000	276,638,000
4783	NNT16750	Nguyễn Thị Thanh Tú	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	558,565,262	105,672,000	452,893,262	255,158,960	197,734,302
4784	NNT20897	Lại Thị Chuyên	Xã Thanh Lâm, Ninh Bình	309,278,000	0	309,278,000	256,000,000	53,278,000
4785	NNT11968	Nguyễn Văn Kiên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	535,400,000	0	535,400,000	256,186,000	279,214,000
4786	NNT19805	Vũ Thị Thu Hằng	Phường Láng, Hà Nội	366,730,000	0	366,730,000	256,343,000	110,387,000
4787	NNT20461	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phường Sơn Tây, Hà Nội	518,848,000	198,953,000	319,895,000	256,421,000	63,474,000
4788	NNT14899	Trần Thị Tuyết Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	446,444,000	0	446,444,000	256,931,000	189,513,000
4789	NNT20285	Nguyễn Thị Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	470,771,000	0	470,771,000	257,194,000	213,577,000
4790	NNT19962	Trần Thị Ngọc Hà	Phường Bồ Đề, Hà Nội	312,500,000	0	312,500,000	257,213,120	55,286,880
4791	NNT18390	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	Phường Xuân Phương, Hà Nội	656,853,394	0	656,853,394	257,251,000	399,602,394
4792	NNT18546	Nguyễn Thị Mai Sim	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	519,048,716	6,370,716	512,678,000	257,292,170	255,385,830
4793	NNT23018	Phan Thị Thanh Vân	Phường Quang Hanh, Quảng Ninh	265,306,000	0	265,306,000	257,400,000	7,906,000
4794	NNT23005	Đào Thị Hồng	Xã Nam Trục, Ninh Bình	265,306,000	0	265,306,000	257,400,000	7,906,000
4795	NNT16643	Nguyễn Thị Vân Nga	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,614,434,382	503,248,382	2,111,186,000	257,485,508	1,853,700,492
4796	NNT15411	Nguyễn Văn Thìn	Xã Thường Tín, Hà Nội	517,582,000	0	517,582,000	257,595,000	259,987,000

4797	NNT21424	Chu Thị Bình	Phường Phương Liệt, Hà Nội	414,508,000	142,176,000	272,332,000	257,624,000	14,708,000
4798	NNT14584	Phạm Thanh Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	512,684,000	0	512,684,000	257,637,000	255,047,000
4799	NNT13523	Khúc Thị Thúy Hải	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,758,706,000	0	3,758,706,000	257,884,000	3,500,822,000
4800	NNT14393	Nguyễn Thị Hồng Thiện	Xã Hương Sơn, Hà Nội	368,842,000	0	368,842,000	257,896,210	110,945,790
4801	NNT19326	Đinh Thị Hồng Nhung	Phường Trung Sơn, Ninh Bình	327,753,000	0	327,753,000	257,900,000	69,853,000
4802	NNT20841	Nguyễn Thị Xinh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,755,492,114	2,410,130,581	345,361,533	257,937,158	87,424,375
4803	NNT20854	Đỗ Thảo Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	309,278,000	42,000,000	267,278,000	258,000,000	9,278,000
4804	NNT20864	Nguyễn Thị Hà Nhân	Phường Hà Đông, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	258,510,000	50,768,000
4805	NNT13278	Nguyễn Thị Hồng Diệp	Phường Kim Liên, Hà Nội	502,927,000	0	502,927,000	258,664,550	244,262,450
4806	NNT15698	Trần Thị Dung	Phường Bạch Mai, Hà Nội	331,869,000	8,000,000	323,869,000	258,846,000	65,023,000
4807	NNT14955	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Phường Bạch Mai, Hà Nội	855,555,177	344,454,220	511,100,957	258,900,000	252,200,957
4808	NNT20707	Vũ Thị Lan Hương	Phường Gia Viên, Hải Phòng	416,667,000	0	416,667,000	259,000,000	157,667,000
4809	NNT20345	Nguyễn Thành Long	Phường Đồng Đa, Hà Nội	331,534,000	0	331,534,000	259,017,020	72,516,980
4810	NNT14627	Nghiêm Quang Căn	Xã Ninh Giang, Hải Phòng	475,999,000	0	475,999,000	259,185,310	216,813,690
4811	NNT14721	Vũ Thị Kim Chung	Xã Ninh Giang , Ninh Bình	541,234,000	181,579,000	359,655,000	259,289,000	100,366,000

4812	NNT15702	Thái Vinh Tú	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,490,568,303	1,399,892,303	1,090,676,000	259,360,697	831,315,303
4813	NNT16570	Vũ Khánh Tuệ	Xã Đông Anh, Hà Nội	509,930,000	0	509,930,000	259,530,000	250,400,000
4814	NNT18581	Nguyễn Hồng Hải	Xã Xuân Mai, Hà Nội	465,708,000	150,150,000	315,558,000	259,850,000	55,708,000
4815	NNT19778	Trần Thị Hường	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	355,214,000	0	355,214,000	259,999,000	95,215,000
4816	NNT20673	Lê Thị Hối	Xã Tân Chi, Bắc Ninh	343,974,000	0	343,974,000	260,000,000	83,974,000
4817	NNT20231	Trần Văn Chính	Phường Khương Đình, Hà Nội	526,316,000	240,000,000	286,316,000	260,000,200	26,315,800
4818	NNT20358	Đặng Thị Vân	Phường Xuân Đình, Hà Nội	315,952,000	0	315,952,000	260,003,702	55,948,298
4819	NNT11921	Lê Thị Thu Dần	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,074,347,000	0	1,074,347,000	260,083,538	814,263,462
4820	NNT22499	Nguyễn Thị Mai Trang	Phường Cam Đường, Lào Cai	327,902,000	0	327,902,000	260,485,000	67,417,000
4821	NNT16359	Phùng Xuân Sơn	Xã Trần Phú, Hà Nội	402,910,000	52,500,000	350,410,000	260,531,000	89,879,000
4822	NNT22309	Phạm Thị Hương	Xã Đại Thanh, Hà Nội	302,051,000	0	302,051,000	260,611,000	41,440,000
4823	NNT02157	Nguyễn Danh Thanh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	909,731,000	0	909,731,000	260,709,290	649,021,710
4824	NNT18524	Nguyễn Thị Phụng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	678,189,207	84,883,207	593,306,000	260,821,666	332,484,334
4825	NNT15845	Phương Tuấn Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	425,925,000	0	425,925,000	260,860,000	165,065,000
4826	NNT14556	Nguyễn Hoàng Sỹ	Phường Long Bình, Đồng Nai	556,826,000	0	556,826,000	260,927,000	295,899,000

4827	NNT14790	Trịnh Thị Thu Trang	Phường Tây Hồ, Hà Nội	483,437,000	0	483,437,000	261,000,000	222,437,000
4828	NNT21397	Đỗ Văn Phương	Phường Hà Đông, Hà Nội	331,003,000	0	331,003,000	261,073,000	69,930,000
4829	NNT15978	Trần Minh Triều	Phường Hà Đông, Hà Nội	349,457,000	0	349,457,000	261,123,250	88,333,750
4830	NNT12989	Nguyễn Tường Vân	Phường Khương Đình, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	261,315,000	47,963,000
4831	NNT13888	Lê Minh Tâm	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,908,436,000	769,093,000	1,139,343,000	261,345,240	877,997,760
4832	NNT02146	Nguyễn Thị Loan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	820,253,000	0	820,253,000	261,487,000	558,766,000
4833	NNT21738	Trần Thị Chiến	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	280,000,000	0	280,000,000	261,800,000	18,200,000
4834	NNT14237	Trần Thị Trá	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	524,776,000	0	524,776,000	261,972,200	262,803,800
4835	NNT11943	Trần Thu Phương	Phường Định Công, Hà Nội	1,000,100,461	294,097,461	706,003,000	262,123,732	443,879,268
4836	NNT14661	Hà Thị Phương Loan	Phường Nông Trang, , Phú Thọ	423,576,000	0	423,576,000	262,199,450	161,376,550
4837	NNT22999	Trịnh Ngọc Lâm	Phường Phú Diễn, Hà Nội	330,666,274	0	330,666,274	262,350,000	68,316,274
4838	NNT15527	Đào Thị Thanh Thủy	Phường Bạch Mai, Hà Nội	652,192,000	48,648,000	603,544,000	262,393,000	341,151,000
4839	NNT21922	Đào Thị Sâm	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	395,876,000	0	395,876,000	262,634,000	133,242,000
4840	NNT16902	Hồ Thị Thịnh	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	575,764,000	0	575,764,000	262,852,240	312,911,760
4841	NNT13219	Công Thị Thu Trang	Phường Phú Thượng, Hà Nội	1,251,438,754	224,113,754	1,027,325,000	263,104,000	764,221,000

4842	NNT11155	Trần Diệu Hương	Phường Láng, Hà Nội	1,279,713,000	0	1,279,713,000	263,198,178	1,016,514,822
4843	NNT19900	Chu Phương Nhung	Phường Phương Liệt, Hà Nội	465,110,000	100,225,000	364,885,000	263,297,800	101,587,200
4844	NNT00652	Trần Thị Lộc	Phường Kim Liên, Hà Nội	741,762,000	20,000,000	721,762,000	263,417,000	458,345,000
4845	NNT12649	Đinh Thị Thanh Thảo	Phường Sơn Tây, Hà Nội	517,498,969	0	517,498,969	263,548,969	253,950,000
4846	NNT14989	Nguyễn Nhật Thăng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	610,135,000	0	610,135,000	264,211,055	345,923,945
4847	NNT15711	Nguyễn Thị Thuyết	Phường Kim Liên, Hà Nội	652,631,000	200,000,000	452,631,000	264,349,000	188,282,000
4848	NNT20799	Tăng Thị Hóa	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	348,262,000	28,000,000	320,262,000	264,748,000	55,514,000
4849	NNT20949	Nguyễn Thị Nguyệt	Phường Tây Hồ, Hà Nội	336,976,000	0	336,976,000	264,750,000	72,226,000
4850	NNT18937	Nguyễn Duy Hải	Phường Kim Liên, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	264,753,000	135,247,000
4851	NNT13306	Nguyễn Thị Liên	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	451,954,000	55,000,000	396,954,000	264,864,702	132,089,298
4852	NNT19810	Nguyễn Thu Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	367,460,000	43,000,000	324,460,000	264,991,000	59,469,000
4853	NNT15905	Vũ Thị Phương Liên	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	932,492,000	498,228,000	434,264,000	264,995,000	169,269,000
4854	NNT20127	Phạm Thị Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	294,461,000	15,000,000	279,461,000	264,999,750	14,461,250
4855	NNT21575	Nguyễn Thị Hoa	Xã Đông Anh, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	265,000,000	44,278,000
4856	NNT22400	Nguyễn Thùy Linh	Phường Đống Đa, Hà Nội	306,186,000	0	306,186,000	265,000,000	41,186,000

4857	NNT14200	Bùi Thị Chính	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	687,336,000	0	687,336,000	265,278,000	422,058,000
4858	NNT21138	Phạm Thị Hồng Minh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	434,875,407	0	434,875,407	265,297,000	169,578,407
4859	NNT18141	Hoàng Liên Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	390,531,000	0	390,531,000	265,781,800	124,749,200
4860	NNT16204	Nguyễn Thị Dung	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	370,000,000	0	370,000,000	266,236,000	103,764,000
4861	NNT18640	Lê Văn Toàn	Phường Yên Hòa, Hà Nội	535,466,000	0	535,466,000	266,338,090	269,127,910
4862	NNT13074	Nguyễn Văn Âu	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,721,154,000	0	3,721,154,000	266,476,000	3,454,678,000
4863	NNT21777	Đinh Thị Hối	Xã Đông Anh, Hà Nội	297,313,000	0	297,313,000	266,721,000	30,592,000
4864	NNT13923	Vũ Tường Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,433,433,000	305,058,000	1,128,375,000	266,806,000	861,569,000
4865	NNT24123	Lê Văn Lân	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	333,041,096	33,041,096	300,000,000	266,958,904	33,041,096
4866	NNT17957	Kiều Tùng Ngọc	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	399,484,000	0	399,484,000	267,000,500	132,483,500
4867	NNT10945	Trần Quốc Thái	Phường Đồng Đa, Hà Nội	450,000,000	21,000,000	429,000,000	267,086,000	161,914,000
4868	NNT17454	Lê Thị Quỳnh Anh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	416,735,000	0	416,735,000	267,136,000	149,599,000
4869	NNT14011	Lê Tân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	492,888,000	0	492,888,000	267,149,000	225,739,000
4870	NNT23289	Nguyễn Văn Cúc	Phường Cửa Nam, Hà Nội	300,000,000	27,500,000	272,500,000	267,200,000	5,300,000
4871	NNT15960	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Tây Hồ, Hà Nội	466,490,000	0	466,490,000	267,257,000	199,233,000

4872	NNT16070	Phạm Văn Hồng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	546,448,000	60,000,000	486,448,000	267,263,000	219,185,000
4873	NNT16961	Nhữ Thị Hồng Mận	Xã Thanh Lâm, Ninh Bình	1,088,736,000	71,149,000	1,017,587,000	267,298,000	750,289,000
4874	NNT22862	Phạm Quang Tuệ	Phường Ba Đình, Hà Nội	300,000,000	32,611,000	267,389,000	267,389,000	0
4875	NNT22537	Nông Thị Huệ	Xã Phù Đồng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	267,400,000	32,600,000
4876	NNT23444	Lưu Thị Huyền	Phường Long Biên, Hà Nội	423,698,000	147,550,000	276,148,000	267,542,000	8,606,000
4877	NNT18216	Đặng Thị Sâm	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	420,875,000	0	420,875,000	267,747,000	153,128,000
4878	NNT13943	Phùng Văn Lự	Phường Bạch Mai, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	267,784,000	232,216,000
4879	NNT15223	Trần Duy Viện	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	620,882,000	0	620,882,000	267,820,000	353,062,000
4880	NNT22708	Trương Đức Bảo	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	363,986,301	63,986,301	300,000,000	267,840,000	32,160,000
4881	NNT16422	Lê Thị Thà	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	784,690,000	324,000,000	460,690,000	267,843,760	192,846,240
4882	NNT13505	Nguyễn Thị Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	588,346,000	0	588,346,000	267,955,000	320,391,000
4883	NNT18518	Võ Mai Nhân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	423,888,000	72,565,000	351,323,000	268,000,000	83,323,000
4884	NNT20219	Lê Thị Lý	Phường Phan Chu Trinh, Hà Nội	585,741,000	194,064,000	391,677,000	268,177,000	123,500,000
4885	NNT23768	Nguyễn Tuấn Anh	Phường Định Công, Hà Nội	288,969,000	14,167,000	274,802,000	268,285,537	6,516,463
4886	NNT19777	Mai Phương Nga	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	376,675,000	0	376,675,000	268,291,000	108,384,000

4887	NNT13262	Hoàng Thị Duyên	Phường Sơn Tây, Hà Nội	638,728,000	0	638,728,000	268,345,290	370,382,710
4888	NNT17103	Đỗ Thúy Hệ	Phường Phú Diễn, Hà Nội	320,788,000	0	320,788,000	268,446,604	52,341,396
4889	NNT23683	Phạm Đức Thịnh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	386,418,611	116,418,611	270,000,000	268,543,125	1,456,875
4890	NNT22350	Vũ Thị Thanh Hương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	308,333,000	0	308,333,000	268,859,000	39,474,000
4891	NNT12828	Nguyễn Thị Phương Thanh	Xã Phụng Công, Hưng Yên	303,798,000	0	303,798,000	268,875,000	34,923,000
4892	NNT21125	Nguyễn Hồng Thịnh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	284,563,000	0	284,563,000	268,912,000	15,651,000
4893	NNT17458	Nguyễn Thị Thúy Bạch	Phường Giảng Võ, Hà Nội	363,886,000	0	363,886,000	268,925,000	94,961,000
4894	NNT01355	Nguyễn Ngọc Thái	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	173,962,728	-100,699,272	274,662,000	269,234,500	5,427,500
4895	NNT15907	Trần Thị Bạch Dương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	368,394,000	0	368,394,000	269,238,000	99,156,000
4896	NNT11936	Nguyễn Thị Thu	Phường Trần Phú, Hà Tĩnh	417,362,000	2,062,000	415,300,000	269,347,000	145,953,000
4897	NNT18080	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Khương Đình, Hà Nội	513,866,855	105,242,855	408,624,000	269,390,000	139,234,000
4898	NNT18472	Hà Quý Thống	Phường Cửa Nam, Hà Nội	476,793,000	0	476,793,000	269,432,000	207,361,000
4899	NNT21841	Dương Thị Thi	Xã Kim Anh, Hà Nội	437,356,902	87,356,717	350,000,185	269,519,000	80,481,185
4900	NNT23706	Vũ Thị Ngọc Nhung	Phường Hà Đông, Hà Nội	442,406,166	167,406,166	275,000,000	269,595,552	5,404,448
4901	NNT13161	Phạm Thị Thúy Hằng	Xã Bình Minh, Hà Nội	465,288,000	0	465,288,000	270,000,000	195,288,000

4902	NNT15799	Nguyễn Thị Thao	Phường Nam Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	900,000,000	495,000,000	405,000,000	270,071,000	134,929,000
4903	NNT19389	Nguyễn Thị Hiền	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	376,111,000	0	376,111,000	270,204,000	105,907,000
4904	NNT15103	Nguyễn Thị Ngọc	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	667,460,000	300,000,000	367,460,000	270,250,000	97,210,000
4905	NNT01096	Nguyễn Hoàng Mai	Phường Láng, Hà Nội	853,370,673	101,168,000	752,202,673	270,278,000	481,924,673
4906	NNT02101	Đỗ Thị Quỳnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	526,792,000	0	526,792,000	270,361,000	256,431,000
4907	NNT19605	Nguyễn Văn Tiến	Xã An Thành, Hải Phòng	432,000,000	0	432,000,000	270,371,309	161,628,691
4908	NNT14774	Bùi Hoàng Yên	Phường Phương Liệt, Hà Nội	526,798,000	0	526,798,000	270,433,702	256,364,298
4909	NNT18169	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Xã Đan Phượng, Hà Nội	620,833,000	305,000,000	315,833,000	270,500,000	45,333,000
4910	NNT23696	Lương Thị Minh Giang	Phường Bồ Đề, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	271,015,000	38,263,000
4911	NNT16393	Lê Thị Thanh Bình	Phường Khương Đình, Hà Nội	324,712,000	0	324,712,000	271,100,000	53,612,000
4912	NNT22201	Mai Quý Đắc	Phường Phương Liệt, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	271,500,000	28,500,000
4913	NNT15807	Hồ Thị Ngân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	404,188,000	22,873,000	381,315,000	271,656,915	109,658,085
4914	NNT24027	Đào Vinh Quang	Xã Hương Sơn, Hà Nội	327,973,315	27,973,315	300,000,000	272,026,685	27,973,315
4915	NNT24052	Nguyễn Văn Việt	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	272,100,000	27,900,000
4916	NNT20634	Phùng Thị Thành	Phường Sơn Tây, Hà Nội	451,112,000	0	451,112,000	272,201,000	178,911,000

4917	NNT18734	Lê Quang Hưng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	543,478,000	81,522,000	461,956,000	272,369,000	189,587,000
4918	NNT15496	Lê Huy Phách	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,258,982,000	522,500,000	736,482,000	272,500,000	463,982,000
4919	NNT10816	Nguyễn Kim Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	762,141,000	0	762,141,000	272,646,000	489,495,000
4920	NNT15782	Ngô Việt Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	272,858,000	77,142,000
4921	NNT23699	Lê Thị Thúy Hương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	280,000,000	0	280,000,000	273,300,000	6,700,000
4922	NNT19880	Nguyễn Thị Yên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	352,826,000	5,000,000	347,826,000	273,696,000	74,130,000
4923	NNT24054	Vũ Thị Minh Nguyệt	Phường Hà Đông, Hà Nội	300,000,000	24,800,000	275,200,000	273,875,000	1,325,000
4924	NNT12638	Hoàng Thị Hà	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	773,840,000	0	773,840,000	274,416,000	499,424,000
4925	NNT01329	Lê Thị Oanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,261,401,000	0	1,261,401,000	274,592,315	986,808,685
4926	NNT23530	Phạm Tiến Thành	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	321,000,000	0	321,000,000	274,760,000	46,240,000
4927	NNT19349	Lê Thị Thu Hải	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	500,000,000	150,000,000	350,000,000	275,000,000	75,000,000
4928	NNT20737	Cao Vũ Mạnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	334,189,000	0	334,189,000	275,000,000	59,189,000
4929	NNT01208	Nguyễn Thị Khánh Hà	Xã Đông Anh, Hà Nội	1,328,173,712	243,370,356	1,084,803,356	275,092,000	809,711,356
4930	NNT14809	Nguyễn Thị Lan	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	928,975,000	140,760,000	788,215,000	275,112,300	513,102,700
4931	NNT00757	Nguyễn Minh Trang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	666,389,000	0	666,389,000	275,166,880	391,222,120

4932	NNT23746	Mai Hồng Thuận	Phường Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	24,800,000	275,200,000	275,200,000	0
4933	NNT17220	Nguyễn Thị Yên	Phường Việt Hưng, Hà Nội	649,511,302	102,904,150	546,607,152	275,344,000	271,263,152
4934	NNT22061	Lại Thị Thu Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	320,856,000	23,000,000	297,856,000	275,500,000	22,356,000
4935	NNT10913	Nguyễn Thu Thủy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	706,360,000	200,000,000	506,360,000	275,557,000	230,803,000
4936	NNT23629	Nguyễn Thế Vinh	Xã Tam Hợp, Nghệ An	278,350,000	0	278,350,000	275,566,000	2,784,000
4937	NNT23575	Phạm Thị Hoa	Xã Hải Hậu, Ninh Bình	624,000,000	348,000,000	276,000,000	276,000,000	0
4938	NNT01803	Tạ Thị Chuông	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,167,190,968	343,942,120	823,248,848	276,179,936	547,068,912
4939	NNT21364	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	484,246,000	181,000,000	303,246,000	276,271,000	26,975,000
4940	NNT19593	Nguyễn Thị Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	276,336,000	323,664,000
4941	NNT23830	Nguyễn Thị Thảo	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	280,000,000	0	280,000,000	276,600,000	3,400,000
4942	NNT16427	Bùi Thúy Hằng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	276,664,000	146,616,000
4943	NNT11947	Dương Thị Xuân Trà	Phường Việt Hưng, Hà Nội	590,915,000	0	590,915,000	276,713,000	314,202,000
4944	NNT20822	Bùi Thị Thúy Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	374,177,000	45,369,000	328,808,000	276,750,000	52,058,000
4945	NNT19307	Nguyễn Thị Hoài Thu	Phường Tây Hồ, Hà Nội	820,833,000	445,000,000	375,833,000	276,876,000	98,957,000
4946	NNT17087	Đoàn Thị Minh Yến	Phường Kim Liên, Hà Nội	481,676,000	0	481,676,000	276,890,000	204,786,000

4947	NNT16376	Ngô Văn Thi	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,103,408,767	342,511,767	760,897,000	276,967,233	483,929,767
4948	NNT01259	Đặng Bảo Ninh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	769,827,000	0	769,827,000	276,969,000	492,858,000
4949	NNT18709	Bùi Thị Căn	Phường Ba Đình, Hà Nội	428,078,000	0	428,078,000	277,005,000	151,073,000
4950	NNT19250	Đỗ Xuân Tùng	Xã Đông Anh, Hà Nội	358,186,000	0	358,186,000	277,206,000	80,980,000
4951	NNT23317	Nguyễn Thị Bội Lan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	350,372,055	72,872,055	277,500,000	277,500,000	0
4952	NNT01348	Dương Thị Ngọc Lan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	873,851,000	0	873,851,000	277,804,000	596,047,000
4953	NNT19161	Phạm Minh Hương	Phường Gia Viên, Hải Phòng	482,142,000	0	482,142,000	277,895,000	204,247,000
4954	NNT12048	Nguyễn Thị Chanh	Xã Ô Diên, Hà Nội	1,032,520,000	200,000,000	832,520,000	277,897,221	554,622,779
4955	NNT19383	Lê Thu Hương	Phường Tây Tựu, Hà Nội	567,021,000	210,000,000	357,021,000	278,000,000	79,021,000
4956	NNT22159	Giáp Mạnh Linh	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	352,885,719	105,785,719	247,100,000	278,000,000	-30,900,000
4957	NNT15595	Lê Thị Kim Thanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	278,034,000	121,966,000
4958	NNT12256	Nguyễn Duy Điều	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	528,158,000	0	528,158,000	278,303,000	249,855,000
4959	NNT00369	Bùi Thiều Quang	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	620,000,000	12,400,000	607,600,000	278,611,000	328,989,000
4960	NNT14453	Nguyễn Sơn Hải	Phường Tương Mai, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	278,740,000	121,260,000
4961	NNT12045	Đỗ Thị Minh Phương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	720,667,000	0	720,667,000	278,853,000	441,814,000

4962	NNT18091	Phùng Kim Nguyên	Xã Vật Lại, Hà Nội	401,640,000	0	401,640,000	278,860,000	122,780,000
4963	NNT17492	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	418,571,000	0	418,571,000	279,036,992	139,534,008
4964	NNT20770	Vũ Thị Nga	Phường Láng, Hà Nội	342,553,000	0	342,553,000	279,070,110	63,482,890
4965	NNT14343	Trịnh Hữu Văn	Phường Giảng Võ, hà Nội	630,000,000	57,796,000	572,204,000	279,110,000	293,094,000
4966	NNT22235	Trần Thị Hương	Phường Thành Vinh, Nghệ An	369,380,000	7,986,000	361,394,000	279,485,000	81,909,000
4967	NNT18504	Đỗ Quang Thỏa	Phường Từ Liêm, Hà Nội	414,508,000	100,000,000	314,508,000	279,500,000	35,008,000
4968	NNT10925	Phan Thu Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	429,692,000	0	429,692,000	279,589,000	150,103,000
4969	NNT22389	Phạm Văn Thạc	Phường Hải Dương, Hải Phòng	359,979,000	12,834,000	347,145,000	279,604,320	67,540,680
4970	NNT18058	Trần Thị Hồng Việt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	418,756,000	0	418,756,000	279,998,900	138,757,100
4971	NNT24044	Hồ Thị Kim Dung	Phường Phương Liệt, Hà Nội	288,418,000	0	288,418,000	280,000,000	8,418,000
4972	NNT23463	Ngô Văn Nghiệp	Xã Hồng Vân, Hà Nội	303,030,000	0	303,030,000	280,000,000	23,030,000
4973	NNT21180	Lê Quang Việt	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	370,370,000	70,000,000	300,370,000	280,000,000	20,370,000
4974	NNT19371	Nguyễn Xuân Hiệp	Phường Bạch Mai, Hà Nội	468,750,000	170,000,000	298,750,000	280,000,000	18,750,000
4975	NNT23140	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	285,714,000	0	285,714,000	280,000,000	5,714,000
4976	NNT21187	Lê Hà Thu	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	359,375,000	0	359,375,000	280,094,000	79,281,000

4977	NNT17155	Nguyễn Thị Dậu	Phường Bồ Đề, Hà Nội	656,621,431	128,821,431	527,800,000	280,221,000	247,579,000
4978	NNT19187	Nguyễn Thị Ôn	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	380,434,000	0	380,434,000	280,633,000	99,801,000
4979	NNT20781	Hoàng Lâm Thiện	Phường Yên Hòa, Hà Nội	351,309,000	30,000,000	321,309,000	281,257,000	40,052,000
4980	NNT20062	Đỗ Thị Thảo	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	562,006,300	262,593,560	299,412,740	281,950,000	17,462,740
4981	NNT23158	Lê Huy Thông	Phường Hoán Kiếm, Hà Nội	300,000,000	18,000,000	282,000,000	282,000,000	0
4982	NNT23109	Phan Thị Mừng	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	300,000,000	18,000,000	282,000,000	282,000,000	0
4983	NNT15668	Phạm Thị Dung	Phường Hòa Bình, Phú Thọ	471,469,000	8,000,000	463,469,000	282,000,000	181,469,000
4984	NNT18826	Lê Thị Tuyết Mai	Phường Xuân Đình, Hà Nội	395,288,000	0	395,288,000	282,023,840	113,264,160
4985	NNT22475	Nguyễn Văn Trang	Phường Khương Đình, Hà Nội	362,694,000	10,880,000	351,814,000	282,115,710	69,698,290
4986	NNT23733	Nguyễn Thị Tuấn Sửu	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,017,095,890	567,111,644	449,984,246	282,290,000	167,694,246
4987	NNT19700	Vũ Thị Minh Nguyệt	Xã Yên Từ, Ninh Bình	350,257,000	0	350,257,000	282,347,040	67,909,960
4988	NNT18488	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	327,692,000	0	327,692,000	282,456,000	45,236,000
4989	NNT23815	Hà Thị Nhật Lệ	Phường Việt Hưng, Hà Nội	321,909,000	39,427,000	282,482,000	282,482,000	0
4990	NNT13579	Khuất Giang Linh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	510,204,000	0	510,204,000	282,500,000	227,704,000
4991	NNT15012	Dương Thị Xuân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	429,637,399	78,512,399	351,125,000	282,549,000	68,576,000

4992	NNT15445	Trần Văn Khải	Phường Đồng Đa, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	282,575,000	217,425,000
4993	NNT14697	Bùi Minh Đường	Phường Đồng Đa, Hà Nội	354,959,000	0	354,959,000	282,626,000	72,333,000
4994	NNT11082	Trần Thị Vân Thu	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,075,268,000	80,645,000	994,623,000	283,070,000	711,553,000
4995	NNT24437	Nguyễn Đình Khoa	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	283,505,000	0	283,505,000	283,505,000	0
4996	NNT18077	Hoàng Thị Chiên	Phường Tây Tựu, Hà Nội	324,310,000	0	324,310,000	284,036,000	40,274,000
4997	NNT14192	Nguyễn Thị Thúy Vân	Phường Xuân Phương, Hà Nội	455,000,000	4,914,000	450,086,000	284,361,442	165,724,558
4998	NNT21776	Lê Thị Thủy	Xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh	306,878,000	0	306,878,000	284,500,000	22,378,000
4999	NNT01650	Trần Văn Mạnh	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	1,160,004,000	145,116,000	1,014,888,000	284,572,500	730,315,500
5000	NNT17812	Nguyễn Đức Diện	Xã Nam Tiến Hưng, tỉnh Hưng Yên	1,955,687,827	1,013,279,827	942,408,000	284,705,651	657,702,349
5001	NNT01929	Phan Thị Khang	1404 CT6B, Chung cư Bemes, khu đô thị Xa La, phường Kiển Hưng, Hà Nội	1,121,647,000	360,000,000	761,647,000	284,991,000	476,656,000
5002	NNT22696	Tăng Đình Nam	phường Kim Liên, TP Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	285,000,000	15,000,000
5003	NNT20228	Nguyễn Thị Dân	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	309,279,000	0	309,279,000	285,300,000	23,979,000
5004	NNT24166	Đặng Thị Thuỳ Trang	P. Phúc Lợi, Hà Nội.	300,000,000	12,000,000	288,000,000	285,420,000	2,580,000
5005	NNT12943	Đào Duy Tâm	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,108,465,000	20,000,000	1,088,465,000	285,735,000	802,730,000
5006	NNT21888	Nguyễn Phương Thảo	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	614,284,000	0	614,284,000	285,870,000	328,414,000

5007	NNT22088	Trần Chí Thanh	P. Hà Đông, Hà Nội	325,856,000	16,856,000	309,000,000	285,932,000	23,068,000
5008	NNT21780	Phạm Thị Nga	P. Kim Liên, Hà Nội	341,253,000	0	341,253,000	286,000,000	55,253,000
5009	NNT14119	Phạm Thị Hạnh	P. Từ Liêm, Hà Nội	895,610,979	105,610,979	790,000,000	286,075,680	503,924,320
5010	NNT13622	Nguyễn Thị Minh Sơn	P. Ba Đình, Hà Nội	443,609,000	0	443,609,000	286,352,000	157,257,000
5011	NNT16024	Lê Thị Phú	P. Phú Diễn, Hà Nội	924,843,964	156,884,482	767,959,482	286,428,922	481,530,560
5012	NNT19146	Hoàng Thị Vân Anh	P. Chiềng Lề, Sơn La	372,973,000	0	372,973,000	286,500,000	86,473,000
5013	NNT18479	Nguyễn Thị Oanh	Xóm 15, Phố Nhỏn, P. Xuân Phương, Hà Nội	383,013,000	0	383,013,000	286,500,000	96,513,000
5014	NNT22779		P. Cửa Nam, Hà Nội	364,696,000	77,880,000	286,816,000	286,816,000	0
5015	NNT14686	Bùi Thị Thanh Hà	Ngọc Thụy, P. Bồ Đề, Hà Nội	597,628,000	5,000,000	592,628,000	286,867,000	305,761,000
5016	NNT11218	Nguyễn Thị Tuyết	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	874,056,947	29,162,947	844,894,000	286,896,500	557,997,500
5017	NNT23384	Nghiêm Thị Hải	P. Định Công, Hà Nội	300,000,000	8,500,000	291,500,000	286,970,000	4,530,000
5018	NNT24369	Nguyễn Đình Cường	P. Trung Văn, Hà Nội	286,987,000	0	286,987,000	286,987,000	0
5019	NNT23012	Nguyễn Thị Huyền Tâm	P. Bồ Đề, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	287,030,000	12,970,000
5020	NNT22603	Lê Kim Thanh	P. Kim Liên, Hà Nội	457,224,692	98,250,692	358,974,000	287,180,000	71,794,000
5021	NNT17057	Hà Thị Bích Ngọc	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	515,846,000	106,032,000	409,814,000	287,248,000	122,566,000

5022	NNT19480	Đinh Văn Bình	P. Cầu Giấy, Hà Nội	377,320,000	0	377,320,000	287,433,000	89,887,000
5023	NNT24036	Bùi Đình Nhiệm	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	290,000,000	0	290,000,000	287,438,000	2,562,000
5024	NNT11354	Phùng Thị Việt Hương	phường Tây Hồ, Hà Nội	698,871,000	0	698,871,000	287,579,175	411,291,825
5025	NNT17753	Trần Hoàng Trung	P. Láng, Hà Nội	3,077,898,254	810,015,254	2,267,883,000	287,642,746	1,980,240,254
5026	NNT18469	Tô Hải Thành	P. Gia Viên, TP Hải Phòng	380,841,000	0	380,841,000	287,999,000	92,842,000
5027	NNT00032	Trần Thị Kim Thoa	P. Hà Đông, Hà Nội	1,020,689,000	0	1,020,689,000	288,252,000	732,437,000
5028	NNT16025	Tổng Hoài Nam	P. Tây Hồ, Hà Nội	551,251,000	0	551,251,000	288,281,220	262,969,780
5029	NNT20296	Vũ Văn Hải	Phường Khương Đình, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	288,388,445	134,891,555
5030	NNT23268	Nguyễn Thanh Huyền	P. Đống Đa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	288,700,000	11,300,000
5031	NNT23520	Nguyễn Thu Hà	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	290,000,000	0	290,000,000	289,000,000	1,000,000
5032	NNT16395	Lê Thị Lân	P. Hà Đông, Hà Nội	359,026,000	0	359,026,000	289,200,000	69,826,000
5033	NNT19774	Nguyễn Văn Truyền	Xã Châu Ninh, Tỉnh Hưng Yên	418,848,000	104,500,000	314,348,000	289,217,000	25,131,000
5034	NNT01555	Hồ Xuân Dung	P. Xuân Đình, Hà Nội	657,381,000	0	657,381,000	289,273,000	368,108,000
5035	NNT22378	Phan Ngọc Tú	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	451,847,066	0	451,847,066	289,499,900	162,347,166
5036	NNT21864	Nguyễn Thị Chính	Phường Giảng Võ, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	289,500,000	10,500,000

5037	NNT17376	Hà Xuân Bách	P. Sơn Tây, Hà Nội	500,042,587	0	500,042,587	290,100,000	209,942,587
5038	NNT20690	Nguyễn Tiến Quyết	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	394,645,000	0	394,645,000	290,105,000	104,540,000
5039	NNT22426	Nguyễn Hùng Cường	P. Tây Hiếu, TX Thái Hòa, Nghệ An	300,000,000	0	300,000,000	290,415,000	9,585,000
5040	NNT13399	Nguyễn Thị Chi Mai	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,534,841,000	0	2,534,841,000	290,768,000	2,244,073,000
5041	NNT23669	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Chí Linh, TP Hải Phòng	300,000,000	0	300,000,000	291,000,000	9,000,000
5042	NNT23142	Lê Thị Lan Anh	P. Ba Đình, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	291,000,000	9,000,000
5043	NNT21978	Hoàng Ngọc Phong	P. Láng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	291,000,000	9,000,000
5044	NNT24256	Chu Thị Hoà	P. Đông Ngạc, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	291,000,000	9,000,000
5045	NNT14282	Lương Thị Thu Hà	P. Bạch Mai, Hà Nội	478,922,000	0	478,922,000	291,212,000	187,710,000
5046	NNT21678	Dương Thị Hà	Xã Bình An, Tỉnh Ninh Bình	372,023,000	0	372,023,000	291,322,540	80,700,460
5047	NNT24047	Trần Ngọc Bách	Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh	300,000,000	0	300,000,000	291,374,000	8,626,000
5048	NNT24127	Hoàng Thị Ngọc Anh	Xã Nam Phú, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	291,400,000	8,600,000
5049	NNT23763	Trần Hồng Vũ	P. Hà Đông, Hà Nội	318,557,000	15,086,000	303,471,000	291,414,000	12,057,000
5050	NNT24187	Bạch Ngọc Ngừ	P. Hà Đông, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	291,450,000	8,550,000
5051	NNT13840	Nguyễn Gia Thọ	P. Việt Hưng, Hà Nội	520,918,000	0	520,918,000	291,716,000	229,202,000

5052	NNT22978	Hà Minh Nhật	P. Giảng Võ, Hà Nội	340,000,000	12,000,000	328,000,000	292,000,000	36,000,000
5053	NNT23833	Hoàng Mỹ Vân	P. Tương Mai, Hà Nội	292,000,000	0	292,000,000	292,000,000	0
5054	NNT16082	Trịnh Thanh Tâm	P. Hồng Hà, Hà Nội	814,680,000	200,000,000	614,680,000	292,000,456	322,679,544
5055	NNT14031	Nguyễn Thị Phương	P. Đại Mỗ, Hà Nội	605,820,000	160,000,000	445,820,000	292,100,000	153,720,000
5056	NNT18512	Đỗ Thị Giáp	P. Phú Thượng, TP Hà Nội	386,250,000	0	386,250,000	292,185,000	94,065,000
5057	NNT19812	Nguyễn Thị Đông	P. Tương Mai, Hà Nội	509,099,000	0	509,099,000	292,212,480	216,886,520
5058	NNT12928	Đỗ Thị Kim Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,362,498,000	728,778,000	633,720,000	292,621,000	341,099,000
5059	NNT17594	Nguyễn Thị Hiếu	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	536,957,000	0	536,957,000	292,876,000	244,081,000
5060	NNT13134	Lưu Thị Thúy Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	827,900,000	0	827,900,000	293,130,500	534,769,500
5061	NNT16390	Đặng Thúy Quỳnh	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	432,659,000	0	432,659,000	293,152,000	139,507,000
5062	NNT16192	Bùi Văn Liêm	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	512,800,000	0	512,800,000	293,178,000	219,622,000
5063	NNT14116	Ngô Bích Thủy	Phường Đồng Đa, TP Hà Nội	2,118,211,744	939,512,372	1,178,699,372	293,605,035	885,094,337
5064	NNT23886	Vũ Thị Hải Âu	P.Bạch Mai, Hà Nội	306,122,000	0	306,122,000	293,614,000	12,508,000
5065	NNT23402	Trần Thị Hiền	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	294,000,000	6,000,000
5066	NNT13495	Chu Thị Ngọc Thanh	P. Bạch Mai, Hà Nội	614,136,000	0	614,136,000	294,127,000	320,009,000

5067	NNT12908	Bùi Thị Minh Phương	P. Khương Đình, Hà Nội	400,000,000	9,297,000	390,703,000	294,186,000	96,517,000
5068	NNT23423	Nguyễn Mạnh Hùng	P. Tây Hồ, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	294,600,000	5,400,000
5069	NNT21183	Nguyễn Thị Diệu Thúy	Phường Khương Đình, Hà Nội	520,833,000	158,946,000	361,887,000	294,648,000	67,239,000
5070	NNT16973	Nguyễn Văn Kiên	P. Thanh Liệt, Hà Nội	500,000,000	75,107,000	424,893,000	294,658,000	130,235,000
5071	NNT23276	Nguyễn Thị Ngọc Lan	P. Hà Đông, Hà Nội	345,000,000	0	345,000,000	294,700,000	50,300,000
5072	NNT23331	Trịnh Ngọc Anh	Xã Kiêu Phú, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	294,700,000	5,300,000
5073	NNT23325	Nguyễn Ngọc Thuận	P. Phương Liệt, Hà Nội	371,573,400	32,725,700	338,847,700	294,700,000	44,147,700
5074	NNT23364	Nguyễn Văn Chung	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	294,700,000	5,300,000
5075	NNT23313	Nguyễn Thị Uyên	P. Kim Liên Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	294,700,000	5,300,000
5076	NNT23366	Nguyễn Thị Thìn	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	354,905,753	0	354,905,753	294,700,000	60,205,753
5077	NNT00481	Lê Công Tuyển	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,042,531,000	0	1,042,531,000	295,215,000	747,316,000
5078	NNT22923	Đoàn Thiện Tín	Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	295,350,000	4,650,000
5079	NNT11561	Trần Thị Dịu	P. Chu Văn An, TP Hải Phòng	566,119,000	0	566,119,000	295,399,146	270,719,854
5080	NNT23935	Doãn Quế	Phường Đồng Đa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	295,511,000	4,489,000
5081	NNT14502	Bùi Tiến Phúc	Xã Tam Hưng, Hà Nội	608,703,000	60,000,000	548,703,000	295,750,000	252,953,000

5082	NNT12331	Nguyễn Thị Phương	P. Yên Hòa, Hà Nội	711,340,000	0	711,340,000	295,751,000	415,589,000
5083	NNT12055	Trần Thị Bé	Xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	1,098,649,000	0	1,098,649,000	295,814,760	802,834,240
5084	NNT23179	Nguyễn Văn Long	P. Cửa Nam, Hà Nội	330,000,000	0	330,000,000	296,467,000	33,533,000
5085	NNT15935	Nguyễn Khắc Tạo	P. Sơn Tây, Hà Nội	367,000,000	0	367,000,000	296,642,000	70,358,000
5086	NNT20134	Hàn Thị Kim	Tổ 32, phường Yên Hòa, Hà Nội	655,738,000	152,499,471	503,238,529	296,991,270	206,247,259
5087	NNT22245	Vũ Tuấn	P. Ba Đình, Hà Nội	317,460,000	3,000,000	314,460,000	296,999,700	17,460,300
5088	NNT22927	Bạch Thị Hồng Hoàn	P. Hà Đông, Hà Nội	304,639,000	0	304,639,000	296,999,830	7,639,170
5089	NNT20394	Nguyễn Thị Loan	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	1,406,122,000	1,100,000,000	306,122,000	297,000,000	9,122,000
5090	NNT23119	Hồ Thị Thu	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	300,000,000	0	300,000,000	297,000,000	3,000,000
5091	NNT23239	Trần Thị Dung	P. Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	600,000,000	300,000,000	300,000,000	297,000,000	3,000,000
5092	NNT23330	Trần Lê Minh	P. Thanh Xuân, TP Hà Nội	306,123,000	0	306,123,000	297,000,000	9,123,000
5093	NNT23597	Nguyễn Thị Sơn Hà	P. Long Biên, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	297,000,000	3,000,000
5094	NNT20976	Tôn Tích Lan Phương	P. Kim Liên, Hà Nội	312,500,000	0	312,500,000	297,000,000	15,500,000
5095	NNT18232	Hoàng Ngọc Hoa	P. Phương Liệt, Hà Nội	500,000,000	13,000,000	487,000,000	297,000,000	190,000,000
5096	NNT02078	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	630,600,000	0	630,600,000	297,014,000	333,586,000

5097	NNT22382	Hoàng Thị Minh Ngọc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	303,207,000	0	303,207,000	297,143,000	6,064,000
5098	NNT11633	Đặng Thị Nữ	Phường Khương Trung, Hà Nội	764,096,000	50,000,000	714,096,000	297,155,000	416,941,000
5099	NNT11351	Trần Văn Phương	Phường Chu Văn An, Hải Phòng	549,760,000	0	549,760,000	297,266,300	252,493,700
5100	NNT23919	Trần Hương Lan	P. Khương Đình, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	297,300,000	2,700,000
5101	NNT23019	Phạm Thị Tâm	Phường Vàng Danh, Tỉnh Quảng Ninh	300,000,000	0	300,000,000	297,350,000	2,650,000
5102	NNT24141	Đoàn Thị Như	Xã Quang Lich, Hưng Yên	300,000,000	0	300,000,000	297,400,000	2,600,000
5103	NNT24003	Vũ Phương Lan	Đường Nguyễn Công Hãng, tổ 13, phường Bắc Giang, Bắc Ninh	300,000,000	0	300,000,000	297,400,000	2,600,000
5104	NNT24152	Nguyễn Thị Yên	P.Hồng Hà, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	297,405,000	2,595,000
5105	NNT24165	Trần Thị Xoan	P. Mỹ Lộc, Ninh Bình	300,000,000	0	300,000,000	297,420,000	2,580,000
5106	NNT24180	Nguyễn Văn Hưng	P. Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	297,450,000	2,550,000
5107	NNT24186	Nguyễn Thị Lưu	Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	300,000,000	0	300,000,000	297,450,000	2,550,000
5108	NNT17675	Vũ Đức Huy	Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	297,650,000	217,814,000
5109	NNT16156	Nguyễn Thị Minh	P. Việt Hưng, Hà Nội	625,000,000	104,167,000	520,833,000	297,857,020	222,975,980
5110	NNT18808	Đinh Thị Bích Hạnh	Phường Láng, Hà Nội	527,809,881	0	527,809,881	297,967,000	229,842,881
5111	NNT18159	Nguyễn Thị Hương	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	656,841,000	0	656,841,000	298,037,000	358,804,000

5112	NNT14840	Nguyễn Thị Thu Dung	phường Láng, Hà Nội	523,560,000	74,000,000	449,560,000	298,135,000	151,425,000
5113	NNT22054	Nguyễn Mai Anh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	320,856,000	0	320,856,000	298,500,000	22,356,000
5114	NNT15646	Vũ Thị Miến	Xã Phúc Sơn, Hà Nội	613,391,781	0	613,391,781	298,500,000	314,891,781
5115	NNT24092	Nguyễn Thị Mai Hương	P. Hai Ba Trung, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	298,500,000	1,500,000
5116	NNT22013	Trần Thị Ngọc Nhung	P. Hồng Hà, Hà Nội	319,149,000	0	319,149,000	298,500,060	20,648,940
5117	NNT21759	Uông Văn Hạnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	312,735,000	0	312,735,000	298,662,000	14,073,000
5118	NNT19598	Lê Thị Tuyết	Xã Tứ Mỹ, Hà Tĩnh	357,201,000	0	357,201,000	298,919,550	58,281,450
5119	NNT23333	Nguyễn Cao Hải	P. Phúc Lợi, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	298,958,619	1,041,381
5120	NNT23529	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	299,000,000	1,000,000
5121	NNT23517	Nguyễn Thương Hiền	P. Thanh Xuân, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	299,000,000	1,000,000
5122	NNT21186	Nguyễn Minh Nga	P. Đống Đa, Hà Nội	374,752,000	0	374,752,000	299,000,000	75,752,000
5123	NNT23451	Lê Quang Hưng	P. Nọc Hà, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	299,000,000	10,278,000
5124	NNT18573	Nguyễn Thị Lý	Xã Quảng Châu, Nghệ An	445,813,000	0	445,813,000	299,023,000	146,790,000
5125	NNT15510	Đỗ Ngọc Dương	P. Tương Mai, Hà Nội	539,724,000	30,000,000	509,724,000	299,026,000	210,698,000
5126	NNT15579	Đoàn Thu Hằng Maria	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	400,000,000	40,000,000	360,000,000	299,032,000	60,968,000

5127	NNT17283	Trần Thị Nhung	Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	571,166,000	41,694,000	529,472,000	299,162,885	230,309,115
5128	NNT18591	Nguyễn Thị Ngà	P. Việt Hưng, Hà Nội	548,035,000	0	548,035,000	299,351,562	248,683,438
5129	NNT02052	Nguyễn Thị Quang	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	3,016,456,000	1,000,000,000	2,016,456,000	299,450,000	1,717,006,000
5130	NNT20206	Trần Thị Hưng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	454,079,000	0	454,079,000	299,468,000	154,611,000
5131	NNT16450	Nguyễn Bích Liên	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	410,314,000	0	410,314,000	299,491,000	110,823,000
5132	NNT16370	Lương Thị Ngọc Mai	P. Hoàng Mai, Hà Nội	624,305,000	200,000,000	424,305,000	299,491,920	124,813,080
5133	NNT14201	Đinh Thị Toàn Hồng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,354,722,000	0	1,354,722,000	299,550,000	1,055,172,000
5134	NNT16959	Đieu Thị Kim Yến	P. Yên Hòa, Hà Nội	487,679,003	143,871,003	343,808,000	299,601,000	44,207,000
5135	NNT15657	Ngô Thị Quỳnh Mai	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	322,920,000	0	322,920,000	299,750,000	23,170,000
5136	NNT10952	Hà Thị Hòa	Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình	493,303,000	0	493,303,000	299,781,073	193,521,927
5137	NNT21742	Trịnh Thị Ngọc Thanh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	380,000,000	0	380,000,000	299,850,000	80,150,000
5138	NNT22941	Lê Quang Đạt	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	366,416,655	31,708,328	334,708,327	299,970,000	34,738,327
5139	NNT23580	Ngô Quang Xuyên	P. Thanh Xuân, Hà Nội	312,113,000	0	312,113,000	299,999,610	12,113,390
5140	NNT21604	Cao Thị Thanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	737,475,892	418,348,892	319,127,000	300,000,000	19,127,000
5141	NNT23682	Trần Thị Hà	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội.	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0

5142	NNT22995	Nguyễn Thu Trang	P. Giảng Võ, Hà Nội	302,700,000	0	302,700,000	300,000,000	2,700,000
5143	NNT20721	Nguyễn Thị Minh Quý	P. Khương Đình, Hà Nội	366,670,000	0	366,670,000	300,000,000	66,670,000
5144	NNT23162	Phạm Hồng Nhiên	P. Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5145	NNT21505	Vũ Thị Ngọc Tú	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	356,885,000	0	356,885,000	300,000,000	56,885,000
5146	NNT23592	Dương Thị Hương Sen	P. Khương Đình, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5147	NNT24115	Nguyễn Thị Kim Anh	P. Cầu Giấy, Hà Nội	333,780,822	33,780,822	300,000,000	300,000,000	0
5148	NNT18939	Young Keun Park	P. Từ Liêm, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5149	NNT19838	Hà Kỳ Lân	Phường Hà đông, Hà Nội	403,261,000	0	403,261,000	300,000,000	103,261,000
5150	NNT23408	Nguyễn Xuân Tâm	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	500,000,000	200,000,000	300,000,000	300,000,000	0
5151	NNT23583	Đỗ Thu Hằng	P. Kim Liên, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5152	NNT23323	Lê Thị Bích Ngọc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	306,122,000	0	306,122,000	300,000,000	6,122,000
5153	NNT23776	Đào Nam Hải	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5154	NNT24118	Đinh Công Đức	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5155	NNT23225	Phú Vũ Hải	P. Tương Mai, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5156	NNT22817	Đặng Văn Khang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	345,000,000	45,000,000	300,000,000	300,000,000	0

5157	NNT23314	Đàm Gia Mạnh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5158	NNT23302	Bùi Minh Đức	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5159	NNT23388	Lê Thị Hồng	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5160	NNT24038	Tạ Lan Phương	P. Tương Mai, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5161	NNT23309	Trần Kim Khánh	P. Thanh Xuân, Hà Nội.	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5162	NNT23301	Nguyễn Minh Hà	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5163	NNT23230	Nguyễn Thị Vân	P. Tương Mai, Hà Nội	306,122,000	0	306,122,000	300,000,000	6,122,000
5164	NNT24390	Giang Hoàng Nam	Phường Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5165	NNT18794	Tạ Thị Bảo	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	448,474,000	0	448,474,000	300,000,000	148,474,000
5166	NNT23205	Lê Đức Dũng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	379,310,402	35,016,201	344,294,201	300,000,000	44,294,201
5167	NNT23264	Vũ Thị Hải	P. Thực Phán, Cao Bằng	645,000,000	345,000,000	300,000,000	300,000,000	0
5168	NNT20512	Đào Minh Thanh	P. Tây Hồ, Hà Nội	360,825,000	0	360,825,000	300,000,000	60,825,000
5169	NNT20938	Võ Nhật Diễm Kiều	P. An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	312,500,000	0	312,500,000	300,000,000	12,500,000
5170	NNT23642	Phạm Văn Long	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5171	NNT24231	Phạm Thị Anh	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	303,030,000	0	303,030,000	300,000,000	3,030,000

5172	NNT21740	Nguyễn Xuân Trường	Phường Phú Diễn, Hà Nội	315,789,000	0	315,789,000	300,000,000	15,789,000
5173	NNT19406	Nguyễn Tuấn Tú	P. Tây Tựu, Hà Nội	485,588,975	0	485,588,975	300,000,000	185,588,975
5174	NNT23658	Nguyễn Thị Thu	P. Việt Hưng, Hà Nội	353,755,239	50,725,239	303,030,000	300,000,000	3,030,000
5175	NNT23312	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5176	NNT19214	Nguyễn Hữu Quân	P. Long Biên, Hà Nội	388,513,000	0	388,513,000	300,000,000	88,513,000
5177	NNT23374	Hà Thị Phương Hoa	P. Kim Liên, Hà Nội	600,000,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000	0
5178	NNT20577	Cáp Thị Phương Hiền	P. Đồng Đa, Hà Nội	380,270,000	0	380,270,000	300,000,000	80,270,000
5179	NNT23336	Bùi Kim Kỳ	P. Tây Hồ, Hà Nội	306,122,000	0	306,122,000	300,000,000	6,122,000
5180	NNT23370	Vũ Hùng Thôn	P. Linh Sơn, Thái Nguyên	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000	0
5181	NNT22693	Lưu Thu Hà	P. Phú Thượng, Hà Nội	448,315,000	0	448,315,000	300,000,360	148,314,640
5182	NNT11440	Nguyễn Thị Gái	Phường Việt Hưng, Hà Nội	766,032,000	0	766,032,000	300,704,000	465,328,000
5183	NNT23654	Nguyễn Thái Vinh	P. Sơn Tây, Hà Nội	310,124,000	0	310,124,000	300,820,000	9,304,000
5184	NNT22615	Ngô Thị Chanh	P. Đồng Đa, Hà Nội	509,571,193	99,045,193	410,526,000	300,954,657	109,571,343
5185	NNT17669	Nguyễn Thị Lự	P. Song Liễu, tỉnh Bắc Ninh	431,390,000	0	431,390,000	300,973,000	130,417,000
5186	NNT13202	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	489,660,000	0	489,660,000	301,219,000	188,441,000

5187	NNT14852	Nguyễn Thị Vân Anh	P. Kim Liên, Hà Nội	948,217,000	0	948,217,000	301,342,000	646,875,000
5188	NNT15862	Vũ Thị Oanh	Phường Phương Liên - Trung Tự, Hà Nội	605,538,000	135,000,000	470,538,000	301,376,000	169,162,000
5189	NNT19961	Hoàng Thị Bình	Xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	401,161,000	0	401,161,000	301,388,000	99,773,000
5190	NNT14127	Đào Thị Mai Anh	P. Kiến Hưng, Hà Nội	590,852,000	0	590,852,000	301,469,540	289,382,460
5191	NNT19422	Nguyễn Trạc Oai	P. Tây Hồ, Hà Nội	483,965,000	34,845,000	449,120,000	301,496,096	147,623,904
5192	NNT17347	Nguyễn Thị Kim Chi	P.Tây Hồ, Hà Nội	588,531,000	0	588,531,000	301,875,550	286,655,450
5193	NNT10871	Đặng Quốc Bảo	P. Chương Mỹ, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	301,887,500	148,112,500
5194	NNT18576	Nguyễn Xuân Thương	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	952,414,000	476,207,000	476,207,000	301,940,000	174,267,000
5195	NNT01514	Trần Thị Nghĩa	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	633,137,000	0	633,137,000	302,103,478	331,033,522
5196	NNT15152	Bạch Thị Bình	P. Kim Liên, Hà Nội	672,156,000	0	672,156,000	302,143,000	370,013,000
5197	NNT17162	Vũ Thị Hoàng Anh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	374,471,000	0	374,471,000	302,153,000	72,318,000
5198	NNT20288	Phạm Thu Thủy	P. Thanh Liệt, Hà Nội	403,402,000	0	403,402,000	302,447,000	100,955,000
5199	NNT17130	Nguyễn Hải Bình	Phường Khương Đình, Hà Nội	743,134,013	220,000,000	523,134,013	302,775,850	220,358,163
5200	NNT16596	Hoàng Thị Mai Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	606,485,000	156,521,000	449,964,000	303,018,000	146,946,000
5201	NNT14716	Phạm Thị Hiền	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	400,000,000	17,321,000	382,679,000	303,038,000	79,641,000

5202	NNT21338	Nguyễn Quỳnh Trang	P. Cửa Nam, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	303,080,000	96,920,000
5203	NNT00994	Ngô Thị Liên	P.Hà Đông, Hà Nội	208,202,000	0	208,202,000	303,400,000	-95,198,000
5204	NNT19023	Nguyễn Phương Thảo	Xã Thư Vũ, Hưng Yên	350,000,000	0	350,000,000	303,500,000	46,500,000
5205	NNT12788	Nguyễn Thị Kim Anh	P. Kim Liên, Hà Nội	597,345,000	3,000,000	594,345,000	303,932,000	290,413,000
5206	NNT17729	Nguyễn Văn Thắng	P. Phú Diễn, Hà Nội	605,370,000	0	605,370,000	304,150,775	301,219,225
5207	NNT21010	Lê Thị Thảo	Phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	441,039,000	66,156,000	374,883,000	304,398,100	70,484,900
5208	NNT11564	Nguyễn Thị Kim Miên	P. Tây Tựu, Hà Nội	590,147,000	0	590,147,000	304,401,708	285,745,292
5209	NNT01390	Đỗ Thị Hiệp	P.Hồng Hà, Hà Nội	973,546,000	0	973,546,000	304,549,000	668,997,000
5210	NNT16658	Nguyễn Thị Hằng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	491,039,000	40,000,000	451,039,000	304,906,000	146,133,000
5211	NNT13827	Phạm Thị Huyền	Xã Lạc Đạo Hưng Yên	607,937,000	0	607,937,000	304,995,670	302,941,330
5212	NNT00697	Nguyễn Thị Tung	Xã Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ	1,040,076,000	15,000,000	1,025,076,000	305,105,240	719,970,760
5213	NNT20935	Phạm Văn Thông	P. Bồ Đề, Hà Nội	430,108,000	64,516,000	365,592,000	305,376,000	60,216,000
5214	NNT15508	Đỗ Văn Nha	Xã Bình Minh, Hà Nội	435,198,000	0	435,198,000	305,510,000	129,688,000
5215	NNT16679	Nguyễn Thị Xuyên	P.Hà Đông, Hà Nội	598,907,000	115,228,000	483,679,000	305,745,000	177,934,000
5216	NNT21420	Hoàng Thị Hiền	Xã Hưng Nguyên, Nghệ An	395,068,000	0	395,068,000	305,917,000	89,151,000

5217	NNT22028	Trần Minh Khuê	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	427,807,000	64,171,000	363,636,000	306,027,000	57,609,000
5218	NNT01324	Nguyễn Thị Châm Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,231,863,000	0	1,231,863,000	306,393,000	925,470,000
5219	NNT24210	Nguyễn Huy Tiệp	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	438,090,000	0	438,090,000	306,655,000	131,435,000
5220	NNT16161	Vũ Thị Thu Hà	Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	531,463,000	183,000,000	348,463,000	306,813,000	41,650,000
5221	NNT24292	Giang Hoàng Lan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	306,969,000	0	306,969,000	306,969,000	0
5222	NNT18288	Đỗ Thúy Hòa	P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	502,110,000	0	502,110,000	307,185,000	194,925,000
5223	NNT01305	Nguyễn Ánh Nguyệt	Phường Sơn Tây, Hà Nội	1,217,386,000	0	1,217,386,000	307,202,452	910,183,548
5224	NNT21695	Lê Thị Kim Oanh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	427,807,000	64,738,000	363,069,000	307,455,000	55,614,000
5225	NNT22738	Trịnh Giang Hương	P. Ngọc Hà, Hà Nội	510,421,917	150,421,918	359,999,999	307,500,000	52,499,999
5226	NNT20939	Phạm Thị Lan Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	526,315,000	192,000,000	334,315,000	308,000,000	26,315,000
5227	NNT16753	Trần Thị Diệu Hương	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	1,791,908,338	691,908,338	1,100,000,000	308,091,762	791,908,238
5228	NNT01774	Nguyễn Thị Thu Nga	P. Định Công, Hà Nội (hiện đang sống tại Canada)	761,954,000	21,037,915	740,916,085	308,202,085	432,714,000
5229	NNT11339	Lê Thị Hồng Minh	Phường Giảng Võ, TP Hà Nội	832,250,000	86,188,000	746,062,000	308,241,000	437,821,000
5230	NNT11461	Nguyễn Thị Thu Hường	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	827,317,000	335,000,000	492,317,000	308,309,000	184,008,000
5231	NNT15207	Trần Thị Xuân Mai	Phường Láng, TP Hà Nội	3,285,806,321	1,285,806,321	2,000,000,000	308,497,679	1,691,502,321

5232	NNT11690	Hoàng Thị Thu Trang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	656,454,000	0	656,454,000	308,510,000	347,944,000
5233	NNT19766	Lê Hoàng Mai	P.Hoàn Kiếm, Hà Nội	426,925,000	12,400,000	414,525,000	308,565,000	105,960,000
5234	NNT14137	Nguyễn Thị Thảo	P. Kim Liên, Hà Nội	495,906,000	0	495,906,000	308,801,000	187,105,000
5235	NNT18697	Phùng Thị Thu Hòa	Xã Gia Lâm, Hà Nội	412,816,000	0	412,816,000	308,950,000	103,866,000
5236	NNT22681	Lưu Thị Nhung	Xã Quỳ Nhất, Tỉnh Ninh Bình	330,481,000	0	330,481,000	309,000,000	21,481,000
5237	NNT13807	Trần Quốc Doanh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	444,471,000	0	444,471,000	309,448,000	135,023,000
5238	NNT19507	Cần Thị Việt Trinh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	607,500,000	297,000,000	310,500,000	309,500,000	1,000,000
5239	NNT12471	Nguyễn Thị Thúy	P. Phương Liệt, Hà Nội	983,180,000	0	983,180,000	309,756,500	673,423,500
5240	NNT18029	Phạm Thị Minh Nguyệt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	524,850,000	100,000,000	424,850,000	309,802,330	115,047,670
5241	NNT19363	Lê Thị Thúy Bình	Xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình	383,834,000	0	383,834,000	310,000,000	73,834,000
5242	NNT17419	Phan Văn Tành	Xã Tân Dĩnh, Tỉnh Bắc Ninh	564,097,000	0	564,097,000	310,000,000	254,097,000
5243	NNT18971	Trần Văn Tuấn	Xã Trục Ninh, tỉnh Ninh Bình	343,499,000	0	343,499,000	310,000,000	33,499,000
5244	NNT02174	Lê Thị Vân Bình	P. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	889,306,000	0	889,306,000	310,122,000	579,184,000
5245	NNT01204	Bùi Xuân Bồn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	769,888,954	294,541,954	475,347,000	310,429,390	164,917,610
5246	NNT15214	Nguyễn Thanh Thủy	P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	400,000,000	0	400,000,000	310,901,000	89,099,000

5247	NNT17538	Trần Quốc Tiệp	P. Xuân Phương, Hà Nội	551,825,000	0	551,825,000	311,266,000	240,559,000
5248	NNT14893	Đông Việt Phương	Xã Gia Viễn, Ninh Bình	520,000,000	0	520,000,000	311,650,000	208,350,000
5249	NNT12582	Nguyễn Thị Đoan	Xã An Khánh, Hà Nội	444,657,000	0	444,657,000	311,745,000	132,912,000
5250	NNT01421	Nguyễn Thị Vân	P. Kim Liên, Hà Nội	937,653,000	25,530,000	912,123,000	311,814,000	600,309,000
5251	NNT20996	Bùi Thị Thanh Huyền	P. Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	430,653,000	12,000,000	418,653,000	311,853,000	106,800,000
5252	NNT01060	Trần Hải Huỳnh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,729,100,000	4,000,000	1,725,100,000	311,962,000	1,413,138,000
5253	NNT14267	Phạm Thúy Bình	P. Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	459,416,000	35,000,000	424,416,000	312,425,000	111,991,000
5254	NNT15720	Trần Thị Hồng	Xã Thanh Trì, Hà Nội	500,486,000	0	500,486,000	312,492,000	187,994,000
5255	NNT13672	Nguyễn Thị Thùy Linh	Phường An Sinh, Tỉnh Quảng Ninh	713,681,199	41,882,481	671,798,718	312,573,000	359,225,718
5256	NNT18927	Nguyễn Ngọc Anh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	411,734,000	15,000,000	396,734,000	312,621,000	84,113,000
5257	NNT01152	Đỗ Thị Minh Tâm	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,406,184,000	0	1,406,184,000	312,658,380	1,093,525,620
5258	NNT17382	Nguyễn Hải Yến	P. Hà Đông, Hà Nội	380,971,000	0	380,971,000	313,176,000	67,795,000
5259	NNT11789	Nguyễn Thanh Hải (023777912 - 17/03/15 - HCM)	Phường Sài Gòn, HCM	2,840,000,000	2,022,000,000	818,000,000	313,415,000	504,585,000
5260	NNT20747	Nguyễn Thế Kim	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	662,317,535	107,912,535	554,405,000	313,500,465	240,904,535
5261	NNT14120	Lê Văn Lâm	P. Từ Liêm, Hà Nội	820,629,000	211,250,000	609,379,000	313,505,272	295,873,728

5262	NNT15759	Cao Thị Thu Phương	P. Đông Ngạc, Hà Nội	449,346,501	52,821,501	396,525,000	313,582,499	82,942,501
5263	NNT14054	Nguyễn Trọng Hải	Xã Hoài Đức, Hà Nội	795,673,000	0	795,673,000	313,588,760	482,084,240
5264	NNT12833	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Xã Tà Hộc, Sơn La	423,041,000	15,000,000	408,041,000	313,744,000	94,297,000
5265	NNT20787	Nguyễn Minh Hạnh	P. Đống Đa, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	313,800,000	36,200,000
5266	NNT24435	Trương Thị Bích Ngọc	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	409,193,809	95,289,809	313,904,000	313,904,000	0
5267	NNT22056	Nguyễn Thị Hải Ly	P. Hoàng Mai, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	314,000,000	486,000,000
5268	NNT18117	Phùng Thị Hồng Anh	Xã Vật Lại, Hà Nội	426,912,000	0	426,912,000	314,069,000	112,843,000
5269	NNT23549	Lê Thúy Hải	Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội	738,580,000	381,778,000	356,802,000	314,218,000	42,584,000
5270	NNT19980	Bùi Thị Xuân Lan	P. Bồ Đề, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	314,246,000	109,034,000
5271	NNT15153	Đào Thị Thanh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	546,475,377	0	546,475,377	314,353,000	232,122,377
5272	NNT19624	Nguyễn Thị Thủy	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	380,000,000	0	380,000,000	314,419,000	65,581,000
5273	NNT12333	Nguyễn Thị Cẩm	P. Cầu Giấy, Hà Nội	756,593,000	0	756,593,000	314,771,000	441,822,000
5274	NNT10922	Lê Anh Minh	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,130,172,000	35,000,000	1,095,172,000	314,858,000	780,314,000
5275	NNT16311	Bùi Thị Thanh Tuyền	Đô thị Xa La, P. Hà Đông, Hà Nội	1,074,833,000	301,448,000	773,385,000	314,908,000	458,477,000
5276	NNT16258	Nguyễn Thị Thanh Mai	Xã Lập Thạch, Vĩnh Phúc	3,200,000,000	1,983,988,000	1,216,012,000	315,165,000	900,847,000

5277	NNT12683	Lê Thị Thanh Hải	P. Tây Hồ, Hà Nội	842,933,000	15,000,000	827,933,000	315,237,192	512,695,808
5278	NNT19066	Nguyễn Văn Phương	C3, tổ 4, cụm 1, P. Tây Mỗ, Hà Nội	392,185,000	0	392,185,000	315,699,920	76,485,080
5279	NNT22750	Vũ Đức Lộc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	700,000,000	384,086,000	315,914,000	315,914,000	0
5280	NNT19520	Lê Trung Đức	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	517,103,466	23,936,000	493,167,466	316,064,320	177,103,146
5281	NNT14455	Phan Danh Quý	Xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	557,068,000	0	557,068,000	316,178,000	240,890,000
5282	NNT15287	Tạ Thị Thu Hà	P. Thanh Xuân, Hà Nội	503,675,000	140,000,000	363,675,000	316,199,740	47,475,260
5283	NNT16263	Huỳnh Hùng	P. Thanh Khê, Đà Nẵng	444,690,000	0	444,690,000	316,421,000	128,269,000
5284	NNT11963	Phạm Thị Loan	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	650,000,000	0	650,000,000	316,646,320	333,353,680
5285	NNT15013	Hà Minh Phúc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	529,217,000	0	529,217,000	316,750,000	212,467,000
5286	NNT19585	Trần Thị Lan	P. Giảng Võ, Hà Nội	539,384,000	16,043,000	523,341,000	317,005,000	206,336,000
5287	NNT18849	Phan Việt Hà	P. Kim Liên, Hà Nội	465,100,000	0	465,100,000	317,161,330	147,938,670
5288	NNT00616	Phạm Mai Linh	P. Tương Mai, Hà Nội	903,784,000	0	903,784,000	317,555,000	586,229,000
5289	NNT23270	Vương Đức Toàn	P. Tương Mai, Hà Nội	329,081,000	0	329,081,000	317,616,380	11,464,620
5290	NNT16986	Vũ Thị Thu Hoài	Phường Khương Đình, Hà Nội	471,333,000	40,000,000	431,333,000	317,790,000	113,543,000
5291	NNT19744	Trần Huyền Li	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,040,854,156	282,752,156	758,102,000	317,811,844	440,290,156

5292	NNT17976	Phạm Thị Kim	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	536,502,000	45,130,000	491,372,000	317,841,680	173,530,320
5293	NNT17780	Ninh Thị Xuân Mai	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	396,692,000	10,000,000	386,692,000	317,925,000	68,767,000
5294	NNT00240	Nguyễn Phương Hồng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,950,000,000	81,332,000	1,868,668,000	317,930,000	1,550,738,000
5295	NNT16540	Khúc Thùy Linh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	432,825,000	0	432,825,000	318,183,590	114,641,410
5296	NNT01948	Đoàn Thị Hạnh	P. Xuân Đình, TP Hà Nội	578,984,000	0	578,984,000	318,238,000	260,746,000
5297	NNT16066	Ngô Thị Minh Huệ	P. Hà Đông, TP Hà Nội	534,822,000	0	534,822,000	318,461,000	216,361,000
5298	NNT19969	Nguyễn Hoài Lan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,180,929,789	430,929,789	750,000,000	318,479,211	431,520,789
5299	NNT20066	Trịnh Thị Kim Ngọc	P. Chợ Lớn, TP HCM	855,026,000	473,386,000	381,640,000	318,500,000	63,140,000
5300	NNT15196	Phạm Thị Thanh Tâm	P. Phương Liệt, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	318,500,000	181,500,000
5301	NNT23884	Phạm Thùy Anh	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	350,000,000	28,680,000	321,320,000	318,620,000	2,700,000
5302	NNT14304	Lê Thị Thanh A	Phường Tương Mai, Hà Nội	515,054,000	0	515,054,000	318,860,983	196,193,017
5303	NNT18187	Nguyễn Hữu Thuýnh	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	570,118,000	0	570,118,000	318,868,000	251,250,000
5304	NNT24097	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	353,000,000	30,000,000	323,000,000	319,000,000	4,000,000
5305	NNT14753	Nguyễn Thị Loan	P. An Biên, TP Hải Phòng	569,252,802	822,000	568,430,802	319,221,000	249,209,802
5306	NNT18867	Phan Thị Lệ	Xã Tây Phương, Hà Nội	539,753,000	0	539,753,000	319,372,000	220,381,000

5307	NNT18433	Quách Thị Linh	Xã Chương Dương, Hà Nội	437,159,000	0	437,159,000	319,500,000	117,659,000
5308	NNT20911	Phạm Xuân Sinh	Phường Yên Hòa, TP Hà Nội	421,052,000	0	421,052,000	319,575,850	101,476,150
5309	NNT01988	Nguyễn Trọng Sáu	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,077,028,000	0	1,077,028,000	319,602,308	757,425,692
5310	NNT19219	Dương Thị Thu Trang	P. Vân Hòa, tỉnh Bắc Ninh	717,664,000	329,619,400	388,044,600	319,987,960	68,056,640
5311	NNT22677	Nguyễn Thị Đào	P. Thanh Liệt, Hà Nội	320,000,000	0	320,000,000	320,000,000	0
5312	NNT22102	Lê Thị Thùy Sa	P. Định Công, Hà Nội	400,000,000	1,565,000	398,435,000	320,766,110	77,668,890
5313	NNT16784	Lê Minh Thắng	P. Khương Đình, Hà Nội	1,133,723,000	525,000,000	608,723,000	321,505,000	287,218,000
5314	NNT22632	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	431,949,000	98,028,000	333,921,000	321,846,458	12,074,542
5315	NNT12127	Nguyễn Thị Kim Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,722,000,000	462,000,000	2,260,000,000	321,974,849	1,938,025,151
5316	NNT14101	Lương Thu Phương	Phường Long Biên, Hà Nội	615,786,000	0	615,786,000	322,500,833	293,285,167
5317	NNT01397	Trần Kim Chi	P. Giảng Võ, Hà Nội	2,573,957,000	500,000,000	2,073,957,000	322,735,000	1,751,222,000
5318	NNT17401	Trương Thúy Mai	P. Kim Liên, Hà Nội	472,790,000	0	472,790,000	323,000,000	149,790,000
5319	NNT14565	Nguyễn Thị Bình	P. Cửa Lò, Nghệ An	461,576,000	0	461,576,000	323,060,000	138,516,000
5320	NNT21498	Hoàng Thị Thúy Bình	Hải Phòng	400,000,000	0	400,000,000	323,119,000	76,881,000
5321	NNT13705	Hoàng Thị Vân Khanh	P. Sơn Tây, Hà Nội	578,281,000	0	578,281,000	323,196,000	255,085,000

5322	NNT11742	Nguyễn Đức Chính	P. Đông Ngạc, Hà Nội	678,129,945	230,260,945	447,869,000	323,324,135	124,544,865
5323	NNT17281	Trần Thị Huệ	Phường Yên Hòa, Hà Nội	450,000,000	30,000,000	420,000,000	323,559,500	96,440,500
5324	NNT21445	Bùi Thị Hạnh	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	400,000,000	10,180,000	389,820,000	323,641,000	66,179,000
5325	NNT17117	Đặng Thị Thái Hà	P. Thanh Xuân, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	323,652,000	205,448,000
5326	NNT23588	Hoàng Thị Linh	Xã Hiền Khánh, Tỉnh Ninh Bình	350,000,000	26,250,000	323,750,000	323,750,000	0
5327	NNT01545	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	916,553,000	0	916,553,000	324,145,000	592,408,000
5328	NNT12694	Mai Thị Minh Ngọc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,505,790,000	272,750,000	1,233,040,000	324,494,000	908,546,000
5329	NNT18291	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	501,267,000	0	501,267,000	324,500,310	176,766,690
5330	NNT16874	Đặng Thị Nam	Xã Cao Phong, Phú Thọ	494,823,000	0	494,823,000	324,512,000	170,311,000
5331	NNT13982	Tạ Thùy Thu Thủy	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	626,006,000	0	626,006,000	324,687,000	301,319,000
5332	NNT13380	Đỗ Như Quỳnh	P. Hà Đông, Hà Nội	680,524,000	8,499,000	672,025,000	324,744,325	347,280,675
5333	NNT20302	Vũ Thị Tâm	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội	418,182,000	0	418,182,000	324,850,000	93,332,000
5334	NNT00556	Nguyễn Thị Hạnh	P. Kim Liên, Hà Nội	744,751,662	98,393,002	646,358,660	325,638,000	320,720,660
5335	NNT21789	Nguyễn Thị Hà	P. Nam Đồng, TP Hải Phòng	509,709,589	54,854,794	454,854,795	326,000,000	128,854,795
5336	NNT12051	Trần Lê Thắng	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	729,669,000	208,833,000	520,836,000	326,079,000	194,757,000

5337	NNT20907	Trần Hùng Minh	P. Bạch Mai, Hà Nội	417,826,000	0	417,826,000	326,417,000	91,409,000
5338	NNT22701	Nguyễn Thị Thanh Hằng	P. Giảng Võ, Hà Nội	383,333,000	0	383,333,000	326,700,000	56,633,000
5339	NNT12848	Nguyễn Thị Việt Ánh	P. Kim Liên, Hà Nội	614,728,000	0	614,728,000	326,901,000	287,827,000
5340	NNT24367	Lê Thị Huệ	Xã Tam Dương, Phú Thọ	326,990,000	0	326,990,000	326,990,000	0
5341	NNT17183	Hoàng Anh Tú	Xã Như Quỳnh, Hưng Yên	556,713,000	0	556,713,000	326,993,000	229,720,000
5342	NNT22599	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	P. Hồng Hà, Hà Nội	515,788,000	266,043,000	249,745,000	327,005,000	-77,260,000
5343	NNT21264	Cùng Thị Vân Hà	Phường Bạch Mai, TP Hà Nội	418,848,000	10,000,000	408,848,000	327,173,000	81,675,000
5344	NNT14746	Nguyễn Việt Hoàng	Phường Phú Thượng, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	327,299,000	272,701,000
5345	NNT16655	Triệu Đức Hiếu	Phường Phương Liệt, Hà Nội	959,800,000	507,800,000	452,000,000	327,332,000	124,668,000
5346	NNT20642	Nguyễn Thị Thu Hằng	P. Khương Đình, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	327,600,000	22,400,000
5347	NNT13072	Nguyễn Thị Tỵ	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,215,464,000	0	1,215,464,000	327,648,000	887,816,000
5348	NNT19872	Nguyễn Thị Kim Oanh	Pường Xuân Đình, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	327,993,000	172,007,000
5349	NNT14424	Quách Diệu Thúy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	994,837,000	0	994,837,000	328,024,000	666,813,000
5350	NNT12994	Nguyễn Thị Loan	Xã Ô Diên, Hà Nội	560,000,000	45,000,000	515,000,000	328,154,000	186,846,000
5351	NNT01413	Đặng Thị Trinh Khiêm	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	891,314,000	0	891,314,000	328,192,650	563,121,350

5352	NNT17304	Trịnh Thị Duyên	Xã An Khánh, Hà Nội	367,136,000	0	367,136,000	328,283,000	38,853,000
5353	NNT01055	Hoàng Kim Thu	P. Yên Bái, Yên Bái	1,006,161,000	0	1,006,161,000	328,830,848	677,330,152
5354	NNT15015	Nguyễn Thị Cách	P. Thanh Liệt, Hà Nội	673,299,000	0	673,299,000	328,852,175	344,446,825
5355	NNT13214	Phạm Thị Phúc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	514,192,000	0	514,192,000	329,302,494	184,889,506
5356	NNT23816	Phạm Thị Nga	P. Phú Lương, Hà Nội	407,433,000	78,009,000	329,424,000	329,424,000	0
5357	NNT16033	Dương Thị Bảo Anh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	567,868,000	0	567,868,000	329,718,055	238,149,945
5358	NNT21260	Hoàng Thu Thủy	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	418,018,000	0	418,018,000	329,750,000	88,268,000
5359	NNT20915	Trương Thị Chắt	Xã An Khánh, Hà Nội	372,404,000	0	372,404,000	330,000,000	42,404,000
5360	NNT24108	Nguyễn Phú Hà	P. Tương Mai, Hà Nội	330,000,000	0	330,000,000	330,000,000	0
5361	NNT18520	Nguyễn Minh Đức	P. Thanh Xuân, Hà Nội	496,021,000	0	496,021,000	330,000,000	166,021,000
5362	NNT12240	Trần Thị Kim Lý	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	627,721,000	19,048,000	608,673,000	330,061,500	278,611,500
5363	NNT23887	Nguyễn Thị Hằng Nga	Xã Quốc Oai, Hà Nội	360,000,000	27,000,000	333,000,000	330,250,000	2,750,000
5364	NNT16460	Phan Thị Thu	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,749,816,272	713,998,272	1,035,818,000	330,250,874	705,567,126
5365	NNT20298	Nguyễn Thị Thắng	P. Đồng Đa, Hà Nội	4,306,470,000	0	4,306,470,000	330,432,000	3,976,038,000
5366	NNT23409	Trương Thị Độ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	400,000,000	62,500,000	337,500,000	330,434,000	7,066,000

5367	NNT19374	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	686,842,000	107,099,000	579,743,000	330,566,000	249,177,000
5368	NNT15304	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	475,497,000	0	475,497,000	330,626,000	144,871,000
5369	NNT19761	Hà Thị Thu Huyền	P. Đông Ngạc, Hà Nội	626,912,000	200,000,000	426,912,000	331,321,580	95,590,420
5370	NNT19799	Lê Văn Phúc	Xã Hồng Sơn, Hà Nội	505,507,000	60,000,000	445,507,000	331,636,000	113,871,000
5371	NNT14730	Nguyễn Thị Lượn	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	541,210,000	0	541,210,000	331,954,000	209,256,000
5372	NNT15183	Cao Danh Vang	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	775,818,000	194,386,000	581,432,000	332,097,000	249,335,000
5373	NNT24418	Bùi Xuân Toàn	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,672,263,035	444,340,695	1,227,922,340	332,421,135	895,501,205
5374	NNT19155	Phạm Đức Hiệp	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	620,267,000	210,748,000	409,519,000	332,449,000	77,070,000
5375	NNT20313	Lê Thị Thùy Chi	P. Kiến Hưng, Hà Nội	620,338,000	200,000,000	420,338,000	332,622,260	87,715,740
5376	NNT18296	Đàm Thị Thương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	471,296,000	0	471,296,000	332,818,000	138,478,000
5377	NNT20629	Vũ Thị Hải Hà	P. Phúc Lợi, Hà Nội	434,783,000	0	434,783,000	332,980,000	101,803,000
5378	NNT18281	Lê Thị Thu Hương	P. Hoàng Mai, Hà Nội	479,167,000	0	479,167,000	332,992,000	146,175,000
5379	NNT22979	Phan Thị Lành	P. Bạch Mai, Hà Nội	350,000,000	13,125,000	336,875,000	334,225,000	2,650,000
5380	NNT16018	Phan Huy Hậu	Xã Quảng Oai, Hà Nội	514,888,000	0	514,888,000	334,338,925	180,549,075
5381	NNT19258	Trương Thị Vân Anh	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	523,831,000	49,612,000	474,219,000	334,375,000	139,844,000

5382	NNT22875	Quách Thị Hòa	P. Hồng Hà, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	334,800,000	65,200,000
5383	NNT17197	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	335,000,000	165,000,000
5384	NNT20661	Lê Thị Thanh Hương	Nhà số 1, lô 2, tổ 20 KĐT Xa La, phường Hà Đông, Hà Nội	540,447,000	0	540,447,000	335,026,000	205,421,000
5385	NNT17213	Vũ Thị Kim Cúc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	538,461,000	0	538,461,000	335,441,000	203,020,000
5386	NNT21440	Nguyễn Tiến Công	Phường Hà Đông, Hà Nội	421,053,000	0	421,053,000	336,078,000	84,975,000
5387	NNT14656	Phạm Văn Vo	Xã Đông Thành, Nghệ An	1,092,896,000	163,934,000	928,962,000	336,270,000	592,692,000
5388	NNT22042	Thiệu Thị Quý	Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội	364,550,000	10,000,000	354,550,000	336,500,000	18,050,000
5389	NNT19070	Lê Thị Thanh Thủy	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	792,514,000	36,378,000	756,136,000	336,568,000	419,568,000
5390	NNT23894	Nguyễn Thị Thu	Phường Vân Hà, Tỉnh Bắc Ninh	350,000,000	10,625,000	339,375,000	336,675,000	2,700,000
5391	NNT21153	Nguyễn Thị Minh Hương	Phường Tương Mai, Hà Nội	368,211,000	0	368,211,000	336,920,000	31,291,000
5392	NNT14369	Trương Thị Thanh Nga	Xã Phúc Sơn, Hà Nội	628,950,000	0	628,950,000	337,006,600	291,943,400
5393	NNT18310	Nguyễn Thị Ánh	Xã Hương Sơn, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	337,165,000	62,835,000
5394	NNT21563	Đặng Thị Hương	Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội	707,266,970	109,697,000	597,569,970	337,385,000	260,184,970
5395	NNT15323	Vũ Thị Lan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	512,945,000	23,560,000	489,385,000	337,440,000	151,945,000
5396	NNT17614	Nguyễn Thị Chung	Xã Đại Thanh, Hà Nội	498,838,000	0	498,838,000	337,455,000	161,383,000

5397	NNT23818	Lê Thị Kim Nhung	P. Tương Mai, Hà Nội	373,146,000	35,510,000	337,636,000	337,636,000	0
5398	NNT21923	Hoàng Hữu Đạt	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	427,328,000	0	427,328,000	337,824,000	89,504,000
5399	NNT11637	Vũ Thu Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	972,164,000	0	972,164,000	337,902,000	634,262,000
5400	NNT19563	Phan Thị Thanh Thủy	Tòa CT2A KĐT Nghĩa Đô, P. Nghĩa Đô, Hà Nội	410,954,000	0	410,954,000	338,170,000	72,784,000
5401	NNT24074	Nguyễn Châu Bảo	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	411,768,000	61,765,000	350,003,000	338,235,000	11,768,000
5402	NNT16524	Doãn Ngọc Diệp	Phường Yên Hòa, Hà Nội	467,694,000	0	467,694,000	338,438,141	129,255,859
5403	NNT22243	Lê Thị Lý	Xã Nam Phú, Hà Nội	616,156,000	261,256,000	354,900,000	338,743,880	16,156,120
5404	NNT00401	Nguyễn Thị Bích	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	1,330,064,000	0	1,330,064,000	338,805,000	991,259,000
5405	NNT01885	Nguyễn Tường Vân	P. Kim Liên, Hà Nội	758,972,000	0	758,972,000	339,179,000	419,793,000
5406	NNT17202	Hoàng Ngọc Thanh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	560,000,000	0	560,000,000	339,250,000	220,750,000
5407	NNT17906	Lê Thị Tươi	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,030,495,000	606,995,000	423,500,000	339,369,210	84,130,790
5408	NNT22937	Nguyễn Thị Ngọc Lan	P. Phương Liệt, Hà Nội	400,000,000	55,000,000	345,000,000	339,800,000	5,200,000
5409	NNT13518	Tạ Thúy Hạnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	721,649,000	0	721,649,000	339,804,000	381,845,000
5410	NNT12594	Nguyễn Thị Bích Thủy	P. Phú Diễn, Hà Nội	2,324,000,000	1,497,000,000	827,000,000	339,805,000	487,195,000
5411	NNT20823	Trần Khánh Lam	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	490,995,000	22,819,000	468,176,000	340,000,000	128,176,000

5412	NNT24168	Vũ Thị Ngọc	P. Vĩnh Phúc, Phú Thọ□	350,000,000	0	350,000,000	340,025,000	9,975,000
5413	NNT11844	Tạ Thị Kim Thủy	Xã An Khánh, Hà Nội	648,429,000	0	648,429,000	340,234,000	308,195,000
5414	NNT18866	Vương Xuân Dũng	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,565,226,000	944,800,000	620,426,000	340,541,000	279,885,000
5415	NNT11801	Phạm Huy Hùng	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	823,580,000	0	823,580,000	340,650,000	482,930,000
5416	NNT16399	Phạm Thu Thảo	Phường Kim Liên, Hà Nội	575,000,000	22,026,000	<u>552,974,000</u>	341,625,000	<u>211,349,000</u>
5417	NNT24013	Nguyễn Thị Tiên Hòa	P. Giảng Võ, Hà Nội	453,980,822	53,980,822	400,000,000	341,779,178	58,220,822
5418	NNT15457	Đỗ Thị Hà	P. Xuân Phương, Hà Nội	668,534,000	28,229,000	640,305,000	341,780,350	298,524,650
5419	NNT17391	Phạm Thị Xuân Dung	P. Cửa Nam, Hà Nội	486,599,000	23,810,000	462,789,000	341,829,221	120,959,779
5420	NNT18756	Nguy Thị Hạnh	P. Bạch Mai, Hà Nội	625,000,000	115,000,000	510,000,000	342,209,948	167,790,052
5421	NNT20241	Tô Thị Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	814,896,707	206,563,707	608,333,000	342,236,293	266,096,707
5422	NNT21238	Nguyễn Thị Lan Anh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	465,946,000	0	465,946,000	342,368,000	123,578,000
5423	NNT13018	Hoàng Thị Bảo	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,906,380,000	525,000,000	1,381,380,000	342,435,000	1,038,945,000
5424	NNT11898	Huỳnh Thị Phấn	P. Thông Tây Hội, TP HCM	700,000,000	100,000,000	600,000,000	342,490,000	257,510,000
5425	NNT20224	Lê Đỗ Nguyên	P. Cửa Nam, Hà Nội	500,000,000	22,500,000	477,500,000	342,571,000	134,929,000
5426	NNT15738	Nguyễn Thị Vân	P. An Khánh, Hà Nội	425,047,000	0	425,047,000	342,840,960	82,206,040

5427	NNT22466	Nguyễn Bắc Hà	P. Đồng Đa, Hà Nội	377,112,000	7,000,000	370,112,000	342,999,720	27,112,280
5428	NNT18308	Trần Thị Thu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	474,112,000	0	474,112,000	343,189,000	130,923,000
5429	NNT20715	Nguyễn Ánh Phước	P. Cửa Nam, Hà Nội	400,251,000	0	400,251,000	343,204,744	57,046,256
5430	NNT14320	Phan Minh Hồng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	343,212,000	56,788,000
5431	NNT12912	Đặng Bình Minh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,863,404,000	606,000,000	1,257,404,000	343,751,000	913,653,000
5432	NNT17268	Nguyễn Thu Nga	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,237,113,000	0	1,237,113,000	344,044,000	893,069,000
5433	NNT18385	Hoàng Tiến Bàn	P. Chương Mỹ, Hà Nội	419,550,000	0	419,550,000	344,500,000	75,050,000
5434	NNT00052	Đặng Hồng Phước	P. Đồng Đa, Hà Nội	677,862,000	0	677,862,000	344,564,000	333,298,000
5435	NNT11478	Nguyễn Thị Lương	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	717,955,877	48,396,217	669,559,660	344,581,000	324,978,660
5436	NNT15398	Lê Thị Mai Trang	P. Bạch Mai, Hà Nội	462,194,000	0	462,194,000	344,745,000	117,449,000
5437	NNT21883	Lương Văn An	P. Giảng Võ, Hà Nội	428,717,000	20,000,000	408,717,000	345,123,220	63,593,780
5438	NNT19600	Đỗ Thị Hiền	P. Văn Miếu - QTG, Hà Nội	489,922,000	0	489,922,000	345,175,980	144,746,020
5439	NNT23193	Nguyễn Thị Minh Huệ	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	357,164,000	0	357,164,000	345,300,000	11,864,000
5440	NNT20180	Đỗ Thị Chúc	P. Khương Đình, Hà Nội	617,757,000	63,000,000	554,757,000	345,597,000	209,160,000
5441	NNT19696	Đặng Tất Tế	P. Ô Chợ Dừa Hà Nội	603,560,000	180,838,000	422,722,000	345,866,000	76,856,000

5442	NNT21586	Nguyễn Thị Cúc	P. Phú Diễn, Hà Nội	662,742,859	292,248,859	370,494,000	346,000,000	24,494,000
5443	NNT19111	Hà Đức Đô	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	710,382,000	106,563,000	603,819,000	346,010,330	257,808,670
5444	NNT15181	Phạm Thành Vinh	P. Từ Liêm, Hà Nội	542,299,000	0	542,299,000	346,206,875	196,092,125
5445	NNT13953	Bạch Thị Thanh Hà	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	763,649,000	0	763,649,000	346,410,000	417,239,000
5446	NNT16103	Mạc Văn Toàn	Xã Mỹ Thái, Tỉnh Bắc Ninh	481,484,000	0	481,484,000	346,499,440	134,984,560
5447	NNT01467	Nguyễn Thị Thu Hà	P. Láng, Hà Nội	1,720,684,000	68,000,000	1,652,684,000	346,518,112	1,306,165,888
5448	NNT21191	Lại Văn Oanh	Phường Tương Mai, Hà Nội	481,283,000	72,192,000	409,091,000	346,525,000	62,566,000
5449	NNT19511	Đỗ Thị Ngọc Thư	P. Hà Đông, Hà Nội	732,984,000	0	732,984,000	346,619,000	386,365,000
5450	NNT13727	Nguyễn Công Tuyển	P. Tương Mai, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	346,741,000	453,259,000
5451	NNT20918	Nguyễn Thanh Nhuệ	P. Phú Diễn, Hà Nội	420,460,000	0	420,460,000	346,810,500	73,649,500
5452	NNT00283	Phạm Minh Nguyệt	phường Hồng Hà, Hà Nội	1,544,894,000	150,000,000	1,394,894,000	346,933,000	1,047,961,000
5453	NNT16686	Đinh Trọng Long	P. Việt Hưng, Hà Nội	696,970,000	0	696,970,000	347,001,000	349,969,000
5454	NNT23539	Thiều Thị Minh	Số 02/D6, ngõ 12 Ngõ Quyền, phường Hà Đông, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	347,070,000	2,930,000
5455	NNT23866	Trương Thanh Bình	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	347,300,000	2,700,000
5456	NNT23890	Nguyễn Thị Hệ	P. Việt Hưng, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	347,300,000	2,700,000

5457	NNT22982	Vương Quỳnh Hoa	P. Ba Đình, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	347,350,000	2,650,000
5458	NNT14087	Trần Thị Mai Hồng	Xã Bát Ba, Hà Nội	516,757,000	66,162,000	450,595,000	348,107,000	102,488,000
5459	NNT13529	Nguyễn Thị Hiền Trang	P. Việt Hưng, Hà Nội	810,494,000	299,622,000	510,872,000	348,155,000	162,717,000
5460	NNT19871	Đặng Hồng Thái	P. Phương Liệt, Hà Nội	436,720,000	0	436,720,000	348,669,795	88,050,205
5461	NNT22647	Trịnh Quang Đại	Phường Ba Đình, Hà Nội	400,000,000	36,000,000	364,000,000	349,000,000	15,000,000
5462	NNT20552	Vũ Yến Lan	P. Yên Hòa, Hà Nội	398,478,000	0	398,478,000	349,207,000	49,271,000
5463	NNT21401	Nghiêm Xuân Hời	Xã Phương Dục, Hà Nội	430,000,000	30,000,000	400,000,000	349,270,000	50,730,000
5464	NNT20476	Đỗ Thị Hồng	Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình	414,200,000	40,000,000	374,200,000	349,348,000	24,852,000
5465	NNT12149	Đinh Thị Ngọc Vân	P. Hoàng Mai, Hà Nội	900,000,000	500,000,000	400,000,000	349,537,000	50,463,000
5466	NNT11008	Nguyễn Thị Hồng	P. Đại Mỗ, Hà Nội	517,141,000	0	517,141,000	349,820,520	167,320,480
5467	NNT11767	Nguyễn Việt Cường	P. Kim Liên, TP Hà Nội	970,117,400	0	970,117,400	349,837,000	620,280,400
5468	NNT19837	Mai Thị Ngọc Anh	Xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	374,330,000	0	374,330,000	349,998,550	24,331,450
5469	NNT22924	Nguyễn Thị Hà	P. Trung Thành, Thái Nguyên	359,783,000	0	359,783,000	349,999,610	9,783,390
5470	NNT16732	Phạm Thị Liễu	P. Chu Văn An, TP Hải Phòng	435,977,000	0	435,977,000	349,999,702	85,977,298
5471	NNT22390	Lã Thanh Tùng	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	932,477,260	450,000,000	482,477,260	350,000,000	132,477,260

5472	NNT13207	Nguyễn Thị Hương Giang	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	584,190,000	0	584,190,000	350,000,000	234,190,000
5473	NNT20008	Chu Ngọc Tú	P. Ba Đình, Hà Nội	500,000,000	20,000,000	480,000,000	350,000,000	130,000,000
5474	NNT22169	Phùng Thị Huê	P. Chương Mỹ, Hà Nội	415,000,000	65,000,000	350,000,000	350,000,000	0
5475	NNT23902	Nguyễn Thị Phương Loan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	398,472,603	0	398,472,603	350,000,000	48,472,603
5476	NNT23164	Nguyễn Quỳnh Mai	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	352,020,000	0	352,020,000	350,000,000	2,020,000
5477	NNT24151	Chu Thị Mỹ	P. Giảng Võ, Hà Nội	350,000,000	0	350,000,000	350,000,000	0
5478	NNT23800	Phan Việt Hùng	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	357,143,000	0	357,143,000	350,000,140	7,142,860
5479	NNT15193	Nguyễn Thị Thủy	P. Bạch Mai, Hà Nội	563,676,000	0	563,676,000	350,076,000	213,600,000
5480	NNT14118	Nguyễn Thị Như	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,136,184,000	0	1,136,184,000	350,201,000	785,983,000
5481	NNT11774	Cao Như Quỳnh	Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	674,744,000	0	674,744,000	350,713,000	324,031,000
5482	NNT21025	Bùi Thúy Ngân	Xã Bình Minh, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	351,100,000	48,900,000
5483	NNT15086	Đặng Văn Long	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	634,340,954	217,760,954	416,580,000	351,250,045	65,329,955
5484	NNT22138	Nguyễn Thanh Hải	Phường Giảng Võ, Hà Nội	435,078,000	0	435,078,000	351,368,000	83,710,000
5485	NNT19508	Nguyễn Hoài Thu	P. Tương Mai, Hà Nội	620,839,000	0	620,839,000	351,554,000	269,285,000
5486	NNT17554	Trịnh Huy Dũng	P. Thành Đông, TP Hải Phòng	517,975,000	0	517,975,000	352,255,840	165,719,160

5487	NNT17642	Đào Sỹ Hùng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	474,748,000	0	474,748,000	352,687,675	122,060,325
5488	NNT22496	Đinh Danh Phú	P. Hồng Hà, Hà Nội	447,254,000	72,201,000	375,053,000	352,895,000	22,158,000
5489	NNT18470	Nguyễn Quang Huy	Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	500,990,000	22,000,000	478,990,000	353,249,000	125,741,000
5490	NNT16738	Nguyễn Thị Hồng	phường Thanh Liệt, Hà Nội	514,819,000	37,832,000	476,987,000	353,296,000	123,691,000
5491	NNT22304	Nguyễn Thị Trà Vinh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	356,969,000	0	356,969,000	353,399,310	3,569,690
5492	NNT15383	Nguyễn Thu Huyền	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	492,431,000	61,813,000	430,618,000	353,631,000	76,987,000
5493	NNT22197	Lê Mạnh Hà	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	414,508,000	0	414,508,000	353,686,000	60,822,000
5494	NNT17521	Phạm Lê Thúy Hằng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	947,394,000	461,000,000	486,394,000	353,734,000	132,660,000
5495	NNT13375	Nguyễn Thị Trang	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	786,645,104	301,645,104	485,000,000	353,785,000	131,215,000
5496	NNT21724	Đỗ Minh Đức	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	888,859,571	489,727,400	399,132,171	353,789,571	45,342,600
5497	NNT19127	Nguyễn Thị Chữ	P. Tây Hồ, Hà Nội	436,405,000	0	436,405,000	353,823,000	82,582,000
5498	NNT00268	Lê Thị Hồng Minh	Xã Bình Minh, Hà Nội	1,683,059,000	250,001,644	1,433,057,356	353,968,000	1,079,089,356
5499	NNT14221	Trần Thị Hồng Nhung	Xã Đại Thanh, Hà Nội	616,289,514	124,572,514	491,717,000	354,140,000	137,577,000
5500	NNT18959	Tưởng Thị Minh Chiến	Xã Đan Phượng, Hà Nội	598,958,000	0	598,958,000	354,193,550	244,764,450
5501	NNT18492	Lê Thị Tươi	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	455,880,000	44,000,000	411,880,000	354,341,000	57,539,000

5502	NNT00532	Nguyễn Đăng Nghĩa	P. Ngọc Hà, Hà Nội	873,293,000	0	873,293,000	354,405,000	518,888,000
5503	NNT18460	Nguyễn Thị Thủy	P. Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh□	474,158,000	0	474,158,000	354,500,000	119,658,000
5504	NNT12342	Hồ Quang Hải	P. Giảng Võ, hà Nội	512,500,000	0	512,500,000	354,915,000	157,585,000
5505	NNT15367	Nguyễn Thị Chính	Xã Hoài Đức, Hà Nội	453,984,000	0	453,984,000	355,032,290	98,951,710
5506	NNT17875	Ngô Thị Thu Giang	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	654,333,000	170,125,000	484,208,000	355,202,745	129,005,255
5507	NNT16012	Nguyễn Thị Mai Anh	Xã Xuân Mai, Hà Nội	661,856,000	0	661,856,000	355,239,055	306,616,945
5508	NNT20657	Phạm Thị Tuất	P. Phương Liệt, Hà Nội	503,334,000	40,984,000	462,350,000	355,575,960	106,774,040
5509	NNT15917	Hà Quỳnh Hoa	P. Chương Mỹ, Hà Nội	748,958,000	0	748,958,000	355,730,188	393,227,812
5510	NNT01032	Đỗ Thị Thùy	P. Hà Đông, Hà Nội	1,486,410,000	0	1,486,410,000	356,016,640	1,130,393,360
5511	NNT19122	Dương Thị Túc	Xã Trần Phú, Hà Nội	510,112,000	24,590,000	485,522,000	356,511,521	129,010,479
5512	NNT18983	Nguyễn Thị Hải Yến	P.Bạch Mai, Hà Nội	504,095,000	85,000,000	419,095,000	356,568,000	62,527,000
5513	NNT21857	Nguyễn Thị Năm	P. Bồ Đề, Hà Nội	530,283,000	123,000,000	407,283,000	356,736,000	50,547,000
5514	NNT10835	Đặng Hồng Việt	P. Đống Đa, Hà Nội	1,028,315,000	370,000,000	658,315,000	356,757,000	301,558,000
5515	NNT19631	Trương Minh Đức	P. Hồng Hà, Hà Nội	513,669,000	0	513,669,000	356,865,000	156,804,000
5516	NNT20684	Nguyễn Thị Quy	10 Ngõ 737 Giải Phóng, P. Tương Mai, Hà Nội	523,939,000	0	523,939,000	357,200,000	166,739,000

5517	NNT20175	Vũ Thị Phụng	Xã Đại Thanh, Hà Nội	530,317,000	0	530,317,000	357,347,268	172,969,732
5518	NNT22576	Nguyễn Thủy Chung	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	500,000,000	120,000,000	380,000,000	357,439,000	22,561,000
5519	NNT16920	Nguyễn Thị Hồng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,238,000,796	188,000,796	1,050,000,000	357,562,455	692,437,545
5520	NNT16413	Nguyễn Phương Hiệp	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,022,715,000	0	1,022,715,000	357,754,000	664,961,000
5521	NNT21012	Nghiêm Ngọc Minh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	704,222,606	327,139,606	377,083,000	357,796,000	19,287,000
5522	NNT22706	Mai Thanh Tuyền	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	353,092,000	-12,268,000	365,360,000	358,072,000	7,288,000
5523	NNT12004	Nguyễn Huy Quang	Xã Gia Lâm, Hà Nội	777,559,000	0	777,559,000	358,288,160	419,270,840
5524	NNT01132	Trần Quốc Sơn	P. Tây Mỗ, Hà Nội	1,045,092,000	245,986,302	799,105,698	358,364,000	440,741,698
5525	NNT14085	Đỗ Thị Duyên	P. Láng, Hà Nội	860,000,000	80,000,000	780,000,000	358,634,918	421,365,082
5526	NNT16424	Phan Duy Thắng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	692,808,927	82,059,463	610,749,464	358,672,537	252,076,927
5527	NNT17278	Nguyễn Thị Sóng	Xã Bắc Lý, Tỉnh Ninh Bình	601,812,329	0	601,812,329	358,717,000	243,095,329
5528	NNT16855	Hoàng Bích Thủy	P. Sơn Tây, Hà Nội	580,808,000	0	580,808,000	358,774,484	222,033,516
5529	NNT18801	Nguyễn Thị Kim Đào	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	639,422,000	0	639,422,000	359,060,850	280,361,150
5530	NNT23728	Nguyễn Quốc Thuần	Phường Láng, Hà Nội	364,000,000	0	364,000,000	359,080,000	4,920,000
5531	NNT13237	Nguyễn Thị Mai Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	861,363,000	41,000,000	820,363,000	359,122,000	461,241,000

5532	NNT20024	Nguyễn Thị Cúc Oanh	P. Ba Đình, Hà Nội	518,135,000	30,000,000	488,135,000	359,266,000	128,869,000
5533	NNT11414	Lâm Minh Hải	P. Cầu Ông Lãnh, TP HCM	774,836,000	0	774,836,000	359,423,000	415,413,000
5534	NNT22772		P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,000,000,000	45,500,000	954,500,000	359,616,000	594,884,000
5535	NNT14234	Nguyễn Sơn Hà	P. Thanh Xuân, Hà Nội	4,835,188,488	2,550,561,568	2,284,626,920	360,017,420	1,924,609,500
5536	NNT21965	Trần Hiền Linh	P. Hai Ba Trung, Hà Nội	444,588,000	0	444,588,000	360,375,000	84,213,000
5537	NNT22182	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	520,833,000	138,946,000	381,887,000	361,054,000	20,833,000
5538	NNT13861	Lê Thị Quỳnh Trang	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	511,334,000	0	511,334,000	361,435,065	149,898,935
5539	NNT13822	Trần Thị Hiền	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,847,510,000	0	1,847,510,000	362,001,000	1,485,509,000
5540	NNT11338	Nguyễn Thị Hoàng Liên	P. Phúc Diễn, Hà Nội	656,069,000	107,908,000	548,161,000	362,037,000	186,124,000
5541	NNT00589	Đoàn Thị Loan	P. Bồ Đề, Hà Nội	3,791,944,889	2,250,587,081	1,541,357,808	362,133,000	1,179,224,808
5542	NNT01889	Đỗ Mai Anh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,609,078,000	815,000,000	794,078,000	362,145,000	431,933,000
5543	NNT12972	Phạm Phi Giao	P. Ba Đình, Hà Nội	661,333,000	0	661,333,000	362,490,000	298,843,000
5544	NNT19806	Ngô Văn Tuấn	P. Định Công, Hà Nội	571,322,301	0	571,322,301	362,695,000	208,627,301
5545	NNT22912	Phạm Thị Chiến	Phường Đồng Đa, Hà Nội	412,415,000	1,383,000	411,032,000	362,800,360	48,231,640
5546	NNT16941	Khương Hồng Yến	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,351,611,000	500,000,000	851,611,000	363,039,000	488,572,000

5547	NNT18167	Phan Thị Lan Thảo	P. Kim Liên, Hà Nội	575,916,000	0	575,916,000	363,098,705	212,817,295
5548	NNT13383	Nguyễn Thị Phương Lan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	639,320,000	0	639,320,000	363,448,000	275,872,000
5549	NNT21408	Hoàng Minh Hương	Xã Phù Đồng, Hà Nội	426,991,000	24,311,000	402,680,000	363,498,175	39,181,825
5550	NNT20693	Mai Thị Minh Giang	P. Cửa Nam, Hà Nội	466,426,000	0	466,426,000	363,500,000	102,926,000
5551	NNT19185	Nguyễn Thị Huyền	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	960,676,000	369,845,000	590,831,000	363,541,665	227,289,335
5552	NNT01393	Lê Thu Hằng	P. Kim Liên, Hà Nội	658,561,707	110,000,000	548,561,707	363,707,480	184,854,227
5553	NNT13653	Nguyễn Thị Kim Ngân	Xã Xuân Mai, Hà Nội	503,573,548	165,586,767	337,986,781	364,042,915	-26,056,134
5554	NNT11768	Tổng Thị Hoàng Yến	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,167,167,000	139,472,000	1,027,695,000	364,097,003	663,597,997
5555	NNT21909	Hoàng Xuân Thành	P. Phương Liệt, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	364,103,000	48,268,000
5556	NNT15739	Nguyễn Thị Kim Oanh	P. Đống Đa, Hà Nội	900,000,000	0	900,000,000	364,298,000	535,702,000
5557	NNT20082	Trần Trung Dũng	P. Hồng Hà, Hà Nội	885,286,178	221,477,178	663,809,000	364,394,822	299,414,178
5558	NNT17224	Nguyễn Đức Tâm	P. Định Công, Hà Nội	597,986,000	0	597,986,000	364,444,000	233,542,000
5559	NNT14740	Nguyễn Thị Thu Hà	P. Giảng Võ, Hà Nội	690,598,000	0	690,598,000	364,988,000	325,610,000
5560	NNT22220	Vũ Ngọc Hương	P. Lê Chân, Hải Phòng	827,474,000	405,000,000	422,474,000	365,000,000	57,474,000
5561	NNT17275	Nguyễn Văn Thành	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	542,265,000	257,000,000	285,265,000	365,541,179	-80,276,179

5562	NNT20601	Phạm Thị Hường	Xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	809,278,000	403,928,000	405,350,000	366,072,000	39,278,000
5563	NNT20467	Trần Thị Kim Oanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	471,203,000	29,480,000	441,723,000	366,348,000	75,375,000
5564	NNT22119	Đàm Thị Thanh	Nhà số 3, ngách 3, ngõ 105 Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, Hà Nội	434,938,000	0	434,938,000	366,420,000	68,518,000
5565	NNT20985	Nguyễn Thị Vĩnh Lương	P. Ba Đình, TP Hà Nội	500,000,000	77,025,000	422,975,000	366,600,000	56,375,000
5566	NNT12907	Nguyễn Viết Đồng	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,246,126,251	596,788,527	649,337,724	366,633,000	282,704,724
5567	NNT13463	Đỗ Thúy Nga	P. Bạch Mai, Hà Nội	556,233,000	0	556,233,000	367,042,000	189,191,000
5568	NNT23598	Phạm Ngọc Đức	P. Từ Liêm, Hà Nội	803,535,000	429,798,000	373,737,000	367,149,630	6,587,370
5569	NNT11650	Bùi Thị Kim Đại	P. Hoàng Mai, Hà Nội	2,414,441,000	900,000,000	1,514,441,000	367,203,050	1,147,237,950
5570	NNT18273	Nguyễn Văn Huân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	533,854,000	0	533,854,000	367,441,000	166,413,000
5571	NNT16517	Nguyễn Thị Lý	Xã Ô Diên, Hà Nội	579,541,000	0	579,541,000	367,992,000	211,549,000
5572	NNT20120	Nguyễn Thị Hằng	Xã Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ	841,525,253	12,004,253	829,521,000	368,064,442	461,456,558
5573	NNT19728	Đỗ Thị Dung	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	499,942,000	0	499,942,000	368,085,000	131,857,000
5574	NNT13630	Lê Hùng Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	722,206,000	0	722,206,000	368,145,000	354,061,000
5575	NNT22565	Nguyễn Thị Quang Minh	P. Ba Đình, Hà Nội	390,000,000	0	390,000,000	368,250,000	21,750,000
5576	NNT22760	Nguyễn Bích Thủy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	410,588,000	15,000,000	395,588,000	368,488,000	27,100,000

5577	NNT22113	Đặng Thị Thùy	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	466,595,000	0	466,595,000	368,499,000	98,096,000
5578	NNT13423	Đỗ Thị Hậu	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,539,682,000	0	1,539,682,000	368,575,000	1,171,107,000
5579	NNT17208	Phạm Thị Hường	Xã Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau	619,568,000	0	619,568,000	368,710,000	250,858,000
5580	NNT22874	Hoàng Tùng Khánh	P. Kim Liên, Hà Nội	707,254,000	318,088,000	389,166,000	368,812,110	20,353,890
5581	NNT17869	Đỗ Thị Hồng Hạnh	P. Hải An, TP Hải Phòng	420,024,000	0	420,024,000	369,000,000	51,024,000
5582	NNT18209	Phạm Thị Vy	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	1,834,947,000	1,404,867,000	430,080,000	369,158,000	60,922,000
5583	NNT17764	Đỗ Thị Ngọc Bích	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	697,153,000	0	697,153,000	369,199,000	327,954,000
5584	NNT22250	Nguyễn Thị Kim Hương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	700,000,000	300,000,000	400,000,000	369,200,000	30,800,000
5585	NNT22239	Phạm Thị Thu	Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An	457,447,000	0	457,447,000	369,287,000	88,160,000
5586	NNT15169	Đoàn Thị Hà	P. Đông Hải, TP Hải Phòng	735,758,000	138,000,000	597,758,000	369,401,856	228,356,144
5587	NNT21263	Nguyễn Văn Bình	Xã Thường Tín, Hà Nội	529,574,000	0	529,574,000	369,593,000	159,981,000
5588	NNT22035	Phan Thị Hồng Hạnh	P. Nông Trang, Phú Thọ	449,573,000	0	449,573,000	369,650,110	79,922,890
5589	NNT21302	Bùi Thị Lợi	Xã Ô Diên, Hà Nội	429,793,000	0	429,793,000	369,723,000	60,070,000
5590	NNT21491	Nguyễn Thị Thịnh	Xã Xuân Mai, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	369,800,000	30,200,000
5591	NNT21276	Phạm Thị Hồng Vân	P. Đại Mỗ, Hà Nội	416,667,000	30,000,000	386,667,000	370,000,000	16,667,000

5592	NNT13914	Nguyễn Thị Minh Hải	P. Sơn Tây, Hà Nội	913,676,288	155,778,288	757,898,000	370,637,267	387,260,733
5593	NNT13400	Bùi Văn Thảo	P. Cầu Giấy, Hà Nội	743,689,000	0	743,689,000	370,820,000	372,869,000
5594	NNT12034	Trịnh Thị Xuân	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	370,867,000	629,133,000
5595	NNT19952	Phạm Thị Liên	Xã Thuận An, Hà Nội	499,689,000	100,000,000	399,689,000	371,291,000	28,398,000
5596	NNT20200	Tạ Thị Hoàn	P. Hà Đông, Hà Nội	487,306,000	0	487,306,000	371,302,000	116,004,000
5597	NNT01373	Nguyễn Thị Thanh	P. Phú Diễn, Hà Nội	589,486,000	10,000,000	579,486,000	371,379,000	208,107,000
5598	NNT22344	Đỗ Thị Thúy Nga	P. Phương Liệt, Hà Nội	800,000,000	410,000,000	390,000,000	371,400,000	18,600,000
5599	NNT13560	Hà Thị Hạnh	Xã Trường Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	724,009,000	0	724,009,000	371,424,000	352,585,000
5600	NNT13697	Lê Văn Lộc	P. Hồng Hà, Hà Nội	752,848,000	0	752,848,000	371,669,242	381,178,758
5601	NNT13959	Bùi Tú	Phường Ba Đình, Hà Nội	516,648,600	0	516,648,600	372,471,000	144,177,600
5602	NNT12292	Nguyễn Thị Thu Thủy	P. Cửa Nam, Hà Nội	577,272,000	0	577,272,000	372,562,000	204,710,000
5603	NNT13464	Cao Tiến Thành	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	546,704,000	0	546,704,000	373,000,000	173,704,000
5604	NNT20686	Nguyễn Thị Hằng	P. Phú Thượng, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	373,513,000	126,487,000
5605	NNT21223	Trần Thúy Nga	P. Thanh Liệt, Hà Nội	427,604,000	0	427,604,000	373,550,000	54,054,000
5606	NNT12453	Trương Minh Phương	P. Kiến Hưng, Hà Nội	2,383,957,000	0	2,383,957,000	373,742,000	2,010,215,000

5607	NNT17078	Hàn Viết Trung	P. Khương Đình, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	373,857,000	226,143,000
5608	NNT14433	Đỗ Thị Phương Anh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	737,249,000	0	737,249,000	373,866,000	363,383,000
5609	NNT21293	Đinh Tú Quyền	P. Hồng Hà, Hà Nội	400,000,000	10,000,000	390,000,000	374,000,000	16,000,000
5610	NNT14406	Nguyễn Hồng Thúy	P. Ba Đình, Hà Nội	638,901,000	0	638,901,000	374,358,544	264,542,456
5611	NNT18643	Nguyễn Thị Mai	P. Hải Dương, TP Hải Phòng	647,303,000	0	647,303,000	374,532,000	272,771,000
5612	NNT17251	Trần Xuân Thanh	P. Bạch Mai, Hà Nội	523,644,000	0	523,644,000	375,033,650	148,610,350
5613	NNT01401	Ngô Tú Anh	P. Hà Đông, Hà Nội	2,655,615,000	0	2,655,615,000	375,141,358	2,280,473,642
5614	NNT15187	Phạm Thị Phương Lan	P. Bạch Mai, Hà Nội	405,820,000	0	405,820,000	375,850,000	29,970,000
5615	NNT21752	Vũ Đình Phú	Xã Quốc Oai, Hà Nội	700,000,000	45,000,000	655,000,000	375,950,000	279,050,000
5616	NNT21873	Vũ Thị Quế	Xã Hồng Vân, Hà Nội	413,757,000	10,000,000	403,757,000	376,000,000	27,757,000
5617	NNT21569	Nguyễn Thị Nhàn	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	520,424,000	111,000,000	409,424,000	376,050,000	33,374,000
5618	NNT20457	Ngô Thị Dung	P. Thanh Xuân, Hà Nội	918,704,573	165,302,573	753,402,000	376,076,604	377,325,396
5619	NNT13660	Nguyễn Thị Hay	Phường Láng, TP Hà Nội	772,217,000	0	772,217,000	376,216,000	396,001,000
5620	NNT19078	Âu Thị Tuyết Nhung	P. Việt Hưng, Hà Nội	677,082,000	0	677,082,000	376,570,770	300,511,230
5621	NNT22544	Dương Thị Quỳnh Nga	Xã Phù Đổng, Hà Nội	407,890,000	0	407,890,000	376,658,000	31,232,000

5622	NNT22111	Trần Minh Chính	P. Đại Mỗ, Hà Nội	2,491,623,000	65,000,000	2,426,623,000	377,008,000	2,049,615,000
5623	NNT18506	Nguyễn Thị Thu Huyền	P. Phú Diễn, Hà Nội	464,927,000	0	464,927,000	377,371,655	87,555,345
5624	NNT20984	Nguyễn Thị Phương Minh	P. Tương Mai, Hà Nội	537,634,000	82,858,000	454,776,000	377,567,000	77,209,000
5625	NNT17855	Trương Tất Hiền	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	874,880,770	318,593,770	556,287,000	377,667,000	178,620,000
5626	NNT11944	Nguyễn Thị Kim Dung	P. Phú Thượng, Hà Nội	6,633,340,110	2,180,393,490	4,452,946,620	377,709,396	4,075,237,224
5627	NNT11953	Nguyễn Thị Ngân	P. Thanh Xuân, Hà Nội	608,465,000	0	608,465,000	377,840,000	230,625,000
5628	NNT22125	Phạm Thị Nga	Phường Phương Liệt, Hà Nội	475,521,000	48,369,000	427,152,000	378,021,000	49,131,000
5629	NNT14866	Phương Thanh Hoa	P. Tây Hồ, Hà Nội	627,283,000	0	627,283,000	378,281,343	249,001,657
5630	NNT22014	Mai Thị Thanh Hòa	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	393,780,000	0	393,780,000	378,500,000	15,280,000
5631	NNT22329	Hoàng Thị Chung	P. Từ Liêm, Hà Nội	466,321,000	70,000,000	396,321,000	378,964,000	17,357,000
5632	NNT21928	Trịnh Ngọc Nguyệt	P. Ba Đình, Hà Nội	549,508,000	103,000,000	446,508,000	379,094,000	67,414,000
5633	NNT21532	Đỗ Văn Giang	Xã Phú Thái, tỉnh Hải Phòng	479,786,000	48,128,000	431,658,000	379,300,000	52,358,000
5634	NNT16609	Lưu Thanh Huyền	P. Thanh Liệt, Hà Nội	414,209,000	0	414,209,000	379,551,000	34,658,000
5635	NNT21566	Phạm Thị Lộc	P. Ba Đình, Hà Nội	481,113,000	18,816,000	462,297,000	379,999,800	82,297,200
5636	NNT24274	Phí Kim Thanh	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	380,000,000	0	380,000,000	380,000,000	0

5637	NNT20749	Nguyễn Thị Thuận	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	430,108,000	20,000,000	410,108,000	380,000,000	30,108,000
5638	NNT21107	Vũ Thị Đình	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	558,756,000	0	558,756,000	380,131,000	178,625,000
5639	NNT21459	Nguyễn Thị Hòa	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	484,309,196	71,938,196	412,371,000	380,494,000	31,877,000
5640	NNT21949	Chu Thị Tuyết Mai	P. Đống Đa, Hà Nội	203,849,000	0	203,849,000	380,828,900	-176,979,900
5641	NNT22353	Trần Thị Lâm Trang	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	381,000,000	31,371,000
5642	NNT17663	Lê Thị Nga	P. Bạch Mai Hà Nội	417,756,000	0	417,756,000	381,075,404	36,680,596
5643	NNT20850	Phan Quốc Huy	P. Tùng Thiên, Hà Nội	540,540,000	81,081,000	459,459,000	381,081,200	78,377,800
5644	NNT22440	Nguyễn Thị Bích Lâm	P. Tây Hồ, Hà Nội□	530,435,000	120,000,000	410,435,000	381,261,000	29,174,000
5645	NNT17836	Tô Sỹ Quảng	P. Phạm Sư Mạnh, Hải Phòng	526,026,000	0	526,026,000	381,788,000	144,238,000
5646	NNT20143	Kiều Thị Nhung	Xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ	502,732,000	0	502,732,000	382,000,000	120,732,000
5647	NNT23577	Nguyễn Thị Minh Thu	P. Khương Đình, Hà Nội	900,000,000	500,000,000	400,000,000	382,000,000	18,000,000
5648	NNT19166	Đinh Thị Lan	P. Xuân Phương, Hà Nội	529,100,000	108,465,000	420,635,000	382,262,000	38,373,000
5649	NNT22317	Nguyễn Thị Xuân Thủy	P. Bạch Mai, Hà Nội	498,470,000	0	498,470,000	382,400,000	116,070,000
5650	NNT14217	Nguyễn Kiêm Toàn	Xã Khoái Châu, Hưng Yên	829,354,000	0	829,354,000	382,421,055	446,932,945
5651	NNT16420	Kiều Thu Ngọc	P. Tây Hồ, Hà Nội	567,460,000	0	567,460,000	382,465,000	184,995,000

5652	NNT18708	Nguyễn Thị Hòa	P. Xuân Phương, Hà Nội	682,998,697	15,000,000	667,998,697	382,500,000	285,498,697
5653	NNT21980	Trần Ngọc Hằng	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	500,000,000	0	500,000,000	382,657,000	117,343,000
5654	NNT23805	Nguyễn Anh Tuấn	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	382,750,000	17,250,000
5655	NNT01222	Nguyễn Thị Hải	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,223,049,000	0	1,223,049,000	383,372,000	839,677,000
5656	NNT11063	Nguyễn Đăng Kiên	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	1,274,434,000	0	1,274,434,000	383,624,000	890,810,000
5657	NNT17726	Nguyễn Thị Thanh Thủy	P. Cửa Nam, Hà Nội	777,569,589	77,569,589	700,000,000	383,750,000	316,250,000
5658	NNT16242	Nguyễn Thị Hiền	Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	527,543,000	0	527,543,000	383,829,055	143,713,945
5659	NNT21471	Nguyễn Thị Hoa Cúc	Phường Bạch Mai, TP Hà Nội	579,932,000	0	579,932,000	384,000,000	195,932,000
5660	NNT18145	Đinh Văn Mạnh	P. Hà Đông, Hà Nội	1,371,713,000	0	1,371,713,000	384,550,000	987,163,000
5661	NNT22541	Nguyễn Hải Quân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	509,173,000	34,921,000	474,252,000	384,820,000	89,432,000
5662	NNT21958	Nguyễn Hoa Quỳnh Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,774,957,000	690,032,000	1,084,925,000	384,968,000	699,957,000
5663	NNT12950	Nguyễn Công Thụy	P. Đông Ngạc, Hà Nội	872,862,000	0	872,862,000	385,412,000	487,450,000
5664	NNT19740	Đào Thị Hạnh Nguyên	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	500,000,000	0	500,000,000	385,941,000	114,059,000
5665	NNT18012	Phương Văn Tuyết	Phường Tây Hồ, Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	385,952,000	129,512,000
5666	NNT11175	Nguyễn Cẩm My	P. Bạch Mai, Hà Nội	2,071,393,000	0	2,071,393,000	386,774,000	1,684,619,000

5667	NNT14095	Bùi Hồng Linh	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	490,853,000	0	490,853,000	386,887,295	103,965,705
5668	NNT18013	Vũ Thị Kim Duyên	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	665,084,000	14,409,000	650,675,000	387,000,000	263,675,000
5669	NNT12095	Nguyễn Minh Nguyệt	P. Hà Đông, Hà Nội	551,533,699	164,533,699	387,000,000	387,000,000	0
5670	NNT23259	Lê Thị Thu Hà	Phường Láng, TP Hà Nội	598,054,795	98,054,795	500,000,000	387,375,000	112,625,000
5671	NNT23146	Phạm Vân Anh	P. Yên Hòa, Hà Nội	493,336,986	93,336,986	400,000,000	388,000,000	12,000,000
5672	NNT00920	Đinh Văn Dư	Xã Cổ Đô, Hà Nội	829,544,000	0	829,544,000	388,182,000	441,362,000
5673	NNT18523	Trần Khánh Quang	Phường Yên Hòa, Hà Nội	440,000,000	0	440,000,000	389,085,000	50,915,000
5674	NNT18184	Trần Thu Thảo	P. Phương Liệt, Hà Nội	550,332,000	0	550,332,000	389,231,959	161,100,041
5675	NNT15136	Dương Thị Tuyết	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	551,966,000	0	551,966,000	389,470,000	162,496,000
5676	NNT23043	Phùng Tuyết Chinh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	389,708,000	0	389,708,000	389,708,000	0
5677	NNT21595	Lương Văn Tam	P. Việt Hoà, TP Hải Phòng	432,904,000	0	432,904,000	389,750,000	43,154,000
5678	NNT01408	Trần Thị Na	P. Khương Đình, Hà Nội	883,686,000	0	883,686,000	389,871,000	493,815,000
5679	NNT18125	Nguyễn Thị Bình	P. Sơn Tây, Hà Nội	693,537,658	181,063,658	512,474,000	390,000,000	122,474,000
5680	NNT17097	Nguyễn Thanh Hương	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	516,037,000	10,000,000	506,037,000	390,000,000	116,037,000
5681	NNT13907	Nguyễn Thị Hoàn	Xã Tây Phương, Hà Nội	1,060,267,853	306,064,853	754,203,000	390,032,753	364,170,247

5682	NNT00731	Nguyễn Thị ánh Tuyết	P. Hà Đông, Hà Nội	2,107,797,000	0	2,107,797,000	390,166,695	1,717,630,305
5683	NNT11347	Đặng Thu Dư	Phường Đống Đa, Hà Nội	1,100,000,000	0	1,100,000,000	390,176,000	709,824,000
5684	NNT22414	Nguyễn Hương Ly	P. Duy Tiên, Ninh Bình	549,130,000	82,370,000	466,760,000	390,232,000	76,528,000
5685	NNT22726	Trần Thị Hồng	P. Bạch Mai, Hà Nội	410,526,000	0	410,526,000	390,242,110	20,283,890
5686	NNT19247	Nguyễn Thị Tuyết	P. Xuân Đình, Hà Nội	609,031,000	120,000,000	489,031,000	390,519,200	98,511,800
5687	NNT10970	Lê Thị Bích Huệ	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,510,000,000	0	1,510,000,000	390,668,000	1,119,332,000
5688	NNT00485	Đặng Thị Thu Hà	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,640,562,162	0	1,640,562,162	391,046,000	1,249,516,162
5689	NNT22933	Vũ Quang Huy	P. Bồ Đề, Hà Nội	391,590,000	0	391,590,000	391,590,000	0
5690	NNT19395	Nguyễn Thị Đức Hạnh	P. Tây Hồ, Hà Nội	515,463,000	0	515,463,000	391,730,000	123,733,000
5691	NNT17504	Nguyễn Đình Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,067,645,000	500,000,000	567,645,000	391,768,000	175,877,000
5692	NNT16513	Hồ Thị Tường Loan	P. Đống Đa, Hà Nội	674,199,000	107,000,000	567,199,000	392,140,000	175,059,000
5693	NNT02184	Nguyễn Thị Hải	P. Đống Đa, Hà Nội	786,848,000	0	786,848,000	392,748,432	394,099,568
5694	NNT13951	Nguyễn Thanh Toàn	P. Láng, Hà Nội	1,274,843,000	165,424,000	1,109,419,000	392,789,000	716,630,000
5695	NNT13668	Vũ Thị Lợi	P. Đống Đa/Kim Liên, Hà Nội	784,463,000	0	784,463,000	392,841,840	391,621,160
5696	NNT15018	Lê Thị Thu Hiền	P. Giảng Võ, Hà Nội	512,034,000	10,000,000	502,034,000	393,000,000	109,034,000

5697	NNT01586	Nguyễn Thiện Căn	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	4,919,191,204	3,087,089,204	1,832,102,000	393,069,980	1,439,032,020
5698	NNT19462	Nguyễn Văn Tâm	Xã Thuận An, Hà Nội	482,539,000	0	482,539,000	393,100,000	89,439,000
5699	NNT14387	Bùi Thị Thùy Dung	Xã Nam Phú, Hà Nội	794,553,000	53,787,000	740,766,000	393,314,315	347,451,685
5700	NNT13778	Nguyễn Hữu Quý	P. Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ□	1,094,485,000	454,084,000	640,401,000	393,335,000	247,066,000
5701	NNT23216	Phạm Thị Luyến	Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình	402,040,000	0	402,040,000	393,780,000	8,260,000
5702	NNT22936	Hoàng Thị Tranh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	430,103,000	22,508,000	407,595,000	393,917,000	13,678,000
5703	NNT18227	Trần Thị Thu Hà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	606,076,000	0	606,076,000	393,977,045	212,098,955
5704	NNT13546	Nguyễn Học	Phường Hà Đông, Hà Nội	807,086,000	58,264,000	748,822,000	394,325,000	354,497,000
5705	NNT18294	Dương Thị Thu Yến	Phường Láng, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	394,330,000	105,670,000
5706	NNT13055	Nguyễn Ngọc Dũng	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	1,719,769,567	510,156,000	1,209,613,567	394,655,935	814,957,632
5707	NNT23072	Nguyễn Thị Bích Liên	P. Phương Liệt, Hà Nội	408,162,000	0	408,162,000	394,700,000	13,462,000
5708	NNT22562	Nguyễn Hoàng Long	P. Bồ Đề, Hà Nội	623,982,000	0	623,982,000	394,736,250	229,245,750
5709	NNT22935	Lê Ngọc Cường	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	820,707,000	400,000,000	420,707,000	394,799,600	25,907,400
5710	NNT21670	Đào Thúy Nga	P. Thanh Xuân, Hà Nội	428,440,000	0	428,440,000	394,800,000	33,640,000
5711	NNT22416	Vũ Thị Tươi	Xã Thanh Trì, Hà Nội	421,053,000	0	421,053,000	394,800,350	26,252,650

5712	NNT20529	Nguyễn Như Ngọc	P. Thanh Xuân, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	394,815,000	134,285,000
5713	NNT21245	Nguyễn Hồng Nga	P. Đống Đa, Hà Nội	549,913,000	0	549,913,000	394,860,000	155,053,000
5714	NNT19474	Lưu Ngọc Dung	P. Hà Đông, Hà Nội	600,000,000	150,000,000	450,000,000	395,000,000	55,000,000
5715	NNT14808	Thái Lê Vinh	P. Giảng Võ, Hà Nội	573,026,000	100,000,000	473,026,000	395,000,420	78,025,580
5716	NNT23692	Phạm Minh Hương	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	395,279,000	0	395,279,000	395,279,000	0
5717	NNT15071	Dương Thị Trang	P. Xuân Đình, Hà nội	966,635,161	407,857,161	558,778,000	395,332,000	163,446,000
5718	NNT13453	Lê Bích Phương	Xã Cổ Đô, Hà Nội	1,038,256,909	0	1,038,256,909	395,404,000	642,852,909
5719	NNT18263	Lưu Văn Tư	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	725,723,691	2,000,000	723,723,691	395,700,000	328,023,691
5720	NNT17192	Phạm Thị Thùy Dung	P. Đống Đa, Hà Nội	938,000,000	381,317,000	556,683,000	395,740,000	160,943,000
5721	NNT01703	Nguyễn Thị Lược	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,229,412,000	0	1,229,412,000	395,743,020	833,668,980
5722	NNT11849	Nguyễn Thị Đan	Xã Hương Sơn, TP Hà Nội	571,379,000	0	571,379,000	395,836,440	175,542,560
5723	NNT13814	Kiều Hải Liên	P. Phúc Lợi, Hà Nội	1,354,355,098	400,000,000	954,355,098	395,865,110	558,489,988
5724	NNT12209	Nguyễn Ngọc Linh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	2,194,103,000	1,173,590,000	1,020,513,000	396,320,035	624,192,965
5725	NNT12822	Nguyễn Tuấn Anh	P. Thanh Xuân	949,047,000	78,000,000	871,047,000	396,455,000	474,592,000
5726	NNT12140	Đỗ Thị Khuyên	P. Sơn Tây, Hà Nội	951,869,575	100,000,000	851,869,575	396,458,000	455,411,575

5727	NNT23385	Phạm Thị Thu Hà	P. Cửa Nam, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	396,466,700	3,533,300
5728	NNT23013	Ngô Thị Hậu	P. Kim Liên, Hà Nội	479,700,000	61,500,000	418,200,000	396,500,000	21,700,000
5729	NNT12730	Nguyễn Thị Thanh Hoài	P. Giảng Võ, Hà Nội	771,887,000	0	771,887,000	396,501,000	375,386,000
5730	NNT15525	Lê Thị Tý	P. Định Công, Hà Nội	711,000,000	0	711,000,000	396,578,595	314,421,405
5731	NNT13094	Đặng Thị Hạnh	Phường Láng, Hà Nội	1,131,506,000	172,652,000	958,854,000	396,717,000	562,137,000
5732	NNT23806	Lê Văn Vĩnh	P. Tây Hồ, Hà Nội	470,147,863	30,992,432	439,155,431	396,792,740	42,362,691
5733	NNT11975	Đặng Anh Tuấn	P. Hà Đông, Hà Nội	447,292,000	167,855,000	279,437,000	396,884,660	-117,447,660
5734	NNT12897	Lê Thị Thanh Hà	P. Thanh Xuân, Hà Nội	775,658,000	0	775,658,000	396,952,000	378,706,000
5735	NNT21120	Nguyễn Thu Quỳnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	426,483,000	0	426,483,000	397,250,000	29,233,000
5736	NNT24107	Nguyễn Thị Mai	P.Tây Hồ, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	397,400,000	2,600,000
5737	NNT20353	Lê Thị Lương	Xã Cổ Đô, Hà Nội	554,245,000	0	554,245,000	397,499,785	156,745,215
5738	NNT17978	Nguyễn Văn Cảnh	P. Ứng Thiên, Hà Nội	594,907,000	0	594,907,000	398,000,210	196,906,790
5739	NNT24364	Vương Đình Cường	P. Tây Hồ, Hà Nội	511,280,581	57,114,581	454,166,000	398,051,419	56,114,581
5740	NNT15362	Trần Thị Thanh Hương	P. Tây Hồ, Hà Nội	529,313,000	0	529,313,000	398,125,000	131,188,000
5741	NNT00123	Trần Thị Bích Liên	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,685,570,000	0	1,685,570,000	398,213,500	1,287,356,500

5742	NNT18962	Đỗ Thị Hiền	P. Tây Mỗ, Hà Nội	782,522,176	72,924,000	709,598,176	398,594,000	311,004,176
5743	NNT23100	Vũ Thị Hiền	Xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình	463,067,000	0	463,067,000	398,640,000	64,427,000
5744	NNT12082	Nguyễn Thị Thanh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	376,315,000	0	376,315,000	398,802,000	-22,487,000
5745	NNT15442	Đinh Xuân Chính	P. Thanh Xuân, Hà Nội	692,408,000	0	692,408,000	398,850,040	293,557,960
5746	NNT12113	Nguyễn Thu Hằng	Phường Láng, TP Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	398,856,000	101,144,000
5747	NNT14829	Tạ Thị Vân	P. Định Công, TP Hà Nội	687,988,000	60,000,000	627,988,000	398,886,450	229,101,550
5748	NNT19317	Phan Thị Tròn	P. Thanh Xuân, Hà Nội	622,303,000	75,000,000	547,303,000	399,169,000	148,134,000
5749	NNT14894	Phan Thị Ngà	P. Hồng Hà, Hà Nội	736,372,000	60,322,000	676,050,000	399,188,000	276,862,000
5750	NNT11834	Phan Thị Minh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	998,197,984	383,197,984	615,000,000	399,307,000	215,693,000
5751	NNT21506	Vũ Thị Thu Hương	P. Việt Hưng Hà Nội	515,463,000	0	515,463,000	399,408,000	116,055,000
5752	NNT15703	Vũ Thị Hương Quế	Xã Yên Trị, Phú Thọ	496,963,000	0	496,963,000	399,499,735	97,463,265
5753	NNT22465	Lê Hồng Nga	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	401,508,000	0	401,508,000	399,500,000	2,008,000
5754	NNT01618	Nguyễn Hoàng Giang	Xã Gia Lâm, Hà Nội	654,557,000	0	654,557,000	399,537,000	255,020,000
5755	NNT17203	Trần Thị Hạnh	P. Yên Hòa, Hà Nội	2,712,245,000	1,519,255,843	1,192,989,157	399,929,157	793,060,000
5756	NNT22174	Nguyễn Thị Hồng	Phường Nguyễn Úy, Tỉnh Ninh Bình	543,478,000	0	543,478,000	399,951,000	143,527,000

5757	NNT22375	Lương Thanh Châu	P. Láng, Hà Nội	690,707,491	230,707,490	460,000,001	399,968,901	60,031,100
5758	NNT23027	Nguyễn Quốc Huy	P. Láng, Hà Nội	413,571,000	0	413,571,000	399,999,580	13,571,420
5759	NNT23227	Bùi Ánh Tiệp	P. Thượng Cát, Hà Nội	408,163,000	0	408,163,000	399,999,740	8,163,260
5760	NNT23108	Nguyễn Thị Thu Hà	P. Đống Đa, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	399,999,870	12,371,130
5761	NNT23056	Phạm Hồng Vũ	P. Khương Đình, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5762	NNT23680	Nguyễn Thị Đáng	Xã Phù Đồng, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5763	NNT23468	Nguyễn Xuân Thành	P. Cửa Nam, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5764	NNT23265	Hồ Thu Thủy	P. Định Công, Hà Nội	423,280,000	0	423,280,000	400,000,000	23,280,000
5765	NNT22888	Phạm Thị Phương	P. Định Công, Hà Nội	437,158,000	0	437,158,000	400,000,000	37,158,000
5766	NNT23796	Lâm Thị Hương	Xã Quang Trung, Bắc Ninh	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5767	NNT23353	Lê Quốc Việt	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	400,000,000	12,371,000
5768	NNT22984	Dương Thị Xuân	P. Yên Hòa, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5769	NNT23412	Khuất Nguyễn	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5770	NNT24070	Đoàn Thị Hương	P. Tây Hồ, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5771	NNT22680	Nguyễn Minh Hương	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	417,390,000	0	417,390,000	400,000,000	17,390,000

5772	NNT23328	Kiều Tiến Dũng	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	410,256,000	0	410,256,000	400,000,000	10,256,000
5773	NNT23073	Hoàng Thị Mai Hương	P. Linh Nam, Hà Nội	474,928,000	31,184,000	443,744,000	400,000,000	43,744,000
5774	NNT21572	Vũ Thị Minh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	477,044,000	0	477,044,000	400,000,000	77,044,000
5775	NNT23262	Trần Thị Nga	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	400,000,000	0
5776	NNT21236	Trần Thanh Phiến	P. Ba Đình, Hà Nội	414,508,000	0	414,508,000	400,000,000	14,508,000
5777	NNT22849	Phạm Thị Thùy	P. Tương Mai, Hà Nội	414,433,000	0	414,433,000	400,000,000	14,433,000
5778	NNT22560	Phạm Thị Linh	Phường Cầu Giấy Hà Nội	417,757,000	0	417,757,000	400,000,000	17,757,000
5779	NNT22910	Phạm Quang Vỹ	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	405,200,000	0	<u>405,200,000</u>	400,000,000	<u>5,200,000</u>
5780	NNT19604	Nguyễn Thị Tráng	P.Tây Hồ, Hà Nội□	523,935,000	0	523,935,000	400,000,000	123,935,000
5781	NNT22275	Nguyễn Thị Hương Lan	P. Tây Hồ, Hà Nội	434,783,000	0	434,783,000	400,000,000	34,783,000
5782	NNT21959	Lê Thị Thúy Hồng	P. Thanh Xuân, Hà Nội	520,966,000	0	520,966,000	400,000,000	120,966,000
5783	NNT23218	Dương Thị Tú	P. Linh Nam, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	400,000,000	12,371,000
5784	NNT20677	Đỗ Thị Liên	P. Từ Liêm, Hà Nội	434,834,000	0	434,834,000	400,000,000	34,834,000
5785	NNT23403	Bùi Thị Tường	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	400,000,000	12,371,000
5786	NNT23061	Bùi Thị Kim Lan	P. Ba Đình, Hà Nội	414,141,000	0	414,141,000	400,000,000	14,141,000

5787	NNT19138	Lê Thị Định	P. Yên Nghĩa, Hà Nội	476,345,000	0	476,345,000	400,000,000	76,345,000
5788	NNT17346	Vũ Thị Thơm	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	574,994,000	0	574,994,000	400,000,060	174,993,940
5789	NNT02084	Nguyễn Thị Chiên	phường Hồng Hà, TP Hà Nội	1,702,374,000	57,332,277	1,645,041,723	400,039,000	1,245,002,723
5790	NNT23570	Tạ Thị Thu Hương	P. Cửa Nam, Hà Nội	408,206,000	0	408,206,000	400,042,000	8,164,000
5791	NNT21169	Nguyễn Thị Bảo Châu	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	427,778,000	0	427,778,000	400,275,000	27,503,000
5792	NNT17977	Phan Tiến Dũng	Xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh□	574,971,000	0	574,971,000	400,429,960	174,541,040
5793	NNT01994	Nguyễn Thị An	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,697,808,000	0	1,697,808,000	400,756,000	1,297,052,000
5794	NNT21805	Bùi Thị Độ	P. Bạch Mai, Hà Nội	611,702,000	83,684,500	<u>528,017,500</u>	401,315,500	<u>126,702,000</u>
5795	NNT16220	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Tây Tựu, Hà Nội	654,487,000	30,000,000	624,487,000	401,334,855	223,152,145
5796	NNT13091	Bùi Thanh Hương	P. Láng, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	401,340,000	598,660,000
5797	NNT12859	Nguyễn Thị Hải Bình	Xã Mai Hoa, Hà Tĩnh	890,480,000	0	890,480,000	401,455,080	489,024,920
5798	NNT23237	Trần Thị Hải Yến	P. Kiến Hưng, Hà Nội	755,771,000	277,692,000	478,079,000	401,515,402	76,563,598
5799	NNT21991	Đinh Thị Thanh Hòa	P. Ba Đình, Hà Nội	651,207,000	104,759,000	546,448,000	401,646,000	144,802,000
5800	NNT22034	Tiêu Thị Loan	P. Ngọc Hà, Hà Nội	450,000,000	45,000,000	405,000,000	401,750,000	3,250,000
5801	NNT23070	Nguyễn Thị Lê	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	452,650,000	3,171,000	449,479,000	401,781,000	47,698,000

5802	NNT20161	Nguyễn Thị Thanh Mai	P. Đống Đa, Hà Nội	606,061,000	0	606,061,000	402,000,000	204,061,000
5803	NNT21653	Thái Thị Kim Diệp	P. Đống Đa, Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	402,072,000	113,392,000
5804	NNT01961	Đỗ Văn Lập	P. Ba Đình, Hà Nội	818,347,000	0	818,347,000	402,113,000	416,234,000
5805	NNT20418	Lương Thanh Hương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	526,316,000	18,480,000	507,836,000	402,524,000	105,312,000
5806	NNT18033	Lê Vũ Thùy Linh	P. Hồng Hà, Hà Nội	481,537,000	0	481,537,000	402,634,805	78,902,195
5807	NNT23893	Phạm Sơn Tùng	P. Ái Quốc, Hải Phòng	423,947,000	0	423,947,000	402,749,650	21,197,350
5808	NNT19844	Lê Thị Tâm	Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	528,534,000	0	528,534,000	402,750,000	125,784,000
5809	NNT00492	Nguyễn Thị Chúc	Xã Đan Phượng, Hà Nội	1,050,000,000	45,000,000	1,005,000,000	402,772,000	602,228,000
5810	NNT21933	Trần Thị Thanh Nga	P. Kim Liên, Hà Nội	660,204,000	0	660,204,000	402,845,266	257,358,734
5811	NNT00125	Nguyễn Thị Kim Thông	Căn hộ 24C, Chung cư Bình Vượng, 200 Quang Trung, P. Hà Đông, Hà Nội	2,380,716,672	0	2,380,716,672	403,065,000	1,977,651,672
5812	NNT18178	Phạm Hồng Vinh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	466,372,000	0	466,372,000	403,073,000	63,299,000
5813	NNT17783	Nguyễn Hữu Chính	P. Tây Tựu, Hà Nội	500,735,000	0	500,735,000	403,309,000	97,426,000
5814	NNT01166	Đỗ Thu Thủy	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,616,668,873	0	1,616,668,873	403,569,000	1,213,099,873
5815	NNT01502	Cao Thị Bích Đào	P. Láng, Hà Nội	1,258,558,797	449,885,797	808,673,000	403,675,000	404,998,000
5816	NNT15318	Lã Thị Nhuận	P. Khương Đình, Hà Nội	799,831,000	0	799,831,000	403,774,000	396,057,000

5817	NNT18631	Chu Thị Minh Phương	P. Xuân Đình, Hà Nội	662,883,000	80,899,000	581,984,000	403,856,000	178,128,000
5818	NNT15340	Lê Thị Thanh Hải	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	696,224,000	57,065,000	639,159,000	404,070,000	235,089,000
5819	NNT17834	Phạm Đình Thọ	P. Tương Mai, Hà Nội	414,508,000	0	414,508,000	404,145,300	10,362,700
5820	NNT12114	Trần Bá Chang	Xã Nam Thụy Anh, Hưng Yên	946,876,000	0	946,876,000	404,157,000	542,719,000
5821	NNT20414	Nguyễn Chí Công	P. Bạch Mai, Hà Nội	564,297,000	0	564,297,000	404,301,520	159,995,480
5822	NNT20355	Nguyễn Thị Lan Anh	Xã Tân Thanh, Ninh Bình	523,000,000	0	523,000,000	404,313,000	118,687,000
5823	NNT19625	Nguyễn Thị Ngân	P. Kim Liên, Hà Nội	1,057,369,537	456,549,000	600,820,537	404,533,000	196,287,537
5824	NNT20121	Nguyễn Thị Tươi	Xã Trà Giang, tỉnh Hưng Yên	1,211,620,998	581,150,998	630,470,000	404,543,357	225,926,643
5825	NNT10817	Đỗ Thị Thanh Nga	Xã Thuận An, Hà Nội	9,645,502,000	5,262,688,945	4,382,813,055	404,563,000	3,978,250,055
5826	NNT18000	Phạm Thị Mỹ Liên	P. Khương Đình, Hà Nội	504,567,000	25,000,000	479,567,000	404,800,000	74,767,000
5827	NNT12245	Trần Phương Trang	P. Kim Liên	500,000,000	0	500,000,000	404,809,000	95,191,000
5828	NNT15634	Đinh Đức Nam	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,256,270,000	341,571,000	914,699,000	405,050,000	509,649,000
5829	NNT12362	Trần Thị Tri	P. Tân Bình, TP HCM	1,224,490,000	737,245,000	487,245,000	405,287,000	81,958,000
5830	NNT22669	Lê Thị Phượng	Xã Hoàng Tiến, tỉnh Thanh Hóa	474,929,000	61,800,000	413,129,000	405,420,402	7,708,598
5831	NNT19706	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	883,554,000	310,500,000	573,054,000	405,474,000	167,580,000

5832	NNT14096	Bùi Thị Hương Giang	Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	1,131,564,000	345,000,000	786,564,000	405,641,295	380,922,705
5833	NNT00085	Đỗ Thị Vân	P. Kim Liên, Hà Nội	1,165,155,575	493,729,368	671,426,207	405,644,000	265,782,207
5834	NNT01017	Nguyễn Thị Hợp	Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	2,876,390,311	296,444,000	2,579,946,311	405,817,000	2,174,129,311
5835	NNT23961	Vũ Ngọc Sinh	P. Tây Tựu, Hà Nội	442,157,821	23,347,821	418,810,000	406,246,000	12,564,000
5836	NNT17877	Nguyễn Huyền Nga	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	940,911,000	0	940,911,000	406,300,000	534,611,000
5837	NNT12177	Đỗ Thị Hường	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	837,212,000	187,750,000	649,462,000	406,332,154	243,129,846
5838	NNT15199	Trần Thị Hương	P. Phú Lương, Hà Nội	822,320,000	0	822,320,000	406,580,000	415,740,000
5839	NNT12297	Vũ Thị Thảo	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,099,108,000	85,757,000	1,013,351,000	406,665,470	606,685,530
5840	NNT13155	Nguyễn Trung Kiên	P. Long Xuyên, tỉnh An Giang	821,602,000	0	821,602,000	406,792,000	414,810,000
5841	NNT13216	Đặng Thị Duyên	Xã Hùng Châu, Nghệ An	634,225,000	0	634,225,000	406,846,050	227,378,950
5842	NNT11706	Lê Thị Hiền	P. Phú Thượng, Hà Nội	888,530,611	438,530,611	450,000,000	407,049,633	42,950,367
5843	NNT17112	Nguyễn Thị Oanh	P. Lào Cai, Lào Cai	592,784,000	0	592,784,000	407,100,000	185,684,000
5844	NNT21176	Vũ Hồng Mến	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	407,216,000	121,884,000
5845	NNT20315	Bế Quỳnh Trang	P. Khương Đình, Hà Nội	527,375,000	0	527,375,000	407,254,000	120,121,000
5846	NNT16360	Nguyễn Thị Kim Chi	Xã Hoài Đức, Hà Nội	522,940,000	0	522,940,000	407,270,690	115,669,310

5847	NNT16026	Nguyễn Thị Thủy	Xã An Thành, TP Hải Phòng	577,074,000	0	577,074,000	407,450,000	169,624,000
5848	NNT00093	Ngô Thị Thúy Hà	P. Xuân Đình, TP Hà Nội	1,768,496,000	0	1,768,496,000	408,032,000	1,360,464,000
5849	NNT11663	Nguyễn Thị Hằng	P. Đông Ngạc, TP Hà Nội	1,000,000,000	239,446,000	760,554,000	408,408,000	352,146,000
5850	NNT14528	Nguyễn Văn Nam	Xã Quảng Oai, Hà Nội	497,298,000	15,687,000	481,611,000	408,442,000	73,169,000
5851	NNT17618	Trần Anh Thái	P. Giảng Võ, Hà Nội	608,465,000	0	608,465,000	408,500,000	199,965,000
5852	NNT14136	Hoàng Thị Hương Giang	P. Đông Ngạc, Hà Nội	696,200,000	60,000,000	636,200,000	408,777,000	227,423,000
5853	NNT00601	Nguyễn Thị Ngọc	P. Đồng Đa, Hà Nội	3,002,200,000	0	3,002,200,000	408,957,000	2,593,243,000
5854	NNT18210	Park Hyun Mi	P. Phú Diễn, Hà Nội	503,348,000	0	503,348,000	409,000,000	94,348,000
5855	NNT12591	Lê Thị Nga	Xã Cổ Đô, Hà Nội	819,583,000	0	819,583,000	409,250,000	410,333,000
5856	NNT01825	Nguyễn Thị Hồng Quyên	P. Phương Liệt, Hà Nội	3,553,160,068	1,237,500,000	2,315,660,068	409,399,775	1,906,260,293
5857	NNT17527	Đoàn Thị Dung	P. Trà Lý, Hưng Yên	524,157,000	51,746,000	472,411,000	409,772,404	62,638,596
5858	NNT01631	Trần Đức Lân	P. Hà Đông, Hà Nội	2,306,362,000	0	<u>2,306,362,000</u>	409,965,000	<u>1,896,397,000</u>
5859	NNT23663	Nguyễn Thị Bích Hà	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	730,209,595	157,652,391	572,557,204	409,999,320	162,557,884
5860	NNT01179	Trần Thị Hồng	P. Khương Đình, Hà Nội	1,568,557,837	466,748,918	1,101,808,919	410,537,000	691,271,919
5861	NNT22141	Khuất Minh Tâm	P. Hà Đông, Hà Nội	668,064,899	0	668,064,899	410,799,000	257,265,899

5862	NNT14377	Nguyễn Thu Hằng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,286,701,000	605,212,000	681,489,000	410,842,000	270,647,000
5863	NNT14568	Nguyễn Thị Kim Thanh	P. Giảng Võ, Hà Nội	660,656,000	518,000	660,138,000	411,050,000	249,088,000
5864	NNT13543	Nguyễn Thị Hương	P. Chương Mỹ, Hà Nội	692,929,000	0	692,929,000	411,056,000	281,873,000
5865	NNT19650	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	612,500,000	0	612,500,000	411,527,000	200,973,000
5866	NNT21764	Nguyễn Thị Hương Giang	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình	500,000,000	0	500,000,000	411,981,000	88,019,000
5867	NNT19299	Tô Hữu Thành	P. Khương Đình, Hà Nội	483,870,000	0	483,870,000	412,516,880	71,353,120
5868	NNT23269	Tạ Thị Hiền	Xã Yên Lãng, Hà Nội	420,000,000	0	420,000,000	412,580,000	7,420,000
5869	NNT21141	Nguyễn Thị Phúc	P. Láng, Hà Nội	550,000,000	22,500,000	527,500,000	413,500,000	114,000,000
5870	NNT14877	Phùng Xuân Đức	Xã Gia Lâm, Hà Nội	743,169,000	0	743,169,000	413,844,000	329,325,000
5871	NNT21476	Vũ Thị Bích Thuận	P. Khương Đình, Hà Nội	532,088,000	0	532,088,000	415,000,000	117,088,000
5872	NNT15154	Nguyễn Danh Sáo	P. Đống Đa, Hà Nội	815,000,000	0	815,000,000	415,761,000	399,239,000
5873	NNT23151	Nguyễn Văn Khánh	P. Tây Hồ, Hà Nội	584,108,322	84,108,322	500,000,000	415,891,678	84,108,322
5874	NNT14596	Nguyễn Công Đường	P. Thành Vinh, Nghệ An	777,010,000	0	777,010,000	416,793,000	360,217,000
5875	NNT18799	Nguyễn Thùy Dung	P. Đại Mỗ, Hà Nội	618,556,000	0	618,556,000	416,920,000	201,636,000
5876	NNT22934	Đinh Thị Ngọc Ánh	Xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng	527,868,000	49,180,000	478,688,000	416,951,000	61,737,000

5877	NNT18011	Nguyễn Thị Chang	Xã Bình Sơn, Tỉnh Ninh Bình	536,941,000	0	536,941,000	417,080,000	119,861,000
5878	NNT11538	Lê Thế Vũ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	732,438,000	0	732,438,000	417,245,000	315,193,000
5879	NNT13718	Nguyễn Thị Nhung	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	417,349,000	182,651,000
5880	NNT17989	Nguyễn Thị Hà	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	834,873,000	22,500,000	812,373,000	417,871,000	394,502,000
5881	NNT14575	Nguyễn Văn Lăng	Thôn Cam 2, Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,738,438,935	799,499,000	938,939,935	417,924,000	521,015,935
5882	NNT14988	Phạm Hồng Nhi	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	613,145,000	0	613,145,000	418,000,000	195,145,000
5883	NNT22380	Lê Thị Anh	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	1,223,280,000	72,000,000	1,151,280,000	418,291,000	732,989,000
5884	NNT14081	Đinh Thị Tố Nga	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	868,000,000	1,917,000	866,083,000	418,446,000	447,637,000
5885	NNT13365	Nguyễn Phương Dung	P. Đồng Đa, Hà Nội	1,215,222,000	500,000,000	715,222,000	418,498,000	296,724,000
5886	NNT16646	Nguyễn Thị Thoan	P. Giảng Võ, Hà Nội	801,319,778	130,708,889	670,610,889	419,260,000	251,350,889
5887	NNT17104	Dương Thị Mỹ Ngọc	P. Hồng Hà, Hà Nội	515,145,000	0	515,145,000	419,942,735	95,202,265
5888	NNT23155	Phạm Trung Cường	P. Tương Mai, Hà Nội	500,000,000	80,000,000	420,000,000	420,000,000	0
5889	NNT22843	Nguyễn Thị Xuân	Xã An Khánh, Hà Nội	546,000,000	126,000,000	420,000,000	420,000,000	0
5890	NNT21868	Nguyễn Quốc Chí	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	911,737,890	466,349,890	445,388,000	420,000,000	25,388,000
5891	NNT00969	Phan Huyền Trang	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	3,271,684,000	251,483,000	3,020,201,000	420,131,000	2,600,070,000

5892	NNT18243	Ngô Thị Phương Lan	P. Kim Liên, Hà Nội	541,933,000	0	541,933,000	420,146,375	121,786,625
5893	NNT14151	Vũ Xuân Ái	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	610,416,000	10,000,000	<u>600,416,000</u>	420,223,080	<u>180,192,920</u>
5894	NNT21475	Trần Thị Hoàn	P. Hà Đông, Hà Nội	515,372,603	15,372,603	500,000,000	420,564,000	79,436,000
5895	NNT19863	Đỗ Phú Phương	P. Hoàng Mai Hà Nội	1,075,258,642	159,708,820	915,549,822	420,612,600	494,937,222
5896	NNT00510	Phạm Văn Dịch	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,632,366,354	812,604,354	819,762,000	420,690,500	399,071,500
5897	NNT19993	Nguyễn Thị Quý	P. Ba Đình, Hà Nội	2,700,000,000	349,686,000	2,350,314,000	420,801,000	1,929,513,000
5898	NNT22031	Nguyễn Anh Thư	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	522,746,000	77,000,000	445,746,000	421,500,000	24,246,000
5899	NNT18634	Nguyễn Văn Tĩnh	Xã Nghĩa Dân, Tĩnh Hưng Yên	552,500,000	0	552,500,000	421,610,000	130,890,000
5900	NNT13744	Nguyễn Thị Vinh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,041,798,000	0	1,041,798,000	421,780,750	620,017,250
5901	NNT20709	Đào Tố Cẩm	Phường Yên Hòa, Hà Nội	564,641,000	0	564,641,000	421,875,000	142,766,000
5902	NNT17172	Bùi Thu Hiền	phường Hà Đông, Hà Nội	535,233,161	0	535,233,161	421,980,500	113,252,661
5903	NNT24043	Nguyễn Gia Nghiêm	P. Khương Đình, Hà Nội	435,188,000	8,197,000	426,991,000	422,346,000	4,645,000
5904	NNT01947	Hoàng Thị Thành	Xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	386,197,000	0	386,197,000	422,367,000	-36,170,000
5905	NNT22682	Công Bích Chi	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000,000	75,000,000	425,000,000	422,500,000	2,500,000
5906	NNT20488	Vương Thu Trang	P. Tương Mai, Hà Nội	632,152,000	0	632,152,000	422,594,000	209,558,000

5907	NNT18663	Phạm Xuân Đài	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	505,208,000	30,000,000	475,208,000	422,704,680	52,503,320
5908	NNT13382	Đỗ Thị Thu Hiền	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	730,159,000	6,936,000	723,223,000	423,723,000	299,500,000
5909	NNT13641	Nguyễn Thu Thảo	P. Bạch Mai, Hà Nội	601,705,000	0	601,705,000	423,828,137	177,876,863
5910	NNT17790	Phạm Thị Thu Huyền	P. Đống Đa, Hà Nội	824,742,000	0	824,742,000	424,116,000	400,626,000
5911	NNT16907	Phạm Thị Lan	phường Đống Đa, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	424,500,342	125,499,658
5912	NNT16923	Bùi Thị Kim Anh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	929,356,000	47,619,000	881,737,000	424,782,000	456,955,000
5913	NNT11600	Lê Thị Phương	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	657,783,000	0	657,783,000	424,951,000	232,832,000
5914	NNT20929	Lê Văn Ninh	P. Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên	529,100,000	0	529,100,000	425,000,000	104,100,000
5915	NNT23296	Nguyễn Đức Thành	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	475,241,314	10,000,000	465,241,314	425,237,943	40,003,371
5916	NNT13297	Phạm Thị Mai Dung	P. Phú Diễn, Hà Nội	615,820,000	0	615,820,000	425,955,000	189,865,000
5917	NNT21822	Dương Việt Anh	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	600,000,000	90,000,000	510,000,000	426,000,000	84,000,000
5918	NNT13307	Ngô Thị Ngọc Anh	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,266,124,000	12,400,000	1,253,724,000	426,342,000	827,382,000
5919	NNT12032	Trần Thanh Huyền	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,047,320,197	383,605,897	663,714,300	426,930,000	236,784,300
5920	NNT11863	Đoàn Thị Minh Hương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	918,830,000	107,527,000	811,303,000	427,078,125	384,224,875
5921	NNT11386	Trần Kim Thanh	P. Kim Liên, Hà Nội	1,258,832,000	0	1,258,832,000	427,483,000	831,349,000

5922	NNT11399	Nguyễn Thị Ánh	P. Kim Liên, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	427,695,000	372,305,000
5923	NNT14250	Nguyễn Thị Minh Châm	P. Tương Mai, Hà Nội	1,114,193,000	0	1,114,193,000	427,749,660	686,443,340
5924	NNT00959	Nguyễn Thị Huế	P. Chương Mỹ, Hà Nội	725,962,000	0	725,962,000	427,754,620	298,207,380
5925	NNT20600	Phạm Thị Ngọc	P. Tương Mai, Hà Nội	570,000,000	0	570,000,000	427,800,000	142,200,000
5926	NNT11084	Phùng Thị Thạch Bích	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,055,250,774	0	2,055,250,774	428,119,000	1,627,131,774
5927	NNT20963	Vũ Thị Minh Hải	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	518,334,000	0	518,334,000	428,150,000	90,184,000
5928	NNT12619	Bùi Lan Anh	phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	949,754,000	0	949,754,000	428,394,000	521,360,000
5929	NNT21954	Trần Duy Minh	P. Ba Đình, Hà Nội	514,382,000	0	514,382,000	428,487,496	85,894,504
5930	NNT18910	Nguyễn Bá Liên	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	593,734,000	56,452,000	537,282,000	428,876,100	108,405,900
5931	NNT22485	Nguyễn Đình Đỗ	P. Phú Diễn, Hà Nội	546,267,839	59,188,839	487,079,000	429,140,000	57,939,000
5932	NNT00992	Nguyễn Thị Tân	Xã Quảng Yên, Thanh Hóa	1,126,608,000	170,992,000	955,616,000	429,744,075	525,871,925
5933	NNT13361	Chu Thị Xuyên	P. Ngọc Hà, Hà Nội	855,948,000	0	855,948,000	429,974,000	425,974,000
5934	NNT21937	Tạ Đăng Quang	P. Cầu Giấy, Hà Nội	448,649,000	0	448,649,000	430,000,000	18,649,000
5935	NNT23462	Đoàn Thị Hồng	P. Tây Hồ, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	430,250,000	19,750,000
5936	NNT00683	Phan Văn Mạnh	Xã Tây Phương, Hà Nội	1,978,905,000	0	1,978,905,000	430,543,000	1,548,362,000

5937	NNT14748	Phạm Thị Bích Ngọc	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	669,688,000	0	669,688,000	430,756,000	238,932,000
5938	NNT20635	Vũ Thị Quyên	P. Ngọc Hà, Hà Nội	600,000,000	133,000,000	467,000,000	431,000,000	36,000,000
5939	NNT18336	Hà Thị Tuyết	Xã Tân Đình, tỉnh Bắc Ninh	556,750,000	0	556,750,000	431,033,670	125,716,330
5940	NNT12167	Nguyễn Thị Châm	P. Sài Gòn, TP HCM	1,020,000,000	27,000,000	993,000,000	431,319,000	561,681,000
5941	NNT15743	Khuất Thị Hường	P. Tương Mai, Hà Nội	643,442,000	0	643,442,000	431,702,000	211,740,000
5942	NNT13824	Đặng Ngọc Hùng	P. Kim Liên, Hà Nội	854,974,000	0	854,974,000	431,753,000	423,221,000
5943	NNT15892	Phương Thị Thúy Vân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	687,412,000	135,000,000	552,412,000	432,536,000	119,876,000
5944	NNT19147	Lê Đăng Thành	P. Định Công, Hà Nội	605,820,000	83,427,000	522,393,000	432,555,000	89,838,000
5945	NNT12257	Nguyễn Thị Đur	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,488,060,678	776,673,450	711,387,228	433,005,180	278,382,048
5946	NNT17181	Lê Đình Nam	Xã Đại Thanh, Hà Nội	734,681,000	0	734,681,000	433,179,000	301,502,000
5947	NNT01637	Nguyễn Thị Thu Lan	P. Khương Đình, Hà Nội	1,676,845,000	0	1,676,845,000	433,302,000	1,243,543,000
5948	NNT19694	Nghiêm Thị Hồng Nhạn	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	577,124,000	40,050,000	537,074,000	433,960,000	103,114,000
5949	NNT13040	Bùi Thị Nương	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	800,000,000	40,000,000	760,000,000	434,339,000	325,661,000
5950	NNT14050	Phạm Quốc Huy	Phường Láng, TP Hà Nội	719,869,000	0	719,869,000	434,340,000	285,529,000
5951	NNT16509	Dương Thị Nhân	P. Xuân Đình, Hà Nội	598,958,000	0	598,958,000	434,513,000	164,445,000

5952	NNT21201	Lê Thị Minh Hải	P. Thành Sen, Hà Tĩnh	1,000,000,000	510,000,000	490,000,000	435,000,000	55,000,000
5953	NNT11010	Đoàn Thị Minh Châu	P. Khương Đình, Hà Nội	2,139,293,143	341,518,572	1,797,774,571	435,100,000	1,362,674,571
5954	NNT16680	Nguyễn Duy Khương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	986,100,000	110,000,000	876,100,000	435,335,000	440,765,000
5955	NNT13833	Nguyễn Thị Lan	P. Hà Giang , Tuyên Quang	811,792,000	0	811,792,000	435,550,000	376,242,000
5956	NNT02211	Nguyễn Thị Thường	phường Kim Liên, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	435,584,560	595,343,440
5957	NNT11026	Nguyễn Văn Nam	Xã Trần Thương, Tỉnh Ninh Bình	796,374,000	0	796,374,000	435,748,930	360,625,070
5958	NNT11825	Nguyễn Tùng Dương	Xã Cổ Đô, Hà Nội	1,290,921,544	0	1,290,921,544	435,875,000	855,046,544
5959	NNT16439	Trần Thị Mai	P. Long Biên, Hà Nội	580,000,000	0	580,000,000	436,144,000	143,856,000
5960	NNT14541	Nguyễn Kim Chi	P. Kim Liên, Hà Nội	669,629,000	0	669,629,000	436,501,000	233,128,000
5961	NNT11973	Nguyễn Văn Khanh	Xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình	940,566,000	5,000,000	935,566,000	436,844,000	498,722,000
5962	NNT23321	Nguyễn Thanh Vân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	500,000,000	47,500,000	452,500,000	437,500,000	15,000,000
5963	NNT13818	Đường Thu Ngọc	Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ	485,699,000	0	485,699,000	437,514,535	48,184,465
5964	NNT20176	Trần Nguyễn Hải Ninh	Phường Yên Hòa Hà Nội	505,561,000	0	505,561,000	437,531,000	68,030,000
5965	NNT17185	Nguyễn Cao Lộc	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	710,626,000	0	710,626,000	437,807,876	272,818,124
5966	NNT21994	Doãn Văn Hùng	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	526,316,000	0	526,316,000	438,162,000	88,154,000

5967	NNT14342	Nguyễn Thị Ánh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,747,294,514	721,693,000	1,025,601,514	438,199,000	587,402,514
5968	NNT16418	Lê Thị Toàn	Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	673,884,000	0	673,884,000	438,484,000	235,400,000
5969	NNT22969	Đỗ Quang Thái	P. Hồng Hà, Hà Nội	500,000,000	56,250,000	443,750,000	438,550,000	5,200,000
5970	NNT11731	Lê Quốc Minh	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,404,023,000	0	1,404,023,000	438,922,000	965,101,000
5971	NNT19446	Nguyễn Trí Tốt	P. Hà Đông, Hà Nội	563,195,000	81,582,000	481,613,000	438,999,708	42,613,292
5972	NNT10830	Tô Thị Kim Yến	P. Long Biên, Hà Nội	1,038,292,000	0	1,038,292,000	439,445,000	598,847,000
5973	NNT11845	Nguyễn Thị Viên	P. Ngọc Hà, Hà Nội	219,999,000	-884,331,761	1,104,330,761	439,633,000	664,697,761
5974	NNT11202	Nguyễn Thạc Đình	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,337,796,521	233,465,760	1,104,330,761	439,633,000	664,697,761
5975	NNT13535	Nguyễn Văn Thảo	P. Vĩnh Tuy, TP Hà Nội	1,203,122,000	251,947,000	951,175,000	439,670,644	511,504,356
5976	NNT22722	Dương Thị Thanh Xuân	Phường Ba Đình, Hà Nội	476,020,000	10,800,000	465,220,000	439,874,600	25,345,400
5977	NNT15182	Trần Thị Kim Thoa	Phường Láng, Hà Nội	953,137,000	202,850,000	750,287,000	439,995,634	310,291,366
5978	NNT22397	Nguyễn Thị Thủy	P. Tương Mai, Hà Nội	534,759,000	60,000,000	474,759,000	439,999,665	34,759,335
5979	NNT00196	Nguyễn Thị Hiền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,652,083,000	56,500,000	<u>1,595,583,000</u>	440,673,000	<u>1,154,910,000</u>
5980	NNT18653	Phùng Thị Hương	P. Đông Ngạc, Hà Nội	752,500,000	0	752,500,000	440,720,950	311,779,050
5981	NNT23986	Nguyễn Thị Bích Liên	P. Xuân Đình, Hà Nội	460,526,000	0	460,526,000	441,350,000	19,176,000

5982	NNT23305	Lương Xuân Chiến	Phường Gia Viên, Hải Phòng	459,184,000	0	459,184,000	442,050,000	17,134,000
5983	NNT22356	Nguyễn Thị Thân	Xã Hoài Đức, Hà Nội	481,283,000	0	481,283,000	442,393,190	38,889,810
5984	NNT22313	Lê Nguyệt Minh	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	492,254,000	25,000,000	467,254,000	442,400,000	24,854,000
5985	NNT18089	Hoàng Thị Đức Khánh	Xã Gia Phong, tỉnh Ninh Bình	929,897,000	282,835,000	647,062,000	442,700,000	204,362,000
5986	NNT15819	Đỗ Ngọ	Phường Hà Đông, Hà Nội	756,577,000	0	756,577,000	443,376,000	313,201,000
5987	NNT15128	Trần Thị Sinh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,580,000,000	40,360,000	1,539,640,000	443,498,000	1,096,142,000
5988	NNT22983	Nguyễn Thị Thùy Linh	P. Láng, Hà Nội	535,345,480	85,345,480	450,000,000	443,650,000	6,350,000
5989	NNT12696	Chu Minh Đức	P. Tây Hồ, Hà Nội	578,251,000	0	578,251,000	443,784,000	134,467,000
5990	NNT19958	Nguyễn Thị Liên	Xã Quảng Bị, Hà Nội	540,074,000	0	540,074,000	443,794,000	96,280,000
5991	NNT22589	Nguyễn Thị Ngân	P. Kim Liên, Hà Nội	806,428,000	345,000,000	461,428,000	443,951,000	17,477,000
5992	NNT01203	Lê Kim Nguyệt	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,016,954,705	114,528,705	902,426,000	444,150,110	458,275,890
5993	NNT21785	Nguyễn Thị Kim Yến	P. Xuân Đình, Hà Nội	677,083,000	0	677,083,000	444,671,000	232,412,000
5994	NNT23106	Vũ Thị Hồng	Phường Định Công, Hà Nội	463,918,000	0	463,918,000	444,800,000	19,118,000
5995	NNT21199	Nguyễn Gia Long	P. Tây Hồ, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	444,863,000	105,137,000
5996	NNT19775	Phí Thành Công	P. Xuân Phương, Hà Nội	699,898,445	0	699,898,445	445,000,000	254,898,445

5997	NNT18720	Hoàng Thị Kim Ngân	P. Xuân Đình, Hà Nội	1,474,065,320	348,170,161	1,125,895,159	445,568,839	680,326,320
5998	NNT17449	Hoàng Thị Thu Huyền	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	850,895,000	0	850,895,000	445,736,000	405,159,000
5999	NNT21385	Phạm Thị Kim Oanh	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	575,000,000	0	575,000,000	446,244,000	128,756,000
6000	NNT17586	Nguyễn Văn Quang	P. Khương Đình, Hà Nội	652,718,000	8,480,000	644,238,000	446,403,903	197,834,097
6001	NNT19738	Vũ Thị Minh Thục	P. Kim Liên, Hà Nội	3,685,000,000	1,580,000,000	2,105,000,000	446,605,684	1,658,394,316
6002	NNT22058	Phạm Thu Cúc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	446,984,000	103,016,000
6003	NNT16194	Hoàng Thị Phương	P. Ái Quốc, Hải Phòng	716,233,000	170,000,000	546,233,000	446,984,035	99,248,965
6004	NNT21184	Lê Tự Đệ	Xã Ứng Hoà, Hà Nội	520,833,000	53,000,000	467,833,000	447,000,000	20,833,000
6005	NNT01913	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Phường Phương Liệt, Hà Nội	963,770,586	310,321,586	653,449,000	447,290,000	206,159,000
6006	NNT23799	Lê Xuân Mẽ	P. Yên Hòa, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	447,350,000	2,650,000
6007	NNT22825	Vũ Thị Hồng	Xã Đan Phượng, Hà Nội	638,287,671	138,287,671	500,000,000	447,500,000	52,500,000
6008	NNT14947	Nguyễn Thị Thu	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,120,856,000	400,000,000	720,856,000	447,725,540	273,130,460
6009	NNT00432	Nguyễn Văn Ban	P. Láng, Hà Nội	690,531,000	20,000,000	670,531,000	447,790,680	222,740,320
6010	NNT17672	Trần Thanh Tùng	Xã Bát Tràng, Hà Nội	612,371,000	0	612,371,000	447,900,000	164,471,000
6011	NNT01471	Đinh Thị Nhu	phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,176,765,000	127,800,000	1,048,965,000	447,975,000	600,990,000

6012	NNT23485	Vũ Thị Huệ	Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	450,000,000	0	450,000,000	448,000,000	2,000,000
6013	NNT19839	Tô Văn Nhất	P. Tân Phong, tỉnh Lai Châu	584,455,000	0	584,455,000	448,223,845	136,231,155
6014	NNT12596	Đỗ Thị Minh Tâm	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,200,000,000	900,000,000	1,300,000,000	448,225,000	851,775,000
6015	NNT20010	Nguyễn Kim Ngân	P. Chương Mỹ, Hà Nội	602,590,000	0	602,590,000	448,271,000	154,319,000
6016	NNT19782	Lê Thị Hương Lý	Xã Vân Đình, Hà Nội	570,342,000	0	570,342,000	448,425,000	121,917,000
6017	NNT02133	Phạm Thị Phương	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,106,895,284	0	1,106,895,284	448,899,992	657,995,292
6018	NNT23071	Nguyễn Ngọc Anh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	454,082,000	0	454,082,000	449,000,000	5,082,000
6019	NNT22847	Lưu Quỳnh Hoa	Phường Láng, Hà Nội	452,020,000	0	452,020,000	449,000,000	3,020,000
6020	NNT20833	Phạm Ngọc Kết	P. Kim Liên, Hà Nội	1,041,330,000	408,021,000	633,309,000	449,234,000	184,075,000
6021	NNT16695	Lại Hồng Phương	P. Kim Liên, Hà Nội	770,831,000	0	770,831,000	449,350,000	321,481,000
6022	NNT22045	Lê Thị Ngân	P. Cầu Giấy, Hà Nội	506,756,000	0	506,756,000	449,500,180	57,255,820
6023	NNT12492	Nguyễn Minh Duệ	Phường Yên Hòa, Hà Nội	2,346,392,000	0	2,346,392,000	449,738,190	1,896,653,810
6024	NNT24275	Nguyễn Thị Dung	P. Giảng Võ, Hà Nội	463,715,000	0	463,715,000	449,804,000	13,911,000
6025	NNT23122	Nguyễn Thị Thu Hà	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	463,917,000	0	463,917,000	449,999,070	13,917,930
6026	NNT19377	Nguyễn Thị Huệ	P. Ngọc Hà, Hà Nội	546,305,000	0	546,305,000	449,999,170	96,305,830

6027	NNT20028	Nguyễn Hồng Nhung	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	534,759,000	50,000,000	484,759,000	450,000,000	34,759,000
6028	NNT20245	Phạm Thành Công	P. Bồ Đề, Hà Nội	601,056,000	76,550,000	524,506,000	450,000,000	74,506,000
6029	NNT18736	Phan Thị Ngọc	P. Khương Đình, Hà Nội	629,635,000	0	629,635,000	450,000,000	179,635,000
6030	NNT22409	Lê Thị Giang	Xã Đông Anh, Hà Nội	482,698,000	0	482,698,000	450,000,000	32,698,000
6031	NNT21359	Vũ Thị Thúy Hằng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	473,697,000	0	473,697,000	450,000,000	23,697,000
6032	NNT23425	Nguyễn Văn Tâm	Xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh	450,000,000	0	450,000,000	450,000,000	0
6033	NNT14481	Nguyễn Lệ Thủy	P. Thanh Xuân, Hà Nội	564,046,000	0	564,046,000	450,000,000	114,046,000
6034	NNT20937	Lê Khánh Duy	P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	529,100,000	0	529,100,000	450,000,000	79,100,000
6035	NNT22456	Dương Thị Bốn	Xã Ý Yên, Tỉnh Ninh Bình	450,000,000	0	450,000,000	450,000,000	0
6036	NNT23640	Đồng Thị Hường	Phường Phú Thượng, Hà Nội	500,000,000	42,500,000	457,500,000	450,000,000	7,500,000
6037	NNT13526	Nguyễn Thị Ngọc Hà	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,590,460,093	830,460,093	760,000,000	450,263,000	309,737,000
6038	NNT14591	Nguyễn Thị Hưng	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	636,780,000	0	636,780,000	450,500,000	186,280,000
6039	NNT22359	Nguyễn Thị Lan Anh	Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	522,165,000	0	522,165,000	450,525,000	71,640,000
6040	NNT14338	Vũ Thanh Hằng	P. Kim Liên, Hà Nội	1,779,648,000	246,354,000	1,533,294,000	450,803,661	1,082,490,339
6041	NNT02075	Dương Văn Thiết	Xã Bát Bạt, Hà Nội	760,209,000	0	760,209,000	450,817,000	309,392,000

6042	NNT20919	Nguyễn Thị Hằng	P. Đống Đa, Hà Nội	656,361,000	116,000,000	540,361,000	451,000,000	89,361,000
6043	NNT21818	Nguyễn Huy Toàn	P. Ba Đình, Hà Nội	520,772,000	34,194,000	486,578,000	451,427,000	35,151,000
6044	NNT16578	Trần Thị Tuyết Hạnh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	777,883,000	0	777,883,000	451,992,775	325,890,225
6045	NNT21919	Hoàng Quốc Chính	P. Bạch Mai, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	452,000,000	48,000,000
6046	NNT18886	Nguyễn Thị Minh Hồng	Phường Đống Đa, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	452,500,000	47,500,000
6047	NNT00776	Nguyễn Thị Quyên	P. Thanh Xuân, Hà Nội	3,435,463,000	21,000,000	3,414,463,000	452,651,725	2,961,811,275
6048	NNT12714	Nguyễn Thị Huyền	P. Giảng Võ, Hà Nội	633,994,000	0	633,994,000	452,810,000	181,184,000
6049	NNT19925	Nguyễn Đức Yên	P. Việt Hưng, Hà Nội	723,797,000	104,167,000	619,630,000	453,160,000	166,470,000
6050	NNT22931	Lê Thị Thanh Hương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	500,000,000	41,500,000	458,500,000	453,200,000	5,300,000
6051	NNT11135	Đào Thị Kim Thanh	P. Hà Đông, Hà Nội	2,401,636,000	0	2,401,636,000	453,236,040	1,948,399,960
6052	NNT21734	Nguyễn Thị Minh	P. Hồng Hà, Hà Nội	516,086,000	0	516,086,000	453,661,000	62,425,000
6053	NNT14015	Nguyễn Thị Thục Oanh	P. Giảng Võ, TP Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	454,245,000	545,755,000
6054	NNT19112	Bùi Thị Lan Hương	P. Hải Dương, TP Hải Phòng	1,145,491,000	375,709,000	769,782,000	454,913,325	314,868,675
6055	NNT00436	Lê Thị Hát	P. Đống Đa, Hà Nội	1,276,311,494	195,631,747	1,080,679,747	455,200,305	625,479,442
6056	NNT12680	Thân Thị Vân	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,289,696,718	434,864,718	854,832,000	455,274,705	399,557,295

6057	NNT20711	Hoàng Thị Huyền	Xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	500,000,000	0	500,000,000	455,320,000	44,680,000
6058	NNT13532	Nông Thị Thu	Phường Quyết Thắng, Tỉnh Thái Nguyên	1,485,268,000	556,989,000	928,279,000	455,500,000	472,779,000
6059	NNT17150	Mai Thu Cúc	P. Kim Liên, Hà Nội	850,000,000	0	850,000,000	455,601,371	394,398,629
6060	NNT00930	Dư Đình Viên	phường Đông Ngạc, Hà Nội	2,861,945,000	0	2,861,945,000	455,825,200	2,406,119,800
6061	NNT01552	Phạm Thị Hoa	P. Ba Đình, Hà Nội	3,389,991,000	0	3,389,991,000	455,971,585	2,934,019,415
6062	NNT13572	Lê Thị Hằng	Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	963,779,000	11,100,000	952,679,000	456,060,000	496,619,000
6063	NNT11651	Nguyễn Ngọc Phong	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,556,638,000	400,000,000	1,156,638,000	456,924,000	699,714,000
6064	NNT23099	Nguyễn Phú Dũng	P. Ngọc Hà, Hà Nội	627,150,685	127,150,685	500,000,000	457,500,000	42,500,000
6065	NNT20752	Lê Mạnh Hùng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	457,500,000	42,500,000
6066	NNT14429	Bùi Thị Hồng	Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	1,008,272,000	47,000,000	961,272,000	457,539,000	503,733,000
6067	NNT19966	Nguyễn Văn Mức	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	671,140,000	0	671,140,000	458,593,000	212,547,000
6068	NNT15877	Hà Thái Dương	P. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	887,158,000	0	887,158,000	458,643,000	428,515,000
6069	NNT19445	Triệu Thị Ngọc Phượng	P. Khương Đình, Hà Nội	562,298,000	0	562,298,000	458,659,135	103,638,865
6070	NNT17839	Nguyễn Thị Thiên Nga	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,892,922,000	610,875,000	1,282,047,000	458,974,000	823,073,000
6071	NNT17399	Triệu Thị Nga	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	586,205,000	20,000,000	566,205,000	459,633,000	106,572,000

6072	NNT21843	Dương Thị Hải Hà	P. Hoàng Mai, Hà Nội	641,711,000	96,978,000	544,733,000	460,283,000	84,450,000
6073	NNT12458	Lê Minh Ngọc	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,079,401,000	0	1,079,401,000	460,542,990	618,858,010
6074	NNT16519	Tô Thị Kim Phụng	P. Kim Liên, Hà Nội	1,069,244,000	272,500,000	796,744,000	460,550,000	336,194,000
6075	NNT02007	Tô Hồng Hải	P. Hồng Bàng, Hải Phòng	2,050,323,000	0	2,050,323,000	460,899,650	1,589,423,350
6076	NNT15444	Nguyễn Thị Thu Huyền	P. Phương Liệt, Hà Nội	906,216,000	135,932,000	770,284,000	461,094,925	309,189,075
6077	NNT23503	Nguyễn Ánh Dương	P. Từ Liêm, Hà Nội	500,000,000	37,500,000	462,500,000	461,500,000	1,000,000
6078	NNT16298	Đỗ Xuân Thủy	P. Ninh Xá, Bắc Ninh	650,000,000	0	650,000,000	461,500,000	188,500,000
6079	NNT01053	Lò Thị Thoa	Xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	1,725,838,000	222,303,000	1,503,535,000	461,546,880	1,041,988,120
6080	NNT01201	Vũ Thị Trang	P. Yên Nghĩa, Hà Nội	1,098,532,500	98,532,500	1,000,000,000	461,557,002	538,442,998
6081	NNT18554	Nguyễn Thị Huế	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	911,684,000	300,000,000	611,684,000	461,776,850	149,907,150
6082	NNT02132	Tạ Gia Thế	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,703,016,000	0	1,703,016,000	462,034,900	1,240,981,100
6083	NNT14341	Lương Hồng Thắng	Xã Gia Lâm, Hà Nội	2,532,736,565	1,268,693,000	1,264,043,565	462,203,000	801,840,565
6084	NNT23167	Võ Quyết	P. Yên Hòa, Hà Nội	500,000,000	37,500,000	462,500,000	462,500,000	0
6085	NNT15147	Đào Thị Hồng Vân	Phường Phú Lương, Hà Nội	526,253,000	15,000,000	511,253,000	463,850,000	47,403,000
6086	NNT19736	Đỗ Bích Ngọc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,118,152,189	324,001,689	794,150,500	464,757,421	329,393,079

6087	NNT11939	Trịnh Thanh Vân	Xã Bình Minh, Hà Nội	589,027,000	14,820,000	574,207,000	464,848,799	109,358,201
6088	NNT21726	Nguyễn Thị Hội	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	541,067,000	0	541,067,000	464,872,000	76,195,000
6089	NNT12508	Đặng Đình Sơn	P. Chương Mỹ, Hà Nội	2,964,700,000	72,456,000	2,892,244,000	465,292,549	2,426,951,451
6090	NNT17337	Lê Thị Kim Thư	P. Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	880,000,000	0	880,000,000	465,334,200	414,665,800
6091	NNT22410	Nguyễn Thị Hải	P. Đông Ngạc, Hà Nội	579,167,000	0	579,167,000	465,500,000	113,667,000
6092	NNT14032	Đỗ Thị Lan	P. Láng, Hà Nội	1,189,371,000	100,000,000	1,089,371,000	465,795,000	623,576,000
6093	NNT23817	Nguyễn Thị Ninh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	532,221,000	66,404,000	465,817,000	465,817,000	0
6094	NNT16141	Trần Thị Hiền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,547,569,000	662,500,000	885,069,000	465,907,507	419,161,493
6095	NNT19281	Hoàng Yến	P. Bồ Đề, Hà Nội	737,631,000	0	737,631,000	465,936,680	271,694,320
6096	NNT10996	Định Thị Huyền	Số nhà 18, ngõ 16/77/54 Định Công Hạ, phường Định Công, Hà Nội	1,931,231,013	610,000,000	1,321,231,013	466,045,820	855,185,193
6097	NNT19592	Lê Thị Nga	P. Thanh Xuân, Hà Nội	495,836,000	0	495,836,000	466,086,000	29,750,000
6098	NNT22889	Nguyễn Thị Tân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	525,969,000	6,411,000	519,558,000	466,400,000	53,158,000
6099	NNT22773	Chu Triệu Long	P. An Khánh, TP HCM	509,424,000	40,837,000	468,587,000	466,493,000	2,094,000
6100	NNT24411	Đặng Thị Anh Đào	P. Kim Liên, Hà Nội	466,755,000	0	466,755,000	466,755,000	0
6101	NNT17339	Đặng Xuân Cường	P. Ngọc Hà, TP Hà Nội	778,548,875	0	778,548,875	467,191,890	311,356,985

6102	NNT21315	Trần Thị Việt Phương	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,093,733,000	492,452,000	601,281,000	467,305,000	133,976,000
6103	NNT24246	Trịnh Xuân Hậu	P. Thanh Xuân, Hà Nội	480,671,000	0	480,671,000	467,449,560	13,221,440
6104	NNT20186	Phan Thị Thu Trang	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	521,739,000	0	521,739,000	467,500,000	54,239,000
6105	NNT22689	Phạm Ngọc Hải	P. Hoàng Mai, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	467,500,000	32,500,000
6106	NNT19849	Trần Xuân Trạch	P. Yên Hòa, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	467,500,000	32,500,000
6107	NNT12024	Phạm Thị Huyền	Xã Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	766,802,000	0	766,802,000	467,982,950	298,819,050
6108	NNT21243	Hoàng Thị Trang	P. Láng, Hà Nội	536,941,000	0	536,941,000	468,000,000	68,941,000
6109	NNT11287	Nguyễn Thị Huyền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,426,134,000	0	1,426,134,000	468,108,000	958,026,000
6110	NNT23418	Bùi Thị Tính	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	500,000,000	31,250,000	468,750,000	468,750,000	0
6111	NNT16715	Phan Thu Hương	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,536,799,000	0	1,536,799,000	468,853,000	1,067,946,000
6112	NNT18176	Kim Thanh Ngọc	P. Phú Diễn, Hà Nội	534,618,000	0	534,618,000	468,983,000	65,635,000
6113	NNT21910	Nguyễn Thị An Hà	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	555,128,000	81,000,000	474,128,000	469,000,000	5,128,000
6114	NNT18137	Phạm Thị Hoa	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,723,913,000	768,515,825	955,397,175	469,338,830	486,058,345
6115	NNT23566	Bùi Thu Trang	P. Thanh Xuân, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	469,500,000	30,500,000
6116	NNT19947	Trần Anh Đức	P. Đống Đa, Hà Nội	677,083,000	0	677,083,000	469,524,525	207,558,475

6117	NNT02119	Lê Thị Tâm	phường Ba Đình, Hà Nội	1,112,019,000	3,000,000	1,109,019,000	469,867,000	639,152,000
6118	NNT19435	Hoàng Thị Hòa	P. Đồng Đa, Hà Nội	526,316,000	30,000,000	496,316,000	470,000,000	26,316,000
6119	NNT16510	Hà Gia Tường	Xã Ninh Giang, Hải Phòng	699,601,000	0	699,601,000	470,020,210	229,580,790
6120	NNT17191	Nguyễn Thị Ngọc Lan	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,154,525,000	575,000,000	579,525,000	470,099,198	109,425,802
6121	NNT21258	Nguyễn Thị Thanh Bình	P. Kim Liên, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	470,300,000	29,700,000
6122	NNT21686	Nguyễn Đạt Hải	P. Thanh Xuân, Hà Nội	600,000,000	15,018,000	584,982,000	470,482,000	114,500,000
6123	NNT11408	Nguyễn Thị Minh Xuân	Xã Bát Bạt, Hà Nội	822,319,000	0	822,319,000	470,844,000	351,475,000
6124	NNT12639	Nguyễn Thị Loan	P. Đông Ngạc, Hà Nội	899,639,000	11,000,000	888,639,000	471,077,847	417,561,153
6125	NNT14078	Ngô Thị Thúy Hạnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	795,412,000	0	795,412,000	471,166,000	324,246,000
6126	NNT19259	Nguyễn Thị Ngà	P. Phú Diễn, Hà Nội	615,419,000	0	615,419,000	471,874,980	143,544,020
6127	NNT01177	Phạm Thị Hoa	Xã Thanh Oai, Hà Nội	3,947,580,000	0	3,947,580,000	473,109,000	3,474,471,000
6128	NNT01280	Nguyễn Quỳnh Trang	P. Ngọc Hà, Hà Nội	890,874,000	0	890,874,000	473,268,160	417,605,840
6129	NNT01481	Nguyễn Văn Hải	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,613,388,000	199,540,000	1,413,848,000	473,485,000	940,363,000
6130	NNT23600	Đặng Thị Minh Huệ	Xã Thanh Trì, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	473,600,000	26,400,000
6131	NNT23452	Bùi Thị Trung Hà	P. Đại Mỗ, Hà Nội	500,000,000	25,250,000	474,750,000	473,750,000	1,000,000

6132	NNT17270	Nguyễn Duy Anh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	641,841,000	0	641,841,000	474,390,000	167,451,000
6133	NNT23930	Nguyễn Thị Bê	P. Hoàng Liệt, TP Hà Nội	579,280,000	87,892,000	491,388,000	474,474,000	16,914,000
6134	NNT16051	Giang Văn Bình	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	2,464,317,497	1,240,966,248	1,223,351,249	474,674,752	748,676,497
6135	NNT22387	Phan Huy Đàm	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	550,000,000	15,000,000	535,000,000	474,900,000	60,100,000
6136	NNT20610	Đào Hà Quang	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	610,519,000	0	610,519,000	475,000,000	135,519,000
6137	NNT23715	Đoàn Thị Đông Phương	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	586,712,329	86,712,329	500,000,000	475,000,000	25,000,000
6138	NNT20114	Nguyễn Thị Luân	P. Khương Đình, Hà Nội	865,618,000	225,000,000	640,618,000	475,009,170	165,608,830
6139	NNT18579	Đỗ Hoàng Hiệp	P. Yên Nghĩa, Hà Nội	543,000,000	20,000,000	523,000,000	475,563,000	47,437,000
6140	NNT20178	Nguyễn Kim Thanh	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,120,134,000	447,694,000	672,440,000	475,669,000	196,771,000
6141	NNT16894	Nguyễn Xuân Trường	Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh	557,591,000	15,000,000	542,591,000	476,100,000	66,491,000
6142	NNT17636	Trần Văn Hiệu	P. Tây Tựu, Hà Nội	873,129,000	32,703,000	840,426,000	476,183,292	364,242,708
6143	NNT14982	Nguyễn Thị Xuyên	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	851,092,000	0	851,092,000	476,701,000	374,391,000
6144	NNT17701	Đặng Thị Huệ	P. Ngọc Hà, Hà Nội	810,998,000	12,000,000	798,998,000	477,007,500	321,990,500
6145	NNT12968	Võ Thị Mai Hiền	P. Cầu Giấy, Hà Nội	7,019,092,000	810,515,000	6,208,577,000	477,285,660	5,731,291,340
6146	NNT13376	Nguyễn Thị Bích Hương	P. Kim Liên, Hà Nội	722,700,000	8,000,000	714,700,000	477,467,000	237,233,000

6147	NNT18342	Lá Thị Hạnh	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	644,703,000	0	644,703,000	477,585,000	167,118,000
6148	NNT21266	Vũ Phạm Phương Mai	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	600,000,000	100,000,000	500,000,000	479,000,000	21,000,000
6149	NNT16771	Phan Anh Chiến	P. Sơn Tây, Hà Nội	666,491,000	100,000,000	566,491,000	479,150,000	87,341,000
6150	NNT18224	Nguyễn Việt Hùng	P. Thượng Cát, Hà Nội	662,635,000	85,137,000	577,498,000	479,283,000	98,215,000
6151	NNT19188	Nguyễn Thị Thảng	P. Hà Giang 2, Tuyên Quang	631,578,000	120,672,000	510,906,000	479,328,000	31,578,000
6152	NNT11536	Phạm Thiều Hoa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	624,729,000	0	624,729,000	479,382,000	145,347,000
6153	NNT17846	Nguyễn Mạnh Bách	P. Ba Đình, Hà Nội	659,442,000	0	659,442,000	479,500,420	179,941,580
6154	NNT17848	Nguyễn Thị Thanh Hòa	P. Hà Đông, Hà Nội	1,048,438,000	501,375,000	547,063,000	479,669,000	67,394,000
6155	NNT20828	Nguyễn Thu Hà	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	574,755,000	0	574,755,000	479,922,000	94,833,000
6156	NNT24416	Nguyễn Trường Giang	P. Bồ Đề, Hà Nội	550,378,751	0	550,378,751	480,000,000	70,378,751
6157	NNT19294	Chu Thị Xuyên	P. Phương Liệt, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	480,000,000	20,000,000
6158	NNT20726	Lương Thúy Hằng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	480,000,000	20,000,000
6159	NNT15529	Nguyễn Lệ Hằng	P. Kim Liên, Hà Nội	713,770,000	0	713,770,000	480,600,000	233,170,000
6160	NNT11397	Nguyễn Thị Tiến	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,574,225,000	0	1,574,225,000	480,684,000	1,093,541,000
6161	NNT20702	Nguyễn Xuân Ngự	P. Tây Hồ, Hà Nội	579,235,000	0	579,235,000	480,850,000	98,385,000

6162	NNT15773	Đinh Thị Thúy Hằng	P. Thanh Liet, Hà Nội	3,153,827,688	1,400,000,000	1,753,827,688	481,068,000	1,272,759,688
6163	NNT00525	Nguyễn Thị Thủy	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	2,235,665,000	0	2,235,665,000	482,474,000	1,753,191,000
6164	NNT01972	Lê Thị Bích Thủy	P. Hồng Bàng, Hải Phòng	2,831,263,000	0	2,831,263,000	482,931,000	2,348,332,000
6165	NNT21848	Nguyễn Mạnh Hùng	P. Tây Hồ, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	483,000,000	17,000,000
6166	NNT18265	Dương Thị Phương	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	711,340,000	0	711,340,000	483,017,110	228,322,890
6167	NNT01699	Nguyễn Thị Loan	Xã An Khánh, Hà Nội	1,229,250,107	0	1,229,250,107	483,330,000	745,920,107
6168	NNT22118	Nguyễn Hoàng Hải	P. Kim Liên, Hà Nội	572,790,000	0	572,790,000	483,490,000	89,300,000
6169	NNT16281	Nguyễn Thị Bích Hồng	P. Phú Diễn, Hà Nội	876,856,000	0	876,856,000	483,831,000	393,025,000
6170	NNT20311	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên	630,366,000	100,000,000	530,366,000	484,000,000	46,366,000
6171	NNT20584	Vũ Thị Thu Hà	P. Bạch Mai, Hà Nội	576,537,000	0	576,537,000	484,043,000	92,494,000
6172	NNT11406	Nguyễn Kim Tuyến	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,548,107,000	0	1,548,107,000	484,067,000	1,064,040,000
6173	NNT21140	Đào Thị Lê	Xã Thanh Hà, TP Hải Phòng	537,633,000	10,000,000	527,633,000	484,400,000	43,233,000
6174	NNT21775	Nguyễn Danh Hòa	Xã Xuân Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	1,353,517,123	728,517,123	625,000,000	484,974,000	140,026,000
6175	NNT23150	Nguyễn Quyết Thắng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	485,000,000	15,000,000
6176	NNT21077	Lê Thị Bình	Xã Mê Linh, Hà Nội	545,000,000	15,000,000	530,000,000	485,000,000	45,000,000

6177	NNT22292	Kiều Thị Thu Thảo	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,000,000,000	515,000,000	485,000,000	485,000,000	0
6178	NNT23170	Tạ Văn Vượng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	550,000,000	27,931,767	522,068,233	485,050,000	37,018,233
6179	NNT18514	Phan Kim Oanh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,100,000,000	554,000,000	546,000,000	485,337,000	60,663,000
6180	NNT13772	Hoàng Thị Hải Yến	P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	909,090,000	0	909,090,000	485,408,000	423,682,000
6181	NNT16079	Vũ Lê Ngân An	P. Thanh Liệt, Hà Nội	914,802,000	89,998,450	824,803,550	485,746,216	339,057,334
6182	NNT21218	Vũ Thúy Hà	P505, nhà B4, Tập thể Thành Công, phường Giảng Võ, Hà Nội	831,101,370	31,101,370	800,000,000	486,000,000	314,000,000
6183	NNT13859	Vũ Duy Quang	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,131,062,000	71,000,000	1,060,062,000	486,022,000	574,040,000
6184	NNT19733	Nguyễn Thị Kim Khánh	P. Yên Hòa, Hà Nội	509,424,000	0	509,424,000	486,499,920	22,924,080
6185	NNT17571	Phan Đức Tiến	P. Hà Đông, Hà Nội	640,460,000	0	640,460,000	486,502,775	153,957,225
6186	NNT14710	Nghiêm Thị Lợi	P. Tây Mỗ, Hà Nội	1,034,348,000	155,161,000	879,187,000	486,512,000	392,675,000
6187	NNT15310	Lê Thanh Sơn	P. Kim Liên, Hà Nội	1,163,100,000	0	1,163,100,000	486,683,462	676,416,538
6188	NNT18065	Lê Thị Liên	P. Thanh Xuân, Hà Nội	712,489,000	0	712,489,000	487,020,000	225,469,000
6189	NNT17354	Nguyễn Mai Quỳnh	P. Đại Mỗ, Hà Nội	1,165,225,000	116,304,000	1,048,921,000	487,039,494	561,881,506
6190	NNT01912	Ahn Soo Sung	P. Thanh Xuân, Hà Nội	300,000,000	29,189,676	270,810,324	487,096,467	-216,286,143
6191	NNT18975	Trần Thị Bích Hồng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,696,747,316	675,318,158	1,021,429,158	487,181,842	534,247,316

6192	NNT23035	Nguyễn Văn Hùng	P. Hà Đông, Hà Nội	575,000,000	0	575,000,000	487,500,000	87,500,000
6193	NNT20859	Phạm Thế Dinh	Xã Liên Minh, Hà Nội	633,812,000	0	633,812,000	487,624,360	146,187,640
6194	NNT23586	Đào Thị Huệ	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	487,900,000	12,100,000
6195	NNT22976	Nguyễn Thị Yến	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	502,020,000	0	502,020,000	488,350,000	13,670,000
6196	NNT13225	Trần Thị Bình	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,272,924,405	546,322,405	726,602,000	488,475,000	238,127,000
6197	NNT02135	Đỗ Thị Thu	P. Tây Mỗ, Hà Nội	953,863,000	117,133,081	836,729,919	488,584,000	348,145,919
6198	NNT13793	Nguyễn Hưng Việt	P. Đồng Đa, Hà Nội	1,050,858,000	0	1,050,858,000	488,713,680	562,144,320
6199	NNT20641	Lương Thị Vero	P. Bắc An Phú, TP Hải Phòng	626,178,000	0	626,178,000	488,800,000	137,378,000
6200	NNT24429	Nguyễn Khánh Huyền	P. Đông Ngạc, Hà Nội	615,499,600	78,161,300	537,338,300	489,177,000	48,161,300
6201	NNT15138	Trần Chí Hiếu	P. Sơn Tây, Hà Nội	747,807,000	0	747,807,000	489,220,000	258,587,000
6202	NNT23000	Nguyễn Thị Lộc	Xã Trung Giã, Hà Nội	585,000,000	75,000,000	510,000,000	490,000,000	20,000,000
6203	NNT21571	Trần Thanh Thủy	P. Hồng Hà, Hà Nội	618,557,000	0	618,557,000	490,000,000	128,557,000
6204	NNT14863	Nguyễn Đức Long	P. Từ Liêm, Hà Nội	765,112,000	0	765,112,000	490,000,000	275,112,000
6205	NNT17822	Hoàng Thị Bích Hậu	Xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình□	1,480,680,000	740,340,000	740,340,000	490,000,250	250,339,750
6206	NNT11445	Nguyễn Việt Giá	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,588,779,354	1,044,057,354	1,544,722,000	490,053,000	1,054,669,000

6207	NNT21242	Phạm Thị Thu Vân	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	614,553,000	9,920,000	604,633,000	490,080,000	114,553,000
6208	NNT24432	Chu Đỗ Quyên	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	555,103,114	63,644,114	491,459,000	491,459,000	0
6209	NNT21233	Lưu Thị Sinh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	516,648,000	0	516,648,000	491,900,000	24,748,000
6210	NNT10836	Nguyễn Thị Thanh Vân	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	829,477,000	0	829,477,000	491,940,620	337,536,380
6211	NNT20569	Đoàn Thị Thơ	P. Hoàng Mai, Hà Nội	910,016,000	298,000,000	612,016,000	492,000,000	120,016,000
6212	NNT23851	Nhâm Thị Nhã	P. Tương Mai, Hà Nội	510,204,000	0	510,204,000	492,293,000	17,911,000
6213	NNT01312	Nguyễn Thị Hòa	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	980,000,000	0	980,000,000	492,675,000	487,325,000
6214	NNT18317	Hứa Đăng Khoa	P. Đồng Đa, Hà Nội	584,825,000	0	584,825,000	493,122,000	91,703,000
6215	NNT23263	Hoàng Văn Liên	P. Long Biên, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	493,500,000	6,500,000
6216	NNT23556	Vũ Ngọc Tú	P. Thanh Xuân, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	493,500,000	6,500,000
6217	NNT21022	Nguyễn Hữu Chính	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	753,144,320	0	753,144,320	493,726,000	259,418,320
6218	NNT19539	Bùi Văn Thanh	Xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	544,502,000	5,000,000	539,502,000	493,750,000	45,752,000
6219	NNT21048	Nguyễn Thị Mai	Xã Bát Tràng, Hà Nội	598,958,000	0	598,958,000	493,796,000	105,162,000
6220	NNT21267	Nguyễn Thị Ngoan	P. Nhị Chiều, TP Hải Phòng	685,751,000	0	685,751,000	493,810,000	191,941,000
6221	NNT20796	Phạm Văn Cường	P. Hà Đông, Hà Nội	597,805,000	0	597,805,000	494,000,000	103,805,000

6222	NNT11754	Vũ Lê Phương	P. Láng, Hà Nội	1,928,807,000	267,000,000	1,661,807,000	494,553,384	1,167,253,616
6223	NNT23560	Trịnh Thị Phương	Xã Triệu Sơn, Thanh Hóa	526,316,000	0	526,316,000	494,600,000	31,716,000
6224	NNT20559	Lê Thị Thu Lan	Xã Gia Lâm, Hà Nội	701,279,000	70,390,000	630,889,000	494,637,000	136,252,000
6225	NNT00253	Trần Thị Mai	P. Kiến Hưng, Hà Nội	2,206,179,000	0	2,206,179,000	494,660,745	1,711,518,255
6226	NNT23978	Nguyễn Quang Tuấn	Phường Phú Diễn, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	494,700,000	5,300,000
6227	NNT24005	Đào Thị Vân Anh	P. Hà Đông, TP Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	494,700,000	5,300,000
6228	NNT22538	Hứa Thành Lam	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	494,800,000	5,200,000
6229	NNT23101	Phạm Thị Thúy Hải	Phường Tương Mai, TP Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	494,800,000	20,664,000
6230	NNT23589	Chu Nam Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	495,000,000	5,000,000
6231	NNT23711	Bùi Văn Quyết	Phường Phú Diễn, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	495,000,000	5,000,000
6232	NNT23713	Bùi Tổ Quyên	Phường Phú Diễn, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	495,000,000	5,000,000
6233	NNT23548	Tạ Thị Vượng	P. Hồng Hà, Hà Nội	519,000,000	16,720,000	502,280,000	495,280,000	7,000,000
6234	NNT13931	Lê Thị Việt Thu	Xã Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	1,761,979,000	205,000,000	1,556,979,000	495,297,000	1,061,682,000
6235	NNT23472	Trần Văn Dũng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	796,922,965	165,384,983	631,537,982	495,587,000	135,950,982
6236	NNT24213	Nguyễn Xuân Tới	P. Hồng Bàng, Hải Phòng	500,000,000	0	500,000,000	495,717,000	4,283,000

6237	NNT01943	Đoàn Kim Thúy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,088,505,740	189,137,740	899,368,000	495,761,050	403,606,950
6238	NNT17282	Nguyễn Thị Diệp	Xã Nam Thụy Anh, Hưng Yên	1,300,358,000	0	1,300,358,000	495,785,110	804,572,890
6239	NNT24383	Nguyễn Tuấn Hùng	P. Khương Đình, Hà Nội	496,000,000	0	496,000,000	496,000,000	0
6240	NNT21559	Hoàng Thị Hà	Xã Hòa Xá, Hà Nội	1,776,000,000	1,272,000,000	504,000,000	496,000,000	8,000,000
6241	NNT11368	Nguyễn Thị Quyết	P. Sơn Tây, Hà Nội	1,355,011,881	443,565,881	911,446,000	496,068,000	415,378,000
6242	NNT23907	Nguyễn Thị Thu Hiền	P. Cửa Ông, Quảng Ninh	500,000,000	0	500,000,000	496,143,000	3,857,000
6243	NNT21997	Nguyễn Văn Thắng	Phường Kim Liên, Hà Nội	625,000,000	0	625,000,000	496,200,000	128,800,000
6244	NNT23759	Nguyễn Thị Thái	P. Giảng Võ, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	496,250,000	3,750,000
6245	NNT18050	Đoàn Thị Ánh Hồng	P. Hồng Hà, Hà Nội	744,468,000	0	744,468,000	496,359,630	248,108,370
6246	NNT23719	Nguyễn Chương Đức	20 Nguyễn Hữu Huân, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	497,000,000	3,000,000
6247	NNT20059	Nguyễn Việt Trung	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	640,072,000	3,000,000	637,072,000	497,000,000	140,072,000
6248	NNT19191	Nguyễn Thị Thành	Xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	656,085,000	0	656,085,000	497,276,000	158,809,000
6249	NNT22948	Trần Kim Ngọc	P. Cửa Nam, Hà Nội	638,148,000	0	638,148,000	497,340,000	140,808,000
6250	NNT22961	Phan Ngọc Mai	Phường Lê Thanh Nghi, TP Hải Phòng	500,000,000	0	500,000,000	497,350,000	2,650,000
6251	NNT22851	Nguyễn Duy Hiệu	P. Định Công, Hà Nội	507,112,000	0	507,112,000	497,350,000	9,762,000

6252	NNT20303	Lê Thị Thanh	P. Phương Liệt, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	497,353,500	31,746,500
6253	NNT00439	Hoàng Thị Thơ	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,882,174,000	0	1,882,174,000	497,486,000	1,384,688,000
6254	NNT22033	Nguyễn Văn Giới	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	534,759,000	0	534,759,000	497,499,665	37,259,335
6255	NNT22003	Nguyễn Thị Kim Khanh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	520,833,000	0	520,833,000	497,500,000	23,333,000
6256	NNT20887	Nguyễn Cảnh Tú	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	627,886,000	0	627,886,000	497,620,000	130,266,000
6257	NNT15585	Bùi Thúy Ninh	phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,042,720,000	0	1,042,720,000	497,725,292	544,994,708
6258	NNT18185	Vũ Thị Hồng Thắm	P. Tây Tựu, Hà Nội	616,613,000	2,000,000	614,613,000	497,996,745	116,616,255
6259	NNT22765	Nguyễn Cần	P. Định Công, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	498,000,000	2,000,000
6260	NNT02051	Phạm Thị Duyên	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,585,702,286	266,559,286	1,319,143,000	498,871,875	820,271,125
6261	NNT19674	Hoàng Mạnh Tuyền	Phường Lý Thường Kiệt, Tỉnh Ninh Bình	721,625,000	0	721,625,000	498,986,000	222,639,000
6262	NNT23533	Trịnh Thị Thảo	P. Kim Liên, Hà Nội	1,075,000,000	575,000,000	500,000,000	499,000,000	1,000,000
6263	NNT23471	Phạm Như Quỳnh	P. Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ	500,000,000	0	500,000,000	499,000,000	1,000,000
6264	NNT15740	Lê Hồng Cẩm	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	730,000,000	82,568,000	647,432,000	499,301,178	148,130,822
6265	NNT15359	Dương Thị Kim Anh	Phường Hà Đông, Hà Nội	801,589,000	0	801,589,000	499,516,492	302,072,508
6266	NNT15949	Nguyễn Như Khánh	P. Thống Nhất, tỉnh Bình Định	1,036,107,011	0	1,036,107,011	499,870,000	536,237,011

6267	NNT22688	Trần Cảnh Toàn	phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	526,315,000	0	526,315,000	499,999,250	26,315,750
6268	NNT22794	Nguyễn Thị Hồng Thủy	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	518,000,000	0	518,000,000	499,999,500	18,000,500
6269	NNT20163	Phí Thị Lan Hương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	672,101,000	0	672,101,000	499,999,665	172,101,335
6270	NNT23945	Đào Thị Thanh Hương	Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội	510,204,000	0	510,204,000	500,000,000	10,204,000
6271	NNT22711	Nguyễn Thị Bích Liên	Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	510,435,000	0	510,435,000	500,000,000	10,435,000
6272	NNT23913	Vũ Thúy Hằng	Phường Bạch Mai, TP Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6273	NNT20782	Nguyễn Thu Hà	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	633,818,000	0	633,818,000	500,000,000	133,818,000
6274	NNT23368	Nguyễn Thị Lựu	P. Long Biên, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6275	NNT17828	Hoàng Tố Quyên	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,598,606,624	1,042,091,624	556,515,000	500,000,000	56,515,000
6276	NNT19083	Nguyễn Thị Thùy Linh	P. Thạch Khôi, TP Hải Phòng	1,013,909,000	309,765,000	704,144,000	500,000,000	204,144,000
6277	NNT22840	Trần Đăng Luyến	P. Từ Liêm, Hà Nội	658,712,820	129,462,820	529,250,000	500,000,000	29,250,000
6278	NNT21914	TRẦN VĂN HÁT	P. Long Biên, Hà Nội	627,216,000	0	627,216,000	500,000,000	127,216,000
6279	NNT23300	Vũ Bích Hải	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	531,915,000	0	531,915,000	500,000,000	31,915,000
6280	NNT19617	Phan Khánh An	Xã An Khánh, Hà Nội	758,125,024	0	758,125,024	500,000,000	258,125,024
6281	NNT23979	Đoàn Hồng Mai	P. Bồ Đề, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0

6282	NNT23118	Phạm Thị Lan	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	505,050,000	0	505,050,000	500,000,000	5,050,000
6283	NNT16254	Nguyễn Xuân Thủy	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,262,626,000	600,000,000	662,626,000	500,000,000	162,626,000
6284	NNT22742	Nguyễn Thị Kim Cúc	P. Thanh Liệt, Hà Nội	534,759,000	0	534,759,000	500,000,000	34,759,000
6285	NNT20021	Hoàng Quốc Trung	P. Giảng Võ, Hà Nội	668,522,000	0	668,522,000	500,000,000	168,522,000
6286	NNT19834	Nguyễn Hồng Hạnh	P. Hoàng Mai, Hà Nội	673,544,000	0	673,544,000	500,000,000	173,544,000
6287	NNT23157	Bùi Đức Khang	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	505,050,000	0	505,050,000	500,000,000	5,050,000
6288	NNT23087	Trương Thị Nga	P. Hà Đông, Hà Nội	529,100,000	0	529,100,000	500,000,000	29,100,000
6289	NNT19899	Lê Thị Bích Hằng	P. Phúc Lợi, Hà Nội	641,932,000	0	641,932,000	500,000,000	141,932,000
6290	NNT24368	Nguyễn Thành Chung	P. Định Công, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6291	NNT23136	Trần Thị Minh Chính	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	515,463,000	0	515,463,000	500,000,000	15,463,000
6292	NNT20950	Nguyễn Thị Hiền Tâm	P. Cửa Nam, Hà Nội	710,104,000	0	710,104,000	500,000,000	210,104,000
6293	NNT23345	Trương Thị Lan	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6294	NNT17678	Vương Xuân Cương	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	769,804,000	0	769,804,000	500,000,000	269,804,000
6295	NNT23839	Phạm Tuấn Đạt	P. Khương Đình, Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	500,000,000	15,464,000
6296	NNT23638	Tương Thị Thúy Hiền	P. Kiến Hưng, Hà Nội	525,219,000	0	525,219,000	500,000,000	25,219,000

6297	NNT21319	Nguyễn Xuân Trường	Xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh	562,203,000	0	562,203,000	500,000,000	62,203,000
6298	NNT19473	Nguyễn Thị Thập	P. Sơn Trà, TP Đà Nẵng	518,135,000	0	518,135,000	500,000,000	18,135,000
6299	NNT23684	Nguyễn Thị Ngọc Hương	P. Cửa Nam, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6300	NNT20815	Nguyễn Thị Ngà	Xã Quân Chu, Thái Nguyên	728,271,000	87,568,000	640,703,000	500,000,000	140,703,000
6301	NNT20341	Nguyễn Thị Huyền Trang	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	617,881,000	0	617,881,000	500,000,000	117,881,000
6302	NNT19300	Nguyễn Thị Hợi	P. Xuân Đình, Hà Nội	564,627,000	0	564,627,000	500,000,000	64,627,000
6303	NNT22665	Nguyễn Thị Hôi	P. Ngọc Hà, Hà Nội	521,739,000	0	521,739,000	500,000,000	21,739,000
6304	NNT24317	Nguyễn Thị Hoa	P. Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ	500,000,000	0	500,000,000	500,000,000	0
6305	NNT21231	Nguyễn Lương Thành	P. Cầu Giấy, Hà Nội	621,762,000	100,000,000	521,762,000	500,000,000	21,762,000
6306	NNT18837	Nguyễn Kim Phụng	P. Phú Thượng, Hà Nội	637,137,000	0	637,137,000	500,000,000	137,137,000
6307	NNT20469	Nguyễn Gia Huệ	P. Kiến Hưng, Hà Nội	531,915,000	0	531,915,000	500,000,000	31,915,000
6308	NNT22777	Nguyễn Ánh	Phường Hồng Bàng, Hải Phòng	549,473,000	0	549,473,000	500,000,000	49,473,000
6309	NNT20751	Mai Xuân Anh	P. Tây Hồ, Hà Nội	734,582,000	0	734,582,000	500,000,000	234,582,000
6310	NNT22007	Đinh Thị Thu Hà	P. Tây Hồ, Hà Nội	598,834,000	0	598,834,000	500,000,000	98,834,000
6311	NNT20549	Bùi Thị Mỹ	P. Tây Hồ, Hà Nội	849,375,000	300,000,000	549,375,000	500,000,000	49,375,000

6312	NNT13360	Bùi Phương Anh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	732,438,000	0	732,438,000	500,000,000	232,438,000
6313	NNT20862	Ngô Thị Khanh	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	617,483,000	0	617,483,000	500,000,050	117,482,950
6314	NNT23716	Phạm Quế Hằng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	515,464,000	0	515,464,000	500,000,080	15,463,920
6315	NNT19665	Trần Thị Động	Xã Liên Minh, Tỉnh Ninh Bình	783,579,000	0	783,579,000	500,000,100	283,578,900
6316	NNT20653	Lương Quang Hiến	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	526,316,000	0	526,316,000	500,000,200	26,315,800
6317	NNT19534	Lều Thị Hương Giang	Phường Phương Liệt, Hà Nội	660,582,000	0	660,582,000	500,001,000	160,581,000
6318	NNT19426	Trần Văn Duy	P. Thanh Xuân, Hà Nội	532,000,000	0	532,000,000	500,080,000	31,920,000
6319	NNT13142	Nguyễn Thành Trung	Xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh	982,087,000	0	982,087,000	500,085,000	482,002,000
6320	NNT21166	Nguyễn Thị Thúy My	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,397,231,682	616,817,000	780,414,682	500,106,000	280,308,682
6321	NNT22321	Lê Thị Lộc	Phường Phương Liệt, Hà Nội	516,383,000	0	516,383,000	500,300,000	16,083,000
6322	NNT13184	Phạm Thị Trang	Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	1,165,729,000	0	1,165,729,000	500,310,000	665,419,000
6323	NNT13033	Nguyễn Văn Sáng	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,234,106,303	438,155,303	795,951,000	500,396,510	295,554,490
6324	NNT23689	Nguyễn Duy Hưng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	550,000,000	36,125,000	513,875,000	500,675,000	13,200,000
6325	NNT16700	Hoàng Thị Thu Hiền	P. Sơn Tây, Hà Nội	813,131,000	0	813,131,000	500,800,000	312,331,000
6326	NNT16443	Trần Thị Hoàn	P. Tây Hiếu, Nghệ An	732,233,000	0	732,233,000	500,999,450	231,233,550

6327	NNT16191	Nguyễn Thị Hồng Vân	Xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	762,358,000	0	762,358,000	501,024,184	261,333,816
6328	NNT15588	Nguyễn Thị Xuân	Xã Nội Bài, Hà Nội	725,547,000	155,772,000	569,775,000	501,150,850	68,624,150
6329	NNT16674	Nguyễn Thị Loan	P. Yên Hòa, Hà Nội	756,096,000	27,000,000	729,096,000	501,322,600	227,773,400
6330	NNT14048	Nguyễn Thị Ngọc Mai	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,052,280,000	129,410,000	922,870,000	501,805,000	421,065,000
6331	NNT20252	Đỗ Thị Ngọc Lan	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,216,313,000	588,809,000	627,504,000	502,090,000	125,414,000
6332	NNT22802	Hoàng Minh Đức	P. Hà Đông, Hà Nội	586,500,000	0	586,500,000	502,350,000	84,150,000
6333	NNT19407	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	666,120,000	0	666,120,000	502,400,000	163,720,000
6334	NNT23386	Nguyễn Thu Hiền	P. Kim Liên, Hà Nội	550,000,000	41,250,000	508,750,000	502,450,000	6,300,000
6335	NNT15734	Âu Thị Nhon	P. Việt Hưng, Hà Nội	856,522,000	0	856,522,000	502,846,250	353,675,750
6336	NNT21013	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P. Thanh Xuân, Hà Nội	860,660,963	333,577,963	527,083,000	503,417,000	23,666,000
6337	NNT00243	Phạm Văn Khang	P. Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	1,173,470,000	0	1,173,470,000	503,586,000	669,884,000
6338	NNT22109	Hoàng Danh Kỳ	P. Việt Hưng, Hà Nội	525,000,000	0	525,000,000	504,125,000	20,875,000
6339	NNT11722	Phạm Thị Anh Hoa	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	4,170,794,000	450,000,000	3,720,794,000	504,215,604	3,216,578,396
6340	NNT15817	Đỗ Thị Tâm	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,163,027,000	0	1,163,027,000	504,267,580	658,759,420
6341	NNT18206	Lê Thị Hà	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	858,935,000	0	858,935,000	504,395,000	354,540,000

6342	NNT19176	Nguyễn Thị Thùy Dung	P. Tây Mỗ, Hà Nội	886,004,000	344,240,000	541,764,000	504,760,000	37,004,000
6343	NNT20023	Đoàn Văn Vinh	P. Yên Hòa, Hà Nội	508,000,000	0	508,000,000	504,825,000	3,175,000
6344	NNT19212	Đỗ Thị Thanh Thủy	P. Kim Liên, Hà Nội	652,175,000	0	652,175,000	505,001,000	147,174,000
6345	NNT18951	Phạm Thanh Hải	P. Láng, Hà Nội	755,225,000	0	755,225,000	505,195,000	250,030,000
6346	NNT00728	Trần Đình Hường	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	910,811,000	0	910,811,000	505,752,000	405,059,000
6347	NNT13477	Đặng Thị Sơn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,143,386,000	200,000,000	943,386,000	506,373,000	437,013,000
6348	NNT20401	Nguyễn Thị Phương Thảo	Xã Chí Minh, TP Hải Phòng	919,688,436	177,276,355	742,412,081	506,738,598	235,673,483
6349	NNT12532	Trần Thị Bích Thu	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,358,730,000	305,000,000	1,053,730,000	507,101,000	546,629,000
6350	NNT18753	Nguyễn Thị Thường	Xã Đại Thanh, TP Hà Nội	748,652,000	0	748,652,000	507,696,000	240,956,000
6351	NNT16104	Nguyễn Ngọc Hải	TDP Hoàng 10, phường Nghĩa Đô, Hà Nội	917,756,000	0	917,756,000	507,822,880	409,933,120
6352	NNT20169	Hồ Ngọc Mạnh	Xã Quỳnh Vãn, Nghệ An	1,396,986,301	396,986,301	1,000,000,000	508,013,699	491,986,301
6353	NNT14476	Nguyễn Thị Minh Yến	P. Hồng Hà, Hà Nội	896,440,619	0	896,440,619	508,142,000	388,298,619
6354	NNT12118	Phạm Ngọc Thăng	P. Láng, Hà Nội	1,339,342,000	0	1,339,342,000	508,692,616	830,649,384
6355	NNT19287	Vũ Minh Trang	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	576,547,000	0	576,547,000	509,048,000	67,499,000
6356	NNT15785	Trần Minh Thuận	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	853,467,000	60,000,000	793,467,000	509,254,045	284,212,955

6357	NNT14125	Phùng Thị Thanh Mai	Xã Hoài Đức, Hà Nội	1,270,466,000	0	1,270,466,000	509,259,835	761,206,165
6358	NNT19239	Lê Hồng Hạnh	P. Khương Đình, Hà Nội	919,638,000	0	919,638,000	509,270,000	410,368,000
6359	NNT22103	Hồ Thị Hồng Giang	P. Kim Liên, Hà Nội	1,058,200,000	0	1,058,200,000	509,350,925	548,849,075
6360	NNT11935	Nguyễn Thị Vân	P. Hà Đông, Hà Nội	781,183,000	0	781,183,000	509,777,980	271,405,020
6361	NNT01107	Nguyễn Văn Xứng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	660,545,432	198,545,432	462,000,000	510,431,772	-48,431,772
6362	NNT01638	Nguyễn Thị Thanh Huyền	P. Đông Ngạc, Hà Nội	1,427,079,000	20,000,000	1,407,079,000	510,499,640	896,579,360
6363	NNT18262	Bùi Thị Tám	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,045,554,548	94,729,000	950,825,548	510,550,000	440,275,548
6364	NNT15929	Nguyễn Thị Xuân	P. Kim Liên, Hà Nội	836,618,000	0	836,618,000	510,603,600	326,014,400
6365	NNT20669	Nguyễn Thị Huyền	P. Đông A, Ninh Bình	700,000,000	63,000,000	637,000,000	511,000,000	126,000,000
6366	NNT16758	Bùi Thị Vân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	740,740,000	31,746,000	708,994,000	511,615,000	197,379,000
6367	NNT22844	Nguyễn Thị Trâm	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	691,711,000	96,257,000	595,454,000	512,032,000	83,422,000
6368	NNT01900	Trần Thị Thuyết	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,280,522,895	179,314,895	1,101,208,000	512,510,000	588,698,000
6369	NNT13003	Đào Thị Kim Ứng	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	2,292,292,412	1,089,898,412	1,202,394,000	513,392,000	689,002,000
6370	NNT11244	Nguyễn Tuấn Sơn	P. Láng, Hà Nội	1,422,932,000	0	1,422,932,000	513,573,000	909,359,000
6371	NNT16432	Trần Thị Kim Oanh	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	948,693,000	0	948,693,000	514,047,000	434,646,000

6372	NNT01560	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Xã Quảng Oai, Hà Nội	896,426,000	0	896,426,000	514,357,667	382,068,333
6373	NNT20045	Trần Thị Thanh Thúy	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	1,192,414,247	254,414,247	938,000,000	514,865,753	423,134,247
6374	NNT12143	Hoàng Thị Thu	P. Hà Đông, Hà Nội	1,143,585,000	0	1,143,585,000	515,228,871	628,356,129
6375	NNT20571	Nguyễn Thị Dếnh	P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang□	669,312,000	0	669,312,000	517,000,000	152,312,000
6376	NNT14145	Trương Đức Sinh	Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La□	1,458,497,300	0	1,458,497,300	517,418,999	941,078,301
6377	NNT19102	Nguyễn Duy Kiên	P. Ba Đình, Hà Nội	751,016,000	64,780,000	686,236,000	517,459,435	168,776,565
6378	NNT14964	Dương Thị Nụ	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,530,941,606	443,984,606	1,086,957,000	517,558,290	569,398,710
6379	NNT18463	Mai Thị Liên	Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình	588,292,000	0	588,292,000	518,046,500	70,245,500
6380	NNT23303	Đặng Anh Tuấn	P. Kim Liên, Hà Nội	550,000,000	24,000,000	526,000,000	519,700,000	6,300,000
6381	NNT16163	Đoàn Thị Tố Hoa	P. Hà Đông, Hà Nội	1,133,180,000	0	1,133,180,000	519,876,303	613,303,697
6382	NNT14935	Phạm Kim Dung	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,068,619,000	81,000,000	987,619,000	520,435,000	467,184,000
6383	NNT21250	Vũ Bích Huyền	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	705,952,000	0	705,952,000	520,601,000	185,351,000
6384	NNT19533	Trần Thị Thúy Quỳnh	P. Phú Diễn, Hà Nội	820,833,000	27,869,000	792,964,000	520,767,440	272,196,560
6385	NNT13112	Đỗ Thị Việt Nga	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,463,660,000	0	1,463,660,000	520,837,000	942,823,000
6386	NNT12396	Bùi Ngọc Anh	P. Bạch Mai, Hà Nội	940,815,000	87,500,000	853,315,000	520,907,000	332,408,000

6387	NNT19656	Nguyễn Tiến Du	P. Thanh Liệt, Hà Nội	640,000,000	15,000,000	625,000,000	521,483,280	103,516,720
6388	NNT22731	Nguyễn Văn Khương	P. Ba Đình, Hà Nội	754,160,000	201,660,000	552,500,000	521,920,000	30,580,000
6389	NNT12101	Nguyễn Thị Tú	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,244,929,000	141,686,000	1,103,243,000	521,926,924	581,316,076
6390	NNT01120	Dương Xuân Hoàng	Xã Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	1,266,642,000	62,479,065	1,204,162,935	522,216,138	681,946,797
6391	NNT11857	Nguyễn Ngọc Huyền	Xã Phù Đồng, Hà Nội	2,470,356,000	0	2,470,356,000	522,245,000	1,948,111,000
6392	NNT15190	Nguyễn Hồng Long	P. Tương Mai, Hà Nội	1,034,137,000	0	1,034,137,000	522,253,568	511,883,432
6393	NNT15854	Dương Thị Trúc Ngọc	phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,250,000,000	337,500,000	1,912,500,000	522,712,000	1,389,788,000
6394	NNT15021	Vũ Thanh Hà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	866,051,000	0	866,051,000	522,746,000	343,305,000
6395	NNT19974	Trương Thị Lan Anh	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	650,000,000	72,943,000	577,057,000	523,387,500	53,669,500
6396	NNT23232	Phan Ngọc Ánh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	600,000,000	76,500,000	523,500,000	523,500,000	0
6397	NNT10886	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,226,143,000	465,000,000	1,761,143,000	523,896,260	1,237,246,740
6398	NNT16682	Trịnh Thị Thùy Linh	Phường Láng, Hà Nội	700,000,000	0	700,000,000	524,468,000	175,532,000
6399	NNT15281	Nguyễn Thị Kim Thành	P. Ba Đình, Hà Nội	905,143,000	0	905,143,000	524,813,000	380,330,000
6400	NNT19897	Phạm Thị Thái	P. Tây Hồ, Hà Nội	607,822,000	0	607,822,000	525,000,000	82,822,000
6401	NNT20289	Nguyễn Thị Tuyết	P. Thanh Xuân, Hà Nội	626,587,000	0	626,587,000	525,117,000	101,470,000

6402	NNT00330	Nguyễn Thị Bích Liên	P. Sơn Tây, Hà Nội	3,155,074,783	1,000,000,000	2,155,074,783	525,184,000	1,629,890,783
6403	NNT23567	Phạm Thị Giới	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	620,000,000	94,000,000	526,000,000	526,000,000	0
6404	NNT11285	Nguyễn Văn Hùng	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,218,123,000	326,798,000	891,325,000	526,015,677	365,309,323
6405	NNT15888	Phan Thị Hà	phường Thanh Liệt, Hà Nội	802,197,000	0	802,197,000	526,135,000	276,062,000
6406	NNT15157	Trần Thị Minh Quế	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,111,696,499	407,522,499	704,174,000	526,250,000	177,924,000
6407	NNT23271	Nguyễn Thị Thu Hà	Xã Thanh Oai, Hà Nội	632,500,000	0	632,500,000	527,100,000	105,400,000
6408	NNT23127	Nguyễn Thị Hoa	P. Phúc Lợi, Hà Nội	655,839,000	82,722,000	573,117,000	528,000,000	45,117,000
6409	NNT24004	Nguyễn Thị Việt Thanh	P. Ba Đình, Hà Nội	1,201,822,089	601,822,089	600,000,000	528,027,911	71,972,089
6410	NNT14029	Nguyễn Bảo Châu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	879,084,000	16,000,000	863,084,000	528,682,080	334,401,920
6411	NNT23052	Nguyễn Thị Phương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	529,200,000	70,800,000
6412	NNT15041	Võ Ngọc Lãng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	698,436,383	115,420,383	583,016,000	529,250,000	53,766,000
6413	NNT23750	Trần Thị Hạnh	Xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình	530,000,000	0	530,000,000	530,000,000	0
6414	NNT21707	Nguyễn Thị Lê Hương	P. Cửa Nam, Hà Nội	643,436,000	48,128,000	595,308,000	531,016,000	64,292,000
6415	NNT19029	Ngô Thị Hương	P. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	886,710,000	99,272,000	787,438,000	531,278,000	256,160,000
6416	NNT18748	Tạ Kim Anh	21 ngõ 2 Hoàng Liệt, phường Hoàng Liệt, Hà Nội	709,289,000	76,600,000	632,689,000	531,389,000	101,300,000

6417	NNT12541	Bùi Bá Hiếu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	834,836,000	0	834,836,000	531,394,000	303,442,000
6418	NNT17824	Dương Thị Thanh Loan	P. Phú Diễn, Hà Nội	897,551,000	152,000,000	745,551,000	531,498,000	214,053,000
6419	NNT16269	Trần Thị Bích Hằng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	652,267,000	0	652,267,000	531,500,000	120,767,000
6420	NNT21507	Nguyễn Xuân Huy	P. Kim Liên, Hà Nội	612,217,000	0	612,217,000	531,726,000	80,491,000
6421	NNT12901	Hoàng Thị Thành	P. Giảng Võ, Hà Nội	863,060,824	18,197,824	844,863,000	532,178,000	312,685,000
6422	NNT15002	Phan Thị Lê	Xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh□	600,000,000	0	600,000,000	532,426,000	67,574,000
6423	NNT16511	Nguyễn Thị Kim Chung	P. Tây Tựu, Hà Nội	686,618,000	0	686,618,000	532,635,810	153,982,190
6424	NNT19860	Bùi Thị Ánh	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,063,830,000	0	1,063,830,000	533,333,000	530,497,000
6425	NNT21534	Trương Thành Long	P. Việt Hưng, Hà Nội□	1,002,293,000	15,426,000	986,867,000	533,352,000	453,515,000
6426	NNT18552	Nguyễn Đăng Biết	P. Từ Liêm, Hà Nội	867,835,000	0	867,835,000	533,445,500	334,389,500
6427	NNT19285	Lê Huy Cường	P. Thanh Xuân, Hà Nội	708,093,000	2,000,000	706,093,000	533,878,000	172,215,000
6428	NNT00817	Trần Công Hân	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,380,018,000	0	1,380,018,000	534,075,420	845,942,580
6429	NNT20487	Trần Thị Nguyệt	P. Đại Mỗ, Hà Nội	638,320,000	0	638,320,000	534,250,000	104,070,000
6430	NNT14981	Phạm Thanh Thảo	P. Bạch Mai, Hà Nội	976,661,000	92,194,000	884,467,000	534,583,000	349,884,000
6431	NNT12632	Nguyễn Thị Hồng	P. Khương Đình, Hà Nội	1,113,622,000	109,402,000	1,004,220,000	534,611,528	469,608,472

6432	NNT24264	Vũ Minh Tuyên	P. Kim Liên, Hà Nội	1,098,574,000	561,374,000	537,200,000	536,000,000	1,200,000
6433	NNT17941	Nguyễn Thị Huế	P. Phúc Lợi, Hà Nội	892,858,000	0	892,858,000	537,628,000	355,230,000
6434	NNT21486	Tạ Thị Hoa Huệ	P. Định Công, Hà Nội	625,000,000	0	625,000,000	538,000,000	87,000,000
6435	NNT23347	Đỗ Thanh Hiền	X. Phụng Công, Hưng Yên	600,000,000	51,000,000	549,000,000	538,400,000	10,600,000
6436	NNT13759	Nguyễn Thị Thu Thủy	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,112,103,502	120,453,502	991,650,000	538,401,587	453,248,413
6437	NNT16090	Nguyễn Thị Kim Khánh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	789,899,000	83,192,000	706,707,000	538,987,000	167,720,000
6438	NNT23046	Đỗ Thị Hòa	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	539,000,000	-89,000,000
6439	NNT20564	Cao Thị Hằng Hà	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,444,748,193	819,101,193	625,647,000	539,048,314	86,598,686
6440	NNT22855	Đào Thị Hưng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	635,354,000	0	635,354,000	539,172,000	96,182,000
6441	NNT01123	Lê Thị Thùy Linh	P. Phương Liệt, Hà Nội	2,273,405,000	5,053,000	2,268,352,000	539,269,000	1,729,083,000
6442	NNT14791	Đặng Thị Nghĩa	P. Láng, Hà Nội	874,710,000	0	874,710,000	539,676,000	335,034,000
6443	NNT23863	Hà Văn Kiên	Xã Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ	550,000,000	0	550,000,000	539,950,000	10,050,000
6444	NNT17447	Trần Thị Lệ Hoa	P. Phú Thượng, Hà Nội	1,031,485,000	150,000,000	881,485,000	540,000,000	341,485,000
6445	NNT15163	Nguyễn Lệ Hoa	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,096,898,668	0	1,096,898,668	540,149,600	556,749,068
6446	NNT01145	Nguyễn Thị Tú Diệp	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,049,816,882	3,021,566	2,046,795,316	540,567,500	1,506,227,816

6447	NNT16906	Nguyễn Thị Thanh Tình	P. Thanh Liệt, Hà Nội	883,932,000	0	883,932,000	540,711,000	343,221,000
6448	NNT14403	Lưu Thanh Tú	P. Phương Liệt, Hà Nội	700,000,000	0	700,000,000	540,785,000	159,215,000
6449	NNT16134	Đỗ Thị Thanh Nhân	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	835,094,000	0	835,094,000	541,687,210	293,406,790
6450	NNT00945	Phạm Đoàn Thực	phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,312,347,000	0	1,312,347,000	542,149,770	770,197,230
6451	NNT00391	Triệu Thị Minh Thu	P. Định Công, Hà Nội	3,865,537,000	40,000,000	3,825,537,000	542,244,000	3,283,293,000
6452	NNT22510	Đỗ Hồng Loan	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	625,067,000	0	625,067,000	542,488,000	82,579,000
6453	NNT23382	Dương Thế Hưng	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	600,000,000	45,000,000	555,000,000	543,000,000	12,000,000
6454	NNT23431	Bùi Thị Kim Oanh	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	600,000,000	45,000,000	555,000,000	543,000,000	12,000,000
6455	NNT21913	Nguyễn Tuấn Thanh	P. Kim Liên, Hà Nội	681,701,000	0	681,701,000	543,375,000	138,326,000
6456	NNT11444	Phạm Thị Thùy Dương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	543,794,000	656,206,000
6457	NNT00437	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Tây Phương, Hà Nội	1,109,155,000	0	1,109,155,000	544,254,400	564,900,600
6458	NNT21649	Bùi Thị Đào	P. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	596,199,000	0	596,199,000	544,349,000	51,850,000
6459	NNT23267	Nguyễn Đình Duẩn	P. Xuân Phương, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	544,499,560	5,500,440
6460	NNT17628	Nguyễn Thị Khánh	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	735,747,000	0	735,747,000	544,669,000	191,078,000
6461	NNT22645	Nguyễn Thị Kim Dung	Xã Hồng Vân, Hà Nội	1,168,158,216	612,610,591	555,547,625	544,774,951	10,772,674

6462	NNT16283	Đặng Thị Ngoan	Xã Xuân Giang, Tỉnh Ninh Bình	870,137,000	0	870,137,000	544,849,000	325,288,000
6463	NNT23631	Trần Thị Bích Hậu	P. Tương Mai, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	544,850,000	5,150,000
6464	NNT19365	Trần Thị Thoa	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,248,232,983	136,881,983	1,111,351,000	545,402,000	565,949,000
6465	NNT14796	Hoàng Thị Kha	P. Tương Mai, Hà Nội	926,068,000	0	926,068,000	545,546,000	380,522,000
6466	NNT01515	Nguyễn Thị Nga	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	2,062,664,986	581,507,986	1,481,157,000	545,579,500	935,577,500
6467	NNT11540	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	3,340,620,000	335,927,000	3,004,693,000	545,589,080	2,459,103,920
6468	NNT14500	Nguyễn Thu Trang	Xã An Khánh, Hà Nội	2,457,692,415	1,471,089,128	986,603,287	545,994,224	440,609,063
6469	NNT18716	Phí Thị Thu Hương	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,551,274,282	502,854,000	1,048,420,282	546,004,000	502,416,282
6470	NNT13994	Vương Thị Ngọc Hà	Xã Cao Phong, Phú Thọ	1,238,632,000	0	1,238,632,000	546,634,000	691,998,000
6471	NNT21564	Phan Văn Đà	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	627,259,000	3,000,000	624,259,000	547,300,000	76,959,000
6472	NNT15258	Nguyễn Minh Thu	P. Thanh Liệt, Hà Nội	973,781,000	0	973,781,000	548,357,410	425,423,590
6473	NNT23272	Phan Thị Loan	P. Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình	561,224,000	0	561,224,000	548,999,560	12,224,440
6474	NNT22320	Đặng Thị Trinh Thanh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	829,550,040	217,305,040	612,245,000	549,588,000	62,657,000
6475	NNT23491	Đỗ Phương Hải	Tổ 17 phường Bồ Đề, Hà Nội	576,410,000	19,231,000	557,179,000	549,768,750	7,410,250
6476	NNT20286	Trịnh Thị Hải	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	669,848,000	0	669,848,000	549,908,000	119,940,000

6477	NNT23279	Nguyễn Bắc Hà	P. Hà Đông, Hà Nội	550,000,000	0	550,000,000	550,000,000	0
6478	NNT16421	Lê Thị Diễm	P. Định Công Hà Nội	567,300,000	0	567,300,000	550,022,000	17,278,000
6479	NNT19560	Nguyễn Thế Hưng	P. Quyết Thắng, Thái Nguyên□	1,915,789,000	780,000,000	1,135,789,000	550,370,000	585,419,000
6480	NNT19566	Phạm Thị Lệ	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,026,866,000	117,449,000	909,417,000	550,807,100	358,609,900
6481	NNT15878	Hà Thị Dàn	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,141,304,000	0	1,141,304,000	551,479,235	589,824,765
6482	NNT14291	Trần Thu Hiền	Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	1,435,689,000	0	1,435,689,000	551,603,000	884,086,000
6483	NNT23319	Hồ Xuân Hương	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	600,000,000	45,000,000	555,000,000	551,760,000	3,240,000
6484	NNT14166	Phạm Thị Bích Liên	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,107,431,000	0	1,107,431,000	551,829,000	555,602,000
6485	NNT20329	Lưu Thị Kim Liên	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	755,935,000	73,387,000	682,548,000	552,937,000	129,611,000
6486	NNT18334	Chu Tuyết Nhung	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	709,278,000	28,294,000	680,984,000	553,139,000	127,845,000
6487	NNT15832	Lê Thị Bảo Ái	Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	719,044,000	100,000,000	619,044,000	553,184,000	65,860,000
6488	NNT20095	Trần Thị Mai Phương	P. Bồ Đề, Hà Nội	580,000,000	0	580,000,000	553,450,000	26,550,000
6489	NNT10997	Phạm Thị Huyền	P. Yên Hòa, Hà Nội	848,861,000	0	848,861,000	553,494,080	295,366,920
6490	NNT00397	Nguyễn Xuân Hùng	P. Thanh Liệt, Hà Nội	4,386,340,000	0	4,386,340,000	554,095,000	3,832,245,000
6491	NNT22464	Đặng Duy Thùy	P. Tương Mai, Hà Nội	768,230,179	191,000,000	577,230,179	554,377,054	22,853,125

6492	NNT14885	Nguyễn Đình Cương	P.Định Công, Hà Nội	965,535,000	0	965,535,000	554,532,400	411,002,600
6493	NNT21554	Đặng Thị Hạnh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	718,579,000	75,000,000	643,579,000	554,700,000	88,879,000
6494	NNT23774	Hoàng Thị Anh Thư	II Phùng Chí Kiên, P. Gia Viên, Hải Phòng	1,435,961,672	880,961,671	555,000,001	555,000,000	1
6495	NNT23420	Phạm Thị Phương Anh	Phường Láng, Hà Nội	600,000,000	45,000,000	555,000,000	555,000,000	0
6496	NNT19260	Vũ Thị Thu Hà	P. Bồ Đề, Hà Nội	3,600,000,000	2,950,000,000	650,000,000	555,257,000	94,743,000
6497	NNT17372	Trần Khánh Linh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,077,681,000	132,815,000	944,866,000	556,407,000	388,459,000
6498	NNT14664	Vũ Thị Thúy Hà	P. Định Công, Hà Nội	1,486,337,000	180,558,000	1,305,779,000	556,504,300	749,274,700
6499	NNT16777	Đỗ Hữu Chung	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	836,726,000	0	836,726,000	556,631,000	280,095,000
6500	NNT18151	Khúc Hồng Thủy	Xã Thanh Trì, Hà Nội	820,371,000	0	820,371,000	557,000,000	263,371,000
6501	NNT17887	Nguyễn Thúy Ngân	P. Kim Liên, Hà Nội	834,115,000	0	834,115,000	557,086,000	277,029,000
6502	NNT22973	Đỗ Thị Kim Thoa	Xã Thụ Lâm , Hà Nội	806,122,000	172,614,644	633,507,356	557,521,678	75,985,678
6503	NNT10819	Hà Thị Bích	P. Nghĩa Đô, Hà Nội □	432,636,072	165,198,072	267,438,000	557,730,000	-290,292,000
6504	NNT17019	Trần Thị Mỹ	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,019,649,000	0	1,019,649,000	558,349,000	461,300,000
6505	NNT18813	Nguyễn Thanh Nga	P. Cửa Nam, Hà Nội	627,025,000	0	627,025,000	558,528,850	68,496,150
6506	NNT11563	Trần Đình Thành	P. Kim Liên, Hà Nội	1,226,499,256	147,089,114	1,079,410,142	558,817,240	520,592,902

6507	NNT13079	Đỗ Quang Hưng	Xã Đại Thanh, Hà Nội	1,855,463,000	5,000,000	1,850,463,000	559,585,000	1,290,878,000
6508	NNT12428	Nguyễn Thị Hải Yến	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,071,617,469	129,637,257	941,980,212	559,784,932	382,195,280
6509	NNT16261	Hoàng Thị Liễu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	940,474,000	30,000,000	910,474,000	559,880,000	350,594,000
6510	NNT20386	Hồ Thanh Mai	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,024,566,438	150,538,438	874,028,000	559,900,535	314,127,465
6511	NNT11530	Lê Thị Hương Tinh	P. Kim Liên, Hà Nội	1,525,886,000	0	1,525,886,000	560,053,122	965,832,878
6512	NNT12126	Bùi Văn Nhật	Xã Yên Hòa, tỉnh Hà Tĩnh	1,747,246,000	263,307,000	1,483,939,000	560,265,000	923,674,000
6513	NNT14311	Nguyễn Văn Thảo	P. Cửa Nam, Hà Nội	771,218,000	0	771,218,000	560,468,000	210,750,000
6514	NNT20466	Phạm Thị Nhung	P. Bạch Mai, Hà Nội	970,433,000	138,320,000	832,113,000	560,570,000	271,543,000
6515	NNT20047	Lê Thanh Hải	P. Hà Đông, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	561,000,000	39,000,000
6516	NNT22398	Nguyễn Trọng Tuấn	P. Giảng Võ, Hà Nội	600,000,000	10,000,000	590,000,000	561,200,000	28,800,000
6517	NNT15177	Nguyễn Thị Phương	Tổ 44 Thượng Đình, phường Thanh Xuân, Hà Nội	927,561,000	30,000,000	897,561,000	561,334,014	336,226,986
6518	NNT20829	Đặng Thị Tuyết	phường Hà Đông, Hà Nội	809,264,000	0	809,264,000	561,338,000	247,926,000
6519	NNT17992	Phạm Thị Bông	P. Khương Đình, Hà Nội Hồ Tùng Mậu, P. Phú Diễn, Hà Nội	880,000,000	6,300,000	873,700,000	561,603,000	312,097,000
6520	NNT14758	Trần Thu Nga	P. Bạch Mai, Hà Nội	864,684,000	0	864,684,000	561,719,000	302,965,000
6521	NNT11786	Nguyễn Văn Vương	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,136,579,000	258,006,000	878,573,000	562,378,000	316,195,000

6522	NNT22212	Dương Văn Được	P. Đống Đa, Hà Nội	815,217,000	122,283,000	692,934,000	562,499,640	130,434,360
6523	NNT15102	Hoàng Ngọc Hải	Xã Thuận An, Hà Nội	969,918,669	228,575,669	741,343,000	562,907,000	178,436,000
6524	NNT20698	Lê Minh Nguyệt	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,500,000,000	868,118,000	631,882,000	563,500,000	68,382,000
6525	NNT24053	Lê Thị Châm	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	800,000,000	205,000,000	595,000,000	563,933,000	31,067,000
6526	NNT22880	Cao Thị Bích Phượng	P. Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ□	600,000,000	36,000,000	564,000,000	564,000,000	0
6527	NNT23121	Lê Minh Thúy	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	600,000,000	36,000,000	564,000,000	564,000,000	0
6528	NNT12042	Lê Thị Tuyết Thanh	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,360,108,000	283,862,000	1,076,246,000	564,012,000	512,234,000
6529	NNT01115	Ngô Kim Loan	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	1,852,839,000	55,000,000	1,797,839,000	566,589,000	1,231,250,000
6530	NNT14041	Trần Thị Huyền Thanh	P. Hà Đông, Hà Nội	995,225,000	23,500,000	971,725,000	566,604,119	405,120,881
6531	NNT17935	Lê Thị Tú	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,093,680,000	0	1,093,680,000	566,654,700	527,025,300
6532	NNT15205	Nguyễn Phương Hà	P. Kim Liên, Hà Nội	1,215,587,000	600,000,000	615,587,000	566,724,000	48,863,000
6533	NNT15275	Phan Thị Quế	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	567,168,000	432,832,000
6534	NNT12294	Phùng Thị Thanh Tâm	P. Hoàng Mai, Hà Nội	766,629,000	0	766,629,000	567,695,450	198,933,550
6535	NNT13144	Trần Việt Thanh	P. Đại Mỗ, Hà Nội	1,683,405,479	80,336,479	1,603,069,000	568,168,000	1,034,901,000
6536	NNT22942	Nguyễn Thị Lê	P. Phương Liệt, Hà Nội	600,000,000	30,000,000	570,000,000	568,200,000	1,800,000

6537	NNT20922	Đồng Văn Khang	P. Phú Diễn, Hà Nội	874,758,000	0	874,758,000	568,388,000	306,370,000
6538	NNT01512	Kiều Phúc Khánh	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	5,615,218,000	200,000,000	5,415,218,000	568,657,120	4,846,560,880
6539	NNT11823	Vũ Duy Dương	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,699,234,000	445,000,000	1,254,234,000	569,303,000	684,931,000
6540	NNT15521	Phạm Thị Tinh	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,040,000,000	0	1,040,000,000	569,967,000	470,033,000
6541	NNT20866	Mai Tiến Dũng	P. Bồ Đề, Hà Nội	778,657,000	0	778,657,000	570,000,000	208,657,000
6542	NNT01189	Cao Thị Hoa	P. Cầu Giấy, Hà Nội	3,084,337,214	632,706,000	2,451,631,214	570,618,180	1,881,013,034
6543	NNT19751	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phường Chu Văn An, TP Hải Phòng	1,523,170,000	761,585,000	761,585,000	571,299,580	190,285,420
6544	NNT13661	Vũ Ngọc Thao	Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên	1,353,108,000	192,000,000	1,161,108,000	571,611,000	589,497,000
6545	NNT15846	Nguyễn Quang Thắng	Phường Việt Hưng, TP Hà Nội	1,043,100,336	0	1,043,100,336	571,849,000	471,251,336
6546	NNT16763	Bùi Ngọc Quang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,556,701,000	0	3,556,701,000	572,269,000	2,984,432,000
6547	NNT16852	Nguyễn Diễm Vĩnh Hà	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	1,161,616,000	0	1,161,616,000	572,349,000	589,267,000
6548	NNT12128	Nguyễn Thu Hiền	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	906,068,000	0	906,068,000	572,561,000	333,507,000
6549	NNT00494	Nguyễn Thị Kim Thu	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,640,471,000	27,522,000	1,612,949,000	572,719,250	1,040,229,750
6550	NNT16773	Đào Trần Việt	P. Cầu Giấy, Hà Nội	724,208,000	28,076,000	696,132,000	572,912,000	123,220,000
6551	NNT18535	Mai Thúy Thanh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	900,000,000	233,080,000	666,920,000	573,281,000	93,639,000

6552	NNT15655	Trần Thị Thu Hương	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	1,100,000,000	0	1,100,000,000	573,718,000	526,282,000
6553	NNT00764	Cao Thị Lan	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,420,024,000	0	1,420,024,000	573,727,000	846,297,000
6554	NNT16411	Nguyễn Thị Minh Lệ	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,183,067,000	0	1,183,067,000	575,255,000	607,812,000
6555	NNT11401	Hoàng Văn Sỹ	Xã Phù Đồng, Hà Nội	1,500,000,000	0	1,500,000,000	575,784,000	924,216,000
6556	NNT11548	Nguyễn Thị Bạch Yến	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,369,794,000	0	2,369,794,000	575,885,000	1,793,909,000
6557	NNT19610	Trần Thị Thu Hà	P. Hồng Hà, Hà Nội	720,960,000	70,000,000	650,960,000	576,862,620	74,097,380
6558	NNT16153	Lê Thị Kim Dung	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,693,205,000	392,987,000	1,300,218,000	577,662,330	722,555,670
6559	NNT20244	Trần Xuân Ra	CH 2107 T21 Tòa 29T2 Lô đất NO5 KĐT Đông Nam đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Hà Nội	832,403,000	28,440,000	803,963,000	578,192,000	225,771,000
6560	NNT16046	Nguyễn Thị Thuân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	758,087,000	22,000,000	736,087,000	579,155,000	156,932,000
6561	NNT17933	Nguyễn Thị Hải Yến	P. Kim Liên, Hà Nội	911,703,000	0	911,703,000	579,246,097	332,456,903
6562	NNT02071	Võ Khánh Lê	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,537,918,000	18,000,000	1,519,918,000	579,918,655	939,999,345
6563	NNT22207	Cao Thị Tiến	P. Đống Đa, Hà Nội	618,557,000	0	618,557,000	580,000,000	38,557,000
6564	NNT16264	Nguyễn Thị Lan Anh	Xã Chí Minh, Tỉnh Hưng Yên	791,859,000	0	791,859,000	580,414,000	211,445,000
6565	NNT15797	Bé Nội Châu	P. Đống Đa, Hà Nội	3,053,654,832	582,587,832	2,471,067,000	580,671,894	1,890,395,106
6566	NNT14055	Đỗ Thị Loan	Xã Hoài Đức, Hà Nội	2,108,849,000	0	2,108,849,000	580,708,180	1,528,140,820

6567	NNT12605	Nguyễn Thị Loan	P. Bạch Mai, Hà Nội	2,418,788,000	140,506,000	2,278,282,000	582,422,205	1,695,859,795
6568	NNT14561	Đỗ Xuân Hoàn	P. Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ□	861,142,000	0	861,142,000	582,450,000	278,692,000
6569	NNT19864	Nguyễn Thành Trung	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	1,300,000,000	195,000,000	1,105,000,000	582,873,000	522,127,000
6570	NNT01598	Lê Thị Thanh Hà	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	844,742,000	36,062,000	808,680,000	583,033,000	225,647,000
6571	NNT00386	Hoàng Thị Duyệt	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,974,918,000	384,702,000	1,590,216,000	583,111,020	1,007,104,980
6572	NNT16546	Nguyễn Hải Lan	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	583,384,000	416,616,000
6573	NNT24001	Hà Linh Chi	P. Tương Mai, Hà Nội	583,606,000	0	583,606,000	583,606,000	0
6574	NNT13844	Nguyễn Thúy Liên	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,265,872,000	42,960,000	1,222,912,000	583,631,350	639,280,650
6575	NNT23674	Tạ Thị Lan	P. Hồng Gai, Quảng Ninh□	660,000,000	70,100,000	589,900,000	584,500,000	5,400,000
6576	NNT11822	Vũ Thu Trang	Số 5 ngõ 2 An Xá, phường Hồng Hà, Hà Nội	1,339,830,000	0	1,339,830,000	584,544,000	755,286,000
6577	NNT16635	Lưu Thị Dung	P. Kim Liên, Hà Nội	848,010,000	117,000,000	731,010,000	584,724,000	146,286,000
6578	NNT14026	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,063,157,000	30,000,000	1,033,157,000	584,843,000	448,314,000
6579	NNT17562	Nguyễn Diệu Hằng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	879,173,000	30,000,000	849,173,000	585,149,000	264,024,000
6580	NNT12668	Kiều Thùy Trang	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	896,372,000	0	896,372,000	586,090,115	310,281,885
6581	NNT19398	Lã Thái Hoạt	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,342,436,000	680,363,000	662,073,000	586,159,000	75,914,000

6582	NNT19792	Hoàng Thị Luân	Phường Đồng Mai, Tỉnh Quảng Ninh	1,273,218,000	638,298,000	634,920,000	586,809,000	48,111,000
6583	NNT23714	Trần Thị Phương Lan	P. Thanh Xuân, Hà Nội	650,000,000	0	650,000,000	586,847,000	63,153,000
6584	NNT19405	Phạm Thị Duy Hương	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	689,312,000	0	689,312,000	587,350,000	101,962,000
6585	NNT23197	Phạm Khắc Mô	P. Đại Mỗ, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	588,000,000	12,000,000
6586	NNT23358	Lê Thị Tỵ	Thôn Đá, xã Gia Lâm, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	589,372,000	10,628,000
6587	NNT23244	Trần Ngọc Khánh	Xã Hoài Đức, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	589,400,000	10,600,000
6588	NNT23306	Lã Thị Chi	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	710,870,137	110,870,137	600,000,000	589,400,000	10,600,000
6589	NNT23393	Dương Thị Loan	P. Vĩnh Hưng, Hà Nội	612,245,000	0	612,245,000	589,400,100	22,844,900
6590	NNT22381	Nguyễn Danh Quang	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	800,000,000	120,000,000	680,000,000	589,600,000	90,400,000
6591	NNT23112	Lê Thị Bích Hồng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	590,000,000	0	590,000,000	590,000,000	0
6592	NNT19918	Hoàng Huyền Anh	P. Giảng Võ, Hà Nội	835,697,000	0	835,697,000	590,000,391	245,696,609
6593	NNT13616	Phan Thị Liên	P. Tương Mai, Hà Nội	1,171,601,437	77,906,437	1,093,695,000	590,095,075	503,599,925
6594	NNT23258	Vũ Long	Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh	645,000,000	0	645,000,000	591,000,000	54,000,000
6595	NNT22156	Nguyễn Thị Thúy	P. Kon Tum, Quảng Ngãi	1,162,553,984	506,756,984	655,797,000	591,147,000	64,650,000
6596	NNT14312	Vũ Thị Thu Huyền	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	882,309,000	0	882,309,000	591,326,000	290,983,000

6597	NNT15235	Lê Hải Việt Hoàng	P. Kim Liên, Hà Nội	1,232,580,000	0	1,232,580,000	591,372,015	641,207,985
6598	NNT11937	Đặng Công Cần	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,121,975,000	0	1,121,975,000	591,872,000	530,103,000
6599	NNT19526	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,576,495,760	566,400,000	1,010,095,760	592,023,000	418,072,760
6600	NNT23176	Nguyễn Thị Hương	P. Hà Đông, Hà Nội	970,000,000	377,750,000	592,250,000	592,250,000	0
6601	NNT11820	Võ Phương Linh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,337,114,000	5,000,000	1,332,114,000	592,297,000	739,817,000
6602	NNT20164	Lê Hùng Kiên	Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	630,322,000	0	630,322,000	592,502,000	37,820,000
6603	NNT22877	Nguyễn Thị Thu Hằng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	650,000,000	0	650,000,000	592,556,000	57,444,000
6604	NNT20532	Nguyễn Thị Minh Thịnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	727,725,000	54,000,000	673,725,000	592,700,000	81,025,000
6605	NNT14712	Phạm Thị Quảng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,803,049,000	198,758,000	1,604,291,000	593,622,000	1,010,669,000
6606	NNT18728	Nguyễn Thị Thơ	P. Việt Hưng, Hà Nội	992,232,938	82,550,938	909,682,000	593,983,000	315,699,000
6607	NNT23651	Đặng Linh Chi	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	594,000,000	6,000,000
6608	NNT23243	Vũ Thị Kim Nguyên	P. Ngọc Hà, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	594,700,000	5,300,000
6609	NNT23242	Nguyễn Thành Vinh	Nhà 8/75, ngõ 523 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	602,041,000	0	602,041,000	594,800,000	7,241,000
6610	NNT14003	Nguyễn Thị Thực	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	594,936,000	605,064,000
6611	NNT23721	Lê Chính Đại	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	595,143,000	4,857,000

6612	NNT19099	Phạm Thanh Tùng	P. Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh□	666,247,000	0	666,247,000	595,500,000	70,747,000
6613	NNT23988	Nguyễn Thị Vi	P. Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa	600,000,000	0	600,000,000	595,750,000	4,250,000
6614	NNT16967	Vũ Quang Tùng	P. Hồng Hà, Hà Nội	849,790,000	0	849,790,000	595,918,000	253,872,000
6615	NNT18882	Nguyễn Thu Thủy	Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên	823,101,000	0	823,101,000	596,350,000	226,751,000
6616	NNT19348	Vũ Văn Mạnh	P. Tương Mai, Hà Nội	782,241,000	0	782,241,000	596,574,000	185,667,000
6617	NNT23235	Trần Văn Tấn	P. Lê Chân, TP Hải Phòng	631,579,000	0	631,579,000	596,842,000	34,737,000
6618	NNT17867	Trần Thị Sáu	phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	917,377,000	435,207,353	482,169,647	596,928,000	-114,758,353
6619	NNT01883	Lương Thị Phương Lan	P. Đồng Đa, Hà Nội	871,818,000	300,000,000	571,818,000	597,032,000	-25,214,000
6620	NNT21631	Trần Thị Thu Hương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	641,711,000	0	641,711,000	597,059,000	44,652,000
6621	NNT22703	Lê Quốc Kỳ	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	628,357,000	0	628,357,000	597,348,385	31,008,615
6622	NNT13362	Vũ Anh Duy	Số 5 ngõ 2 An Xá, phường Hồng Hà, Hà Nội	1,324,310,000	0	1,324,310,000	597,448,500	726,861,500
6623	NNT17623	Kiều Trung Thành	P. Tương Mai, Hà Nội	703,788,000	0	703,788,000	598,181,000	105,607,000
6624	NNT23373	Phạm Văn Thụ	P. Khương Đình, Hà Nội	619,149,000	0	619,149,000	598,460,000	20,689,000
6625	NNT23261	Nguyễn Thị Kim Khánh	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	598,500,000	1,500,000
6626	NNT19115	Huỳnh Thị Thanh	P. Hồng Hà, Hà Nội	965,308,000	0	965,308,000	598,789,000	366,519,000

6627	NNT23871	Trần Thị Kim Quy	P. Láng, Hà Nội	1,231,578,000	615,789,000	615,789,000	599,178,000	16,611,000
6628	NNT15016	Nguyễn Thị Hiền	P. Hà Đông, Hà Nội	1,611,061,000	298,934,000	1,312,127,000	599,187,000	712,940,000
6629	NNT11952	Phạm Thị Hà	P. Hà Đông, Hà Nội	1,365,508,562	6,000,000	1,359,508,562	599,363,274	760,145,288
6630	NNT01051	Lê Thị Minh Nga	phường Bắc Giang, Bắc Ninh	1,893,003,000	0	1,893,003,000	599,400,780	1,293,602,220
6631	NNT13490	Nguyễn Thị Việt Bằng	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,220,003,000	0	1,220,003,000	599,500,000	620,503,000
6632	NNT21135	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	P. Khương Đình, Hà Nội	877,525,329	230,297,329	647,228,000	599,999,000	47,229,000
6633	NNT21007	Trần Minh Châu	P. Đống Đa, Hà Nội	729,300,000	0	729,300,000	599,999,220	129,300,780
6634	NNT22402	Nguyễn Thị Thanh Hà	P. Hà Đông, Hà Nội	621,760,000	0	621,760,000	599,999,255	21,760,745
6635	NNT21331	Đào Thị Luyện	P. Nhị Chiểu, TP Hải Phòng	787,006,000	69,375,000	717,631,000	599,999,300	117,631,700
6636	NNT20589	Nguyễn Thị Huyền	P. Đống Đa, Hà Nội	763,236,000	0	763,236,000	599,999,680	163,236,320
6637	NNT20809	Vũ Thị Loan	P. Bồ Đề, Hà Nội	645,161,000	0	645,161,000	600,000,000	45,161,000
6638	NNT23378	Uông Thanh Tâm	P. Khương Đình, Hà Nội	612,245,000	0	612,245,000	600,000,000	12,245,000
6639	NNT24211	Đỗ Thị Thu Vân	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	600,000,000	0
6640	NNT23726	Đoàn Thị Ngà	phường Thanh Xuân, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	600,000,000	0
6641	NNT22614	Nguyễn Huy Phùng	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	660,000,000	0	660,000,000	600,000,000	60,000,000

6642	NNT23765	Phạm Thị Tô Minh	P. Yên Hòa, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	600,000,000	0
6643	NNT22522	Ngô Đặng Hương Dung	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,200,000,000	600,000,000	600,000,000	600,000,000	0
6644	NNT23755	Nguyễn Thành Công	P. Kim Liên, Hà Nội	618,557,000	0	618,557,000	600,000,000	18,557,000
6645	NNT23206	Đào Thị Đức	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	616,451,000	0	616,451,000	600,000,000	16,451,000
6646	NNT24309	Phạm Ngọc Thành	P. Định Công, Hà Nội	618,557,000	0	618,557,000	600,000,000	18,557,000
6647	NNT23214	Lê Văn Bình	P. Tương Mai, Hà Nội	612,245,000	0	612,245,000	600,000,000	12,245,000
6648	NNT13359	Nguyễn Thị Khoa	P. Thanh Liệt, Hà Nội	3,491,221,000	1,865,860,000	1,625,361,000	600,595,000	1,024,766,000
6649	NNT17026	Đoàn Thị Sinh	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,110,266,000	0	1,110,266,000	600,900,696	509,365,304
6650	NNT19602	Nguyễn Đức Trường	P. Tây Tựu, Hà Nội	700,212,000	58,000,000	642,212,000	601,500,000	40,712,000
6651	NNT00425	Phạm Văn Tuyển	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	1,075,493,000	0	1,075,493,000	602,245,000	473,248,000
6652	NNT16862	Kiều Thị Nghị	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	802,440,000	0	802,440,000	602,250,000	200,190,000
6653	NNT22572	Nguyễn Thanh Hương	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,076,735,000	443,048,000	633,687,000	602,324,540	31,362,460
6654	NNT18676	Phạm Thanh Phong	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	602,480,000	397,520,000
6655	NNT21268	Nguyễn Ngọc Trang	P. Tương Mai, Hà Nội	1,000,000,000	120,000,000	880,000,000	603,617,000	276,383,000
6656	NNT22535	Nguyễn Đức Hưng	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	714,579,000	0	714,579,000	603,716,000	110,863,000

6657	NNT20411	Vũ Thị Phương Thảo	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	691,792,000	0	691,792,000	603,914,000	87,878,000
6658	NNT21093	Nguyễn Thị Hồng Dương	P. Giảng Võ, Hà Nội	762,057,000	57,587,000	704,470,000	604,013,760	100,456,240
6659	NNT16358	Đặng Bích Ngà	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,498,665,000	1,465,000,000	1,033,665,000	604,484,000	429,181,000
6660	NNT19959	Phạm Thị Tuyết Lan	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,445,362,641	245,181,320	1,200,181,321	604,819,160	595,362,161
6661	NNT22259	Vũ Thị Ánh Nguyệt	Xã Thuận An, Hà Nội	657,889,000	0	657,889,000	606,149,304	51,739,696
6662	NNT16693	Nguyễn Thị Phương Ngân	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	953,368,000	28,680,000	924,688,000	607,070,000	317,618,000
6663	NNT20357	Nguyễn Thị Liên	P. Bạch Mai, Hà Nội	933,487,000	250,000,000	683,487,000	607,149,360	76,337,640
6664	NNT23038	Nguyễn Thúy Ngân	P. Ngọc Hà, Hà Nội	709,933,000	25,000,000	684,933,000	607,834,000	77,099,000
6665	NNT13393	Trần Thị Hưởng	P. Quan Triều, Thái Nguyên	1,246,380,000	42,391,000	1,203,989,000	608,269,000	595,720,000
6666	NNT16086	Nguyễn Thị Hòa Bình	P. Hồng Hà, Hà Nội	807,384,000	0	807,384,000	609,485,150	197,898,850
6667	NNT14230	Mai Thị Thủy	P. Khương Đình, Hà Nội	910,334,000	0	910,334,000	609,869,850	300,464,150
6668	NNT00418	Trần Thúy Chung	P. Hai Ba Trưng, Hà Nội	1,705,646,459	1,081,332,103	624,314,356	609,916,000	14,398,356
6669	NNT13171	Ngô Huyền Trang	P. Khương Đình, Hà Nội	940,837,000	130,000,000	810,837,000	609,989,000	200,848,000
6670	NNT01153	Nguyễn Thị Hoa	Xã Quảng Oai, Hà Nội	1,281,977,000	339,000,000	942,977,000	610,011,900	332,965,100
6671	NNT22967	Trịnh Thị Mai	P. Đồng Đa, Hà Nội	723,712,000	0	723,712,000	610,402,000	113,310,000

6672	NNT00345	Nguyễn Thị Kim Minh	P. Hoàng Mai, Hà Nội	3,256,832,000	0	3,256,832,000	610,441,546	2,646,390,454
6673	NNT14049	Đỗ Thị Minh	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,474,263,233	281,693,847	1,192,569,386	610,505,840	582,063,546
6674	NNT00585	Lê Thị Thu	P. Đống Đa, Hà Nội	6,730,354,000	400,000,000	6,330,354,000	611,233,500	5,719,120,500
6675	NNT16502	Đỗ Quốc Bảo Ngọc	P. Đông Ngạc, Hà Nội	863,934,000	150,788,000	713,146,000	611,456,420	101,689,580
6676	NNT11370	Nguyễn Thị Thành	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	780,000,000	0	780,000,000	611,502,000	168,498,000
6677	NNT01248	Nguyễn Đình Thấn	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,744,966,000	484,212,000	4,260,754,000	611,783,000	3,648,971,000
6678	NNT11142	Hy Đức Mạnh	P. Phú Thượng, Hà Nội	1,585,343,000	190,926,000	1,394,417,000	612,116,000	782,301,000
6679	NNT14131	Điền Bảo Vân	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	833,004,000	54,740,000	778,264,000	612,118,120	166,145,880
6680	NNT16522	Trương Thị Hồng Nhung	Phường Kim Liên, Hà Nội	786,220,000	0	786,220,000	612,480,000	173,740,000
6681	NNT00024	Đậu Đức Thọ	P. Ba Đình, Hà Nội	4,083,334,000	10,000,000	4,073,334,000	613,603,000	3,459,731,000
6682	NNT23001	Nguyễn Văn Thành	phường Bạch Mai, Hà Nội	960,000,000	346,200,000	613,800,000	613,800,000	0
6683	NNT22899	Lê Bạch Hường	P. Khương Đình, Hà Nội	720,071,000	67,500,000	652,571,000	613,800,000	38,771,000
6684	NNT21185	Nguyễn Mạnh Cường	P. Ngọc Hà, Hà Nội	4,000,653,000	0	4,000,653,000	613,931,000	3,386,722,000
6685	NNT21656	Trần Thùy Dương	P. Kim Liên, Hà Nội	3,237,208,853	2,686,888,852	550,320,001	614,307,037	-63,987,036
6686	NNT18329	Hà Thị Quỳnh Như	P. Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	1,050,560,000	200,000,000	850,560,000	614,312,960	236,247,040

6687	NNT23829	Nguyễn Thị Kim Thoa	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,650,000,000	963,595,972	686,404,028	614,343,110	72,060,918
6688	NNT14297	Đặng Thị Huyền	P. Hà Đông, Hà Nội	792,978,000	0	792,978,000	615,138,995	177,839,005
6689	NNT15173	Bùi Thị Phương Mai	P. Bạch Mai, Hà Nội	777,821,000	0	777,821,000	615,865,906	161,955,094
6690	NNT23090	Đặng Thị Vinh	Phường Hà Đông, Hà Nội	632,195,000	0	632,195,000	617,554,000	14,641,000
6691	NNT19238	Trần Kiều Thanh	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,854,730,000	933,851,000	920,879,000	619,116,000	301,763,000
6692	NNT23668	Nguyễn Tất Thành	P. Tây Hồ, Hà Nội	663,113,000	0	663,113,000	620,011,000	43,102,000
6693	NNT16275	Nguyễn Thị Thìn	P. Vinh Hưng, Nghệ An	1,123,754,619	211,823,619	911,931,000	620,991,870	290,939,130
6694	NNT02012	Nguyễn Quang Thao	Xã Trường Lưu, Hà Tĩnh	5,590,842,000	70,000,000	5,520,842,000	621,379,000	4,899,463,000
6695	NNT13731	Nguyễn Thị Nga	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,493,741,000	186,497,000	1,307,244,000	621,635,000	685,609,000
6696	NNT12693	Lục Lệ Minh	P. Đông Ngạc, Hà Nội	1,169,587,000	0	1,169,587,000	621,837,500	547,749,500
6697	NNT16943	Nguyễn Thị Thúy Lan	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,030,000,000	0	1,030,000,000	622,000,000	408,000,000
6698	NNT11837	Nguyễn Thị Thu	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,309,175,000	200,000,000	1,109,175,000	622,282,480	486,892,520
6699	NNT20497	Kiều Thu Hiền	P. Hồng Hà, Hà Nội	899,470,000	0	899,470,000	622,324,000	277,146,000
6700	NNT20596	Đỗ Thị Đào	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	755,051,000	0	755,051,000	622,800,000	132,251,000
6701	NNT11509	Nguyễn Thị Hải Yến	P. Tây Mỗ, Hà Nội	2,155,582,000	698,925,000	1,456,657,000	623,317,000	833,340,000

6702	NNT15504	Nguyễn Việt Dũng	P. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	697,648,000	0	697,648,000	623,425,000	74,223,000
6703	NNT17778	Nguyễn Anh Diện	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,069,519,000	0	1,069,519,000	623,582,000	445,937,000
6704	NNT24439	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Kim Liên, Hà Nội	623,728,000	0	623,728,000	623,728,000	0
6705	NNT11657	Trần Thị Tân	P. Láng, Hà Nội	5,974,821,000	600,000,000	5,374,821,000	624,225,440	4,750,595,560
6706	NNT13605	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Giảng Võ, Hà Nội	763,875,000	0	763,875,000	624,520,000	139,355,000
6707	NNT15481	Phạm Thị Thu Hiền	P. Ba Đình, Hà Nội	1,297,297,000	194,595,000	1,102,702,000	624,735,000	477,967,000
6708	NNT22338	Đào Minh Phương	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	802,043,000	100,806,000	701,237,000	625,000,000	76,237,000
6709	NNT15550	Đặng Thị Quỳnh Anh	phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,094,499,000	0	1,094,499,000	625,010,702	469,488,298
6710	NNT16690	Trần Thị Thanh Dung	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	850,307,000	0	850,307,000	625,105,980	225,201,020
6711	NNT00428	Nguyễn Xuân Khúc	Xã Thuận An, Hà Nội	2,393,938,000	0	2,393,938,000	625,488,600	1,768,449,400
6712	NNT12966	Vũ Huy Châu	P. Chương Mỹ, Hà Nội	1,301,903,000	90,000,000	1,211,903,000	625,695,580	586,207,420
6713	NNT21133	Dương Thị Kim Thư	P. Kim Liên, Hà Nội	1,041,667,000	277,894,000	763,773,000	626,222,000	137,551,000
6714	NNT16670	Vũ Thị Minh Nguyệt	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,020,515,000	0	1,020,515,000	626,500,000	394,015,000
6715	NNT12288	Lê Thị Kim Dung	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,856,218,768	558,792,768	1,297,426,000	626,765,210	670,660,790
6716	NNT14431	Bùi Hải Công	P. Đống Đa, Hà Nội	647,705,000	0	647,705,000	626,844,000	20,861,000

6717	NNT15495	Phan Anh Thu	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,515,591,000	600,000,000	915,591,000	626,965,000	288,626,000
6718	NNT23977	Lê Thị Thanh Tú	Phường Đồng Đa, Hà Nội	863,989,726	114,990,000	748,999,726	627,060,000	121,939,726
6719	NNT16665	Phạm Minh Thảo	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,150,000,000	384,000,000	766,000,000	627,078,000	138,922,000
6720	NNT23234	Đinh Xuân Nghiêm	P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	658,050,000	22,750,000	635,300,000	627,250,000	8,050,000
6721	NNT01004	Võ Thị Bích Thủy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	827,141,568	199,324,452	627,817,116	627,817,116	0
6722	NNT17234	Tô Hồng Hải Châu	P. Gia Viên, TP Hải Phòng	823,919,000	0	823,919,000	628,550,000	195,369,000
6723	NNT11213	Nông Thị Thủy	Xã Mê Linh, Hà Nội	1,560,657,000	12,400,000	1,548,257,000	628,587,000	919,670,000
6724	NNT20003	Nguyễn Ngọc Quỳn	P. Quế Võ, Bắc Ninh	874,316,000	0	874,316,000	629,469,000	244,847,000
6725	NNT15167	Trần Thành	P. Sơn Tây, Hà Nội	963,048,000	0	963,048,000	629,884,000	333,164,000
6726	NNT17850	Nguyễn Thị Minh Châu	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,165,000,000	0	1,165,000,000	630,075,000	534,925,000
6727	NNT20763	Nguyễn Quỳnh Hương	P. Giảng Võ, Hà Nội	3,002,039,492	1,739,289,492	1,262,750,000	631,167,508	631,582,492
6728	NNT22234	Trần Thùy Nhung	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	913,440,000	256,000,000	657,440,000	631,169,173	26,270,827
6729	NNT12036	Lương Thu Hiền	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,301,254,000	0	1,301,254,000	631,594,325	669,659,675
6730	NNT00768	Dương Văn Tự	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	2,088,000,000	0	2,088,000,000	631,844,000	1,456,156,000
6731	NNT02003	Bùi Thị Kiều Khanh	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,102,789,316	197,700,158	905,089,158	634,657,250	270,431,908

6732	NNT18797	Nguyễn Thị Ánh	P. Hải Châu, TP Đà Nẵng	954,500,000	2,000,000	952,500,000	634,750,000	317,750,000
6733	NNT18473	Đỗ Thị Quý	P. Láng, Hà Nội	811,381,000	0	811,381,000	635,050,000	176,331,000
6734	NNT16340	Hoàng Thị Minh Liên	P. Đống Đa, Hà Nội	1,898,885,274	335,642,637	1,563,242,637	635,297,363	927,945,274
6735	NNT12627	Nguyễn Thị Bích Ngọc	P. Giảng Võ, Hà Nội	976,684,000	0	976,684,000	636,176,000	340,508,000
6736	NNT17548	Nguyễn Thị Mai Hoa	P. Ba Đình, Hà Nội	779,016,000	34,433,000	744,583,000	636,437,000	108,146,000
6737	NNT14225	Vũ Thị Ngà	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,359,109,000	492,688,000	866,421,000	636,541,775	229,879,225
6738	NNT00990	Trần Thị Hải Châu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,533,093,000	173,000,000	1,360,093,000	636,673,000	723,420,000
6739	NNT21614	Nguyễn Quốc Toàn	Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	829,016,000	163,000,000	666,016,000	637,000,000	29,016,000
6740	NNT20360	Trần Khánh Quyên	P. Chợ Quán, TP. HCM	870,340,000	0	870,340,000	637,161,000	233,179,000
6741	NNT17217	Phạm Quyết Lập	P. Kim Liên, Hà Nội	983,606,000	0	983,606,000	638,054,000	345,552,000
6742	NNT16976	Trần Phương Mai	P. Khương Đình, Hà Nội	1,059,833,000	0	1,059,833,000	638,250,000	421,583,000
6743	NNT21573	Nguyễn Thị Tuyết	P. Tương Mai, Hà Nội	836,842,000	70,119,000	766,723,000	638,972,438	127,750,562
6744	NNT21892	Nguyễn Thị Thành	P. Vinh Hưng, Nghệ An	701,962,000	5,902,000	696,060,000	638,987,000	57,073,000
6745	NNT16292	Trần Quỳnh Anh	Phường Từ Liêm, TP Hà Nội	1,320,870,000	0	1,320,870,000	639,299,630	681,570,370
6746	NNT22868	Trần Thị Tuyết Mai	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	660,802,000	0	660,802,000	640,000,000	20,802,000

6747	NNT23023	Trần Thăng Long	P. Khương Đình, Hà Nội	660,000,000	0	660,000,000	640,981,000	19,019,000
6748	NNT11282	Đặng Đình Kim	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	2,583,936,000	0	2,583,936,000	640,990,545	1,942,945,455
6749	NNT12494	Đào Thị Kim Cúc	P. Yên Hòa, Hà Nội	3,915,704,000	1,585,215,000	2,330,489,000	641,016,273	1,689,472,727
6750	NNT22710	Lưu Thị Kim Thư	P. Xuân Đình, Hà Nội	650,000,000	0	650,000,000	642,000,000	8,000,000
6751	NNT20613	Nguyễn Thị Xuân Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	721,649,000	0	721,649,000	643,580,000	78,069,000
6752	NNT16940	Hoàng Trung Dũng	P. Phương Liệt, TP Hà Nội	3,603,298,000	1,562,532,000	2,040,766,000	643,902,000	1,396,864,000
6753	NNT22193	Luyện Thị Thảo	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,048,021,000	255,000,000	793,021,000	645,000,495	148,020,505
6754	NNT21382	Nguyễn Thị Phương Hoa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	707,731,000	0	707,731,000	646,166,000	61,565,000
6755	NNT23065	Phạm Thị Xuân Mai	P. Tương Mai, Hà Nội	650,000,000	0	650,000,000	646,350,000	3,650,000
6756	NNT21510	Hoàng Thị Minh Phương	P. Kiến An, TP Hải Phòng	800,000,000	0	800,000,000	646,450,000	153,550,000
6757	NNT23952	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	P. Cửa Nam, Hà Nội	663,479,000	0	663,479,000	646,535,000	16,944,000
6758	NNT19044	Trần Thị Ngọc Xuân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,343,608,000	0	1,343,608,000	646,743,000	696,865,000
6759	NNT23326	Ngô Thị Mai Hiền	P. Ngọc Hà, Hà Nội	663,265,000	0	663,265,000	646,843,000	16,422,000
6760	NNT23174	Đào Văn Chiện	P. Kiến Hưng, Hà Nội	738,113,000	63,856,000	674,257,000	647,000,000	27,257,000
6761	NNT14286	Trần Thị Dịch	P. Đông Hải, TP Hải Phòng	1,785,132,000	740,526,000	1,044,606,000	647,012,275	397,593,725

6762	NNT14249	Cao Thị Tâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,400,920,676	832,355,838	2,568,564,838	647,500,162	1,921,064,676
6763	NNT19009	Nguyễn Phương Anh	P. Đồng Đa, Hà Nội	1,047,120,000	304,188,000	742,932,000	647,803,435	95,128,565
6764	NNT13998	Nguyễn Thị Kim Thoa	phường Tây Hồ, Hà Nội	1,374,534,000	41,000,000	1,333,534,000	648,590,000	684,944,000
6765	NNT17845	Vũ Thị Hạnh	P. Khương Đình, Hà Nội	1,166,130,000	142,000,000	1,024,130,000	648,789,600	375,340,400
6766	NNT13979	Dương Kim Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,409,328,710	141,523,354	1,267,805,356	649,109,775	618,695,581
6767	NNT20748	Trần Thị Khánh Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,316,545,679	1,029,554,679	1,286,991,000	649,704,321	637,286,679
6768	NNT01269	Đỗ Thị Lý	Xã Đan Phượng, Hà Nội	2,975,463,000	0	2,975,463,000	649,713,000	2,325,750,000
6769	NNT12791	Hoàng Phương Anh	P. Cầu Kiệu, TP HCM	1,100,000,000	0	1,100,000,000	649,736,000	450,264,000
6770	NNT23137	Đặng Ngọc Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	681,502,000	0	681,502,000	649,999,850	31,502,150
6771	NNT24128	Vũ Văn Thịnh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	721,916,473	33,968,528	687,947,945	650,000,000	37,947,945
6772	NNT22543	Phương Khánh Linh	P. Tây Hồ, Hà Nội	661,762,000	0	661,762,000	650,000,000	11,762,000
6773	NNT21970	Cao Nguyễn Lam Phương Julia	P. Ba Đình, Hà Nội	884,231,507	0	884,231,507	650,000,000	234,231,507
6774	NNT14979	Nguyễn Quốc Vượng	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,304,124,000	0	1,304,124,000	650,383,990	653,740,010
6775	NNT01508	Phạm Hoàng Long	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,300,001,000	0	3,300,001,000	650,468,000	2,649,533,000
6776	NNT22652	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	661,376,000	0	661,376,000	650,850,000	10,526,000

6777	NNT16068	Lê Sỹ Hội	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,872,325,590	0	1,872,325,590	651,271,838	1,221,053,752
6778	NNT11459	Lê Thị Lại	P. Ngọc Hà, Hà Nội	3,494,621,000	1,764,527,000	1,730,094,000	651,895,000	1,078,199,000
6779	NNT19503	Nguyễn Thị Thúy	Xã Quốc Oai, Hà Nội	840,337,000	19,845,000	820,492,000	652,031,000	168,461,000
6780	NNT17925	Phạm Thị Bích Hồng	P. Ba Đình, Hà Nội	1,058,588,000	48,913,000	1,009,675,000	652,197,000	357,478,000
6781	NNT14430	Nguyễn Thị Cương	P. Đống Đa, Hà Nội	717,195,000	0	717,195,000	653,323,650	63,871,350
6782	NNT12068	Bùi Thị Luân	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	2,353,061,000	0	2,353,061,000	653,498,350	1,699,562,650
6783	NNT16625	Bùi Lê Bá Hùng	P. Tây Hồ, Hà Nội	3,081,584,564	1,433,315,564	1,648,269,000	654,012,436	994,256,564
6784	NNT19553	Nguyễn Thị Kim Liên	P. Đống Đa, Hà Nội	958,348,040	209,453,040	748,895,000	654,375,000	94,520,000
6785	NNT01499	Trần Thị Thu Hằng	Xã Hương Đô, Hà Tĩnh	806,026,000	0	806,026,000	654,711,064	151,314,936
6786	NNT22269	Nguyễn Thị Thoa	P. Bạch Mai, Hà Nội	801,895,377	101,895,377	700,000,000	655,187,920	44,812,080
6787	NNT16109	Kiều Đức Thủy	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,800,000,000	800,000,000	1,000,000,000	655,193,000	344,807,000
6788	NNT19271	Nguyễn Thị Phương Thúy	P. Từ Liêm, Hà Nội	929,100,000	200,000,000	729,100,000	655,727,000	73,373,000
6789	NNT12701	Nguyễn Đình Văn	P. Thanh Xuân, Hà Nội	2,807,406,000	148,792,195	2,658,613,805	656,301,843	2,002,311,962
6790	NNT23470	Phạm Văn May	P. Kim Liên, Hà Nội	660,000,000	0	660,000,000	656,320,000	3,680,000
6791	NNT17067	Nguyễn Thị Tuyền	P. Thanh Xuân, Hà Nội	870,104,000	0	870,104,000	657,029,000	213,075,000

6792	NNT20454	Lại Thị Mùi	P. Từ Liêm, Hà Nội	831,149,000	0	831,149,000	657,229,820	173,919,180
6793	NNT23703	Lương Thị Vân	P. Tân Hưng, TP HCM	700,000,000	42,750,000	657,250,000	657,250,000	0
6794	NNT14220	Hà Thị Ngọc Bích	Xã Tân Thanh, Ninh Bình	1,445,392,000	0	1,445,392,000	657,315,000	788,077,000
6795	NNT12713	Hồ Hoàng Lan	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,273,145,000	0	1,273,145,000	657,493,000	615,652,000
6796	NNT23233	Lê Thị Tuyết Nhung	P. Ba Đình, Hà Nội	727,834,000	19,330,000	708,504,000	657,522,000	50,982,000
6797	NNT16479	Bùi Thanh Tùng	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,169,399,000	80,000,000	1,089,399,000	657,747,000	431,652,000
6798	NNT22922	Nguyễn Thị Dung Hoàn	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	900,000,000	230,500,000	669,500,000	657,875,000	11,625,000
6799	NNT14794	Trần Thị Mai	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,437,068,000	0	1,437,068,000	658,081,068	778,986,932
6800	NNT20197	Lê Thị Thanh Hương	P. Giảng Võ, Hà Nội	745,441,000	0	745,441,000	658,198,250	87,242,750
6801	NNT17292	Phan Thị Kim Hiền	P. Giảng Võ, Hà Nội	848,968,000	0	848,968,000	658,400,000	190,568,000
6802	NNT18696	Dương Thị Chuyên	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,083,535,000	292,500,000	791,035,000	658,750,000	132,285,000
6803	NNT18824	Nguyễn Huy Quang	Xã Gia Lâm, Hà Nội	2,015,084,028	0	2,015,084,028	658,909,000	1,356,175,028
6804	NNT13431	Nguyễn Thị Hằng	P. Phương Liệt, TP Hà Nội	3,009,020,947	1,156,250,000	1,852,770,947	659,123,000	1,193,647,947
6805	NNT17680	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	P. Bạch Mai, Hà Nội	761,788,000	0	761,788,000	659,796,189	101,991,811
6806	NNT17635	Trần Thị Thu Huyền	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,133,365,000	49,007,000	1,084,358,000	660,344,623	424,013,377

6807	NNT14644	Trần Thanh Hà	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,353,092,000	320,000,000	1,033,092,000	660,767,000	372,325,000
6808	NNT17412	Đinh Thị Liên	P. Việt Hưng, Hà Nội	976,503,000	0	976,503,000	660,993,775	315,509,225
6809	NNT14388	Đỗ Thị Việt Hà	phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,079,197,000	0	1,079,197,000	661,230,000	417,967,000
6810	NNT19288	Nguyễn Thị Kim Dung	P. Thanh Liệt, Hà Nội	869,841,000	0	869,841,000	661,491,680	208,349,320
6811	NNT15820	Ngô Thị Phương	P. Hoàng Mai, Hà Nội	885,096,000	123,495,000	761,601,000	662,497,000	99,104,000
6812	NNT19062	Thân Thị Kim Hồng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	739,821,000	0	739,821,000	662,600,000	77,221,000
6813	NNT14077	Phạm Gia Đạt	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,219,949,000	121,319,000	1,098,630,000	662,747,935	435,882,065
6814	NNT16111	Nguyễn Thị Huyền Trang	P. Xuân Phương, Hà Nội	935,071,000	121,080,000	813,991,000	662,987,117	151,003,883
6815	NNT20772	Vương Thị Ngọc Thịnh	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,326,731,873	152,140,873	1,174,591,000	663,217,533	511,373,467
6816	NNT15855	Nguyễn Việt Mạnh	P. Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu	1,508,967,616	0	1,508,967,616	663,667,000	845,300,616
6817	NNT22494	Trần Văn Truyền	P. Đống Đa, Hà Nội	1,112,170,073	367,498,073	744,672,000	663,789,000	80,883,000
6818	NNT18043	Đặng Thị Thanh Hương	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,204,548,000	448,803,000	755,745,000	664,918,210	90,826,790
6819	NNT15456	Đỗ Đình Hưng	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	986,629,000	0	986,629,000	665,448,000	321,181,000
6820	NNT19630	Nguyễn Đức Cường	Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên □	1,784,698,134	100,180,134	1,684,518,000	666,057,616	1,018,460,384
6821	NNT18181	Phạm Thị Thu Hiền	P. Bò Đề, Hà Nội	959,539,000	126,602,000	832,937,000	667,310,000	165,627,000

6822	NNT16508	Ngô Anh Dũng	Xã Vật Lại, Hà Nội	1,060,655,000	0	1,060,655,000	667,667,000	392,988,000
6823	NNT18790	Nguyễn Văn Ngộ	P. Láng, Hà Nội	2,164,090,739	564,090,739	1,600,000,000	668,057,261	931,942,739
6824	NNT14608	Lê Thị Hoa	P. Định Công, Hà Nội	1,468,099,000	345,000,000	1,123,099,000	668,672,000	454,427,000
6825	NNT01168	Nguyễn Thị Thu Nga	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	1,085,217,000	130,435,000	954,782,000	668,874,000	285,908,000
6826	NNT15875	Vũ Thị Hào	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,021,360,000	200,000,000	821,360,000	668,958,000	152,402,000
6827	NNT01660	Nguyễn Thị Hải Phượng	P. Giảng Võ, Hà Nội	791,882,000	0	791,882,000	668,962,766	122,919,234
6828	NNT18064	Lê Hữu Tuấn Anh	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,097,415,746	268,961,746	828,454,000	669,255,000	159,199,000
6829	NNT17325	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	P. Hồng Bàng, Hải Phòng	936,091,000	105,000,000	831,091,000	669,283,000	161,808,000
6830	NNT14019	Phạm Thị Dung	P. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình P. Yên Hòa, Hà Nội	1,211,478,000	0	1,211,478,000	670,680,920	540,797,080
6831	NNT20941	Nguyễn Thị Thạch	P. Hà Đông, Hà Nội	822,227,000	0	822,227,000	670,992,000	151,235,000
6832	NNT16736	Hoàng Thị Phượng	P. Thanh Liệt, Hà Nội	853,344,000	0	853,344,000	671,493,888	181,850,112
6833	NNT01944	Nguyễn Thị Sinh Thảo	P. Hồng Hà, Hà Nội	2,140,846,000	0	2,140,846,000	671,696,210	1,469,149,790
6834	NNT24121	Trương Thị Bích Hường	Số nhà 2A, ngõ 268/31, Ngọc Thụy, tổ 25 cụm Ngọc Thụy, P. Bồ Đề, Hà Nội	736,842,000	0	736,842,000	672,000,000	64,842,000
6835	NNT13092	Nguyễn Văn Hạnh	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,797,508,000	0	1,797,508,000	672,485,000	1,125,023,000
6836	NNT01415	Nguyễn Thị Toàn	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,847,403,000	0	1,847,403,000	672,698,595	1,174,704,405

6837	NNT13890	Nguyễn Văn Tám	P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh □	952,666,000	0	952,666,000	672,880,000	279,786,000
6838	NNT18131	Phạm Thị Tuyết Nga	P. Xuân Đình, Hà Nội	1,537,951,562	475,548,562	1,062,403,000	672,938,000	389,465,000
6839	NNT20314	Đỗ Thị Dung	P. Bồ Đề, Hà Nội	872,490,000	175,000,000	697,490,000	673,000,000	24,490,000
6840	NNT15945	Phạm Thị Hồng Mai	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,432,696,000	0	1,432,696,000	673,086,000	759,610,000
6841	NNT17893	Phạm Thị Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,023,670,000	20,000,000	1,003,670,000	673,355,170	330,314,830
6842	NNT12197	Hà Thị Thu Hồng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,203,620,000	202,752,000	1,000,868,000	674,541,000	326,327,000
6843	NNT15563	Hạ Thị Lương	P. Kim Liên, Hà Nội	1,145,885,000	140,000,000	1,005,885,000	675,106,200	330,778,800
6844	NNT17808	Nguyễn Thị Liên Hương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	878,197,000	0	878,197,000	675,500,000	202,697,000
6845	NNT22132	Nguyễn Thị Xuân Hương	P. Khương Đình, Hà Nội	709,067,000	0	709,067,000	676,499,655	32,567,345
6846	NNT14350	Nguyễn Thị Dung	Xã Hoài Đức, Hà Nội	1,082,926,000	17,801,000	1,065,125,000	676,855,395	388,269,605
6847	NNT21104	Nguyễn Thanh Tú	P. Hà Đông, Hà Nội	800,000,000	100,000,000	700,000,000	677,250,000	22,750,000
6848	NNT12628	Nguyễn Thị Liên Nga	P. Bạch Mai, Hà Nội	2,090,093,000	0	2,090,093,000	677,747,710	1,412,345,290
6849	NNT23955	Vũ Thị Thu Hằng	P. Hồng Hà, TP Hà Nội	731,578,000	0	731,578,000	679,000,000	52,578,000
6850	NNT18625	Nguyễn Văn Dầu	P. Hải Dương, TP Hải Phòng	817,204,000	0	817,204,000	679,100,000	138,104,000
6851	NNT18782	Đỗ Quỳnh Mai	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,087,916,000	0	2,087,916,000	679,156,000	1,408,760,000

6852	NNT19466	Nguyễn Mạnh Long	P. Thanh Xuân, Hà Nội	839,553,000	0	839,553,000	679,770,800	159,782,200
6853	NNT20780	Dương Thị Nhạn	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	855,069,000	0	855,069,000	680,000,000	175,069,000
6854	NNT00070	Vũ Trọng Hưng	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	1,633,390,000	0	1,633,390,000	680,393,000	952,997,000
6855	NNT13850	Bùi Thị Thanh	P. Trần Hưng Đạo, Hưng Yên	1,691,442,000	0	1,691,442,000	680,727,000	1,010,715,000
6856	NNT16429	Lê Thị Phương Thảo	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	860,215,000	0	860,215,000	680,877,000	179,338,000
6857	NNT16974	Nguyễn Thị Hoan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,056,367,000	0	1,056,367,000	681,050,000	375,317,000
6858	NNT18502	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Từ Liêm, Hà Nội	881,499,000	0	881,499,000	681,300,000	200,199,000
6859	NNT13026	Đỗ Thị Liễu	P. Việt Hưng, Hà Nội	2,855,124,000	427,562,000	2,427,562,000	681,322,050	1,746,239,950
6860	NNT22305	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Xã Hương Bình, Hà Tĩnh	731,947,000	0	731,947,000	682,276,401	49,670,599
6861	NNT11309	Ngô Thị Quý	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,432,392,000	12,000,000	1,420,392,000	682,352,000	738,040,000
6862	NNT15779	Trịnh Thị Hiền	Xã Hoài Đức, Hà Nội	934,645,000	45,143,000	889,502,000	682,673,850	206,828,150
6863	NNT15269	Bùi Sỹ Dung	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	8,738,451,119	4,868,210,950	3,870,240,169	682,762,347	3,187,477,822
6864	NNT21204	Nguyễn Thị Kim Ngân	P. Hải An, Hải Phòng	720,000,000	0	720,000,000	684,000,000	36,000,000
6865	NNT13322	Nghiêm Quỳnh Phương	P. Kim Liên, Hà Nội	908,858,000	6,000,000	902,858,000	685,299,000	217,559,000
6866	NNT22526	Nguyễn Thị Phương Thùy	P. Khương Đình, Hà Nội	877,832,000	0	<u>877,832,000</u>	686,385,000	<u>191,447,000</u>

6867	NNT20606	Lê Đình Khiêm	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	1,618,458,000	862,020,500	756,437,500	687,208,500	69,229,000
6868	NNT11290	Trần Thị Mỹ Liên	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,544,561,000	91,828,000	1,452,733,000	687,546,000	765,187,000
6869	NNT12099	Hoàng Thị Minh Hồng	P. Đống Đa, Hà Nội	1,371,163,000	375,000,000	996,163,000	687,820,000	308,343,000
6870	NNT19342	Tạ Lan Phương	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	905,799,000	0	905,799,000	688,000,200	217,798,800
6871	NNT22577	Trương Thị Thúy Nga	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	751,200,000	0	751,200,000	688,800,000	62,400,000
6872	NNT11092	Nguyễn Thị Loan	P. Long Biên, Hà Nội	707,632,000	0	707,632,000	688,867,821	18,764,179
6873	NNT20348	Phạm Thị Hương Lan	19 ngách 160/7 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội	1,021,880,888	135,647,930	886,232,958	689,375,000	196,857,958
6874	NNT00307	Trịnh Thị Ngần	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	15,533,050,852	2,567,621,797	12,965,429,055	689,481,055	12,275,948,000
6875	NNT23076	Phạm Văn Lương	P. Đống Đa, Hà Nội	714,286,000	0	714,286,000	689,516,000	24,770,000
6876	NNT16389	Phạm Thị Thu Mai	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,161,179,000	0	1,161,179,000	689,683,000	471,496,000
6877	NNT21462	Trương Thị Hợp	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,663,557,000	910,000,000	753,557,000	689,800,000	63,757,000
6878	NNT18252	Trịnh Thị Hồng Nga	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	689,849,000	310,151,000
6879	NNT12951	Phan Văn Quý	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,319,672,000	0	1,319,672,000	690,378,000	629,294,000
6880	NNT22925	Nguyễn Thị Minh	P. Tân Bình, TP HCM	2,000,000,000	1,296,000,000	704,000,000	691,000,000	13,000,000
6881	NNT20724	Vũ Minh Phúc	P. Cửa Nam, Hà Nội	959,314,000	47,800,000	911,514,000	691,296,000	220,218,000

6882	NNT14138	Lê Thị Kim Ngân	P. Kim Liên, Hà Nội	1,102,020,000	0	1,102,020,000	691,865,180	410,154,820
6883	NNT22890	Đỗ Khang An	P. Kim Liên, Hà Nội	1,029,381,000	309,278,000	720,103,000	692,200,250	27,902,750
6884	NNT14188	Lê Phương Hồng	P. Nam Nha Trang, Khánh Hòa	1,417,261,544	6,502,728	1,410,758,816	692,927,183	717,831,633
6885	NNT22714	Trương Quốc Bảo	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	810,526,000	76,578,000	733,948,000	692,945,700	41,002,300
6886	NNT02106	Trần Thị Thanh Hải	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,491,554,000	0	1,491,554,000	693,181,520	798,372,480
6887	NNT12028	Nguyễn Phương Lan	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,263,649,221	118,769,222	1,144,879,999	693,379,000	451,500,999
6888	NNT23574	Lê Thị Tuyết	P. Giảng Võ, Hà Nội	715,854,855	5,092,000	710,762,855	693,908,180	16,854,675
6889	NNT20152	Trịnh Thị Thảo	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	833,333,000	0	833,333,000	694,000,140	139,332,860
6890	NNT23519	Nguyễn Thị Phụng	P. Phúc Lợi, Hà Nội	1,026,852,000	306,122,000	720,730,000	694,163,000	26,567,000
6891	NNT17639	Ngô Thị Hằng	Xã Đồng Châu, Hưng Yên	904,240,000	0	904,240,000	694,700,000	209,540,000
6892	NNT22939	Vũ Thị Sơn	P. Đống Đa, Hà Nội	837,489,863	0	837,489,863	694,800,000	142,689,863
6893	NNT20352	Lê Thị Hiếu	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	842,128,000	0	842,128,000	694,999,505	147,128,495
6894	NNT00343	Nguyễn Thị Liên	P. Ba Đình, Hà Nội	1,528,869,000	500,000,000	1,028,869,000	695,665,955	333,203,045
6895	NNT19058	Trịnh Thị Thu Huyền	Xã Đông Anh, Hà Nội	1,047,120,000	304,188,000	742,932,000	695,812,000	47,120,000
6896	NNT13200	Hoàng Trung Rạng	P. Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	1,056,641,000	0	1,056,641,000	696,561,695	360,079,305

6897	NNT16612	Lê Quang Việt	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,728,255,000	0	1,728,255,000	696,580,135	1,031,674,865
6898	NNT21249	Nguyễn Phương Mai	P. Tây Hồ, Hà Nội	805,140,000	8,108,000	797,032,000	696,920,000	100,112,000
6899	NNT22528	Bùi Lệ Thủy	P. Từ Liêm, Hà Nội	712,303,000	0	712,303,000	697,400,000	14,903,000
6900	NNT12169	Lê Đức Nhận	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,100,000,000	0	1,100,000,000	698,207,000	401,793,000
6901	NNT22824	Vũ Hữu	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,000,000,000	289,250,000	710,750,000	698,750,000	12,000,000
6902	NNT01920	Đỗ Ngọc Khanh	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,205,725,000	15,000,000	1,190,725,000	699,002,000	491,723,000
6903	NNT23788	Nguyễn Thị Kim Khánh	P. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh□	900,000,000	200,500,000	699,500,000	699,500,000	0
6904	NNT21463	Lê Thị Tuyết Nga	P. Láng, Hà Nội	818,358,000	0	818,358,000	699,650,000	118,708,000
6905	NNT17541	Nguyễn Thị Oanh	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,083,731,000	0	1,083,731,000	699,999,696	383,731,304
6906	NNT22277	Nguyễn Duy Thiệu	P. Ngọc Hà, Hà Nội	736,842,000	0	736,842,000	699,999,900	36,842,100
6907	NNT21894	Nguyễn Thị Bích Hồng	P. Cửa Nam, Hà Nội	743,707,000	0	743,707,000	700,000,000	43,707,000
6908	NNT21121	Nguyễn Thị Dung	P. Bạch Mai, Hà Nội	878,197,000	0	878,197,000	700,000,000	178,197,000
6909	NNT17958	Nguyễn Văn Tuấn	phường Hoàng Mai, Hà Nội	957,895,000	0	957,895,000	700,000,000	257,895,000
6910	NNT23905	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	P. Tương Mai, Hà Nội	744,680,000	0	744,680,000	700,000,000	44,680,000
6911	NNT20537	Nguyễn Thị Liên	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	906,225,000	0	906,225,000	700,000,000	206,225,000

6912	NNT23807	Nguyễn Thị Gấm	Xã Hòa Lạc, Hà Nội	705,500,000	0	705,500,000	700,000,000	5,500,000
6913	NNT22771	Ngô Thị Cẩm	Xã Đô Lương, Nghệ An	765,027,000	0	765,027,000	700,000,000	65,027,000
6914	NNT21163	Nguyễn Anh Tuấn	P. Bạch Mai, Hà Nội	962,567,000	0	962,567,000	700,148,000	262,419,000
6915	NNT16083	Nguyễn Thị Kim Thúy	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,040,541,000	21,000,000	1,019,541,000	700,250,000	319,291,000
6916	NNT15715	Trần Thị Mỹ Ngọc	P. Sơn Tây, Hà Nội	1,058,263,000	0	1,058,263,000	700,340,000	357,923,000
6917	NNT16445	Nguyễn Thị Yên	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,487,130,000	0	1,487,130,000	700,515,000	786,615,000
6918	NNT22660	Mai Minh Châu	P. Hà Đông, Hà Nội	750,000,000	0	750,000,000	701,250,000	48,750,000
6919	NNT16146	Lê Thị An	P. Phương Liệt, Hà Nội	2,496,755,000	340,000,000	2,156,755,000	702,116,555	1,454,638,445
6920	NNT00898	Nguyễn Thị Vĩnh Long	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,573,102,000	0	1,573,102,000	702,602,000	870,500,000
6921	NNT22904	Nguyễn Ngọc Oanh	Xã Mỹ Đức, Hà Nội	773,196,000	38,608,000	734,588,000	703,592,000	30,996,000
6922	NNT22957	Phạm Thị Kim Dung	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,173,737,000	400,000,000	773,737,000	704,020,000	69,717,000
6923	NNT17407	Vũ Thị Minh Thủy	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,081,786,000	68,232,000	1,013,554,000	704,653,700	308,900,300
6924	NNT00441	Nguyễn Thị Ngọc Loan	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,153,823,000	0	3,153,823,000	704,987,000	2,448,836,000
6925	NNT20216	Nguyễn Thị Trúc	P. Bạch Mai, Hà Nội	891,834,000	0	891,834,000	705,000,000	186,834,000
6926	NNT17344	Nguyễn Thị Loan	P. Đông Ngạc, Hà Nội	857,016,166	0	857,016,166	705,429,166	151,587,000

6927	NNT19192	Đào Thị Ưng	P. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	1,199,501,000	306,909,000	892,592,000	706,600,500	185,991,500
6928	NNT12740	Phan Thị Thanh Mai	P. Ba Đình, Hà Nội	1,590,445,535	240,445,535	1,350,000,000	706,715,830	643,284,170
6929	NNT14631	Mai Thị Phương	P. Phúc Lợi, Hà Nội	2,134,964,000	170,000,000	1,964,964,000	706,822,600	1,258,141,400
6930	NNT13343	Vũ Thị Tuyền	P. Kim Liên, Hà Nội	1,560,825,000	147,196,000	1,413,629,000	707,080,000	706,549,000
6931	NNT01176	Nguyễn Thị Dụ	P. Đống Đa, Hà Nội	1,179,767,000	0	1,179,767,000	707,142,791	472,624,209
6932	NNT14737	Trần Ngọc Thạch	P. Kim Liên, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	707,401,000	292,599,000
6933	NNT21292	Phạm Thị Thu Trang	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,668,858,000	905,304,000	763,554,000	709,467,000	54,087,000
6934	NNT16084	Nguyễn Văn Tiến	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,300,000,000	0	1,300,000,000	709,675,000	590,325,000
6935	NNT23194	Đào Việt Hà	P. Hồng Hà, Hà Nội	755,050,000	37,878,000	717,172,000	711,122,000	6,050,000
6936	NNT15451	Nguyễn Thị Bích	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,315,142,000	100,000,000	1,215,142,000	711,278,000	503,864,000
6937	NNT17894	Nguyễn Minh Tân	P. Định Công, Hà Nội	1,058,201,000	129,508,000	928,693,000	711,304,000	217,389,000
6938	NNT01178	Phạm Đức Hạnh	P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình	1,913,406,000	0	1,913,406,000	711,309,632	1,202,096,368
6939	NNT20779	Ngô Thị Thận	P. Ngọc Hà, Hà Nội	740,978,000	0	740,978,000	711,999,700	28,978,300
6940	NNT19517	Trần Thị Thành	P. Ba Đình, Hà Nội	1,020,371,000	116,354,000	904,017,000	712,280,000	191,737,000
6941	NNT17194	Phạm Thanh Vân	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	976,828,000	0	976,828,000	712,342,493	264,485,507

6942	NNT15667	Hoàng Thị Hoàng Anh	P. Khương Đình, Hà Nội	1,254,258,000	59,600,000	1,194,658,000	712,901,830	481,756,170
6943	NNT19931	Nguyễn Thị Yến	P. Khương Đình, Hà Nội	828,821,000	38,095,000	790,726,000	714,294,620	76,431,380
6944	NNT14448	Vũ Thị Lan	P. Bồ Đề, Hà Nội	857,804,000	0	857,804,000	714,475,000	143,329,000
6945	NNT13496	Quách Huy Chương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,603,514,000	0	1,603,514,000	714,562,000	888,952,000
6946	NNT13247	Đào Yến Linh	P. Láng, Hà Nội	1,687,639,000	317,077,000	1,370,562,000	715,350,000	655,212,000
6947	NNT18952	Trần Thị Sen	P. Cầu Giấy, Hà Nội	978,670,000	0	978,670,000	715,925,700	262,744,300
6948	NNT14415	Trần Thị Bích Hợp	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,200,234,000	0	1,200,234,000	715,935,000	484,299,000
6949	NNT19456	Bùi Việt Hùng	Xã Sơn Lang, Tỉnh Gia Lai	800,000,000	10,000,000	790,000,000	716,316,000	73,684,000
6950	NNT21955	Nguyễn Thị Tuyết Minh	P. Đống Đa, Hà Nội	1,500,000,000	750,000,000	750,000,000	716,425,000	33,575,000
6951	NNT21674	Trần Hoài Nam	P. Đại Mỗ, Hà Nội	836,772,000	0	836,772,000	716,760,000	120,012,000
6952	NNT16174	Lê Vũ Hùng	P. Hồng Hà, Hà Nội	914,715,000	0	914,715,000	717,055,175	197,659,825
6953	NNT22284	Phạm Thu Hoài	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,500,000,000	626,995,333	873,004,667	718,004,667	155,000,000
6954	NNT15366	Vũ Thị Xô	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,132,338,000	0	1,132,338,000	718,709,210	413,628,790
6955	NNT17604	Lê Thị Hiền	P. Kim Liên, Hà Nội	1,740,336,000	715,935,000	1,024,401,000	719,415,000	304,986,000
6956	NNT01569	Nguyễn Thị Thanh Hằng	P. Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,342,885,000	434,020,000	908,865,000	719,545,721	189,319,279

6957	NNT24404	Phan Bảo Ngọc	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	1,040,203,919	312,203,919	728,000,000	719,632,233	8,367,767
6958	NNT14991	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,068,171,000	5,000,000	1,063,171,000	719,670,000	343,501,000
6959	NNT23426	Hoàng Thị Thụy	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,664,000,000	928,000,000	736,000,000	720,100,000	15,900,000
6960	NNT12450	Nguyễn Thị Bích Thủy	P. Kim Liên, Hà Nội	717,460,000	250,500,000	466,960,000	721,090,000	-254,130,000
6961	NNT15507	Nguyễn Đại Thắng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,824,369,000	0	1,824,369,000	721,472,000	1,102,897,000
6962	NNT13686	Đào Yến Xuân	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	949,519,000	5,000,000	944,519,000	723,176,000	221,343,000
6963	NNT18322	Lại Thị Nga	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,017,829,083	107,891,083	909,938,000	723,839,041	186,098,959
6964	NNT18354	Giang Thanh Thủy	P. Thanh Xuân, Hà Nội	856,019,000	0	856,019,000	724,150,000	131,869,000
6965	NNT12568	Nguyễn Thị Hương Lan	P. Giảng Võ, Hà Nội	2,076,061,000	0	2,076,061,000	724,216,550	1,351,844,450
6966	NNT19001	Hà Thị Hồng Đào	Xã Nghi Xuân, Hà Tĩnh	1,287,758,000	0	1,287,758,000	724,902,000	562,856,000
6967	NNT21427	Phạm Thanh Bình	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,656,511,000	838,350,000	818,161,000	725,880,000	92,281,000
6968	NNT12807	Nông Thị Thu Hà	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,098,915,000	0	1,098,915,000	726,331,090	372,583,910
6969	NNT13765	Phạm Ngọc Vũ	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,386,785,829	213,863,279	1,172,922,550	727,955,271	444,967,279
6970	NNT18712	Bùi Thị Linh	Xã Tiên Điền, Hà Tĩnh	1,300,000,000	0	1,300,000,000	728,014,000	571,986,000
6971	NNT17111	Nguyễn Minh Bảo	P. Cầu Giấy, Hà Nội	3,050,000,000	1,663,674,000	1,386,326,000	728,326,000	658,000,000

6972	NNT22367	Đỗ Thị Phấn	P. Hà Đông, Hà Nội	1,900,000,000	1,100,000,000	800,000,000	730,000,000	70,000,000
6973	NNT17714	Đào Khắc Nga	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,144,914,000	0	1,144,914,000	730,000,600	414,913,400
6974	NNT21309	Trịnh Ngọc Lâm	P. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	907,910,000	77,504,000	830,406,000	730,441,110	99,964,890
6975	NNT16935	Vũ Minh Thơm	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,404,722,000	379,865,000	1,024,857,000	730,534,000	294,323,000
6976	NNT14100	Nguyễn Thị Thu Nga	P. Thanh Liệt, Hà Nội	2,113,402,000	0	2,113,402,000	730,631,000	1,382,771,000
6977	NNT10868	Ngô Tú Anh	P. Tương Mai, Hà Nội	896,878,000	0	896,878,000	731,369,000	165,509,000
6978	NNT00723	Trương Thị Tâm	P. Đại Mỗ, Hà Nội	4,551,873,056	282,943,849	4,268,929,207	732,400,000	3,536,529,207
6979	NNT17114	Trần Thị Kim Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,207,476,000	70,000,000	1,137,476,000	732,515,000	404,961,000
6980	NNT13671	Bùi Thị Hương	P. Phú Thượng, Hà Nội	3,283,352,000	400,000,000	2,883,352,000	733,134,000	2,150,218,000
6981	NNT21235	Trần Thị Minh Hậu	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,047,791,000	0	1,047,791,000	733,258,000	314,533,000
6982	NNT23007	Đỗ Thị Nga	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	800,000,000	66,000,000	734,000,000	734,000,000	0
6983	NNT20869	Vũ Thị Linh Chi	P. Thái Bình, Hưng Yên	850,000,000	100,000,000	750,000,000	734,000,000	16,000,000
6984	NNT15296	Phạm Thị Linh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,854,486,000	727,825,000	1,126,661,000	734,034,170	392,626,830
6985	NNT15336	Đỗ Văn Thường	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	833,701,000	0	833,701,000	736,299,880	97,401,120
6986	NNT20129	Nguyễn Đình Thông	P. Ngọc Hà, Hà Nội	809,116,000	0	809,116,000	736,883,000	72,233,000

6987	NNT23338	Mai Thị Khánh Ngọc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,106,186,000	311,211,000	794,975,000	736,982,000	57,993,000
6988	NNT18347	Phạm Đức Ngọc	P. Kim Liên, Hà Nội	900,000,000	0	900,000,000	737,222,580	162,777,420
6989	NNT19021	Đặng Thị Huế	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,002,329,000	32,771,000	969,558,000	737,555,000	232,003,000
6990	NNT22745	Lê Văn Tân	P. Ngọc Hà, Hà Nội	922,198,000	146,629,000	775,569,000	738,100,320	37,468,680
6991	NNT16985	Nguyễn Thị Minh Tâm	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,165,695,000	42,972,000	1,122,723,000	738,624,965	384,098,035
6992	NNT19432	Nguyễn Thu Hoa	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên□	944,769,000	0	944,769,000	739,999,000	204,770,000
6993	NNT01984	Lê Thị Trang	Tổ 24, Phúc Lợi, Hà Nội	1,126,193,000	55,000,000	1,071,193,000	741,083,000	330,110,000
6994	NNT12573	Nguyễn Thị Xoan	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,591,865,000	0	1,591,865,000	741,193,000	850,672,000
6995	NNT24410	Nguyễn Thị Tú	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,491,439,726	750,000,000	741,439,726	741,439,726	0
6996	NNT17650	Nguyễn Thị Thanh Hằng	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,260,448,000	28,680,000	1,231,768,000	742,020,000	489,748,000
6997	NNT15611	Bùi Văn Bình	Xã Vĩnh Hải, Hải Phòng	1,298,823,000	117,965,000	1,180,858,000	742,629,775	438,228,225
6998	NNT15881	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	1,489,963,000	53,244,000	1,436,719,000	743,034,121	693,684,879
6999	NNT01773	Lê Phương Lan	P. Xuân Đình, Hà Nội	1,739,751,000	492,132,000	1,247,619,000	743,955,825	503,663,175
7000	NNT20901	Hoàng Thị Chung	P. Hồng Hà, Hà Nội	981,443,000	120,000,000	861,443,000	744,000,000	117,443,000
7001	NNT00399	Lê Thị Phương Lan	P. Kim Liên, Hà Nội	3,122,753,000	318,000,000	2,804,753,000	744,082,000	2,060,671,000

7002	NNT14625	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,356,866,000	0	1,356,866,000	744,308,240	612,557,760
7003	NNT20594	Trịnh Thị Tới	Phường Bồ Đề, TP Hà Nội	910,569,000	0	910,569,000	744,500,000	166,069,000
7004	NNT21976	Khuất Thị Hồng Yến	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	1,000,000,000	250,010,000	749,990,000	744,990,000	5,000,000
7005	NNT16284	Trần Thị Kim Liên	P. Ba Đình, Hà Nội	1,013,153,000	58,095,000	955,058,000	745,145,240	209,912,760
7006	NNT15902	Đặng Hữu Phước	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,108,400,000	128,713,000	979,687,000	745,735,000	233,952,000
7007	NNT19404	Nguyễn Thị Oanh	P. Chương Mỹ, Hà Nội	788,206,000	0	788,206,000	746,250,000	41,956,000
7008	NNT23461	Nguyễn Thị Kim Dung	P. Thanh Xuân, Hà Nội	750,000,000	0	750,000,000	746,400,000	3,600,000
7009	NNT14399	Phùng Thị Thu Trang	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,017,801,000	0	1,017,801,000	746,875,000	270,926,000
7010	NNT15880	Lê Thị Hồng Giang	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,397,318,000	0	1,397,318,000	748,531,000	648,787,000
7011	NNT22668	Trịnh Thị Ánh Ngọc	Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	1,589,353,976	780,237,469	809,116,507	748,846,913	60,269,594
7012	NNT23506	Lý Hàng Châu	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	750,000,000	0	750,000,000	749,000,000	1,000,000
7013	NNT18878	Luyện Thị Lan Anh	P. Phúc Lợi, Hà Nội	942,583,000	0	942,583,000	749,104,000	193,479,000
7014	NNT22355	Nguyễn Đức Cơ	P. Kim Liên, Hà Nội	905,968,000	0	905,968,000	749,799,925	156,168,075
7015	NNT23989	Cung Thái Anh	P. Tây Hồ, Hà Nội	773,265,000	0	773,265,000	749,999,700	23,265,300
7016	NNT22621	Phạm Thị Hương	P. Tương Mai, Hà Nội□	750,000,000	0	750,000,000	750,000,000	0

7017	NNT23865	Lương Ngọc Yến	P. Kim Liên, Hà Nội	864,100,658	114,100,658	750,000,000	750,000,000	0
7018	NNT13017	Nguyễn Khắc Tường	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,985,878,000	300,000,000	1,685,878,000	750,946,000	934,932,000
7019	NNT21890	Phạm Thị Thanh Thúy	P. Định Công, Hà Nội	950,000,000	0	950,000,000	751,156,000	198,844,000
7020	NNT23149	Nguyễn Thị Kim Thành	P. Đống Đa, Hà Nội	770,000,000	0	770,000,000	751,650,000	18,350,000
7021	NNT13489	Nguyễn Nữ Diễm Lan Giang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,228,764,000	0	1,228,764,000	751,867,000	476,897,000
7022	NNT14754	Trần Mạnh Chiến	P. Đại Mỗ, Hà Nội	2,501,669,000	0	2,501,669,000	752,000,000	1,749,669,000
7023	NNT19786	Dương Tuấn Anh	P. Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,288,660,000	-500,000,000	1,788,660,000	752,006,000	1,036,654,000
7024	NNT14034	Trần Việt Châu	P. Láng, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	752,254,000	1,247,746,000
7025	NNT16806	Vũ Thị Hà	P. Đống Đa, Hà Nội	1,536,788,000	553,000,000	983,788,000	752,608,385	231,179,615
7026	NNT23212	Bùi Thị Chung	P. Gia Viên, TP Hải Phòng	920,000,000	0	920,000,000	754,595,674	165,404,326
7027	NNT15932	Vũ Thị Sơn	P. Sơn Tây, Hà Nội	1,358,984,000	0	1,358,984,000	754,675,000	604,309,000
7028	NNT17196	Bùi Ngọc Sơn	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,352,784,000	37,200,000	1,315,584,000	754,800,000	560,784,000
7029	NNT17232	Trần Như Thọ	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	856,551,000	0	856,551,000	755,000,146	101,550,854
7030	NNT11525	Trần Thị Kim Thủy	P. Tây Mỗ, Hà Nội	1,626,287,000	0	1,626,287,000	755,363,000	870,924,000
7031	NNT11529	Nguyễn Thị Nhẫn	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,050,999,000	176,078,529	874,920,471	755,658,100	119,262,371

7032	NNT12942	Nguyễn Thị Dung	Xã Quang Minh, Hà Nội	844,330,000	700,000,000	144,330,000	756,499,000	-612,169,000
7033	NNT15925	Chu Thị Minh Thọ	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,542,624,000	0	1,542,624,000	757,053,000	785,571,000
7034	NNT02103	Nguyễn Thị Huệ	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,387,545,000	0	1,387,545,000	757,942,200	629,602,800
7035	NNT15081	Nguyễn Thị Dần	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,520,618,000	320,000,000	1,200,618,000	758,006,000	442,612,000
7036	NNT22972	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	900,000,000	85,561,000	814,439,000	758,789,000	55,650,000
7037	NNT13170	Phan Khắc Hải	P. Ba Đình, Hà Nội	1,640,733,000	8,753,000	1,631,980,000	759,939,000	872,041,000
7038	NNT19626	Hồ Phương Thảo	P. Từ Liêm, Hà Nội	870,320,000	0	870,320,000	760,000,000	110,320,000
7039	NNT22841	Nguyễn Thị Thu Hà	Xã Hải Hưng, Tỉnh Ninh Bình	760,000,000	0	760,000,000	760,000,000	0
7040	NNT12712	Phạm Thị Thoa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	2,477,632,000	400,268,000	2,077,364,000	760,207,943	1,317,156,057
7041	NNT00089	Trần Thị Hòa	phường Thanh Xuân, Hà Nội	2,313,010,000	200,000,000	2,113,010,000	760,531,588	1,352,478,412
7042	NNT22474	Trần Thị Yến	Xã Hải Hậu, Tỉnh Ninh Bình	800,000,000	0	800,000,000	761,600,000	38,400,000
7043	NNT13706	Hàn Quỳnh Anh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,361,324,000	0	2,361,324,000	762,205,000	1,599,119,000
7044	NNT15728	Trịnh Thị Thu	P. Khương Đình, Hà Nội	1,067,546,000	0	1,067,546,000	763,800,000	303,746,000
7045	NNT21129	Ngô Bá Thịnh	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,069,518,000	163,232,000	906,286,000	763,995,000	142,291,000
7046	NNT23178	Lê Thị Thanh Đạm	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,172,260,000	392,619,000	779,641,000	765,381,000	14,260,000

7047	NNT12160	Trần Đình Khánh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	2,903,773,000	100,000,000	2,803,773,000	765,542,000	2,038,231,000
7048	NNT19014	Phạm Thị Bích Ngọc	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,193,650,000	0	1,193,650,000	765,983,000	427,667,000
7049	NNT23740	Phạm Đức Hậu	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	800,000,000	30,000,000	770,000,000	766,000,000	4,000,000
7050	NNT16814	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,041,667,000	0	1,041,667,000	766,125,000	275,542,000
7051	NNT19939	Đỗ Mạnh Vũ	P. Đống Đa, Hà Nội	1,304,336,029	85,429,068	1,218,906,961	766,419,888	452,487,073
7052	NNT12803	Nguyễn Thị Phương Nga	P. An Tường, Tuyên Quang	1,285,384,000	0	1,285,384,000	766,507,000	518,877,000
7053	NNT15034	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,600,000,000	24,800,000	2,575,200,000	767,349,999	1,807,850,001
7054	NNT16326	Nguyễn Hoàng Tuấn	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,331,349,000	258,223,000	1,073,126,000	768,787,000	304,339,000
7055	NNT22582	Nguyễn Quang	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,069,518,000	160,890,000	908,628,000	769,391,000	139,237,000
7056	NNT01173	Nguyễn Thị Hằng Nga	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,455,000,000	79,287,000	1,375,713,000	769,975,000	605,738,000
7057	NNT22626	Vũ Thúy Nga	P. Kim Liên, Hà Nội	827,066,000	0	827,066,000	770,001,000	57,065,000
7058	NNT21807	Hoàng Văn Nhật	P. Kim Liên, Hà Nội	1,069,519,000	160,428,000	909,091,000	770,053,000	139,038,000
7059	NNT15944	Đặng Trọng Tâm	Xã Kim Liên, Nghệ An	2,088,908,000	430,903,000	1,658,005,000	770,656,000	887,349,000
7060	NNT12394	Huỳnh Thị Nam Hà	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	860,945,000	14,500,000	846,445,000	770,657,000	75,788,000
7061	NNT18572	Ngô Sỹ Tuấn	P. Yên Hòa, Hà Nội	2,089,129,000	1,026,000,000	1,063,129,000	771,182,000	291,947,000

7062	NNT23879	Lê Thị Tiếp	P. Tương Mai, Hà Nội	1,063,938,945	131,500,000	932,438,945	772,224,000	160,214,945
7063	NNT11360	Trần Thanh Huyền	P. Đồng Đa, Hà Nội	1,409,923,000	0	1,409,923,000	773,871,000	636,052,000
7064	NNT17878	Nguyễn Thị Kim Trang	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,582,935,000	498,982,000	1,083,953,000	774,248,000	309,705,000
7065	NNT12027	Lê Thái Hà	P. Kim Liên, Hà Nội	1,412,243,000	0	1,412,243,000	774,804,000	637,439,000
7066	NNT18613	Trần Thị Táo	P. Phương Liệt, Hà Nội	2,210,750,629	500,167,629	1,710,583,000	774,822,851	935,760,149
7067	NNT16267	Nguyễn Văn Dũng	Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh	1,256,831,000	0	1,256,831,000	775,000,000	481,831,000
7068	NNT17124	Vũ Thị Hồng Minh	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,185,905,000	0	1,185,905,000	775,000,393	410,904,607
7069	NNT14678	Hồ Thanh Xuân	P. Láng, Hà Nội	2,743,967,063	867,413,063	1,876,554,000	775,976,550	1,100,577,450
7070	NNT00855	Nguyễn Văn Hiền	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,996,674,000	0	1,996,674,000	776,133,105	1,220,540,895
7071	NNT23025	Doãn Huy Tuấn	P. Đại Mỗ, Hà Nội	944,976,000	144,976,000	800,000,000	776,800,000	23,200,000
7072	NNT00362	Trần Văn Hợp	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,949,333,000	0	1,949,333,000	777,141,092	1,172,191,908
7073	NNT14219	Phạm Thị Kim Thanh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,153,923,000	0	1,153,923,000	777,360,000	376,563,000
7074	NNT00366	Trần Hữu Đức	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,693,092,000	0	1,693,092,000	777,495,000	915,597,000
7075	NNT17319	Nguyễn Thị Thu	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,420,765,000	0	1,420,765,000	778,317,000	642,448,000
7076	NNT00977	Đỗ Thị Nga	P. Kim Liên, Hà Nội	1,662,826,000	0	1,662,826,000	778,799,000	884,027,000

7077	NNT19713	Đinh Thị Thu Thủy	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,110,000,000	0	1,110,000,000	779,656,000	330,344,000
7078	NNT18529	Nguyễn Thành Độ	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,265,976,000	0	1,265,976,000	779,999,930	485,976,070
7079	NNT22846	Nguyễn Quý Quế	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	900,000,000	0	900,000,000	780,000,000	120,000,000
7080	NNT23133	Nguyễn Vũ Cường	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	824,742,000	20,000,000	804,742,000	780,000,000	24,742,000
7081	NNT11479	Nguyễn Văn Quỳnh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,761,157,000	0	1,761,157,000	780,000,000	981,157,000
7082	NNT17530	Hoàng Thị Tuất	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,369,055,000	813,000,000	1,556,055,000	781,374,000	774,681,000
7083	NNT13733	Bùi Bích Phương	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,156,676,000	0	4,156,676,000	782,079,000	3,374,597,000
7084	NNT11184	Lê Thị Thanh Toàn	Phường Láng, Hà Nội	2,062,185,000	0	2,062,185,000	782,464,000	1,279,721,000
7085	NNT11523	Nguyễn Thanh Phương	P. Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	2,211,648,000	0	2,211,648,000	782,486,219	1,429,161,781
7086	NNT22917	Nguyễn Đức Trung	P. Xuân Đình, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	782,800,000	17,200,000
7087	NNT23379	Nguyễn Thị Minh Phương	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	900,000,000	101,232,000	798,768,000	782,868,000	15,900,000
7088	NNT13682	Trần Thị Bội Hương	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,565,652,000	26,958,000	1,538,694,000	783,506,000	755,188,000
7089	NNT19451	Phạm Thúy Ngân	P. Thành Vinh, Nghệ An	1,075,269,000	0	1,075,269,000	783,651,000	291,618,000
7090	NNT14980	Nguyễn Ngọc Ánh	P. Sơn Tây, Hà Nội	1,180,543,000	0	1,180,543,000	784,099,955	396,443,045
7091	NNT22209	Nguyễn Thị Huệ	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,022,100,078	0	1,022,100,078	785,403,570	236,696,508

7092	NNT11796	Đàm Thị Diễm Hạnh	Xã Phù Đồng, Hà Nội	1,225,205,000	2,000,000	1,223,205,000	785,969,740	437,235,260
7093	NNT14889	Đặng Thị Bích Anh	P. Tương Mai, Hà Nội	1,700,818,000	0	1,700,818,000	786,442,000	914,376,000
7094	NNT12651	Đỗ Thị Hoa	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,656,220,274	1,515,124,804	1,141,095,470	786,978,320	354,117,150
7095	NNT13591	Dương Diệu Hằng	P. Tương Mai, Hà Nội	1,344,315,000	124,598,000	1,219,717,000	787,568,401	432,148,599
7096	NNT15961	Vương Thị Huệ Linh	P. Kiến Hưng, Hà Nội	1,512,852,000	460,873,175	1,051,978,825	788,057,138	263,921,687
7097	NNT21202	Phạm Thị Thu	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,370,000,000	535,000,000	835,000,000	788,125,000	46,875,000
7098	NNT01850	Phạm Thanh Hằng	P. Đông Ngạc, Hà Nội	9,180,534,814	3,480,033,850	5,700,500,964	788,663,989	4,911,836,975
7099	NNT00303	Lê Thị Anh Thư	P. Kim Liên, Hà Nội	3,462,589,000	335,000,000	3,127,589,000	789,200,000	2,338,389,000
7100	NNT23044	Vũ Thị Thu	P. Ngọc Hà, Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	789,600,000	10,400,000
7101	NNT23619	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,162,342,548	200,000,000	962,342,548	790,000,000	172,342,548
7102	NNT18007	Nguyễn Kim Trinh	Phường Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng	991,799,000	0	991,799,000	790,050,000	201,749,000
7103	NNT20573	Vũ Văn Quý	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,060,000,000	0	1,060,000,000	791,700,000	268,300,000
7104	NNT00825	Hàn Tất Ngạn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	3,013,667,000	0	3,013,667,000	792,575,000	2,221,092,000
7105	NNT12723	Nguyễn Thu Nga	P. Lê Chân, Hải Phòng	1,469,801,000	0	1,469,801,000	792,771,067	677,029,933
7106	NNT16085	Lê Hồng Tuấn	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,500,780,000	0	1,500,780,000	792,775,970	708,004,030

7107	NNT22724	Vũ Kim Quý	P. Ba Đình, Hà Nội	808,163,000	0	808,163,000	792,799,740	15,363,260
7108	NNT12007	Trần Thị Vinh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,498,930,000	0	1,498,930,000	793,261,900	705,668,100
7109	NNT12857	Nguyễn Thị Minh Khang	P. Ngọc Hà, Hà Nội	951,358,000	0	951,358,000	793,369,000	157,989,000
7110	NNT00310	Mai Thị Xuân Hương	P. Hạc Thanh, Thanh Hóa	3,601,199,000	55,000,000	3,546,199,000	793,431,790	2,752,767,210
7111	NNT23207	Nguyễn Thị Hồng	P. Xuân Đình, Hà Nội	820,000,000	16,000,000	804,000,000	793,500,000	10,500,000
7112	NNT12251	Bùi Như Dũng	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	1,637,230,000	0	1,637,230,000	794,000,000	843,230,000
7113	NNT19496	Trần Ngọc Hân	P. Đông Ngạc, Hà Nội	1,133,499,000	3,205,000	1,130,294,000	794,132,000	336,162,000
7114	NNT23113	Phạm Thị Hương Lan	P. Đồng Đa, Hà Nội	948,908,000	85,514,000	863,394,000	794,602,200	68,791,800
7115	NNT23608	Nguyễn Thị Kim Thanh	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,000,000,000	172,500,000	827,500,000	795,600,000	31,900,000
7116	NNT18695	Đào Đình Châm	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,444,571,000	195,577,000	1,248,994,000	795,802,000	453,192,000
7117	NNT12932	Dương Đình Tuấn	P. Khương Đình, Hà Nội	2,069,962,000	621,530,000	1,448,432,000	795,950,400	652,481,600
7118	NNT18627	Phan Thị Nga	P. Đại Mỗ, Hà Nội	1,136,581,000	100,000,000	1,036,581,000	796,355,000	240,226,000
7119	NNT20516	Dương Thị Tố Oanh	P. Định Công, Hà Nội	1,063,830,000	203,000,000	860,830,000	797,000,000	63,830,000
7120	NNT14044	Nguyễn Thị Việt Quỳnh	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	1,251,409,000	155,000,000	1,096,409,000	798,157,959	298,251,041
7121	NNT23449	Đặng Minh Hồ	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	2,000,000,000	1,200,000,000	800,000,000	799,000,000	1,000,000

7122	NNT10963	Nguyễn Thị Ly	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,780,381,000	0	1,780,381,000	799,309,850	981,071,150
7123	NNT21527	Phan Thị Nghi	xã Tây Phương, Hà Nội	1,036,269,000	0	1,036,269,000	799,972,000	236,297,000
7124	NNT12579	Trần Văn Sơn	P. Láng, Hà Nội	1,513,158,000	0	1,513,158,000	799,975,000	713,183,000
7125	NNT21829	Phạm Thu Phương	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	879,667,000	0	879,667,000	800,000,000	79,667,000
7126	NNT22958	Nguyễn Thị Băng Thanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,048,504,000	86,297,000	962,207,000	800,000,000	162,207,000
7127	NNT22505	Phạm Thị Quỳnh Nga	P. Đống Đa, Hà Nội	866,775,000	0	866,775,000	800,000,000	66,775,000
7128	NNT23120	Ngô Kim Bảo	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,030,928,000	200,000,000	830,928,000	800,000,160	30,927,840
7129	NNT22052	Tạ Thị Khánh Linh	P. Đống Đa, Hà Nội	1,036,269,000	0	1,036,269,000	800,791,000	235,478,000
7130	NNT15871	Đoàn Tuấn Vũ	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,171,089,000	54,000,000	1,117,089,000	801,313,100	315,775,900
7131	NNT16880	Doãn Mạnh Cường	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	801,632,000	198,368,000
7132	NNT15379	Nguyễn Thị Kim Dung	P. Khương Đình, Hà Nội	1,269,463,000	0	1,269,463,000	805,000,000	464,463,000
7133	NNT16728	Đỗ Quốc Bảo	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	1,146,448,000	118,250,000	1,028,198,000	806,093,000	222,105,000
7134	NNT15718	Trần Thị Thanh Hằng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,803,649,000	30,858,000	2,772,791,000	806,253,154	1,966,537,846
7135	NNT22422	Trương Triều Dương	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	806,456,000	224,472,000
7136	NNT11322	Nguyễn Thị Hồng Thúy	P. Hà Đông, Hà Nội	2,030,319,000	0	2,030,319,000	806,477,000	1,223,842,000

7137	NNT13211	Trịnh Thị Nga	P. Hà Đông, Hà Nội	1,799,520,000	35,123,000	1,764,397,000	806,800,938	957,596,062
7138	NNT02187	Nguyễn Thị Tuyết	P. Ngọc Hà, Hà Nội	3,529,340,000	0	3,529,340,000	807,248,848	2,722,091,152
7139	NNT00430	Nguyễn Thị Thúy Hiền	P. Cầu Giấy, Hà Nội	4,216,785,449	1,313,926,725	2,902,858,724	807,548,280	2,095,310,444
7140	NNT16640	Đặng Mạnh Tuấn	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	1,409,848,586	229,484,293	1,180,364,293	807,906,000	372,458,293
7141	NNT14477	Nguyễn Thị Hiền Lương	P. Sơn Tây, Hà Nội	2,336,024,000	1,226,024,000	1,110,000,000	807,996,500	302,003,500
7142	NNT20655	Nguyễn Tiến Thành	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,020,000,000	153,000,000	867,000,000	808,200,000	58,800,000
7143	NNT13930	Nguyễn Thị Tuyết Mai	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,171,764,000	0	1,171,764,000	808,258,000	363,506,000
7144	NNT22493	Bùi Trần Tiên	P. Tương Mai, Hà Nội	970,000,000	0	970,000,000	808,850,000	161,150,000
7145	NNT22285	Lê Văn Quang	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,000,000,000	117,500,000	882,500,000	809,417,000	73,083,000
7146	NNT21119	Nguyễn Quốc Vinh	Phường Đa Mai, Tỉnh Bắc Ninh	1,030,928,000	0	1,030,928,000	810,000,000	220,928,000
7147	NNT22188	Đặng Thị Thắm	P. Thanh Xuân, Hà Nội	999,498,496	154,621,496	844,877,000	810,000,055	34,876,945
7148	NNT01323	Nguyễn Thị Thu Hiền	P. Ba Đình, Hà Nội	12,814,972,778	2,408,803,463	10,406,169,315	810,354,233	9,595,815,082
7149	NNT11240	Nguyễn Thị Vân Anh	P. Láng, Hà Nội	2,060,798,000	8,000,000	2,052,798,000	810,383,500	1,242,414,500
7150	NNT17456	Nguyễn Thị Linh	Xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa	1,019,507,000	16,254,000	1,003,253,000	810,645,829	192,607,171
7151	NNT18816	Phạm Thị Hồng Nhung	P. Thành Đông, TP Hải Phòng	878,377,000	22,500,000	855,877,000	810,809,800	45,067,200

7152	NNT00468	Đặng Nguyên Phương	P. Đống Đa, Hà Nội	1,722,941,000	0	1,722,941,000	810,835,000	912,106,000
7153	NNT00249	Nguyễn Thị Kim Quý	Phường Đống Đa, Hà Nội	24,697,940,523	4,840,155,739	19,857,784,784	810,979,789	19,046,804,995
7154	NNT19046	Mai Ngọc Uyên	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,044,480,000	0	1,044,480,000	811,754,635	232,725,365
7155	NNT11995	Nguyễn Thị Ngọc Bích	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,751,580,000	344,414,480	2,407,165,520	811,851,788	1,595,313,732
7156	NNT22462	Đỗ Thị Bình	P. Bạch Mai, Hà Nội	856,122,000	22,500,000	833,622,000	812,499,560	21,122,440
7157	NNT13203	Nguyễn Thúy Nga	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,841,704,000	105,000,000	1,736,704,000	812,714,000	923,990,000
7158	NNT15535	Nguyễn Dũng Tiến	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,650,130,000	500,000,000	1,150,130,000	813,005,110	337,124,890
7159	NNT12924	Phạm Văn Thanh	P. Lào Cai, Lào Cai	5,127,177,000	0	5,127,177,000	813,089,523	4,314,087,477
7160	NNT15253	Trần Thế Hưng	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,233,220,478	67,973,478	1,165,247,000	814,291,000	350,956,000
7161	NNT14445	Nguyễn Đức Diệu	Phường Yên Nghĩa, Hà Nội	1,306,239,000	0	1,306,239,000	814,776,000	491,463,000
7162	NNT14692	Nguyễn Mai Liên	P. Tương Mai, Hà Nội	2,430,070,000	117,959,000	2,312,111,000	814,909,730	1,497,201,270
7163	NNT21754	Đặng Quang Thắng	P. Ba Đình, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	815,000,000	185,000,000
7164	NNT11978	Hoàng Lệ Thủy	P. Đống Đa, Hà Nội	3,884,055,001	1,362,317,001	2,521,738,000	817,771,350	1,703,966,650
7165	NNT18582	Nguyễn Thị Uyển	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,196,295,000	89,280,000	1,107,015,000	817,773,715	289,241,285
7166	NNT13414	Nguyễn Xuân Vinh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	1,452,422,000	0	1,452,422,000	817,804,000	634,618,000

7167	NNT15436	Phạm Lê Phương	P. Phú Thượng, Hà Nội	1,346,655,000	0	1,346,655,000	818,125,000	528,530,000
7168	NNT21188	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,506,524,947	563,541,947	942,983,000	818,325,000	124,658,000
7169	NNT00372	Đỗ Văn Cẩn	P. Bạch Mai, Hà Nội	10,090,327,999	800,000,000	9,290,327,999	819,052,999	8,471,275,000
7170	NNT19937	Lê Thị Thu Hoài	Xã Bình Giang, TP Hải Phòng	2,513,937,572	1,193,153,572	1,320,784,000	820,630,428	500,153,572
7171	NNT11363	Nguyễn Thị Diệp	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,747,336,000	0	1,747,336,000	820,637,000	926,699,000
7172	NNT12505	Nguyễn Phi Quân	Xã Phù Đồng, Hà Nội	1,301,677,000	0	1,301,677,000	820,720,326	480,956,674
7173	NNT23024	Trần Văn Luật	Xã Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ	920,000,000	79,000,000	841,000,000	822,600,000	18,400,000
7174	NNT22358	Nguyễn Thanh Ngân	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,021,540,661	157,636,661	863,904,000	823,065,000	40,839,000
7175	NNT20337	Nguyễn Kim Chiến	P. Ba Đình, Hà Nội	1,315,264,000	96,909,000	1,218,355,000	823,481,000	394,874,000
7176	NNT24049	Nguyễn Thị Tuyên	P. Hà Tu, Quảng Ninh	1,840,000,000	1,008,912,000	831,088,000	823,747,000	7,341,000
7177	NNT19167	Trịnh Thái Sơn	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,191,085,000	90,000,000	1,101,085,000	823,768,000	277,317,000
7178	NNT22127	Lê Thị Minh Tường	Xã Phù Đồng, Hà Nội	912,570,000	0	912,570,000	823,944,030	88,625,970
7179	NNT19551	Nguyễn Thị Dung	Xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	1,478,264,542	926,109,218	552,155,324	827,223,680	-275,068,356
7180	NNT22405	Vũ Thu Hương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,250,000,000	370,000,000	880,000,000	828,125,000	51,875,000
7181	NNT16257	Phan Lan Anh	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,359,375,000	0	1,359,375,000	828,755,000	530,620,000

7182	NNT17195	Nguyễn Thị Hà	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	896,573,000	0	896,573,000	829,065,210	67,507,790
7183	NNT19857	Dư Thị Kim Dung	P. Láng, Hà Nội	1,147,540,000	21,484,000	1,126,056,000	829,076,020	296,979,980
7184	NNT18747	Quản Thị Hương	xã Bát Tràng, Hà Nội	1,027,923,000	0	1,027,923,000	830,033,000	197,890,000
7185	NNT19634	Vũ Thị Hồng Hoa	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,173,912,000	1,086,956,000	1,086,956,000	830,679,217	256,276,783
7186	NNT19000	Vũ Thị Hồng Ngọc	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,065,267,000	0	1,065,267,000	831,175,700	234,091,300
7187	NNT15963	Trần Thị Thúy Hương	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,592,170,000	0	1,592,170,000	832,468,000	759,702,000
7188	NNT18961	Nguyễn Thị Thu Hiền	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,350,963,000	200,000,000	1,150,963,000	832,619,000	318,344,000
7189	NNT18196	Nguyễn Thị Ngọc	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,047,453,000	60,000,000	987,453,000	832,840,320	154,612,680
7190	NNT17993	Nguyễn Quỳnh Chi	P. Thanh Liệt, Hà Nội	891,875,000	45,683,000	846,192,000	834,773,000	11,419,000
7191	NNT11270	Vũ Hoàng Hải	P. Phương Liệt, Hà Nội	4,745,637,685	1,771,915,000	2,973,722,685	835,433,000	2,138,289,685
7192	NNT17698	Nguyễn Văn Hiền	P. Đống Đa, Hà Nội	1,636,920,000	0	1,636,920,000	837,490,000	799,430,000
7193	NNT13120	Nguyễn Văn Hoàng	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,452,805,932	112,793,682	1,340,012,250	838,361,540	501,650,710
7194	NNT11879	Hà Thị Bích Thủy	Xã Tân Thanh, Ninh Bình	3,267,802,000	0	3,267,802,000	838,441,000	2,429,361,000
7195	NNT22829	Đỗ Thị Minh Sơn	X. Cổ Lễ, Ninh Bình	840,000,000	0	840,000,000	840,000,000	0
7196	NNT17787	Hoàng Thị Hằng	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,058,201,000	50,000,000	1,008,201,000	840,779,000	167,422,000

7197	NNT17235	Vũ Thị Ánh Tuyết	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,095,745,000	0	1,095,745,000	841,510,000	254,235,000
7198	NNT17662	Phạm Thị Minh Hương	Đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng	1,820,104,000	785,000,000	1,035,104,000	841,971,000	193,133,000
7199	NNT21576	Nguyễn Thị Tố Loan	P. Mộc Sơn, Sơn La	1,070,544,000	0	1,070,544,000	844,236,000	226,308,000
7200	NNT15131	Nguyễn Thị Lâm	P. Yên Hòa, Hà Nội	2,324,760,721	606,000,000	1,718,760,721	844,668,570	874,092,151
7201	NNT13901	Lê Thị Luận	P. Điện Biên Phủ, Điện Biên ☐	1,409,546,000	23,000,000	1,386,546,000	844,755,000	541,791,000
7202	NNT17954	Nguyễn Thị Ngọc Mai	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,108,525,000	0	1,108,525,000	845,107,250	263,417,750
7203	NNT22728	Lê Kim Dung	P. Phú Thượng, Hà Nội	2,060,000,000	1,184,500,000	875,500,000	845,500,000	30,000,000
7204	NNT24403	Phan Thị Hằng Nga	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,139,456,000	293,878,000	845,578,000	845,578,000	0
7205	NNT23881	Lưu Kim Thoa	P. Thanh Xuân, Hà Nội	850,000,000	0	850,000,000	845,583,000	4,417,000
7206	NNT20578	Tạ Duy Chính	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	905,820,000	0	905,820,000	845,895,000	59,925,000
7207	NNT22699	Tạ Thanh Tuấn	P. Khương Đình, Hà Nội	845,937,000	0	845,937,000	845,937,000	0
7208	NNT00927	Hoàng Trọng Tùng	P. Sơn Tây, Hà Nội	2,017,672,000	0	2,017,672,000	846,077,000	1,171,595,000
7209	NNT19960	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội ☐	1,248,365,000	81,236,000	1,167,129,000	846,597,905	320,531,095
7210	NNT20312	Hoàng Văn Thảo	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,587,302,000	0	1,587,302,000	847,423,000	739,879,000
7211	NNT18845	Lê Ngọc Hân	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,046,508,000	178,000,000	868,508,000	847,939,195	20,568,805

7212	NNT17990	Nguyễn Ngọc Giang	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,019,608,000	0	1,019,608,000	848,025,500	171,582,500
7213	NNT19965	Hoàng Thị Kim Thanh	P. Hà Đông, Hà Nội	1,300,050,000	160,500,000	1,139,550,000	848,296,000	291,254,000
7214	NNT19356	Cao Thị Mừng	Xã Hoài Đức, Hà Nội□	1,919,842,753	506,445,753	1,413,397,000	848,433,922	564,963,078
7215	NNT16001	Đinh Ngọc Anh	P. Đông Ngạc, Hà Nội	1,880,359,627	560,359,620	1,320,000,007	849,527,380	470,472,627
7216	NNT14130	Nguyễn Lan Hương	P. Kim Liên, Hà Nội	2,278,914,679	0	2,278,914,679	849,649,520	1,429,265,159
7217	NNT20837	Trần Phương	P. Kim Liên, Hà Nội	1,075,269,000	150,000,000	925,269,000	850,000,000	75,269,000
7218	NNT23348	Đỗ Tiến Sỹ	P. Kim Liên, Hà Nội	1,052,934,946	181,812,946	871,122,000	850,000,000	21,122,000
7219	NNT22916	Hà Thủy Hiền	P. Hà Đông, Hà Nội	1,062,500,000	212,500,000	850,000,000	850,000,000	0
7220	NNT15987	Chu Thị Tình	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,295,306,000	158,648,000	1,136,658,000	850,000,000	286,658,000
7221	NNT12670	Lê Thị Tâm	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,598,231,000	35,000,000	1,563,231,000	850,025,000	713,206,000
7222	NNT22718	Phạm Trí	P. Tương Mai, Hà Nội	928,359,000	10,765,000	917,594,000	850,587,000	67,007,000
7223	NNT19061	Kim Ye Soo	P. Đại Mỗ, Hà Nội	975,475,000	0	975,475,000	851,282,000	124,193,000
7224	NNT11545	Nguyễn Văn Lâm	P. Thanh Xuân, Hà Nội	2,688,960,000	0	2,688,960,000	853,004,000	1,835,956,000
7225	NNT14033	Vũ Thị Thúy	P. Tương Mai, Hà Nội	1,328,576,000	0	1,328,576,000	853,022,000	475,554,000
7226	NNT18293	Nguyễn Hoàng Bảo Chính	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,130,000,000	1,100,000,000	1,030,000,000	853,450,000	176,550,000

7227	NNT18870	Đoàn Quang Nhân	P. Hà Đông, Hà Nội	1,318,970,000	205,000,000	1,113,970,000	854,100,000	259,870,000
7228	NNT12960	Lê Thị Thanh Thủy	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	696,167,000	0	696,167,000	854,392,000	-158,225,000
7229	NNT19284	Trần Thị Tuyền	Xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình	1,110,906,000	0	1,110,906,000	854,500,140	256,405,860
7230	NNT14390	Đào Minh Bảo	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	2,360,057,000	663,718,000	1,696,339,000	854,775,500	841,563,500
7231	NNT13294	Nguyễn Thị Hoài	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	2,812,846,000	1,216,987,500	1,595,858,500	854,792,000	741,066,500
7232	NNT15555	Nguyễn Văn Việt	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,391,752,000	0	1,391,752,000	855,500,000	536,252,000
7233	NNT13308	Nguyễn Chí Lưu	P. Từ Liêm, Hà Nội	16,384,563,000	3,668,970,236	12,715,592,764	855,905,000	11,859,687,764
7234	NNT10814	Lê Duy Thành	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,495,890,000	0	2,495,890,000	856,082,800	1,639,807,200
7235	NNT23723	Trần Thị Minh Hải	P. Kim Liên, Hà Nội	942,458,000	0	942,458,000	856,554,000	85,904,000
7236	NNT15469	Nguyễn Danh Tiến	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	1,518,633,823	198,090,823	1,320,543,000	856,695,800	463,847,200
7237	NNT20306	Bùi Thị Hòa	Xã Đông Anh, Hà Nội	910,087,000	0	910,087,000	856,826,000	53,261,000
7238	NNT21354	Đào Thị Thuận	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,274,915,829	43,000,000	1,231,915,829	857,093,000	374,822,829
7239	NNT21021	Nguyễn Thị Tuyết Mai	P. Kim Liên, Hà Nội	2,438,145,000	1,304,124,000	1,134,021,000	857,500,000	276,521,000
7240	NNT22628	Vũ Văn Phương	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,053,628,811	100,261,811	953,367,000	859,247,680	94,119,320
7241	NNT14176	Nguyễn Thị Kim Liên	P. Hà Đông, Hà Nội	2,200,133,000	0	2,200,133,000	859,555,075	1,340,577,925

7242	NNT01336	Lê Văn Sơn	Xã Vĩnh Bảo, Hải Phòng	1,465,113,000	0	1,465,113,000	859,861,500	605,251,500
7243	NNT16805	Phạm Thị Tâm	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,352,243,734	452,243,734	900,000,000	862,637,270	37,362,730
7244	NNT12840	Đặng Thị Kim Thu	P. Gia Viên, Hải Phòng	1,752,750,000	20,000,000	1,732,750,000	863,049,000	869,701,000
7245	NNT20451	Phạm Thị Nga	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,315,123,000	123,000,000	1,192,123,000	863,947,000	328,176,000
7246	NNT12578	Bùi Xuân Hinh	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,815,000,000	20,000,000	1,795,000,000	865,072,000	929,928,000
7247	NNT23951	Hoàng Văn Song	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,210,000,000	340,000,000	870,000,000	865,250,000	4,750,000
7248	NNT16132	Lê Văn Thêm	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	1,508,196,000	0	1,508,196,000	866,500,000	641,696,000
7249	NNT20165	Đỗ Tấn Thành	P. Kim Liên, Hà Nội	1,012,664,000	0	1,012,664,000	866,855,850	145,808,150
7250	NNT12708	Phan Thị Hạnh	P. Cầu Giấy, Hà Nội	2,495,806,058	911,203,058	1,584,603,000	867,741,000	716,862,000
7251	NNT23429	Nguyễn Thị Khuyến	P. Yên Hòa, Hà Nội	901,841,000	0	901,841,000	868,289,000	33,552,000
7252	NNT16968	Nguyễn Thị Thu	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,259,928,000	81,000,000	1,178,928,000	868,775,000	310,153,000
7253	NNT11666	Đặng Văn Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	990,843,952	90,843,953	899,999,999	871,156,038	28,843,961
7254	NNT15823	Phan Lệ Thu	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	871,250,000	1,128,750,000
7255	NNT23247	Từ Thị Thu Hải	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	996,735,809	60,858,905	935,876,904	872,513,000	63,363,904
7256	NNT16545	Trịnh Công Chức	Xã Quỳnh An, tỉnh Hưng Yên	1,117,021,000	40,000,000	1,077,021,000	873,226,000	203,795,000

7257	NNT20566	Cát Thị Huyền Mai	Ngõ 197 đường Hoàng Mai, Tương Mai, Hà Nội	1,038,514,000	126,000,000	912,514,000	874,000,000	38,514,000
7258	NNT19807	Đỗ Ngọc Độ	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,194,269,000	22,362,000	1,171,907,000	874,229,000	297,678,000
7259	NNT11628	Phạm Thị Minh Thu	P. Ngọc Hà, Hà Nội	2,349,672,000	22,500,000	2,327,172,000	874,352,882	1,452,819,118
7260	NNT23789	Hoàng Đình Huynh	Xã Xuân Hòa, Thanh Hóa	885,714,000	0	885,714,000	876,142,720	9,571,280
7261	NNT18261	Trần Thị Lan Hương	P. Phương Liệt, Hà Nội□	1,471,780,669	84,287,669	1,387,493,000	876,513,000	510,980,000
7262	NNT21011	Nguyễn Khánh Toàn	P. Ba Đình, Hà Nội	1,058,000,000	0	1,058,000,000	877,410,000	180,590,000
7263	NNT22260	Trần Thị Kim Thúy	P. Đồng Đa, Hà Nội	2,000,000,000	1,121,837,000	878,163,000	878,163,000	0
7264	NNT10933	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,662,040,000	200,000,000	1,462,040,000	878,512,000	583,528,000
7265	NNT17438	Nguyễn Thị Vũ Ngọc	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,059,697,000	57,234,000	1,002,463,000	878,875,577	123,587,423
7266	NNT11568	Đỗ Văn Hinh	P. Tây Hồ, Hà Nội	5,068,191,585	2,067,191,585	3,001,000,000	878,942,000	2,122,058,000
7267	NNT11949	Lê Thị Châm Oanh	P. Đồng Ngạc, Hà Nội	1,908,755,000	0	1,908,755,000	879,355,000	1,029,400,000
7268	NNT19686	Nguyễn Văn Chung	Xã Liên Châu, tỉnh Phú Thọ□	1,145,000,000	47,000,000	1,098,000,000	879,425,000	218,575,000
7269	NNT12227	Trần Ích Quốc	36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,309,433,000	0	1,309,433,000	879,776,680	429,656,320
7270	NNT12499	Nguyễn Thị Thanh Khuyên	P. Định Công, Hà Nội	1,535,251,000	0	1,535,251,000	880,062,000	655,189,000
7271	NNT21160	Trần Thanh Hương	Phường Hồng Bàng, Hải Phòng	983,699,000	0	983,699,000	880,185,380	103,513,620

7272	NNT21283	Lê Thị Hải Yến	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,481,473,000	0	1,481,473,000	881,074,000	600,399,000
7273	NNT20020	Chu Thị Hoa	167 ngõ 192 Vạn Phúc, Kim Mã, phường Hà Đông, Hà Nội	2,120,766,000	1,128,000,000	992,766,000	881,250,000	111,516,000
7274	NNT20585	Nguyễn Thị Lịch	Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên	1,511,173,000	468,076,000	1,043,097,000	881,633,000	161,464,000
7275	NNT01264	Đỗ Thị Tuyết	P. Phú Diễn, Hà Nội	2,626,013,000	0	2,626,013,000	882,841,000	1,743,172,000
7276	NNT11297	Đinh Phương Liên	P. Đống Đa, Hà Nội	3,185,140,000	934,543,000	2,250,597,000	884,351,000	1,366,246,000
7277	NNT23407	Đặng Thị Hường	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,032,178,082	147,503,835	884,674,247	884,674,247	0
7278	NNT12789	Nguyễn Thị Oanh	P. Hồng Hà, Hà Nội	3,659,445,781	1,152,155,969	2,507,289,812	884,906,000	1,622,383,812
7279	NNT22115	Ngô Phương Thoa	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,696,000,000	500,000,000	1,196,000,000	884,940,000	311,060,000
7280	NNT16530	Ngô Văn Minh	Phường Hà Lâm, Tỉnh Quảng Ninh	1,646,754,000	430,000,000	1,216,754,000	885,001,000	331,753,000
7281	NNT13363	Nguyễn Văn Thủ	Xã Thành Công, Thái Nguyên	1,194,870,000	0	1,194,870,000	887,262,571	307,607,429
7282	NNT20808	Nguyễn Hồng Khương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	927,666,000	0	927,666,000	887,470,000	40,196,000
7283	NNT23392	Nguyễn Thị Kim Lan	P. Đống Đa, Hà Nội	2,000,000,000	1,112,500,000	887,500,000	887,500,000	0
7284	NNT17236	Lê Thị Ngọc Lan	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,520,669,000	200,000,000	1,320,669,000	888,006,000	432,663,000
7285	NNT17903	Nguyễn Thị Nga	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,579,188,000	240,000,000	1,339,188,000	889,122,010	450,065,990
7286	NNT15219	Nguyễn Thị Thu Huyền	P. Nam Cường, tỉnh Lào Cai □	1,375,948,000	64,000,000	1,311,948,000	890,274,000	421,674,000

7287	NNT15242	Vi Thị Duyên	P. Láng, Hà Nội	1,921,561,428	16,422,438	1,905,138,990	890,965,000	1,014,173,990
7288	NNT21784	Vũ Văn Đoàn	P. Khương Đình, Hà Nội □	1,278,728,000	0	1,278,728,000	891,000,000	387,728,000
7289	NNT23694	Nguyễn Thị Chi	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,100,000,000	165,000,000	935,000,000	891,000,000	44,000,000
7290	NNT23564	Hồ Thị Thu Hương	Xã Chương Dương, Hà Nội	916,327,000	0	916,327,000	892,041,100	24,285,900
7291	NNT12065	Trần Thị Thoi	P. Việt Hưng, Hà Nội	3,587,455,000	500,000,000	3,087,455,000	892,660,200	2,194,794,800
7292	NNT22368	Trần Mạnh Tùng	P. Kiến Hưng, Hà Nội	1,833,333,000	597,500,000	1,235,833,000	893,167,000	342,666,000
7293	NNT19789	Vũ Thị Mai	P. Thanh Xuân, Hà Nội	2,415,298,076	958,429,458	1,456,868,618	893,369,785	563,498,833
7294	NNT19558	Đinh Thị Minh Huyền	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,117,020,000	0	1,117,020,000	894,749,940	222,270,060
7295	NNT12537	Mai Thu Hiền	P. Tương Mai, Hà Nội	1,389,000,000	0	1,389,000,000	894,808,000	494,192,000
7296	NNT19045	Hồ Thị Huyền Trang	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,058,201,000	0	1,058,201,000	895,000,000	163,201,000
7297	NNT21221	Trần Thị Thanh Dung	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,153,112,000	0	1,153,112,000	895,739,000	257,373,000
7298	NNT23794	Bùi Thị Hương	Phường Hoàn Bò, Tỉnh Quảng Ninh	1,000,000,000	88,000,000	912,000,000	895,800,000	16,200,000
7299	NNT11701	Phạm Thị Hồ Bắc	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,420,950,000	0	4,420,950,000	897,266,905	3,523,683,095
7300	NNT24405	Nguyễn Thị Hiếu	P. Hà Đông, Hà Nội	1,104,903,654	103,395,654	1,001,508,000	898,112,346	103,395,654
7301	NNT21472	Nguyễn Thị Thanh Lan	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,941,036,000	920,518,000	1,020,518,000	898,659,050	121,858,950

7302	NNT11613	Hoàng Thị Kim Dung	P. Hồng Hà, Hà Nội	2,146,612,000	139,032,000	2,007,580,000	898,956,000	1,108,624,000
7303	NNT23541	Trần Thị Tuyết	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,000,000,000	100,000,000	900,000,000	899,000,000	1,000,000
7304	NNT17710	Nguyễn Xuân Nam	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	2,660,430,000	1,425,464,000	1,234,966,000	899,188,000	335,778,000
7305	NNT24113	Trần Thị Hương	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	1,000,000,000	100,000,000	900,000,000	900,000,000	0
7306	NNT23350	Phạm Thị Hào	P. Bồ Đề, Hà Nội	900,000,000	0	900,000,000	900,000,000	0
7307	NNT22482	Nguyễn Thị Minh Thủy	P. Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	1,144,200,000	64,171,000	1,080,029,000	900,000,000	180,029,000
7308	NNT17453	Trần Thị Minh Đức	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,065,922,000	900,000,000	1,165,922,000	900,364,000	265,558,000
7309	NNT21478	Đỗ Thị Lan Phương	Phường Giảng Võ, TP Hà Nội	1,303,545,000	0	1,303,545,000	901,800,000	401,745,000
7310	NNT23446	Hoàng Kim Xuyên	702 Tòa TĐC B5 tổ 7, phường Phú Diễn, Hà Nội	1,015,306,000	76,531,000	938,775,000	901,965,000	36,810,000
7311	NNT00450	Lê Minh Hằng	P. Kim Liên, Hà Nội	1,292,584,695	154,166,695	1,138,418,000	902,194,000	236,224,000
7312	NNT22721	Khuất Duy Khánh	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,090,000,000	100,000,000	990,000,000	902,800,000	87,200,000
7313	NNT21796	Nguyễn Minh Hằng	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	903,000,000	127,928,000
7314	NNT21219	Nguyễn Văn Đáo	P505, nhà B4, Tập thể Thành Công, phường Giảng Võ, Hà Nội	987,223,127	75,993,127	911,230,000	904,000,000	7,230,000
7315	NNT13213	Trần Thị Kim Loan	Xã Đông Anh, Hà Nội	1,414,501,000	96,261,000	1,318,240,000	905,164,000	413,076,000
7316	NNT11641	Đặng Văn Đồng	Xã Quang Minh, Hà Nội	1,298,047,000	0	1,298,047,000	905,428,000	392,619,000

7317	NNT17059	Ngô Thị Hợi	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	905,479,775	125,448,225
7318	NNT19079	Hoàng Mai Lan	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,232,008,000	0	1,232,008,000	905,806,000	326,202,000
7319	NNT20455	Trần Thu Thủy	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,730,380,000	635,000,000	1,095,380,000	906,027,000	189,353,000
7320	NNT00725	Lữ Thị Cẩm Vân	Số 76 Ngõ 7 Thái Hà - P. Đồng Đa - Hà Nội	3,539,792,000	0	3,539,792,000	907,510,600	2,632,281,400
7321	NNT23869	Nguyễn Thị Thanh Hương	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	941,119,000	0	941,119,000	907,712,000	33,407,000
7322	NNT12611	Hà Khánh Linh	P. Thanh Liệt, Hà Nội	964,915,931	104,915,929	860,000,002	907,806,026	-47,806,024
7323	NNT20895	Bùi Thị Thanh Huyền	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	995,215,000	0	995,215,000	908,028,000	87,187,000
7324	NNT00422	Lương Văn Khang	Phường Láng, Hà Nội	7,693,406,974	811,400,000	6,882,006,974	908,118,319	5,973,888,655
7325	NNT20350	Nguyễn Thị Khánh Toàn	Phường Hai Bà Trưng ,Hà nội	4,931,678,905	2,931,678,905	2,000,000,000	908,321,095	1,091,678,905
7326	NNT12798	Nguyễn Thị Thu Thủy	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,732,260,000	0	2,732,260,000	908,677,000	1,823,583,000
7327	NNT23797	Bùi Thị Thu Hà	Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	1,000,000,000	75,000,000	925,000,000	908,800,000	16,200,000
7328	NNT23736	Nguyễn Nam Liệu	P. Kim Liên, Hà Nội	909,091,000	0	909,091,000	909,091,000	0
7329	NNT13698	Nguyễn Thị Thúy Vân	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,578,296,000	0	1,578,296,000	910,430,000	667,866,000
7330	NNT11217	Chu Phương Anh	P. Phú Diễn, Hà Nội	2,115,610,000	0	2,115,610,000	910,505,000	1,205,105,000
7331	NNT22707	Ngô Thị Hiền	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,558,768,000	54,434,000	1,504,334,000	910,910,780	593,423,220

7332	NNT13011	Chu Thị Ngân	Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	1,663,569,000	20,000,000	1,643,569,000	911,663,000	731,906,000
7333	NNT23568	Vũ Thị Lệ Thủy	P. Giảng Võ, Hà Nội	2,075,000,000	1,150,000,000	925,000,000	912,000,000	13,000,000
7334	NNT19673	Nguyễn Xuân Nam	P. Hoàng Liệt, Hà Nội	1,398,956,000	192,508,000	1,206,448,000	913,031,885	293,416,115
7335	NNT20388	Nguyễn Kim Dung	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,726,775,000	416,000,000	1,310,775,000	913,200,000	397,575,000
7336	NNT14817	Trần Thị Hải	P. Tương Mai, Hà Nội Xã Nghi Lộc, Nghệ An	1,988,186,000	75,500,000	1,912,686,000	913,599,000	999,087,000
7337	NNT23691	Nguyễn Văn Hòa	Xã Thanh Trì, Hà Nội	1,000,000,000	80,000,000	920,000,000	915,000,000	5,000,000
7338	NNT20402	Nguyễn Thị Hường	Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	2,218,162,000	1,145,415,378	1,072,746,622	915,131,363	157,615,259
7339	NNT11904	Hoàng Thị Chi	P. Bim Sơn, Thanh Hóa	1,298,928,000	0	1,298,928,000	915,662,071	383,265,929
7340	NNT01721	Phạm Thị Nhung	P. Phú Diễn, Hà Nội	2,251,765,258	51,765,258	2,200,000,000	916,269,875	1,283,730,125
7341	NNT18009	Phạm Hùng	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	1,300,591,000	160,428,000	1,140,163,000	916,401,000	223,762,000
7342	NNT14937	Nguyễn Thị Lê	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,989,325,000	184,513,000	1,804,812,000	917,103,275	887,708,725
7343	NNT22443	Phạm Văn Định	P. Khương Đình, Hà Nội	1,068,098,000	83,684,000	984,414,000	917,420,300	66,993,700
7344	NNT23275	Nguyễn Thị Hải Yến	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,000,000,000	22,500,000	977,500,000	918,000,000	59,500,000
7345	NNT23644	Đào Hồng Hạnh	P. Tương Mai, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	918,500,000	81,500,000
7346	NNT13649	Hoàng Minh Ngân	P. Đại Mỗ, Hà Nội	1,473,256,000	0	1,473,256,000	918,535,000	554,721,000

7347	NNT23016	Nguyễn Thị Thanh Mai	Xã An Khánh, Hà Nội	1,150,000,000	230,000,000	920,000,000	920,000,000	0
7348	NNT13061	Khương Phương Vĩnh	P. Điện Biên Phủ, Điện Biên	1,847,711,000	65,526,000	1,782,185,000	920,924,000	861,261,000
7349	NNT13270	Nguyễn Hương Ly	P. Láng, Hà Nội	1,920,000,000	0	1,920,000,000	920,928,000	999,072,000
7350	NNT24431	Nguyễn Ngọc Quang	Phường Lê Chân, Hải Phòng	1,004,995,723	81,451,723	923,544,000	923,544,000	0
7351	NNT15155	Nguyễn Thị Bảo Tâm	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,494,108,000	0	1,494,108,000	925,130,000	568,978,000
7352	NNT19659	Phan Thị Thu Nguyệt	Xã Quốc Oai, Hà Nội	1,370,064,143	240,000,000	1,130,064,143	925,678,000	204,386,143
7353	NNT14459	Nguyễn Thị Ngọc Bích	P. Hồng Hà, Hà Nội	2,688,525,644	1,645,690,966	1,042,834,678	925,678,285	117,156,393
7354	NNT01218	Nguyễn Thị Thúy	P. Nam Cường, tỉnh Lào Cai	1,408,971,000	24,324,000	1,384,647,000	925,743,000	458,904,000
7355	NNT15468	Nguyễn Thế Huỳnh	P. Định Công, Hà Nội	1,388,360,000	0	1,388,360,000	925,879,000	462,481,000
7356	NNT12397	Phạm Thị Tuyết	Xã Nam Phú, Hà Nội	1,802,059,000	47,273,000	1,754,786,000	927,342,090	827,443,910
7357	NNT11871	Trần Thị Kim Dung	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,792,862,000	0	1,792,862,000	928,011,655	864,850,345
7358	NNT23389	Nguyễn Thị Nga	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,000,000,000	70,000,000	930,000,000	928,233,000	1,767,000
7359	NNT17090	Vũ Thị Thu Hòa	P. Kim Liên, Hà Nội	1,516,300,000	230,000,000	1,286,300,000	929,613,850	356,686,150
7360	NNT12052	Nguyễn Thị Bích Thủy	P. Đồng Đa, Hà Nội	6,298,773,000	497,000,000	5,801,773,000	930,303,000	4,871,470,000
7361	NNT21044	Nguyễn Ngọc Sơn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,205,543,000	0	1,205,543,000	931,980,000	273,563,000

7362	NNT14917		P. Khương Đình, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	933,217,000	1,066,783,000
7363	NNT23335	Nguyễn Kim Thành	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	950,000,000	0	950,000,000	933,908,000	16,092,000
7364	NNT18010	Nguyễn Vương Ngọc	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,504,719,000	1,272,000,000	1,232,719,000	934,208,810	298,510,190
7365	NNT00403	Phan Thị Thanh Huyền	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	1,695,970,000	0	1,695,970,000	935,133,300	760,836,700
7366	NNT15924	Nguyễn Sơn Tùng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,046,131,000	0	1,046,131,000	935,708,000	110,423,000
7367	NNT21713	Đỗ Hùng Mạnh	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	1,743,134,327	557,658,327	1,185,476,000	936,440,000	249,036,000
7368	NNT12995	Lê Thu Hồng	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,478,530,000	523,573,000	1,954,957,000	936,519,225	1,018,437,775
7369	NNT01314	Phó Thị Thúy	Xã An Khánh, Hà Nội	4,657,565,309	0	4,657,565,309	939,202,400	3,718,362,909
7370	NNT15971	Bùi Lê Ký	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	1,477,828,000	0	1,477,828,000	939,307,000	538,521,000
7371	NNT16373	Nguyễn Thị Thu Thủy	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,779,403,000	0	1,779,403,000	940,722,000	838,681,000
7372	NNT22810	Nguyễn Thị Phương Anh	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,065,464,000	100,000,000	965,464,000	942,100,080	23,363,920
7373	NNT21973	Nguyễn Đàm Khánh	114 Trịnh Khả, Kiều Đại, Hạc Thành, Thanh Hóa	1,000,000,000	28,334,000	971,666,000	942,346,000	29,320,000
7374	NNT18726	Lưu Thị Thu Trang	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,402,589,000	0	1,402,589,000	942,379,500	460,209,500
7375	NNT13611	Phạm Thị Huệ	P. Yên Hòa, Hà Nội	5,512,665,332	3,012,665,332	2,500,000,000	942,495,000	1,557,505,000
7376	NNT11745	Nguyễn Thị Nhài	P. Phú Thượng, Hà Nội	4,083,945,000	0	4,083,945,000	943,158,390	3,140,786,610

7377	NNT23603	Bùi Thị Thúy	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,134,021,000	154,639,000	979,382,000	944,139,000	35,243,000
7378	NNT24011	Thắm Thị Thu Hà	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	950,000,000	0	950,000,000	944,716,000	5,284,000
7379	NNT21538	Trương Đức Tuấn	Phường Vàng Danh, Tỉnh Quảng Ninh	1,204,188,000	0	1,204,188,000	946,500,000	257,688,000
7380	NNT23946	Nguyễn Thị Thu Hằng	P. Ngọc Hà, Hà Nội	966,878,000	0	966,878,000	946,561,000	20,317,000
7381	NNT15852	Đinh Thị Liên Hương	P. Thanh Xuân, Hà Nội	3,450,886,000	1,541,000,000	1,909,886,000	947,325,000	962,561,000
7382	NNT19117	Nguyễn Trọng Lương	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,447,646,171	410,797,171	1,036,849,000	947,400,000	89,449,000
7383	NNT23424	Trần Thị Kim Liên	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	960,000,000	0	960,000,000	949,200,000	10,800,000
7384	NNT19338	Trần Diệu Li	P. Bạch Mai, Hà Nội	3,644,462,000	1,297,912,302	2,346,549,698	949,542,300	1,397,007,398
7385	NNT20618	Đoàn Thị Minh Tâm	P. Kim Liên, Hà Nội	1,271,387,000	65,113,000	1,206,274,000	949,688,240	256,585,760
7386	NNT23344	Nguyễn Thanh Bàn	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,200,000,000	250,000,000	950,000,000	950,000,000	0
7387	NNT20802	Phạm Kim Thủy	Xã Liên Minh, Tỉnh Ninh Bình	1,075,269,000	50,000,000	1,025,269,000	950,000,000	75,269,000
7388	NNT23849	Nguyễn Văn Chung	P. Hà Đông, Hà Nội	950,000,000	0	950,000,000	950,000,000	0
7389	NNT22636	Phan Thị Hương	P. Hà Đông, Hà Nội	1,534,614,166	461,614,166	1,073,000,000	950,434,370	122,565,630
7390	NNT14360	Nguyễn Thị Khang	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,489,525,000	0	1,489,525,000	950,708,800	538,816,200
7391	NNT00493	Bùi Thị Hoa	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,939,078,000	0	2,939,078,000	951,210,000	1,987,868,000

7392	NNT15800	Trần Trọng Toàn	P. Ba Đình, Hà Nội	1,505,374,000	0	1,505,374,000	951,456,520	553,917,480
7393	NNT19416	Lưu Công Nguyên	P. Hà Đông, Hà Nội	1,191,709,000	0	1,191,709,000	952,133,000	239,576,000
7394	NNT01379	Nguyễn Thị Hạnh	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,697,753,709	391,349,764	1,306,403,945	952,685,745	353,718,200
7395	NNT14711	Nguyễn Thị Thanh Hương	P. Hà Đông, Hà Nội	2,749,525,000	0	2,749,525,000	952,908,000	1,796,617,000
7396	NNT13944	Nguyễn Thị Ngà	P. Chương Mỹ, Hà Nội	4,074,572,000	305,000,000	3,769,572,000	953,823,000	2,815,749,000
7397	NNT16957	Trần Minh Thúy	P. Ba Đình, Hà Nội	1,417,393,000	0	1,417,393,000	954,133,335	463,259,665
7398	NNT24045	Đỗ Xuân Vịnh	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,008,833,000	45,397,000	963,436,000	954,603,000	8,833,000
7399	NNT23858	Hoàng Thị Phương Anh	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,000,000,000	45,000,000	955,000,000	955,000,000	0
7400	NNT23400	Trần Thị Phương	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	980,000,000	0	980,000,000	955,067,000	24,933,000
7401	NNT13741	Nguyễn Đạo Tiếp	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,334,265,000	0	1,334,265,000	956,264,000	378,001,000
7402	NNT23091	Hồ Mỹ Hạnh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	1,050,000,000	78,500,000	971,500,000	957,367,000	14,133,000
7403	NNT21682	Nguyễn Thị An	P. Phú Thượng, Hà Nội	1,199,217,000	0	1,199,217,000	958,500,000	240,717,000
7404	NNT19896	Đinh Thị Ngọc Lý	P. Cầu Giấy, Hà Nội	988,638,000	0	988,638,000	959,618,000	29,020,000
7405	NNT21164	Lê Thị Hồng Yến	P. Kim Liên, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	960,000,000	40,000,000
7406	NNT21335	Vũ Văn Hương	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	960,000,000	40,000,000

7407	NNT16266	Nguyễn Thị Bích Diệp	Xã Chi Lăng, Lạng Sơn	1,277,696,000	0	1,277,696,000	960,433,000	317,263,000
7408	NNT17461	Kiều Hoàng Phương	Xã Bản Nguyên, Phú Thọ	1,400,000,000	245,000,000	1,155,000,000	960,639,000	194,361,000
7409	NNT11894	Đào Thị Trục	P. Tây Hồ, Hà Nội	3,301,870,507	1,413,500,000	1,888,370,507	960,692,000	927,678,507
7410	NNT13652	Nguyễn Thị My	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,560,715,000	0	3,560,715,000	962,770,000	2,597,945,000
7411	NNT21117	Nguyễn Thị Oanh	Xã An Khánh, Hà Nội	1,025,641,000	0	1,025,641,000	963,000,000	62,641,000
7412	NNT15085	Phạm Thị Vân Khánh	P. Hà Đông, Hà Nội	1,161,505,640	0	1,161,505,640	963,425,921	198,079,719
7413	NNT17310	Đặng Thị Thanh Huyền	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,573,914,000	12,400,000	1,561,514,000	963,515,800	597,998,200
7414	NNT13197	Nguyễn Thị Thiêm	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	1,875,191,000	0	1,875,191,000	963,679,000	911,512,000
7415	NNT11496	Phạm Tuyên	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,601,535,000	0	2,601,535,000	964,235,000	1,637,300,000
7416	NNT18211	Phạm Văn Ty	P. Kim Liên, Hà Nội	1,838,229,000	600,000,000	1,238,229,000	964,523,545	273,705,455
7417	NNT21811	Trần Thu Hằng	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	965,000,000	35,000,000
7418	NNT13820	Bùi Minh Mẫn	Phường Láng, Hà Nội	1,785,124,000	0	1,785,124,000	965,000,000	820,124,000
7419	NNT23031	Ngô Thị Minh Huyền	P. Khương Đình, Hà Nội	1,080,000,000	0	1,080,000,000	965,000,000	115,000,000
7420	NNT01142	Phan Quốc Bảo	P. Đống Đa, Hà Nội	5,221,005,000	2,464,698,000	2,756,307,000	965,643,000	1,790,664,000
7421	NNT00092	Nguyễn Thị Tuyết	P. Yên Hòa, Hà Nội	3,267,760,000	207,377,000	3,060,383,000	966,952,000	2,093,431,000

7422	NNT23084	Nguyễn Quang Dương	P. Hà Đông, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	967,000,000	33,000,000
7423	NNT22547	Đỗ Xuân Hương	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,100,000,000	120,000,000	980,000,000	968,000,000	12,000,000
7424	NNT13335	Cao Thị Kim Sơn	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,859,350,972	0	1,859,350,972	968,037,000	891,313,972
7425	NNT21581	Lê Minh Hồng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	996,338,356	15,195,000	981,143,356	968,113,356	13,030,000
7426	NNT23507	Dương Thị Ngọc Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	968,200,000	31,800,000
7427	NNT23618	Nguyễn Thị Thanh Bích	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,685,787,035	660,493,035	1,025,294,000	970,404,000	54,890,000
7428	NNT22264	Trần Quang Long	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,208,333,000	0	1,208,333,000	970,856,000	237,477,000
7429	NNT18769	Nguyễn Thị Kim Thi	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,341,288,000	0	1,341,288,000	971,878,000	369,410,000
7430	NNT19340	Phạm Thị Uyên	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,406,180,000	0	1,406,180,000	971,899,667	434,280,333
7431	NNT19443	Vũ Minh Quỳn	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	1,559,995,614	582,141,614	977,854,000	972,104,450	5,749,550
7432	NNT11815	Lê Thị Quỳnh Châu	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,285,709,532	353,280,266	1,932,429,266	972,406,000	960,023,266
7433	NNT22795	Lê Thanh Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,100,095,000	100,000,000	1,000,095,000	973,297,000	26,798,000
7434	NNT01791	Nguyễn Thúy Hằng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,575,824,000	250,000,000	1,325,824,000	974,283,000	351,541,000
7435	NNT01594	Nguyễn Thu Hằng	P. Bồ Đề, Hà Nội	2,471,208,000	123,000,000	2,348,208,000	974,391,000	1,373,817,000
7436	NNT11170	Trần Kim Đài	Xã Quảng Oai, Hà Nội	1,414,711,000	0	1,414,711,000	974,391,920	440,319,080

7437	NNT22372	Lê Thị Bích	P. Định Công, Hà Nội	1,050,000,000	0	1,050,000,000	975,000,000	75,000,000
7438	NNT22150	Cù Thị Thanh Tú	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,150,000,000	0	1,150,000,000	975,000,000	175,000,000
7439	NNT17055	Nguyễn Thị Hồng	Xã Đại Đồng, Bắc Ninh	1,297,296,000	0	1,297,296,000	976,387,000	320,909,000
7440	NNT11068	Nguyễn Thị Lan Anh	P. Xuân Đình, Hà Nội	3,124,060,000	0	3,124,060,000	976,797,000	2,147,263,000
7441	NNT22702	Phạm Thị Vân	P. Đông Ngạc, Hà Nội	1,103,093,000	0	1,103,093,000	978,000,000	125,093,000
7442	NNT19054	Ngô Thị Phương Lan	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,270,367,000	220,000,000	1,050,367,000	979,711,000	70,656,000
7443	NNT22579	Nguyễn Tiến Phiền	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	980,000,000	20,000,000
7444	NNT19017	Nguyễn Văn Hưởng	Xã Trục Ninh, Tỉnh Ninh Bình	1,092,726,000	0	1,092,726,000	980,000,000	112,726,000
7445	NNT22369	Nguyễn Thị Nhật	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,000,000,000	20,000,000	980,000,000	980,000,000	0
7446	NNT20530	Đặng Xuân Trường	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,268,753,000	0	1,268,753,000	980,920,469	287,832,531
7447	NNT18208	Trịnh Thị Thu Hà	P. Thành Sen, Hà Tĩnh	1,600,000,000	201,999,000	1,398,001,000	982,044,000	415,957,000
7448	NNT20884	Nguyễn Văn Khoát	Xã Liêm Hà, Ninh Bình	1,216,870,000	64,516,000	1,152,354,000	982,400,000	169,954,000
7449	NNT20055	Hà Văn Oanh	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,072,672,000	0	1,072,672,000	984,100,000	88,572,000
7450	NNT13101	Nguyễn Thị Hoàng Yến	P. Phương Liệt, Hà Nội	1,655,671,000	0	1,655,671,000	985,751,700	669,919,300
7451	NNT15678	Hồ Huy Nhân	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,821,053,000	50,000,000	1,771,053,000	986,408,800	784,644,200

7452	NNT23097	Nguyễn Thị Huệ	Xã Tây Phương, Hà Nội	1,020,408,000	0	1,020,408,000	986,870,000	33,538,000
7453	NNT22692	Phạm Thị Thúy Hằng	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,072,538,000	2,036,269,000	1,036,269,000	987,000,000	49,269,000
7454	NNT21701	Nguyễn Thị Tố Hoa	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,964,678,294	410,000,000	1,554,678,294	987,400,440	567,277,854
7455	NNT20719	Chữ Thị Hà	P. Yên Hòa, Hà Nội	2,526,414,939	756,346,938	1,770,068,001	987,654,062	782,413,939
7456	NNT22808	Bùi Thị Thúy Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,178,382,000	0	1,178,382,000	988,000,000	190,382,000
7457	NNT19303	Trần Chiến Thắng	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,234,964,000	0	1,234,964,000	989,782,000	245,182,000
7458	NNT13482	Trần Thanh Mai	P. Hoàng Mai, Hà Nội	1,781,856,000	0	1,781,856,000	989,993,000	791,863,000
7459	NNT23030	Phan Thị Lan Phương	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	1,100,000,000	110,000,000	990,000,000	990,000,000	0
7460	NNT12555	Nguyễn Thị Gái	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,525,157,389	1,531,252,390	1,993,904,999	990,077,395	1,003,827,604
7461	NNT23831	Phạm Thị Bích Thủy	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	990,772,000	9,228,000
7462	NNT02191	Nguyễn Hồng Huy	P. Phương Liệt, Hà Nội	5,787,605,000	0	5,787,605,000	991,545,000	4,796,060,000
7463	NNT12552	Phạm Thái Sơn	P. Đông Triều, Quảng Ninh	7,824,939,000	110,000,000	7,714,939,000	992,724,000	6,722,215,000
7464	NNT15847	Nguyễn Thị Hồng Tâm	P. Hồng Gai, Quảng Ninh□	1,272,320,000	33,000,000	1,239,320,000	992,981,200	246,338,800
7465	NNT24153	Trần Lê Trang	P. Hoành Bồ, Quảng Ninh□	1,000,000,000	0	1,000,000,000	995,000,000	5,000,000
7466	NNT17740	Chu Thị Hạnh	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,944,999,000	42,046,000	1,902,953,000	996,557,060	906,395,940

7467	NNT22568	Lê Thị Lan Oanh	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,030,435,000	0	1,030,435,000	997,000,000	33,435,000
7468	NNT18776	Lê Quyết Thắng	P. Phú Diễn, Hà Nội	1,422,622,562	134,936,562	1,287,686,000	997,099,000	290,587,000
7469	NNT23397	Lê Thị Minh Hiền	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	998,234,000	32,694,000
7470	NNT22064	Lâm Thị Thu	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,242,144,000	0	1,242,144,000	998,499,900	243,644,100
7471	NNT21618	Trần Xuân Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	1,224,717,000	0	1,224,717,000	999,998,320	224,718,680
7472	NNT14482	Lê Thu Phương	P. Bồ Đề, Hà Nội	1,309,037,440	16,940,440	1,292,097,000	999,999,550	292,097,450
7473	NNT22428	Nguyễn Thị Vân Kiều	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,254,431,000	0	1,254,431,000	999,999,585	254,431,415
7474	NNT23396	Lê Trọng Nam	Xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7475	NNT21809	Dương Thị Dung	P. Đồng Đa, Hà Nội	1,525,788,577	456,269,012	1,069,519,565	1,000,000,000	69,519,565
7476	NNT20971	Lê Thị Vân Anh	P. Cầu Giấy, Hà Nội	1,069,518,000	0	1,069,518,000	1,000,000,000	69,518,000
7477	NNT23590	Nguyễn Thục Anh	Xã Phúc Thọ, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7478	NNT23633	Phí Đình Bích	P. Ba Đình, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7479	NNT22894	Đỗ Thị My	Xã Quang Hưng, Tỉnh Hưng Yên	1,069,519,000	0	1,069,519,000	1,000,000,000	69,519,000
7480	NNT23111	Đặng Thanh Dũng	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,049,874,000	0	1,049,874,000	1,000,000,000	49,874,000
7481	NNT23173	Trần Thị Minh Phương	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,030,715,000	0	1,030,715,000	1,000,000,000	30,715,000

7482	NNT22908	Phạm Vũ Quang	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,152,570,000	0	1,152,570,000	1,000,000,000	152,570,000
7483	NNT22767	Nghiêm Thị Thanh Thảo	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,069,520,000	0	1,069,520,000	1,000,000,000	69,520,000
7484	NNT23040	Đinh Thị Mỹ Vân	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7485	NNT23132	Nguyễn Thu Hà	P. Tương Mai, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7486	NNT23277	Nguyễn Thị Hồ Nga	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7487	NNT15889	Nguyễn Ngọc Thanh	P. Thanh Xuân, Hà Nội	2,525,255,000	1,200,000,000	1,325,255,000	1,000,000,000	325,255,000
7488	NNT21543	Vũ Thị Ngọc Hồng	P. Hà Đông, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7489	NNT23607	Vũ Minh Lộc	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,006,543,000	0	1,006,543,000	1,000,000,000	6,543,000
7490	NNT22687	Trương Tú Uyên	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,092,896,000	0	1,092,896,000	1,000,000,000	92,896,000
7491	NNT22716	Trịnh Thị Đào	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7492	NNT23110	Trần Xuân Hòa	P. Tương Mai, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7493	NNT23359	Tạ Thị Phú Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,020,408,000	0	1,020,408,000	1,000,000,000	20,408,000
7494	NNT23022	Phùng Minh Hồng	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,089,785,000	0	1,089,785,000	1,000,000,000	89,785,000
7495	NNT19691	Nguyễn Tiến Dũng	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7496	NNT24124	Nguyễn Thị Vân	P. Kim Liên, Hà Nội	1,023,108,000	0	1,023,108,000	1,000,000,000	23,108,000

7497	NNT20468	Nguyễn Thị Thu	P. Kiến Hưng, Hà Nội	1,063,830,000	0	1,063,830,000	1,000,000,000	63,830,000
7498	NNT22503	Nguyễn Thị Chung	P. Ngô Quyền, Hải Phòng	1,274,762,000	0	1,274,762,000	1,000,000,000	274,762,000
7499	NNT20391	Nguyễn Quang Hoa	P. Kiến Hưng, Hà Nội	1,294,607,000	0	1,294,607,000	1,000,000,000	294,607,000
7500	NNT24042	Nguyễn Khánh Toàn	P. Ba Đình, Hà Nội	1,039,124,000	0	1,039,124,000	1,000,000,000	39,124,000
7501	NNT18128	Nguyễn Hồng Sơn	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,513,334,000	0	1,513,334,000	1,000,000,000	513,334,000
7502	NNT17311	Min Jee Hee	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,566,203,000	0	1,566,203,000	1,000,000,000	566,203,000
7503	NNT24050	Kyong Ho Cho	P. Giảng Võ/ Ngọc Hà/ Ba Đình/Láng/Tây Hồ, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	1,000,000,000	0
7504	NNT18465	Hà Văn Đức	Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình	1,066,306,000	0	1,066,306,000	1,000,000,000	66,306,000
7505	NNT19025	Hà Thị Hải	Phường Lê Chân, Hải Phòng	1,260,930,000	0	1,260,930,000	1,000,000,000	260,930,000
7506	NNT21403	Đinh Thị Nhung	Xã Gia Phong, Ninh Bình	1,284,229,000	0	1,284,229,000	1,000,000,000	284,229,000
7507	NNT23790	Đoàn Thị Thủy	P. Hà Đông, Hà Nội	1,078,153,000	0	1,078,153,000	1,000,000,080	78,152,920
7508	NNT22725	Phạm Nguyễn Ngọc Lan	P. Tương Mai, Hà Nội	1,063,830,000	0	1,063,830,000	1,000,000,200	63,829,800
7509	NNT22793	Nguyễn Thị Minh Thêu	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,086,957,000	0	1,086,957,000	1,000,000,440	86,956,560
7510	NNT22663	Nguyễn Văn Thuận	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,125,122,000	62,850,000	1,062,272,000	1,000,410,000	61,862,000
7511	NNT23160	Phùng Thanh Hằng	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	1,050,000,000	37,500,000	1,012,500,000	1,000,700,000	11,800,000

7512	NNT01718	Nguyễn Thị Loan	Xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,001,400,000	198,600,000
7513	NNT21106	Trịnh Tiến Hùng	Xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ	2,104,860,000	1,018,740,000	1,086,120,000	1,001,740,000	84,380,000
7514	NNT11585	Bhark Hark Jin	P. Thanh Xuân, Hà Nội	1,611,062,000	0	1,611,062,000	1,002,000,000	609,062,000
7515	NNT00028	Nguyễn Thị Nhân	P. Bạch Mai, Hà Nội	3,920,185,000	200,000,000	3,720,185,000	1,002,888,000	2,717,297,000
7516	NNT17380	Đoàn Văn Thiện	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,432,837,000	30,000,000	1,402,837,000	1,003,184,456	399,652,544
7517	NNT23811	Vũ Thị Lợi	Phường Định Công, Hà Nội	1,309,023,000	305,756,000	1,003,267,000	1,003,267,000	0
7518	NNT23063	Đồng Văn Tiến	P. Định Công, Hà Nội	1,100,000,000	90,000,000	1,010,000,000	1,004,000,000	6,000,000
7519	NNT19500	Bùi Thị Tần	P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,176,463,000	969,000	1,175,494,000	1,004,190,000	171,304,000
7520	NNT14785	Lê Thị Dậu	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,305,735,000	0	1,305,735,000	1,004,200,000	301,535,000
7521	NNT23123	Thái Thị Tuyết Dung	P. Xuân Phương, Hà Nội	1,351,515,000	155,000,000	1,196,515,000	1,005,000,000	191,515,000
7522	NNT22852	Nguyễn Đào Mai Hương	P. Kim Liên, Hà Nội	1,026,050,000	0	1,026,050,000	1,005,008,000	21,042,000
7523	NNT00872	Nguyễn Thị Nga	P. Đống Đa, Hà Nội	6,490,000,000	117,600,000	6,372,400,000	1,007,688,000	5,364,712,000
7524	NNT14780	Lê Thị Thu Huyền	P. Láng, Hà Nội	1,801,275,000	0	1,801,275,000	1,008,239,950	793,035,050
7525	NNT11148	Đào Trung Nam	P. Thanh Xuân, Hà Nội	3,852,768,320	2,344,974,320	1,507,794,000	1,008,279,960	499,514,040
7526	NNT15331	Hoàng Thị Hợi	P. Bò Đề, Hà Nội	1,835,679,000	195,800,000	1,639,879,000	1,009,283,855	630,595,145

7527	NNT20191	Nguyễn Văn Bằng	P. Hà Đông, Hà Nội	1,204,529,000	37,176,000	1,167,353,000	1,009,613,000	157,740,000
7528	NNT22258	Nguyễn Thanh Hải	P. Tây Hồ, Hà Nội	1,110,204,000	0	1,110,204,000	1,010,000,000	100,204,000
7529	NNT20063	Hoàng Thị Lan Anh	P. Hồng Hà, Hà Nội	1,368,040,000	0	1,368,040,000	1,010,641,350	357,398,650
7530	NNT15587	Nguyễn Thị Kim Ngân	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	1,300,000,000	9,920,000	1,290,080,000	1,010,815,000	279,265,000
7531	NNT23299	Hoàng Thanh Thủy	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,550,000,000	532,500,000	1,017,500,000	1,010,964,000	6,536,000
7532	NNT21438	Nguyễn Thị Phương Dung	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,100,000,000	0	1,100,000,000	1,012,000,000	88,000,000
7533	NNT16054	Lữ Thị Hòa	P. Cửa Nam, Hà Nội	2,072,699,000	0	2,072,699,000	1,012,586,325	1,060,112,675
7534	NNT22809	Nguyễn Văn Lâm	P. Hồng Hà,, Hà Nội	1,090,000,000	76,984,000	1,013,016,000	1,013,016,000	0
7535	NNT23492	Lê Tiến Thi	Xã Chương Mỹ, Hà Nội	1,050,000,000	0	1,050,000,000	1,013,250,000	36,750,000
7536	NNT20603	Nguyễn Công Thái	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,262,579,000	100,000,000	1,162,579,000	1,013,557,000	149,022,000
7537	NNT17725	Nguyễn Thị Thủy	P. Phương Liệt, Hà Nội	2,640,168,484	1,039,176,484	1,600,992,000	1,013,595,000	587,397,000
7538	NNT17406	Đặng Thị Mai Hương	P. Tây Mỗ, Hà Nội	1,730,984,000	517,147,600	1,213,836,400	1,014,266,000	199,570,400
7539	NNT22520	Nguyễn Thị Quy	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,106,122,000	59,992,000	1,046,130,000	1,014,924,560	31,205,440
7540	NNT11827	Ngô Thị Minh Hiền	P. Tây Hồ, Hà Nội	2,109,111,000	0	2,109,111,000	1,015,208,000	1,093,903,000
7541	NNT17054	Lưu Thị Hường	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,910,517,000	363,044,000	1,547,473,000	1,015,862,000	531,611,000

7542	NNT22951	Vũ Thị Phương	Phường Dương Nội, Hà Nội	1,200,000,000	180,500,000	1,019,500,000	1,016,900,000	2,600,000
7543	NNT17637	Trần Thu Hằng	P. Tây Tựu, Hà Nội	1,484,054,000	16,304,000	1,467,750,000	1,017,137,623	450,612,377
7544	NNT12810	Vũ Xuân Hương	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,991,366,000	60,000,000	1,931,366,000	1,018,164,110	913,201,890
7545	NNT23526	Đinh Ngọc Hải	P. Giảng Võ, Hà Nội	1,019,199,000	0	1,019,199,000	1,018,699,000	500,000
7546	NNT22564	Nguyễn Minh Xuân	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,080,000,000	51,000,000	1,029,000,000	1,019,350,000	9,650,000
7547	NNT19614	Nguyễn Thế Hiếu	P. Phúc Lợi, Hà Nội	1,983,521,000	524,128,000	1,459,393,000	1,019,500,000	439,893,000
7548	NNT20741	Ninh Thị Bình	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,100,000,000	33,000,000	1,067,000,000	1,021,500,000	45,500,000
7549	NNT14308	Đinh Thị Ly	P. Đồng Đa, Hà Nội	2,507,649,000	0	2,507,649,000	1,021,767,000	1,485,882,000
7550	NNT16627	Lê Minh Tú	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	1,874,927,000	560,609,000	1,314,318,000	1,022,029,959	292,288,041
7551	NNT14586	Trần Lê Kha	P. Ngọc Hà, Hà Nội	2,064,811,000	339,136,000	1,725,675,000	1,023,497,470	702,177,530
7552	NNT12234	Đào Thị Hồng Vân	Xã Bình Nguyên, tỉnh Hưng Yên	7,243,600,157	4,643,600,156	2,600,000,001	1,024,733,421	1,575,266,580
7553	NNT11703	Nguyễn Thị Thu	P. Tương Mai, Hà Nội	2,308,858,413	337,956,723	1,970,901,690	1,026,286,279	944,615,411
7554	NNT17484	Tạ Dương Tùng	P. Kim Liên, Hà Nội	2,687,517,808	433,758,904	2,253,758,904	1,027,000,000	1,226,758,904
7555	NNT13544	Vương Thị Thanh Bình	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,350,124,000	59,702,000	2,290,422,000	1,028,535,000	1,261,887,000
7556	NNT15142	Kang Won Gu	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,742,260,000	0	1,742,260,000	1,030,000,000	712,260,000

7557	NNT11626	Phạm Thị Kim Lan	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,010,956,000	165,000,000	1,845,956,000	1,032,690,000	813,266,000
7558	NNT18783	Nguyễn Thị Kim Loan	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,588,448,000	70,000,000	1,518,448,000	1,036,882,000	481,566,000
7559	NNT11586	Jeong Young	P. Từ Liêm, Hà Nội	2,083,219,000	0	2,083,219,000	1,037,936,000	1,045,283,000
7560	NNT11765	Nguyễn Thị Hương	P. Bạch Mai, Hà Nội	2,375,254,000	400,912,000	1,974,342,000	1,038,299,000	936,043,000
7561	NNT23273	Nguyễn Thị Hoàn	P. Hà Đông, Hà Nội	1,200,000,000	140,000,000	1,060,000,000	1,038,800,000	21,200,000
7562	NNT21220	Thái Thị Xoan	P. Thành Vinh, Nghệ An	1,176,755,000	0	1,176,755,000	1,039,109,950	137,645,050
7563	NNT15764	Úng Thị Minh Tân	P. Nghĩa Đô, Hà Nội	1,278,391,000	0	1,278,391,000	1,039,837,000	238,554,000
7564	NNT23499	Nguyễn Liên Hương	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,265,661,753	165,661,753	1,100,000,000	1,039,850,000	60,150,000
7565	NNT14768	Lê Văn Hưng	P. Kim Liên, Hà Nội	2,513,681,000	203,000,000	2,310,681,000	1,040,123,510	1,270,557,490
7566	NNT11229	Bùi Tiến Hợp	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,648,305,000	278,000,000	<u>2,370,305,000</u>	1,040,300,000	<u>1,330,005,000</u>
7567	NNT13585	Nguyễn Thị Yến	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	2,911,674,000	1,319,156,000	1,592,518,000	1,041,073,321	551,444,679
7568	NNT23310	Đinh Thị Minh Tuyết	P. Ba Đình, Hà Nội	1,842,496,000	783,992,000	1,058,504,000	1,041,490,000	17,014,000
7569	NNT17443	Phạm Minh Truân	Đặc Khu Cát Hải, TP Hải Phòng	1,639,343,000	50,000,000	1,589,343,000	1,041,558,000	547,785,000
7570	NNT23835	Nguyễn Hồng Phong	P. Xuân Đình, Hà Nội	1,071,429,000	0	1,071,429,000	1,041,786,000	29,643,000
7571	NNT15476	Nguyễn Quang Đạo	P. Việt Hưng, Hà Nội	1,671,730,380	157,663,120	1,514,067,260	1,041,990,531	472,076,729

7572	NNT23254	Nguyễn Quang Tuyền	Phường Láng, Hà Nội	1,050,000,000	0	1,050,000,000	1,044,000,000	6,000,000
7573	NNT18553	Lương Tuyết Phượng	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,441,341,000	0	1,441,341,000	1,045,389,000	395,952,000
7574	NNT17102	Đoàn Văn Hà	P. Đại Mỗ, Hà Nội	1,594,896,000	0	1,594,896,000	1,047,898,000	546,998,000
7575	NNT01363	Hoàng Văn Điện	P. Xuân Phương, Hà Nội	5,196,221,000	0	5,196,221,000	1,048,616,000	4,147,605,000
7576	NNT01155	Phạm Quốc Lập	P. Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,956,282,000	330,349,000	2,625,933,000	1,048,911,550	1,577,021,450
7577	NNT20664	Lê Thị Nga	P. Yên Hòa, Hà Nội	1,195,908,000	0	<u>1,195,908,000</u>	1,049,724,638	<u>146,183,362</u>
7578	NNT24358	Lê Hoàng Anh	P. Từ Liêm, Hà Nội	1,050,000,000	0	1,050,000,000	1,050,000,000	0
7579	NNT22909	Nguyễn Thị Hà	P. Trường Vinh, Nghệ An	2,111,111,000	1,000,000,000	1,111,111,000	1,050,000,000	61,111,000
7580	NNT19225	Phan Thu Trang	P. Cửa Nam, Hà Nội	1,209,239,000	0	1,209,239,000	1,050,001,000	159,238,000
7581	NNT00008	Vũ Thị Minh Hiền	P. Bạch Mai, Hà Nội	7,152,376,000	0	7,152,376,000	1,051,949,050	6,100,426,950
7582	NNT13981	Phan Huy Hiền	P. Đống Đa, Hà Nội	2,165,483,000	0	2,165,483,000	1,052,295,000	1,113,188,000
7583	NNT23729	Nguyễn Thị Hiền	P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,083,735,000	0	1,083,735,000	1,053,000,030	30,734,970
7584	NNT22627	Trần Thị Mai Thủy	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,118,135,000	45,000,000	1,073,135,000	1,055,000,000	18,135,000
7585	NNT23200	Vũ Hoàng Long	P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,116,326,000	43,280,000	1,073,046,000	1,056,719,480	16,326,520
7586	NNT15429	Lê Thị Hoa	Xã Liên Bảo, Bắc Ninh	1,202,083,000	0	1,202,083,000	1,057,162,000	144,921,000

7587	NNT22098	Ma Lệ Huyền	P. Tùng Thiện, Hà Nội	1,500,000,000	380,000,000	1,120,000,000	1,057,500,000	62,500,000
7588	NNT20921	Nguyễn Hồng Tuấn	P. Thanh Liệt, Hà Nội	1,637,073,013	191,466,006	1,445,607,007	1,057,636,000	387,971,007
7589	NNT19460	Trần Thị Ngữ	P. Xuân Đình, Hà Nội	1,456,914,000	52,128,000	1,404,786,000	1,058,037,600	346,748,400
7590	NNT23554	Hồ Thị Thanh	P. Kim Liên, Hà Nội	1,076,000,000	0	1,076,000,000	1,058,162,000	17,838,000
7591	NNT12009	Đặng Xuân Hiệp	P. Đoàn Kết, Lai Châu	3,746,591,000	0	3,746,591,000	1,058,573,000	2,688,018,000
7592	NNT13531	Vũ Thu Thủy	P. Ba Đình, Hà Nội	2,349,101,000	308,424,000	2,040,677,000	1,059,102,333	981,574,667
7593	NNT13508	Lê Quang Lợi	P. Hà Đông, Hà Nội	1,651,631,000	0	1,651,631,000	1,059,688,247	591,942,753
7594	NNT14059	Bùi Thị Ngọc Trang	Phường Phương Liệt, Hà Nội	2,044,612,000	0	2,044,612,000	1,061,804,740	982,807,260
7595	NNT00336	Đặng Hải Hà	P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,000,000,000	-120,000,000	1,120,000,000	1,065,040,000	54,960,000
7596	NNT20234	Đặng Lê Thắng	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	1,387,302,000	0	1,387,302,000	1,065,900,000	321,402,000
7597	NNT15052	Lã Trọng Hưng	Xã Đông Anh, Hà Nội	2,260,225,000	0	2,260,225,000	1,066,891,850	1,193,333,150
7598	NNT22574	Nguyễn Văn Huân	P. Ngọc Hà, Hà Nội	1,327,756,000	169,730,000	1,158,026,000	1,067,550,000	90,476,000
7599	NNT19477	Phạm Thị Dung	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,548,893,000	0	3,548,893,000	1,069,773,900	2,479,119,100
7600	NNT23705	Bùi Thị Hoài	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,150,000,000	76,500,000	1,073,500,000	1,070,850,000	2,650,000
7601	NNT23168	Đinh Thị Thu Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,100,000,000	13,000,000	1,087,000,000	1,071,100,000	15,900,000

7602	NNT12674	Khuất Thị Phương Thảo	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,911,395,000	0	1,911,395,000	1,071,192,000	840,203,000
7603	NNT12672	Lê Thị Liên	Số 7 ngõ 325 Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,521,304,000	608,968,285	1,912,335,715	1,075,991,000	836,344,715
7604	NNT21815	Nguyễn Thị Diễm	Phường Vĩnh Tuy	1,208,556,000	0	1,208,556,000	1,076,443,570	132,112,430
7605	NNT13130	Nguyễn Thị Phương	Phường Tây Tựu	2,285,069,637	952,167,637	1,332,902,000	1,076,909,000	255,993,000
7606	NNT11484	Nguyễn Thị Hương	Phường An Tường, Tuyên Quang	2,665,000,000	107,500,000	2,557,500,000	1,077,018,350	1,480,481,650
7607	NNT19720	Hoàng Thị Hồng Toan	Phường Kim Liên	1,243,338,000	0	1,243,338,000	1,077,459,000	165,879,000
7608	NNT14564	Phạm Thị Quyên	Phường Thành Đông, TP Hải Phòng	1,975,148,000	0	1,975,148,000	1,077,521,000	897,627,000
7609	NNT21987	Hoàng Thị Trường	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	1,286,097,000	86,681,000	1,199,416,000	1,078,386,240	121,029,760
7610	NNT14677	Đỗ Thị Kim Dung	hoàn kiểm, hà nội (Phùng Hưng Hà Đông hay Hoàn Kiếm)	1,989,362,000	0	1,989,362,000	1,080,878,000	908,484,000
7611	NNT17579	Nguyễn Văn Hòa	Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng	1,315,054,000	123,779,000	1,191,275,000	1,080,922,000	110,353,000
7612	NNT15826	Phạm Văn Thành	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,795,950,000	0	1,795,950,000	1,081,906,625	714,043,375
7613	NNT23895	Nguyễn Thanh Tâm	Phường Láng, Hà Nội	1,115,876,000	0	1,115,876,000	1,082,400,000	33,476,000
7614	NNT16844	Nguyễn Thị Mùi	Xã Thanh Trì, Hà Nội	1,481,593,000	0	1,481,593,000	1,082,500,000	399,093,000
7615	NNT17068	Ngô Giang Liên	Phường Trung Tự, Hà Nội	1,557,744,000	19,187,000	1,538,557,000	1,082,582,807	455,974,193
7616	NNT23092	Trần Văn Tiến	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,150,000,000	0	1,150,000,000	1,084,700,000	65,300,000

7617	NNT21452	Trần Văn Tâm	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	1,416,224,000	0	1,416,224,000	1,085,800,000	330,424,000
7618	NNT13381	Trần Thành Chung	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,859,545,000	0	1,859,545,000	1,086,717,165	772,827,835
7619	NNT20506	Trần Thị Bích Hợp	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,085,633,723	352,000,000	1,733,633,723	1,086,901,800	646,731,923
7620	NNT21916	Hoàng Thị Vẽ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,250,226,000	0	1,250,226,000	1,087,000,000	163,226,000
7621	NNT22945	Nguyễn Thị Quỳ	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,932,000,000	816,000,000	1,116,000,000	1,087,200,000	28,800,000
7622	NNT10928	Vũ Thị Tuyết Lan	Phường Từ Liêm, Hà Nội	2,117,366,000	0	2,117,366,000	1,087,520,000	1,029,846,000
7623	NNT22620	Chu Thị Hằng	phường Hồng Hà, TP Hà Nội	1,150,000,000	0	1,150,000,000	1,090,000,000	60,000,000
7624	NNT11442	Chu Thị Kim Ngọc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	2,441,849,000	192,825,000	2,249,024,000	1,090,467,945	1,158,556,055
7625	NNT23434	Nguyễn Danh Quế	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	1,332,474,000	199,871,000	1,132,603,000	1,090,629,000	41,974,000
7626	NNT13448	Phan Thị Hương	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,797,694,000	60,000,000	1,737,694,000	1,091,678,000	646,016,000
7627	NNT21561	Tạ Thu Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,351,637,000	0	1,351,637,000	1,092,500,000	259,137,000
7628	NNT20111	Đoàn Thị Minh Hòa	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,385,770,000	18,526,000	1,367,244,000	1,093,499,000	273,745,000
7629	NNT23974	Trần Trọng Quảng	Phường Bồ Đề	1,100,000,000	0	1,100,000,000	1,094,700,000	5,300,000
7630	NNT19948	Nguyễn Thanh Hải	Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình	1,927,839,000	0	1,927,839,000	1,094,852,000	832,987,000
7631	NNT24000	Lê Thị Liên Tâm	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,120,037,000	0	1,120,037,000	1,095,000,000	25,037,000

7632	NNT24339	Phan Ngọc Dung	số 2/173/55 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,131,982,000	36,982,000	1,095,000,000	1,095,000,000	0
7633	NNT13253	Lưu Thị Phương Hoa	Phường Láng, Hà Nội	3,820,325,043	983,076,000	2,837,249,043	1,096,611,000	1,740,638,043
7634	NNT17966	Nguyễn Tiến Sáng	Phường Sài Đồng, Hà Nội	1,672,514,000	0	1,672,514,000	1,096,660,000	575,854,000
7635	NNT22949	Nguyễn Thị Minh Lương	Phường Tương Mai, Hà Nội	1,160,000,000	0	1,160,000,000	1,097,050,000	62,950,000
7636	NNT23825	Vũ Thị Thu	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,265,277,260	165,277,260	1,100,000,000	1,099,607,000	393,000
7637	NNT23906	Bùi Thị Hoàng Lan	Xã Bát Tràng, Hà Nội	1,193,500,000	0	1,193,500,000	1,100,000,000	93,500,000
7638	NNT16048	Vũ Đức Thịnh	Phường Láng, Hà Nội	1,179,235,000	0	1,179,235,000	1,101,271,404	77,963,596
7639	NNT02041	Nguyễn Việt Tiến	Phường Hà Đông, Hà Nội	7,405,742,000	2,256,053,000	5,149,689,000	1,103,210,150	4,046,478,850
7640	NNT12933	Trần Thị Thu Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,405,170,000	219,000,000	1,186,170,000	1,103,497,328	82,672,672
7641	NNT23182	Đoàn Trung Chính	Phường Xuân Phương, Hà Nội	1,105,217,000	0	1,105,217,000	1,105,217,000	0
7642	NNT22226	Đặng Ngọc Thúy	Phường Ba Đình, TP Hà Nội	2,602,352,000	1,383,660,000	1,218,692,000	1,105,603,128	113,088,872
7643	NNT18314	Yim Jeongah	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,679,260,000	0	1,679,260,000	1,106,700,000	572,560,000
7644	NNT23186	Trần Thị Thái Ninh	TDP Nông Lâm, Gia Lâm, Hà Nội	1,482,384,000	200,000,000	1,282,384,000	1,107,356,000	175,028,000
7645	NNT19795	Trần Thị Thu Hà	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,463,288,000	191,093,000	1,272,195,000	1,107,441,000	164,754,000
7646	NNT01180	Đoàn Thị Quỳnh Mai	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,240,929,000	150,000,000	4,090,929,000	1,107,522,620	2,983,406,380

7647	NNT21802	Hoàng Thị Hoàng Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,000,000,000	22,773,973	977,226,027	1,109,350,000	-132,123,973
7648	NNT18896	Vũ Mạnh Quân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	5,414,283,773	3,018,327,773	2,395,956,000	1,109,549,227	1,286,406,773
7649	NNT17265	Lê Thị Lan	Hải Phòng	1,712,119,000	0	1,712,119,000	1,110,050,000	602,069,000
7650	NNT14324	Thái Phan Tâm Nhân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,740,353,000	163,431,000	1,576,922,000	1,111,543,160	465,378,840
7651	NNT11326	Trương Thị Thanh Hoài	Phường Tây Tựu, Hà Nội	1,777,093,000	0	1,777,093,000	1,112,887,265	664,205,735
7652	NNT22206	Huỳnh Thị Thanh Huyền	Phường Kon Tum, Quảng Ngãi	1,919,114,900	395,525,900	1,523,589,000	1,113,669,850	409,919,150
7653	NNT23447	Nguyễn Kim Thanh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,180,000,000	59,250,000	1,120,750,000	1,114,250,000	6,500,000
7654	NNT19933	Nguyễn Tân Phương	Phường Hồng Hà, Hà Nội	3,855,045,000	2,112,371,000	1,742,674,000	1,114,868,000	627,806,000
7655	NNT22399	Lê Thị Hương	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	1,220,425,000	0	1,220,425,000	1,115,582,100	104,842,900
7656	NNT23662	Nguyễn Thế Truyền	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,600,000,000	482,800,000	1,117,200,000	1,117,200,000	0
7657	NNT20906	Nguyễn Hữu Tá	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,820,535,000	517,833,000	1,302,702,000	1,119,626,000	183,076,000
7658	NNT16617	Lê Thúy Quỳnh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	5,148,737,274	1,704,338,274	3,444,399,000	1,121,218,726	2,323,180,274
7659	NNT16759	Triệu Thị Loan	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,783,172,000	0	1,783,172,000	1,121,462,678	661,709,322
7660	NNT22905	Hoàng Lan Hương	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,150,000,000	0	1,150,000,000	1,121,700,000	28,300,000
7661	NNT12194	Bùi Thị Thu Thủy	Khuong Đình/Phương Liệt, Hà Nội	2,341,259,000	420,000,000	1,921,259,000	1,122,398,500	798,860,500

7662	NNT22998	Trần Tất Hùng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,160,000,000	0	1,160,000,000	1,123,550,000	36,450,000
7663	NNT16400	Nguyễn Thị Hương Liên	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,260,000,000	0	2,260,000,000	1,125,454,000	1,134,546,000
7664	NNT21391	Đào Thị Kiều Trinh	phường Đồng Đa, Hà Nội	1,220,000,000	31,336,000	1,188,664,000	1,126,000,000	62,664,000
7665	NNT18154	Phạm Thị Sâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,534,428,481	1,107,854,481	1,426,574,000	1,128,212,000	298,362,000
7666	NNT23154	Phạm Diệu Linh	Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,150,000,000	0	1,150,000,000	1,129,550,000	20,450,000
7667	NNT22074	Đinh Văn Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,250,000,000	75,000,000	1,175,000,000	1,131,900,000	43,100,000
7668	NNT13317	Phạm Thị Thu Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,041,074,000	343,671,000	1,697,403,000	1,131,936,400	565,466,600
7669	NNT20265	Tổng Việt An	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,979,167,000	550,000,000	1,429,167,000	1,132,332,000	296,835,000
7670	NNT11489	Lê Hồng Anh	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,089,859,000	2,000,000	3,087,859,000	1,132,953,000	1,954,906,000
7671	NNT19748	Phan Thị Tiến Huệ	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,462,539,000	98,000,000	1,364,539,000	1,134,700,000	229,839,000
7672	NNT01412	Vũ Thị Thanh Cúc	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,171,558,000	0	2,171,558,000	1,134,728,000	1,036,830,000
7673	NNT19591	Nguyễn Thị Anh Đào	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,204,754,000	0	1,204,754,000	1,137,117,602	67,636,398
7674	NNT23780	Bùi Thúy Lan	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,200,000,000	60,000,000	1,140,000,000	1,140,000,000	0
7675	NNT13647	Nguyễn Thị A	Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	2,542,477,000	800,000,000	1,742,477,000	1,140,378,000	602,099,000
7676	NNT14187	Ninh Thị Thảo	Phường Yên Nghĩa, Hà Nội	1,703,102,000	0	1,703,102,000	1,140,701,000	562,401,000

7677	NNT17607	Ngô Ngọc Lan	Xã Hòa Xá, Hà Nội	1,912,618,000	0	1,912,618,000	1,142,203,000	770,415,000
7678	NNT18380	Nguyễn Thị Thanh Giang	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,929,037,874	331,292,437	1,597,745,437	1,142,935,020	454,810,417
7679	NNT22639	Văn Đức Bình	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,800,000,000	1,724,719,179	5,075,280,821	1,143,300,000	3,931,980,821
7680	NNT15295	Nguyễn Thị Xuân Hiền	Xã Hoài Đức, Hà Nội	1,723,661,000	50,000,000	1,673,661,000	1,144,373,620	529,287,380
7681	NNT01251	Nguyễn Thị Thơm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,807,114,000	0	1,807,114,000	1,147,528,000	659,586,000
7682	NNT21640	Trương Thị Minh Nguyệt	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,499,351,000	0	1,499,351,000	1,148,589,000	350,762,000
7683	NNT18219	Trần Thị Kim Ngọc	Phường Tây Tựu, Hà Nội	2,394,549,409	49,179,409	2,345,370,000	1,149,074,552	1,196,295,448
7684	NNT22053	Hàn Thị Thúy Ngọc	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,250,664,000	675,538,191	1,575,125,809	1,149,999,990	425,125,819
7685	NNT23391	Nguyễn Thị Huyền	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	1,298,712,000	0	1,298,712,000	1,150,000,000	148,712,000
7686	NNT17426	Trần Quốc Bảo	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,575,663,000	0	1,575,663,000	1,150,443,200	425,219,800
7687	NNT19095	Phạm Thị Liên	40 Xuân Quỳnh, đường Trung Yên 11, P. Yên Hòa, Hà Nội	1,524,114,000	0	1,524,114,000	1,152,496,950	371,617,050
7688	NNT16663	Đỗ Thị Tuyết	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,372,562,000	50,000,000	1,322,562,000	1,153,973,000	168,589,000
7689	NNT21489	Phạm Tuấn Hiền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,266,405,000	45,000,000	1,221,405,000	1,154,800,000	66,605,000
7690	NNT15278	Đỗ Thị Thu Trang	Phường Hà Đông, Hà Nội	3,045,021,000	273,804,000	2,771,217,000	1,155,685,320	1,615,531,680
7691	NNT21405	Nguyễn Đại Thông	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,338,776,000	0	1,338,776,000	1,155,800,000	182,976,000

7692	NNT21990	Trần Thị Thu Hằng	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	1,425,041,000	0	1,425,041,000	1,156,016,000	269,025,000
7693	NNT17186	Lê Vũ Quân	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,798,790,000	0	1,798,790,000	1,156,139,000	642,651,000
7694	NNT19677	Đỗ Tiến Lập	Xã Đông Hưng, Hưng Yên	1,474,868,000	20,000,000	1,454,868,000	1,156,596,000	298,272,000
7695	NNT14653	Nguyễn Hồng Linh	104 Ngõ Tự Do - Đại La , phường Bạch Mai, Hà Nội	1,789,609,000	0	1,789,609,000	1,157,358,000	632,251,000
7696	NNT19743	Nguyễn Thị Thu Mai	Phường Định Công, Hà Nội	2,368,844,000	655,000,000	1,713,844,000	1,157,822,779	556,021,221
7697	NNT15273	Lê Bích Ngọc	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,683,645,000	0	1,683,645,000	1,158,833,690	524,811,310
7698	NNT18431	Phạm Thị Thuần	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,720,284,000	113,363,000	1,606,921,000	1,160,001,000	446,920,000
7699	NNT20732	Ngô Thị Liễu	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	1,567,582,000	0	1,567,582,000	1,160,764,000	406,818,000
7700	NNT12478	Hoàng Thị Lịch	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	2,700,000,000	0	2,700,000,000	1,162,398,000	1,537,602,000
7701	NNT23337	Nguyễn Thị Bích Liên	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,586,827,000	0	1,586,827,000	1,163,874,000	422,953,000
7702	NNT01041	Nguyễn Thị An	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,888,822,000	0	3,888,822,000	1,164,819,699	2,724,002,301
7703	NNT11930	Hoàng Tổ Oanh	phường Đồng Đa, Hà Nội	4,214,242,000	740,122,000	3,474,120,000	1,165,881,000	2,308,239,000
7704	NNT10899	Hoàng Mạnh Sỹ	Xã Liên Minh, Tỉnh Ninh Bình	1,609,062,000	0	1,609,062,000	1,166,486,700	442,575,300
7705	NNT20276	Nguyễn Thị Thúy Châm	Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	1,705,154,273	0	1,705,154,273	1,167,750,000	537,404,273
7706	NNT20718	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Xã Hà Nam, TP Hải Phòng	1,522,861,000	0	1,522,861,000	1,167,772,000	355,089,000

7707	NNT17980	Dương Thị Bình	Xã Liên Bạt, Hà Nội	1,845,249,000	105,000,000	1,740,249,000	1,170,010,000	570,239,000
7708	NNT19632	Lê Thị Thùy Linh	Xã Xam Xang, tỉnh Ninh Bình	1,205,488,000	0	1,205,488,000	1,170,174,710	35,313,290
7709	NNT01469	Nguyễn Thái Anh	phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	1,339,387,000	0	1,339,387,000	1,172,190,990	167,196,010
7710	NNT23697	Thiều Thị Thúy	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,198,017,000	0	1,198,017,000	1,173,394,000	24,623,000
7711	NNT22592	Lê Trần Hùng	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,500,000,000	247,500,000	1,252,500,000	1,174,980,000	77,520,000
7712	NNT18257	Đỗ Ngọc Đình	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	1,859,582,000	73,000,000	1,786,582,000	1,180,674,490	605,907,510
7713	NNT24398	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,183,533,000	0	1,183,533,000	1,183,533,000	0
7714	NNT17362	Phạm Thu Thủy	phường Kim Liên, Hà Nội	2,185,567,000	672,500,000	1,513,067,000	1,183,550,000	329,517,000
7715	NNT21181	Lê Thị Thanh Hà	Xã Gia Lâm, Hà Nội	1,600,000,000	2,000,000	1,598,000,000	1,184,000,000	414,000,000
7716	NNT22913	Đoàn Thế Cường	Phường Định Công, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,184,400,000	15,600,000
7717	NNT14485	Trần Thị Hải	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,191,785,215	558,884,215	2,632,901,000	1,186,201,342	1,446,699,658
7718	NNT22964	Nguyễn Thị Thanh Hà	Tổ 6, phường Từ Liêm, Hà Nội	1,380,000,000	180,000,000	1,200,000,000	1,187,000,000	13,000,000
7719	NNT02196	Bùi Thị Thu Thủy	Xã Tây Hồ, Thành Phố Đà Nẵng	1,830,852,000	0	1,830,852,000	1,187,179,695	643,672,305
7720	NNT11880	Trần Thị Phương	phường Yên Hòa, TP Hà Nội	1,855,599,000	0	1,855,599,000	1,190,085,000	665,514,000
7721	NNT16709	Ngô Thanh Thúy	Phường Đống Đa, Hà Nội	4,477,837,716	1,015,035,716	3,462,802,000	1,191,343,804	2,271,458,196

7722	NNT11191	Lê Thị Kim Chung	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,901,610,535	4,845,535	1,896,765,000	1,192,889,000	703,876,000
7723	NNT23652	Ngô Tất Thắng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,193,500,000	6,500,000
7724	NNT24293	Vũ Bích Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,194,300,000	5,700,000
7725	NNT24112	Phạm Thị Phương Hoa	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,194,358,000	5,642,000
7726	NNT18733	Trần Ngọc Việt Đức	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,885,263,000	0	1,885,263,000	1,195,722,985	689,540,015
7727	NNT23823	Nguyễn Thị Hảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,200,000,000	3,000,000	1,197,000,000	1,197,000,000	0
7728	NNT17873	Lê Việt Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,366,490,000	0	2,366,490,000	1,198,776,000	1,167,714,000
7729	NNT14970	Nguyễn Thùy Dương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,778,761,000	280,859,000	1,497,902,000	1,199,523,360	298,378,640
7730	NNT22883	Nguyễn Thanh Cường	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,275,510,000	38,265,000	1,237,245,000	1,199,527,840	37,717,160
7731	NNT12575	Đặng Thị Khương	Phường Khương Đình, Hà Nội	3,332,550,000	128,155,000	3,204,395,000	1,199,637,297	2,004,757,703
7732	NNT24105	Phạm Thị Hoàng Tuyên	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,250,000,000	0	1,250,000,000	1,200,000,000	50,000,000
7733	NNT23376	Trần Thúy Nga	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,232,721,000	0	1,232,721,000	1,200,000,000	32,721,000
7734	NNT23223	Vũ Thanh Lâm	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,200,000,000	0
7735	NNT23077	Phạm Thị Hải Thúy	Phường Gia Viên, TP Hải Phòng	2,729,953,000	1,492,840,000	1,237,113,000	1,200,000,000	37,113,000
7736	NNT18940	Ngô Thị Thường	86 phố Bà Triệu, phường Lê Thanh Nghi, Hải Phòng	4,939,175,000	3,600,000,000	1,339,175,000	1,200,000,000	139,175,000

7737	NNT22938	Dương Lưu Đàm Quân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,234,831,000	0	1,234,831,000	1,200,000,000	34,831,000
7738	NNT23291	Bùi Thị Thanh Chung	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	1,200,000,000	0
7739	NNT12817	Đỗ Thị Hào	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,926,953,195	109,150,000	1,817,803,195	1,200,029,869	617,773,326
7740	NNT20852	Lưu Thị Thanh Toán	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,460,317,000	0	1,460,317,000	1,200,308,000	260,009,000
7741	NNT16652	Đoàn Thị Hồng Phúc	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,057,674,000	442,000,000	2,615,674,000	1,200,926,747	1,414,747,253
7742	NNT23250	Đào Minh Chính	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,250,000,000	34,750,000	1,215,250,000	1,201,534,000	13,716,000
7743	NNT19680	Hoàng Quốc Vinh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,636,920,000	0	1,636,920,000	1,202,650,000	434,270,000
7744	NNT13437	Trần Thị Nhạ	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,222,038,000	100,000,000	2,122,038,000	1,203,101,630	918,936,370
7745	NNT17865	Nguyễn Thị Lê	phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,603,631,000	65,760,000	1,537,871,000	1,203,326,025	334,544,975
7746	NNT16021	Nguyễn Thị Hồng Minh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,000,000,000	40,000,000	1,960,000,000	1,203,894,000	756,106,000
7747	NNT15461	Lê Thị Thu Hà	phường Đồng Đa, Hà Nội	3,510,580,000	377,348,000	3,133,232,000	1,205,566,000	1,927,666,000
7748	NNT24395	Nguyễn Thị Lý	phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,207,500,000	0	1,207,500,000	1,207,500,000	0
7749	NNT22892	Đào Hồng Nhung	phường Đồng Đa, Hà Nội	1,720,000,000	500,000,000	1,220,000,000	1,208,219,000	11,781,000
7750	NNT21859	Hà Thị Giang Trinh	Phường Lào Cai, Lào Cai	1,600,000,000	0	1,600,000,000	1,209,908,000	390,092,000
7751	NNT15300	Bùi Thị Tuyết	Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng	3,445,162,000	1,810,968,000	1,634,194,000	1,211,097,000	423,097,000

7752	NNT19758	Phạm Đặng Diệp Linh	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,090,769,000	1,128,465,000	1,962,304,000	1,212,418,000	749,886,000
7753	NNT15590	Lê Thị Tài	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,977,934,000	100,000,000	1,877,934,000	1,214,176,000	663,758,000
7754	NNT21750	Trần Thị Ánh Nguyệt	Xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng	1,907,795,000	510,743,000	1,397,052,000	1,214,180,000	182,872,000
7755	NNT16762	Hoàng Phương Mai	Phường Từ Liêm, Hà Nội	2,041,801,000	198,413,000	1,843,388,000	1,214,442,975	628,945,025
7756	NNT01752	Ji Seong Gu	P.Hà Đông, Hà Nội	7,704,011,515	803,952,000	6,900,059,515	1,215,981,000	5,684,078,515
7757	NNT20377	Hà Thị Thủy Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,765,027,000	264,754,000	1,500,273,000	1,219,043,705	281,229,295
7758	NNT16270	Lê Xuân Dũng	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,306,014,000	20,000,000	1,286,014,000	1,220,018,101	65,995,899
7759	NNT18842	Trần Thị Lan Anh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,818,538,000	129,923,000	1,688,615,000	1,220,332,000	468,283,000
7760	NNT21142	Đỗ Thị Đức	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	2,172,294,002	155,250,000	2,017,044,002	1,220,534,000	796,510,002
7761	NNT12340	Vũ Thị Loan	Phường Yên Sở, Hà Nội	3,041,259,895	496,199,947	2,545,059,948	1,220,997,000	1,324,062,948
7762	NNT21065	Nguyễn Thị Thủy	Xã Bình Yên, Tỉnh Thái Nguyên	1,400,000,000	95,000,000	1,305,000,000	1,221,695,375	83,304,625
7763	NNT12276	Vũ Thị Vân	phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,182,681,000	73,800,000	2,108,881,000	1,222,465,905	886,415,095
7764	NNT01266	Nguyễn Thị Lan	phường Hồng Hà, TP Hà Nội	6,715,372,715	2,237,898,743	4,477,473,972	1,222,895,600	3,254,578,372
7765	NNT01898	Tăng Khánh Vân	P. Giảng Võ, Hà Nội	5,214,000,000	764,000,000	4,450,000,000	1,225,599,000	3,224,401,000
7766	NNT11358	Vũ Hiên	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,000,000,000	400,000,000	1,600,000,000	1,225,833,000	374,167,000

7767	NNT14097	Nguyễn Lan Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	2,557,597,617	663,522,617	1,894,075,000	1,225,938,000	668,137,000
7768	NNT18079	Ngô Thu Phương	phường Ba Đình, Hà Nội	1,779,100,000	0	1,779,100,000	1,226,442,790	552,657,210
7769	NNT13068	Trần Thị Mai Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,965,245,000	106,801,000	2,858,444,000	1,227,643,000	1,630,801,000
7770	NNT14683	Đào Thị Thành	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,939,916,000	0	1,939,916,000	1,228,591,260	711,324,740
7771	NNT20263	Nguyễn Trọng Bắc	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,177,759,504	46,000,000	2,131,759,504	1,229,000,000	902,759,504
7772	NNT16567	Hoàng Thị Trang Thu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,801,384,000	40,000,000	1,761,384,000	1,229,466,000	531,918,000
7773	NNT12675	Phạm Thị Thương Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	5,007,205,000	2,631,895,000	2,375,310,000	1,229,740,000	1,145,570,000
7774	NNT21124	Trần Thị Bích	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,597,838,000	186,084,000	1,411,754,000	1,231,055,000	180,699,000
7775	NNT23320	Đỗ Thục Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,234,000,000	0	1,234,000,000	1,234,000,000	0
7776	NNT21296	Hoàng Thúy Liên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	2,000,000,000	347,589,589	1,652,410,411	1,234,090,000	418,320,411
7777	NNT14958	Nguyễn Hoàng Giang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,689,058,000	215,919,000	1,473,139,000	1,234,200,430	238,938,570
7778	NNT16252	Đặng Thị Thu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,693,740,000	772,000	1,692,968,000	1,236,118,000	456,850,000
7779	NNT16504	Nguyễn Thị Kim Sâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,804,208,000	0	1,804,208,000	1,236,492,000	567,716,000
7780	NNT23126	Đào Văn Thịnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,320,131,507	73,161,507	1,246,970,000	1,236,768,000	10,202,000
7781	NNT20031	Nguyễn Công Âu	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,339,445,000	25,000,000	1,314,445,000	1,237,567,000	76,878,000

7782	NNT12970	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Phường Ba Đình, Hà Nội	4,227,868,859	1,286,797,859	2,941,071,000	1,237,888,500	1,703,182,500
7783	NNT11231	Moon Hee Deuk	Phường Yên Hòa, Hà Nội	2,320,000,000	0	2,320,000,000	1,240,000,000	1,080,000,000
7784	NNT20583	Đào Tuấn Khanh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,330,000,000	10,000,000	1,320,000,000	1,240,200,000	79,800,000
7785	NNT14252	Đào Thị Hồng Diên	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,944,772,000	592,992,000	3,351,780,000	1,240,946,275	2,110,833,725
7786	NNT18913	Đinh Thị Vân	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,650,274,000	0	1,650,274,000	1,243,500,000	406,774,000
7787	NNT22864	Phạm Văn Thông	Phường Từ Liêm, Hà Nội	2,118,750,000	862,500,000	1,256,250,000	1,244,250,000	12,000,000
7788	NNT13005	Nguyễn Thị Hòa	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,876,906,000	0	2,876,906,000	1,244,417,670	1,632,488,330
7789	NNT23720	Lê Thị Liên	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,973,193,000	475,000,000	1,498,193,000	1,245,330,080	252,862,920
7790	NNT23975	Nguyễn Thành Đạt	Phường Nam Định, Ninh Bình	1,410,528,000	0	1,410,528,000	1,246,088,000	164,440,000
7791	NNT13756	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phường Phương Liệt, Hà Nội	2,140,125,000	0	2,140,125,000	1,249,012,325	891,112,675
7792	NNT15629	Ngô Thị Hường	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,960,853,000	201,516,000	1,759,337,000	1,249,717,890	509,619,110
7793	NNT22597	Bùi Thị Thu	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	1,540,000,000	200,000,000	1,340,000,000	1,251,100,000	88,900,000
7794	NNT23094	Nguyễn Tiến Sơn	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,337,797,000	0	1,337,797,000	1,251,441,000	86,356,000
7795	NNT00763	Nguyễn Văn Thanh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	9,528,561,000	0	9,528,561,000	1,255,519,145	8,273,041,855
7796	NNT01745	Trần Nam Thành	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	3,004,203,000	0	3,004,203,000	1,263,425,000	1,740,778,000

7797	NNT23139	Phạm Minh Lệ	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,457,151,000	169,551,000	1,287,600,000	1,264,950,000	22,650,000
7798	NNT22901	Nguyễn Duy Đầu	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,500,408,000	202,011,000	1,298,397,000	1,264,989,000	33,408,000
7799	NNT20273	Nguyễn Quốc Thịnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,007,309,000	0	2,007,309,000	1,266,000,000	741,309,000
7800	NNT21758	Đào Minh Phương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	1,370,000,000	0	1,370,000,000	1,268,450,000	101,550,000
7801	NNT18272	Đỗ Ngọc Dũng	xã Thường Tín, Hà Nội	1,809,000,000	500,000,000	1,309,000,000	1,269,350,000	39,650,000
7802	NNT18444	Đào Thị Mộng Lân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,168,164,000	342,723,000	1,825,441,000	1,269,541,000	555,900,000
7803	NNT11763	Bùi Thị Vân Anh	Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	3,151,886,000	0	3,151,886,000	1,270,426,040	1,881,459,960
7804	NNT10912	Bùi Thị Thanh Thủy	Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh	4,744,041,000	0	4,744,041,000	1,273,250,705	3,470,790,295
7805	NNT13474	Nguyễn Thị Hương	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	7,290,000,000	2,151,750,000	5,138,250,000	1,273,913,206	3,864,336,794
7806	NNT12719	Hoàng Văn Tân	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,542,538,000	629,038,000	2,913,500,000	1,274,631,000	1,638,869,000
7807	NNT17924	Nguyễn Văn Hùng	phường Trường Vinh, Nghệ An	2,200,000,000	0	2,200,000,000	1,274,674,000	925,326,000
7808	NNT15346	Nguyễn Thị Khánh	Phường Hồng Hà, hà nội	4,125,509,000	0	4,125,509,000	1,276,392,000	2,849,117,000
7809	NNT16309	Nguyễn Thị Lan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,283,758,000	648,648,000	2,635,110,000	1,276,535,000	1,358,575,000
7810	NNT13986	Phan Thị Hồng Vân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	8,161,685,000	3,850,000,000	4,311,685,000	1,276,737,356	3,034,947,644
7811	NNT12799	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng 18	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	15,017,793,000	0	15,017,793,000	1,280,189,298	13,737,603,702

7812	NNT23115	Phạm Thanh Bình	Số 67, ngõ 23, đường Đức Diễn, phường Phú Diễn, Hà Nội	1,314,286,000	5,000,000	1,309,286,000	1,281,441,000	27,845,000
7813	NNT13089	Nguyễn Thị Thanh	Phường Láng, Hà Nội	2,856,492,000	1,200,000,000	1,656,492,000	1,282,714,600	373,777,400
7814	NNT22896	Nguyễn Minh Hoàng	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,326,530,000	0	1,326,530,000	1,284,399,400	42,130,600
7815	NNT22988	Đặng Thị Bình	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,600,000,000	300,000,000	1,300,000,000	1,284,400,000	15,600,000
7816	NNT23332	Hoàng Thị Bích Hương	phường Đồng Đa Hà Nội	1,415,000,000	0	1,415,000,000	1,284,700,000	130,300,000
7817	NNT23228	Trương Văn Bình	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,883,287,000	187,490,000	1,695,797,000	1,284,937,000	410,860,000
7818	NNT16916	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,300,000,000	0	2,300,000,000	1,286,663,000	1,013,337,000
7819	NNT20520	Nguyễn Quang Hào	Phường Xuân Đình, Hà Nội	1,797,732,000	237,000,000	1,560,732,000	1,287,300,000	273,432,000
7820	NNT19707	Lê Thị Phương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,960,309,000	0	1,960,309,000	1,287,327,500	672,981,500
7821	NNT00265	Vũ Thị Minh Thảo	Phường Nam Định, Ninh Bình	7,508,307,000	0	7,508,307,000	1,287,844,500	6,220,462,500
7822	NNT21358	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,240,352,000	885,000,000	1,355,352,000	1,288,000,420	67,351,580
7823	NNT15582	Trần Thị Việt Thanh	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	2,013,686,000	0	2,013,686,000	1,288,582,000	725,104,000
7824	NNT18675	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,863,157,000	2,000,000	1,861,157,000	1,289,566,000	571,591,000
7825	NNT22944	Nguyễn Hương Giang	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	3,043,478,000	1,000,000,000	2,043,478,000	1,289,600,000	753,878,000
7826	NNT00119	Trần Thị Tuyết	Phường Hà Đông, Hà Nội	3,753,698,000	0	3,753,698,000	1,291,340,950	2,462,357,050

7827	NNT11771	Vũ Huy Hanh	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	12,657,779,000	200,000,000	12,457,779,000	1,291,777,973	11,166,001,027
7828	NNT23973	Trần Thị Thảo	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,654,778,202	365,768,202	2,289,010,000	1,293,426,430	995,583,570
7829	NNT18761	Nguyễn Thị Hoàng	Phường tương Mai, Hà Nội	1,551,630,000	0	1,551,630,000	1,294,185,000	257,445,000
7830	NNT22919	Đặng Thị Bích Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,320,408,000	0	1,320,408,000	1,294,700,000	25,708,000
7831	NNT15903	Nguyễn Thành Vượng	Xã Phù Đồng, Hà Nội	1,860,437,000	0	1,860,437,000	1,297,331,000	563,106,000
7832	NNT17301	Trần Thị Dung	Phường Tây Tựu, Hà Nội	2,503,562,000	277,409,000	2,226,153,000	1,298,629,000	927,524,000
7833	NNT11938	Lê Văn Tứ	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	7,544,023,427	2,263,207,029	5,280,816,398	1,300,087,971	3,980,728,427
7834	NNT17352	Nguyễn Mai Phương	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,678,350,000	550,707,000	2,127,643,000	1,300,293,000	827,350,000
7835	NNT18442	Nguyễn Phương Ngọc	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,942,865,000	181,951,150	1,760,913,850	1,301,204,675	459,709,175
7836	NNT12756	Phạm Văn Tùy	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,048,970,000	249,022,000	1,799,948,000	1,301,616,500	498,331,500
7837	NNT00442	Nguyễn Thanh Quý	Phường Bạch Mai, Hà Nội	4,736,681,000	0	4,736,681,000	1,302,694,670	3,433,986,330
7838	NNT23293	Phạm Văn Quý	Phường Ngọc Hà, Ba Đình	3,084,406,663	1,472,035,663	1,612,371,000	1,303,157,000	309,214,000
7839	NNT12944	Nguyễn Công Huân	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	4,213,723,000	3,000,000	4,210,723,000	1,305,500,500	2,905,222,500
7840	NNT22195	Lê Thị Hồng	Xã Nông Cống, Thanh Hóa	1,563,158,000	0	1,563,158,000	1,307,312,000	255,846,000
7841	NNT17364	Hoàng Minh Hoàng	Phường Tương Mai, Hà Nội	2,500,000,000	376,696,000	2,123,304,000	1,310,804,000	812,500,000

7842	NNT13323	Trần Minh Chính	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,562,500,000	0	1,562,500,000	1,311,299,000	251,201,000
7843	NNT01418	Nguyễn Thị Thanh Nga	Phường Bạch Mai, Hà Nội	10,670,069,000	1,109,607,000	9,560,462,000	1,312,967,100	8,247,494,900
7844	NNT11647	Lê Ngọc Hòa	Phường Hoàn Kiếm ,Hà Nội	4,216,476,000	122,500,000	4,093,976,000	1,313,368,685	2,780,607,315
7845	NNT12061	Nguyễn Thị Toán	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,847,637,000	136,367,000	2,711,270,000	1,313,519,010	1,397,750,990
7846	NNT15471	Trương Thị An Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,824,390,000	0	1,824,390,000	1,316,155,600	508,234,400
7847	NNT22886	Đỗ Như Anh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	1,500,000,000	161,000,000	1,339,000,000	1,319,000,000	20,000,000
7848	NNT23500	Nguyễn Thị Phương An	Xã Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	1,359,600,000	0	1,359,600,000	1,319,000,000	40,600,000
7849	NNT22590	Ngô Ngọc Thanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,582,474,000	0	1,582,474,000	1,319,700,000	262,774,000
7850	NNT16354	Nguyễn Thùy Dung	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	1,645,645,000	0	1,645,645,000	1,319,946,040	325,698,960
7851	NNT14626	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,988,269,000	0	1,988,269,000	1,320,008,845	668,260,155
7852	NNT10932	Trần Thị Kim Hoa	Phường Sơn Tây, Hà Nội	2,034,324,000	0	2,034,324,000	1,322,950,490	711,373,510
7853	NNT15660	Đào Thị Lan Phương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,688,638,000	1,070,000,000	2,618,638,000	1,323,755,000	1,294,883,000
7854	NNT21613	Trần Thùy Dung	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,658,031,000	276,000,000	1,382,031,000	1,324,000,000	58,031,000
7855	NNT17317	Nguyễn Thị Loan	Phường Láng, Hà Nội	4,683,164,138	951,976,138	3,731,188,000	1,325,278,325	2,405,909,675
7856	NNT22370	Thái Văn Long	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,127,429,205	1,454,000,000	1,673,429,205	1,326,000,000	347,429,205

7857	NNT19204	Đoàn Minh Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,640,907,138	47,514,238	1,593,392,900	1,330,889,049	262,503,851
7858	NNT15489	Nguyễn Thế Toàn	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,834,943,000	200,000,000	1,634,943,000	1,332,815,000	302,128,000
7859	NNT22029	Nguyễn Trung Hiếu	Phường Xuân Đình, Hà Nội	1,443,920,000	0	1,443,920,000	1,333,268,801	110,651,199
7860	NNT14649	Lương Thị Hồng Thúy	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	2,433,862,000	365,510,000	2,068,352,000	1,334,489,590	733,862,410
7861	NNT10999	Nguyễn Đình Bảo Lâm	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	4,876,042,000	184,118,000	4,691,924,000	1,336,470,750	3,355,453,250
7862	NNT20006	Phạm Vũ Thiện	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,739,130,000	260,850,000	1,478,280,000	1,339,149,600	139,130,400
7863	NNT01779	Triệu Thị Nái	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	7,104,457,885	2,509,767,885	4,594,690,000	1,339,165,800	3,255,524,200
7864	NNT15628	Vũ Thúy Nga	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,800,000,000	60,000,000	1,740,000,000	1,343,475,000	396,525,000
7865	NNT21251	Trần Thị Ngọc Tú	Phường Tây Hồ, Hà Nội	2,067,347,000	201,414,000	1,865,933,000	1,346,370,668	519,562,332
7866	NNT16271	Thái Thị Huệ	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,015,679,000	26,129,000	1,989,550,000	1,346,492,110	643,057,890
7867	NNT13895	Phan Đức Nam	Phường Định Công, Hà Nội	2,209,019,000	0	2,209,019,000	1,346,601,000	862,418,000
7868	NNT22990	Dương Thị Vượng	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,391,195,000	0	1,391,195,000	1,347,361,000	43,834,000
7869	NNT15571	Nguyễn Thị Thủy	Phường Kim Liên, Hà Nội	5,368,059,661	1,760,922,241	3,607,137,420	1,347,865,759	2,259,271,661
7870	NNT20415	Lưu Kim Huyền	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	1,790,644,000	240,000,000	1,550,644,000	1,349,600,000	201,044,000
7871	NNT00464	Nguyễn Minh Thuý	Phường Từ Liêm, Hà Nội	9,760,028,261	8,210,028,241	1,550,000,020	1,351,285,749	198,714,271

7872	NNT16500	Nguyễn Thu Hà	Phường Lào Cai, Lào Cai	2,603,395,000	200,528,000	2,402,867,000	1,351,405,800	1,051,461,200
7873	NNT00944	Nguyễn Thị Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,463,077,000	45,000,000	2,418,077,000	1,352,337,280	1,065,739,720
7874	NNT22633	Nguyễn Thanh Hoàn	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,385,000,000	0	1,385,000,000	1,354,100,000	30,900,000
7875	NNT01160	Lê Văn Đức	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,950,000,000	-723,680,000	2,673,680,000	1,355,157,274	1,318,522,726
7876	NNT01124	Trần Thị Vở	Phường Đồng Đa, Hà Nội	5,018,698,000	382,000,000	4,636,698,000	1,355,937,065	3,280,760,935
7877	NNT24400	Nguyễn Tuấn Vũ	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,357,049,000	0	1,357,049,000	1,357,049,000	0
7878	NNT23351	Lê Thị Đoan	Phường Hạ Long, Quảng Ninh	1,382,300,000	0	1,382,300,000	1,358,300,000	24,000,000
7879	NNT17719	Nguyễn Hoài Thu	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,562,869,000	0	1,562,869,000	1,358,770,000	204,099,000
7880	NNT22492	Nguyễn Mạnh Hoàng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,570,000,000	68,400,000	1,501,600,000	1,361,600,000	140,000,000
7881	NNT15450	Đỗ Quốc Nam	phường Giảng Võ, Hà Nội	1,767,266,000	100,000,000	1,667,266,000	1,362,239,000	305,027,000
7882	NNT21396	Phạm Phú Lưu	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,700,000,000	30,000,000	1,670,000,000	1,363,200,000	306,800,000
7883	NNT22004	Dương Huy Hoàng	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	2,000,000,000	303,575,000	1,696,425,000	1,364,518,000	331,907,000
7884	NNT21765	Dương Thị Bích Phượng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,149,652,000	266,041,000	1,883,611,000	1,364,599,655	519,011,345
7885	NNT19113	Dương Hà Thu	Phường Phú Thượng, Hà Nội	1,497,393,000	0	1,497,393,000	1,365,078,975	132,314,025
7886	NNT13425	Ngô Thế Hiền	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,783,065,000	70,000,000	1,713,065,000	1,365,507,000	347,558,000

7887	NNT20096	Đặng Thị Diện	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,631,335,000	0	1,631,335,000	1,366,073,000	265,262,000
7888	NNT22507	Nguyễn Thanh Huyền	phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	1,456,476,000	10,000,000	1,446,476,000	1,366,690,000	79,786,000
7889	NNT00160	Nguyễn Thị Uyên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	7,074,950,000	0	7,074,950,000	1,368,561,950	5,706,388,050
7890	NNT19186	Đặng Phương Mai	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,702,994,852	-548,484,148	2,251,479,000	1,368,600,000	882,879,000
7891	NNT14578	Trần Văn Kiểm	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	2,322,106,210	300,000,000	2,022,106,210	1,372,500,000	649,606,210
7892	NNT15677	Lý Quốc Hiệu	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	3,991,817,000	2,302,937,000	1,688,880,000	1,373,905,000	314,975,000
7893	NNT17631	Hà Thị Oanh	xã Nho Quan, Ninh Bình	4,764,948,000	2,000,000,000	2,764,948,000	1,375,191,000	1,389,757,000
7894	NNT16059	Vũ Thị Gấm	Phường Thượng Cát, Hà Nội	2,050,761,000	100,000,000	1,950,761,000	1,376,450,000	574,311,000
7895	NNT18968	Vũ Thị Mỹ Vinh	Phường Lê Chân, Hải Phòng	1,500,904,000	0	1,500,904,000	1,378,747,000	122,157,000
7896	NNT21146	Trần Thị Hồng Ngát	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,785,424,000	0	1,785,424,000	1,380,682,000	404,742,000
7897	NNT18916	Nguyễn Thị Bích Lan	phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	2,629,983,000	800,000,000	1,829,983,000	1,381,846,600	448,136,400
7898	NNT21259	Lê Khánh Ly	Phường Tương Mai, Hà Nội	1,778,621,000	0	1,778,621,000	1,382,700,000	395,921,000
7899	NNT00263	Lê Quang Hoa	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	4,361,769,000	0	4,361,769,000	1,384,623,000	2,977,146,000
7900	NNT20338	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	1,384,727,320	615,272,680
7901	NNT18297	Hứa Thị Bích Thủy	Phường Ba Đình, Hà Nội	4,366,203,383	1,346,048,383	3,020,155,000	1,384,814,617	1,635,340,383

7902	NNT16605	Nguyễn Thị Vinh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	1,888,777,000	0	1,888,777,000	1,385,270,000	503,507,000
7903	NNT23677	Chu Thị Huệ	Phường Xuân Phương, Hà Nội	1,550,400,000	144,962,000	1,405,438,000	1,385,283,000	20,155,000
7904	NNT11533	Lương Thị Ngọc Bích	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,192,361,000	516,989,000	3,675,372,000	1,385,594,000	2,289,778,000
7905	NNT20397	Nguyễn Quốc Yên	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,959,216,000	268,229,000	1,690,987,000	1,385,869,000	305,118,000
7906	NNT18370	Tô Thị Bích Thủy	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,598,762,000	0	1,598,762,000	1,386,000,370	212,761,630
7907	NNT12717	Nguyễn Thị Bích Loan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	2,778,340,000	0	2,778,340,000	1,386,740,395	1,391,599,605
7908	NNT20272	Tạ Đăng Long	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,906,077,000	0	1,906,077,000	1,387,500,000	518,577,000
7909	NNT14713	Nguyễn Kim Anh	xã Đông Anh, Hà Nội	2,673,913,000	0	2,673,913,000	1,387,600,000	1,286,313,000
7910	NNT16077	Vũ Thị Tiên Thu	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,638,399,842	625,221,000	3,013,178,842	1,388,750,000	1,624,428,842
7911	NNT11989	Nguyễn Thị Thiếu	Phường Yên Nghĩa, Hà Nội	3,245,230,000	0	3,245,230,000	1,388,760,979	1,856,469,021
7912	NNT23573	Đỗ Đức Tuấn	Phường Tương Mía, Hà Nội	1,986,392,000	582,574,000	1,403,818,000	1,389,684,000	14,134,000
7913	NNT11188	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phường Cửa Nam, Hà Nội	3,665,264,000	211,610,000	3,453,654,000	1,390,086,200	2,063,567,800
7914	NNT15523	Dương Nghĩa	Phường Phú Thượng, Hà Nội	2,404,805,000	0	2,404,805,000	1,393,149,000	1,011,656,000
7915	NNT13597	Trần Thị Hoàn	Phường Đống Đa, Hà Nội	2,424,085,000	25,000,000	2,399,085,000	1,393,886,280	1,005,198,720
7916	NNT14191	Trần Thanh Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,639,764,000	53,000,000	2,586,764,000	1,394,592,000	1,192,172,000

7917	NNT22838	Nguyễn Hữu Hùng	Phường Hai Ba Trưng, Hà Nội	1,521,740,000	0	1,521,740,000	1,394,700,000	127,040,000
7918	NNT00935	Nguyễn Văn Đám	Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	3,132,356,000	0	3,132,356,000	1,395,442,000	1,736,914,000
7919	NNT00684	Nguyễn Thị Thành	Phường Hà Giang 2, Tuyên Quang	3,508,756,000	366,289,000	3,142,467,000	1,397,711,000	1,744,756,000
7920	NNT23664	Nguyễn Thành Nam	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,500,000,000	66,600,000	1,433,400,000	1,398,400,000	35,000,000
7921	NNT23969	Nguyễn Thị Ngọc Lan	26 Nguyễn Quyền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,480,000,000	0	1,480,000,000	1,400,000,000	80,000,000
7922	NNT21659	Phùng Thị Hoàng Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,841,790,000	224,610,000	1,617,180,000	1,400,000,000	217,180,000
7923	NNT21361	Nguyễn Xuân Hòa	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,815,759,000	0	1,815,759,000	1,400,000,000	415,759,000
7924	NNT18960	Phạm Thu Hà	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,898,438,000	0	1,898,438,000	1,401,569,000	496,869,000
7925	NNT22583	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,950,000,000	546,000,000	1,404,000,000	1,404,000,000	0
7926	NNT12441	Phan Huyền Đức	Xã Tây Phương, Hà Nội	2,050,529,000	60,000,000	1,990,529,000	1,404,472,579	586,056,421
7927	NNT16872	Đào Thị Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,998,150,873	0	1,998,150,873	1,405,258,000	592,892,873
7928	NNT21644	Lã Thị Thảo	phường Giảng Võ, Hà Nội	1,857,510,423	290,484,423	1,567,026,000	1,406,485,000	160,541,000
7929	NNT14148	Nguyễn Kim Tuyết	52 Tuệ Tĩnh, Bùi Thị Xuân, Hà Nội (phường Hai Bà Trưng)	2,534,550,000	50,000,000	2,484,550,000	1,407,500,000	1,077,050,000
7930	NNT18438	Thái Văn Tiến	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,023,421,000	0	2,023,421,000	1,410,500,000	612,921,000
7931	NNT20000	Lưu Thị Hương	Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	1,809,715,000	0	1,809,715,000	1,415,000,000	394,715,000

7932	NNT10923	Nguyễn Phương Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,294,920,000	0	2,294,920,000	1,419,005,000	875,915,000
7933	NNT22291	Nguyễn Văn Hiến	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,831,897,000	33,000,000	1,798,897,000	1,422,000,000	376,897,000
7934	NNT13811	Lê Thị Chiến	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,300,000,000	33,375,000	2,266,625,000	1,424,916,000	841,709,000
7935	NNT22518	Nguyễn Xuân Bôn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,606,948,408	0	1,606,948,408	1,427,423,408	179,525,000
7936	NNT00050	Nguyễn Thị Bảo Khánh	Phường Láng, Hà Nội	1,846,628,000	0	1,846,628,000	1,428,705,000	417,923,000
7937	NNT15404	Hồ Viết Hải	Phường Bồ Đề, Hà Nội	2,525,940,000	0	2,525,940,000	1,429,248,180	1,096,691,820
7938	NNT21833	Nguyễn Xuân Trường	Phường Liệt, Hà Nội	1,580,645,000	40,000,000	1,540,645,000	1,430,000,000	110,645,000
7939	NNT23990	Vũ Minh Tuyên	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	1,504,150,000	0	1,504,150,000	1,430,000,000	74,150,000
7940	NNT19989	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,849,483,000	0	1,849,483,000	1,430,000,000	419,483,000
7941	NNT16583	Nguyễn Thị Thửa	Phường Tây Tựu, Hà Nội	1,776,509,000	0	1,776,509,000	1,430,003,210	346,505,790
7942	NNT15884	Nguyễn Thị Lạc	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,558,134,000	1,200,000,000	2,358,134,000	1,432,548,000	925,586,000
7943	NNT14253	Hoàng Thị Xuân Dung	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	3,105,759,000	0	3,105,759,000	1,433,704,000	1,672,055,000
7944	NNT13627	Nguyễn Thị Thu Tâm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	4,241,561,651	1,145,000,000	3,096,561,651	1,434,264,495	1,662,297,156
7945	NNT10919	Ngô Thị Thanh Thúy	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,132,492,000	0	3,132,492,000	1,435,203,000	1,697,289,000
7946	NNT21253	Hà Ngọc Lan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,860,249,000	297,297,000	1,562,952,000	1,440,287,325	122,664,675

7947	NNT00354	Nguyễn Thị Hy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	5,491,201,594	430,625,468	5,060,576,126	1,441,267,202	3,619,308,924
7948	NNT22662	Phạm Thúy Vinh	Phường Ngô Quyền, Hà Nội	1,550,000,000	106,500,000	1,443,500,000	1,443,500,000	0
7949	NNT20136	Nguyễn Thiều Hoa	Phường Từ Liêm , Hà Nội	1,800,000,000	0	1,800,000,000	1,443,528,000	356,472,000
7950	NNT23311	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,450,000,000	0	1,450,000,000	1,444,500,000	5,500,000
7951	NNT22087	Nguyễn Thị Kim Chi	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,742,064,000	80,000,000	1,662,064,000	1,445,869,000	216,195,000
7952	NNT23161	Đoàn Thị Kim Hoa	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,483,801,000	329,000	1,483,472,000	1,448,671,000	34,801,000
7953	NNT14013	Đỗ Thanh Hằng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,640,460,000	0	2,640,460,000	1,449,347,750	1,191,112,250
7954	NNT14089	Vũ Phương Linh	phường Kim Liên, Hà Nội	2,737,898,000	216,180,000	2,521,718,000	1,449,820,000	1,071,898,000
7955	NNT16294	Nguyễn Xuân Huy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	2,183,432,000	0	2,183,432,000	1,451,876,000	731,556,000
7956	NNT01343	Trần Thị Kim Thành	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	3,506,912,000	200,000,000	3,306,912,000	1,452,551,090	1,854,360,910
7957	NNT11987	Đặng Kim Trang	Phường Hía Bà Trưng, Hà Nội	4,422,511,000	1,399,227,000	3,023,284,000	1,452,575,000	1,570,709,000
7958	NNT12681	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,884,733,000	0	1,884,733,000	1,452,802,000	431,931,000
7959	NNT23698	Nguyễn Thị Minh Huệ	Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên	1,530,612,000	0	1,530,612,000	1,455,000,000	75,612,000
7960	NNT15643	Nguyễn Phương Linh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,906,541,088	547,960,814	2,358,580,274	1,455,920,186	902,660,088
7961	NNT14593	Lê Việt Hùng	Phường Hà Đông, Hà Nội	4,499,914,280	909,791,461	3,590,122,819	1,461,486,789	2,128,636,030

7962	NNT13669	Nguyễn Duyên Nhội	Xã Vân Đình, Hà Nội	3,244,005,000	364,218,000	2,879,787,000	1,461,975,466	1,417,811,534
7963	NNT19821	Nguyễn Thị Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,047,928,000	268,000,000	1,779,928,000	1,463,250,000	316,678,000
7964	NNT17184	Nguyễn Duy Côi	Phường Phước Thắng, thành phố Hồ Chí Minh	4,729,221,623	2,251,035,000	2,478,186,623	1,463,302,000	1,014,884,623
7965	NNT18173	Nguyễn Thị Khánh Linh	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,205,435,000	170,000,000	2,035,435,000	1,465,448,000	569,987,000
7966	NNT18638	Lê Thị Kim Dung	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,749,047,000	0	1,749,047,000	1,465,868,340	283,178,660
7967	NNT00929	Hoàng Thị Hương Loan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	4,990,752,000	0	4,990,752,000	1,468,118,000	3,522,634,000
7968	NNT19998	Tăng Thị Tú Oanh	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,875,216,000	212,192,000	1,663,024,000	1,468,556,000	194,468,000
7969	NNT19666	Nguyễn Công Duy	Phường Thành Vinh, Nghệ An	2,946,236,000	980,000,000	1,966,236,000	1,470,081,000	496,155,000
7970	NNT16575	Phạm Thị Thúy Hòa	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,328,628,000	15,000,000	2,313,628,000	1,470,696,960	842,931,040
7971	NNT23395	Bùi Thanh Tâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,530,612,000	0	1,530,612,000	1,473,000,000	57,612,000
7972	NNT15082	Bùi Thị Khánh	Xã An Khánh, Hà Nội	4,964,125,098	2,006,235,690	2,957,889,408	1,474,823,079	1,483,066,329
7973	NNT23899	Nguyễn Quốc Việt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,500,000,000	24,000,000	1,476,000,000	1,476,000,000	0
7974	NNT18544	Nguyễn Thị Hà	Phường Việt Hưng, Hà Nội	2,625,239,000	163,941,000	2,461,298,000	1,479,521,000	981,777,000
7975	NNT11708	Nguyễn Thị Giáng Hương	phường Yên Hòa, Hà Nội	3,088,815,000	0	3,088,815,000	1,485,006,500	1,603,808,500
7976	NNT22453	Bùi Xuân Phương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,804,473,000	0	1,804,473,000	1,489,182,055	315,290,945

7977	NNT15134	Hoàng Lệ Chi	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,730,148,000	0	2,730,148,000	1,489,223,580	1,240,924,420
7978	NNT23992	Nguyễn Thị Phương	phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,489,821,517	0	1,489,821,517	1,489,821,517	0
7979	NNT00015	Đàm Thị Minh Phương	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	7,013,860,000	0	7,013,860,000	1,491,079,805	5,522,780,195
7980	NNT16272	Lê Công Tường	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	6,141,842,334	1,757,387,333	4,384,455,001	1,491,875,667	2,892,579,334
7981	NNT18592	Nguyễn Thị Nhung	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,478,901,000	0	2,478,901,000	1,492,801,000	986,100,000
7982	NNT01607	Phan Văn Kiên	Xã Tây Phương, Hà Nội	3,582,401,000	0	3,582,401,000	1,496,254,233	2,086,146,767
7983	NNT13781	Lê Trần Dũng	Phường Sơn Tây, Hà Nội	2,796,671,000	0	2,796,671,000	1,497,994,240	1,298,676,760
7984	NNT23189	Đặng Đình Tuyển	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	1,790,816,000	229,592,000	1,561,224,000	1,500,000,000	61,224,000
7985	NNT22278	Nguyễn Thị Kim Thư	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,570,680,000	0	1,570,680,000	1,500,000,000	70,680,000
7986	NNT23727	Trần Kế Nghiệp	Phường Thanh Xuân , Hà Nội	1,500,000,000	0	1,500,000,000	1,500,000,000	0
7987	NNT23552	Nguyễn Thị Mai	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,522,842,000	0	1,522,842,000	1,500,000,000	22,842,000
7988	NNT17885	Nguyễn Thanh Thảo	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	2,271,792,000	0	2,271,792,000	1,500,000,050	771,791,950
7989	NNT23732	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,543,744,000	0	1,543,744,000	1,500,000,337	43,743,663
7990	NNT15767	Lê Thị Ngọc Ánh	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,539,602,000	0	2,539,602,000	1,500,917,250	1,038,684,750
7991	NNT11567	Quách Thị Hoan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	11,246,858,696	4,678,335,408	6,568,523,288	1,503,228,000	5,065,295,288

7992	NNT21295	Nguyễn Thị Toàn	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,955,795,000	50,000,000	1,905,795,000	1,507,350,000	398,445,000
7993	NNT00874	Nguyễn Thị Thu Giang	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,330,436,000	100,000,000	3,230,436,000	1,508,650,320	1,721,785,680
7994	NNT11723	Lương Quang Luyện	Phường Đồng Đa, Hà Nội	4,228,772,000	186,175,000	4,042,597,000	1,512,628,000	2,529,969,000
7995	NNT15538	Lê Thị Mỹ Ngân	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,339,259,000	32,258,000	2,307,001,000	1,514,454,000	792,547,000
7996	NNT14538	Phạm Thị My	Phường Láng, Hà Nội	3,816,907,000	1,060,638,000	2,756,269,000	1,518,263,829	1,238,005,171
7997	NNT13829	Đặng Thị Phương Thúy	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	2,442,802,000	0	2,442,802,000	1,520,103,305	922,698,695
7998	NNT22256	Trương Thị Thương Huyền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,530,000,000	0	1,530,000,000	1,520,800,000	9,200,000
7999	NNT14428	Đỗ Văn Minh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,679,648,000	0	1,679,648,000	1,523,407,880	156,240,120
8000	NNT10947	Vũ Văn Dự	Số 5 ngõ 2 An Xá, phường Hồng Hà, Hà Nội	6,484,351,000	0	6,484,351,000	1,524,765,025	4,959,585,975
8001	NNT18480	Nguyễn Hữu Đạt	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,556,098,470	0	1,556,098,470	1,526,375,470	29,723,000
8002	NNT16301	Nguyễn Quốc Huy	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,542,105,000	0	2,542,105,000	1,527,056,000	1,015,049,000
8003	NNT20558	Nguyễn Thị Thúy Lan	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,757,138,000	94,193,000	1,662,945,000	1,527,107,000	135,838,000
8004	NNT16125	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	2,140,740,000	0	2,140,740,000	1,529,271,000	611,469,000
8005	NNT22587	Bùi Thị Hằng Nga	phường Giảng Võ, Hà Nội	2,565,647,123	473,647,123	2,092,000,000	1,531,500,000	560,500,000
8006	NNT17307	Nguyễn Thị Phú Nhuận	T2.0701 Chung cư số 3 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,744,747,696	566,587,348	3,178,160,348	1,531,763,652	1,646,396,696

8007	NNT01965	Phan Thị Hiện	Phường Tây Tựu, Hà Nội	3,501,635,000	1,000,000,000	2,501,635,000	1,535,233,000	966,402,000
8008	NNT22473	Đào Trọng Thiết	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,700,000,000	41,695,000	1,658,305,000	1,539,900,000	118,405,000
8009	NNT18062	Bùi Thị Mỹ Đức	Xã Yên Mô, Ninh Bình	1,679,823,000	0	1,679,823,000	1,542,240,000	137,583,000
8010	NNT18484	Phạm Thị Khánh Vân	phường Đồng Đa, Hà Nội	3,200,000,000	1,110,000,000	2,090,000,000	1,547,000,000	543,000,000
8011	NNT13684	Nguyễn Xuân Hợp	Phường Hà Đông, Hà Nội	3,394,290,000	0	3,394,290,000	1,547,991,000	1,846,299,000
8012	NNT17356	Trần Thị Thi	Phường Định Công, Hà Nội	3,056,984,000	1,153,492,000	1,903,492,000	1,548,369,000	355,123,000
8013	NNT14977	Vũ Thị Phương Linh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,695,137,000	0	2,695,137,000	1,552,142,600	1,142,994,400
8014	NNT14952	Nguyễn Việt Anh	Xã An Khánh, Hà Nội	2,133,563,000	155,040,000	1,978,523,000	1,552,324,274	426,198,726
8015	NNT21904	Nguyễn Thị Giang Xuyên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,004,102,000	0	2,004,102,000	1,553,180,000	450,922,000
8016	NNT14404	Thái Dũng Linh	Phường Bình Trưng, TP HCM	2,856,511,000	132,948,000	2,723,563,000	1,553,671,000	1,169,892,000
8017	NNT12214	Đoàn Định Kiến	Phường Cửa Nam, Hà Nội	3,267,027,016	279,108,016	2,987,919,000	1,554,105,000	1,433,814,000
8018	NNT18805	Dương Thị Bích	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,066,700,000	135,000,000	1,931,700,000	1,554,302,000	377,398,000
8019	NNT20505	Nguyễn Ngọc Huệ	phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,305,373,000	0	2,305,373,000	1,554,319,337	751,053,663
8020	NNT16484	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Định Công, Hà Nội	6,892,148,000	3,368,665,000	3,523,483,000	1,556,107,000	1,967,376,000
8021	NNT19493	Nguyễn Thị Thu Ánh	Phường Hoàn Kiếm , Hà Nội	2,271,779,000	0	2,271,779,000	1,558,295,000	713,484,000

8022	NNT21838	Lưu Thị Mai Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,654,964,000	0	1,654,964,000	1,559,424,000	95,540,000
8023	NNT12412	Lương Thị Hằng Nga	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,625,649,000	0	6,625,649,000	1,559,712,000	5,065,937,000
8024	NNT00785	Nguyễn Thanh Thủy	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	3,981,339,000	0	3,981,339,000	1,561,335,000	2,420,004,000
8025	NNT11518	Trần Sơn Hải	Phường Đồng Đa, Hà Nội	4,557,672,000	0	4,557,672,000	1,563,812,080	2,993,859,920
8026	NNT21783	Phùng Thị Hồng Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,855,669,000	0	1,855,669,000	1,564,500,000	291,169,000
8027	NNT11275	Hồ Thị Thu	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,600,000,000	0	1,600,000,000	1,568,438,983	31,561,017
8028	NNT18978	Hoàng Thị Hà	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,917,634,000	0	1,917,634,000	1,571,600,000	346,034,000
8029	NNT21743	Quách Thị Tú Phương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,828,537,916	0	3,828,537,916	1,575,410,000	2,253,127,916
8030	NNT22970	Lê Thị Phụng	Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	1,931,092,603	331,092,603	1,600,000,000	1,575,740,000	24,260,000
8031	NNT15030	Nghiêm Thị Huyền	xã Phụng Dục, Hà Nội	2,332,358,000	0	2,332,358,000	1,576,998,000	755,360,000
8032	NNT24079	Đỗ Thị Thu Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,600,000,000	0	1,600,000,000	1,577,833,000	22,167,000
8033	NNT23125	Lê Thị Bích Thủy	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,650,000,000	69,000,000	1,581,000,000	1,578,840,000	2,160,000
8034	NNT21899	Mai Thị Hiền	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,347,940,000	170,526,027	2,177,413,973	1,579,399,040	598,014,933
8035	NNT19956	Nguyễn Thị Loan	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,904,083,000	8,000,000	1,896,083,000	1,582,136,000	313,947,000
8036	NNT14717	Nguyễn Thị Hồng Hà	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,959,616,000	364,099,000	2,595,517,000	1,582,793,000	1,012,724,000

8037	NNT15382	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Bồ Đề, Hà Nội	2,323,730,000	0	2,323,730,000	1,583,293,030	740,436,970
8038	NNT00844	Nguyễn Thị Ly Lan	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,033,187,000	0	2,033,187,000	1,583,863,000	449,324,000
8039	NNT15517	Hoàng Thị Kim Thoa	Phường Yên Hòa, Hà Nội	7,956,629,777	3,472,721,777	4,483,908,000	1,584,481,223	2,899,426,777
8040	NNT00598	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Từ Liêm , Hà Nội	3,876,996,220	1,330,363,562	2,546,632,658	1,585,480,020	961,152,638
8041	NNT00064	Bùi Thị Hồng Minh	Phường Khương Đình, Hà Nội	3,458,580,000	0	3,458,580,000	1,585,589,000	1,872,991,000
8042	NNT16654	Chu Thị Hường	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	2,685,805,000	500,000,000	2,185,805,000	1,585,668,025	600,136,975
8043	NNT11286	Trần Thị Trà My	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	6,105,886,000	1,904,636,000	4,201,250,000	1,590,251,205	2,610,998,795
8044	NNT13316	Nguyễn Thu Thảo	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,763,219,736	735,180,737	1,028,038,999	1,590,862,602	-562,823,603
8045	NNT20713	Nguyễn Bích Ngọc	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,698,743,570	863,779,844	2,834,963,726	1,592,220,156	1,242,743,570
8046	NNT12183	Nguyễn Thị Mai Hương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,082,687,000	160,000,000	2,922,687,000	1,593,117,600	1,329,569,400
8047	NNT01591	Doãn Thị Vân Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,811,308,000	0	2,811,308,000	1,597,004,900	1,214,303,100
8048	NNT23195	Trần Thị Hương	Số 21A, ngách 61, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,720,430,000	0	1,720,430,000	1,600,000,000	120,430,000
8049	NNT01841	Lê Thanh Nghị	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,410,526,000	0	2,410,526,000	1,600,239,000	810,287,000
8050	NNT18562	Lê Thị Duyên	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,345,919,000	0	2,345,919,000	1,603,008,000	742,911,000
8051	NNT21716	Trần Duy Lợi	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,268,387,000	181,125,995	2,087,261,005	1,610,113,000	477,148,005

8052	NNT24399	Nguyễn Văn Chung	Xã Yên Lãng, Hà Nội	1,615,583,000	0	1,615,583,000	1,615,583,000	0
8053	NNT16097	Nguyễn Thị Loan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,740,150,000	1,025,433,000	2,714,717,000	1,616,100,000	1,098,617,000
8054	NNT21905	Nguyễn Khắc Kinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,061,856,000	0	2,061,856,000	1,616,581,000	445,275,000
8055	NNT10894	Nguyễn Thị Bích Lộc	Phường Kim Liên, Hà Nội	5,886,942,611	321,397,000	5,565,545,611	1,618,969,000	3,946,576,611
8056	NNT01551	Nguyễn Thị Lan Hương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	4,152,219,000	100,000,000	4,052,219,000	1,619,650,000	2,432,569,000
8057	NNT00628	Trịnh Thúy Hằng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	6,255,155,000	420,000,000	5,835,155,000	1,622,214,720	4,212,940,280
8058	NNT13620	Đoàn Việt Hương	phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	3,677,935,000	48,913,000	3,629,022,000	1,624,067,000	2,004,955,000
8059	NNT16366	Lê Hoàng Anh	Xã Vật Lại, Hà Nội	2,892,173,000	40,000,000	2,852,173,000	1,625,555,475	1,226,617,525
8060	NNT22698	Trần Thị Ánh Tuyết	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	1,755,348,000	39,586,000	1,715,762,000	1,625,759,000	90,003,000
8061	NNT11832	Đỗ Thị Điện	phường Giảng Võ, Hà Nội	3,767,366,720	707,857,151	3,059,509,569	1,627,528,000	1,431,981,569
8062	NNT23670	Đỗ Thị Cúc	Phường Sầm Sơn, Thanh Hóa	1,804,233,000	112,500,000	1,691,733,000	1,628,521,000	63,212,000
8063	NNT20538	Nguyễn Thị Hòa	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,354,631,000	0	2,354,631,000	1,629,999,000	724,632,000
8064	NNT16999	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	2,077,935,000	0	2,077,935,000	1,630,206,550	447,728,450
8065	NNT23949	Trần Nhuận Minh	Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	1,680,000,000	0	1,680,000,000	1,631,045,000	48,955,000
8066	NNT12237	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	3,017,783,000	730,090,000	2,287,693,000	1,632,076,370	655,616,630

8067	NNT19535	Nguyễn Phú Lựu	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,538,376,787	3,000,000	2,535,376,787	1,633,227,200	902,149,587
8068	NNT21995	Hoàng Văn Khang	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,000,000,000	2,145,531,676	1,854,468,324	1,643,500,000	210,968,324
8069	NNT18330	Nguyễn Văn Thanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,424,862,000	0	2,424,862,000	1,644,500,000	780,362,000
8070	NNT11212	Nguyễn Văn Quý	Phường Bô Đề, Hà Nội	3,262,543,000	0	3,262,543,000	1,644,786,765	1,617,756,235
8071	NNT21501	Vũ Thị Huyền	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,950,000,000	0	1,950,000,000	1,646,804,000	303,196,000
8072	NNT17843	Nguyễn Trọng Đình	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,119,157,000	0	2,119,157,000	1,648,145,600	471,011,400
8073	NNT16882	Vũ Thị Hằng	Xã Quỳnh Lưu, Nghệ An	2,246,564,547	796,564,547	1,450,000,000	1,648,709,090	-198,709,090
8074	NNT00743	Nguyễn Đình Hải	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	3,613,823,000	685,000,000	2,928,823,000	1,649,092,450	1,279,730,550
8075	NNT14836	Phạm Quỳnh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,254,777,000	0	2,254,777,000	1,649,276,000	605,501,000
8076	NNT11205	Sa Thị Hoa	Phường Tô Hiệu, Sơn La	9,178,853,000	0	9,178,853,000	1,650,640,000	7,528,213,000
8077	NNT22550	Nguyễn Quang Đăng	phường Giảng Võ, Hà Nội	2,287,000,000	636,000,000	1,651,000,000	1,651,000,000	0
8078	NNT22476	Phan Quỳnh Hoa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,880,968,000	126,000,000	1,754,968,000	1,652,900,000	102,068,000
8079	NNT16879	Đoàn Thị Lan	Phường Phú Diễn, Hà Nội	2,903,098,629	600,000,000	2,303,098,629	1,656,077,750	647,020,879
8080	NNT16208	Trịnh Thị Hoan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,651,089,621	858,652,621	2,792,437,000	1,662,117,379	1,130,319,621
8081	NNT18136	Nguyễn Thị Yến	xã Đan Phượng, Hà Nội	2,714,670,000	227,712,000	2,486,958,000	1,662,481,000	824,477,000

8082	NNT21239	Cao Thị Thanh Lịch	phường Giảng Võ, Hà Nội	1,820,175,000	0	1,820,175,000	1,664,958,000	155,217,000
8083	NNT23421	Nguyễn Thị Phương Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,740,000,000	58,500,000	1,681,500,000	1,666,354,000	15,146,000
8084	NNT20205	Huỳnh Thị Bích Hảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	2,456,741,000	136,997,900	2,319,743,100	1,666,761,580	652,981,520
8085	NNT21968	Trương Tổ Văn	phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	1,800,000,000	115,000,000	1,685,000,000	1,667,000,000	18,000,000
8086	NNT21034	Lê Thanh Tú	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,187,114,000	172,000,000	2,015,114,000	1,671,000,000	344,114,000
8087	NNT20544	Đặng Tất Đạt	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,485,640,000	0	2,485,640,000	1,674,999,500	810,640,500
8088	NNT21877	Nguyễn Thị Liên	Phường Nha Trang, Khánh Hòa	1,881,448,000	0	1,881,448,000	1,677,400,000	204,048,000
8089	NNT18085	Lê Sơn Nghị	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,713,338,000	2,308,200,000	2,405,138,000	1,683,602,000	721,536,000
8090	NNT14536	Lê Thị Ngọc Thảo	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,329,267,000	0	2,329,267,000	1,683,603,702	645,663,298
8091	NNT23280	Nguyễn Thị Hương	Phường Từ Liêm , Hà Nội	2,020,000,000	326,500,000	1,693,500,000	1,683,960,000	9,540,000
8092	NNT22769	Phạm Hùng Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,140,000,000	456,000,000	1,684,000,000	1,684,000,000	0
8093	NNT20325	Bùi Hoàng Anh	Phường Cương Mỹ, Hà Nội	1,900,356,000	129,000,000	1,771,356,000	1,684,419,000	86,937,000
8094	NNT12813	Nguyễn Xuân Sơn	phường Giảng Võ, Hà Nội	3,186,531,000	14,000,000	3,172,531,000	1,687,441,260	1,485,089,740
8095	NNT22594	Trần Thị Hòa Bình	Ngọc Hà, Hà Nội	1,989,796,000	229,592,000	1,760,204,000	1,689,796,000	70,408,000
8096	NNT22516	Phạm Tá Thạch	Phường Phú Diễn, Hà Nội	1,835,314,000	0	1,835,314,000	1,697,000,000	138,314,000

8097	NNT20500	Trần Hoài Anh	phường Láng, Hà Nội	2,253,514,000	0	2,253,514,000	1,700,359,000	553,155,000
8098	NNT10878	Bùi Thị Hiếu	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,650,032,000	461,905,000	3,188,127,000	1,701,787,000	1,486,340,000
8099	NNT17815	Nguyễn Thị Ngọc	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	2,395,832,000	0	2,395,832,000	1,705,500,000	690,332,000
8100	NNT01626	Nguyễn Trần Thu Phương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,558,691,000	0	2,558,691,000	1,709,880,000	848,811,000
8101	NNT21304	Nguyễn Kim Nữ Hiếu	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	1,710,000,000	290,000,000
8102	NNT22454	Nguyễn Thị Anh Vân	60 Long Phú 3, Vinhomes Thăng Long, xã An Khánh, Hà Nội	4,004,919,000	2,107,157,808	1,897,761,192	1,710,030,000	187,731,192
8103	NNT22781	Trần Hữu Đào	Xã Xuân Mai, Hà Nội	1,880,000,000	0	1,880,000,000	1,710,900,000	169,100,000
8104	NNT15843	Nguyễn Hồng Hà	Xã Gia Lâm, Hà Nội	2,992,722,000	39,072,000	2,953,650,000	1,711,819,680	1,241,830,320
8105	NNT12896	Nguyễn Hồng Thanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,312,222,000	151,537,000	2,160,685,000	1,713,781,000	446,904,000
8106	NNT18891	Phạm Thị Yên Kinh	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,364,776,000	34,882,000	2,329,894,000	1,714,108,000	615,786,000
8107	NNT17651	Phạm Thị Nhâm	Phường Hồng Hà, Hà Nội	5,481,549,075	1,759,917,075	3,721,632,000	1,722,401,951	1,999,230,049
8108	NNT16756	Trần Thị Kim Thu	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,804,970,000	0	2,804,970,000	1,725,572,881	1,079,397,119
8109	NNT13019	Đào Thu Hà	phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	6,687,730,000	1,161,418,000	5,526,312,000	1,727,109,500	3,799,202,500
8110	NNT16028	Nguyễn Thị Kim Thúy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	3,548,531,000	0	3,548,531,000	1,734,817,000	1,813,714,000
8111	NNT17755	Vũ Quý Phan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,038,684,814	146,335,291	2,892,349,523	1,735,958,110	1,156,391,413

8112	NNT11677	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	5,452,864,000	0	5,452,864,000	1,737,461,357	3,715,402,643
8113	NNT00021	Đái Thị Việt Lan	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,972,531,000	0	1,972,531,000	1,739,366,000	233,165,000
8114	NNT22373	Trần Văn Hà	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,000,000,000	190,000,000	<u>1,810,000,000</u>	1,740,000,000	<u>70,000,000</u>
8115	NNT24020	Phạm Thị Ngọc Linh	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	1,813,750,000	63,750,000	1,750,000,000	1,747,350,000	2,650,000
8116	NNT12213	Hoàng Thị Bích Châu	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,229,606,000	0	2,229,606,000	1,749,118,000	480,488,000
8117	NNT22820	Lê Minh Hồng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,781,267,000	0	1,781,267,000	1,752,765,000	28,502,000
8118	NNT12459	Park Kwan Gil	Xã An Khánh, Hà Nội	3,311,317,000	0	3,311,317,000	1,753,575,000	1,557,742,000
8119	NNT12915	Đắc Thị Mai	Ứng Thiên, Hà Nội	3,464,549,156	574,128,578	2,890,420,578	1,762,823,000	1,127,597,578
8120	NNT17593	Nguyễn Thị Thúy Liên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,278,148,000	0	2,278,148,000	1,764,999,980	513,148,020
8121	NNT19572	Lưu Thị Quỳnh Trang	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	3,019,966,000	725,683,000	2,294,283,000	1,769,804,000	524,479,000
8122	NNT22811	Dương Văn Thành	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	2,823,646,000	966,823,000	1,856,823,000	1,772,900,000	83,923,000
8123	NNT20053	Nguyễn Quý Hải	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	3,292,664,363	1,044,807,363	2,247,857,000	1,777,750,000	470,107,000
8124	NNT12881	Lương Thị Kim Lan	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	6,103,064,400	0	6,103,064,400	1,780,687,360	4,322,377,040
8125	NNT14073	Nguyễn Thị Bích Liên	phường Ngọc Hà, Hà Nội	3,051,094,000	0	3,051,094,000	1,783,730,870	1,267,363,130
8126	NNT16196	Tạ Thu Hồng	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,449,077,000	0	2,449,077,000	1,784,980,000	664,097,000

8127	NNT15665	Hà Anh Tú	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,492,896,000	0	2,492,896,000	1,785,460,000	707,436,000
8128	NNT11620	Giang Thị Cúc	Căn hộ 20 tầng 14 tòa B2 Roman Plaza, TDP số 2 Ngọc Trục, phường Đại Mỗ, Hà Nội	2,850,509,369	1,090,509,369	1,760,000,000	1,786,300,006	-26,300,006
8129	NNT00135	Nguyễn Thị Tám	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	17,970,639,000	2,287,344,000	15,683,295,000	1,788,953,345	13,894,341,655
8130	NNT24412	Nguyễn Thị Dung	P. Hạ Long, Quảng Ninh	1,788,968,000	0	1,788,968,000	1,788,968,000	0
8131	NNT23465	Huỳnh Nhật Quang	Phường Tây Hồ, Hà Nội	3,655,102,000	1,827,500,000	1,827,602,000	1,794,000,000	33,602,000
8132	NNT22328	Phạm Thị Kim Thanh	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,925,133,000	0	1,925,133,000	1,800,000,000	125,133,000
8133	NNT19172	Cao Nguyễn Tuấn Khôi	Phường Kim Liên ,Hà Nội	4,173,913,000	326,087,000	3,847,826,000	1,800,456,000	2,047,370,000
8134	NNT16458	Đào Thị Vân	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	4,003,455,000	223,013,868	3,780,441,132	1,801,199,550	1,979,241,582
8135	NNT01712	Trương Đức Hoàng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	3,025,891,729	629,652,917	2,396,238,812	1,803,806,461	592,432,351
8136	NNT01949	Vũ Văn Anh	Phường Hạ Long, Quảng Ninh	6,150,000,000	0	6,150,000,000	1,806,666,000	4,343,334,000
8137	NNT15305	Phạm Thị Tắc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,400,000,000	36,946,000	3,363,054,000	1,811,148,219	1,551,905,781
8138	NNT21984	Nguyễn Thị Hoa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	3,634,356,843	1,149,518,000	2,484,838,843	1,812,698,830	672,140,013
8139	NNT22695	Trịnh Minh Hòa	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,400,000,000	300,000,000	2,100,000,000	1,814,000,000	286,000,000
8140	NNT14193	Phạm Thị Tiến	Phường Kim Liên, Hà Nội	4,299,853,000	1,300,000,000	2,999,853,000	1,814,423,000	1,185,430,000
8141	NNT19888	Hoàng Thị Lựu	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	3,282,612,000	0	3,282,612,000	1,814,838,000	1,467,774,000

8142	NNT18903	Bùi Thị Kim Nga	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,215,522,000	5,000,000	2,210,522,000	1,815,000,000	395,522,000
8143	NNT21585	Trần Thị Hạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,633,346,000	1,600,000,000	2,033,346,000	1,818,017,000	215,329,000
8144	NNT23282	Trần Minh Hằng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,901,869,000	38,000,000	1,863,869,000	1,819,806,000	44,063,000
8145	NNT19629	Lee Jae Ram	phường Ngọc Hà/Nghĩa Đô/Tây Hồ, Hà Nội	2,617,862,000	0	2,617,862,000	1,823,088,000	794,774,000
8146	NNT22335	Phùng Thị Cẩm Tú	Phường Tương Mai, Hà Nội	2,022,658,000	0	2,022,658,000	1,824,742,000	197,916,000
8147	NNT22286	Phí thị Hương Giang	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,200,000,000	150,025,000	2,049,975,000	1,826,700,000	223,275,000
8148	NNT17920	Huỳnh Phương Nghĩa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,172,335,000	50,000,000	2,122,335,000	1,827,299,210	295,035,790
8149	NNT00095	Đỗ Thị Trúc	Phường Khương Đình, Hà Nội	6,534,684,000	0	6,534,684,000	1,830,175,000	4,704,509,000
8150	NNT01340	Đinh Thị Thuận	Phường Ba Đình, Hà Nội	4,758,301,000	0	4,758,301,000	1,832,815,897	2,925,485,103
8151	NNT20408	Hoàng Thanh Hà	Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	2,112,330,000	0	2,112,330,000	1,834,000,000	278,330,000
8152	NNT19434	Nguyễn Thị Thược	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,627,457,000	0	2,627,457,000	1,834,535,000	792,922,000
8153	NNT14442	Lê Kiều Hoa	Phường Dương Nội, Hà Đông	3,021,888,000	360,656,000	2,661,232,000	1,834,693,760	826,538,240
8154	NNT21092	Đặng Lan Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,356,426,000	0	2,356,426,000	1,841,999,775	514,426,225
8155	NNT14598	Vũ Văn Ninh	Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	2,236,640,000	70,250,000	2,166,390,000	1,842,168,000	324,222,000
8156	NNT16897	Đặng Thị Duyên	Xã Quang Hưng, Tỉnh Hưng Yên	2,923,039,000	0	2,923,039,000	1,843,112,600	1,079,926,400

8157	NNT23041	Đinh Thị Mỹ Loan	Phường Láng, Hà Nội	1,850,000,000	0	1,850,000,000	1,843,600,000	6,400,000
8158	NNT15996	Nguyễn Thị Vinh	Phường Thanh Xuân , Hà Nội	2,850,193,000	341,472,000	2,508,721,000	1,843,842,000	664,879,000
8159	NNT12843	Lương Văn Dũng	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,410,236,000	201,283,000	3,208,953,000	1,844,044,115	1,364,908,885
8160	NNT22563	Trần Tú Linh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,178,446,000	188,654,000	1,989,792,000	1,844,496,000	145,296,000
8161	NNT23843	Nguyễn Hữu Hùng	phường Láng, Hà Nội	1,907,984,000	888,000	1,907,096,000	1,854,599,920	52,496,080
8162	NNT15116	Nguyễn Thúy Hạnh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	2,782,830,000	0	2,782,830,000	1,856,400,000	926,430,000
8163	NNT22591	Bùi Quý Anh Tuấn	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,300,000,000	426,500,000	1,873,500,000	1,859,150,000	14,350,000
8164	NNT16564	Nguyễn Thị Duyên	Phường Cam Đường, Lào Cai	2,909,126,000	247,548,000	2,661,578,000	1,860,746,960	800,831,040
8165	NNT21601	Nguyễn Bích Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,299,495,000	0	2,299,495,000	1,861,058,440	438,436,560
8166	NNT23748	Trần Thị Thu Hương	CH B602 - CT3 Vimeco, phường Cầu Giấy, Hà Nội	3,848,137,124	1,517,210,124	2,330,927,000	1,865,289,876	465,637,124
8167	NNT20621	Trần Nho Nguyên	Xã Lập Thạch, Phú Thọ	6,480,973,000	3,912,546,000	2,568,427,000	1,865,300,000	703,127,000
8168	NNT11095	Lê Thị Trúc	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	3,910,727,000	0	3,910,727,000	1,869,645,000	2,041,082,000
8169	NNT22885	Nguyễn Quốc Thịnh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,000,000,000	130,001,000	1,869,999,000	1,869,999,000	0
8170	NNT19331	Chu Thị Mùi	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,605,706,000	49,707,509	2,555,998,491	1,871,360,000	684,638,491
8171	NNT21429	Ngô Thị Thêm	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	2,179,140,000	0	2,179,140,000	1,873,125,000	306,015,000

8172	NNT23523	Nguyễn Hồng Dương	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,250,000,000	363,520,560	1,886,479,440	1,873,879,440	12,600,000
8173	NNT23505	Vũ Bích Hào	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,000,000,000	120,000,000	1,880,000,000	1,880,000,000	0
8174	NNT23880	Đặng Văn Dũng	Xã Yên Đồng, Tỉnh Ninh Bình	1,900,000,000	0	1,900,000,000	1,883,305,000	16,695,000
8175	NNT15662	Nguyễn Thị Đáng	Phường Thượng Cát, Hà Nội	3,266,983,000	118,772,000	3,148,211,000	1,884,889,000	1,263,322,000
8176	NNT12316	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,970,420,000	0	3,970,420,000	1,890,104,400	2,080,315,600
8177	NNT12999	Đào Thị Thanh Bình	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	3,706,668,053	141,172,268	3,565,495,785	1,894,111,000	1,671,384,785
8178	NNT16448	Nguyễn Thị Kim Loan	Phường An Biên, Thành Phố Hải Phòng	2,161,600,000	0	2,161,600,000	1,895,724,900	265,875,100
8179	NNT00434	Nguyễn Thị Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	5,516,486,545	581,732,272	4,934,754,273	1,897,309,000	3,037,445,273
8180	NNT19132	Lê Công Thành	phường Phương Liệt, Hà Nội	2,697,200,000	0	2,697,200,000	1,899,999,890	797,200,110
8181	NNT23953	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Láng, Hà Nội	2,383,887,246	221,093,246	2,162,794,000	1,914,100,754	248,693,246
8182	NNT20492	Lê Thị Chung	Phường Định Công, Hà Nội	3,000,000,000	700,000,000	2,300,000,000	1,922,494,000	377,506,000
8183	NNT11251	Nguyễn Lê Hùng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,956,702,000	2,400,000	1,954,302,000	1,923,546,000	30,756,000
8184	NNT00665	Nguyễn Thái Bối	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	5,874,659,230	449,049,999	5,425,609,231	1,923,939,300	3,501,669,931
8185	NNT23708	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,150,538,000	0	2,150,538,000	1,925,000,000	225,538,000
8186	NNT16788	Lê Đức Tiến	Phường Hạnh Thông, TP Hồ Chí Minh	2,994,199,000	0	2,994,199,000	1,935,100,000	1,059,099,000

8187	NNT13212	Trần Tú Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	3,168,170,000	0	3,168,170,000	1,935,599,000	1,232,571,000
8188	NNT15796	Trần Tú Anh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,378,550,000	325,000,000	3,053,550,000	1,938,902,000	1,114,648,000
8189	NNT23074	Phùng Thị Ngân Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	1,939,750,000	60,250,000
8190	NNT21366	Trần Minh Tuấn	phường Yên Hòa, Hà Nội	2,180,397,000	0	2,180,397,000	1,940,739,100	239,657,900
8191	NNT23204	Hoàng Thị Gái	Phường Tương Mai, Hà Nội	1,989,795,000	0	1,989,795,000	1,942,366,100	47,428,900
8192	NNT13418	Nguyễn Thị Thuận	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,604,243,802	1,740,857,802	1,863,386,000	1,943,531,000	-80,145,000
8193	NNT23128	Hà Thái Cường	Xã Tam Dương Bắc, Phú Thọ	2,158,762,000	151,908,000	2,006,854,000	1,945,091,870	61,762,130
8194	NNT19006	Trần Thị Mai Hương	Xã Giao Hưng, Tỉnh Ninh Bình	3,103,376,000	0	3,103,376,000	1,948,271,000	1,155,105,000
8195	NNT13712	Nguyễn Văn Mạc	Phường Hồng Hà, Hà Nội	2,759,941,000	14,315,000	2,745,626,000	1,949,116,400	796,509,600
8196	NNT21850	Nguyễn Quang Vinh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,433,862,000	0	2,433,862,000	1,949,894,000	483,968,000
8197	NNT16737	Nguyễn Thị Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,716,599,000	118,705,000	2,597,894,000	1,958,356,110	639,537,890
8198	NNT17926	Lê Thị Ngọc Lan	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	3,186,508,000	0	3,186,508,000	1,961,799,600	1,224,708,400
8199	NNT19875	Bùi Đình Biên	Xã Bình Giang, TP Hải Phòng	3,611,971,893	151,910,893	3,460,061,000	1,963,071,944	1,496,989,056
8200	NNT23365	Trần Thế Hùng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,040,816,000	0	2,040,816,000	1,964,667,000	76,149,000
8201	NNT21165	Trần Thị Yến Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,535,273,000	0	2,535,273,000	1,972,000,000	563,273,000

8202	NNT23390	Đinh Duy Hòa	phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	2,020,408,000	0	2,020,408,000	1,974,234,000	46,174,000
8203	NNT15246	Nguyễn Hải Đăng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	3,616,674,000	60,000,000	3,556,674,000	1,977,152,000	1,579,522,000
8204	NNT22971	Nguyễn Thị Ân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,054,534,000	0	2,054,534,000	1,978,450,000	76,084,000
8205	NNT01821	Trần Văn Thanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,688,657,000	0	4,688,657,000	1,979,029,179	2,709,627,821
8206	NNT00114	Trương Đức Huy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	3,266,903,061	1,466,903,061	1,800,000,000	1,982,915,190	-182,915,190
8207	NNT12112	Trần Thị Phương	P. Chu Văn An, TP Hải Phòng	12,048,590,716	3,815,688,003	8,232,902,713	1,984,282,859	6,248,619,854
8208	NNT10920	Phan Thị Bấy	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,000,000,000	0	2,000,000,000	1,984,750,000	15,250,000
8209	NNT14099	Phạm Trung Kiên	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,503,160,000	60,000,000	3,443,160,000	1,998,140,000	1,445,020,000
8210	NNT22404	Vũ Quốc Trung	phường Láng, Hà Nội	3,098,400,000	1,025,640,000	2,072,760,000	1,999,999,800	72,760,200
8211	NNT21878	Trần Thị Minh Hạnh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	2,591,200,000	0	2,591,200,000	2,000,000,000	591,200,000
8212	NNT22679	Nguyễn Thị Lê Anh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,043,478,000	0	2,043,478,000	2,000,000,000	43,478,000
8213	NNT19324	Vũ Ngọc Tuyên	Xã Sơn Dương, Tuyên Quang	2,080,000,000	0	2,080,000,000	2,000,000,000	80,000,000
8214	NNT22831	Lê Thị Như Ngọc	Phường An Dương, Hải Phòng	2,162,162,000	0	2,162,162,000	2,000,000,000	162,162,000
8215	NNT21536	Kim Sang Chul	Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	2,299,386,000	0	2,299,386,000	2,000,000,000	299,386,000
8216	NNT14074	Đinh Quang Liên	Xã Nghi Lộc, Nghệ An	3,300,000,000	0	3,300,000,000	2,000,000,000	1,300,000,000

8217	NNT18457	Nguyễn Sơn Tùng	Phường Láng, Hà Nội	4,031,936,490	0	4,031,936,490	2,002,500,000	2,029,436,490
8218	NNT11335	Nguyễn Mạnh Tuấn	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	2,968,977,000	0	2,968,977,000	2,009,143,069	959,833,931
8219	NNT21066	Nguyễn Thị Uy	Phường Ngọc Hà, Ba Đình	2,551,847,000	130,000,000	2,421,847,000	2,009,800,000	412,047,000
8220	NNT16803	Trương Thị Minh Hiếu	Phường Láng, Hà Nội	3,049,781,000	0	3,049,781,000	2,016,077,779	1,033,703,221
8221	NNT02171	Dương Xuân Sơn	Phường Khương Đình, Hà Nội	9,807,881,000	1,086,990,000	8,720,891,000	2,016,241,000	6,704,650,000
8222	NNT12598	Bùi Huy Quang	Phường Cửa Nam, Hà Nội	4,285,257,000	56,766,000	4,228,491,000	2,016,461,400	2,212,029,600
8223	NNT24173		Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,105,263,000	0	2,105,263,000	2,021,579,000	83,684,000
8224	NNT22489	Lê Kiều Nga	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,369,518,000	149,915,000	2,219,603,000	2,021,700,000	197,903,000
8225	NNT12088	Nguyễn Văn Bảo	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,612,117,000	600,000,000	4,012,117,000	2,029,132,000	1,982,985,000
8226	NNT19093	Nguyễn Thị Minh Châu	Phường Phương Liệt, Hà Nội	2,169,582,000	0	2,169,582,000	2,029,699,055	139,882,945
8227	NNT19427	Hồ Trọng Ngũ	Phường Đồng Ngạc, Hà Nội	2,632,720,000	200,000,000	2,432,720,000	2,029,865,000	402,855,000
8228	NNT22525	Vũ Anh Tuấn	Cửa Nam, Hà Nội	2,173,913,000	0	2,173,913,000	2,032,609,000	141,304,000
8229	NNT14473	Lê Thị Hoa	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,502,062,000	0	3,502,062,000	2,035,194,000	1,466,868,000
8230	NNT13768	Đào Thị Hồng Nga	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,088,685,000	0	4,088,685,000	2,040,097,000	2,048,588,000
8231	NNT17324	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,981,347,000	186,834,000	2,794,513,000	2,041,784,226	752,728,774

8232	NNT19845	Vũ Thị Kim Xuyên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,842,033,000	158,535,000	2,683,498,000	2,041,870,000	641,628,000
8233	NNT15994	Đỗ Văn Tòng	Xã Bắc Đông Hưng, Hưng Yên	2,360,893,000	53,484,000	2,307,409,000	2,043,596,838	263,812,162
8234	NNT19090	Võ Thị Hoa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,451,269,000	212,700,000	2,238,569,000	2,046,438,000	192,131,000
8235	NNT21620	Nguyễn Viết Dũng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,000,000,000	2,500,000,000	2,500,000,000	2,047,421,000	452,579,000
8236	NNT22768	Đặng Thanh Hùng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,200,000,000	0	2,200,000,000	2,057,000,000	143,000,000
8237	NNT17509	Nguyễn Thị Xuân Hồng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,879,127,000	0	2,879,127,000	2,057,439,000	821,688,000
8238	NNT14788	Chu Minh Đức	Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	3,200,057,000	0	3,200,057,000	2,057,500,000	1,142,557,000
8239	NNT17294	Kiều Hồng Hải	Xã Mê Linh, Hà Nội	3,138,778,000	346,104,000	2,792,674,000	2,059,996,475	732,677,525
8240	NNT12166	Hoàng Việt Hùng	P.Bạch Mai, Hà Nội	5,401,668,000	287,500,000	5,114,168,000	2,063,118,000	3,051,050,000
8241	NNT01530	Đỗ Thị Hường	Phường Cửa Nam, Hà Nội	5,945,000,000	716,025,000	5,228,975,000	2,064,240,000	3,164,735,000
8242	NNT16123	Nguyễn Thanh Huyền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,771,661,000	0	3,771,661,000	2,065,364,835	1,706,296,165
8243	NNT15324	Hoàng Anh Phương	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,989,800,000	394,816,000	3,594,984,000	2,066,297,055	1,528,686,945
8244	NNT20058	Lý Hoàng Tú Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,512,067,000	385,000,000	2,127,067,000	2,068,080,000	58,987,000
8245	NNT12686	Trần Bích Loan	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,923,044,000	0	2,923,044,000	2,071,039,000	852,005,000
8246	NNT23737	Nguyễn Thị Tố Trinh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	2,155,102,000	0	2,155,102,000	2,071,350,000	83,752,000

8247	NNT11812	Phạm Từ	Phường Ba Đình, Hà Nội	4,905,943,000	0	4,905,943,000	2,073,260,355	2,832,682,645
8248	NNT22183	Đỗ Thị Hiền	Xã Việt Tiến, Tỉnh Hưng Yên	2,722,852,000	316,082,000	2,406,770,000	2,077,250,000	329,520,000
8249	NNT17512	Trần Thị Phương Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	5,675,348,000	3,120,000,000	2,555,348,000	2,082,808,775	472,539,225
8250	NNT13218	Tô Mai Loan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	4,149,593,000	0	4,149,593,000	2,084,680,310	2,064,912,690
8251	NNT01528	Lưu Minh Hiếu	tòa A, Phòng 1408, chung cư Goldseason 47 Nguyễn Tuấn, phường Thanh xuân, HN	6,120,000,000	125,000,000	5,995,000,000	2,084,875,000	3,910,125,000
8252	NNT19208	Lương Thị Nga	Phường An Dương, Thành Phố Hải Phòng	4,702,553,000	0	4,702,553,000	2,087,906,543	2,614,646,457
8253	NNT16792	Phạm Thị Tuyết Minh	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,593,277,000	65,502,000	3,527,775,000	2,089,952,000	1,437,823,000
8254	NNT23845	Trương Thị Thanh Bình	Phường Định Công, Hà Nội	2,257,449,863	142,449,863	2,115,000,000	2,092,143,000	22,857,000
8255	NNT21222	Lê Thúy Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,792,236,000	283,595,000	2,508,641,000	2,093,068,870	415,572,130
8256	NNT14182	Bùi Thị Lân Tài	P. Hà Đông, Hà Nội	5,683,121,000	0	5,683,121,000	2,096,535,230	3,586,585,770
8257	NNT11247	Nguyễn Đức Tùng	Xã Liên Châu, Phú Thọ	2,843,413,850	228,871,000	2,614,542,850	2,096,575,239	517,967,611
8258	NNT24119	Trần Trung Hiếu	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,100,000,000	0	2,100,000,000	2,100,000,000	0
8259	NNT14339	Trần Thị Động	P.Hồng Hà, Hà Nội	3,383,797,000	0	3,383,797,000	2,101,906,002	1,281,890,998
8260	NNT22252	Phan Phương	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	2,200,000,000	0	2,200,000,000	2,105,500,000	94,500,000
8261	NNT00953	Nguyễn Thanh Sơn	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	11,420,000,000	281,404,000	11,138,596,000	2,105,588,000	9,033,008,000

8262	NNT13805	Nguyễn Bích Thảo	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	6,440,395,000	0	6,440,395,000	2,111,556,000	4,328,839,000
8263	NNT22514	Trần Xuân Linh	Xã Dân Hòa, Hà Nội	2,610,398,000	30,000,000	2,580,398,000	2,112,551,000	467,847,000
8264	NNT12863	Đoàn Việt Thanh	Phường Phú Diễn Hà Nội	5,925,898,000	808,508,000	5,117,390,000	2,117,056,420	3,000,333,580
8265	NNT14246	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	3,874,670,829	717,146,652	3,157,524,177	2,124,822,197	1,032,701,980
8266	NNT20515	Nguyễn Thị Thu	Xã Yên Mô, Ninh Bình	3,594,680,000	1,439,211,000	2,155,469,000	2,128,097,163	27,371,837
8267	NNT14615	Ngô Thị Thu Anh	Phường Tương Mai, Hà Nội	4,271,047,000	478,948,000	3,792,099,000	2,128,816,130	1,663,282,870
8268	NNT19467	Phạm Phương Thảo	Phường Ba Đình, Hà Nội	2,650,000,000	220,000,000	2,430,000,000	2,133,054,000	296,946,000
8269	NNT24021	Đinh Công Mão	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	2,139,130,000	5,000,000	2,134,130,000	2,134,130,000	0
8270	NNT21297	Võ Hoàng Đức		7,003,150,000	4,820,647,000	2,182,503,000	2,137,903,000	44,600,000
8271	NNT20710	Nguyễn Quốc Hưng	Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,178,254,037	251,390,475	2,926,863,562	2,146,609,525	780,254,037
8272	NNT15771	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,138,889,000	0	3,138,889,000	2,150,760,000	988,129,000
8273	NNT22814	Trịnh Thị Phương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	2,524,028,000	154,405,000	2,369,623,000	2,150,835,870	218,787,130
8274	NNT18560	Jeon Chang Hee	Phường Phú Diễn, Hà Nội	2,773,603,000	0	2,773,603,000	2,151,000,000	622,603,000
8275	NNT13988	Phạm Thị Gái	phường Yên Hòa, Hà Nội	3,455,828,000	6,000,000	3,449,828,000	2,161,550,000	1,288,278,000
8276	NNT23840	Đoàn Đắc Chiến	Phường Hưng Đạo, Thành Phố Hải Phòng	2,162,162,000	0	2,162,162,000	2,162,162,000	0

8277	NNT13540	Nguyễn Thị Vân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,434,621,000	523,525,000	1,911,096,000	2,162,755,375	-251,659,375
8278	NNT12948	Nguyễn Thị Thu Trang	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,268,848,000	158,665,000	4,110,183,000	2,167,960,000	1,942,223,000
8279	NNT15328	Đào Thị Thúy Hằng	Phường Quảng Yên, Quảng Ninh	3,421,567,000	0	3,421,567,000	2,172,137,000	1,249,430,000
8280	NNT23445	Nguyễn Thị Hồng	Việt Hưng, Hà Nội	2,580,965,480	380,965,480	2,200,000,000	2,173,040,000	26,960,000
8281	NNT23918	Nguyễn Quang Tuấn	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	3,200,000,000	1,000,000,000	2,200,000,000	2,178,800,000	21,200,000
8282	NNT22434	Cao Thị Hòa	Phường Tương Mai, Hà Nội	2,810,764,000	500,000,000	2,310,764,000	2,182,199,660	128,564,340
8283	NNT02130	Lê Thị Xuân Mai	Phường Hà Đông, Hà Nội	9,173,464,324	2,950,053,324	6,223,411,000	2,186,336,000	4,037,075,000
8284	NNT17805	Nguyễn Đức Việt	Phường Xuân Phương, Hà Nội	2,820,719,000	0	2,820,719,000	2,192,652,000	628,067,000
8285	NNT22346	Bùi Thị Thu	Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	3,378,407,819	0	3,378,407,819	2,197,400,000	1,181,007,819
8286	NNT17397	Nguyễn Ánh Hồng Minh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,408,309,734	668,392,155	4,739,917,579	2,198,407,252	2,541,510,327
8287	NNT21696	Trần Nam Xuân	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,489,690,000	0	2,489,690,000	2,205,500,300	284,189,700
8288	NNT14888	Trần Thị Lũy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,809,279,000	0	3,809,279,000	2,209,114,000	1,600,165,000
8289	NNT13645	Dương Thúy Nhung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,550,814,000	518,851,000	4,031,963,000	2,216,377,445	1,815,585,555
8290	NNT11473	Nguyễn Thị Bích Vượng	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	6,380,198,000	950,000,000	<u>5,430,198,000</u>	2,223,135,000	<u>3,207,063,000</u>
8291	NNT21353	Hoàng Đoàn Trang	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	2,269,289,000	0	2,269,289,000	2,227,289,000	42,000,000

8292	NNT22437	Đỗ Thị Hoàn	Phường Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng	2,523,639,000	0	2,523,639,000	2,228,365,475	295,273,525
8293	NNT22611	Tạ Khánh Lâm	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,019,404,000	640,771,577	2,378,632,423	2,230,781,423	147,851,000
8294	NNT13815	Lê Thị Yến Anh	Phường Định Công, Hà Nội	5,718,133,000	0	5,718,133,000	2,231,681,750	3,486,451,250
8295	NNT18664	Trần Thị Tường Vi	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,924,773,000	793,050,000	2,131,723,000	2,242,705,000	-110,982,000
8296	NNT02125	Hoàng Duy Anh	Phường Hà Đông, Hà Nội	19,626,748,000	5,169,902,000	14,456,846,000	2,243,161,460	12,213,684,540
8297	NNT17801	Phạm Thị Anh Thơ	P.Thành Vinh, Nghệ An	9,045,180,000	3,065,071,000	5,980,109,000	2,245,114,325	3,734,994,675
8298	NNT14175	Lê Ngọc Minh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,609,294,000	0	4,609,294,000	2,250,185,000	2,359,109,000
8299	NNT19382	Nguyễn Thị Tâm	phường Xuân Phương, Hà Nội	3,746,416,000	762,000,000	2,984,416,000	2,250,715,000	733,701,000
8300	NNT16198	Vương Văn Cư	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,888,122,000	150,000,000	2,738,122,000	2,251,247,000	486,875,000
8301	NNT22903	Nguyễn Cảnh Thắng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,383,729,000	0	2,383,729,000	2,252,200,000	131,529,000
8302	NNT24371	Nguyễn Khang	số 50, Linh Lang, phường Ngọc Hà, Hà Nội	6,067,275,000	-20,000,000	6,087,275,000	2,254,251,000	3,833,024,000
8303	NNT22486	Lê Đức Mẫn	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,927,623,000	214,917,000	2,712,706,000	2,256,822,870	455,883,130
8304	NNT16936	Vũ Công Sơn	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,436,598,000	0	3,436,598,000	2,257,578,000	1,179,020,000
8305	NNT12529	Đinh Thị Thanh	Phường Bồ Đề, Hà Nội	8,263,378,000	0	8,263,378,000	2,261,736,555	6,001,641,445
8306	NNT20867	Đoàn Văn Công	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,582,400,000	84,774,000	2,497,626,000	2,262,065,000	235,561,000

8307	NNT15727	Nguyễn Khánh Linh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,822,033,000	0	3,822,033,000	2,273,245,000	1,548,788,000
8308	NNT22635	Nguyễn Thế Cường	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,640,206,000	263,892,000	2,376,314,000	2,277,246,660	99,067,340
8309	NNT12984	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,654,781,341	1,589,134,000	1,065,647,341	2,279,636,341	-1,213,989,000
8310	NNT22215	Nguyễn Văn Toàn	Phường Phú Diễn, Hà Nội	8,157,895,000	5,500,000,000	2,657,895,000	2,285,999,680	371,895,320
8311	NNT21282	Nguyễn Thị Dung	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	3,230,841,000	0	3,230,841,000	2,293,650,000	937,191,000
8312	NNT16071	Vũ Thị Minh Thu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	5,799,949,000	1,504,198,000	4,295,751,000	2,295,335,000	2,000,416,000
8313	NNT15624	Nguyễn Bích Hạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,890,236,000	35,500,000	3,854,736,000	2,297,415,000	1,557,321,000
8314	NNT23369	Hoàng Minh Hiền	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,413,479,000	0	2,413,479,000	2,300,000,000	113,479,000
8315	NNT01346	Vũ Bá Lanh	P.Hòa Bình, Phú Thọ	7,607,935,000	807,921,000	6,800,014,000	2,300,674,935	4,499,339,065
8316	NNT16388	Nguyễn Hương Giang	Phường Xuân Đình, Hà Nội	4,430,182,000	0	4,430,182,000	2,313,517,630	2,116,664,370
8317	NNT23872	Nguyễn Thị Thúy Vi	phường Đại Mỗ, Hà Nội	2,431,011,000	0	2,431,011,000	2,315,939,643	115,071,357
8318	NNT16699	Trần Thị Minh Thịnh	Phường Đông A, Ninh Bình	4,114,389,000	1,129,902,000	2,984,487,000	2,326,127,020	658,359,980
8319	NNT16226	Bùi Thị Thu Hà	Phường Hồng Hà, TP Hà Nội	3,790,305,000	0	3,790,305,000	2,327,229,623	1,463,075,377
8320	NNT17859	Vương Thị Hào	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	3,289,900,000	0	3,289,900,000	2,340,624,455	949,275,545
8321	NNT16622	Cao Hương Liên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	3,032,516,000	0	3,032,516,000	2,344,691,000	687,825,000

8322	NNT13960	Trần Thị Thùy Hương	Phường Kim Liên , Hà Nội	4,011,701,000	64,516,000	3,947,185,000	2,345,044,700	1,602,140,300
8323	NNT20712	Lê Trọng Thùy Anh	Phường Gò Vấp, Hồ Chí Minh	3,292,007,000	405,405,000	2,886,602,000	2,349,622,000	536,980,000
8324	NNT01175	Lê Thị Hương Dung	Phường Yên Hòa, Hà Nội	11,968,927,000	0	11,968,927,000	2,353,957,000	9,614,970,000
8325	NNT22071	Nguyễn Hữu Trí	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,540,000,000	0	2,540,000,000	2,362,450,000	177,550,000
8326	NNT20671	Nguyễn Thị Tố Như	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	3,147,825,000	415,000,000	2,732,825,000	2,370,000,000	362,825,000
8327	NNT14223	Nguyễn Thị Thủy	Xã Bát Trảng, Hà Nội	5,134,833,000	661,919,000	4,472,914,000	2,370,393,800	2,102,520,200
8328	NNT16938	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phường Gia Viên, Thành Phố Hải Phòng	3,952,846,000	201,000,000	3,751,846,000	2,370,940,000	1,380,906,000
8329	NNT21492	Nguyễn Thị Ngà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,157,641,000	242,987,000	2,914,654,000	2,372,324,720	542,329,280
8330	NNT00274	Lê Thanh Hà	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	5,549,980,605	725,427,605	4,824,553,000	2,373,638,574	2,450,914,426
8331	NNT17207	Hà Thị Thanh Lịch	Xã Tân An Hội, TP HCM	3,400,137,000	0	3,400,137,000	2,383,119,000	1,017,018,000
8332	NNT02144	Trịnh Thị Minh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	4,333,031,000	0	4,333,031,000	2,387,408,000	1,945,623,000
8333	NNT21442	Hoàng Thu Hương	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,156,563,000	0	3,156,563,000	2,389,256,668	767,306,332
8334	NNT22349	Nguyễn Thị Nga	Phường Thượng Cát, Hà Nội	2,524,159,000	0	2,524,159,000	2,389,583,015	134,575,985
8335	NNT20054	Nguyễn Thị Lan		4,048,476,050	512,000,000	3,536,476,050	2,396,998,750	1,139,477,300
8336	NNT19452	Nguyễn Thị Nga	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,893,837,000	1,445,926,000	3,447,911,000	2,399,500,000	1,048,411,000

8337	NNT00251	Nguyễn Thị Hòa	phường Đồng Đa, Hà Nội	5,768,450,000	509,165,000	5,259,285,000	2,402,259,105	2,857,025,895
8338	NNT18796	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phường Phú Diễn, Hà Nội	3,808,329,000	680,130,000	3,128,199,000	2,404,209,345	723,989,655
8339	NNT18238	Vũ Văn Cường	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,580,000,000	20,000,000	2,560,000,000	2,405,700,000	154,300,000
8340	NNT21911	Trần Thị Lý	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,727,807,000	120,171,000	2,607,636,000	2,411,860,000	195,776,000
8341	NNT22914	Ngô Đăng Thục	Phường Định Công, Hà Nội	2,612,245,000	75,160,000	2,537,085,000	2,414,258,100	122,826,900
8342	NNT13962	Nguyễn Thị Thanh Nữ	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	6,777,286,025	1,597,639,608	5,179,646,417	2,424,445,942	2,755,200,475
8343	NNT01732	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Xã Phù Đồng, Hà Nội	3,597,681,000	0	3,597,681,000	2,428,032,193	1,169,648,807
8344	NNT17023	Trần Thị Hà Thái	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,567,019,000	373,000,000	3,194,019,000	2,434,344,000	759,675,000
8345	NNT13458	Trần Phương Loan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,734,657,000	200,000,000	3,534,657,000	2,434,522,744	1,100,134,256
8346	NNT18854	Nguyễn Kiều Hưng	Phường An Dương, Hải Phòng	3,083,855,000	0	3,083,855,000	2,443,611,109	640,243,891
8347	NNT18021	Phạm Phi Long	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	3,337,864,796	624,519,776	2,713,345,020	2,448,976,139	264,368,881
8348	NNT22989	Nguyễn Thị Bích	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,597,902,000	0	2,597,902,000	2,450,000,000	147,902,000
8349	NNT10813	Lê Thị Ninh Hà	Phường Hà Đông, Hà Nội	4,996,064,000	0	4,996,064,000	2,456,926,000	2,539,138,000
8350	NNT11078	Trần Hương Ly	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	6,269,265,490	1,421,890,190	4,847,375,300	2,461,990,760	2,385,384,540
8351	NNT12054	Lương Thị Tuyết	Phường Đồng Đa, Hà Nội	16,670,857,466	3,343,951,466	13,326,906,000	2,477,677,468	10,849,228,532

8352	NNT19679	Khuất Duy Quang Vinh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	5,445,901,000	235,000,000	5,210,901,000	2,481,316,000	2,729,585,000
8353	NNT16889	Nguyễn Thu Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,900,000,000	1,100,000,000	3,800,000,000	2,483,300,000	1,316,700,000
8354	NNT20614	Dương Minh Châu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	5,400,000,000	2,724,800,000	2,675,200,000	2,487,266,000	187,934,000
8355	NNT19393	Đàm Thanh Sơn	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2,110,833,000	13,000,000	2,097,833,000	2,489,617,400	-391,784,400
8356	NNT13260	Vũ Thu Giang	Số nhà 26, ngõ 44, phố Đỗ Quang, phường Yên Hòa, Hà Nội	3,798,082,000	0	3,798,082,000	2,491,386,500	1,306,695,500
8357	NNT13304	Nguyễn Hồng Phong	Hoàn Kiếm, Hà Nội	4,749,160,000	397,697,000	4,351,463,000	2,491,754,200	1,859,708,800
8358	NNT17516	Trần Thị Lệ Hoa	Xã Vân Đình, Hà Nội	4,395,966,000	1,200,000,000	3,195,966,000	2,499,851,842	696,114,158
8359	NNT23862	Nguyễn Đức Long	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,500,000,000	0	2,500,000,000	2,500,000,000	0
8360	NNT21863	Nguyễn Ngọc Xuyên	21A ngách 33 Ngõ An Trạch 1, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,794,345,263	1,046,219,000	3,748,126,263	2,502,971,040	1,245,155,223
8361	NNT22812	Hoàng Thị Hà	phường Xuân Phương, Hà Nội	2,522,068,000	0	2,522,068,000	2,504,185,000	17,883,000
8362	NNT11196	Nguyễn Thị Bích	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	8,137,430,000	3,012,040,000	5,125,390,000	2,506,673,673	2,618,716,327
8363	NNT20109	Trần Thị Hảo	Phường Phù Khê, Tỉnh Bắc Ninh	6,562,353,000	2,995,457,699	3,566,895,301	2,508,997,475	1,057,897,826
8364	NNT19936	Đặng Thu Hiền	Phường Việt Hưng, Hà Nội	3,786,307,000	0	3,786,307,000	2,513,875,000	1,272,432,000
8365	NNT12858	Trần Thị Bích Liên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	5,068,792,000	0	5,068,792,000	2,523,189,000	2,545,603,000
8366	NNT17123	Nguyễn Thị Thu Hường	Phường Đông Hà, Quảng Trị	4,137,807,000	800,000,000	3,337,807,000	2,523,262,000	814,545,000

8367	NNT13587	Vũ Đỗ Điện	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	5,006,857,000	137,500,000	4,869,357,000	2,530,545,000	2,338,812,000
8368	NNT20342	Phạm Thị Nguyệt	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,399,213,000	498,592,000	2,900,621,000	2,531,517,000	369,104,000
8369	NNT23316	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,660,000,000	79,500,000	2,580,500,000	2,541,500,000	39,000,000
8370	NNT15078	Nguyễn Tiến Anh	Phường Khương Đình, Hà Nội	3,118,693,940	-2,501,837,030	5,620,530,970	2,552,919,650	3,067,611,320
8371	NNT00670	Lê Thị Minh Nguyệt	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	8,608,793,000	357,872,000	8,250,921,000	2,572,345,131	5,678,575,869
8372	NNT23985	Phạm Lê Thanh Tùng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,600,000,000	0	2,600,000,000	2,573,500,000	26,500,000
8373	NNT20138	Nguyễn Xuân Trường	Phường Giảng Võ, Hà Nội	10,713,636,000	6,477,000,000	4,236,636,000	2,575,400,000	1,661,236,000
8374	NNT15492	Nguyễn Phong	Phường Khương Đình, Hà Nội	4,025,000,000	707,800,000	3,317,200,000	2,581,839,384	735,360,616
8375	NNT01283	Nguyễn Văn Thường	Phường Tương Mai, Hà Nội	8,915,075,000	0	8,915,075,000	2,582,243,589	6,332,831,411
8376	NNT18541	Nguyễn Thu Trang	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	3,730,265,000	0	3,730,265,000	2,582,492,000	1,147,773,000
8377	NNT15270	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Đống Đa, Hà Nội	3,523,822,000	109,000,000	3,414,822,000	2,584,666,999	830,155,001
8378	NNT11390	Chu Thị Thanh Hương	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	8,465,694,000	0	8,465,694,000	2,585,429,000	5,880,265,000
8379	NNT18850	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,926,994,000	2,442,994,000	3,484,000,000	2,588,381,670	895,618,330
8380	NNT15890	Nguyễn Viết Hân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,961,647,000	0	4,961,647,000	2,595,439,000	2,366,208,000
8381	NNT01807	Đặng Văn Cường	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	5,126,055,000	471,600,293	4,654,454,707	2,604,023,701	2,050,431,006

8382	NNT21103	Trần Thu Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	6,237,500,000	3,000,000,000	3,237,500,000	2,609,140,000	628,360,000
8383	NNT19129	Lê Thị Nhung	Phường Khương Đình, Hà Nội	3,128,673,000	12,032,000	3,116,641,000	2,613,087,000	503,554,000
8384	NNT21041	Nguyễn Thị Phương Giang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,300,000,000	200,000,000	3,100,000,000	2,613,603,000	486,397,000
8385	NNT20452	Vương Duy Toàn	32 Đại Từ, Phường Định Công, Hà Nội	4,297,453,938	713,206,938	3,584,247,000	2,625,489,000	958,758,000
8386	NNT01002	Hoàng Thị Diệp	Xã An Khánh, Hà Nội	5,791,387,526	203,030,164	5,588,357,362	2,633,213,269	2,955,144,093
8387	NNT11109	Nguyễn Hòa Bình	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	4,994,534,000	0	4,994,534,000	2,638,213,865	2,356,320,135
8388	NNT15870	Nguyễn Thị Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,655,061,000	0	3,655,061,000	2,643,667,000	1,011,394,000
8389	NNT18274	Lưu Mỹ Linh	Phường Thanh Xuân , Hà Nội	3,798,612,000	218,275,000	3,580,337,000	2,649,856,480	930,480,520
8390	NNT22985	Nguyễn Đức Hùng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,850,000,000	189,000,000	2,661,000,000	2,650,500,000	10,500,000
8391	NNT22366	Phạm Đỗ Phi Nga	phường Hồng Hà, Hà Nội	7,540,000,000	0	7,540,000,000	2,654,674,794	4,885,325,206
8392	NNT13252	Nguyễn Thị Nhung	Phường Hà Đông, Hà Nội	7,019,022,000	0	7,019,022,000	2,656,881,000	4,362,141,000
8393	NNT21546	Lưu Bích Ngọc	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	2,766,532,000	0	2,766,532,000	2,665,878,000	100,654,000
8394	NNT16562	Phan Thị Thúy	Phường Tương Mai, Hà Nội	4,520,353,000	0	4,520,353,000	2,666,251,941	1,854,101,059
8395	NNT20264	Nguyễn Thị Thiện Tín	P.Bạch Mai, Hà Nội	3,208,696,000	320,000,000	2,888,696,000	2,680,000,000	208,696,000
8396	NNT10882	Trần Quốc Luân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	8,031,476,000	0	8,031,476,000	2,702,159,200	5,329,316,800

8397	NNT23693	Phạm Lương An	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,000,000,000	3,294,000,000	2,706,000,000	2,706,000,000	0
8398	NNT14167	Lê Thị Thanh Huyền	Phường Nam Định, Ninh Bình	4,776,371,000	1,554,800,000	3,221,571,000	2,711,236,000	510,335,000
8399	NNT16374	Nguyễn Quốc Cường	Phường Tây Hồ, Hà Nội	5,549,595,000	0	5,549,595,000	2,718,537,590	2,831,057,410
8400	NNT19162	Trần Thị Bình	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,958,531,000	0	3,958,531,000	2,722,065,830	1,236,465,170
8401	NNT01728	Cao Phương Hiền	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	5,137,645,000	593,196,000	4,544,449,000	2,731,289,400	1,813,159,600
8402	NNT00041	Nguyễn Hoài Nam	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,660,151,000	85,459,000	4,574,692,000	2,745,735,465	1,828,956,535
8403	NNT12692	Nguyễn Thị Mai Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	5,134,734,000	0	5,134,734,000	2,747,463,653	2,387,270,347
8404	NNT21344	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,177,080,000	161,010,000	3,016,070,000	2,747,908,220	268,161,780
8405	NNT23367	Trần Đức Minh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	3,120,000,000	131,250,000	2,988,750,000	2,756,750,000	232,000,000
8406	NNT24393	Nguyễn Thanh Hải	Phường Sài Gòn, TP HCM	2,769,886,000	0	2,769,886,000	2,769,886,000	0
8407	NNT20242	Nguyễn Kim Thủy	Phường Bạch Mai, Hà Nội	3,272,748,000	0	3,272,748,000	2,770,052,680	502,695,320
8408	NNT00881	Lê Thị Minh Hằng	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,272,000,000	65,764,000	3,206,236,000	2,771,196,000	435,040,000
8409	NNT22086	Nguyễn Thanh Hải	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	3,852,500,000	460,000,000	3,392,500,000	2,772,000,000	620,500,000
8410	NNT01333	Nguyễn Thị Minh Hiền	phường Láng, Hà Nội	482,349,000	46,394,000	435,955,000	2,774,867,200	-2,338,912,200
8411	NNT14868	Lê Thị Cẩm Linh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,345,568,000	0	3,345,568,000	2,776,640,200	568,927,800

8412	NNT19547	Nguyễn Thị Minh Hà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	3,801,535,000	13,806,000	3,787,729,000	2,778,859,800	1,008,869,200
8413	NNT13111	Nguyễn Thị Lan Oanh	Phường Lê Thanh Nghị, Hải Phòng	6,106,587,000	0	6,106,587,000	2,782,231,000	3,324,356,000
8414	NNT01832	Nguyễn Phi Long	Phường Long Biên, Hà Nội	5,790,845,000	0	5,790,845,000	2,785,181,410	3,005,663,590
8415	NNT14160	Lê Thị Thiệu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	3,738,523,000	0	3,738,523,000	2,792,841,220	945,681,780
8416	NNT18806	Đỗ Thị Ngọc Lan	phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,976,462,000	488,743,000	3,487,719,000	2,806,000,000	681,719,000
8417	NNT21098	Đào Mai Hương	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	6,109,730,211	1,109,730,211	5,000,000,000	2,807,269,789	2,192,730,211
8418	NNT22625	Trần Thị Liên	Phường Ba Đình, Hà Nội	10,504,953,029	0	10,504,953,029	2,810,584,000	7,694,369,029
8419	NNT20157	Đinh Thùy Liên	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,365,236,000	599,000	3,364,637,000	2,811,568,000	553,069,000
8420	NNT16034	Nguyễn Thị Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,214,136,000	100,000,000	3,114,136,000	2,818,929,880	295,206,120
8421	NNT15232	Nguyễn Thị Lý	Phường Đồng Đa, Hà Nội	17,720,000,000	14,094,971,000	3,625,029,000	2,822,375,000	802,654,000
8422	NNT16189	Trịnh Thị Yến	TDP số 3 Cầu Diễn, phường Từ Liêm, Hà Nội	4,848,905,000	473,165,959	4,375,739,041	2,822,869,041	1,552,870,000
8423	NNT17293	Đào Thu Giang	phường Phương Liệt, Hà Nội	4,839,896,000	125,280,000	4,714,616,000	2,828,791,800	1,885,824,200
8424	NNT16428	Nguyễn Hồng Thúy	Phường Ba Đình, Hà Nội	5,789,901,000	67,442,000	5,722,459,000	2,835,693,090	2,886,765,910
8425	NNT14235	Võ Thủy Chung	Xã An Khánh, Hà Nội	8,500,000,000	21,891,000	8,478,109,000	2,839,052,820	5,639,056,180
8426	NNT21722	Nguyễn Thị Tú Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,725,208,000	120,000,000	3,605,208,000	2,843,599,775	761,608,225

8427	NNT11035	Bùi Văn Phúc	Phường Dương Nội, Hà	6,323,567,000	65,000,000	6,258,567,000	2,844,857,604	3,413,709,396
8428	NNT00223	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	30,906,932,000	1,220,311,000	29,686,621,000	2,861,622,214	26,824,998,786
8429	NNT19504	Dương Ánh Hoàng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	3,264,744,500	0	3,264,744,500	2,864,287,320	400,457,180
8430	NNT01651	Vương Thị Hồng Thủy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	9,119,353,000	0	9,119,353,000	2,871,518,517	6,247,834,483
8431	NNT11252	Lê Ngọc Ánh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	5,558,738,327	1,313,589,327	4,245,149,000	2,875,732,000	1,369,417,000
8432	NNT01006	Đàm Thị Chung	Phường Nam Định, Ninh Bình	3,613,069,000	179,577,000	3,433,492,000	2,892,358,737	541,133,263
8433	NNT16179	Ninh Thị Hòa	P.Bach Mai, Hà Nội	3,521,015,000	0	3,521,015,000	2,894,252,000	626,763,000
8434	NNT17659	Võ Thanh Thủy	Phường Định Công, Hà Nội	5,233,481,000	2,300,000,000	2,933,481,000	2,914,661,000	18,820,000
8435	NNT14351	Nguyễn Xuân Thắng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,383,673,000	0	5,383,673,000	2,915,396,685	2,468,276,315
8436	NNT19230	Phạm Mai Loan	Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	4,067,000,000	954,000,000	3,113,000,000	2,915,812,000	197,188,000
8437	NNT15480	Vũ Hồng Liên	Phường Yên Hòa, Hà Nội	5,901,278,739	899,916,417	5,001,362,322	2,921,089,400	2,080,272,922
8438	NNT15092	Nguyễn Thị Huệ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,386,914,000	0	3,386,914,000	2,922,396,893	464,517,107
8439	NNT22836	Bùi Thế Hùng	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,510,028,665	491,028,665	3,019,000,000	2,927,634,000	91,366,000
8440	NNT13754	Nguyễn Thị Thu Thủy	Xã Chương Dương, Hà Nội	3,504,366,000	40,976,000	3,463,390,000	2,932,262,615	531,127,385
8441	NNT13863	Vũ Văn Chiên	P. Long Biên, Hà Nội	5,054,453,000	0	5,054,453,000	2,935,192,895	2,119,260,105

8442	NNT23932	Phan Thị Xuân Hương	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,360,000,000	393,580,000	2,966,420,000	2,941,725,000	24,695,000
8443	NNT18547	Nguyễn Chí Kiên	Phường Định Công, Hà Nội	3,929,421,000	0	3,929,421,000	2,947,277,240	982,143,760
8444	NNT21379	Quách Chiến Thắng	Nhà A5, Chung cư Đền Lừ 2, Hoàng Văn Thụ, phường Tương Mai, Hà Nội	4,104,105,000	30,000,000	4,074,105,000	2,953,067,000	1,121,038,000
8445	NNT20261	Hoàng Lan Anh	Cửa Nam, Hà Nội	3,586,904,000	101,234,000	3,485,670,000	2,953,513,000	532,157,000
8446	NNT11381	Hà Thị Kim Anh	Cẩm Lệ, Đà Nẵng	7,152,862,000	525,806,000	6,627,056,000	2,953,543,000	3,673,513,000
8447	NNT17432	Phạm Gia Điền	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,181,828,000	0	4,181,828,000	2,965,449,000	1,216,379,000
8448	NNT18768	Lê Thanh Huyền	Phường Xuân Phương, Hà Nội	3,628,370,453	1,253,365,453	2,375,005,000	2,979,102,973	-604,097,973
8449	NNT19579	Nguyễn Kim Anh	Phường Hòa Hưng, Hà Nội	5,000,000,000	1,318,000,000	3,682,000,000	2,979,114,000	702,886,000
8450	NNT01679	Đặng Đức Định	Xã Cao Phong, Phú Thọ	6,279,216,906	2,879,216,905	3,400,000,001	2,979,576,916	420,423,085
8451	NNT19075	Lê Văn Hồng Minh	Xã Phù Đồng, Hà Nội	3,217,158,000	0	3,217,158,000	3,000,000,000	217,158,000
8452	NNT17126	Nguyễn Bá Hưng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,225,210,000	2,000,000,000	3,225,210,000	3,000,000,000	225,210,000
8453	NNT23717	Trần Nam Hưng	Phường Ba Đình, Hà Nội	3,116,402,000	0	3,116,402,000	3,000,000,000	116,402,000
8454	NNT18774	Nguyễn Thị Thúy Hoa	Hà Nội	4,445,485,000	0	4,445,485,000	3,000,000,000	1,445,485,000
8455	NNT22515	Nguyễn Anh Hoàng	Phường Gia Viên, Thành Phố Hải Phòng	3,125,001,000	0	3,125,001,000	3,000,000,000	125,001,000
8456	NNT00729	Đặng Thị Phúc Tiến	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	5,130,461,000	0	5,130,461,000	3,005,329,585	2,125,131,415

8457	NNT01353	Nguyễn Thị Thuý Hà	Ô Chợ Dừa, Hà Nội	3,071,448,072	0	3,071,448,072	3,009,348,072	62,100,000
8458	NNT13798	Trần Phú Nghĩa	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	6,392,187,000	1,469,990,000	4,922,197,000	3,010,248,705	1,911,948,295
8459	NNT11209	Trần Văn Dân	Phường Ba Đình, Hà Nội	15,283,748,000	6,818,062,360	8,465,685,640	3,015,736,128	5,449,949,512
8460	NNT21197	Vũ Văn Phong	Phường Khương Đình, Hà Nội	3,952,451,000	0	3,952,451,000	3,016,000,000	936,451,000
8461	NNT21322	Trương Thị Hương	Xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình	4,441,995,338	894,560,338	3,547,435,000	3,021,453,000	525,982,000
8462	NNT11850	Lê Thị Đào	Phường Từ Liêm, Hà Nội	7,391,687,000	500,000,000	6,891,687,000	3,030,460,000	3,861,227,000
8463	NNT18765	Vũ Văn Tài Tâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	4,556,648,000	2,345,176,000	2,211,472,000	3,036,547,729	-825,075,729
8464	NNT24147	Vũ Linh Chi	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	4,117,967,000	280,000,000	3,837,967,000	3,047,797,045	790,169,955
8465	NNT23215	Nguyễn Văn Phái	Xã Cổ Đô, Hà Nội	3,334,740,000	0	3,334,740,000	3,067,961,000	266,779,000
8466	NNT23822	Phòng Quản Trị Khách Hàng	Năm 2021, theo chỉ đạo của Nguyễn Ngọc Thủy, Phòng QTKH có nhiệm vụ hỗ trợ nhân viên kinh doanh và nhận lương; một phần lương được làm thành hơn đồng đầu tư	3,084,858,000	0	3,084,858,000	3,084,858,000	0
8467	NNT01930	Lê Thị Trang	Phường Đông Sơn, Thanh Hóa	5,098,454,500	376,797,500	4,721,657,000	3,092,352,037	1,629,304,963
8468	NNT15886	Phạm Xuân Tuyền	Phường Bình Trưng, TP HCM	5,716,006,855	350,000,000	5,366,006,855	3,095,687,475	2,270,319,380
8469	NNT22090	Đinh Thị Vân Nga	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,103,627,000	0	3,103,627,000	3,100,000,000	3,627,000
8470	NNT15098	Nguyễn Trường Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	4,753,887,000	32,086,000	4,721,801,000	3,104,234,965	1,617,566,035
8471	NNT16317	Trần Việt Thành	Phường Yên Sở, Hà Nội	5,144,905,000	153,452,000	4,991,453,000	3,125,928,000	1,865,525,000

8472	NNT23362	Phan Thanh Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	3,410,562,000	190,000,000	3,220,562,000	3,127,730,000	92,832,000
8473	NNT10936	Đinh Thị Liên	Ba Đình, Hà Nội	6,257,637,000	0	6,257,637,000	3,140,324,000	3,117,313,000
8474	NNT22008	Phạm Thị Thu	phường Tây Hồ, Hà Nội	3,984,456,000	803,500,000	3,180,956,000	3,140,750,000	40,206,000
8475	NNT14569	Nghiêm Thị Hân	Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	5,375,441,000	1,319,607,400	4,055,833,600	3,153,530,188	902,303,412
8476	NNT20874	Vũ Thúy Hà	P. Kiến An, TP Hải Phòng	5,547,915,000	2,139,037,000	3,408,878,000	3,163,999,595	244,878,405
8477	NNT21977	Vũ Văn Quân	Xã Trung Giã, Hà Nội	3,105,678,000	230,171,000	2,875,507,000	3,168,371,506	-292,864,506
8478	NNT14540	Phùng Thị Thanh Hoàng	Xã Bát Tràng, Hà Nội	5,048,827,000	0	5,048,827,000	3,172,724,700	1,876,102,300
8479	NNT13638	Nhữ Thị Lan Hương	Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên	4,271,935,000	82,827,000	4,189,108,000	3,173,794,830	1,015,313,170
8480	NNT01100	Trần Thị Kim Thoa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	16,485,216,000	0	16,485,216,000	3,182,870,300	13,302,345,700
8481	NNT12002	Nguyễn Hải Yến	phường Đồng Đa, Hà Nội	5,333,128,000	192,500,000	5,140,628,000	3,183,251,000	1,957,377,000
8482	NNT22557	Phạm Thị Tuyết Mai	phường Đồng Đa, Hà Nội	3,385,263,000	0	3,385,263,000	3,189,500,000	195,763,000
8483	NNT22171	Nguyễn Thị Mỹ Hà	Phường Kim Liên, Hà Nội	3,373,914,000	0	3,373,914,000	3,200,000,000	173,914,000
8484	NNT01856	Trịnh Quốc Thắng	P.Bạch Mai, Hà Nội	15,376,239,000	1,864,212,000	13,512,027,000	3,201,343,440	10,310,683,560
8485	NNT11999	Trần Ngọc Diệp	P.Cửa Nam, Hà Nội	4,839,523,000	1,162,382,504	3,677,140,496	3,203,675,208	473,465,288
8486	NNT16049	Nguyễn Thị Thủy	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	4,876,169,000	0	4,876,169,000	3,208,326,030	1,667,842,970

8487	NNT22101	Vũ Thúy Hà	Phường Tương Mai, Hà Nội	3,873,938,000	0	3,873,938,000	3,208,695,338	665,242,662
8488	NNT20339	Nguyễn Quý Anh	Phường Ba Đình, Hà Nội	7,973,635,118	3,174,603,000	4,799,032,118	3,209,265,000	1,589,767,118
8489	NNT13538	Trần Trung	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	11,053,696,718	2,979,146,359	8,074,550,359	3,209,637,641	4,864,912,718
8490	NNT11255	Tạ Thị Tường Oanh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	4,043,585,124	366,413,124	3,677,172,000	3,210,422,000	466,750,000
8491	NNT14075	Nguyễn Hồng Thái	Phường Định Công, Hà Nội	6,500,000,000	0	6,500,000,000	3,217,896,580	3,282,103,420
8492	NNT12350	Đỗ Thị Minh Hằng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	5,200,635,095	725,690,845	4,474,944,250	3,225,302,577	1,249,641,673
8493	NNT14601	Trần Thị Hoa Lê	Phường Phú Lý, Ninh Bình	5,383,420,380	0	5,383,420,380	3,230,255,000	2,153,165,380
8494	NNT19808	Trần Thị Tý	Phòng 24.04 tòa A Chung cư Lạc Hồng, phường Phú Thượng, Hà Nội	6,850,041,000	1,743,309,000	5,106,732,000	3,244,609,000	1,862,123,000
8495	NNT02159	Trần Thu Hoa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,932,054,000	148,023,000	4,784,031,000	3,245,984,950	1,538,046,050
8496	NNT17004	Bùi Thị Bích Hạnh	P. Giảng Võ, Hà Nội	5,374,284,000	100,000,000	5,274,284,000	3,251,683,000	2,022,601,000
8497	NNT20678	Hồ Huy Hoàng	Phường Láng, Hà Nội	4,313,054,000	250,000,000	4,063,054,000	3,257,800,000	805,254,000
8498	NNT13183	Phạm Phi Anh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	8,030,042,000	0	8,030,042,000	3,263,234,000	4,766,808,000
8499	NNT14129	Đinh Thu Phương	P.Phương Liệt, Hà Nội	4,386,623,000	113,632,695	4,272,990,305	3,271,914,065	1,001,076,240
8500	NNT12706	Lê Thị Hưng	Phường Láng, Hà Nội	5,009,520,000	0	5,009,520,000	3,282,006,000	1,727,514,000
8501	NNT22293	Nguyễn Đình Chính	phường Giảng Võ, Hà Nội	4,405,000,000	1,120,000,000	3,285,000,000	3,285,000,000	0

8502	NNT14609	Nguyễn Ngọc Mai	Phường Định Công, Hà Nội	6,122,493,222	0	6,122,493,222	3,290,073,222	2,832,420,000
8503	NNT20736	Trần Thị Xuyên	Phường Tương Mai, Hà Nội	4,592,783,000	342,000,000	4,250,783,000	3,293,045,000	957,738,000
8504	NNT23240	Vũ Thanh Lâm		3,900,000,000	600,000,000	3,300,000,000	3,293,300,000	6,700,000
8505	NNT24144	Trịnh Xuân Kiếm	Số 17B- BT2, Bắc Linh Đàm, phường Định Công, HN	6,100,000,000	2,800,000,000	3,300,000,000	3,300,000,000	0
8506	NNT01855	Trương Thị Phương Nghi	P.Bạch Mai, Hà Nội	11,994,020,000	1,458,226,000	10,535,794,000	3,321,866,200	7,213,927,800
8507	NNT14915	Phùng Thị Hường	Phường Yên Hòa, Hà Nội	4,992,472,000	411,432,000	4,581,040,000	3,331,852,000	1,249,188,000
8508	NNT20392	Nguyễn Khắc Kiếm	Phường Khương Đình, Hà Nội	4,411,542,000	460,201,000	3,951,341,000	3,334,090,840	617,250,160
8509	NNT16058	Đình Phương Thủy	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	4,512,127,000	53,000,000	4,459,127,000	3,344,074,000	1,115,053,000
8510	NNT23399	Hà Huy Toàn	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,500,000,000	120,000,000	3,380,000,000	3,345,020,000	34,980,000
8511	NNT19685	Nguyễn Thị Thu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	5,390,000,000	610,000,000	4,780,000,000	3,368,630,000	1,411,370,000
8512	NNT01344	Bùi Xuân Kham	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,863,085,000	0	3,863,085,000	3,376,257,118	486,827,882
8513	NNT12285	Mai Thị Quỳnh Lan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	7,303,510,000	0	7,303,510,000	3,376,891,253	3,926,618,747
8514	NNT01447	Phạm Anh Tuấn	69 ngõ 318 đường La Thành, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	9,769,780,000	500,000,000	9,269,780,000	3,387,254,000	5,882,526,000
8515	NNT00660	Nguyễn Thị Đoàn	Phường Đống Đa, Hà Nội	10,045,051,000	654,071,000	9,390,980,000	3,388,419,906	6,002,560,094
8516	NNT12849	Vương Đình Lam	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	38,557,812,108	14,646,808,608	23,911,003,500	3,399,774,003	20,511,229,497

8517	NNT22755	Trần Mạnh Thắng	Phòng 1401 Tòa nhà Diamond khu đô thị Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, Hà Nội	3,550,000,000	0	3,550,000,000	3,412,108,000	137,892,000
8518	NNT17058	Lê Hồng Nga	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	5,641,518,000	0	5,641,518,000	3,418,694,000	2,222,824,000
8519	NNT23361	Lê Thị Thanh	Phường Láng, Hà Nội	4,300,000,000	706,980,822	3,593,019,178	3,421,000,000	172,019,178
8520	NNT14826	Trương Tổ Loan	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	6,395,578,000	283,379,000	6,112,199,000	3,426,414,672	2,685,784,328
8521	NNT14659	Trần Khắc Định	Phường Đồng Đa, Hà Nội	5,800,000,000	955,000,000	<u>4,845,000,000</u>	3,426,611,000	<u>1,418,389,000</u>
8522	NNT14309	Phan Thị Hồng	Phường Tương Mai, Hà Nội	6,387,545,000	16,188,755	6,371,356,245	3,428,528,330	2,942,827,915
8523	NNT14197	Đỗ Tú Lan	phường Cửa Nam, Hà Nội	5,709,158,000	484,513,000	5,224,645,000	3,430,702,000	1,793,943,000
8524	NNT10965	Phạm Văn Thân	Phường Hà Đông, Hà Nội	12,347,939,000	1,108,541,000	11,239,398,000	3,436,910,000	7,802,488,000
8525	NNT02129	Mai Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	7,114,390,166	724,009,629	6,390,380,537	3,438,728,150	2,951,652,387
8526	NNT23203	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Khương Đình, Hà Nội	4,833,574,890	617,795,890	4,215,779,000	3,469,024,000	746,755,000
8527	NNT22154	Đoàn Thị Phương Lan	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	4,737,807,000	555,334,680	4,182,472,320	3,480,950,320	701,522,000
8528	NNT22832	Đào Kim Chi	phường Tây Hồ, Hà Nội	4,248,842,401	752,642,401	3,496,200,000	3,496,200,000	0
8529	NNT22784	Mai Thùy Linh	phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,400,000,000	450,000,000	3,950,000,000	3,498,000,000	452,000,000
8530	NNT15985	Đỗ Thị Nguyên	Xã Tam Hưng, Hà Nội	5,305,661,000	0	5,305,661,000	3,507,108,302	1,798,552,698
8531	NNT18809	Nguyễn Việt Cường	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,199,630,000	2,235,294,000	3,964,336,000	3,507,999,595	456,336,405

8532	NNT22452	Nguyễn Thị Tịnh	Số 28, ngõ 303 phố Đồng Cỏ, phường Tây Hồ, Hà Nội	3,839,576,000	150,000,000	3,689,576,000	3,515,402,000	174,174,000
8533	NNT23625	Nguyễn Bích Dung	phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,479,994,000	0	4,479,994,000	3,519,994,000	960,000,000
8534	NNT22549	Lê Thị Minh Thập	P.Bạch Mai, Hà Nội	3,873,899,000	143,969,000	3,729,930,000	3,521,511,000	208,419,000
8535	NNT16962	Trần Thị Huyền	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	6,363,792,000	806,821,000	5,556,971,000	3,522,527,695	2,034,443,305
8536	NNT02070	Hoàng Thị Minh	P.Hồng Hà, Hà Nội	5,170,144,000	0	5,170,144,000	3,523,315,000	1,646,829,000
8537	NNT24135	Nguyễn Hoài Anh	36066005787	3,589,022,000	40,000,000	3,549,022,000	3,549,022,000	0
8538	NNT00378	Nguyễn Văn Cương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	8,883,768,013	3,478,363,853	5,405,404,160	3,554,887,425	1,850,516,735
8539	NNT15566	Nguyễn Văn Phúc	Phường Đống Đa, Hà Nội	6,814,972,000	2,630,000,000	4,184,972,000	3,555,500,320	629,471,680
8540	NNT15117	Đặng Châu Anh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,806,849,000	0	3,806,849,000	3,556,013,505	250,835,495
8541	NNT23079	Phạm Thanh Long	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,417,043,699	52,500,000	4,364,543,699	3,557,400,000	807,143,699
8542	NNT20480	Nguyễn Thành Hoan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,221,664,000	0	4,221,664,000	3,561,072,000	660,592,000
8543	NNT01444	Nguyễn Đức Hiệp	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,201,773,000	0	4,201,773,000	3,570,710,025	631,062,975
8544	NNT22554	Đinh Thị Tuyết Nhi	Phường Tây Hồ,Hà Nội	3,770,003,000	0	3,770,003,000	3,579,140,190	190,862,810
8545	NNT13699	Phan Hà Ngọc Anh	Phường Phú Thượng, Hà Nội	5,148,327,000	842,638,000	4,305,689,000	3,585,604,975	720,084,025
8546	NNT22619	Tô Anh Tuấn	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	9,000,000,000	5,400,000,000	3,600,000,000	3,600,000,000	0

8547	NNT02038	Lê Thị Cẩn	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	10,441,342,000	20,000,000	10,421,342,000	3,629,171,849	6,792,170,151
8548	NNT00551	Khuất Thị Minh Tâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	6,736,636,901	1,203,438,734	5,533,198,167	3,639,785,231	1,893,412,936
8549	NNT21872	Đoàn Minh Yên	Phường Tây Hồ, Hà Nội	4,053,333,000	0	4,053,333,000	3,648,000,000	405,333,000
8550	NNT17827	Đỗ Thị Đào	Phường Điện Biên Phủ, Điện Biên	5,291,005,000	0	5,291,005,000	3,662,386,000	1,628,619,000
8551	NNT15943	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Phường Tây Hồ, Hà Nội	5,967,432,000	278,657,000	5,688,775,000	3,671,409,500	2,017,365,500
8552	NNT17096	Trần Việt Sơn	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,500,000,000	1,343,276,000	7,156,724,000	3,672,425,000	3,484,299,000
8553	NNT13935	Bùi Thị Thành	Phường Đồng Đa, Hà Nội	5,921,621,000	0	5,921,621,000	3,675,452,000	2,246,169,000
8554	NNT14040	Nguyễn Trọng Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	7,813,403,000	0	7,813,403,000	3,676,567,000	4,136,836,000
8555	NNT00231	Phan Thị Kim Oanh	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	6,886,633,138	370,833,138	6,515,800,000	3,678,324,833	2,837,475,167
8556	NNT18995	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	7,740,091,801	2,156,263,903	5,583,827,898	3,682,544,783	1,901,283,115
8557	NNT12985	Tô Thị Kim Thanh	Phường Định Công, Hà Nội	4,850,000,000	144,224,000	<u>4,705,776,000</u>	3,684,328,000	<u>1,021,448,000</u>
8558	NNT16744	Nguyễn Thị Huyền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	6,378,872,000	606,339,000	5,772,533,000	3,687,920,775	2,084,612,225
8559	NNT11305	Mạc Xuân Chiến	Cửa Nam/Hai Bà Trưng/Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,749,189,000	503,710,400	4,245,478,600	3,693,845,651	551,632,949
8560	NNT23220	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Số 9D ngách 1 ngõ 78 Bồ Đề, phường Bồ Đề, Hà Nội	4,235,925,000	439,849,000	3,796,076,000	3,695,420,000	100,656,000
8561	NNT17916	Phạm Hồng Loan	Cửa Nam, Hà Nội	4,272,924,000	100,000,000	4,172,924,000	3,710,901,240	462,022,760

8562	NNT00478	Đặng Thị Hương	Phường Hà Đông, Hà Nội	8,996,241,119	2,696,241,119	6,300,000,000	3,718,366,922	2,581,633,078
8563	NNT22025	Cam Thị Tuyết Hà	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,030,303,000	150,000,000	3,880,303,000	3,718,750,000	161,553,000
8564	NNT22956	Nguyễn Văn Diễn	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	4,000,000,000	225,000,000	3,775,000,000	3,722,450,000	52,550,000
8565	NNT20899	Nguyễn Thị Liên	P.Tĩnh Gia, Hà Nội	5,000,000,000	0	5,000,000,000	3,725,000,000	1,275,000,000
8566	NNT20485	Lê Thị Hòa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	5,504,123,000	0	5,504,123,000	3,745,891,000	1,758,232,000
8567	NNT21356	Phạm Thị Hải Thanh	Phường Long Biên, Hà Nội	4,143,045,000	86,605,000	4,056,440,000	3,747,500,000	308,940,000
8568	NNT00346	Trần Sơn Tùng	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	6,696,449,000	700,793,000	5,995,656,000	3,748,990,804	2,246,665,196
8569	NNT21974	Lê Đăng Đức	Phường Kim Liên, Hà Nội	6,000,000,000	2,195,000,000	3,805,000,000	3,778,750,000	26,250,000
8570	NNT17620	Lê Thị Hoàng Cúc	phường Giảng Võ, Hà Nội	5,465,167,000	0	5,465,167,000	3,784,366,000	1,680,801,000
8571	NNT13846	Lê Thị Thu Ngọc	Phường Hồng Hà, Hà Nội	8,855,074,000	313,888,000	8,541,186,000	3,784,547,490	4,756,638,510
8572	NNT22815	Lê Thị Hằng Nga	Phường Ba Đình, Hà Nội	6,049,483,000	1,563,917,000	4,485,566,000	3,790,476,000	695,090,000
8573	NNT24067	Ngô Lê Hải	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	3,800,000,000	0	3,800,000,000	3,791,518,000	8,482,000
8574	NNT18195	Nguyễn Quang Hùng	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	4,576,921,000	0	4,576,921,000	3,798,334,000	778,587,000
8575	NNT19881	Nguyễn Việt Anh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	4,000,000,000	0	4,000,000,000	3,808,333,000	191,667,000
8576	NNT22100	Nguyễn Tiến Việt	Phường Láng, Hà Nội	5,648,000,000	1,798,000,000	3,850,000,000	3,850,000,000	0

8577	NNT17931	Lê Hồng Liên	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,907,852,000	260,878,000	4,646,974,000	3,862,385,000	784,589,000
8578	NNT22735	Phạm Vũ Minh Anh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	4,653,000,000	218,783,562	4,434,216,438	3,887,000,000	547,216,438
8579	NNT23229	Trần Thúy Ngọc	269 Lạc Long Quân, Tây hồ, hà Nội	4,030,612,000	0	4,030,612,000	3,891,800,000	138,812,000
8580	NNT17474	Trần Thị Hồng Hạnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	4,904,436,000	204,365,000	4,700,071,000	3,910,013,842	790,057,158
8581	NNT23738	Nguyễn Thị Kim Nhung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,960,695,000	50,000,000	3,910,695,000	3,910,695,000	0
8582	NNT00155	Nguyễn Thị Thuận	Phường Khương Đình, Hà Nội	7,908,963,934	2,408,963,933	5,500,000,001	3,930,603,160	1,569,396,841
8583	NNT22274	Lê Thị Sỹ	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	4,116,000,000	4,000,000	4,112,000,000	3,931,230,000	180,770,000
8584	NNT14294	Nguyễn Thị Diệu Linh	Phường Dương Nội, Hà Nội	4,641,850,076	2,304,948,793	2,336,901,283	3,942,769,281	-1,605,867,998
8585	NNT23252	Nguyễn Thị Bình	phường Thanh Xuân, Hà Nội.	4,181,650,000	0	4,181,650,000	3,945,000,000	236,650,000
8586	NNT20192	Đỗ Thị Kim Liên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	5,669,772,000	1,290,000,000	4,379,772,000	3,947,448,000	432,324,000
8587	NNT16789	Nguyễn Hải Hà	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	10,000,000,000	1,732,262,000	8,267,738,000	3,973,856,080	4,293,881,920
8588	NNT24381	Võ Đức Thảo	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	3,975,350,000	0	3,975,350,000	3,975,350,000	0
8589	NNT02061	Nguyễn Thị Minh Thu	Phường Bồ Đề, Hà Nội	6,248,346,531	1,537,342,421	4,711,004,110	3,980,529,564	730,474,546
8590	NNT23260	Triệu Thu Huyền	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0
8591	NNT16954	Phạm Việt Trung	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	8,853,938,000	1,500,000,000	7,353,938,000	4,000,358,921	3,353,579,079

8592	NNT22490	Chu Thị Kim Loan	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,700,000,000	0	4,700,000,000	4,001,800,000	698,200,000
8593	NNT22362	Nguyễn Thị Hạnh	phường Đồng Đa, Hà Nội	4,290,000,000	0	4,290,000,000	4,012,800,000	277,200,000
8594	NNT20301	Trần Thị Xuân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	5,449,397,000	131,147,000	5,318,250,000	4,019,522,350	1,298,727,650
8595	NNT12502	Nguyễn Hà Thu	phường Giảng Võ, Hà Nội	5,115,000,000	1,068,000,000	4,047,000,000	4,021,617,000	25,383,000
8596	NNT02170	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Xã Bình Mỹ, Ninh Bình	6,185,492,250	1,644,964,000	4,540,528,250	4,047,942,142	492,586,108
8597	NNT00805	Trần Đình Tấn	phường Đồng Đa, Hà Nội	19,010,000,000	0	19,010,000,000	4,050,102,002	14,959,897,998
8598	NNT22950	Tô Lan Hương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	4,150,000,000	90,000,000	4,060,000,000	4,060,000,000	0
8599	NNT02036	Lê Thị Huyền Dương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	13,704,166,000	0	13,704,166,000	4,075,100,367	9,629,065,633
8600	NNT16235	Trần Thị Hoài Phương	Phường Vũ Ninh, Bắc Ninh	6,588,346,000	446,828,000	6,141,518,000	4,107,124,000	2,034,394,000
8601	NNT00449	Nguyễn Thị Việt Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	6,845,187,000	825,121,000	6,020,066,000	4,117,168,613	1,902,897,387
8602	NNT02128	Ngô Ngọc Trâm	P.Cửa Nam, Hà Nội	8,718,323,000	0	8,718,323,000	4,120,582,815	4,597,740,185
8603	NNT00360	Đinh Thị Mai	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	11,956,815,000	0	11,956,815,000	4,142,050,000	7,814,765,000
8604	NNT11779	Nguyễn Trọng Quyết	Xã Gia Lâm, Hà Nội	14,454,150,000	7,642,075,000	6,812,075,000	4,147,293,085	2,664,781,915
8605	NNT23582	Phạm Công Trứ	phường Nghĩa Đô, Hà Nội	4,744,000,000	544,000,000	4,200,000,000	4,155,086,000	44,914,000
8606	NNT00865	Ngô Văn Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	14,375,350,000	6,002,778,000	8,372,572,000	4,163,938,870	4,208,633,130

8607	NNT20379	Nguyễn Thị Diệu Cơ	Ngọc Hà, Hà Nội	5,511,586,000	0	5,511,586,000	4,166,009,323	1,345,576,677
8608	NNT21551	Vũ Thị Quy	Phường Phương Liệt, Hà Nội	6,071,082,000	440,000,000	5,631,082,000	4,191,676,000	1,439,406,000
8609	NNT24394	Nguyễn Anh Tuấn	phường Sơn Tây, Hà Nội	4,194,458,000	0	4,194,458,000	4,194,458,000	0
8610	NNT19501	Đặng Thị Cầu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,638,106,893	1,425,061,893	5,213,045,000	4,204,753,000	1,008,292,000
8611	NNT22461	Trần Văn Sửu	Phường Kim Liên, Hà Nội	5,007,593,000	478,032,000	4,529,561,000	4,215,750,230	313,810,770
8612	NNT23687	Trần Thị Hồng	Xã Quốc Oai, Hà Nội	5,315,333,000	1,067,833,000	4,247,500,000	4,218,017,000	29,483,000
8613	NNT17652	Nguyễn Việt Anh	Phường Phú Thượng, Hà Nội	4,700,000,000	0	4,700,000,000	4,263,900,000	436,100,000
8614	NNT20831	Đặng Thanh Trúc	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	8,120,884,000	2,502,400,000	5,618,484,000	4,275,200,000	1,343,284,000
8615	NNT13204	Nguyễn Thị Chi	xã Ngọc Hồi, Hà Nội	6,311,673,000	1,399,000	6,310,274,000	4,291,729,545	2,018,544,455
8616	NNT01995	Nguyễn Văn Thắm	phường Yên Hòa, Hà Nội	12,423,696,000	0	12,423,696,000	4,301,786,000	8,121,910,000
8617	NNT22658	Trần Thị Kim Thoa	phường Phương Liệt, Hà Nội	7,755,814,000	3,232,000,000	4,523,814,000	4,346,936,000	176,878,000
8618	NNT12347	Trần Thiên Trang	phường Hà Đông, Hà Nội	5,138,998,000	294,944,656	4,844,053,344	4,350,482,559	493,570,785
8619	NNT16472	Nguyễn Thị Minh Phương	P. Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	11,809,837,046	1,707,803,846	10,102,033,200	4,391,066,753	5,710,966,447
8620	NNT16052	Nguyễn Quỳnh Anh	phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	4,489,094,000	0	4,489,094,000	4,393,239,275	95,854,725
8621	NNT11678	Nguyễn Thị Việt Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	7,901,236,380	4,101,236,380	3,800,000,000	4,413,835,678	-613,835,678

8622	NNT12688	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	10,436,276,000	747,789,000	9,688,487,000	4,422,280,425	5,266,206,575
8623	NNT11505	Ngô Thị Kim Phượng	Phường Kim Liên, Hà Nội	7,891,720,000	0	7,891,720,000	4,436,590,770	3,455,129,230
8624	NNT01606	Nguyễn Thị Hằng	phường Đại Mỗ, Hà Nội	5,365,527,671	319,349,670	5,046,178,001	4,445,963,585	600,214,416
8625	NNT01667	Đỗ Ngọc Mai	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	13,902,754,000	0	13,902,754,000	4,449,508,485	9,453,245,515
8626	NNT24380	Võ Đức Chung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	4,472,269,000	0	4,472,269,000	4,472,269,000	0
8627	NNT17937	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Xã Đại Thanh, Hà Nội	6,059,568,000	30,000,000	6,029,568,000	4,531,314,160	1,498,253,840
8628	NNT14830	Nguyễn Văn Thủy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	7,608,696,000	1,600,000,000	6,008,696,000	4,531,984,000	1,476,712,000
8629	NNT13933	Lê Thị Thanh Huyền	phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	9,564,653,216	0	9,564,653,216	4,532,241,219	5,032,411,997
8630	NNT24065	Lê Thị Xoan	Phường Đông Sơn, Thanh Hóa	5,340,498,630	790,498,630	4,550,000,000	4,532,809,000	17,191,000
8631	NNT02045	Trần Thị Thu Hương	Xã Can Lộc, Hà Tĩnh	9,128,961,857	2,611,537,052	6,517,424,805	4,564,462,436	1,952,962,369
8632	NNT00558	Nguyễn Thị Suốt	Phường Xuân Phương, Hà Nội	17,982,976,000	1,894,666,000	16,088,310,000	4,567,542,603	11,520,767,397
8633	NNT19717	Vũ Hải Anh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	5,599,800,000	30,000,000	5,569,800,000	4,573,484,000	996,316,000
8634	NNT12015	Nguyễn Thị Thu Phương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	12,562,143,376	4,555,591,411	8,006,551,965	4,581,243,203	3,425,308,762
8635	NNT13090	Nguyễn Thị Vinh Huê	Phường Láng, Hà Nội	7,075,000,000	480,000,000	6,595,000,000	4,583,878,773	2,011,121,227
8636	NNT15540	Lương Việt Ngọc	Phường Đồng Đa, Hà Nội	13,131,921,215	6,331,921,221	6,799,999,994	4,590,708,317	2,209,291,677

8637	NNT13989	Nguyễn Tiến Đạt	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,052,226,000	528,744,000	5,523,482,000	4,627,000,000	896,482,000
8638	NNT11367	Đinh Quang Cường	Xã Nho Quan, Ninh Bình	7,050,000,000	121,458,000	6,928,542,000	4,629,739,000	2,298,803,000
8639	NNT11988	Thái Thị Mai Trang	xóm Tân Minh, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An	7,481,865,000	163,798,000	7,318,067,000	4,667,030,053	2,651,036,947
8640	NNT19796	Đỗ Thị Bích Thủy	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	6,349,486,000	0	6,349,486,000	4,677,726,480	1,671,759,520
8641	NNT16351	Nguyễn Thị Nga	Phường Định Công, Hà Nội	6,501,646,000	907,107,000	5,594,539,000	4,678,473,426	916,065,574
8642	NNT01109	Nguyễn Thị Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	7,857,633,560	337,911,560	7,519,722,000	4,694,603,375	2,825,118,625
8643	NNT22545	Bùi Trần Hiệp	Bạch Mai, Hà Nội	5,685,000,000	150,000,000	5,535,000,000	4,697,000,000	838,000,000
8644	NNT23661	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	6,559,670,750	1,806,865,750	4,752,805,000	4,740,550,046	12,254,954
8645	NNT22417	Phạm Thị Thanh Hằng	Phường Bạch Mai, Hà Nội	5,165,491,000	60,616,000	5,104,875,000	4,742,499,760	362,375,240
8646	NNT19039	Ngô Thị Thường	P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	5,636,850,000	0	5,636,850,000	4,748,802,000	888,048,000
8647	NNT20225	Nguyễn Thị Huyền	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	9,629,103,000	3,208,556,000	6,420,547,000	4,749,726,000	1,670,821,000
8648	NNT23762	Vũ Thị Trọng	203 - I5, TT Công ty XD số 1, phường Thanh Xuân, Hà Nội	5,000,000,000	210,000,000	4,790,000,000	4,750,000,000	40,000,000
8649	NNT12620	Đặng Thị Hoàn	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	5,956,744,000	0	5,956,744,000	4,765,194,000	1,191,550,000
8650	NNT02083	Oh Dae Woong	Phường Từ Liêm, Hà Nội	7,920,000,000	0	7,920,000,000	4,775,500,000	3,144,500,000
8651	NNT14860	Lê Bá Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	9,705,438,000	394,082,000	9,311,356,000	4,790,591,000	4,520,765,000

8652	NNT24332	Trần Khánh Hiền	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	4,818,183,655	12,400,000	4,805,783,655	4,805,670,655	113,000
8653	NNT17682	Đỗ Thị Tuyết Minh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	5,306,277,000	790,000,000	4,516,277,000	4,818,203,747	-301,926,747
8654	NNT15565	Trần Ngọc Mạnh	phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	7,152,333,000	705,000,000	6,447,333,000	4,826,691,976	1,620,641,024
8655	NNT19438	Bùi Phương Hiền	Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	8,964,807,000	2,539,413,000	6,425,394,000	4,832,453,075	1,592,940,925
8656	NNT21810	Lương Thúy Hiền	phường Giảng Võ, Hà Nội	10,947,368,000	5,500,000,000	5,447,368,000	4,900,000,000	547,368,000
8657	NNT17746	Trịnh Thị Vân Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	7,531,183,000	0	7,531,183,000	4,918,497,320	2,612,685,680
8658	NNT18588	Hoàng Thị Cường	Phường Phương Liệt, Hà Nội	5,991,380,000	0	5,991,380,000	4,938,750,000	1,052,630,000
8659	NNT22491	Phạm Thị Hồng Thúy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,352,073,000	579,635,000	5,772,438,000	4,962,680,000	809,758,000
8660	NNT12880	Phan Quỳnh Như	Phường Ba Đình, Hà Nội	8,801,805,000	70,000,000	8,731,805,000	4,967,912,703	3,763,892,297
8661	NNT22395	Hoàng Văn Thu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	5,303,173,000	0	5,303,173,000	4,974,000,000	329,173,000
8662	NNT23401	Vũ Đức Tâm	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	5,181,347,000	0	5,181,347,000	5,000,000,000	181,347,000
8663	NNT19739	Nguyễn Thị Ngọc Khuê	P.Bach Mai, Hà Nội	6,287,120,000	0	6,287,120,000	5,040,604,150	1,246,515,850
8664	NNT13830	Châu Kiều Anh	A2809 sảnh 2A, Tòa A Chung cư Thăng Long Number One, 289 Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Hà Nội	8,953,387,000	213,044,000	8,740,343,000	5,042,017,200	3,698,325,800
8665	NNT19319	Bùi Quốc Quân	Xã Phù Đồng, Hà Nội	7,853,684,000	274,544,000	7,579,140,000	5,045,089,000	2,534,051,000
8666	NNT19289	Cao Thị Thu Hằng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	6,695,755,617	154,461,617	6,541,294,000	5,048,527,440	1,492,766,560

8667	NNT01133	Lê Thị Hường	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	6,423,436,930	1,101,310,000	5,322,126,930	5,055,852,438	266,274,492
8668	NNT16417	Nguyễn Thị Thanh Yên	Phường Đồng Đa, Hà Nội	7,695,190,000	76,000,000	7,619,190,000	5,075,445,340	2,543,744,660
8669	NNT13559	Trần Thị Bích Hường	phường Thanh Xuân, Hà Nội	9,218,738,000	270,000,000	8,948,738,000	5,082,820,000	3,865,918,000
8670	NNT17247	Phan Văn Tiễn	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	7,404,963,000	0	7,404,963,000	5,086,099,741	2,318,863,259
8671	NNT19876	Hà Thanh Hương	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,869,651,000	0	6,869,651,000	5,106,174,000	1,763,477,000
8672	NNT11057	Lê Thùy Linh	Phường Ba Đình, Hà Nội	9,674,770,000	0	9,674,770,000	5,111,241,790	4,563,528,210
8673	NNT12657	Nguyễn Thị Yên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	7,936,443,000	350,001,000	7,586,442,000	5,126,771,000	2,459,671,000
8674	NNT11596	Lê Thị Mận	Phường Đoàn Kết, Lai Châu	22,209,360,000	1,500,000,000	20,709,360,000	5,128,674,456	15,580,685,544
8675	NNT15959	Vũ Huy Cường	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	10,109,893,000	1,629,768,000	8,480,125,000	5,150,816,000	3,329,309,000
8676	NNT00933	Nguyễn Thị Thu Hương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	67,641,603,000	18,998,021,000	48,643,582,000	5,155,815,520	43,487,766,480
8677	NNT23169	Nguyễn Thị Phương Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	6,041,591,000	477,111,000	5,564,480,000	5,219,228,433	345,251,567
8678	NNT01361	Đỗ Đức Tuấn	phường Láng, Hà Nội	17,340,591,000	0	17,340,591,000	5,222,304,295	12,118,286,705
8679	NNT10837	Nguyễn Thị Hòa	Phường Yên Hòa, Hà Nội	19,428,250,000	2,730,693,000	16,697,557,000	5,222,926,544	11,474,630,456
8680	NNT19175	Nguyễn Thu Hằng	Xã Phụng Công, Hưng Yên	9,804,348,000	720,653,000	9,083,695,000	5,224,065,000	3,859,630,000
8681	NNT00555	Lê Thị Hằng	Xã Thuận An, Hà Nội	7,910,037,000	744,840,400	7,165,196,600	5,231,494,182	1,933,702,418

8682	NNT14269	Đặng Văn Tăng	Phường Kim Liên, Hà Nội	7,875,944,000	0	7,875,944,000	5,239,436,455	2,636,507,545
8683	NNT14353	Nguyễn Hữu Bình	Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên	6,853,951,000	384,711,000	6,469,240,000	5,243,890,000	1,225,350,000
8684	NNT00219	Hà Văn Tài	Xã Xuân Hưng, Ninh Bình	10,843,239,000	3,136,563,000	7,706,676,000	5,276,820,252	2,429,855,748
8685	NNT22737	Bùi Văn Huế	Cửa Nam, Hà Nội	6,102,968,000	82,849,000	6,020,119,000	5,300,767,000	719,352,000
8686	NNT20554	Đinh Khánh Linh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	11,993,326,000	5,996,663,000	5,996,663,000	5,358,000,000	638,663,000
8687	NNT16560	Đỗ Thị Mai Hương	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	7,468,183,000	0	7,468,183,000	5,360,558,000	2,107,625,000
8688	NNT20257	Trần Thị Thanh Bình	Xã Nghi Xuân, Hà Tĩnh	6,578,928,000	0	6,578,928,000	5,386,898,000	1,192,030,000
8689	NNT01054	Phạm Thị Phương Dung	phường Láng, Hà Nội	10,989,487,516	4,219,244,317	6,770,243,199	5,414,641,206	1,355,601,993
8690	NNT11373	Cao Độc Lập	phường Ba Đình, Hà Nội	13,238,975,000	4,847,448,000	8,391,527,000	5,421,998,420	2,969,528,580
8691	NNT23322	Nguyễn Thị Minh Huệ	Phường Yên Hòa, Hà Nội	5,940,308,000	338,000,000	5,602,308,000	5,448,614,000	153,694,000
8692	NNT22700	Nguyễn Thị Nhã	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,358,885,000	422,691,000	5,936,194,000	5,465,063,000	471,131,000
8693	NNT24396	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Sơn Tây, Hà Nội	5,299,538,029	59,388,541	5,240,149,488	5,474,701,000	-234,551,512
8694	NNT18292	Hoàng Thị Kim Tuyết	Phường Cửa Nam, Hà Nội	8,004,939,000	0	8,004,939,000	5,490,000,000	2,514,939,000
8695	NNT11629	Trần Thúy Hương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	7,855,826,319	1,865,546,317	5,990,280,002	5,498,834,781	491,445,221
8696	NNT17451	Trần Thị Hiến	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	5,552,643,000	25,000,000	5,527,643,000	5,503,843,000	23,800,000

8697	NNT14005	Vương Thị Mai Lan	Xã Thanh Trì, Hà Nội	3,936,020,000	-2,419,039,550	6,355,059,550	5,533,994,826	821,064,724
8698	NNT13310	Trần Thị Hà Linh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	16,070,201,000	0	16,070,201,000	5,542,664,000	10,527,537,000
8699	NNT00132	Trần Thị Thanh Nga	Phường Định Công, Hà Nội	12,047,612,610	1,724,824,160	10,322,788,450	5,545,018,067	4,777,770,383
8700	NNT01188	Hoàng Khánh Linh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	9,600,000,000	0	9,600,000,000	5,546,629,000	4,053,371,000
8701	NNT24386	Nguyễn Tuấn Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	5,608,955,528	0	5,608,955,528	5,608,955,528	0
8702	NNT22539	Vũ Thu Hà	Phường Hồng Hà, Hà Nội	9,200,000,000	3,010,000,000	6,190,000,000	5,614,000,000	576,000,000
8703	NNT20222	Đỗ Việt Hùng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,805,830,000	265,000,000	6,540,830,000	5,643,724,000	897,106,000
8704	NNT14585	Ahn In Kyu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	8,077,421,000	0	8,077,421,000	5,652,780,000	2,424,641,000
8705	NNT18221	Nguyễn Chí Dũng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	6,658,354,434	706,047,859	5,952,306,575	5,663,612,576	288,693,999
8706	NNT19033	Bùi Thúy Hương	Phòng 3702, nhà A2, Vinhomes Gardenia, đường Hàm Nghi, tổ 16, phường Từ Liêm, Hà Nội	6,450,437,000	0	<u>6,450,437,000</u>	5,686,381,000	<u>764,056,000</u>
8707	NNT20040	Nguyễn Bá Minh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	9,165,293,000	513,410,000	8,651,883,000	5,700,660,517	2,951,222,483
8708	NNT22997	Lương Bình	Phường Yên Hòa, Hà Nội	6,639,667,000	106,000,000	6,533,667,000	5,705,426,000	828,241,000
8709	NNT11015	Nguyễn Thị Thu Phương	Phường Việt Hưng, Hà Nội	8,838,014,611	2,030,841,605	6,807,173,006	5,733,202,520	1,073,970,486
8710	NNT00520	Nguyễn Thị Phương	Phường Kim Liên, Hà Nội	11,209,610,905	5,685,537,869	5,524,073,036	5,841,836,234	-317,763,198
8711	NNT23648	Trần Thị Tuyền	Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh	5,970,214,000	0	5,970,214,000	5,850,068,000	120,146,000

8712	NNT22556	Trần Thị Thu Hòa	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	7,014,285,000	683,979,000	6,330,306,000	5,857,833,000	472,473,000
8713	NNT01680	Phạm Thị Mai	Phường Hà Đông, Hà Nội	27,035,878,000	0	27,035,878,000	5,961,412,169	21,074,465,831
8714	NNT16983	Đặng Thanh Mai	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	8,882,220,000	0	8,882,220,000	5,982,281,080	2,899,938,920
8715	NNT11256	Vũ Thị Thu Hiền	Phường Hà Đông, Hà Nội	8,507,978,000	580,068,000	7,927,910,000	5,993,801,837	1,934,108,163
8716	NNT19609	Võ Thanh Nga	Phường Đống Đa, Hà Nội	8,007,746,556	170,905,556	7,836,841,000	5,994,065,000	1,842,776,000
8717	NNT19358	Tạ Văn Đức	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,325,122,000	521,614,000	7,803,508,000	6,002,000,000	1,801,508,000
8718	NNT00597	Nguyễn Thị Mai Anh	Phường Sơn Tây, Hà Nội	9,041,081,000	25,855,000	9,015,226,000	6,014,541,155	3,000,684,845
8719	NNT15689	Vũ Anh Dũng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	8,902,266,000	676,799,000	8,225,467,000	6,046,720,000	2,178,747,000
8720	NNT17395	Nguyễn Thị Tâm	Phường Kim Liên, Hà Nội	14,119,587,257	1,719,042,319	12,400,544,938	6,080,598,061	6,319,946,877
8721	NNT11272	Nguyễn Thị Sâm	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	12,344,075,000	808,239,000	11,535,836,000	6,093,086,715	5,442,749,285
8722	NNT01116	Nguyễn Thùy Nguyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	9,326,957,000	101,424,000	9,225,533,000	6,112,111,111	3,113,421,889
8723	NNT17366	Phạm Ngọc Tuấn	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	11,563,109,000	4,894,605,000	6,668,504,000	6,126,412,000	542,092,000
8724	NNT15479	Trần Thị Hương	Phường Yên Hòa, Hà Nội	12,596,924,410	3,760,443,410	8,836,481,000	6,172,296,745	2,664,184,255
8725	NNT13113	Phạm Ngọc Toàn	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	41,833,326,000	4,896,007,000	36,937,319,000	6,197,651,448	30,739,667,552
8726	NNT00365	Hà Thị Hằng	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	8,200,928,000	420,000,000	7,780,928,000	6,199,490,264	1,581,437,736

8727	NNT00581	Đặng Thị Thảo	Phường Giảng Võ, Hà Nội	168,569,404,000	6,300,000,000	162,269,404,000	6,228,918,174	156,040,485,826
8728	NNT14452	Điền Khánh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	8,835,977,000	300,000,000	8,535,977,000	6,246,078,405	2,289,898,595
8729	NNT19753	Nguyễn Thị Phương Hiền	phường Yên Hòa, Hà Nội	8,808,510,000	1,911,276,000	6,897,234,000	6,263,690,000	633,544,000
8730	NNT11232	Đỗ Tân Nguyên	Phường Kim Liên, Hà Nội	11,297,549,000	-189,802,000	11,487,351,000	6,296,819,688	5,190,531,312
8731	NNT15106	Hoàng Duy	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	9,204,762,362	936,018,361	8,268,744,001	6,298,065,709	1,970,678,292
8732	NNT12665	Bùi Thu Huyền	phường Xuân Phương, Hà Nội	9,796,123,202	2,978,421,120	6,817,702,082	6,359,362,349	458,339,733
8733	NNT19545	Đặng Thu Thủy	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	6,591,751,000	0	6,591,751,000	6,398,270,420	193,480,580
8734	NNT23786	Nguyễn Thị Hộ	Xã Đan Phượng, Hà Nội	6,399,630,000	0	6,399,630,000	6,399,630,000	0
8735	NNT00542	Phạm Quang Thành	Phường Bạch Mai, Hà Nội	11,245,596,000	776,798,000	10,468,798,000	6,400,163,005	4,068,634,995
8736	NNT22502	Trần Thị Hồng Minh	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	12,407,513,000	3,106,992,000	9,300,521,000	6,430,010,176	2,870,510,824
8737	NNT13777	Phan Thị Nhung	Xã Tây Phương, Hà Nội	9,454,236,000	0	9,454,236,000	6,431,224,280	3,023,011,720
8738	NNT00796	Trần Việt Quân	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	7,824,800,500	962,014,000	6,862,786,500	6,474,530,197	388,256,303
8739	NNT23050	Phan Trường Sơn	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,667,347,000	0	6,667,347,000	6,489,600,000	177,747,000
8740	NNT16885	Vũ Văn Hải	Phường Xuân Đình, Hà Nội	7,670,688,143	604,167,886	7,066,520,257	6,491,048,835	575,471,422
8741	NNT15289	Nguyễn Thị Hà	Phường Từ Liêm, Hà Nội	11,433,311,000	1,175,210,000	10,258,101,000	6,563,615,385	3,694,485,615

8742	NNT17005	Lê Thị Hương	Xã Quảng Bình, Thanh Hóa	10,182,114,000	3,392,596,000	6,789,518,000	6,618,731,958	170,786,042
8743	NNT16930	Nguyễn Thị Cúc	P. Phú Thuận, TP HCM	11,212,501,000	298,716,000	10,913,785,000	6,626,773,650	4,287,011,350
8744	NNT17709	Phạm Thị Gấm	Phường Lê Thanh Nghi, TP Hải Phòng	10,000,000,000	2,500,000,000	7,500,000,000	6,700,000,000	800,000,000
8745	NNT13035	Trần Quốc Minh	P.Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	13,682,738,000	0	13,682,738,000	6,706,550,600	6,976,187,400
8746	NNT13985	Lê Văn Trung	P. Hoà Hưng, TP HCM	22,182,182,000	4,386,048,000	17,796,134,000	6,727,748,000	11,068,386,000
8747	NNT12461	Vũ Thị Bích Ngọc	Cửa Nam, Hà Nội	10,435,740,000	0	10,435,740,000	6,773,882,419	3,661,857,581
8748	NNT13825	Nguyễn Thị Bích Liên	Phường Hồng Hà, Hà Nội	10,459,016,000	1,050,000,000	9,409,016,000	6,784,181,000	2,624,835,000
8749	NNT21154	Phạm Việt Hoàng	86 phố Bà Triệu, phường Lê Thanh Nghi, Hải Phòng	7,242,855,000	0	7,242,855,000	6,899,500,000	343,355,000
8750	NNT24441	Trần Quang Minh	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	6,908,802,000	0	6,908,802,000	6,908,802,000	0
8751	NNT23857	Hồ Phương Chung	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	10,100,113,000	2,531,312,000	7,568,801,000	6,914,138,585	654,662,415
8752	NNT20681	Phan Hồng Hạnh	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	8,339,623,000	129,707,000	8,209,916,000	6,923,387,645	1,286,528,355
8753	NNT01341	Đặng Thanh Tú	Phường Ba Đình, Hà Nội	13,129,715,000	0	13,129,715,000	6,977,181,000	6,152,534,000
8754	NNT22157	Hứa Việt Anh	Phường Phan Đình Phùng, Hà Nội	7,152,029,000	0	7,152,029,000	6,987,109,843	164,919,157
8755	NNT17695	Hoàng Thị Bích Hạnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	8,900,000,000	1,570,000,000	7,330,000,000	6,990,754,842	339,245,158
8756	NNT23443	Dương Thị Dậy	P.Hồng Hà, Hà Nội	7,685,000,000	500,000,000	7,185,000,000	7,009,993,000	175,007,000

8757	NNT18700	Lê Bá Cường	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	10,092,602,566	1,130,718,949	8,961,883,617	7,043,413,093	1,918,470,524
8758	NNT14539	Lê Thị Chinh	Xã Gia Lâm, Hà Nội	12,507,058,000	446,480,000	12,060,578,000	7,060,285,169	5,000,292,831
8759	NNT10881	Đặng Minh Quang	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	10,721,996,000	500,000,000	10,221,996,000	7,077,703,000	3,144,293,000
8760	NNT21558	Đỗ Thị Oanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	17,824,008,000	9,510,208,000	8,313,800,000	7,118,592,000	1,195,208,000
8761	NNT21885	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	7,396,711,142	136,000,000	7,260,711,142	7,194,172,586	66,538,556
8762	NNT17459	Phan Thị Thủy	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	9,356,924,000	1,050,264,000	8,306,660,000	7,206,949,500	1,099,710,500
8763	NNT13283	Nguyễn Thị Khánh Hồng	P1104, chung cư GP- 170, La Thành, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	8,720,435,000	645,000,000	8,075,435,000	7,242,716,000	832,719,000
8764	NNT22351	Đương Mạnh Hùng	Phường Ba Đình, Hà Nội	8,189,764,000	244,990,000	7,944,774,000	7,251,153,000	693,621,000
8765	NNT22884	Nguyễn Anh Đào	P506 K5 DT Việt Hưng, phường Việt Hưng, Hà Nội.	7,915,000,000	333,000,000	7,582,000,000	7,275,800,000	306,200,000
8766	NNT18271	Trịnh Văn Phúc	Phường Tương Mai, Hà Nội	15,838,682,000	8,507,642,000	7,331,040,000	7,331,040,000	0
8767	NNT16800	Mai Thị Thơm	Xã Quảng Yên, Phú Thọ	7,895,526,380	479,683,000	7,415,843,380	7,332,340,047	83,503,333
8768	NNT16278	Nguyễn Thị Phố	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	12,683,316,000	537,134,000	12,146,182,000	7,366,797,790	4,779,384,210
8769	NNT01183	Nguyễn Trọng Hòa	Phường Tây Tựu, Hà Nội	13,347,933,000	858,140,000	12,489,793,000	7,420,168,116	5,069,624,884
8770	NNT20746	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phường Kim Liên, Hà Nội	17,072,565,561	6,263,030,560	10,809,535,001	7,447,653,890	3,361,881,111
8771	NNT13598	Phùng Vũ Thanh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	9,736,054,000	1,979,608,000	7,756,446,000	7,481,066,000	275,380,000

8772	NNT22551	Nguyễn Thị Thanh Hương	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	9,344,290,000	1,009,183,000	8,335,107,000	7,499,347,000	835,760,000
8773	NNT17000	Đào Thị Kim Minh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	12,147,520,000	618,766,364	11,528,753,636	7,516,094,000	4,012,659,636
8774	NNT16817	Nguyễn Tổ Hoa	Phường Ô Chợ Dừa, Hà	10,581,200,000	0	10,581,200,000	7,612,927,940	2,968,272,060
8775	NNT10948	Lương Quang Thanh	Bồ Đề, Hà Nội	13,801,432,000	5,000,000	13,796,432,000	7,736,351,940	6,060,080,060
8776	NNT19354	Phan Thị Thu Hồng	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	13,013,521,000	478,394,000	12,535,127,000	7,738,051,000	4,797,076,000
8777	NNT11245	Chu Anh Đào	Phường Phương Liệt, Hà Nội	15,211,762,000	0	15,211,762,000	7,739,534,505	7,472,227,495
8778	NNT15923	Phan Thị Hạnh Nguyên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	12,804,755,000	0	12,804,755,000	7,743,424,000	5,061,331,000
8779	NNT21325	Lê Thị Kim Khuyên	Phường Xuân Đình, Hà Nội	8,639,175,000	341,000,000	8,298,175,000	7,762,205,000	535,970,000
8780	NNT00890	Phạm Thị Ngọc Thanh	Phường Thịnh Đán, Thái Nguyên	16,566,579,937	4,159,324,047	12,407,255,890	7,786,472,000	4,620,783,890
8781	NNT12013	Phạm Thị Minh Huệ	Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	12,429,426,000	505,639,000	11,923,787,000	7,787,470,393	4,136,316,607
8782	NNT19927	Trần Ngọc Mỹ	Phường Kim Liên, Hà Nội	9,713,047,000	655,345,000	9,057,702,000	7,789,455,915	1,268,246,085
8783	NNT15933	Nguyễn Thanh Liêm	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	10,206,952,000	0	10,206,952,000	7,850,125,000	2,356,827,000
8784	NNT23753	Đỗ Văn Soát	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	7,944,313,000	0	7,944,313,000	7,855,503,000	88,810,000
8785	NNT22377	Nguyễn Khắc Cường	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	9,729,798,000	0	9,729,798,000	7,876,450,000	1,853,348,000
8786	NNT18958	Nguyễn Trọng Bồi	Phường Từ Liêm, Hà Nội	19,884,173,315	3,592,168,658	16,292,004,657	7,907,829,052	8,384,175,605

8787	NNT24397	Nguyễn Tuấn Minh	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	15,838,634,000	7,919,317,000	7,919,317,000	7,919,317,000	0
8788	NNT01570	Tô Thị Bắc	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	39,955,717,175	6,009,951,095	33,945,766,080	7,939,079,929	26,006,686,151
8789	NNT16669	Nguyễn Thị Hường	104 Ngõ Tự Do, phố Đại La, phường Bạch Mai, Hà Nội	9,892,410,000	0	9,892,410,000	7,951,390,435	1,941,019,565
8790	NNT18739	Nguyễn Thị Quế	Phường Bồ Đề, Hà Nội	8,429,922,000	60,000,000	8,369,922,000	7,985,788,000	384,134,000
8791	NNT22631	Trần Thị Sáu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	8,950,000,000	762,382,000	8,187,618,000	7,987,562,000	200,056,000
8792	NNT12105	Dương Thị Vân Anh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	10,742,249,000	216,726,000	10,525,523,000	8,005,740,680	2,519,782,320
8793	NNT23991	Hoàng Thị Huyền	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	8,141,893,000	100,000,000	8,041,893,000	8,041,893,000	0
8794	NNT22318	Nguyễn Phú Khánh	Phường Đông Ngạc, Hà	9,000,000,000	300,000,000	8,700,000,000	8,050,000,000	650,000,000
8795	NNT20986	Phan Thùy Linh	phường Láng, Hà Nội	8,315,768,000	217,258,000	8,098,510,000	8,062,200,000	36,310,000
8796	NNT01448	Nguyễn Mạnh Quang	P.Bạch Mai, Hà Nội	19,269,034,000	2,000,000,000	17,269,034,000	8,081,931,887	9,187,102,113
8797	NNT11470	Nguyễn Huy Toàn	P.Thanh Liệt, Hà Nội	19,171,955,000	2,887,161,000	16,284,794,000	8,122,175,500	8,162,618,500
8798	NNT12784	Lã Mạnh Hùng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	12,936,151,000	0	12,936,151,000	8,160,942,000	4,775,209,000
8799	NNT18277	Lương Thị Thao	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	16,695,501,670	5,247,714,158	11,447,787,512	8,182,036,980	3,265,750,532
8800	NNT00313	Đoàn Thị Minh Đức	Xã Đan Phượng, Hà Nội	11,255,746,079	0	11,255,746,079	8,219,725,108	3,036,020,971
8801	NNT21745	Lê Thị Minh Phượng	Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	12,755,786,016	3,816,140,016	8,939,646,000	8,256,948,870	682,697,130

8802	NNT17370	Đào Cẩm Tú	P. Giảng Võ, Hà Nội	13,377,449,000	865,874,000	12,511,575,000	8,430,431,640	4,081,143,360
8803	NNT12474	Lê Thị Tuyền	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	8,247,969,000	157,376,000	8,090,593,000	8,445,341,002	-354,748,002
8804	NNT17257	Doãn Kim Chi	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	14,332,907,000	3,253,967,000	11,078,940,000	8,497,591,410	2,581,348,590
8805	NNT13790	Đào Thị Tuyết Nga	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	14,984,929,000	0	14,984,929,000	8,572,698,050	6,412,230,950
8806	NNT00791	Nguyễn Quỳnh Chi	Ngọc Hà, Hà Nội	12,216,354,400	1,890,152,400	10,326,202,000	8,651,740,424	1,674,461,576
8807	NNT21217	Võ Hoàng Thái Hòa		30,001,000,000	21,207,367,000	8,793,633,000	8,717,802,000	75,831,000
8808	NNT17031	Hàn Viết Kiên	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	16,000,000,000	0	16,000,000,000	8,766,316,000	7,233,684,000
8809	NNT01643	Nguyễn Nhật Minh	Phường Xuân Đình, Hà Nội	11,122,035,000	1,138,120,000	9,983,915,000	8,815,221,823	1,168,693,177
8810	NNT22460	Lê Thị Yến	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	11,014,507,000	1,905,162,000	9,109,345,000	8,876,864,255	232,480,745
8811	NNT12337	Lê Thị Quỳnh Mai	Xã Bình Minh, Hà Nội	18,647,215,050	7,741,130,050	10,906,085,000	8,882,449,410	2,023,635,590
8812	NNT23057	Vũ Việt Đức	phường Giảng Võ, Hà Nội	11,600,000,000	2,474,250,000	9,125,750,000	9,020,200,000	105,550,000
8813	NNT14620	Nguyễn Hiền Lương	Phường Việt Trì, Hà Nội	12,439,684,000	2,764,827,000	9,674,857,000	9,074,964,478	599,892,522
8814	NNT01596	Nguyễn Hương Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	10,507,562,150	20,612,000	10,486,950,150	9,117,464,689	1,369,485,461
8815	NNT19705	Trần Ngọc Tân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	14,414,400,687	0	14,414,400,687	9,162,635,000	5,251,765,687
8816	NNT17080	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Phường Giảng Võ, Hà Nội	14,297,449,000	17,852,000	14,279,597,000	9,222,919,880	5,056,677,120

8817	NNT00140	Đặng Thị Phương Nga	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	20,789,630,000	254,016,000	20,535,614,000	9,234,357,191	11,301,256,809
8818	NNT00893	Nguyễn Trọng Nga	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	25,353,784,000	0	25,353,784,000	9,360,293,420	15,993,490,580
8819	NNT20758	Hoàng Ngọc Nga	P1702, Tòa E. The Manor, đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, Hà Nội	11,580,000,000	0	11,580,000,000	9,389,460,000	2,190,540,000
8820	NNT13001	Lê Nguyễn Bảo Khanh	số 50 phố Linh Lang, phường Ngọc Hà, Hà Nội	13,658,937,000	2,306,088,000	11,352,849,000	9,527,630,166	1,825,218,834
8821	NNT22046	Đào Anh Tuấn	Phường Khương Đình, Hà Nội	17,599,061,000	6,849,492,000	10,749,569,000	9,539,000,000	1,210,569,000
8822	NNT15271	Phan Nguyễn Khánh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	16,750,216,852	3,093,281,852	13,656,935,000	9,574,503,000	4,082,432,000
8823	NNT00071	Lê Thanh Sơn	Xã Hậu Lộc, Thanh Hóa	10,624,641,632	1,371,717,587	9,252,924,045	9,603,324,991	-350,400,946
8824	NNT22607	Vũ Thị Kim Ngân	Phường Kim Liên, Hà	12,667,783,000	2,834,347,000	9,833,436,000	9,652,353,000	181,083,000
8825	NNT19693	Châu Anh Tuấn	Bạch Mai, Hà Nội	14,000,000,000	4,272,663,000	9,727,337,000	9,666,680,000	60,657,000
8826	NNT19171	Nguyễn Văn Vĩnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	13,660,867,000	2,163,044,000	11,497,823,000	9,840,829,000	1,656,994,000
8827	NNT00491	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	28,534,218,000	-242,304,000	28,776,522,000	9,856,870,000	18,919,652,000
8828	NNT17422	Chu Văn Phương	P. Đông Hải, TP Hải Phòng	12,100,000,000	0	12,100,000,000	9,865,900,000	2,234,100,000
8829	NNT21261	Hoàng Tự Dung	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	15,187,721,000	4,129,076,906	11,058,644,094	9,972,822,094	1,085,822,000
8830	NNT01217	Nguyễn Thị Thanh Hằng	P. Tân Hưng, TP HCM	18,526,472,356	7,668,170,986	10,858,301,370	10,152,453,000	705,848,370
8831	NNT01231	Nguyễn Huy Cường	Xã Phù Đồng, Hà Nội	17,587,550,600	3,954,739,600	13,632,811,000	10,251,608,460	3,381,202,540

8832	NNT17821	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Phường Tương Mai, Hà Nội	11,519,312,000	490,000,000	11,029,312,000	10,324,607,440	704,704,560
8833	NNT14819	Nguyễn Thị Thảo Hương	Nghĩa Đô, Hà Nội	16,665,333,000	0	16,665,333,000	10,478,673,230	6,186,659,770
8834	NNT10972	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Phường Phương Liệt, Hà Nội	22,365,417,000	2,229,379,000	20,136,038,000	10,492,987,000	9,643,051,000
8835	NNT00557	Lương Khánh Linh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	14,047,127,206	2,761,716,750	11,285,410,456	10,513,478,398	771,932,058
8836	NNT00538	Lê Thị Lan	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	16,743,882,270	4,148,739,106	12,595,143,164	10,576,474,388	2,018,668,776
8837	NNT20993	Trần Thị Trâm	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	12,008,333,000	520,301,000	11,488,032,000	10,610,665,335	877,366,665
8838	NNT15547	Trần Thị Thu An	Phường Sơn Tây, Hà Nội	14,470,807,000	921,669,000	13,549,138,000	10,654,887,888	2,894,250,112
8839	NNT11819	Nguyễn Thành Minh	Cửa Nam, Hà Nội	19,500,000,000	4,125,000,000	15,375,000,000	10,687,352,000	4,687,648,000
8840	NNT02082	Nguyễn Hữu Xuân	Xã Thành Công, Thái Nguyên	15,276,358,360	3,298,324,360	11,978,034,000	10,810,463,415	1,167,570,585
8841	NNT01005	Phan Văn Thanh	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	12,676,190,000	626,624,000	12,049,566,000	10,892,246,957	1,157,319,043
8842	NNT20840	Nguyễn Lan Anh	Phường Hà Đông, Hà Nội	14,152,739,000	0	14,152,739,000	10,986,776,800	3,165,962,200
8843	NNT01722	Quách Minh Phượng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	13,013,472,000	763,536,000	12,249,936,000	11,036,969,728	1,212,966,272
8844	NNT01279	Phạm Ngọc Thăng	Phường Khương Đình, Hà Nội	12,000,000,000	10,000,000	11,990,000,000	11,082,160,000	907,840,000
8845	NNT00327	Nguyễn Thị Vinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	14,561,474,402	561,474,403	13,999,999,999	11,237,677,238	2,762,322,761
8846	NNT17237	Vũ Ngọc Uyên	Phường Cửa Nam, Hà Nội	18,219,214,000	2,365,073,000	15,854,141,000	11,247,352,640	4,606,788,360

8847	NNT15037	Nguyễn Thị Hồng Nga	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	16,020,398,000	74,800,000	15,945,598,000	11,561,250,979	4,384,347,021
8848	NNT23394	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	12,232,629,000	425,000,000	11,807,629,000	11,570,583,950	237,045,050
8849	NNT14365	Hoàng Quỳnh Hoa	Yên Hòa, Hà Nội	18,055,164,000	0	18,055,164,000	11,911,238,000	6,143,926,000
8850	NNT02206	Quách Tuấn Vinh	Hoàn Kiếm, Hà Nội	28,177,204,000	0	28,177,204,000	12,460,461,000	15,716,743,000
8851	NNT16409	Đỗ Thị Hồng Loan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	27,267,084,000	0	27,267,084,000	12,649,941,850	14,617,142,150
8852	NNT11873	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	39,552,850,000	19,101,476,000	20,451,374,000	12,651,323,186	7,800,050,814
8853	NNT22415	Lưu Thị Phương	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	13,000,000,000	206,750,000	12,793,250,000	12,793,250,000	0
8854	NNT01619	Lương Nguyệt Thu	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	18,214,004,020	5,461,487,665	12,752,516,355	12,797,273,873	-44,757,518
8855	NNT00423	Nguyễn Khánh Toàn	phường Hồng Hà, TP Hà Nội	40,826,910,500	12,111,484,500	28,715,426,000	12,856,969,041	15,858,456,959
8856	NNT00081	Nguyễn Thị Quỳnh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	42,999,027,065	20,788,561,221	22,210,465,844	12,901,254,781	9,309,211,063
8857	NNT02201	Hoàng Thị Hồng Linh	Số 123, Lê Thanh Nghị, Phường Bạch Mai, Hà Nội	17,376,087,000	1,138,500,000	16,237,587,000	12,933,380,000	3,304,207,000
8858	NNT00730	Lê Chí Dũng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	16,474,553,852	-511,239,000	16,985,792,852	13,397,808,920	3,587,983,932
8859	NNT13586	Nguyễn Thị Lý	Phường Láng, Hà Nội	22,106,911,000	1,420,181,000	20,686,730,000	13,405,129,670	7,281,600,330
8860	NNT15853	Trần Văn Lâm	Phường Đức Nhuận, TP HCM	22,614,642,000	1,186,027,000	21,428,615,000	13,633,991,405	7,794,623,595
8861	NNT24434	Ngô Đặng Hoàng Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	13,810,000,000	0	13,810,000,000	13,810,000,000	0

8862	NNT01564	Nguyễn Thanh Bình	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	19,350,190,000	1,722,000,000	17,628,190,000	13,911,328,000	3,716,862,000
8863	NNT21681	Phạm Thanh Hải	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	14,644,247,000	92,206,000	14,552,041,000	14,033,716,000	518,325,000
8864	NNT10914	Phạm Thị Nga	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	20,172,372,000	790,793,000	19,381,579,000	14,069,989,080	5,311,589,920
8865	NNT20540	Nguyễn Thành Công	Phường Bạch Mai, Hà Nội	20,260,869,000	4,500,000,000	15,760,869,000	14,500,000,000	1,260,869,000
8866	NNT12496	Đỗ Thị Hồng Nhung	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	22,544,329,000	4,234,861,000	18,309,468,000	14,507,482,698	3,801,985,302
8867	NNT16203	Mai Thúy Nga	P.Hà Đông, Hà Nội	25,810,041,111	0	25,810,041,111	14,680,145,906	11,129,895,205
8868	NNT22670	Lưu Hoa Lan	Phường Cầu Ông Lãnh, Hà Nội	17,228,528,000	815,250,000	16,413,278,000	14,700,200,000	1,713,078,000
8869	NNT01657	Nguyễn Mạnh Tùng	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	47,922,868,000	26,377,520,000	21,545,348,000	14,827,118,982	6,718,229,018
8870	NNT16659	Nguyễn Thị Thắng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	18,000,000,000	554,677,000	17,445,323,000	15,102,786,497	2,342,536,503
8871	NNT14335	Thái Phan Quỳnh Như	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	38,832,630,904	19,414,785,651	19,417,845,253	15,151,489,021	4,266,356,232
8872	NNT13735	Lê Thị Thùy Dung	Xã Đức Quang, Hà Tĩnh	22,866,599,000	546,404,000	22,320,195,000	15,355,351,906	6,964,843,094
8873	NNT13849	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	23,182,501,000	6,471,957,000	16,710,544,000	15,435,438,584	1,275,105,416
8874	NNT11967	Võ Kim Cự	Phường Thành Sen, Hà Tĩnh	62,943,771,000	0	62,943,771,000	15,486,222,551	47,457,548,449
8875	NNT17077	Phùng Thị Thu Cúc	Phường Láng, Hà Nội	22,477,514,000	2,447,300,000	20,030,214,000	15,565,250,000	4,464,964,000
8876	NNT19657	Nguyễn Thị Hoàng	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	18,380,301,000	0	18,380,301,000	15,671,485,000	2,708,816,000

8877	NNT16299	Nguyễn Bích Thủy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	36,441,089,693	4,705,129,181	31,735,960,512	15,744,532,500	15,991,428,012
8878	NNT19621	Bùi Huyền Trâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	22,050,000,000	5,095,840,000	16,954,160,000	15,814,160,000	1,140,000,000
8879	NNT02034	Chung Woon Taek	Phường Yên Hòa, Hà Nội	26,564,000,000	0	<u>26,564,000,000</u>	15,949,650,000	<u>10,614,350,000</u>
8880	NNT01007	Bùi Kim Thủy	Phường Đồng Đa, Hà Nội	23,501,399,534	3,137,040,022	20,364,359,512	16,788,771,841	3,575,587,671
8881	NNT13928	Nguyễn Đức Tuấn	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	32,747,734,000	0	32,747,734,000	17,586,814,755	15,160,919,245
8882	NNT18852	Lê Thị Chuyên	Phường Định Công, TP Hà Nội	25,586,506,000	198,385,000	25,388,121,000	17,639,797,000	7,748,324,000
8883	NNT22480	Nguyễn Thị Thìn	Phường Hàm Rồng, Thanh Hóa	32,772,524,000	0	32,772,524,000	17,659,314,000	15,113,210,000
8884	NNT16559	Nguyễn Thùy Anh	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	26,388,252,000	133,696,000	26,254,556,000	17,687,557,955	8,566,998,045
8885	NNT01274	Đoài Thị Tâm	Xã Quảng Chính, Thanh Hóa	32,175,879,686	14,195,820,851	17,980,058,835	17,980,058,835	0
8886	NNT12904	Phạm Xuân Viết	Xã Hòa Xá, Hà Nội	62,097,484,000	0	62,097,484,000	18,157,426,000	43,940,058,000
8887	NNT01134	Lương Nguyễn Khánh Tùng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	22,069,877,483	895,059,730	21,174,817,753	18,277,344,150	2,897,473,603
8888	NNT20155	Đặng Thị Kim Thoa	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	25,885,588,000	347,862,000	25,537,726,000	19,027,385,500	6,510,340,500
8889	NNT00214	Lương Văn Phú	phường Yên Hòa, Hà Nội	34,652,989,000	13,005,865,000	21,647,124,000	19,554,845,705	2,092,278,295
<u>8890</u>	NNT00909	Phạm Thị Nguyệt Nga	P. Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	95,976,657,000	1,200,000,000	94,776,657,000	19,911,690,800	74,864,966,200
<u>8891</u>	NNT00066	Nguyễn Thị Kiều Lan	Phường Đồng Đa, Hà Nội	43,462,024,000	6,706,102,000	36,755,922,000	20,387,076,820	16,368,845,180

8892	NNT13553	Hồ Hữu Vượng	phường Giảng Võ, Hà Nội	22,500,000,000	0	22,500,000,000	21,023,507,320	1,476,492,680
8893	NNT16644	Dương Anh Tuấn	Phường Đồng Đa, Hà Nội	24,948,000,000	3,548,000,000	21,400,000,000	21,400,000,000	0
8894	NNT13921	Phạm Thị Cúc	Xã Hòa Xá, Hà Nội	35,607,581,000	0	35,607,581,000	21,496,701,000	14,110,880,000
8895	NNT01292	Phạm Lệ Thủy	176-178 đường Kim Ngưu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	37,074,500,000	9,299,644,000	27,774,856,000	21,743,773,329	6,031,082,671
8896	NNT00329	Đào Thanh Tâm	Phường Tây Hồ, Hà Nội	35,956,038,000	1,216,150,380	34,739,887,620	22,255,499,221	12,484,388,399
8897	NNT00203	Đỗ Thị Khánh Huyền	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	43,714,488,000	13,757,385,000	29,957,103,000	22,559,445,542	7,397,657,458
8898	NNT12959	Lê Thị Việt Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	30,255,389,000	1,852,808,000	28,402,581,000	22,762,479,776	5,640,101,224
8899	NNT18158	Vũ Thị Ngọc Dung	Phường Cửa Nam, Hà Nội	36,326,928,000	0	36,326,928,000	22,850,793,342	13,476,134,658
8900	NNT16329	Bùi Thiện Minh	Phường Từ Liêm, Hà Nội	36,132,072,000	0	36,132,072,000	23,214,182,000	12,917,890,000
8901	NNT01097	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	34,000,777,722	5,851,626,065	28,149,151,657	23,712,778,641	4,436,373,016
8902	NNT11704	Trần Trọng Chi	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	32,212,764,000	6,480,000,000	25,732,764,000	23,859,006,293	1,873,757,707
8903	NNT24048	Trần Thị Kim Bính	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	60,000,000,000	35,000,000,000	25,000,000,000	25,000,000,000	0
8904	NNT16755	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phường Giảng Võ, Hà Nội	68,443,762,000	29,447,968,000	38,995,794,000	26,345,644,000	12,650,150,000
8905	NNT00217	Nguyễn Văn Sơn	Xã Cổ Đô, Hà Nội	40,924,702,000	8,301,190,000	32,623,512,000	26,732,335,584	5,891,176,416
8906	NNT01078	Nguyễn Trọng Quỳnh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	50,769,636,330	17,189,108,000	33,580,528,330	26,891,808,591	6,688,719,739

8907	NNT00859	Đoàn Thị Bích Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	60,734,273,000	409,634,000	60,324,639,000	27,236,746,117	33,087,892,883
8908	NNT17542	Lê Thị Lý	CH 1606 Tòa Eurowindow- 27, Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Hà Nội	31,607,855,000	2,685,815,000	28,922,040,000	27,979,941,620	942,098,380
8909	NNT10991	Trần Thị Bích Hiền	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	36,000,000,000	0	36,000,000,000	28,432,393,000	7,567,607,000
8910	NNT11412	Vương Thị Thu Trang	Phường Khương Đình, Hà Nội	47,811,407,000	15,499,366,000	32,312,041,000	29,240,181,705	3,071,859,295
8911	NNT16140	Lê Thị Khuê	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	48,100,049,000	3,674,556,000	44,425,493,000	29,290,049,793	15,135,443,207
8912	NNT16876	Nguyễn Thị Hoa	Phường Đức Nhuận, TP HCM	40,524,912,000	5,921,600,000	34,603,312,000	29,532,252,000	5,071,060,000
8913	NNT11049	Phạm Hưng	Phường Ba Đình, Hà Nội	71,477,325,000	6,108,014,000	65,369,311,000	29,620,942,000	35,748,369,000
8914	NNT16918	Bùi Thị Thu Hiền	C44- Lô Nhà Vườn- KĐT Việt Hưng, phường Việt Hưng	44,199,472,000	5,426,471,000	38,773,001,000	30,165,373,481	8,607,627,519
8915	NNT13484	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Phường Hà Đông, Hfa Nội	100,500,000,000	5,500,000,000	95,000,000,000	30,265,500,000	64,734,500,000
8916	NNT21951	Đới Thị Thu An	Phường Yên Hòa, Hà Nội	51,781,000,000	13,113,000,000	38,668,000,000	33,677,360,000	4,990,640,000
8917	NNT00148	Mai Thị Thanh Hòa	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	99,430,364,000	10,401,094,300	89,029,269,700	34,077,816,211	54,951,453,489
8918	NNT01419	Trần Kim Phượng	Phường Láng, Hà Nội	69,081,786,000	15,781,145,000	53,300,641,000	35,368,383,519	17,932,257,481
8919	NNT22580	Đinh Thị Phi Nga	Phường Ba Đình, Hà Nội	6,500,000,000	-36,800,000,000	43,300,000,000	36,676,000,000	6,624,000,000
8920	NNT22145	Triệu Văn Dương	Phường Hà Đông, Hà Nội	41,000,000,000	3,450,000,000	37,550,000,000	36,775,479,000	774,521,000
8921	NNT20390	Nguyễn Thị Luật	Phường Đống Đa, Hà Nội	49,843,419,000	7,844,009,096	41,999,409,904	38,890,778,479	3,108,631,425

8922	NNT02097	Phạm Văn Công	Xã Hòa Xá, Hà Nội	100,946,350,000	0	100,946,350,000	48,406,767,000	52,539,583,000
8923	NNT00392	Nguyễn Trọng Vũ	Phường Xuân Phương, Hà Nội	63,710,443,000	14,618,263,000	49,092,180,000	52,208,797,402	-3,116,617,402
8924	NNT22190	Phạm Thị Lan	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	60,890,052,000	0	60,890,052,000	57,355,488,000	3,534,564,000
8925	NNT19797	Trần Thị Minh Hương	P.Hai Bà Trưng, Hà Nội	95,708,200,000	21,169,752,000	74,538,448,000	58,862,097,000	15,676,351,000
8926	NNT00700	Vũ Thị Dung	Phường Khương Đình, Hà Nội	202,918,365,540	28,428,625,040	174,489,740,500	69,864,361,505	104,625,378,995
8927	NNT16454	Nguyễn Thùy Dương	phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	121,466,868,000	16,654,721,000	104,812,147,000	77,553,462,100	27,258,684,900
8928	NNT00630	Đinh Thị Phương Thêu	Khánh Nhạc, Ninh Bình	153,789,657,624	33,925,730,218	119,863,927,406	81,526,477,002	38,337,450,404
8929	NNT20017	Trần Thị Hằng	phường Kim Liên, Hà Nội	162,605,522,000	2,572,936,211	160,032,585,789	121,087,311,715	38,945,274,074
8930	NNT00162	Nguyễn Thị Dung	Phường Tây Tựu, Hà Nội	439,175,182,215	189,114,102,347	250,061,079,868	219,442,808,365	30,618,271,503
8931	NNT01422	Phạm Thị Ngoan	Xã Hòa Xá, Hà Nội	730,171,453,200	77,834,950,660	652,336,502,540	483,697,157,748	168,639,344,792
8932	NNT01976	Lê Thị Nga	Số 16, ngõ 79, phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân, Hà Nội	8,493,411,000	1,631,493,000	6,861,918,000	3,141,218,090	6,120,699,910
8933	NNT10906	Jung So Yun	Phường Yên Hoà, Hà Nội	60,000,000	8,270,000	51,730,000	51,430,000	300,000
8934	NNT11598	Phạm Thị Đạm	P. Bạch Mai, Hà Nội	54,054,464,000	16,581,482,000	37,472,982,000	455,232,000	37,017,750,000
8935	NNT11456	Nguyễn Thị Kim Ly	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,533,650,000	72,465,000	1,461,185,000	1,388,207,000	72,978,000
8936	NNT01713	Đặng Việt Bắc	Phường An Đông, Hồ Chí Minh	6,700,000,000	2,479,200,000	4,220,800,000	1,422,304,000	2,798,496,000

8937	NNT11136	Nguyễn Công Đàm	Phường Hà Đông, Hà Nội	9,500,000,000	3,030,000,000	6,470,000,000	5,122,261,000	1,347,739,000
8938	NNT11420	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Phú Diễn, Hà Nội	25,687,484,672	7,494,872,672	18,192,612,000	12,956,426,235	5,236,185,765
TỔNG						13,526,470,767,110	8,459,413,458,778	5,069,457,308,332
DANH SÁCH BỊ HẠI NHẬN SỐ TIỀN GỐC, LÃI CỦA CÁC HỢP ĐỒNG KHÁC VƯỢT SỐ TIỀN GỐC KÈM THEO THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ SỐ 26527/TB-CSKT-P6 NGÀY 22/9/2026								

Đơn vị tính: VND

STT	MÃ KHÁCH	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ MỚI	giá trị đầu tư (bao gồm cả nộp mới và tái ký)	ĐÃ NHẬN	CÒN LẠI		
							GỐC	LÃI
1	NNT01118	Lê Thị Thanh Tâm	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	46,394,725,535	7,910,218,000	38,484,507,535	-59,054,546,029	97,539,053,564
2	NNT12018	Nguyễn Thị Xuân Bích	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	6,172,420,000	1,681,370,000	4,491,050,000	-38,368,593,000	42,859,643,000
3	NNT10995	Phạm Thị Lan Hương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	11,166,862,542	1,858,712,158	9,308,150,384	-33,636,906,986	42,945,057,370
4	NNT01433	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	7,250,000,000	876,250,000	6,373,750,000	-21,841,934,977	28,215,684,977
5	NNT02096	Hà Thị Toàn	Xã Hóa Xá, Hà Nội	39,838,869,000	0	39,838,869,000	-17,000,227,931	56,839,096,931
6	NNT00379	Lê Thị Ngọc Huệ	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	14,656,800,000	-771,821,000	15,428,621,000	-15,316,986,000	30,745,607,000
7	NNT01756	Võ Quang Minh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	14,766,182,901	3,766,481,901	10,999,701,000	-2,883,463,801	23,363,164,801
8	NNT11686	Lê Thị Hồng	Phường Bim Sơn, Thanh Hóa	11,300,000,000	1,243,000,000	10,057,000,000	-9,349,411,081	19,406,411,081

9	NNT00301	Bùi Thị Hiền	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	2,507,852,000	20,000,000	2,487,852,000	-9,270,942,000	11,758,794,000
10	NNT01416	Vũ Thị Thủy	Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	43,423,036,000	16,628,929,000	26,794,107,000	-8,499,500,000	35,293,607,000
11	NNT01117	Bùi Tuyết Nga	Phường Bạch Mai, Hà Nội	26,099,675,779	1,347,931,231	24,751,744,548	-8,269,243,000	33,020,987,548
12	NNT16506	Nguyễn Thị Chiến	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	5,553,173,726	3,751,458,630	1,801,715,096	-8,200,847,320	10,002,562,416
13	NNT12410	Nguyễn Thị Na Na	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,400,000,000	2,030,000,000	370,000,000	-8,191,404,000	8,561,404,000
14	NNT01300	Nguyễn Thị Thúy Liên	Phường Kim Liên, Hà Nội	367,423,000	0	367,423,000	-7,681,757,000	8,049,180,000
15	NNT13892	Nguyễn Thị Dung	Phường Tây Hồ, Hà Nội	12,156,521,000	5,036,956,000	7,119,565,000	-7,561,348,000	14,680,913,000
16	NNT00149	Nguyễn Triệu Thanh Huyền	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	51,507,986,138	11,634,166,097	39,873,820,041	-7,204,703,000	47,078,523,041
17	NNT00007	Đào Thị Đôn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	868,835,000	0	868,835,000	-5,580,373,599	6,449,208,599
18	NNT12411	Lê Thanh Hà	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,727,149,000	0	1,727,149,000	-5,198,045,000	6,925,194,000
19	NNT00790	Ngô Thị Dung	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,990,627,000	0	1,990,627,000	-5,068,342,000	7,058,969,000
20	NNT01595	Dương Quỳnh Mai	Phường Bạch Mai,Hà Nội	1,585,983,000	0	1,585,983,000	-4,955,854,000	6,541,837,000
21	NNT00147	Trần Hòa Bình	Phường Tương Mai, Hà Nội	13,713,060,000	1,117,410,000	12,595,650,000	-4,846,565,422	17,442,215,422
22	NNT17784	Lê Thị Thu Hà	Phường Ba Đình, Tp Hà Nội	6,674,941,000	913,643,000	5,761,298,000	-4,631,282,442	10,392,580,442
23	NNT01816	Trần Thị Hạnh	Phường Định Công, Hà Nội	7,400,263,000	6,365,331,000	1,034,932,000	-4,436,789,000	5,471,721,000

24	NNT01788		Phường Xuân Đình, Hà Nội	96,843,000	75,538,000	21,305,000	-4,310,287,673	4,331,592,673
25	NNT10985	Đặng Trần Bình	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,107,441,000	20,000,000	1,087,441,000	-4,303,454,340	5,390,895,340
26	NNT00978	Đinh Thị Hằng	Phường Tương Mai, Hà Nội	6,208,769,000	1,190,000,000	5,018,769,000	-4,156,519,610	9,175,288,610
27	NNT00899	Đỗ Thị Thanh Thủy	Phường Láng, Hà Nội	2,500,000,000	150,000,000	2,350,000,000	-3,929,469,326	6,279,469,326
28	NNT01846	Nguyễn Thị Phương	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	21,830,859,000	7,425,428,000	14,405,431,000	-3,792,051,398	18,197,482,398
29	NNT00277	Nguyễn Thị Thanh Phương	Xã Quảng Oai Hà Nội	24,241,371,000	0	24,241,371,000	-3,651,350,000	27,892,721,000
30	NNT11263	Đỗ Thị Huệ	Phường Xuân Đình, Hà Nội	1,047,876,000	208,370,180	839,505,820	-3,570,848,180	4,410,354,000
31	NNT01610	Đàm Thị Kim Dung	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	1,327,399,000	0	1,327,399,000	-3,545,476,000	4,872,875,000
32	NNT00643	Lê Hải Tiến	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	6,092,784,000	0	6,092,784,000	-3,371,486,740	9,464,270,740
33	NNT11494	Nguyễn Thị Hồng Loan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	4,072,114,000	0	4,072,114,000	-3,313,485,000	7,385,599,000
34	NNT11228	Hoàng Thị Phương Hạnh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	369,700,000	0	369,700,000	-3,244,487,700	3,614,187,700
35	NNT00444	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	8,246,585,557	3,867,092,571	4,379,492,986	-3,213,210,691	7,592,703,677
36	NNT13127	Nguyễn Thị Thanh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	3,000,000,000	0	3,000,000,000	-3,114,917,835	6,114,917,835
37	NNT00410	Kim Kiến Quốc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	8,073,608,000	163,000,000	7,910,608,000	-2,957,656,218	10,868,264,218
38	NNT15919	Nguyễn Ngọc Long	Phường Việt Trì, Phú Thọ	6,643,900,629	3,998,643,752	2,645,256,877	-2,882,000,000	5,527,256,877

39	NNT13028	Đặng Trung Anh	Phường Ba Đình, Hà Nội	7,559,969,000	2,000,000,000	5,559,969,000	-2,708,448,000	8,268,417,000
40	NNT00078	Phùng Thị Hồng Vân	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7,358,000,000	1,802,640,000	5,555,360,000	-2,507,489,000	8,110,209,000
41	NNT01148	Tô Thị Tố Hào	Phường Giảng Võ, Hà Nội	400,000,000	70,000,000	330,000,000	-2,545,790,751	2,875,790,751
42	NNT00770	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,281,890,893	0	1,281,890,893	-2,503,338,540	3,785,229,433
43	NNT01488	Hoàng Tuệ Dương	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,260,000,000	141,225,000	2,118,775,000	-2,456,054,000	4,574,829,000
44	NNT00227	Nguyễn Hữu Yên	Phường Sơn Tây, Hà Nội	288,000,000	-604,630,000	892,630,000	-2,437,403,950	3,330,033,950
45	NNT12180	Phạm Thị Minh Thu	Phường Hà Đông, Hà Nội	7,643,732,000	7,091,635,000	552,097,000	-2,433,761,720	2,985,858,720
46	NNT00968	Phùng Khắc Mùi	Phường Hà Đông, Hà Nội	517,063,000	300,000,000	217,063,000	-2,424,350,000	2,641,413,000
47	NNT00506	Nguyễn Quyết Tiến	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,679,099,000	0	1,679,099,000	-2,375,019,078	4,054,118,078
48	NNT00127	Đái Duy Ban	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	10,630,397,000	410,000,000	10,220,397,000	-2,341,506,500	12,561,903,500
49	NNT00258	Đào Thị Huệ	Phường Cửa Nam, Hà Nội	6,600,000,000	0	6,600,000,000	-2,279,679,000	8,879,679,000
50	NNT12224	Võ Thanh Nga	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	350,000,000	55,629,000	294,371,000	-2,243,542,000	2,537,913,000
51	NNT11772	Võ Thị Minh Thảo	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,264,067,000	0	1,264,067,000	-2,243,297,000	3,507,364,000
52	NNT00176	Trần Thị Diệu An	Phường Đống Đa, Hà Nội	850,000,000	764,000,000	86,000,000	-2,242,929,000	2,328,929,000
53	NNT00891	Nguyễn Đình Đạt	Phường Kim Liên, Hà Nội	377,904,443	77,904,443	300,000,000	-2,102,823,000	2,402,823,000

54	NNT14759	Nguyễn Văn Lợi	Phường Dương Nội, Hà Nội	2,847,925,000	1,490,000,000	1,357,925,000	-2,051,204,479	3,409,129,479
55	NNT17732	Nguyễn Thùy Liên	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	300,000,000	140,000,000	160,000,000	-2,044,873,699	2,204,873,699
56	NNT01504	Nguyễn Diệp Anh	Phường Kim Liên, Hà Nội	513,381,000	0	513,381,000	-2,032,485,000	2,545,866,000
57	NNT01293	Cao Thị Hoa	Phường Đồng Đa, Hà Nội	6,895,720,185	728,111,000	6,167,609,185	-2,000,763,000	8,168,372,185
58	NNT00080	Vũ Thị Kim Thu	Phường Bạch Mai, Hà Nội	340,670,000	20,335,000	320,335,000	-1,952,176,945	2,272,511,945
59	NNT00975	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,881,506,000	1,163,400,000	718,106,000	-1,868,388,000	2,586,494,000
60	NNT18038	Phạm Hồng Mai	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,592,600,000	1,357,600,000	1,235,000,000	-1,863,312,640	3,098,312,640
61	NNT00750	Phạm Thị Lan Phương	126 Ngách 267/2 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội	342,517,000	9,072,000	333,445,000	-1,757,574,040	2,171,947,040
62	NNT11893	Nguyễn Thị Dung	Phường Phú Diễn, Hà Nội	271,929,000	30,000,000	241,929,000	-1,826,167,580	2,068,096,580
63	NNT00016	Nguyễn Tài Bình	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	611,399,000	360,000,000	251,399,000	-1,797,671,000	2,049,070,000
64	NNT01550	Lê Thị Thúy	Phường Kim Liên, Hà Nội	9,778,314,000	190,735,010	9,587,578,990	-1,761,972,000	11,349,550,990
65	NNT00522	Nguyễn Thị Hồng Nga	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	464,529,000	220,000,000	244,529,000	-1,761,294,000	2,005,823,000
66	NNT01589	Nguyễn Văn Thủy	Phường Khương Đình, Hà Nội	2,745,430,000	0	2,745,430,000	-1,732,670,038	4,478,100,038
67	NNT00289	Phạm Thị Xuân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	278,682,000	0	278,682,000	-1,723,376,000	2,002,058,000
68	NNT00985	Đỗ Khiêm	Phường Láng, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-1,721,898,000	1,921,898,000

69	NNT01482	Nguyễn Ngọc Hà	Phường Phương Liệt, Hà Nội	96,910,000	0	96,910,000	-1,669,849,000	1,766,759,000
70	NNT00101	Nguyễn Thục Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,926,260,000	1,193,750,000	2,732,510,000	-1,642,363,300	4,374,873,300
71	NNT02011	Nguyễn Anh Ngọc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-1,640,603,000	1,840,603,000
72	NNT01302	Nguyễn Đức Bình	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	927,835,000	0	927,835,000	-1,628,193,000	2,556,028,000
73	NNT11954	Đặng Thị Thanh Hương	Phường Bờ Đề, Hà Nội	1,925,295,082	1,010,295,082	915,000,000	-1,603,098,000	2,518,098,000
74	NNT01443	Đỗ Mai Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,200,000,000	0	1,200,000,000	-1,586,637,000	2,786,637,000
75	NNT00302	Nguyễn Thị Thúy	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,234,718,000	0	1,234,718,000	-1,584,951,000	2,819,669,000
76	NNT00338	Nguyễn Thị Hường	Phường Cửa Nam, Hà Nội	25,061,024,000	1,630,822,000	23,430,202,000	-1,559,452,830	24,989,654,830
77	NNT18621	Nguyễn Thị Kim Phụng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	1,044,000,000	900,000,000	144,000,000	-1,555,134,934	1,699,134,934
78	NNT01024	Tạ Thị Thán	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	2,600,360,000	1,000,000,000	1,600,360,000	-1,507,336,700	3,107,696,700
79	NNT01059	Nguyễn Thị Loan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	850,000,000	0	850,000,000	-1,492,457,466	2,342,457,466
80	NNT01150	Nguyễn Hà Hoạt	Phường Giảng Võ, Hà Nội	430,000,000	64,000,000	366,000,000	-1,485,835,817	1,851,835,817
81	NNT01239	Trần Bộ	Phường Láng, Hà Nội	4,298,142,000	0	<u>4,298,142,000</u>	-1,466,849,000	<u>5,764,991,000</u>
82	NNT00208	Vũ Thị Miên	Phường Ba Đình, Hà Nội	306,375,000	0	306,375,000	-1,460,719,500	1,767,094,500
83	NNT11900	Nguyễn Kiều Oanh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,194,833,000	885,233,401	309,599,599	-1,371,088,000	1,680,687,599

84	NNT01511	Phạm Thị Bích Liên	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,127,660,000	0	2,127,660,000	-1,348,753,200	3,476,413,200
85	NNT01184	Phạm Thị Hồng Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	627,097,000	0	627,097,000	-1,345,655,000	1,972,752,000
86	NNT13198	Nguyễn Thị Miến	Phường Yên Hòa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	-1,333,152,000	1,633,152,000
87	NNT01786	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	368,421,000	0	368,421,000	-1,321,575,000	1,689,996,000
88	NNT12154	Đỗ Đức Kính	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	2,200,000,000	0	2,200,000,000	-1,319,005,000	3,519,005,000
89	NNT12030	Vũ Thị Thu	Phường An Biên, Hải Phòng	194,905,000	107,159,972	87,745,028	-1,310,755,473	1,398,500,501
90	NNT12277	Nguyễn Thị Thuyết	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	529,983,000	0	529,983,000	-1,293,311,850	1,823,294,850
91	NNT12246	Nguyễn Lan Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	630,530,000	253,140,000	377,390,000	-1,279,861,950	1,657,251,950
92	NNT01705	Nguyễn Thị Ly	Phường Đồng Đa , Hà Nội	710,526,000	50,000,000	660,526,000	-1,234,215,800	1,894,741,800
93	NNT01220	Lê Thị Minh Ánh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	3,781,436,000	0	3,781,436,000	-1,232,415,544	5,013,851,544
94	NNT12352	Nguyễn Đình Khánh	Phường Hà Đông, Hà Nội	4,231,000,000	508,050,000	3,722,950,000	-1,230,932,000	4,953,882,000
95	NNT01899	Ngô Thị Thu Hà	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-1,223,147,000	1,323,147,000
96	NNT00873	Lê Anh Hùng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	1,000,000,000	600,000,000	400,000,000	-1,218,957,000	1,618,957,000
97	NNT00717	Vũ Duy Liễu	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,330,124,684	87,094,397	1,243,030,287	-1,216,669,000	2,459,699,287
98	NNT00777	Trịnh Thị Thanh	Phường Ba Đình, Hà Nội	168,442,000	0	168,442,000	-1,167,850,000	1,336,292,000

99	NNT01479	Vũ Kim Hà	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	5,142,301,000	2,385,876,000	2,756,425,000	-1,150,987,925	3,907,412,925
100	NNT14801	Nguyễn Thị Minh Cúc	Phường Phương Liệt, Hà Nội	119,171,000	50,000,000	69,171,000	-1,138,582,000	1,207,753,000
101	NNT11219	Chu Thị Vân Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,153,061,000	1,525,000,000	628,061,000	-1,130,482,000	1,758,543,000
102	NNT01136	Quách Thị Hạnh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,557,823,000	1,088,000,000	469,823,000	-1,128,173,000	1,597,996,000
103	NNT02065	Phạm Minh Nguyệt	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,041,666,000	455,425,000	586,241,000	-1,119,261,000	1,705,502,000
104	NNT01111	Nguyễn Diệu Liên	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,784,558,000	1,208,605,000	575,953,000	-1,109,165,000	1,685,118,000
105	NNT11671	Cao Ngọc Diệp	Phường Hồng Hà, Hà Nội	300,000,000	30,000,000	270,000,000	-1,108,500,781	1,378,500,781
106	NNT00916	Nguyễn Thị Hồng Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	160,000,000	70,000,000	90,000,000	-1,098,448,649	1,188,448,649
107	NNT00224	Phan Thị Thu Ba	Phường Giảng Võ, Hà Nội	607,725,000	0	607,725,000	-1,094,955,000	1,702,680,000
108	NNT01328	Phạm Thị Thanh Thủy	Phường Tây Hồ, Hà Nội	894,516,156	162,078,156	732,438,000	-1,091,982,000	1,824,420,000
109	NNT02199	Bùi Xuân Việt	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	319,350,000	0	319,350,000	-1,076,501,000	1,395,851,000
110	NNT15687	Bùi Thị Kiều	Phường Kim Liên, Hà Nội	244,560,000	0	244,560,000	-1,074,071,180	1,318,631,180
111	NNT00735	Nguyễn Văn Nhâm	Xã Đan Phượng, Hà Nội	500,000,000	355,000,000	145,000,000	-1,064,255,000	1,209,255,000
112	NNT01101	Phạm Thanh Hiền	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,827,584,000	140,241,000	1,687,343,000	-1,063,622,360	2,750,965,360
113	NNT00171	Nguyễn Thúy Cẩm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	3,250,000,000	601,940,000	2,648,060,000	-1,049,294,390	3,697,354,390

114	NNT02143	Vũ Bá Quỳnh	Xã Phù Đồng, Hà Nội	294,789,000	0	294,789,000	-1,038,706,200	1,333,495,200
115	NNT02006	Hoàng Thị Xuân Thanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,500,000,000	750,000,000	750,000,000	-1,037,222,000	1,787,222,000
116	NNT11595	Bùi Trọng Thắng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	2,643,009,000	56,000,000	2,587,009,000	-1,032,205,000	3,619,214,000
117	NNT01601	Lê Văn Lanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	5,677,500,000	0	5,677,500,000	-1,020,377,170	6,697,877,170
118	NNT11075	Đinh Thế Ty	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	239,899,000	133,000,000	106,899,000	-1,005,148,780	1,112,047,780
119	NNT01741	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Xã Cầu Nôi, Lào Cai	1,851,064,000	640,000,000	1,211,064,000	-996,446,000	2,207,510,000
120	NNT01003	Nguyễn Mạnh Thắng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	116,314,000	0	116,314,000	-995,119,000	1,111,433,000
121	NNT01743	Nguyễn Khắc Vinh	Xã Hưng Đạo, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-977,190,000	1,027,190,000
122	NNT01951	Hoàng Thị Kim Oanh	Phường Hà Đông, Hà Nội	176,506,000	0	176,506,000	-976,430,500	1,152,936,500
123	NNT00653	Hà Thị Sáu	Xã Ngọc Hồi, Hà Nội	163,529,000	-172,000,000	335,529,000	-975,457,000	1,310,986,000
124	NNT10981	Nguyễn Ngọc Toàn	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	2,235,596,000	140,000,000	2,095,596,000	-975,125,000	3,070,721,000
125	NNT13747	Nguyễn Phương Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	860,417,000	0	860,417,000	-971,199,564	1,831,616,564
126	NNT00860	Đào Hữu Học	Phường Yên Hòa, Hà Nội	779,480,000	202,316,000	577,164,000	-964,478,000	1,541,642,000
127	NNT01233	Nguyễn Thị Nga	Xã Đại Thanh, Hà Nội	1,366,024,000	0	1,366,024,000	-956,625,068	2,322,649,068
128	NNT16581	Lê Thanh Lịch	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,562,500,000	0	1,562,500,000	-941,913,000	2,504,413,000

129	NNT11074	Nguyễn Văn Lợi	Xã Hòa Xá, Hà Nội	1,847,413,000	0	1,847,413,000	-929,800,000	2,777,213,000
130	NNT18015	Nguyễn Khánh Toàn	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	147,188,000	0	147,188,000	-929,301,123	1,076,489,123
131	NNT14734	Nguyễn Thị Phương	Phường Định Công, Hà Nội	600,000,000	286,000,000	314,000,000	-928,749,000	1,242,749,000
132	NNT12746	Lê Thị Thu Hằng	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	635,035,000	211,560,000	423,475,000	-925,440,610	1,348,915,610
133	NNT00503	Nguyễn Thanh Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,473,856,000	300,000,000	2,173,856,000	-924,767,000	3,098,623,000
134	NNT00521	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-918,212,988	968,212,988
135	NNT01794	Phạm Hoài Thu	Phường Đồng Đa, Hà Nội	515,717,000	0	515,717,000	-915,900,000	1,431,617,000
136	NNT12419	Nguyễn Thị Nga	Phường Phú Diễn, Hà Nội	803,549,024	258,093,151	545,455,873	-911,309,295	1,456,765,168
137	NNT01026	Nguyễn Công Thành	Phường Khương Đình, Hà Nội	546,392,000	0	546,392,000	-910,334,758	1,456,726,758
138	NNT15129	Nguyễn Thị Hoài Thi	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	500,000,000	100,000,000	400,000,000	-908,279,000	1,308,279,000
139	NNT00259	Phan Kiều Trang	Xã Cổ Đô, Hà Nội	1,988,102,000	924,550,000	1,063,552,000	-906,230,646	1,969,782,646
140	NNT13169	Trần Thị Hoài Thương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	-903,515,000	1,063,515,000
141	NNT21073	Lê Thị Minh Tâm	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	200,000,000	54,000,000	146,000,000	-900,343,000	1,046,343,000
142	NNT01686	Nguyễn Tiến An	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	104,712,000	100,000,000	4,712,000	-890,804,000	895,516,000
143	NNT13939	Nguyễn Thị Lê	Phường Vinh Phú, Nghệ An	598,884,000	0	598,884,000	-888,569,412	1,487,453,412

144	NNT12049	Phạm Thị Thu Trang	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	300,000,000	247,597,000	52,403,000	-887,255,500	939,658,500
145	NNT11982	Phạm Kim Liên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	210,000,000	0	210,000,000	-882,223,000	1,092,223,000
146	NNT13679	Lê Thị Thu Hương	Phường Bàn Cờ, Tp.Hồ Chí Minh	5,300,000,000	2,900,000,000	2,400,000,000	-875,568,000	3,275,568,000
147	NNT00333	Nguyễn Đức Tùng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,183,531,742	169,901,871	1,013,629,871	-867,933,000	1,881,562,871
148	NNT18585	Lê Thị Thu Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	192,993,122	7,006,878	-866,282,949	873,289,827
149	NNT00471	Đặng Văn Hường	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	2,599,971,096	1,135,000,000	1,464,971,096	-864,525,000	2,329,496,096
150	NNT00026	Đỗ Quang Hào	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,275,000,000	-34,868,000	1,309,868,000	-827,845,000	2,173,634,000
151	NNT16019	Võ Thị Kim Ánh	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,200,000,000	600,000,000	600,000,000	-863,530,000	1,463,530,000
152	NNT01483	Nguyễn Thị Hiền	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	3,062,527,000	450,000,000	2,612,527,000	-858,529,960	3,471,056,960
153	NNT01642	Nguyễn Thị Hòa Bình	Phường Yên Hòa, Hà Nội	164,473,000	0	164,473,000	-845,097,795	1,009,570,795
154	NNT01957	Vũ Thị Hạnh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	313,402,000	164,000,000	149,402,000	-843,206,600	992,608,600
155	NNT01840	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,500,000,000	0	1,500,000,000	-836,808,000	2,336,808,000
156	NNT01315	Hồ Thị Tâm	Xã Thanh Trì, Hà Nội	841,814,000	0	841,814,000	-834,714,548	1,676,528,548
157	NNT00361	Phạm Thị Lành	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	942,371,000	0	942,371,000	-830,287,074	1,772,658,074
158	NNT00200	Mai Thị Hải	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	168,320,000	90,731,000	77,589,000	-824,059,975	901,648,975

159	NNT14921	Trịnh Thu Hà	Phường Đồng Đa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-821,065,165	1,021,065,165
160	NNT11350	Nguyễn Thị Lan Anh	Phường Khương Đình, Hà Nội	275,813,000	0	275,813,000	-808,693,600	1,084,506,600
161	NNT01736	Dương Thị Hoàng Hà	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	816,015,000	325,000,000	491,015,000	-804,378,590	1,295,393,590
162	NNT01272	Bùi Ngọc Tùng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	284,957,000	0	284,957,000	-799,135,000	1,084,092,000
163	NNT01775	Phạm Thị Minh Trí	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,938,596,000	121,718,171	1,816,877,829	-796,953,000	2,613,830,829
164	NNT01010	Nguyễn Thị Thương	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	942,822,000	0	942,822,000	-796,372,000	1,739,194,000
165	NNT01458	Nguyễn Thanh Hằng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	664,550,000	0	664,550,000	-795,213,000	1,459,763,000
166	NNT22288	Nguyễn Thị Thu Trang	Phường Việt Hưng, Hà Nội	484,967,000	0	484,967,000	-791,163,000	1,276,130,000
167	NNT11508	Phạm Thị Hoàng Yến	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,204,578,000	0	1,204,578,000	-785,843,000	1,990,421,000
168	NNT02163	Phạm Thị Mai	Phường Khương Đình, Hà Nội	120,000,000	0	120,000,000	-781,242,000	901,242,000
169	NNT12231	Nguyễn Văn Nam	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	3,662,732,000	0	3,662,732,000	-778,339,170	4,441,071,170
170	NNT01001	Đặng Thị Hồng Hà	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,670,001,000	800,000,000	870,001,000	-777,706,288	1,647,707,288
171	NNT02046	Nguyễn Phương Chi	Phường Đồng Đa, Hà Nội	1,470,825,991	248,846,591	1,221,979,400	-776,235,000	1,998,214,400
172	NNT01364	Dương Thế Bình	Phường Tương Mai, Hà Nội	160,000,000	0	160,000,000	-776,158,000	936,158,000
173	NNT11022	Phùng Thị Thu Hiền	Xã Vật Lại, Hà Nội	1,812,446,000	777,911,627	1,034,534,373	-773,183,491	1,807,717,864

174	NNT00417	Nguyễn Thị Vân	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	-771,319,000	889,876,000
175	NNT11842	Đoàn Đức Tuấn	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,935,369,863	266,712,329	1,668,657,534	-770,933,000	2,439,590,534
176	NNT01206	Trần Thanh Đông	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,105,656,590	22,189,590	1,083,467,000	-768,547,000	1,852,014,000
177	NNT11433	Phạm Thị Thanh Thanh	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	-767,800,000	873,620,000
178	NNT01999	Bùi Nguyên Khánh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	334,432,777	75,772,777	258,660,000	-764,713,000	1,023,373,000
179	NNT00280	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phường Khương Đình, Hà Nội	550,480,000	0	550,480,000	-758,820,000	1,309,300,000
180	NNT12090	Nguyễn Phúc Trung	Phường Phương Liệt, Hà Nội	809,092,000	0	809,092,000	-749,969,250	1,559,061,250
181	NNT01243	Nguyễn Thanh Phương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	650,000,000	319,600,000	330,400,000	-747,261,000	1,077,661,000
182	NNT01849	Phạm Thị Hồng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	922,528,000	19,200,000	903,328,000	-741,209,600	1,644,537,600
183	NNT11302	Nguyễn Thị Lan	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	230,000,000	122,718,058	107,281,942	-737,524,058	844,806,000
184	NNT16470	Trần Thị Trà My	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	9,600,000,000	4,657,263,000	4,942,737,000	-734,251,937	5,676,988,937
185	NNT00912	Trần Thanh Hà	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	1,148,030,556	85,040,556	1,062,990,000	-733,234,000	1,796,224,000
186	NNT01730	Ngô Kim Thanh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,108,129,000	512,385,000	595,744,000	-727,284,000	1,323,028,000
187	NNT15483	Trịnh Thị Lý	Phường Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	1,026,041,000	0	1,026,041,000	-714,750,000	1,740,791,000
188	NNT00043	Nguyễn Thúy Hồng	Số 20 Ngõ 36 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	-714,583,000	864,583,000

189	NNT16228	Nguyễn Thị Kim Dung	Phường Giảng Võ, Hà Nội	634,920,000	600,000,000	34,920,000	-711,521,000	746,441,000
190	NNT14891	Đinh Thị Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	562,625,000	252,477,000	310,148,000	-701,428,000	1,011,576,000
191	NNT13073	Vũ Minh Quyền	Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	702,753,199	391,207,199	311,546,000	-699,962,014	1,011,508,014
192	NNT00820	Đặng Mai Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	872,479,827	511,959,553	360,520,274	-697,983,000	1,058,503,274
193	NNT01022	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Đội 1, Thôn Đan Thê, Xã Bát Bạt, Hà Nội	1,169,654,000	881,917,000	287,737,000	-693,929,610	981,666,610
194	NNT12664	Lê Thị Mai Oanh	Phường Đoàn Kết, Lai Châu	500,000,000	0	500,000,000	-689,932,000	1,189,932,000
195	NNT16382	Thân Thị Giang	Phường Việt Hưng, Hà Nội	316,000,000	200,000,000	116,000,000	-685,800,000	801,800,000
196	NNT13264	Phan Quang Huy	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	4,243,687,000	600,000,000	3,643,687,000	-680,220,560	4,323,907,560
197	NNT13331	Trần Thị Thanh Thủy	Phường Hai Ba Trưng, Hà Nội	300,000,000	226,000,000	74,000,000	-679,786,000	753,786,000
198	NNT11059	Trần Mỹ Thám	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,334,981,000	532,787,000	1,802,194,000	-679,353,000	2,481,547,000
199	NNT01202	Trần Thị Kim Hoa	Phường Ba Đình, Hà Nội	660,246,000	0	660,246,000	-668,771,000	1,329,017,000
200	NNT01011	Nguyễn Hoàng Yến	Phường Khương Đình, Hà Nội	536,374,000	0	536,374,000	-663,044,000	1,199,418,000
201	NNT11453	Nguyễn Xuân Quang	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,030,928,000	0	1,030,928,000	-659,532,000	1,690,460,000
202	NNT00998	Nguyễn Thị Khúc	Phường Định Công, Hà Nội	1,006,830,000	0	1,006,830,000	-648,081,000	1,654,911,000
203	NNT00390	Nguyễn Thị Mai Phương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	555,469,000	0	555,469,000	-646,910,850	1,202,379,850

204	NNT13917	Lê Thị Thu Liên	Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	3,156,522,000	2,900,000,000	256,522,000	-645,521,000	902,043,000
205	NNT00761	Đinh Thị Hằng	Phường Láng, Hà Nội	312,873,000	20,000,000	292,873,000	-644,476,000	937,349,000
206	NNT16293	Tạ Thị Bích Hải	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	381,280,000	0	381,280,000	-640,782,560	1,022,062,560
207	NNT01417	Phạm Kim Tinh	Xã Phú Xuyên, Hà Nội	853,991,000	0	853,991,000	-639,558,500	1,493,549,500
208	NNT00569	Hoàng Văn Quang	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,656,060,000	0	1,656,060,000	-639,393,000	2,295,453,000
209	NNT11318	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	66,366,000	40,000,000	26,366,000	-631,060,100	657,426,100
210	NNT02145	Trịnh Thị Thu Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	2,465,995,000	400,000,000	2,065,995,000	-629,922,915	2,695,917,915
211	NNT11710	Lương Thị Phương Mai	Phường Đống Đa, Hà Nội	820,000,000	100,000,000	720,000,000	-629,913,000	1,349,913,000
212	NNT00950	Nguyễn Thị Thúy Minh	Phường Láng, Hà Nội	220,000,000	0	220,000,000	-629,890,000	849,890,000
213	NNT01980	Nguyễn Thị Xuyên	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	150,000,000	50,000,000	100,000,000	-627,637,000	727,637,000
214	NNT13545	Nguyễn Thị Hà	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,580,000,000	1,380,000,000	1,200,000,000	-623,372,000	1,823,372,000
215	NNT19820	Trần Thị Hồng Trang	Phường Cửa Nam, Hà Nội	2,311,360,000	0	2,311,360,000	-622,461,735	2,933,821,735
216	NNT17332	Nguyễn Hồng Hà	Phường Cửa Nam, Hà Nội	6,600,000,000	3,300,000,000	3,300,000,000	-621,849,000	3,921,849,000
217	NNT00069	Trần Thị Kim Oanh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	160,333,000	5,186,607	155,146,393	-616,288,000	771,434,393
218	NNT14968	Lê Tú Quyên	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	240,906,985	153,802,985	87,104,000	-611,796,533	698,900,533

219	NNT01845	Bùi Đức Việt	Phường Phú Thọ Hoà, Tp HCM	1,525,668,000	0	1,525,668,000	-610,043,000	2,135,711,000
220	NNT11687	Nguyễn Thị Hằng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	549,613,000	135,000,000	414,613,000	-607,372,000	1,021,985,000
221	NNT00896	Dương Ngọc Dũng	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,405,612,800	170,988,800	1,234,624,000	-606,575,000	1,841,199,000
222	NNT00416	Phạm Thúy Hằng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	2,360,000,000	0	2,360,000,000	-606,221,000	2,966,221,000
223	NNT11187	Nguyễn Lục Quân	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,164,565,000	158,220,000	1,006,345,000	-605,222,400	1,611,567,400
224	NNT01521	Nguyễn Thị Thanh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	963,350,000	115,602,000	847,748,000	-593,445,000	1,441,193,000
225	NTT00142	Nguyễn Xuân Dịu	Phường Tương Mai, Hà Nội	1,925,986,301	584,986,301	1,341,000,000	-590,243,000	1,931,243,000
226	NNT00913	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	555,639,970	283,655,485	271,984,485	-586,053,000	858,037,485
227	NNT01746	Nguyễn Thị Như Hoa	Xã Ô Diên, Hà Nội	1,200,310,000	0	1,200,310,000	-583,125,445	1,783,435,445
228	NNT18815	Trần Thị Nga	Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	1,682,000,000	1,302,000,000	380,000,000	-580,000,000	960,000,000
229	NNT01952	Lê Thị Liên	Phường Từ Liêm, Hà Nội	209,424,000	0	209,424,000	-575,349,000	784,773,000
230	NNT02079	Lê Thị Hòa	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	564,904,000	190,000,000	374,904,000	-565,089,000	939,993,000
231	NNT11601	Vũ Hoài Ân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	738,559,383	175,015,383	563,544,000	-558,597,000	1,122,141,000
232	NNT01605	Vũ Thị Ninh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,654,157,000	300,000,000	1,354,157,000	-555,974,000	1,910,131,000
233	NNT01507	Nguyễn Ngọc Khôi	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	172,961,144	97,845,144	75,116,000	-553,722,000	628,838,000

234	NNT01414	Bùi Thế Dũng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	2,775,708,000	0	2,775,708,000	-546,979,315	3,322,687,315
235	NNT18578	Nguyễn Thị Phương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	15,872,503,000	14,427,103,000	1,445,400,000	-546,245,630	1,991,645,630
236	NNT11655	Hoàng Quốc Linh	Xã An Khánh, Hà Nội	618,049,057	201,283,000	416,766,057	-544,683,000	961,449,057
237	NNT01267	Trần Thị Hiền	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	117,516,000	0	117,516,000	-544,577,000	662,093,000
238	NNT01040	Trần Tuyết Minh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	150,000,000	127,000,000	23,000,000	-537,429,342	560,429,342
239	NNT12497	Nguyễn Thị Hằng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	5,294,251,718	2,227,561,928	3,066,689,790	-535,279,000	3,601,968,790
240	NNT12398	Nguyễn Văn Vượng	Phường Định Công, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	-532,793,000	682,793,000
241	NNT02019	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	289,617,000	4,009,000	285,608,000	-529,964,000	815,572,000
242	NNT14052	Nguyễn Thị Lan Chi	Phường Cửa Nam, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	-528,671,000	740,311,000
243	NNT01799	Đoàn Xuân Thanh	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	456,041,000	0	456,041,000	-528,481,079	984,522,079
244	NNT01847	Nguyễn Kim Khánh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	370,790,593	111,790,593	259,000,000	-526,983,000	785,983,000
245	NNT00838	Phạm Thị Hằng	Xã Hòa Xá, Hà Nội	25,326,773,400	681,036,000	24,645,737,400	-524,814,558	25,170,551,958
246	NNT02020	Mai Tiến Dũng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	229,919,000	0	229,919,000	-524,643,000	754,562,000
247	NNT01205	Huỳnh Thị Tú Lan	Phường Thanh Trì, Hà Nội	1,085,763,000	200,000,000	885,763,000	-522,748,000	1,408,511,000
248	NNT11851	Lại Văn Đá	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	327,503,663	18,522,663	308,981,000	-516,934,040	825,915,040

249	NNT12302	Phạm Thị Nhị	Phường Hồng Hà, Hà Nội	846,560,000	350,000,000	496,560,000	-516,352,288	1,012,912,288
250	NNT00619	Nguyễn Thị Duyên	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,281,052,000	0	1,281,052,000	-515,796,000	1,796,848,000
251	NNT13512	Vương Thị Thu Minh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,246,935,000	1,005,000,000	1,241,935,000	-512,318,000	1,754,253,000
252	NNT23430	Nguyễn Diệu Thúy	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,000,000,000	453,265,000	546,735,000	-512,090,000	1,058,825,000
253	NNT02073	Vũ Lê Huy	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	561,640,000	242,000,000	319,640,000	-510,581,000	830,221,000
254	NNT01956	Nguyễn Thị Thúy	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	955,288,000	715,000,000	240,288,000	-510,323,000	750,611,000
255	NNT01375	Quách Thị Phượng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	155,576,000	0	155,576,000	-506,701,000	662,277,000
256	NNT00854	Đoàn Thị Thịnh	Phường Kim Liên ,Hà Nội	1,975,546,000	615,000,000	1,360,546,000	-496,741,000	1,857,287,000
257	NNT13757	Đỗ Thị Quý	Phường Bạch Mai, Hà Nội	580,808,000	0	580,808,000	-493,071,000	1,073,879,000
258	NNT02151	Đặng Thị Trích	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	271,038,000	235,000,000	36,038,000	-491,925,000	527,963,000
259	NNT11861	Bùi Hữu Tâm	Phường Khương Đình, Hà Nội	254,914,000	0	254,914,000	-489,449,000	744,363,000
260	NNT00150	Nguyễn Thị Minh Lộc	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	903,878,000	0	903,878,000	-488,693,000	1,392,571,000
261	NNT17930	Huỳnh Thị Thư	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	1,433,323,000	0	1,433,323,000	-487,338,000	1,920,661,000
262	NNT12493	Đặng Lê Hải	Xã Tiền Hải, Hưng Yên	4,080,827,000	2,390,950,000	1,689,877,000	-481,354,837	2,171,231,837
263	NNT13466	Đinh Kim Anh	Phường Láng , Hà Nội	680,000,000	0	680,000,000	-478,635,200	1,158,635,200

264	NNT14671	Đỗ Ngọc Khánh	P.Kim Liên, Hà Nội	6,000,000,000	4,950,000,000	1,050,000,000	-476,928,500	1,526,928,500
265	NNT00880	Trần Thị Bích Uyên	Phường Yên Hòa, Hà Nội	230,000,000	0	230,000,000	-476,586,000	706,586,000
266	NNT00666	Trần Thị Thu Hà	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	449,873,277	88,378,726	361,494,551	-474,869,000	836,363,551
267	NNT13251	Nghiêm Thị Minh Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	70,000,000	50,000,000	20,000,000	-472,972,000	492,972,000
268	NNT01599	Nguyễn Ngọc Thịnh	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	638,070,000	0	638,070,000	-472,562,664	1,110,632,664
269	NNT12793	Hoàng Thị Vân Thanh	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	1,806,320,990	815,000,000	991,320,990	-471,707,370	1,463,028,360
270	NNT01692	Trần Quang Trung	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,002,971,000	0	1,002,971,000	-471,030,480	1,474,001,480
271	NNT01939	Quách Vân Hoa	Phường Ô Chợ Dừa, Tp Hà Nội	621,326,000	26,500,000	594,826,000	-470,887,017	1,065,713,017
272	NNT12304	Ngô Sỹ Cao	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,996,000	0	200,996,000	-470,228,000	671,224,000
273	NNT00022	Tô Văn Thuần	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	2,397,555,668	720,666,468	1,676,889,200	-470,133,479	2,147,022,679
274	NNT17499	Hoàng Thị Thúy	Phường Hạc Thành, Thanh Hóa	335,979,000	0	335,979,000	-469,641,780	805,620,780
275	NNT00903	Nguyễn Thị Thanh Hà	Xã Thanh Trì, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-466,797,000	666,797,000
276	NNT11353	Nguyễn Thị Huệ	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	763,660,000	0	763,660,000	-466,509,000	1,230,169,000
277	NNT10896	Lê Lan	P.Vĩnh Tuy, Hà Nội	744,680,000	0	744,680,000	-465,212,000	1,209,892,000
278	NNT01143	Vũ Thị Nhâm	Phường Yên Hòa, Hà Nội	971,260,000	40,000,000	931,260,000	-459,068,604	1,390,328,604

279	NNT00583	Phạm Hồng Hà	Phường Giảng Võ, Hà Nội	917,460,000	300,000,000	617,460,000	-456,681,000	1,074,141,000
280	NNT11762	Hoàng Thị Vây	Xã Thanh Trì, Hà Nội	570,000,000	94,500,000	475,500,000	-456,592,000	932,092,000
281	NNT00676	Nguyễn Thị Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,827,231,000	200,000,000	1,627,231,000	-454,503,368	2,081,734,368
282	NNT11519	Nguyễn Thanh Hồng	Phường Tây Hồ, Tp Hà Nội	528,699,000	0	528,699,000	-453,731,000	982,430,000
283	NNT11391	Nguyễn Thị Thăng Long	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	623,932,000	370,000,000	253,932,000	-451,882,080	705,814,080
284	NNT00634	Phạm Xuân Đồng	Phường Bồ Đề, Tp Hà Nội	1,041,248,000	0	1,041,248,000	-451,477,080	1,492,725,080
285	NNT16387	Nguyễn Văn Xuân	Phường Đồng Đa , Hà Nội	515,464,000	502,035,000	13,429,000	-450,248,000	463,677,000
286	NNT21070	Trần Thị Bích Thùy	Phường Hoàn Kiếm ,Hà Nội	800,000,000	0	800,000,000	-447,748,805	1,247,748,805
287	NNT00937	Nguyễn Văn Mão	Xã Cổ Đô, Hà Nội	292,063,000	0	292,063,000	-446,150,000	738,213,000
288	NNT00236	Trần Thị Trúc	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,531,529,000	0	1,531,529,000	-446,000,000	1,977,529,000
289	NNT00353	Nguyễn Thị Hoan	Xã Đại Thanh, Hà Nội	67,016,000	-98,000,000	165,016,000	-373,234,450	605,266,450
290	NNT00438	Hoàng Thị Yến	Xã Ứng Thiên, Hà Nội	625,450,000	0	625,450,000	-438,530,000	1,063,980,000
291	NNT11079	Trần Thị Vân Anh	Ba Đình, Hà Nội	147,540,000	0	147,540,000	-436,629,000	584,169,000
292	NNT11080	Đào Thị Hồng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,165,781,000	0	1,165,781,000	-429,108,000	1,594,889,000
293	NNT00963	Phan Viết Hùng	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-427,759,000	527,759,000

294	NNT01245	Nguyễn Đắc Vinh	Phường Láng, Hà Nội	151,726,568	0	151,726,568	-425,418,966	577,145,534
295	NNT14306	Vũ Phạm Thị Nguyên Cẩm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	504,014,000	15,163,262	488,850,738	-422,340,000	911,190,738
296	NNT01268	Nguyễn Thị Đào	Xã Đan Phượng, Hà Nội	1,230,411,000	27,000,000	1,203,411,000	-421,140,000	1,624,551,000
297	NNT11627	Phạm Thị Thu Hà	Phường Cửa Nam, Hà Nội	1,294,359,000	117,700,000	1,176,659,000	-416,114,000	1,592,773,000
298	NNT01351	Hoàng Văn Kiện	Phường Từ Liêm, Hà Nội	271,052,000	5,000,000	266,052,000	-415,440,000	681,492,000
299	NNT02028	Đào Thu Vân	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,756,659,000	132,000,000	1,624,659,000	-414,285,852	2,038,944,852
300	NNT02208	Phạm Thị Tuyết	Phường Kim Liên, Hà Nội	736,000,000	450,000,000	286,000,000	-412,232,000	698,232,000
301	NNT00228	Nguyễn Tiến Nam	Xã Bình Minh, Hà Nội	242,687,000	0	242,687,000	-411,915,000	654,602,000
302	NNT11102	Đinh Phương Mai	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	260,701,000	0	260,701,000	-410,337,000	671,038,000
303	NNT00120	Phan Thị Liễu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	-409,987,000	809,987,000
304	NNT16754	Vũ Thị Kim Thanh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	5,882,609,000	4,500,000,000	1,382,609,000	-408,950,000	1,791,559,000
305	NNT16069	Nguyễn Thị Thủy	Xã Bình Minh, Hà Nội	764,690,000	0	764,690,000	-406,387,000	1,171,077,000
306	NNT13041	Đỗ Ngọc Trung	Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội	753,913,000	0	753,913,000	-405,487,580	1,159,400,580
307	NNT17570	Lê Ngọc Diệp	Phường Hòa Bình, Phú Thọ	444,444,000	350,000,000	94,444,000	-405,370,795	499,814,795
308	NNT00163	Nguyễn Thị Kim Dung	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	3,740,696,000	900,000,000	2,840,696,000	-400,750,183	3,241,446,183

309	NNT00367	Nguyễn Thị Sợi	Xã Vân Đình, Hà Nội	323,328,000	125,000,000	198,328,000	-398,689,358	597,017,358
310	NNT12601	Hoàng Phương Thảo	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	196,368,000	0	196,368,000	-398,630,640	594,998,640
311	NNT13674	Hà Thị Kim Thu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,365,941,000	0	1,365,941,000	-397,443,430	1,763,384,430
312	NNT13057	Nguyễn Thu Thủy	Phường Tây Hồ, Hà Nội	206,825,000	0	206,825,000	-396,675,360	603,500,360
313	NNT13785	Nguyễn Lê Linh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	470,636,288	105,161,288	365,475,000	-393,880,653	759,355,653
314	NNT01785	Nguyễn Vi Hùng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	214,075,000	0	214,075,000	-393,837,000	607,912,000
315	NNT01842	Trịnh Thị Tâm	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	1,356,533,000	101,540,000	1,254,993,000	-391,966,808	1,646,959,808
316	NNT16735	Nguyễn Thúy Lan	Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	534,561,000	304,000,000	230,561,000	-391,382,000	621,943,000
317	NNT02100	Ngô Thị Thiên Hương	Phường Tân Sơn Nhất ,Tp Hồ Chí Minh	368,912,000	0	368,912,000	-388,794,000	757,706,000
318	NNT11847	Lã Thu Hường	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	120,635,000	2,000,000	118,635,000	-384,463,000	503,098,000
319	NNT01162	Kiều Thu Nga	Phường Cửa Nam, Tp Hà Nội	627,440,000	0	627,440,000	-383,748,500	1,011,188,500
320	NNT11137	Bùi Kim Dung	Phường Hà Đông, Hà Nội	988,973,000	0	988,973,000	-383,166,000	1,372,139,000
321	NNT00427	Ngô Đức Tiến	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	615,854,411	290,854,411	325,000,000	-382,336,061	707,336,061
322	NNT01037	Bùi Thị Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	890,000,000	0	890,000,000	-381,768,816	1,271,768,816
323	NNT01795	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phường Phương Liệt, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-381,269,000	431,269,000

324	NNT00339	Hoàng Thị Hà My	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,515,901,478	82,502,478	1,433,399,000	-379,109,100	1,812,508,100
325	NNT13417	Đoàn Thị Phương Thảo	Phường Hồng Hà, Hà Nội	60,847,000	0	60,847,000	-376,642,000	437,489,000
326	NNT01967	Nguyễn Việt Khanh	Phường Ba Đình, Hà Nội	600,000,000	40,000,000	560,000,000	-370,704,000	930,704,000
327	NNT18688	Đặng Thị Thùy Dương	Phường Định Công, Hà Nội	1,254,433,000	1,100,000,000	154,433,000	-369,382,160	523,815,160
328	NNT01066	Cung Thị Lệ Minh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	317,465,000	0	317,465,000	-368,952,000	686,417,000
329	NNT00787	Võ Văn Sửu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	2,442,728,000	0	2,442,728,000	-363,426,955	2,806,154,955
330	NNT12542	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	600,340,876	195,412,876	404,928,000	-363,267,000	768,195,000
331	NNT11375	Trần Bích Lan	Phường Tương Mai, Hà Nội	360,825,000	0	360,825,000	-362,338,000	723,163,000
332	NNT00448	Phạm Thị Hằng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	502,500,000	0	502,500,000	-360,422,000	862,922,000
333	NNT01194	Vũ Quang Hưng	Phường Tương Mai, Hà Nội	2,991,905,000	0	2,991,905,000	-358,813,000	3,350,718,000
334	NNT11848	Đào Thị Hường	Phường Định Công, Hà Nội	247,746,352	40,775,352	206,971,000	-358,560,000	565,531,000
335	NNT12585	Trần Thị Phượng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	470,000,000	106,478,000	363,522,000	-357,619,000	721,141,000
336	NNT00774	Hồ Thị Dung	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	427,953,972	891,972	427,062,000	-357,369,020	784,431,020
337	NNT00970	Hoàng Thị Tý	Phường Hà Đông, Hà Nội	180,000,000	90,000,000	90,000,000	-266,820,000	446,820,000
338	NNT00869	Nguyễn Thị Chính	Xã Bình Minh, Hà Nội	652,158,000	125,000,000	527,158,000	-354,973,000	882,131,000

339	NNT00573	Trịnh Phương Liên	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	45,000,000	-42,500,000	87,500,000	-314,029,000	442,029,000
340	NNT01666	Lương Văn Tuấn	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,197,374,000	0	1,197,374,000	-354,017,000	1,551,391,000
341	NNT13780	Đoàn Khánh Duyên	Phường Định Công, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	-348,790,000	598,790,000
342	NNT11958	Võ Thị Mỹ Thành	Phường Tam Hiệp, Đồng Nai	100,000,000	96,156,000	3,844,000	-347,595,000	351,439,000
343	NNT02086	Vũ Thị Thanh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-347,136,000	547,136,000
344	NNT00822	Đoàn Khánh Hạ Vy	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	961,995,000	0	961,995,000	-346,030,000	1,308,025,000
345	NNT01542	Nguyễn Đắc Quyết	Xã Đại Thanh, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	-341,858,000	491,858,000
346	NNT01215	Nguyễn Văn Hiệu	Xã Cổ Đô, Hà Nội	301,579,000	0	301,579,000	-337,421,000	639,000,000
347	NNT14357	Nguyễn Chính Kiên	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-336,160,000	436,160,000
348	NNT01093	Trần Trung Khương	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	856,254,000	223,851,000	632,403,000	-335,945,470	968,348,470
349	NNT10967	Vũ Thị Nhung	Xã Vũ Tiên, Hưng Yên	257,552,329	139,920,329	117,632,000	-333,144,000	450,776,000
350	NNT00644	Nguyễn Tiến Dũng	Xã Cổ Đô, Hà Nội	553,242,000	50,000,000	503,242,000	-331,591,600	834,833,600
351	NNT12851	Phạm Văn Hùng	Phường Hà Đông, Hà Nội	1,000,000,000	0	1,000,000,000	-331,249,000	1,331,249,000
352	NNT01941	Nguyễn Thị Thìn	Phường Thanh Liệt, Tp Hà Nội	870,974,274	145,140,000	725,834,274	-329,525,000	1,055,359,274
353	NNT00627	Lê Thị Bích Ngàn	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	77,205,000	0	77,205,000	-328,627,000	405,832,000

354	NNT10944	Nguyễn Thúy Hiền	Phường Cửa Nam, Hà Nội	235,449,000	84,627,532	150,821,468	-326,535,405	477,356,873
355	NNT00039	Nguyễn Thị Tón	63 Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội	4,607,442,000	0	4,607,442,000	-326,277,000	4,933,719,000
356	NNT13527	Nguyễn Thị Mùi	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	100,000,000	6,600,000	93,400,000	-324,600,000	418,000,000
357	NNT00957	Phạm Thị Hồng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	328,422,000	150,000,000	178,422,000	-323,916,000	502,338,000
358	NNT01392	Nguyễn Mạnh Khương	Phường Kim Liên, Hà Nội	607,348,330	168,027,330	439,321,000	-323,663,860	762,984,860
359	NNT01317	Trần Xuân Diệu	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	202,020,000	0	202,020,000	-323,313,000	525,333,000
360	NNT11421	Nguyễn Thị Phương	Xã Tân Uyên, Tỉnh Lai Châu	300,000,000	0	300,000,000	-323,254,000	623,254,000
361	NNT17021	Vũ Thị Hải Yến	Phường Bạch Mai, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	-321,444,000	821,444,000
362	NNT11803	Nguyễn Thị Minh Khánh	Phường Tương Mai, Hà Nội	374,848,000	0	374,848,000	-119,956,000	694,804,000
363	NNT01852	Vũ Thanh Vân	Xã Gia Lâm, Hà Nội	404,167,000	0	404,167,000	-319,615,000	723,782,000
364	NNT15524	Nguyễn Thị Yến	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,304,987,055	985,000,000	319,987,055	-317,150,000	637,137,055
365	NNT01859	Nguyễn Quang Thanh	Phường Hồng Hà, Tp Hà Nội	631,676,000	320,000,000	311,676,000	-314,154,000	625,830,000
366	NNT00204	Vũ Thị Dung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	7,598,870,000	1,900,000,000	5,698,870,000	-312,735,000	6,011,605,000
367	NNT16020	Phạm Thị Hiếu	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	22,000,000	0	22,000,000	-311,894,000	333,894,000
368	NNT01238	Bùi Thị Minh	Xã An Khánh, Hà Nội	87,288,000	0	87,288,000	-311,709,000	398,997,000

369	NNT00075	Lê Thiều Quyên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	4,852,170,000	0	4,852,170,000	-310,719,027	5,162,889,027
370	NNT24290	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,778,262,286	163,882,286	1,614,380,000	-303,555,286	1,917,935,286
371	NNT00618	Trần Thị Hạnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	74,798,000	0	74,798,000	-303,365,000	378,163,000
372	NNT02074	Nguyễn Thị Lý	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	1,686,122,823	606,122,824	1,079,999,999	-302,812,000	1,382,811,999
373	NNT01503	Phan Thị Hoàn	Phường Láng, Hà Nội	3,560,065,000	66,000,000	3,494,065,000	-302,498,933	3,796,563,933
374	NNT13847	Nguyễn Anh Tú	Phường Hồng Hà, Hà Nội	139,975,721	105,843,086	34,132,635	-302,227,744	336,360,379
375	NNT00984	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phường Phú La, Hà Nội	222,258,845	11,313,845	210,945,000	-301,941,000	512,886,000
376	NNT10831	Trần Thị Nhiên	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	817,888,000	450,000,000	367,888,000	-299,854,500	667,742,500
377	NNT02008	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Tân Sơn Hòa, Tp Hồ Chí Minh	150,000,000	0	150,000,000	-295,835,000	445,835,000
378	NNT00910	Vũ Danh Đường	Phường Ba Đình, Hà Nội	1,978,502,000	0	1,978,502,000	-293,768,000	2,272,270,000
379	NNT00248	Đỗ Việt Dũng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	433,512,781	303,512,781	130,000,000	-291,206,480	421,206,480
380	NNT14478	Phạm Thị Ngọc	Phường Yên Nghĩa, Hà Nội	133,517,000	0	133,517,000	-290,520,000	424,037,000
381	NNT01616	Nguyễn Phúc Trí	Xã Hải Bối, Hà Nội	364,905,000	10,000,000	354,905,000	-289,921,000	644,826,000
382	NNT01214	Bùi Minh Đức	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	249,648,000	0	249,648,000	-287,011,000	536,659,000
383	NNT01464	Nguyễn Văn Thắng	Xã Cổ Đô, Hà Nội	355,670,000	0	355,670,000	-286,951,000	642,621,000

384	NNT01497	Dương Minh Hào	Phường Yên Hoà, Tp Hà Nội	607,732,000	0	607,732,000	-284,691,000	892,423,000
385	NNT11985	Lê Văn Cường	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	-283,247,000	783,247,000
386	NNT02136	Hoàng Thị Thanh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	327,868,000	0	327,868,000	-282,603,000	610,471,000
387	NNT00863	Hồ Thị Thúy Hằng	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	578,026,000	351,865,000	226,161,000	-278,198,333	504,359,333
388	NNT01261	Vũ Thị Thủy	Phường Bình An, Tp Hcm	604,381,000	0	604,381,000	-277,421,000	881,802,000
389	NNT11361	Nguyễn Thị Tuyết	Phường Hồng Hà, Hà Nội	411,800,000	189,872,601	221,927,399	-276,439,500	498,366,899
390	NNT00951	Đặng Thị Hải Yến	Phường Ba Đình , Tp Hà Nội	404,252,000	89,595,000	314,657,000	-275,195,000	589,852,000
391	NNT17209	Bùi Minh Hải	Phường Kim Liên, Hà Nội	303,361,000	0	303,361,000	-274,193,000	577,554,000
392	NNT01232	Trịnh Hải Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	208,333,000	39,582,000	168,751,000	-273,666,000	442,417,000
393	NNT01796	Dương Thị Kim Cúc	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	615,265,000	0	615,265,000	-273,498,400	888,763,400
394	NNT00341	Hoàng Thị Loan	Xã Tiền Hải, Hưng Yên	70,000,000	0	70,000,000	-272,782,000	342,782,000
395	NNT12106	Bùi Thị Thơm	Phường Phương Liệt, Hà Nội	93,780,000	0	93,780,000	-271,056,000	364,836,000
396	NNT11924	Nguyễn Hồng Ngân	Phường Phương Liệt, Hà Nội	291,767,000	0	291,767,000	-270,850,000	562,617,000
397	NNT00629	Nguyễn Thị Thiện	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	496,572,000	0	496,572,000	-270,592,000	767,164,000
398	NNT11668	Đỗ Thị Hương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	150,739,000	18,000,000	132,739,000	-270,254,920	402,993,920

399	NNT11329	Huỳnh Trung Phong	Phường Bàn Cờ, Tp HCM	918,032,000	0	918,032,000	-269,609,000	1,187,641,000
400	NNT15178	Lê Thị Dung	Phường Phú Diễn, Hà Nội	241,271,615	7,114,615	234,157,000	-268,845,115	503,002,115
401	NNT01454	Lê Thị Dung	Phường Đồng Đa, Hà Nội	162,500,000	5,000,000	157,500,000	-266,628,800	424,128,800
402	NNT11248	Lê Kinh Thịnh	Phường Đông Sơn, Thanh Hóa	1,347,367,768	95,231,768	1,252,136,000	-266,097,450	1,518,233,450
403	NNT01322	Dương Thị Thủy	Phường Yên Hòa, Hà Nội	216,160,000	0	216,160,000	-265,630,000	481,790,000
404	NNT14603	Hoàng Thị Nga	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	237,114,000	0	237,114,000	-264,686,280	501,800,280
405	NNT10953	Trịnh Thị Thể	Phường Hà Đông, Hà Nội	105,263,000	84,000,000	21,263,000	-264,610,850	285,873,850
406	NNT16367	Phan Quốc Hưng	Phường Phương Liệt, Hà Nội	212,265,000	0	212,265,000	-264,560,920	476,825,920
407	NNT01489	Nguyễn Thị Nga	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	600,000,000	25,511,836	574,488,164	-263,992,000	838,480,164
408	NNT11235	Đàm Bích Hòa	Phường Hà Đông, Hà Nội	163,673,000	0	163,673,000	-262,798,617	426,471,617
409	NNT01907	Vũ Thị Hồi	Phường Tây Hồ, Hà Nội	431,473,796	54,767,898	376,705,898	-262,557,000	639,262,898
410	NNT00956	Trần Thị Ca	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	368,651,966	127,384,966	241,267,000	-262,246,590	503,513,590
411	NNT01871	Nguyễn Tiến Lộc	Phường Bạch Mai, Hà Nội	412,001,000	2,038,000	409,963,000	-262,154,700	672,117,700
412	NNT11180	Lại Hợp Khâm	Phường Phú Thượng, Hà Nội	768,373,000	212,000,000	556,373,000	-261,108,000	817,481,000
413	NNT10824	Đoàn Thị Minh Nhật	Xã Đan Phượng, Hà Nội	70,000,000	50,000,000	20,000,000	-260,670,000	280,670,000

414	NNT13534	Phạm Thị Hồng Khanh		5,160,000,000	0	5,160,000,000	-259,200,000	5,419,200,000
415	NNT14401	Nguyễn Thị Hợi	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	466,768,000	0	466,768,000	-258,627,000	725,395,000
416	NNT01429	Đặng Thị Hằng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	3,072,174,000	500,000,000	2,572,174,000	-257,368,575	2,829,542,575
417	NNT12530	Trần Thị Thanh Hoa	Xã Lam Điền, Hà Nội	94,877,000	20,709,000	74,168,000	-257,030,507	331,198,507
418	NNT15200	Trần Thị Hoa	Phường Khương Đình, Hà Nội	543,478,000	185,000,000	358,478,000	-256,461,000	614,939,000
419	NNT10984	Trần Thị Lợi	Phường Cửa Nam, Hà Nội	322,165,000	0	322,165,000	-256,313,000	578,478,000
420	NNT00067	Nguyễn Ánh Thu	Phường Đồng Đa, Hà Nội	649,523,902	228,851,952	420,671,950	-255,255,115	675,927,065
421	NNT01171	Lê Thu Quỳnh	Phường Định Công, Hà Nội	779,326,000	0	779,326,000	-253,793,000	1,033,119,000
422	NNT00828	Nguyễn Văn Thành	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	559,877,000	0	559,877,000	-252,877,000	812,754,000
423	NNT13880	Phạm Quỳnh Diệp	Phường Ba Đình, Hà Nội	2,000,000,000	1,305,000,000	695,000,000	-250,000,000	945,000,000
424	NNT14824	Phạm Trung Thông	Phường Tiên Sơn, Ninh Bình	315,289,000	294,035,000	21,254,000	-248,128,000	269,382,000
425	NNT12941	Nguyễn Thị Sâm	Phường Cửa Nam, Hà Nội	768,913,000	103,000,000	665,913,000	-247,761,000	913,674,000
426	NNT01603	Đinh Thị Thanh Thủy	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	228,763,000	0	228,763,000	-247,152,000	475,915,000
427	NNT01394	Vũ Tất Thành	Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình	674,607,552	194,714,552	479,893,000	-246,489,000	726,382,000
428	NNT18982	Nguyễn Thị Hồng Yến	Phường Cửa Nam, Hà Nội	211,042,000	0	211,042,000	-246,147,050	457,189,050

429	NNT01043	Trần Lệ Hằng	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	274,666,000	125,000,000	149,666,000	-245,767,000	395,433,000
430	NNT01288	Đoàn Thị Minh Quý	Phường Đồng Đa, Hà Nội	420,000,000	0	420,000,000	-242,954,000	662,954,000
431	NNT15139	Đặng Anh Dũng	Phường Ba Đình, Hà Nội	208,333,000	0	208,333,000	-242,684,110	451,017,110
432	NNT01246	Đoàn Thị Liên	Phường Bồ Đề, Hà Nội	1,206,651,000	200,000,000	1,006,651,000	-242,607,800	1,249,258,800
433	NNT00340	Nguyễn Hải Đường	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	259,916,000	0	259,916,000	-242,262,000	502,178,000
434	NNT13570	Nguyễn Văn Tiếp	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,629,101,000	2,000,000,000	629,101,000	-240,812,000	869,913,000
435	NNT11726	Lã Thị Xuân	Phường Đồng Đa, Hà Nội	282,993,000	0	282,993,000	-239,677,000	522,670,000
436	NNT00252	Bùi Hải Anh	Phường Ba Đình, Hà Nội	2,194,973,000	0	2,194,973,000	-239,326,000	2,434,299,000
437	NNT00111	Nguyễn Thị Hào	Phường Giảng Võ, Hà Nội	2,453,017,391	870,267,695	1,582,749,696	-239,094,522	1,821,844,218
438	NNT01663	Vũ Đình Long	Phường Chí Linh, Hải Phòng	590,230,000	-46,740,000	636,970,000	-238,146,000	875,116,000
439	NNT01430	Hoàng Thị Tính	Phường Hồng Hà, Hà Nội	672,378,830	127,070,830	545,308,000	-237,544,500	782,852,500
440	NNT13603	Đinh Thị Cúc	Xã Trung Giã, Hà Nội	1,483,493,767	643,901,425	839,592,342	-236,197,910	1,075,790,252
441	NNT01865	Nguyễn Thị Thu	Xã Đan Phượng, Hà Nội	518,752,291	271,096,646	247,655,645	-236,079,000	483,734,645
442	NNT01613	Trần Văn Chiêu	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	424,825,000	0	424,825,000	-235,022,240	659,847,240
443	NNT00348	Nguyễn Việt Hoa	Phường Yên Hòa, Hà Nội	745,297,537	135,226,768	610,070,769	-234,338,000	844,408,769

444	NNT13314	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phường Đồng Đa, Hà Nội	239,168,000	198,000,000	41,168,000	-233,444,000	274,612,000
445	NNT01525	Nguyễn Kim Thoa	Xã Thuận An, Hà Nội	346,875,616	0	346,875,616	-231,638,000	578,513,616
446	NNT22181	Trần Mạnh Tùng	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	600,000,000	319,500,000	280,500,000	-229,955,000	510,455,000
447	NNT15964	Từ Vân Anh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	132,766,000	45,000,000	87,766,000	-229,828,000	317,594,000
448	NNT00842	Nguyễn Thị Xuân	Xã Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	225,370,000	129,875,000	95,495,000	-229,799,000	325,294,000
449	NNT13788	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Tây Hồ, Hà Nội	144,860,480	36,424,480	108,436,000	-226,109,480	334,545,480
450	NNT14177	Nguyễn Thu Hương	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,000,000,000	100,000,000	900,000,000	-225,889,466	1,125,889,466
451	NNT14534	Vũ Thị Bình Minh	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	556,947,000	0	556,947,000	-225,655,480	782,602,480
452	NNT19447	Dương Thị Lan Hương	Xã Vân Đình, Hà Nội	216,216,000	0	216,216,000	-224,850,000	441,066,000
453	NNT01817	Nguyễn Đức Hậu	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	625,717,000	51,711,000	574,006,000	-223,930,151	797,936,151
454	NNT15704	Trần Xuân Thọ	Phường Định Công, Hà Nội	51,020,000	0	51,020,000	-220,556,000	271,576,000
455	NNT01484	Trần Ngọc Thọ	Phường Phương Liệt, Hà Nội	105,820,000	15,000,000	90,820,000	-219,891,836	310,711,836
456	NNT11356	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phường Tam Hiệp, Đồng Nai	103,093,000	0	103,093,000	-219,776,000	322,869,000
457	NNT01345	Nguyễn Thị Hiền	Phường Đồng Đa, Hà Nội	359,506,491	77,320,491	282,186,000	-219,407,000	501,593,000
458	NNT01025	Phạm Kế Thế	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	312,011,014	39,011,014	273,000,000	-219,061,000	492,061,000

459	NNT01809	Nguyễn Duy Chính	Phường Kim Liên, Hà Nội	2,079,287,000	1,075,000,000	1,004,287,000	-218,265,000	1,222,552,000
460	NNT00973	Nguyễn Thị Bích Hiệp	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	182,540,000	0	182,540,000	-216,423,000	398,963,000
461	NNT14896	Lê Thị Nhu	Phường Thượng Cát, Hà Nội	254,028,000	20,270,000	233,758,000	-214,984,540	448,742,540
462	NNT17377	Bùi Thị Hạnh	Xã Xuân Mai, Hà Nội	358,618,197	300,618,197	58,000,000	-214,183,007	272,183,007
463	NNT01210	Nguyễn Thị Vân	Phường Hà Đông, Hà Nội	350,000,000	145,000,000	205,000,000	-213,630,000	418,630,000
464	NNT13165	Nguyễn Thị Mai Liên	Phường Vĩnh Hưng, Thành Phố Hà Nội	102,040,000	0	102,040,000	-213,177,000	315,217,000
465	NNT11002	Nguyễn Thanh Hải	Phường Phú Diễn, Hà Nội	218,799,000	0	218,799,000	-212,941,070	431,740,070
466	NNT10834	Nguyễn Thế Anh	Xã Thạch Thất, Hà Nội	137,196,000	0	137,196,000	-210,757,020	347,953,020
467	NNT11783	Nguyễn Phương Thảo	Phường Bồ Đề, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-210,141,000	310,141,000
468	NNT11537	Đàm Xuân Bách	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	726,691,000	0	726,691,000	-209,193,000	935,884,000
469	NNT01662	Nguyễn Thị Giang Nam	Phường Thành Sen, Hà Tĩnh	399,897,000	0	399,897,000	-208,712,000	608,609,000
470	NNT01518	Nguyễn Thị Thuận	Phường Bồ Đề, Hà Nội	233,316,000	124,797,000	108,519,000	-208,047,000	316,566,000
471	NNT00622	Nguyễn Thị Đông	Phường Từ Liêm, Hà Nội	366,436,000	0	366,436,000	-206,616,000	573,052,000
472	NNT20501	Trần Thị Kim Quy	Phường Bồ Đề, Hà Nội	492,269,268	400,000,000	92,269,268	-204,423,000	296,692,268
473	NNT01633	Nguyễn Vũ Ly	Xã An Khánh, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-154,000,000	254,000,000

474	NNT01886	Phạm Thị Lan Phương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	848,196,000	0	848,196,000	-202,423,000	1,050,619,000
475	NNT14587	Đỗ Hồng Kỳ	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	244,560,000	3,000,000	241,560,000	-202,376,000	443,936,000
476	NNT12011	Hà Văn Huy	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	200,000,000	0	200,000,000	-201,695,000	401,695,000
477	NNT11471	Phan Thị Ngụ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	104,166,000	0	104,166,000	-201,380,000	305,546,000
478	NNT01015	Nguyễn Trung Cấp	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	954,406,000	0	954,406,000	-201,234,000	1,155,640,000
479	NNT12751	Hoàng Lê Quân	Phường Ngọc Hà, Tp Hà Nội	152,166,482	45,473,482	106,693,000	-200,823,800	307,516,800
480	NNT00383	Đỗ Tiến Dũng	Phường Hòa Bình, Phú Thọ	201,005,000	0	201,005,000	-199,739,000	400,744,000
481	NNT00606	Vũ Ngọc Cảnh	Phường Định Công, Tp Hà Nội	125,457,000	0	125,457,000	-199,210,000	324,667,000
482	NNT00533	Phạm Thị Kim Oanh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	664,095,000	0	664,095,000	-198,012,000	862,107,000
483	NNT11727	Nguyễn Thu Trang	Phường Đồng Đa, Hà Nội	2,478,307,000	1,270,000,000	1,208,307,000	-195,867,152	1,404,174,152
484	NNT01945	Nguyễn Thị Hồ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	120,603,821	0	120,603,821	-195,863,000	316,466,821
485	NNT02141	Jun Hyung Jin	Xã Sơn Đồng, Hà Nội	771,098,000	385,549,000	385,549,000	-194,527,610	580,076,610
486	NNT10854	Nguyễn Thị Đức	Phường Hồng Hà, Hà Nội	313,327,000	0	313,327,000	-192,355,000	505,682,000
487	NNT01696	Đỗ Mạnh Hà	Phường Tây Hồ, Hà Nội	888,353,000	227,904,777	660,448,223	-190,926,510	851,374,733
488	NNT01386	Tạ Thị Toàn	Phường Phú Diễn, Hà Nội	732,260,000	0	732,260,000	-190,796,000	923,056,000

489	NNT10873	Phạm Thị Thanh Hương	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	15,979,427,321	5,315,595,000	10,663,832,321	-190,264,000	10,854,096,321
490	NNT16598	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phường Đông Ngạc, Tp Hà Nội	400,000,000	66,470,000	333,530,000	-189,707,000	523,237,000
491	NNT01928	Nguyễn Thị Châu	Phường Vinh Lộc, Nghệ An	206,185,000	0	206,185,000	-187,664,960	393,849,960
492	NNT12200	Phùng Văn Thau	Xã Vật Lại, Hà Nội	349,424,000	15,000,000	334,424,000	-186,226,080	520,650,080
493	NNT00541	Lê Đình Tổng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	-186,107,000	392,293,000
494	NNT11583	Phạm Thị Hoàng Tuyên	Phường Bạch Mai, Hà Nội	400,000,000	5,000,000	395,000,000	-185,567,000	580,567,000
495	NNT15320	Hoàng Thị Hương Trà	Phường Khương Đình, Hà Nội	50,125,000	50,000,000	125,000	-185,188,000	185,313,000
496	NNT14001	Nguyễn Thị Mai Anh	Phường Phương Liệt, Hà Nội	200,000,000	150,000,000	50,000,000	-184,612,000	234,612,000
497	NNT11179	Vũ Quyết Tâm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-183,318,080	283,318,080
498	NNT15648	Vũ Thị Mai Anh	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	250,917,000	0	250,917,000	-183,231,000	434,148,000
499	NNT01472	Nguyễn Quỳnh Hương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	315,000,000	0	315,000,000	-182,539,000	497,539,000
500	NNT02059	Nguyễn Thị Tân	Phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ	1,050,000,000	485,000,000	565,000,000	-181,725,990	746,725,990
501	NNT10962	Nguyễn Hồng Sơn	Phường Xuân Hòa, Phú Thọ	509,641,452	-55,358,548	565,000,000	-181,725,990	746,725,990
502	NNT18707	Lê Thị Kim Phúc	Phường Hoà Hưng, Tp HCM	2,213,547,000	12,296,000	2,201,251,000	-181,618,450	2,382,869,450
503	NNT10910	Phạm Thị Thảo	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	5,743,229,419	2,530,649,210	3,212,580,209	-178,766,065	3,391,346,274

504	NNT00815	Nguyễn Lan Anh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	63,553,000	0	63,553,000	-177,080,000	240,633,000
505	NNT01223	Vũ Thúy Nga	Phường Kim Liên, Hà Nội	926,979,000	0	926,979,000	-176,403,000	1,103,382,000
506	NNT13333	Vũ Thị Oanh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	363,416,688	108,416,688	255,000,000	-176,140,130	431,140,130
507	NNT11711	Nguyễn Thị Vệ	Phường Đông Ngạc Hà Nội	484,156,879	50,364,879	433,792,000	-174,680,000	608,472,000
508	NNT00237	Trần Thị Yến	Phường Mai Dịch, Hà Nội	203,782,000	0	203,782,000	-174,038,000	377,820,000
509	NNT01090	Vũ Xuân Hùng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	308,378,000	0	308,378,000	-173,153,410	481,531,410
510	NNT13476	Trần Thị Thu Hương	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	931,313,000	0	931,313,000	-171,900,000	1,103,213,000
511	NNT00709	Phạm Thị Quỳnh Mai	Phường Bạch Mai, Hà Nội	250,000,000	0	250,000,000	-171,191,000	421,191,000
512	NNT01311	Nguyễn Văn Hùng	Xã Phù Đồng, Hà Nội	739,256,467	405,339,467	333,917,000	-171,030,600	504,947,600
513	NNT18164	Nguyễn Công Tuấn Anh	Phường Thành Vinh, Nghệ An	520,833,000	518,219,000	2,614,000	-170,810,000	173,424,000
514	NNT13368	Lê Thị Thu Huyền	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	623,932,000	500,000,000	123,932,000	-170,020,000	293,952,000
515	NNT00198	Bùi Thị Thu	Xã Tam Hưng, Hà Nội	150,000,000	100,000,000	50,000,000	-168,903,000	218,903,000
516	NNT19994	Phạm Huyền Anh	Phường Tân Hưng, Tp Hải Phòng	478,223,000	387,360,385	90,862,615	-168,015,119	258,877,734
517	NNT11395	Hoàng Thị Lân	Xã Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ	108,195,000	0	108,195,000	-166,673,843	274,868,843
518	NNT01137	Nguyễn Danh Điệp	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	779,073,000	0	779,073,000	-165,858,590	944,931,590

519	NNT13006	Võ Hồng Lam	Phường Thành Vinh, Nghệ An	190,642,000	0	190,642,000	-165,655,096	356,297,096
520	NNT00133	Nguyễn Minh Thu	Phường Hồng Hà, Hà Nội	134,021,000	100,000,000	34,021,000	-165,357,000	199,378,000
521	NNT15226	Đỗ Thị Phương	Phường Đức Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	449,381,778	250,000,000	199,381,778	-165,308,000	364,689,778
522	NNT11130	Vũ Thị Thanh Vân	Phường Kim Liên ,Hà Nội	200,000,000	80,000,000	120,000,000	-165,135,000	285,135,000
523	NNT18752	Phạm Thị Hường	Phường Hà Đông, Hà Nội	2,173,913,000	326,087,000	1,847,826,000	-164,989,800	2,012,815,800
524	NNT10821	Hoàng Lan Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-164,647,000	264,647,000
525	NNT01500	Lê Hải Đăng	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	345,000,000	172,500,000	172,500,000	-164,481,000	336,981,000
526	NNT11124	Nguyễn Minh Thắng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	823,882,000	61,483,000	762,399,000	-164,117,000	926,516,000
527	NNT15455	Nghiêm Xuân Hùng	Phường Kim Liên, Hà Nội	323,750,000	48,562,000	275,188,000	-163,965,846	439,153,846
528	NNT12654	Trương Thị Hồng Vân	Xã Thanh Trì, Hà Nội	120,000,000	0	120,000,000	-163,847,000	283,847,000
529	NNT01067	Tạ Trung Đức	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	-163,524,000	285,217,000
530	NNT11157	Nguyễn Thị Nga	Phường Hà Đông, Hà Nội	320,899,000	38,000,000	282,899,000	-162,131,000	445,030,000
531	NNT01698	Đinh Văn Bổng	Phường Hà Đông, Hà Nội	52,832,000	0	52,832,000	-162,089,440	214,921,440
532	NNT01405	Vũ Viêt Bộ	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	450,258,000	339,025,595	111,232,405	-161,420,410	272,652,815
533	NNT11190	Nguyễn Thị Lựu	Phường Tây Hồ, Hà Nội	1,579,100,000	430,000,000	1,149,100,000	-160,724,200	1,309,824,200

534	NNT01381	Phạm Minh Tâm	Phường Bồ Đề, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	-160,224,800	310,224,800
535	NNT11707	Nguyễn Thị Thước	Phường Tương Mai, Hà Nội	121,693,000	105,000,000	16,693,000	-159,982,000	176,675,000
536	NNT01648	Trương Thị Anh Thư	Phường Định Công, Hà Nội	192,107,000	15,000,000	177,107,000	-158,492,000	335,599,000
537	NNT00549	Nguyễn Thị Thảo	Phường Tương Mai, Hà Nội	512,989,000	125,000,000	387,989,000	-158,069,000	546,058,000
538	NNT01139	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	19B Ngách 33 Ngõ An Trạch 1, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-156,039,000	256,039,000
539	NNT12899	Phan Thị Trâm	Phường Thượng Cát, Hà Nội	585,978,967	372,993,967	212,985,000	-155,477,000	368,462,000
540	NNT11721	Nguyễn Đỗ Bảo Trang	Phường Khương Đình, Hà Nội	120,000,000	30,000,000	90,000,000	-155,218,000	245,218,000
541	NNT00189	Mai Thị Thanh Bình	Phường Tây Hồ, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	-154,016,170	206,926,170
542	NNT00294	Nguyễn Văn Cát	Phường Đồng Đa, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-151,781,000	201,781,000
543	NNT11005	Nguyễn Thị Nga	Phường Phương Liệt, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	-151,277,000	254,370,000
544	NNT15952	Trần Thị Phú	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	-150,903,000	750,903,000
545	NNT00736	Hoàng Thị Tỷ	Phường Bồ Đề, Hà Nội	4,590,719,779	876,595,454	3,714,124,325	-150,858,001	3,864,982,326
546	NNT01461	Lê Bích Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	300,000,000	55,000,000	245,000,000	-150,576,000	395,576,000
547	NNT02156	Nguyễn Thị Hoa	Phường Hồng Hà, Hà Nội	150,000,000	2,000,000	148,000,000	-150,359,000	298,359,000
548	NNT00519	Nguyễn Đình Hải	Phường Tương Mai, Tp Hà Nội	469,302,000	309,400,000	159,902,000	-149,344,000	309,246,000

549	NNT11512	Lê Danh Thảo	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	22,024,822	77,975,178	-148,721,000	226,696,178
550	NNT14017	Mai Thị Thủy	Phường Quang Trung, Thanh Hóa	566,000,000	80,900,000	485,100,000	-147,850,000	632,950,000
551	NNT13696	Lê Trung Hiếu	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	407,827,000	0	407,827,000	-147,118,000	554,945,000
552	NNT00030	Nguyễn Thị Phương Thanh	Phường Kim Liên ,Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-146,734,000	196,734,000
553	NNT02108	Lê Huệ Phước	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	79,231,000	0	79,231,000	-146,654,277	225,885,277
554	NNT16350	Lê Thị Hà	Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội	1,912,198,698	875,037,698	1,037,161,000	-146,423,898	1,183,584,898
555	NNT00500	Vũ Thị Thanh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	120,000,000	10,000,000	110,000,000	-146,201,000	256,201,000
556	NNT11831	Phạm Thị Nhân	Phường Xuân Phương, Hà Nội	498,526,027	190,526,027	308,000,000	-146,162,629	454,162,629
557	NNT12864	Nguyễn Huy Cường	Phường Láng, Hà Nội	344,257,000	30,000,000	314,257,000	-146,103,000	460,360,000
558	NNT00490	Trần Thị Hồng Hà	Phường Bạch Mai, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	-145,233,000	266,926,000
559	NNT00703	Nguyễn Thị Năng	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	203,000,000	24,000,000	179,000,000	-144,487,000	323,487,000
560	NNT13459	Đào Thị Quỳnh Anh	Xã Đông Anh, Hà Nội	500,674,000	0	500,674,000	-144,254,000	644,928,000
561	NNT14530	Đỗ Thị Việt Hiền	Phường Giảng Võ, Hà Nội	320,667,000	0	320,667,000	-144,222,000	464,889,000
562	NNT15766	Lê Thu Hằng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	222,863,000	0	222,863,000	-144,126,890	366,989,890
563	NNT02029	Nguyễn Thị Việt Triều	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	952,061,000	0	952,061,000	-143,813,596	1,095,874,596

564	NNT01299	Nguyễn Thị Dũng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	82,500,000	-84,036,000	166,536,000	-76,785,000	310,166,000
565	NNT01831	Nguyễn Đức Khoa	Phường Hồng Hà, Hà Nội	194,925,000	0	194,925,000	-143,535,550	338,460,550
566	NNT13736	Đặng Xuân Thủy	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	140,013,028	0	140,013,028	-142,929,925	282,942,953
567	NNT00885	Nguyễn Thị Thúy	Phường Từ Liêm, Hà Nội	509,308,000	64,758,000	444,550,000	-142,207,000	586,757,000
568	NNT12328	Tạ Xuân Chu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	67,260,000	0	67,260,000	-142,076,000	209,336,000
569	NNT00098	Nguyễn Bá Lân	981 La Thành, Phường Láng, Hà Nội	640,133,000	0	640,133,000	-141,690,000	781,823,000
570	NNT13841	Lê Hải Linh	Xã Đông Anh, Hà Nội	208,333,000	200,000,000	8,333,000	-141,651,000	149,984,000
571	NNT16331	Trần Văn Dung	Phường Tây Hồ, Hà Nội	378,713,000	11,100,000	367,613,000	-141,197,580	508,810,580
572	NNT13760	Trần Thị Kim Dung	Phường Giảng Võ, Tp Hà Nội	629,529,000	0	629,529,000	-140,967,825	770,496,825
573	NNT11720	Lê Đình Ngọc	Phường Thành Sen, Hà Tĩnh	257,796,000	0	257,796,000	-140,845,000	398,641,000
574	NNT00143	Nguyễn Thị Oanh	Xã Đan Phượng, Hà Nội	574,399,000	160,000,000	414,399,000	-140,795,000	555,194,000
575	NNT00748	Trương Văn Phúc	Phường Khương Đình, Hà Nội	362,043,000	200,000,000	162,043,000	-139,579,352	301,622,352
576	NNT00816	Đào Văn Sang	Phường Yên Hòa, Hà Nội	325,288,482	157,288,482	168,000,000	-139,422,000	307,422,000
577	NNT00145	Nguyễn Thị Hồng Khánh	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	207,968,000	0	207,968,000	-139,270,000	347,238,000
578	NNT16677	Trần Thị Minh	Xã Đan Phượng, Hà Nội	348,365,000	330,000,000	18,365,000	-138,681,040	157,046,040

579	NNT01249	Nguyễn Như Thịnh	Phường Khương Đình, Hà Nội	162,162,000	0	162,162,000	-138,581,000	300,743,000
580	NNT01644	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	54,000,000	-44,060,000	98,060,000	-86,192,000	235,612,000
581	NNT01191	Đào Hải Yến	Phường Yên Hòa, Hà Nội	109,354,000	0	109,354,000	-135,907,000	245,261,000
582	NNT00802	Nguyễn Thị Minh Hoa	Phòng 306 Chung Cư A9, Ngõ 64/5 Phố Sài Đồng, Tổ 18, Phường Phúc Lợi Hà Nội	810,157,000	37,705,000	772,452,000	-135,764,000	908,216,000
583	NNT16324	Nguyễn Thị Hiền	Phường Phương Liệt, Hà Nội	349,041,000	220,000,000	129,041,000	-134,866,750	263,907,750
584	NNT13666	Nguyễn Thúy Vinh	Phường Điện Biên Phủ, Điện Biên	102,041,000	0	102,041,000	-134,322,000	236,363,000
585	NNT01782	Nguyễn Duy Chiến	Phường Tân Phong, Đồng Nai	129,003,000	0	129,003,000	-134,235,600	263,238,600
586	NNT00404	Phạm Thị Huệ	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	1,281,234,000	206,580,000	1,074,654,000	-133,856,955	1,208,510,955
587	NNT18503	Đỗ Ngọc Mai	Phường Từ Liêm, Hà Nội	414,508,000	0	414,508,000	-133,505,000	548,013,000
588	NNT01873	Quách Thị Hạnh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,761,447,000	134,067,000	1,627,380,000	-133,056,000	1,760,436,000
589	NNT10917	Nguyễn Văn Lập	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	233,717,591	48,660,591	185,057,000	-132,748,000	317,805,000
590	NNT11043	Nguyễn Thị Phụng	Xã Đông Anh, Hà Nội	59,278,000	0	59,278,000	-132,593,000	191,871,000
591	NNT15249	Trương Mỹ An	Phường Việt Hưng, Hà Nội	250,700,000	0	250,700,000	-131,624,320	382,324,320
592	NNT13389	Nguyễn Bảo Trung	Xã Vật Lại, Hà Nội	170,000,000	150,000,000	20,000,000	-131,019,000	151,019,000
593	NNT12506	Trần Thị Kim Oanh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	973,386,000	0	973,386,000	-130,503,624	1,103,889,624

594	NNT14334	Nguyễn Tất Chinh	Phường Vĩnh Hưng, Tp Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-130,000,000	230,000,000
595	NNT00322	Nguyễn Thị Liên	Xã Đường An, Tp Hải Phòng	188,185,000	0	188,185,000	-129,686,000	317,871,000
596	NNT15272	Hồ Tuấn Dung	Phường Yên Hòa, Hà Nội	390,000,000	278,000,000	112,000,000	-128,055,000	240,055,000
597	NNT12758	Nguyễn Thị Ngân	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,771,000	0	213,771,000	-128,001,000	341,772,000
598	NNT11407	Nguyễn Thị Liên	Phường Sơn Tây, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	-127,497,398	228,507,398
599	NNT13096	Hoàng Thị Hồng Tâm	Phường Đồng Đa, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	-127,464,000	233,284,000
600	NNT11907	Phùng Thị Quế	Phường Phú Thượng, Hà Nội	177,120,000	0	177,120,000	-126,882,370	304,002,370
601	NNT11223	Ngô Xuân Quy	Phường Định Công, Hà Nội	113,387,000	0	113,387,000	-126,469,000	239,856,000
602	NNT12353	Đỗ Thị Hà	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	-126,458,797	232,278,797
603	NNT01905	Nguyễn Sơn Trường	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	263,134,000	251,000,000	12,134,000	-126,271,000	138,405,000
604	NNT14783	Nguyễn Thị Trà	Phường Chũ, Bắc Ninh	628,415,000	81,967,000	546,448,000	-125,526,079	671,974,079
605	NNT01516	Đinh Thu Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	148,528,000	0	148,528,000	-125,350,000	273,878,000
606	NNT11377	Nguyễn Mạnh Diễn	Phường Hà Đông, Hà Nội	108,696,000	16,304,000	92,392,000	-124,744,781	217,136,781
607	NNT13038	Lê Thị Phương Huế	Phường Tân Hưng, Tp.HCM	300,000,000	210,000,000	90,000,000	-124,609,000	214,609,000
608	NNT11532	Nguyễn Minh Trâm	Phường Tương Mai, Hà Nội	52,631,000	0	52,631,000	-124,577,000	177,208,000

609	NNT12392	Lê Thị Từ	Phường Ba Đình, Hà Nội	345,000,000	208,137,000	136,863,000	-123,715,000	260,578,000
610	NNT00250	Trần Kim Dung	Phường Ngọc Hà , Hà Nội	148,148,000	0	148,148,000	-123,152,000	271,300,000
611	NNT11131	Lê Thị Việt Hà	Phường Hoàng Mai ,Hà Nội	92,044,000	0	92,044,000	-122,545,880	214,589,880
612	NNT01092	Bùi Thế Hùng	Phường Khương Đình, Hà Nội	112,910,000	0	112,910,000	-121,759,000	234,669,000
613	NNT00215	Vũ Hồng Mai	Phường Giảng Võ, Hà Nội	157,986,869	0	157,986,869	-121,621,000	279,607,869
614	NNT12124	Nguyễn Thị Xuân Thủy	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	348,182,618	114,933,617	233,249,001	-121,496,617	354,745,618
615	NNT01989	Nguyễn Thị Mai Hương	Số 7, Ngõ 44 Nguyên Khiết, Phường Hồng Hà, Hà Nội	495,000,000	0	495,000,000	-121,059,592	616,059,592
616	NNT00344	Vũ Lê Phương Thảo	Phường Đống Đa, Hà Nội	285,631,000	100,000,000	185,631,000	-121,033,000	306,664,000
617	NNT16966	Đỗ Thị Đàm	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-120,686,000	320,686,000
618	NNT13787	Nguyễn Hồng Ngọc	Phường Khương Đình, Hà Nội	758,323,000	200,000,000	558,323,000	-120,599,000	678,922,000
619	NNT21395	Từ An Đức	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	81,633,000	73,747,969	7,885,031	-120,200,000	128,085,031
620	NNT01237	Nguyễn Thu Hương	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	81,746,000	0	81,746,000	-119,475,000	201,221,000
621	NNT11621	Hà Văn Tiến	Phường Khương Đình, Hà Nội	430,000,000	30,000,000	400,000,000	-119,304,000	519,304,000
622	NNT00792	Nguyễn Xuân Tài	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	481,907,547	293,711,547	188,196,000	-119,173,000	307,369,000
623	NNT14491	Nguyễn Hồng Anh	Phường Hà Đông, Hà Nội	289,202,000	0	289,202,000	-118,877,000	408,079,000

624	NNT01442	Đặng Thị Hồng Minh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	365,989,000	100,000,000	265,989,000	-118,556,000	384,545,000
625	NNT20089	Lê Bạch Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	213,904,000	103,300,000	110,604,000	-118,243,615	228,847,615
626	NNT00527	Triệu Thị Thu	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	280,145,000	0	280,145,000	-118,101,300	398,246,300
627	NNT00273	Trần Thị Mai	Phường Hồng Hà, Hà Nội	2,604,213,157	1,057,685,157	1,546,528,000	-117,932,000	1,664,460,000
628	NNT02193	Tạ Vũ Cương	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	100,000,000	29,000,000	71,000,000	-117,591,000	188,591,000
629	NNT01478	Trương Thị Quyên	Phường Phương Liệt, Hà Nội	757,883,031	347,481,815	410,401,216	-117,017,830	527,419,046
630	NNT12610	Trần Phương Thảo	Phường Cửa Nam, Hà Nội	314,733,000	190,000,000	124,733,000	-116,330,080	241,063,080
631	NNT00461	Vũ Thị Tinh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,610,582,000	452,881,000	1,157,701,000	-115,793,290	1,273,494,290
632	NNT01058	Đoàn Bá Đạt	Phường Xuân Phương, Hà Nội	357,695,000	0	357,695,000	-115,123,000	472,818,000
633	NNT01860	Kiều Quý Cư	Phường Đồng Đa, Hà Nội	134,630,000	0	134,630,000	-115,031,000	249,661,000
634	NNT00849	Lưu Thị Nhị	Xã Đan Phượng, Hà Nội	290,178,000	6,053,000	284,125,000	-66,149,000	398,221,000
635	NNT14462	Đặng Văn Năm	Phường Định Công, Hà Nội	141,591,318	28,003,318	113,588,000	-113,232,318	226,820,318
636	NNT11882	Ngô Đàm Ly	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	598,187,706	256,825,000	341,362,706	-112,847,000	454,209,706
637	NNT00183	Trần Thị Mận	Xã Đông Anh, Hà Nội	158,559,117	0	158,559,117	-112,571,000	271,130,117
638	NNT01869	Cao Thị Lan Anh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	218,579,000	2,514,000	216,065,000	-112,381,000	328,446,000

639	NNT00548	Nguyễn Thị Bích Hằng	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,603,461,000	57,583,000	1,545,878,000	-112,308,000	1,658,186,000
640	NNT14441	Nguyễn Hữu Thái	Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	62,842,000	0	62,842,000	-112,088,000	174,930,000
641	NNT17999	Nguyễn Trọng Hòa	Phường Tây Tựu, Hà Nội	318,325,000	221,986,000	96,339,000	-111,727,230	208,066,230
642	NNT16672	Nguyễn Bá Sơn	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	544,503,000	535,527,000	8,976,000	-111,727,000	120,703,000
643	NNT00782	Nguyễn Thị Huế	Phường Phú Diễn, Hà Nội	168,421,000	0	168,421,000	-111,252,000	279,673,000
644	NNT14394	Phan Thị Xuân	Phường Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	285,677,000	0	285,677,000	-110,999,400	396,676,400
645	NNT00201	Đỗ Thị Hiệp	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	680,590,000	0	680,590,000	-110,829,440	791,419,440
646	NNT01209	Nguyễn Thị Hồng	Phường Hà Đông, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-110,431,000	210,431,000
647	NNT10848	Trần Thị Thủy	Phường Kim Liên, Tp Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	-110,034,000	220,034,000
648	NNT12583	Lê Thị Minh Nguyệt	Phường Việt Hưng, Hà Nội	59,278,000	0	59,278,000	-110,019,000	169,297,000
649	NNT00128	Nguyễn Văn Tùng	Phường Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	1,478,702,467	512,641,233	966,061,234	-109,887,520	1,075,948,754
650	NNT11729	Nguyễn Cẩm Thúy	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	73,368,000	0	73,368,000	-109,828,000	183,196,000
651	NNT01087	Nguyễn Thị Anh Thư	Phường Cửa Nam, Hà Nội	375,777,605	129,151,289	246,626,316	-109,769,000	356,395,316
652	NNT01726	Đỗ Thị Lợi	Xã Đan Phượng, Hà Nội	56,555,000	0	56,555,000	-109,722,000	166,277,000
653	NNT01099	Trần Thị Quyên	Phường Kim Liên, Hà Nội	550,000,000	8,714,000	541,286,000	-109,420,500	650,706,500

654	NNT11524	Nguyễn Thị Vân	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	254,639,000	30,000,000	224,639,000	-109,334,300	333,973,300
655	NNT12648	Nguyễn Phương Chinh	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	-108,842,000	408,842,000
656	NNT20494	Lê Thị Khánh	Phường Khương Đình, Hà Nội	585,859,000	530,000,000	55,859,000	-108,723,000	164,582,000
657	NNT18092	Lưu Hồng Vân	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	440,542,000	392,500,000	48,042,000	-108,338,507	156,380,507
658	NNT00719	Đỗ Thị Thu Loan	Phường Tây Hồ, Hà Nội	385,503,000	0	385,503,000	-108,200,000	493,703,000
659	NNT01940	Nguyễn Quang Vinh	Phường Yên Hòa, Hà Nội	100,000,000	7,752,000	92,248,000	-107,845,000	200,093,000
660	NNT00138	Chu Thị Bích Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-107,155,000	307,155,000
661	NNT11993	Nguyễn Thị Thu Giang	Phường Hà Đông, Hà Nội	412,371,000	0	412,371,000	-106,706,000	519,077,000
662	NNT11276	Nguyễn Thị Thu Dung	Xã Phú Đồng,Hà Nội	280,641,000	0	280,641,000	-106,672,000	387,313,000
663	NNT01297	Đỗ Thị Thịnh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	164,337,175	47,224,675	117,112,500	-105,711,000	222,823,500
664	NNT16446	Trần Thị Kim Nhung	Phường Thành Vinh, Nghệ An	1,000,000,000	879,000,000	121,000,000	-105,410,000	226,410,000
665	NNT21248	Nguyễn Thị Viên	Hà Nội	1,220,906,641	86,914,641	1,133,992,000	-104,940,000	1,238,932,000
666	NNT16607	Nguyễn Thị Thủy	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	101,010,000	0	101,010,000	-104,720,000	205,730,000
667	NNT20100	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phường Hà Đông, Hà Nội	123,970,000	0	123,970,000	-104,637,000	228,607,000
668	NNT14106	Nguyễn Thị Phấn	Xã Chương Dương, Hà Nội	155,440,000	148,000,000	7,440,000	-104,069,530	111,509,530

669	NNT16951	Vũ Thị Tuyền	Phường Láng, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-103,886,000	203,886,000
670	NNT23147	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Từ Liêm, Hà Nội	73,629,000	0	73,629,000	-102,906,000	176,535,000
671	NNT19136	Nguyễn Thị Bích Hồng	Xã Quang Thiện, Ninh Bình	500,000,000	400,000,000	100,000,000	-102,699,516	202,699,516
672	NNT00306	Phạm Tuấn Quang	Phường Khương Đình, Hà Nội	143,750,000	0	143,750,000	-102,617,000	246,367,000
673	NNT00919	Phạm Thị An	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	62,500,000	0	62,500,000	-102,464,000	164,964,000
674	NNT00737	Nguyễn Sơn	Xã Thuận An, Hà Nội	3,393,705,558	787,767,558	2,605,938,000	-101,770,000	2,707,708,000
675	NNT02152	Nguyễn Xuân Hiệu	Phường Khương Đình, Hà Nội	88,701,000	0	88,701,000	-101,630,000	190,331,000
676	NNT01938	Dương Thị Ngọc Thanh	Phường Tương Mai, Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	-101,036,000	501,036,000
677	NNT15539	Thiều Minh Hùng	Phường Bồ Đề, Hà Nội	114,489,562	97,890,597	16,598,965	-100,953,438	117,552,403
678	NNT17437	Trần Kinh Trang	Phường Láng, Hà Nội	656,588,800	440,000,000	216,588,800	-100,870,353	317,459,153
679	NNT01403	Vũ Thị Tuyết Sinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	152,117,623	28,406,623	123,711,000	-100,650,000	224,361,000
680	NNT00834	Tạ Văn Mạnh	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	164,948,000	0	164,948,000	-100,461,000	265,409,000
681	NNT19343	Đỗ Minh Loan	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	450,000,000	0	450,000,000	-100,435,085	550,435,085
682	NNT00704	Nguyễn Hồng Lý	Xã Ô Diên, Hà Nội	405,320,000	85,241,000	320,079,000	-100,370,000	420,449,000
683	NNT11644	Lê Hữu Dũng	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	801,650,000	25,592,000	776,058,000	-100,159,000	876,217,000

684	NNT02067	Mai Hoài Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	347,941,000	0	347,941,000	-99,707,000	447,648,000
685	NNT19583	Nguyễn Thu Trang	Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	157,938,000	0	157,938,000	-99,250,000	257,188,000
686	NNT11023	Nguyễn Ngọc Trường	Xã Phù Đồng, Hà Nội	240,524,394	-4,100,670,517	4,341,194,911	-99,122,000	4,440,316,911
687	NNT11352	Nguyễn Đình Khánh	322 Xã Đan Phượng Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội Hà Nội	4,842,714,863	501,519,952	4,341,194,911	-99,122,000	4,440,316,911
688	NNT10987	Nguyễn Thu Trang	Xã Đại Thanh, Hà Nội	94,101,510	55,733,510	38,368,000	-98,790,000	137,158,000
689	NNT13182	Hoàng Thế Hoàn	Xã Mê Linh, Hà Nội	135,177,000	0	135,177,000	-97,638,000	232,815,000
690	NNT13255	Nguyễn Thị Diệu Hồng	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	237,113,000	0	237,113,000	-97,636,000	334,749,000
691	NNT15202	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	309,278,000	0	309,278,000	-96,834,000	406,112,000
692	NNT00804	Nguyễn Thị Bích Thảo	Phường Tây Hồ, Hà Nội	355,670,000	0	355,670,000	-96,537,000	452,207,000
693	NNT00833	Lê Hồng Nhung	Phường Cửa Nam, Hà Nội	254,306,083	154,306,083	100,000,000	-96,275,000	196,275,000
694	NNT22217	Trần Thị Thanh Nga	Phường Giảng Võ, Hà Nội	238,995,000	121,640,205	117,354,795	-96,135,085	213,489,880
695	NNT11571	Nguyễn Thị Thùy Dung	Phường Thanh Liệt, Thành Phố Hà Nội	311,382,000	186,084,000	125,298,000	-95,689,000	220,987,000
696	NNT11434	Đinh Liên Nga	Phường Yên Hòa, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	-95,612,000	307,252,000
697	NNT01012	Nguyễn Thị Phượng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	296,392,000	0	296,392,000	-95,178,000	391,570,000
698	NNT01577	Lê Anh Tuấn	Phường Phương Liệt, Hà Nội	860,000,000	5,000,000	855,000,000	-94,247,000	949,247,000

699	NNT14265	Nguyễn Bắc Quân	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	211,290,000	24,194,000	187,096,000	-93,342,000	280,438,000
700	NNT14262	Vũ Thị Hiền	Phường Giảng Võ, Ngọc Hà, Hà Nội	1,336,363,589	107,708,589	1,228,655,000	-93,327,000	1,321,982,000
701	NNT13870	Nguyễn Thị Kim Thúy	Phường Từ Liêm, Hà Nội	400,997,000	105,000,000	295,997,000	-93,187,000	389,184,000
702	NNT01974	Nguyễn Thị Tám	Phường Giảng Võ, Hà Nội	374,695,000	0	374,695,000	-93,054,000	467,749,000
703	NNT13342	Nguyễn Trường Sơn	Phường Giảng Võ, Hà Nội	105,263,000	0	105,263,000	-92,937,000	198,200,000
704	NNT13958	Dương Thị Kim Xuân	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,604,369,822	1,219,833,000	384,536,822	-91,916,178	476,453,000
705	NNT01275	Trần Thị Ngọc Bích	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	555,352,000	0	555,352,000	-91,576,741	646,928,741
706	NNT01241	Nguyễn Thị Vui	Phường Xuân Đình, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-91,539,000	291,539,000
707	NNT16632	Lê Thị Oanh	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	616,079,000	227,011,904	389,067,096	-90,791,904	479,859,000
708	NNT00714	Nguyễn Văn Minh	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	158,946,000	0	158,946,000	-90,539,000	249,485,000
709	NNT17555	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	94,129,000	0	94,129,000	-90,103,000	184,232,000
710	NNT01654	Phạm Thị Hoài	Xã Đại Xuyên, Hà Nội	72,601,000	0	72,601,000	-89,949,000	162,550,000
711	NNT11811	Đào Tố Quyên	Phường Đồng Đa , Hà Nội	1,261,816,000	366,698,000	895,118,000	-89,901,000	985,019,000
712	NNT14063	Lê Thu Hà	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	100,000,000	95,209,000	4,791,000	-89,552,603	94,343,603
713	NNT01377	Trịnh Xuân Bình	Phường Hồng Hà, Hà Nội	1,001,451,192	591,451,192	410,000,000	-89,284,000	499,284,000

714	NNT13312	Lương Thúy An	Xã Hoài Đức, Hà Nội	394,363,000	0	394,363,000	-89,229,440	483,592,440
715	NNT11382	Lê Thị Thanh	Phường Đồng Đa , Hà Nội	156,250,000	0	156,250,000	-88,591,000	244,841,000
716	NNT01236	Khắc Thị Chi	Xã Đông Anh, Hà Nội	1,135,546,000	300,000,000	835,546,000	-88,274,000	923,820,000
717	NNT12853	Nguyễn Thị Hải Anh	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,927,574,000	2,074,999,997	2,852,574,003	-87,957,747	2,940,531,750
718	NNT13103	Nguyễn Minh Toàn	Xã Thượng Phúc, Hà Nội	159,229,000	0	159,229,000	-87,619,000	246,848,000
719	NNT11299	Nguyễn Thị Lin	Phường Hạ Long, Quảng Ninh	182,540,000	80,000,000	102,540,000	-87,073,000	189,613,000
720	NNT16102	Nguyễn Thị Thùy Dương	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	150,000,000	30,000,000	120,000,000	-87,068,000	207,068,000
721	NNT15602	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phường Lê Chân, Tp Hải Phòng	149,588,000	0	149,588,000	-86,587,000	236,175,000
722	NNT16394	Cù Thị Thu Hà	Phường Lê Chân, Hải Phòng	400,000,000	0	400,000,000	-85,679,287	485,679,287
723	NNT11539	Đặng Thị Phương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	102,041,000	0	102,041,000	-85,558,000	187,599,000
724	NNT12743	Trần Thị Phi	Phường Tây Hồ, Hà Nội	100,000,000	18,000,000	82,000,000	-84,683,000	166,683,000
725	NNT12387	Trần Thị Phương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	132,524,000	63,000,000	69,524,000	-84,529,000	154,053,000
726	NNT11293	Vũ Mạnh Tường	Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình	133,389,000	100,000,000	33,389,000	-84,483,417	117,872,417
727	NNT14554	Trịnh Thị Ngọc Lan	Phường Điện Biên Phủ, Điện Biên	105,000,000	0	105,000,000	-84,208,000	189,208,000
728	NNT01013	Nguyễn Thị Hòa	Xã Phù Đổng, Hà Nội	111,850,000	0	111,850,000	-83,655,355	195,505,355

729	NNT14362	Bùi Thị Thu Hiền	Xã Quảng Bị, Hà Nội	82,474,000	0	82,474,000	-83,605,225	166,079,225
730	NNT01581	Dương Thị Tú	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	248,286,000	0	248,286,000	-83,259,000	331,545,000
731	NNT11906	Phạm Thị Nga	Phường Hà Đông, Hà Nội	151,979,000	108,138,000	43,841,000	-83,189,000	127,030,000
732	NNT00925	Vương Thị Thoa	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	-82,649,000	186,816,000
733	NNT13222	Nguyễn Thị Vân Anh	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	393,943,000	200,000,000	193,943,000	-82,383,695	276,326,695
734	NNT13364	Đỗ Thị Loan	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	269,122,000	16,304,000	252,818,000	-82,159,455	334,977,455
735	NNT14391	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	731,890,767	430,723,767	301,167,000	-81,964,212	383,131,212
736	NNT11817	Nguyễn Xuân Kiên	Xã An Khánh, Hà Nội	129,461,000	0	129,461,000	-81,014,000	210,475,000
737	NNT11507	Ngô Quang Hưng	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	534,759,000	0	534,759,000	-80,663,000	615,422,000
738	NNT01535	Phạm Thanh Thúy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	700,000,000	9,562,000	690,438,000	-80,284,000	770,722,000
739	NNT01615	Nguyễn Kim Loan	P.Kim Liên, Hà Nội	423,280,000	2,000,000	421,280,000	-80,217,000	501,497,000
740	NNT14755	Nguyễn Thùy Trang	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	126,616,000	111,600,000	15,016,000	-80,178,125	95,194,125
741	NNT17149	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phường Tây Hồ, Hà Nội	172,105,000	137,921,000	34,184,000	-80,084,590	114,268,590
742	NNT01697	Nguyễn Thị Diễm	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	145,770,000	0	145,770,000	-80,027,000	225,797,000
743	NNT00678	Trần Thị Kim Oanh	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	214,815,000	55,000,000	159,815,000	-78,580,400	238,395,400

744	NNT01677	Nguyễn Tất Hà	Phường Khương Đình, Hà Nội	246,820,000	0	246,820,000	-77,793,000	324,613,000
745	NNT11362	Nguyễn Đắc Thịnh	Xã Tam Giang, Tỉnh Bắc Ninh	854,636,776	389,988,776	464,648,000	-77,174,360	541,822,360
746	NNT02099	Phạm Văn Hậu	Xã Thuận An, Hà Nội	102,762,647	33,356,647	69,406,000	-76,969,597	146,375,597
747	NNT12938	Đỗ Thị Thực	Phường Khương Đình, Hà Nội	329,761,000	0	329,761,000	-76,593,000	406,354,000
748	NNT01579	Nguyễn Ngọc Hồi	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	498,948,000	165,838,000	333,110,000	-76,363,000	409,473,000
749	NNT12185	Nguyễn Thị Tinh	Phường Tây Tựu, Hà Nội	628,127,000	0	628,127,000	-76,275,274	704,402,274
750	NNT01764	Nguyễn Thị Oanh	Phường Song Liễu, Bắc Ninh	104,167,000	0	104,167,000	-76,228,000	180,395,000
751	NNT15901	Nguyễn Thị Định	Xã Hoài Đức, Hà Nội	70,000,000	65,000,000	5,000,000	-76,004,000	81,004,000
752	NNT11895	Phạm Thị Nhung	Phường Bắc An Phú, Tp Hải Phòng	121,053,000	0	121,053,000	-75,112,000	196,165,000
753	NNT18102	Lê Đức Hà	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	618,557,000	47,656,000	570,901,000	-75,111,000	646,012,000
754	NNT15692	Hà Văn Nghĩa	Phường Giảng Võ, Hà Nội	500,000,000	300,000,000	200,000,000	-74,730,000	274,730,000
755	NNT01561	Tạ Thị Nhung	Xã Yên Lãng, Hà Nội	138,956,000	0	138,956,000	-74,486,000	213,442,000
756	NNT12056	Lê Thị Loan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	1,037,158,000	597,200,000	439,958,000	-74,200,000	514,158,000
757	NNT13325	Lê Thị Liên	Xã Quang Hưng, Tỉnh Hưng Yên	299,355,084	0	299,355,084	-74,137,710	373,492,794
758	NNT15583	Phạm Thị Minh Đức	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	123,546,000	55,000,000	68,546,000	-73,883,000	142,429,000

759	NNT00830	Lã Thị Hồng Chiên	Phường Thượng Cát, Hà Nội	186,485,000	0	186,485,000	-73,736,000	260,221,000
760	NNT19379	Trịnh Thúy Nga	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	740,740,000	500,000,000	240,740,000	-73,682,000	314,422,000
761	NNT00981	Lâm Thị Nga	Phường Đồng Đa , Hà Nội	263,887,906	11,589,921	252,297,985	-72,461,985	324,759,970
762	NNT11480	Hoàng Thị Hạnh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	633,905,000	0	633,905,000	-71,710,000	705,615,000
763	NNT00947	Hoàng Thị Thanh Hương	Phường Kim Liên, Hà Nội	753,112,000	4,000,000	749,112,000	-71,650,000	820,762,000
764	NNT11301	Trương Thị Thoan	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,041,837,000	190,000,000	851,837,000	-71,641,000	923,478,000
765	NNT12258	Trần Công Hiệu	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	52,632,000	0	52,632,000	-71,232,300	123,864,300
766	NNT01319	Trần Linh Lan	Phường Bạch Mai,Hà Nội	236,082,874	32,000,874	204,082,000	-71,176,000	275,258,000
767	NNT16539	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Tô Hiệu, Sơn La	219,577,000	0	219,577,000	-71,072,000	290,649,000
768	NNT12150	Phạm Thị Thu Hường	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	812,418,000	50,000,000	762,418,000	-71,004,000	833,422,000
769	NNT00146	Nguyễn Thị Nga	Phường Từ Liêm, Tp Hà Nội	115,000,000	10,000,000	105,000,000	-71,003,000	176,003,000
770	NNT13192	Phan Văn Phòng	Phường Đồng Đa, Hà Nội	139,758,256	82,706,256	57,052,000	-70,620,000	127,672,000
771	NNT02091	Trần Thúy Lan	Phường Yên Hòa, Hà Nội	122,500,000	10,000,000	112,500,000	-70,550,000	183,050,000
772	NNT01715	Đỗ Quang Học	Xã Hòa Xá, Hà Nội	1,177,408,000	0	1,177,408,000	-70,380,500	1,247,788,500
773	NNT10818	Phan Thị Anh Thư	Phường Hà Đông, Hà Nội	52,083,000	0	52,083,000	-70,379,000	122,462,000

774	NNT00961	Bùi Thị Hương	Xã Hạ Hòa, Phú Thọ	277,370,620	77,370,620	200,000,000	-70,240,000	270,240,000
775	NNT00915	Đặng Thị Kim Ngân	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	723,886,000	0	723,886,000	-70,217,000	794,103,000
776	NNT14975	Kiều Văn Khang	Xã Tiến Thắng, Hà Nội	267,269,000	220,000,000	47,269,000	-69,962,000	117,231,000
777	NNT16166	Dương Thị Kim Loan	Phường Tân Hưng, HCM	2,120,000,000	1,000,000,000	1,120,000,000	-69,307,000	1,189,307,000
778	NNT12906	Trần Thị Hương	Phường Khương Đình, Hà Nội	137,516,000	0	137,516,000	-68,938,929	206,454,929
779	NNT12825	Nguyễn Kim Chi	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	50,000,000	35,000,000	15,000,000	-68,780,000	83,780,000
780	NNT01174	Nguyễn Thị Huệ	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	760,617,000	0	760,617,000	-67,898,000	828,515,000
781	NNT00691	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Phường Phương Liệt, Hà Nội	205,577,000	0	205,577,000	-67,824,000	273,401,000
782	NNT10897	Ngô Xuân Chung	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	117,172,000	0	117,172,000	-67,661,535	184,833,535
783	NNT01876	Nguyễn Thị Dục	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	100,000,000	88,000,000	12,000,000	-66,858,000	78,858,000
784	NNT11028	Thái Hồng Hào	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,000,000,000	98,031,000	901,969,000	-66,440,000	968,409,000
785	NNT10934	Phan Thị Thanh Mai	Xã Thụ Lâm, Hà Nội	157,942,000	0	157,942,000	-65,824,000	223,766,000
786	NNT00767	Nguyễn Thị Hương	Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	131,199,000	0	131,199,000	-65,630,000	196,829,000
787	NNT01983	Lê Trí Hùng	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	72,165,000	0	72,165,000	-65,560,000	137,725,000
788	NNT01129	Đỗ Thị Tuyết Trinh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	279,461,000	0	279,461,000	-65,552,540	345,013,540

789	NNT00751	Đỗ Thị Nhung	Phường Đồng Đa , Hà Nội	83,854,000	0	83,854,000	-65,467,000	149,321,000
790	NNT11067	Hoàng Văn Chung	Xã Cẩm Thủy, Thanh Hóa	181,606,000	0	181,606,000	-65,310,000	246,916,000
791	NNT17161	Trần Hoàng Yến	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	337,724,000	240,000,000	97,724,000	-65,166,940	162,890,940
792	NNT01563	Dương Thị Tố Nga	Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ	911,568,000	0	911,568,000	-65,133,000	976,701,000
793	NNT01706	Nguyễn Kim Anh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	105,000,000	0	105,000,000	-64,750,000	169,750,000
794	NNT12707	Ninh Thị Hưng	Phường Kim Thành, Hải Phòng	159,471,000	0	159,471,000	-64,490,000	223,961,000
795	NNT11164	Dương Quỳnh Hoa	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	122,877,000	0	122,877,000	-63,874,000	186,751,000
796	NNT00862	Nguyễn Thị Chương	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	122,922,000	0	122,922,000	-63,753,000	186,675,000
797	NNT15006	Nguyễn Hải Yến	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,600,000,000	1,549,239,790	50,760,210	-63,431,000	114,191,210
798	NNT15421	Trần Thị Mai Liên	Phường Tây Hồ, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	-63,240,000	166,333,000
799	NNT12123	Nguyễn Thị Thùy Chi	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	980,029,000	100,000,000	880,029,000	-63,120,000	943,149,000
800	NNT01624	Trần Thị Kim Thoa	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-63,090,000	113,090,000
801	NNT13143	Trần Hải Linh	Phường Đồng Đa , Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-62,969,000	162,969,000
802	NNT01960	Cung Thị Kim Dung	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	169,312,000	0	169,312,000	-62,942,000	232,254,000
803	NNT00851	Trương Mạnh Hà	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	195,745,000	110,000,000	85,745,000	-62,355,000	148,100,000

804	NNT01380	Kim Ngọc Tuế	Phường Ngọc Hồi, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	-62,350,000	165,443,000
805	NNT00158	Nguyễn Thị Hải Đường	Phường Đồng Đa , Hà Nội	948,594,271	254,000,000	694,594,271	-61,891,274	756,485,545
806	NNT15143	Phan Thu Hương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	6,242,409,850	3,505,119,435	2,737,290,415	-61,299,000	2,798,589,415
807	NNT13651	Nguyễn Văn Công	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	308,818,296	92,916,296	215,902,000	-61,276,296	277,178,296
808	NNT13339	Trần Quang Vinh	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	39,687,000	0	39,687,000	-60,968,000	100,655,000
809	NNT11788	Phạm Ngọc Hải	Phường Từ Liêm, Hà Nội	328,137,357	143,137,500	184,999,857	-60,941,000	245,940,857
810	NNT11485	Đào Hoàng Tiến	Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	170,000,000	139,000,000	31,000,000	-60,282,000	91,282,000
811	NNT13992	Nguyễn Đức Long	Xã Diên Sanh, Quảng Trị	404,281,000	0	404,281,000	-60,000,158	464,281,158
812	NNT12355	Đào Thị Kim Chi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	544,209,000	16,058,000	528,151,000	-59,967,000	588,118,000
813	NNT11743	Bùi Thị Hoàng Anh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	311,463,855	139,012,855	172,451,000	-59,941,298	232,392,298
814	NNT11451	Trần Thị Thanh	Phường Phú Thượng, Hà Nội	524,192,000	0	524,192,000	-59,825,000	584,017,000
815	NNT00454	Tạ Thị Thi	Phường Phú Diễn, Hà Nội	468,630,000	100,000,000	368,630,000	-59,513,000	428,143,000
816	NNT12060	Đinh Thị Thu Dung	Phường Tây Mỗ, Hà Nội	148,983,000	0	148,983,000	-59,468,000	208,451,000
817	NNT00370	Hoàng Thị Huyền Trang	Phường Thành Vinh, Nghệ An	249,644,082	105,820,000	143,824,082	-59,417,000	203,241,082
818	NNT13454	Đỗ Thị Phương	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	253,220,000	238,848,000	14,372,000	-58,848,000	73,220,000

819	NNT12135	Đỗ Thị Tám	Xã Tây Phương, Hà Nội	51,814,000	0	51,814,000	-58,198,000	110,012,000
820	NNT15712	Trịnh Tiến Vân	Phường Khương Đình, Hà Nội	684,210,000	0	684,210,000	-58,168,000	742,378,000
821	NNT01339	Phan Thị Kim Oanh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	120,219,000	0	120,219,000	-57,992,000	178,211,000
822	NNT01031	Phạm Thị Nga	Phường Cửa Nam, Hà Nội	600,000,000	0	600,000,000	-57,889,900	657,889,900
823	NNT15500	Nguyễn Văn Cảnh	Xã Vật Lại, Hà Nội	150,000,000	0	150,000,000	-57,816,000	207,816,000
824	NNT01035	Ngô Thị Tuyết Mai	Phường Kim Liên, Hà Nội	90,442,884	31,754,884	58,688,000	-57,752,000	116,440,000
825	NNT15410	Phạm Thị Hà	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	104,167,000	0	104,167,000	-57,741,000	161,908,000
826	NNT00946	Nguyễn Thị Thùy Dương	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	149,752,465	20,800,733	128,951,732	-57,734,400	186,686,132
827	NNT13566	Trần Anh Đảm	Xã Hồng Minh, Hưng Yên	101,010,000	0	101,010,000	-57,624,000	158,634,000
828	NNT01075	Hoàng Quốc Khánh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,337,044,000	0	1,337,044,000	-57,500,000	1,394,544,000
829	NNT11268	Đinh Tuấn Dũng	Phường Yên Hòa, Hà Nội	243,386,000	0	243,386,000	-57,395,000	300,781,000
830	NNT17389	Phạm Mai Trang	Phường Từ Liêm , Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	-57,299,000	263,485,000
831	NNT11150	Nguyễn Thị Tâm (001179013200 - 28/10/2016 - Cục CS)	Phường Yên Hòa, Hà Nội	1,700,000,000	0	1,700,000,000	-57,285,040	1,757,285,040
832	NNT18957	Nguyễn Thị Thu Hà	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	743,005,000	494,670,000	248,335,000	-57,261,000	305,596,000
833	NNT00982	Nguyễn Ngọc Kim	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	127,640,000	0	127,640,000	-56,951,000	184,591,000

834	NNT14993	Lê Mạnh Tuấn	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	545,696,000	0	545,696,000	-56,651,000	602,347,000
835	NNT01062	Vũ Thị Thắm	Phường Giảng Võ, Hà Nội	238,342,000	0	238,342,000	-55,904,000	294,246,000
836	NNT00364	Nguyễn Đức Thọ	Xã Tây Phương, Hà Nội	103,092,000	0	103,092,000	-55,830,000	158,922,000
837	NNT00650	Nguyễn Hương Thủy	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	148,880,000	0	148,880,000	-55,571,000	204,451,000
838	NNT13885	Vũ Hồng Thắng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	150,000,000	65,000,000	85,000,000	-55,369,000	140,369,000
839	NNT12129	Lê Trọng Tâm	Xã Đức Thịnh, Hà Tĩnh	401,316,000	0	401,316,000	-55,283,000	456,599,000
840	NNT10979	Phùng Văn Kiểm	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	771,770,563	218,766,563	553,004,000	-55,024,000	608,028,000
841	NNT01720	Nguyễn Văn Thắng	Xã Cổ Đô, Hà Nội	288,550,000	0	288,550,000	-54,951,000	343,501,000
842	NNT15708	Đỗ Thị Bích Trâm	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	159,044,000	70,000,000	89,044,000	-54,892,301	143,936,301
843	NNT13083	Thái Mai Hiền	Phường Cửa Nam, Hà Nội	54,644,000	8,197,000	46,447,000	-54,726,000	101,173,000
844	NNT00675	Nguyễn Thị Xuân Dung	Phường Hồng Hà, Hà Nội	189,300,000	0	189,300,000	-54,589,000	243,889,000
845	NNT10890	Lê Quang Dũng	Phường Sơn Tây, Hà Nội	118,556,000	0	118,556,000	-54,263,489	172,819,489
846	NNT00185	Nguyễn Thị Mão	Phường Kim Liên, Hà Nội	237,113,000	0	237,113,000	-53,910,000	291,023,000
847	NNT02209	Lưu Thị Oanh	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	174,320,000	0	174,320,000	-53,775,120	228,095,120
848	NNT01358	Nguyễn Anh Bộc	Phường Đông Vệ, Thanh Hóa	251,936,949	82,812,949	169,124,000	-52,805,000	221,929,000

849	NNT12754	Trần Thị Thanh Hương	Xã Liên Minh, Hà Nội	146,663,000	0	146,663,000	-52,552,000	199,215,000
850	NNT01562	Nguyễn Thị An	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	100,000,000	16,000,000	84,000,000	-52,405,000	136,405,000
851	NNT01354	Đinh Thị Sơn	Phường Tây Hồ, Hà Nội	88,242,000	0	88,242,000	-52,084,000	140,326,000
852	NNT11403	Nguyễn Bá Tài	Phường Phương Liệt, Hà Nội	343,923,000	87,000,000	256,923,000	-51,888,000	308,811,000
853	NNT10843	Nguyễn Thị Tươi	Phường Đồng Đa , Hà Nội	507,727,000	0	507,727,000	-51,738,635	559,465,635
854	NNT00646	Hoàng Ngọc Bình	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-51,686,000	151,686,000
855	NNT12860	Phạm Vũ Tân	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	143,805,000	80,000,000	63,805,000	-51,401,000	115,206,000
856	NNT01409	Phạm Đức Thăng	Phường Khương Đình ,Hà Nội	225,000,000	0	225,000,000	-51,370,800	276,370,800
857	NNT11679	Trương Tường Vi	Phường Bạch Mai, Hà Nội	562,500,000	200,000,000	362,500,000	-51,078,209	413,578,209
858	NNT11173	Nguyễn Thị Lan	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	1,898,407,000	0	1,898,407,000	-50,881,000	1,949,288,000
859	NNT00238	Nguyễn Thị Minh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	612,431,000	0	612,431,000	-50,731,000	663,162,000
860	NNT01094	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Phường Láng , Hà Nội	92,537,410	26,963,410	65,574,000	-50,535,000	116,109,000
861	NNT13276	Nguyễn Bá Hoan	Phường Cửa Nam, Hà Nội	73,015,000	0	73,015,000	-50,352,495	123,367,495
862	NNT13488	Nguyễn Đại Khôn	Phường Nam Định , Ninh Bình	586,880,000	270,016,000	316,864,000	-50,104,000	366,968,000
863	NNT01154	Hoàng Minh Đức	Phường Kim Liên, Hà Nội	59,062,740	9,062,740	50,000,000	-50,054,000	100,054,000

864	NNT13782	Đinh Mạnh Hải	Phường Kim Liên, Hà Nội	1,058,201,000	830,000,000	228,201,000	-48,750,000	276,951,000
865	NNT19638	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Sơn Tây, Hà Nội	52,083,000	30,000,000	22,083,000	-48,691,000	70,774,000
866	NNT11716	Phạm Văn Cư	Phường Bạch Mai, Hà Nội	750,000,000	0	750,000,000	-48,667,000	798,667,000
867	NNT14278	Hà Thị Linh	Xã Chí Minh, Tp Hải Phòng	52,356,000	45,000,000	7,356,000	-48,235,455	55,591,455
868	NNT16592	Giang Văn Phúc	Phường Yên Hòa, Hà Nội	661,943,000	250,000,000	411,943,000	-48,022,580	459,965,580
869	NNT15315	Võ Thị Hưng Thịnh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	209,424,000	0	209,424,000	-47,599,000	257,023,000
870	NNT01260	Hồ Thị Bích Liên	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	1,406,392,000	750,000,000	656,392,000	-47,557,000	703,949,000
871	NNT16681	Nguyễn Thị Kim Anh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	200,000,000	34,700,000	165,300,000	-47,340,000	212,640,000
872	NNT01881	Trần Khánh Vân	Phường Giảng Võ, Hà Nội	614,495,000	181,000,000	433,495,000	-47,096,000	480,591,000
873	NNT13567	Nguyễn Kim Hoa	Phường Vĩnh Tuy, Thành Phố Hà Nội	981,694,485	219,597,788	762,096,697	-46,762,303	808,859,000
874	NNT11522	Nguyễn Thị Thanh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	220,000,000	84,000,000	136,000,000	-46,590,000	182,590,000
875	NNT01527	Kiều Phú Cường	Xã Thái Thụy, Hưng Yên	152,773,000	0	152,773,000	-46,520,000	199,293,000
876	NNT17086	Trần Thị Thu Minh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	63,193,000	0	63,193,000	-46,500,000	109,693,000
877	NNT01263	Nguyễn Thị Vinh	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	163,935,000	0	163,935,000	-45,888,000	209,823,000
878	NNT01452	Nguyễn Thị Quang	Phường Đống Đa, Hà Nội	59,278,000	0	59,278,000	-45,702,000	104,980,000

879	NNT00952	Phạm Anh Tuấn	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	104,167,000	0	104,167,000	-45,596,000	149,763,000
880	NNT00986	Phan Thị Bận	Phường Nghĩa Đô Hà Nội	255,263,000	100,000,000	155,263,000	-45,053,000	200,316,000
881	NNT11405	Nguyễn Văn Cường	Phường Đồng Đa, Hà Nội	902,404,000	0	902,404,000	-44,942,000	947,346,000
882	NNT13054	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	36 Ngõ 25A Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Hà Nội	1,245,904,000	99,790,000	<u>1,146,114,000</u>	-44,723,137	<u>1,190,837,137</u>
883	NNT18550	Đỗ Quang Thạch	Phường Dương Nội, Hà Nội	174,074,000	0	174,074,000	-44,412,000	218,486,000
884	NNT01074	Nguyễn Quý Mão	Phường Đồng Đa , Hà Nội	1,734,551,101	676,351,101	1,058,200,000	-44,293,000	1,102,493,000
885	NNT13576	Phạm Thị Lan	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	618,557,000	375,000,000	243,557,000	-44,171,000	287,728,000
886	NNT15294	Nguyễn Thanh Thủy	Phường Giảng Võ, Hà Nội	494,352,024	275,120,025	219,231,999	-44,120,025	263,352,024
887	NNT13906	Nguyễn Anh Thư	Phường Giảng Võ, Hà Nội	74,468,000	53,000,000	21,468,000	-44,019,000	65,487,000
888	NNT14114	Thạch Thị Huệ	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	99,000,000	1,000,000	-43,300,000	44,300,000
889	NNT02180	Lê Thị Tản Lê	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	54,644,000	0	54,644,000	-43,071,000	97,715,000
890	NNT00199	Đỗ Bằng Đoàn	Phường Xuân Đình, Hà Nội	932,100,822	98,350,822	833,750,000	-42,787,165	876,537,165
891	NNT12861	Trần Thanh Phương	Phường Cam Đường, Lào Cai	303,710,493	86,319,493	217,391,000	-42,687,493	260,078,493
892	NNT01575	Nguyễn Thị Lâm	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-42,528,000	92,528,000
893	NNT12415	Bùi Thị Thái	Phường Tây Hồ, Hà Nội	150,000,000	18,000,000	132,000,000	-42,469,000	174,469,000

894	NNT13481	Ngô Thị Hồng Định	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	247,892,000	87,000,000	160,892,000	-42,464,000	203,356,000
895	NNT13575	Nguyễn Thị Bình	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	132,717,022	32,717,022	100,000,000	-42,138,000	142,138,000
896	NNT16928	Nguyễn Thị Minh Huệ	Phường Hà Đông, Hà Nội	200,000,000	170,000,000	30,000,000	-41,535,000	71,535,000
897	NNT01197	Nguyễn Thị Tịnh	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	481,798,000	0	481,798,000	-41,380,000	523,178,000
898	NNT01252	Ngô Thị Yến	Xã Vân Đình, Hà Nội	850,140,000	0	850,140,000	-40,888,000	891,028,000
899	NNT00195	Nguyễn Thị Kiều Trang	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	-40,857,000	247,042,000
900	NNT12806	Dương Lan Oanh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	126,123,000	0	126,123,000	-40,445,000	166,568,000
901	NNT01451	Nguyễn Thị Hiền	Xã Kê Sắt, Thành Phố Hải Phòng	931,163,859	351,533,859	579,630,000	-39,793,000	619,423,000
902	NNT14522	Bùi Kim Anh	Phường Phú Diễn, Hà Nội	164,186,000	0	164,186,000	-39,730,000	203,916,000
903	NNT11238	Ngô Hải Hiền	Phường Đồng Đa , Hà Nội	230,119,134	105,645,983	124,473,151	-39,518,000	163,991,151
904	NNT11761	Nguyễn Phương Mai	Phường Định Công, Hà Nội	444,251,536	26,590,000	417,661,536	-39,513,622	457,175,158
905	NNT00326	Nguyễn Thị Thanh	Phường Láng, Hà Nội	343,448,597	122,082,597	221,366,000	-39,496,000	260,862,000
906	NNT12332	Văn Quốc Chính	Phường Phương Liệt, Hà Nội	50,000,000	22,000,000	28,000,000	-39,436,000	67,436,000
907	NNT00775	Vũ Lê Phương Linh	Phường Kim Liên, Hà Nội	60,846,000	0	60,846,000	-39,221,000	100,067,000
908	NNT00374	Đặng Văn Thành	Phường Hà Đông, Hà Nội	130,791,000	0	130,791,000	-39,119,000	169,910,000

909	NNT15290	Phạm Duy Trung	Phường Hà Đông, Hà Nội	227,513,000	150,000,000	77,513,000	-39,000,000	116,513,000
910	NNT14132	Chu Thị Kim Loan	Phường Kim Liên, Hà Nội	615,951,820	0	615,951,820	-38,859,710	654,811,530
911	NNT18493	Nguyễn Thị Mút	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	200,000,000	179,000,000	21,000,000	-38,680,000	59,680,000
912	NNT15572	Đỗ Minh Lý	Phường Hà Đông, Hà Nội	113,661,000	0	113,661,000	-38,139,000	151,800,000
913	NNT19887	Chữ Thị Thu Hương	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám	370,370,000	312,347,000	58,023,000	-37,964,000	95,987,000
914	NNT11152	Phạm Văn Sơn	Phường Kim Liên, Hà Nội	440,000,000	0	440,000,000	-37,754,980	477,754,980
915	NNT13435	Phùng Thu Hằng	Phường Đồng Đa , Hà Nội	163,934,000	0	163,934,000	-37,309,500	201,243,500
916	NNT12883	Vũ Thị Tuyền	Xã Hậu Lộc, Thanh Hóa	609,289,000	0	609,289,000	-37,248,000	646,537,000
917	NNT01739	Phạm Thị Minh Hoa	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-37,009,000	137,009,000
918	NNT13034	Vũ Thu Thủy	Phường Hồng Hà, Hà Nội	224,216,000	0	224,216,000	-37,004,725	261,220,725
919	NNT19222	Nguyễn Quang Huy	Phường Hải Dương, Hải Phòng	110,380,000	84,168,000	26,212,000	-36,935,073	63,147,073
920	NNT01070	Nguyễn Thu Phượng	Phường Hồng Hà, Hà Nội	631,797,000	0	631,797,000	-36,872,000	668,669,000
921	NNT12295	Trần Nhị Hiền	Phường Yên Hòa, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-36,859,000	236,859,000
922	NNT00705	Nguyễn Tuyết Nga	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	87,170,000	0	87,170,000	-36,634,000	123,804,000
923	NNT00922	Lê Thị Tuyết	Xã Hương Sơn, Hà Tĩnh	100,000,000	0	100,000,000	-36,553,000	136,553,000

924	NNT00057	Nguyễn Thị Kiều Sang	Phường Phúc Lợi, Hà Nội	140,151,000	0	140,151,000	-36,525,500	176,676,500
925	NNT12983	Nguyễn Thị Phương	Phường Xuân Đình, Hà Nội	669,210,205	119,210,205	550,000,000	-36,311,000	586,311,000
926	NNT00746	Phạm Xuân Thiệp	Phường Khương Đình, Hà Nội	1,506,119,397	684,450,397	821,669,000	-35,816,000	857,485,000
927	NNT16187	Bùi Thị Loan	Phường Bạch Mai, Hà Nội	301,916,360	150,765,360	151,151,000	-35,483,000	186,634,000
928	NNT11746	Nguyễn Thị Dung	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	351,640,000	145,573,000	206,067,000	-35,206,000	241,273,000
929	NNT00049	Phan Thị Vinh	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	315,200,000	0	315,200,000	-35,019,000	350,219,000
930	NNT13753	Nguyễn Việt Anh	Xã Ô Diên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-35,000,000	135,000,000
931	NNT12057	Trần Tuyết Mai	Phường Cửa Nam, Hà Nội	206,606,453	51,876,453	154,730,000	-34,950,000	189,680,000
932	NNT01828	Nguyễn Đình Vinh	Xã Đông Cứu, Tỉnh Bắc Ninh	311,569,000	0	311,569,000	-34,806,000	346,375,000
933	NNT12755	Phan Đăng Khoa	Phường Nam Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	521,640,000	284,500,000	237,140,000	-34,779,000	271,919,000
934	NNT10966	Lý Hồng Vân	Phường Phú Diễn, Hà Nội	541,270,000	0	541,270,000	-34,505,700	575,775,700
935	NNT01049	Ngô Thị Hiếu	Phường Phú Lý, Ninh Bình	293,562,000	0	293,562,000	-34,370,000	327,932,000
936	NNT01088	Phạm Văn Thắng	Xã Thư Lâm , Hà Nội	92,115,194	35,541,194	56,574,000	-34,218,000	90,792,000
937	NNT02111	Vũ Thị Tuyết Thanh	Phường Nghĩa Đô ,Hà Nội	154,712,000	0	154,712,000	-34,042,000	188,754,000
938	NNT12402	Nguyễn Tuấn Đức	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	127,427,000	0	127,427,000	-33,965,000	161,392,000

939	NNT16327	Giang Thị Thu Hà	Phường Hà Đông, Hà Nội	509,747,026	160,927,026	348,820,000	-33,955,395	382,775,395
940	NNT12645	Vũ Thị Thanh Hà	Phường Thanh Xuân, Tp Hà Nội	137,566,000	0	137,566,000	-33,863,000	171,429,000
941	NNT12905	Phan Ngọc Sửu	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	54,829,000	0	54,829,000	-33,578,315	88,407,315
942	NNT19255	Đỗ Thị Loan	Xã Khoái Châu, Hưng Yên	239,580,000	220,000,000	19,580,000	-33,117,000	52,697,000
943	NNT23473	Nguyễn Thành Trung	Xã Gia Lâm, Hà Nội	515,464,000	465,000,000	50,464,000	-32,500,700	82,964,700
944	NNT12208	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phường Phú Diễn, Hà Nội	239,167,000	100,000,000	139,167,000	-32,454,000	171,621,000
945	NNT10877	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phường Cửa Nam, Hà Nội	52,632,000	0	52,632,000	-32,420,750	85,052,750
946	NNT15312	Lê Thị Tuyết Nhung	Phường Tây Hồ, Hà Nội	750,000,000	374,222,397	375,777,603	-32,330,000	408,107,603
947	NNT20598	Vũ Thúy Hạnh	Phường Bạch Mai, Hà Nội	327,869,000	232,719,165	95,149,835	-32,049,420	127,199,255
948	NNT11658	Dương Thị Mai Phương	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	100,000,000	49,000,000	51,000,000	-31,967,000	82,967,000
949	NNT16253	Trần Thị Thu Hiền	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	175,209,000	173,000,000	2,209,000	-31,865,000	34,074,000
950	NNT12524	Nguyễn Văn Nam	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	206,186,000	0	206,186,000	-31,017,580	237,203,580
951	NNT12356	Lưu Đăng Kiên	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	708,994,000	434,755,000	274,239,000	-30,834,000	305,073,000
952	NNT00045	Trần Xuân Chính	Phường Phú Diễn, Hà Nội	160,489,000	0	160,489,000	-30,716,000	191,205,000
953	NNT13409	Lê Thị Trang	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	76,503,000	0	76,503,000	-30,692,000	107,195,000

954	NNT12386	Phạm Ngọc Thắng	Phường Từ Liêm, Hà Nội	58,673,000	0	58,673,000	-30,501,000	89,174,000
955	NNT17248	Tạ Thị Đăng	Xã Thường Tín, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	-30,485,000	330,485,000
956	NNT18817	Nguyễn Lan Phương	Phường Tây Hồ, Hà Nội	607,557,402	485,972,402	121,585,000	-30,323,000	151,908,000
957	NNT13395	Trần Huy Thái	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	231,513,000	64,000,000	167,513,000	-30,150,000	197,663,000
958	NNT13685	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-30,090,000	80,090,000
959	NNT00884	Nguyễn Thị Mạc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	176,852,000	0	176,852,000	-28,201,000	205,053,000
960	NNT01475	Nguyễn Thị Anh Đào	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,813,647,401	162,424,506	1,651,222,895	-28,017,830	1,679,240,725
961	NNT12715	Phạm Thúy Hằng	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	62,842,000	0	62,842,000	-27,880,000	90,722,000
962	NNT01857	Nguyễn Thành Nhật	Xã Đan Phượng, Hà Nội	421,513,033	65,839,017	355,674,016	-27,628,000	383,302,016
963	NNT16685	Đoàn Thị Như Mai	Phường Hải Châu, Đà Nẵng	200,000,000	125,177,648	74,822,352	-27,626,000	102,448,352
964	NNT23860	Nguyễn Thu Trang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	777,583,000	724,900,000	52,683,000	-27,479,708	80,162,708
965	NNT12204	Ngô Thị Hường	Phường Đại Mỗ, Hà Nội	159,737,000	0	159,737,000	-27,433,523	187,170,523
966	NNT00808	Thái Vũ Thanh Hương	Phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình	279,032,000	0	279,032,000	-27,420,000	306,452,000
967	NNT00608	Tạ Vũ Thu Thủy	Phường Láng , Hà Nội	588,582,425	112,633,502	475,948,923	-27,407,000	503,355,923
968	NNT15742	Nguyễn Mai Hương	Phường Khương Đình ,Hà Nội	53,763,000	0	53,763,000	-26,993,000	80,756,000

969	NNT11345	Vũ Văn Đạt	Xã Mai Sơn, Sơn La	103,093,000	0	103,093,000	-26,871,580	129,964,580
970	NNT15406	Trần Đình Hùng	Phường Láng , Hà Nội	152,458,765	88,721,000	63,737,765	-26,795,000	90,532,765
971	NNT12910	Hồ Ngọc Phương	Phường Kim Liên, Tp Hà Nội	112,575,000	0	112,575,000	-26,736,000	139,311,000
972	NNT11577	Nguyễn Văn Dũng	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	150,604,000	0	150,604,000	-25,500,000	176,104,000
973	NNT12313	Hoàng Thị Thái Mai	Phường Phương Liệt, Hà Nội	682,617,000	300,000,000	382,617,000	-25,478,000	408,095,000
974	NNT16188	Nguyễn Hồng Sơn	Xã Đức Cơ, Gia Lai	208,150,000	200,000,000	8,150,000	-25,335,000	33,485,000
975	NNT15748	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	53,763,000	0	53,763,000	-25,000,000	78,763,000
976	NNT19524	Trương Thị Mỹ Huyền	Xã Lương Sơn, Phú Thọ	105,820,000	105,000,000	820,000	-24,981,000	25,801,000
977	NNT19521	Trần Thị Lý	Xã Tuấn Giáo, Tỉnh Điện Biên	105,820,000	105,000,000	820,000	-24,981,000	25,801,000
978	NNT16993	Nguyễn Thị Thanh Vân	Xã Tây Phương, Hà Nội	61,903,000	0	61,903,000	-24,723,644	86,626,644
979	NNT14183	Vũ Thị Sửu	Phường Từ Liêm, Hà Nội	109,289,000	0	109,289,000	-24,679,000	133,968,000
980	NNT01649	Lương Ngọc Huyền	Phường Kim Liên, Hà Nội	154,336,193	21,437,146	132,899,047	-24,404,000	157,303,047
981	NNT22418	Đinh Thị Hải Ngân	Xã Yên Khánh, Ninh Bình	131,203,000	0	131,203,000	-24,387,000	155,590,000
982	NNT10959	Nguyễn Thị Hà	Phường Yên Hòa, Hà Nội	243,161,000	0	243,161,000	-23,958,000	267,119,000
983	NNT13839	Phan Thị Khánh Chi	Phường Giảng Võ, Hà Nội	92,353,000	0	92,353,000	-23,746,670	116,099,670

984	NNT11214	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phường Định Công, Hà Nội	152,083,000	50,000,000	102,083,000	-23,639,000	125,722,000
985	NNT13640	Nguyễn Phương Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	209,987,000	100,000,000	109,987,000	-23,336,079	133,323,079
986	NNT13082	Đặng Thiên Hương	Phường Long Biên, Hà Nội	106,644,000	58,197,000	48,447,000	-22,993,753	71,440,753
987	NNT13261	Nguyễn Thị Minh	Phường Định Công, Hà Nội	206,185,000	0	206,185,000	-22,663,000	228,848,000
988	NNT13428	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Phường Hà Đông, Hà Nội	400,000,000	200,000,000	200,000,000	-22,652,000	222,652,000
989	NNT00174	Trần Minh Trí	Phường Phương Liệt, Hà Nội	105,820,000	83,000,000	22,820,000	-22,583,000	45,403,000
990	NNT00113	Vũ Văn Thắng	Phường Cửa Nam, Hà Nội	122,532,877	22,532,877	100,000,000	-22,120,000	122,120,000
991	NNT00153	Hoàng Thị Thu Hoài	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	744,096,000	-47,000,000	791,096,000	-22,066,135	813,162,135
992	NNT01247	Đào Thị Hoa	Phường Nghĩa Trụ, Hưng Yên	891,816,000	76,000,000	815,816,000	-21,918,000	837,734,000
993	NNT11744	Dương Văn Huân	Phường Xuân Đình, Hà Nội	818,839,000	200,000,000	618,839,000	-21,859,000	640,698,000
994	NNT01439	Đoàn Thị Tâm	P.Tây Hồ, Hà Nội	287,915,831	73,833,831	214,082,000	-21,840,000	235,922,000
995	NNT15473	Phạm Thanh Mai	Phường Việt Hưng, Hà Nội	1,023,466,229	622,000,000	401,466,229	-21,780,000	423,246,229
996	NNT15683	Phạm Thế Long	Xã Nam Trục, Ninh Bình	210,000,000	163,500,000	46,500,000	-21,767,000	68,267,000
997	NNT01457	Nguyễn Nhật Quang	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	261,727,764	61,986,764	199,741,000	-21,701,000	221,442,000
998	NNT01784	Vũ Thị Tuyền	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	594,154,000	0	594,154,000	-21,648,000	615,802,000

999	NNT13501	Trần Đắc Độ	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	119,082,001	45,637,001	73,445,000	-21,560,001	95,005,001
1000	NNT01391	Nguyễn Thị Liễu	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	75,049,000	0	75,049,000	-21,450,000	96,499,000
1001	NNT14432	Nguyễn Thị Điệp	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	500,000,000	0	500,000,000	-21,417,000	521,417,000
1002	NNT15995	Nguyễn Thị Đa	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,081,081,000	544,578,000	536,503,000	-21,016,000	557,519,000
1003	NNT11868	Nguyễn Thị Bích Thuận	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	263,453,000	31,746,000	231,707,000	-21,010,000	252,717,000
1004	NNT19762	Lê Trần Đại Nghĩa	Phường Cửa Nam, Hà Nội	105,263,000	100,000,000	5,263,000	-20,935,000	26,198,000
1005	NNT00886	Nguyễn Thị Hiền	Phường Từ Liêm ,Hà Nội	91,288,000	0	91,288,000	-20,820,000	112,108,000
1006	NNT01932	Nguyễn Thị Oanh	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	50,000,000	10,000,000	40,000,000	-20,752,000	60,752,000
1007	NNT17189	Nguyễn Thị Thương	Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	50,000,000	0	50,000,000	-20,709,000	70,709,000
1008	NNT16107	Bùi Hoàng Cúc	Phường Từ Liêm, Hà Nội	52,083,000	0	52,083,000	-20,663,787	72,746,787
1009	NNT13700	Phan Sỹ Phú	Phường Hà Đông, Hà Nội	124,135,000	0	124,135,000	-20,583,000	144,718,000
1010	NNT11267	Nguyễn Tiến San	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-20,146,000	120,146,000
1011	NNT14695	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	335,623,000	0	335,623,000	-20,026,000	355,649,000
1012	NNT00987	Nguyễn Thị Yên	Phường Cửa Nam, Hà Nội	125,684,000	0	125,684,000	-19,637,000	145,321,000
1013	NNT12424	Nguyễn Quỳnh Anh	Phường Hồng Hà, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	-19,562,000	79,562,000

1014	NNT14537	Phạm Thị Hoa Huệ	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	467,452,384	230,452,384	237,000,000	-19,514,580	256,514,580
1015	NNT15620	Nguyễn Thị Mai Thơ	Phường Từ Liêm, Hà Nội	269,265,205	159,265,205	110,000,000	-19,415,205	129,415,205
1016	NNT20692	Lê Thị Thu Hương	Phường Phú Diễn, Hà Nội	102,041,000	100,000,000	2,041,000	-19,000,000	21,041,000
1017	NNT01485	Lê Văn Minh	Căn Hộ 24C, Chung Cư Bình Vượng, 200 Quang Trung, P. Hà Đông, Hà Nội	700,000,000	0	700,000,000	-18,972,000	718,972,000
1018	NNT13168	Phạm Hồng Diệp	Phường Bồ Đề, Hà Nội	53,763,000	3,000,000	50,763,000	-18,901,000	69,664,000
1019	NNT00055	Đinh Văn Du	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	104,134,000	0	104,134,000	-18,692,000	122,826,000
1020	NNT22155	Trần Thủy Hằng	Phường Láng, Hà Nội	118,557,000	0	118,557,000	-18,500,000	137,057,000
1021	NNT15280	Đỗ Văn Sinh	Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên	65,184,000	0	65,184,000	-18,445,980	83,629,980
1022	NNT14987	Lê Xuân Thành	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	101,266,000	79,700,000	21,566,000	-18,274,000	39,840,000
1023	NNT17985	Mai Thị Bích Liên	Phường Xuân Phương, Hà Nội	211,640,000	30,000,000	181,640,000	-17,868,790	199,508,790
1024	NNT17168	Tổng Thị Hiền	Xã Vạn Thắng, Tỉnh Ninh Bình	278,351,000	200,000,000	78,351,000	-17,754,000	96,105,000
1025	NNT00276	Lành Thị Hưởng	Phường Kim Liên, Hà Nội	802,704,000	0	802,704,000	-17,659,174	820,363,174
1026	NNT15040	Trần Thọ Bình	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	182,539,000	0	182,539,000	-17,614,000	200,153,000
1027	NNT01546	Lê Mai Hoàng	Phường Hạc Thành, Thanh Hóa	59,896,000	0	59,896,000	-17,442,000	77,338,000
1028	NNT16000	Phạm Thị Hồng Hiền	Phường Xuân Đình, Hà Nội	230,000,000	200,000,000	30,000,000	-17,350,000	47,350,000

1029	NNT01608	Hoàng Thị Thanh Hằng	Xã Tây Phương, Hà Nội	675,487,047	236,197,047	439,290,000	-17,256,265	456,546,265
1030	NNT16729	Tạ Thị Thảo	Xã Thái Thụy , Hưng Yên	243,546,000	239,424,000	4,122,000	-17,253,000	21,375,000
1031	NNT19582	Ngô Hà My	Phường Kim Liên, Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	-17,153,000	127,153,000
1032	NNT12119	Nguyễn Phúc Sinh	Phường Khương Đình, Hà Nội	140,000,000	100,000,000	40,000,000	-17,071,000	57,071,000
1033	NNT01187	Trần Bích Hạnh	Phường Cửa Nam, Hà Nội	207,977,419	52,642,419	155,335,000	-17,068,500	172,403,500
1034	NNT01547	Lê Mai Hùng	Phường Hạc Thành, Thanh Hóa	59,896,000	0	59,896,000	-16,942,000	76,838,000
1035	NNT01496	Trần Kiều Trinh	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	55,412,000	0	55,412,000	-16,694,000	72,106,000
1036	NNT13588	Dương Thị Lương Thảo	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	-16,684,000	68,230,000
1037	NNT11431	Nguyễn Đức Hà	Phường Hoàn Kiếm ,Hà Nội	110,000,000	0	110,000,000	-16,614,000	126,614,000
1038	NNT01388	Lê Thanh Dũng	Phường Ba Đình, Hà Nội	312,169,000	0	312,169,000	-16,607,000	328,776,000
1039	NNT17206	Trịnh Thị Thanh	Xã Xuân Mai, Hà Nội	200,000,000	180,000,000	20,000,000	-16,565,000	36,565,000
1040	NNT14963	Kim Thị Hân	Phường Phú Diễn, Hà Nội	50,000,000	25,000,000	25,000,000	-16,317,000	41,317,000
1041	NNT13764	Nguyễn Tuấn Minh	612-K2 Đt Việt Hưng, P.Việt Hưng , Hà Nội	965,079,000	500,000,000	465,079,000	-16,242,000	481,321,000
1042	NNT13367	Mai Hưng Thịnh	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	81,423,676	12,637,338	68,786,338	-16,128,000	84,914,338
1043	NNT11058	Nguyễn Cao Thắng	Phường Xuân Đình, Hà Nội	74,012,000	0	74,012,000	-15,752,000	89,764,000

1044	NNT13710	Vũ Tôn Quyền	Phường Hải An ,Hải Phòng	286,904,000	0	286,904,000	-15,569,211	302,473,211
1045	NNT12244	Đặng Thị Minh Tý	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	145,000,000	105,000,000	40,000,000	-15,541,000	55,541,000
1046	NNT13673	Bùi Thị Huân	Phường Hà Đông, Hà Nội	60,000,000	0	60,000,000	-15,063,000	75,063,000
1047	NNT02092	Lê Hoài Nam	Xã Ứng Hòa, Hà Nội	270,407,000	32,787,000	237,620,000	-14,949,600	252,569,600
1048	NNT00144	Nguyễn Văn Định	Xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	103,093,000	0	103,093,000	-14,949,000	118,042,000
1049	NNT00476	Lê Thị Thanh	Phường Tây Hồ, Hà Nội	206,186,000	0	206,186,000	-14,896,000	221,082,000
1050	NNT02044	Kim Thị Khuyên	Phường Xuân Đình,Hà Nội	443,392,389	113,754,389	329,638,000	-14,611,000	344,249,000
1051	NNT12613	Nguyễn Đình Thi	Phường Đông Ngạc , Hà Nội	138,839,000	0	138,839,000	-14,579,000	153,418,000
1052	NNT12289	Nguyễn Đức Trị	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	585,555,000	50,000,000	535,555,000	-14,554,000	550,109,000
1053	NNT11047	Kiều Văn Tý	Phường Hoàng Liệt, Hà Nội	236,208,000	0	236,208,000	-14,516,000	250,724,000
1054	NNT12451	Nguyễn Thị Tâm	Phường Láng , Hà Nội	700,000,000	0	700,000,000	-14,217,000	714,217,000
1055	NNT00582	Đào Thị Hạnh	Phường Tương Mai, Hà Nội	158,201,000	0	158,201,000	-14,201,000	172,402,000
1056	NNT16922	Quách Thị Kim Thanh	Phường Hoàn Kiếm ,Hà Nội	50,000,000	37,500,000	12,500,000	-14,077,860	26,577,860
1057	NNT00662	Nguyễn Thị Vinh	Phường Kim Liên, Hà Nội	399,284,535	113,604,535	285,680,000	-13,812,000	299,492,000
1058	NNT01576	Nguyễn Thị Hạnh	Xã Ô Diên, Hà Nội	71,461,437	3,836,095	67,625,342	-13,804,000	81,429,342

1059	NNT12655	Hà Như Cam	Phường Hồng Hà, Hà Nội	108,510,000	0	108,510,000	-13,187,000	121,697,000
1060	NNT10846	Nguyễn Anh Tuấn	Phường Ba Đình, Hà Nội	156,824,195	41,275,295	115,548,900	-13,130,000	128,678,900
1061	NNT11204	Nông Thị Như Lý	Phường Việt Hưng, Hà Nội	50,378,000	0	50,378,000	-13,125,000	63,503,000
1062	NNT01131	Hà Hoàng Quyên	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	176,250,000	0	176,250,000	-13,085,000	189,335,000
1063	NNT12673	Trần Thị Thu Hương	Phường Ba Đình, Hà Nội	50,000,000	30,000,000	20,000,000	-13,083,000	33,083,000
1064	NNT16471	Phan Quang Tuấn	Phường Tây Hồ, Hà Nội	200,000,000	0	200,000,000	-13,007,000	213,007,000
1065	NNT14542	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Phường Kim Liên, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-12,983,000	112,983,000
1066	NNT19818	Nguyễn Thị Hiếu	Phường Việt Hưng, Hà Nội	105,263,000	90,000,000	15,263,000	-12,973,000	28,236,000
1067	NNT01707	Phan Hồng Anh	Phường Giảng Võ, Hà Nội	232,804,000	0	232,804,000	-12,869,000	245,673,000
1068	NNT13259	Đoàn Mạnh Phú	Phường Ngọc Hà , Hà Nội	67,965,861	21,965,861	46,000,000	-12,832,000	58,832,000
1069	NNT12709	Trần Thị Thanh Huyền	Phường Hà Đông, Hà Nội	188,135,000	0	188,135,000	-12,458,000	200,593,000
1070	NNT17464	Trần Minh Huyền	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	164,188,000	150,000,000	14,188,000	-12,310,000	26,498,000
1071	NNT21301	Đinh Minh Thành	Phường Ba Đình, Hà Nội	80,500,000	0	80,500,000	-12,279,000	92,779,000
1072	NNT13348	Nguyễn Tùng Dương	Phường Sơn Tây, Hà Nội	149,358,000	50,000,000	99,358,000	-12,180,580	111,538,580
1073	NNT14128	Trần Văn Tri	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	388,972,000	0	388,972,000	-12,046,000	401,018,000

1074	NNT11941	Trần Thị Dung	Xã Ô Diên, Hà Nội	130,163,000	0	130,163,000	-12,034,000	142,197,000
1075	NNT10851	Lê Văn Hợp	Xã Hoằng Hóa, Thanh Hóa	59,896,000	0	59,896,000	-12,015,630	71,911,630
1076	NNT11024	Nguyễn Tiến Thành	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	92,129,410	9,295,000	82,834,410	-11,999,000	94,833,410
1077	NNT17088	Đặng Tiến Thành	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	474,140,274	239,814,041	234,326,233	-11,997,000	246,323,233
1078	NNT17119	Nguyễn Thị Mai Phương	Phường Đồng Đa, Hà Nội	672,500,000	0	672,500,000	-11,728,900	684,228,900
1079	NNT00122	Tạ Xuân Trung	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	121,693,000	0	121,693,000	-11,566,000	133,259,000
1080	NNT11979	Trần Thị Thanh Thủy	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	168,549,000	15,873,000	152,676,000	-11,339,000	164,015,000
1081	NNT20253	Đặng Kim Hồng	Phường Tương Mai, Hà Nội	75,442,000	0	75,442,000	-11,289,575	86,731,575
1082	NNT00784	Đào Khắc Hoa	Xã Cư M'Gar, Đắk Lắk	604,279,000	0	604,279,000	-11,187,000	615,466,000
1083	NNT15356	Nguyễn Quang Anh	Phường Đồng Đa, Hà Nội	61,538,000	60,000,000	1,538,000	-10,750,000	12,288,000
1084	NNT01167	Lê Thị Thanh Thủy	Xã Vĩnh Chân, Tỉnh Phú Thọ	261,915,021	175,745,021	86,170,000	-10,456,000	96,626,000
1085	NNT00234	Tạ Thị Lan	Xã Đan Phượng, Hà Nội	1,952,993,247	1,178,993,247	774,000,000	-10,434,000	784,434,000
1086	NNT00685	Đinh Thị Viện	Phường Kim Liên, Tp Hà Nội	514,270,116	93,578,558	420,691,558	-10,343,000	431,034,558
1087	NNT00576	Trần Thị Nụ	Phường Đông Vệ, Thanh Hóa	371,072,000	0	371,072,000	-10,313,000	381,385,000
1088	NNT13398	Nguyễn Thị Hải Tiến	Phường Đức Nhuận, HCM	50,000,000	0	50,000,000	-10,096,000	60,096,000

1089	NNT15268	Phan Văn Hậu	Xã Lệ Thủy, Quảng Trị	133,140,548	58,140,548	75,000,000	-9,945,548	84,945,548
1090	NNT23010	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phường Ngọc Hà , Hà Nội	1,500,000,000	1,496,548,000	3,452,000	-9,616,000	13,068,000
1091	NNT13832	Nghiêm Thị Hà	Xã Gia Phúc, Tp Hải Phòng	104,000,000	35,108,000	68,892,000	-9,593,000	78,485,000
1092	NNT01186	Đinh Thị Hòa	Phường Ba Đình, Hà Nội	157,725,163	0	157,725,163	-9,567,000	167,292,163
1093	NNT16671	Hà Thị Huyền	Xã Ninh Giang, Tp Hải Phòng	809,259,000	709,519,000	99,740,000	-9,509,570	109,249,570
1094	NNT16956	Nguyễn Hoàng Thu Trang	Phường Cửa Nam, Hà Nội	105,820,000	100,000,000	5,820,000	-9,462,298	15,282,298
1095	NNT12656	Nguyễn Thị Hoa	Phường Phương Liệt, Hà Nội	51,563,000	0	51,563,000	-9,227,000	60,790,000
1096	NNT11359	Đào Thị Bình	Xã Xuân Lộc, Hà Tĩnh	100,000,000	0	100,000,000	-9,203,000	109,203,000
1097	NNT20456	Lê Thị Thu Hà	Phường Việt Hưng, Hà Nội	211,640,000	155,000,000	56,640,000	-9,120,000	65,760,000
1098	NNT14735	Nguyễn Thị Đức Hạnh	Phường Định Công, Hà Nội	158,730,000	0	158,730,000	-9,039,010	167,769,010
1099	NNT11881	Nguyễn Thị Dung	Phường Nghĩa Đô ,Hà Nội	1,473,777,546	972,564,000	501,213,546	-8,727,454	509,941,000
1100	NNT00161	Tô Thị Phụng	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	1,181,624,018	348,440,000	833,184,018	-8,691,000	841,875,018
1101	NNT16356	Nguyễn Thùy Giang	Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	108,240,000	50,000,000	58,240,000	-8,648,000	66,888,000
1102	NNT00479	Nguyễn Thị Mai Hoa	Phường Sơn Tây, Hà Nội	478,280,000	50,000,000	428,280,000	-8,613,000	436,893,000
1103	NNT11964	Đỗ Trọng Đạt	Phường Láng , Hà Nội	69,664,515	13,105,515	56,559,000	-8,602,000	65,161,000

1104	NNT13889	Lê Thị Tuyết Mai	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	300,000,000	0	300,000,000	-8,560,000	308,560,000
1105	NNT15581	Nguyễn Thanh Bình	Phường Giảng Võ, Hà Nội	197,713,000	125,000,000	72,713,000	-8,173,000	80,886,000
1106	NNT00300	Phan Hà Thu	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-7,946,000	107,946,000
1107	NNT21451	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	1,047,120,000	1,005,000,000	42,120,000	-7,800,200	49,920,200
1108	NNT12818	Lê Thị Trúc Mai	Phường Kim Liên, Tp Hà Nội	372,135,000	0	372,135,000	-7,644,040	379,779,040
1109	NNT12161	Đỗ Việt Thắng	Phường Xuân Đình, Hà Nội	200,000,000	124,013,699	75,986,301	-7,441,000	83,427,301
1110	NNT16518	Phạm Thu Trang	Phường Ba Đình, Hà Nội	252,194,932	122,194,932	130,000,000	-7,394,932	137,394,932
1111	NNT12173	Vương Thị Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	50,000,000	0	50,000,000	-7,305,000	57,305,000
1112	NNT00876	Nguyễn Thị Lưu	Phường Yên Hòa, Hà Nội	646,184,000	0	646,184,000	-7,186,000	653,370,000
1113	NNT01776	Võ Thị Ngọc Yến	Phường Cửa Nam, Hà Nội	323,629,000	0	323,629,000	-7,129,180	330,758,180
1114	NNT01338	Nguyễn Thị Châm	Phường Đông Vệ, Thanh Hóa	631,665,209	150,490,209	481,175,000	-7,093,000	488,268,000
1115	NNT15397	Đinh Trọng Khang	Phường Từ Liêm, Hà Nội	124,224,000	0	124,224,000	-7,082,000	131,306,000
1116	NNT11220	Nguyễn Đức Tuyên	Phường Xuân Đình, Hà Nội	85,000,000	0	85,000,000	-7,063,000	92,063,000
1117	NNT01495	Đặng Bích Ngọc	Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	138,936,000	0	138,936,000	-7,008,000	145,944,000
1118	NNT11777	Lương Minh Ngọc	Xã Thường Tín, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-6,940,000	106,940,000

1119	NNT11652	Nguyễn Kiên Trung	Phường Kim Liên, Tp Hà Nội	61,140,000	30,000,000	31,140,000	-6,897,000	38,037,000
1120	NNT17302	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	50,751,000	50,000,000	751,000	-6,858,258	7,609,258
1121	NNT15231	Vũ Đức Thu	Xã Đại Thanh, Hà Nội	405,468,135	128,427,135	277,041,000	-6,831,135	283,872,135
1122	NNT01359	Bùi Thị Đào	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	54,546,000	0	54,546,000	-6,728,380	61,274,380
1123	NNT16863	Nguyễn Văn Phú	Phường Hà Đông, Tp Hà Nội	531,915,000	185,000,000	346,915,000	-6,499,000	353,414,000
1124	NNT10971	Đỗ Văn Hồng	Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	287,032,000	0	287,032,000	-6,396,000	293,428,000
1125	NNT16626	Hoàng Thu Hồng	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	208,333,000	0	208,333,000	-6,241,712	214,574,712
1126	NNT13872	Dương Thị Bằng	Phường Ba Đình, Hà Nội	211,640,000	0	211,640,000	-6,144,000	217,784,000
1127	NNT11691	Nguyễn Bích Liên	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	-5,842,900	115,132,900
1128	NNT13336	Lê Thị Sứa	Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	100,000,000	14,000,000	86,000,000	-5,819,000	91,819,000
1129	NNT01420	Phạm Thị Khanh	Phường Thanh Xuân ,Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-5,437,000	55,437,000
1130	NNT01634	Nguyễn Liên Hương	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	898,942,000	20,000,000	878,942,000	-5,186,530	884,128,530
1131	NNT14610	Nguyễn Bích Ngọc	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	105,263,000	10,000,000	95,263,000	-4,967,000	100,230,000
1132	NNT11230	Nguyễn Công Phụng	Xã Anh Sơn, Nghệ An	51,020,000	0	51,020,000	-4,946,000	55,966,000
1133	NNT02164	Tổng Xuân Thái	Phường Mường Thanh, Điện Biên	120,000,000	0	120,000,000	-4,674,000	124,674,000

1134	NNT13493	Nguyễn Thu Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	109,290,000	0	109,290,000	-4,634,000	113,924,000
1135	NNT12170	Hoàng Thị Thu Phương	Phường Chương Mỹ, Hà Nội	61,828,000	0	61,828,000	-4,505,000	66,333,000
1136	NNT14864	Bùi Diệu Thúy	Phường Việt Hưng, Hà Nội	141,667,000	0	141,667,000	-4,448,000	146,115,000
1137	NNT12679	Trịnh Thị Trang	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	51,546,000	0	51,546,000	-4,412,000	55,958,000
1138	NNT17047	Nguyễn Thị Thỏa	Xã Nam Tiên Hưng, Hưng Yên	57,356,000	411,029	56,944,971	-4,389,000	61,333,971
1139	NNT11409	Nguyễn Xuân Côn	Phường Bạch Mai, Hà Nội	163,933,000	24,590,000	139,343,000	-4,331,565	143,674,565
1140	NNT17053	Nguyễn Thị Hồng	Phường Việt Hưng, Hà Nội	206,830,000	100,000,000	106,830,000	-4,324,000	111,154,000
1141	NNT01063	Trần Thị Hiền	Phường Láng, Hà Nội	213,054,000	0	213,054,000	-4,262,000	217,316,000
1142	NNT13186	Nguyễn Thị Hồng Nhạn	Phường Tây Hồ, Hà Nội	209,424,000	75,791,000	133,633,000	-4,246,000	137,879,000
1143	NNT12580	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Phường Bạch Mai, Hà Nội	1,431,200,000	0	1,431,200,000	-4,113,000	1,435,313,000
1144	NNT20553	Vũ Thị Mai Lan	Phường Đồng Đa , Hà Nội	100,000,000	99,000,000	1,000,000	-4,000,000	5,000,000
1145	NNT11176	Phạm Thị Thu Trang	Phường Tây Hồ, Hà Nội	115,650,000	0	115,650,000	-3,906,000	119,556,000
1146	NNT00612	Đinh Thanh Hùng	Phường Hà Đông, Hà Nội	453,275,000	5,000,000	448,275,000	-3,827,740	452,102,740
1147	NNT14912	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Phường Định Công, Hà Nội	122,545,000	91,000,000	31,545,000	-3,750,000	35,295,000
1148	NNT16131	Trần Thị Tín	Phường Hà Đông, Hà Nội	317,460,000	0	317,460,000	-3,674,890	321,134,890

1149	NNT15215	Nguyễn Hải Yến	Xã Thanh Trì, Hà Nội	50,000,000	0	50,000,000	-3,397,455	53,397,455
1150	NNT16014	Chu Việt Cường	Phường Kim Liên, Hà Nội	50,000,000	30,000,000	20,000,000	-3,221,000	23,221,000
1151	NNT13065	Nguyễn Ánh Nguyệt	Phường Kim Liên, Hà Nội	104,712,000	60,000,000	44,712,000	-2,926,000	47,638,000
1152	NNT10872	Trần Thị Thu Phương	Phường Giảng Võ, Hà Nội	1,847,369,352	645,559,352	1,201,810,000	-2,783,000	1,204,593,000
1153	NNT13415	Phạm Thị Hương Lan	Phường Phương Liệt, Hà Nội	63,829,000	37,271,000	26,558,000	-2,756,000	29,314,000
1154	NNT00516	Phạm Thị Yến	Phường Ngọc Hà , Hà Nội	706,539,000	0	706,539,000	-2,629,500	709,168,500
1155	NNT15560	Nguyễn Ngọc Biên	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-2,559,330	102,559,330
1156	NNT00917	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phường Hoàn Kiếm ,Hà Nội	400,000,000	0	400,000,000	-2,258,000	402,258,000
1157	NNT14923	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-2,247,658	102,247,658
1158	NNT11110	Nguyễn Văn Hạ	Phường Bạch Mai, Hà Nội	91,781,323	0	91,781,323	-2,117,000	93,898,323
1159	NNT11088	Vũ Văn Hanh	Xã Tứ Kỳ, Hải Phòng	365,035,000	0	365,035,000	-2,077,000	367,112,000
1160	NNT11199	Nguyễn Biên Thùy	Phường Khương Đình, Hà Nội	70,000,000	0	70,000,000	-2,030,000	72,030,000
1161	NNT23185	Đinh Thị Thu	Phường Mộc Châu, Sơn La	20,000,000	17,896,600	2,103,400	-1,796,600	3,900,000
1162	NNT17441	Vũ Thị Tuyết Mai	Phường Phương Liệt, Hà Nội	124,485,000	0	124,485,000	-1,742,500	126,227,500
1163	NNT17712	Dương Thị Thuyền	Xã Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh	71,056,000	50,000,000	21,056,000	-1,650,000	22,706,000

1164	NNT21574	Ngô Doãn Thắng	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	89,925,000	0	89,925,000	-1,575,000	91,500,000
1165	NNT14147	Lê Trọng Thuận	Phường Khương Đình, Hà Nội	100,000,000	39,600,000	60,400,000	-1,542,000	61,942,000
1166	NNT16173	Trần Thị Thu Trang	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	52,910,000	0	52,910,000	-1,540,000	54,450,000
1167	NNT13516	Nguyễn Thị Lê Dung	Phường Sơn Tây, Hà Nội	67,833,000	0	67,833,000	-1,500,000	69,333,000
1168	NNT16531	Hoàng Diễm Châu	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	437,546,622	96,747,622	340,799,000	-938,622	341,737,622
1169	NNT11793	Nguyễn Đăng Tập	Xã Bình Lục, Tỉnh Ninh Bình	100,000,000	15,370,000	84,630,000	-914,000	85,544,000
1170	NNT11161	Hồ Thế Sưu	Phường Cầu Giấy	52,910,000	0	52,910,000	-727,000	53,637,000
1171	NNT18967	Phạm Thu Hà	Phường Ngọc Hà, Tp Hà Nội	104,712,000	80,000,000	24,712,000	-419,000	25,131,000
1172	NNT01580	Bạch Văn Lợi	Phường Hà Đông, Hà Nội	123,700,000	0	123,700,000	-94,690	123,794,690
1173	NNT22248	Nguyễn Đăng Khoa	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	379,962,000	349,600,000	30,362,000	-35,000	30,397,000
1174	NNT16305	Hoàng Thị Ngọc Anh	Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng	62,071,000	50,000,000	12,071,000	-380	12,071,380
1175	NNT20729	Triệu Thị Thu Hà	Phường Thanh Liệt, Hà Nội	104,166,700	104,166,000	700	-300	1,000
1176	NNT23812	Mai Thị Dung	Phường An Tường, Tuyên Quang	237,220,830	121,790,830	115,430,000	0	115,430,000
1177	NNT22872	Trần Ngọc Bích	317A, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	102,041,000	100,000,000	2,041,000	0	2,041,000
1178	NNT22214	Nguyễn Văn Mừng	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	79,763,000	0	79,763,000	0	79,763,000

1179	NNT21422	Vũ Thị Chiêu	Xã Bình Giang, Hải Phòng	51,813,000	50,000,000	1,813,000	0	1,813,000
1180	NNT22289	Trần Thu Hoa	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	175,491,000	0	175,491,000	0	175,491,000
1181	NNT20924	Phạm Thị Kim Dung	Xã Vạn An, Nghệ An	104,167,000	100,000,000	4,167,000	0	4,167,000
1182	NNT23067	Nguyễn Đức Thịnh	Phường Ba Đình, Hà Nội	74,289,000	0	74,289,000	0	74,289,000
1183	NNT23098	Ngô Thu Tinh	Phường Việt Hưng, Hà Nội	105,820,000	0	105,820,000	0	105,820,000
1184	NNT01020	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,000,000	0	100,000,000	-1,424,000	101,424,000
<u>1185</u>	NNT11241	Hồ Thị Quỳnh	Phường Đông Ngạc, Hà Nội	6,500,000,000	0	6,500,000,000	0	9,955,542,000
TỔNG				1,251,172,229,070	282,740,031,478	968,432,197,592	-697,412,965,484	1,679,558,582,076